Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên Quyển 4

印光 法 師文 鈔 參 編

卷 四

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

13. Bài tụng nhân lễ khai mạc Bảo Sơn Cư Sĩ Lâm

Như Lai đại pháp là nguồn các pháp, mảy trần chẳng lập, vạn đức vẹn toàn. Khắp cả thế gian và xuất thế gian, nhân quả, sự lý, không gì chẳng gồm! Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, mong thành thánh hiền, tâm địa ắt phải chẳng thẹn bóng áo[1], tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si. Tự lợi, lợi tha, cùng chứng Bồ Đề. Ví như dựng nhà, trước phải đắp nền; nền đã kiên cố, không gì chẳng thành. Do vậy học Phật, trước hết là phải giữ vẹn luân thường. Luân thường chẳng thiếu, mới hợp đạo chân. Chúng sanh đời Mạt nghiệp chướng sâu nặng, chỉ cậy tự lực, khó khỏi trầm luân. Như Lai xót thương, mở môn Tịnh Độ. Dùng chân tín nguyện, trì hồng danh Phật. Chúng sanh vận dụng lòng Thành cảm Phật; Phật vì từ bi, cảm ứng đạo giao, như gương hiện bóng. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Nếu được như thế, muôn người tu tập, muôn người vãng sanh. Từ đầu đến cuối, dốc cạn thành kính, đừng làm các ác, vâng làm các lành. Dạy xuông sẽ cãi, thân làm, người theo. Nhìn vào cảm hóa, lợi ích thật to. Bảo Sơn sáng lập Cư Sĩ pháp lâm, riêng viết đại nghĩa, phát khởi tín tâm. Một pháp Niệm Phật, nhiếp khắp các pháp, dường như hư không, chứa muôn hình tượng, thông đạt trọn hết. Nguyện người thấy nghe, đều cùng nức lòng, ngõ hầu kiếp vận, do đây tiêu diệt.

---

[1] Nguyên văn *"khâm ảnh vô tàm"*. Đây là một thành ngữ xuất phát từ một câu nói thuộc phần Lưu Tử trong quyển 2 sách Lưu Thư: *"Độc lập bất tàm ảnh, độc tẩm bất quý khâm"* (Đứng một mình chẳng thẹn với bóng, ngủ một mình chẳng thẹn với áo). Câu này ca ngợi con người quang minh lỗi lạc, dẫu trong những lúc chỉ có một mình vẫn không làm điều gì đáng thẹn với lương tâm.

Lòng người đã chuyển, thiên quyến[2] tự đến, thời vận hòa bình, mùa màng sung túc, hưởng mãi thái bình.

14. Ca tụng đức hạnh cao đẹp của Trình thái phu nhân mẹ ông Vương

Nghĩ tưởng Vương mẫu, túc căn thật sâu. Từ bé mẹ đã đỡ tốn công sức, giáo hóa uốn nắn, hiếu dưỡng song thân; lớn lên, lấy ông Vương, một niềm hiếu thuận, giúp chồng quán xuyến, trọn hết phận vợ. Ông Vương qua đời, nuôi dạy con cái, vừa từ, vừa nghiêm, mềm mỏng, cứng rắn, đều cùng rạng ngời. Con đã trưởng thành, cho đi học hỏi, phụng sự đất nước, mong noi tiên giác. Những năm gần đây, con là Bách Linh, thâm nhập Phật pháp, khuyên mẹ nhất tâm, tu trì Tịnh nghiệp. Tới lúc lâm chung, niệm Phật qua đời, chưa thấy tướng lành, Linh khá lo nghĩ, càng thêm tinh tấn.Trong khi quán Phật, tưởng nhớ tới mẹ, được thấy mặt mẹ, gần giống mặt Phật. Khi mẹ còn sống, mẹ con nương nhau, để cùng sống còn. Khi mẹ mất rồi, để khích lệ con, hiện bóng cho thấy. Tuyệt thay, Vương mẫu! Anh hiền khuê các! Nên viết đại lược, để lưu truyền mãi.

15. Bài tán dương đề trên hình ảnh tỳ-kheo-ni Tiên Đức

Từ khi vào Không Môn, lòng chỉ nghĩ đến Phật, trong suốt mười hai thời, niệm Phật chẳng gián đoạn. Niệm lâu ngày chầy tháng, tâm đã hợp với Phật, biết trước được lúc mất, đến kỳ, ngồi qua đời, nhằm lợi khắp nữ giới, nên viết bài tụng này. Nguyện cho người đời sau, giữ mãi hạnh đẹp ấy.

16. Bài tán dương đề trên hình cư sĩ Cao Hạc Niên

Người chê cư sĩ tánh quá thiên lệch, tôi khen sự thiên lệch ấy chính là Viên. Do Thiên nên chẳng màng gia sản, do Thiên nên hiểu sâu Giáo, Thiền. Do Thiên nên vân du các nơi danh thắng trong cả nước. Do Thiên nên tham học với khắp các bậc cao hiền trong Tông, trong Giáo. Do Thiên nên chuyên tu pháp đặc biệt là Tịnh Độ. Do Thiên nên kết Tịnh duyên với khắp những người cùng hàng. Do Thiên nên chẳng truyền dòng giống. Sửa nhà thành am để an trụ bậc trinh tiết, ngõ hầu họ được

[2] Thiên quyến: Quyến thuộc cõi trời, tức chư thiên.

trọn vẹn thiên tánh, nay đã sắp lìa đời ác Ngũ Trược, lên thẳng chín phẩm sen báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, qua hình vẽ của bạn già là Vương Nhất Đình, bèn viết lời chân thật để nêu tỏ duyên do của sự thiên lệch ấy *(Cuối Xuân năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)*

17. Nêu lên những điểm chánh yếu của sách Sức Chung Tân Lương

Lúc mạng sắp hết, Tứ Đại chia lìa, mọi khổ đều nhóm. Nếu chẳng phải từ lâu đã chứng tam-muội, thật sợ chẳng dễ gì đắc lực được! Huống chi quyến thuộc chẳng am hiểu lợi - hại, thường vì tình cảm thế tục mà phá hoại chánh niệm. Do vậy, Sức Chung Xã được thành lập. Sức Chung (飾 终) có nghĩa là giúp đỡ cho người sắp mất được vãng sanh. Ấy là vì đang trong lúc ấy, nếu hành nhân được phụ trợ bằng khai thị, hướng dẫn sẽ sanh tâm vui mừng, hoan hỷ, lòng tham ái chấm dứt, tai nghe danh hiệu Phật, tâm duyên theo cảnh Phật, sẽ tự có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như kẻ yếu hèn muốn lên núi cao, đằng trước có người lôi, sau lưng có kẻ đẩy, hai bên có người xốc nách dìu đi, sẽ tự chẳng đến nỗi bỏ cuộc giữa chừng. Dẫu cho kẻ lúc bình thường trọn chẳng hề nghe đến Phật pháp, lâm chung được thiện tri thức chỉ dạy liền sanh tín tâm. Lại được trợ niệm Phật hiệu khiến cho người ấy theo tiếng niệm của đại chúng mà niệm ra tiếng hoặc niệm thầm trong tâm. Nếu được trợ niệm đúng pháp, không có hết thảy những chuyện phá hoại chánh niệm thì cũng có thể vãng sanh. Do Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, do pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, do chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, nên được lợi ích thù thắng ấy. Nguyện những ai làm con làm cháu và các quyến thuộc cùng hàng phụ mẫu v.v… đều biết nghĩa này, cùng hành theo đó thì mới gọi là chân từ, hiếu thảo với cha mẹ, thương yêu người thân vậy.

18. Đề từ cho cuốn Nghi Thức Niệm Tụng Của Linh Nham Sơn Tự

Hết thảy kinh Phật và các sách xiển dương Phật pháp, không một loại nào chẳng nhằm làm cho con người lánh dữ, hướng lành, sửa lỗi, hướng thiện, nêu rõ nhân quả ba đời, hiểu rõ Phật tánh sẵn có, vượt khỏi biển khổ sanh tử, sanh lên cõi sen Cực Lạc. Người đọc hãy nên sanh tâm cảm ân, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, tay sạch, bàn sạch, giữ lòng kính, gìn lòng Thành, như đối trước Phật, trời, như đến trước mặt các quan dạy

bảo đế vương[3] thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu phóng túng không kiêng dè, mặc tình khinh nhờn, và cố chấp, thấy biết hẹp hòi, lầm lạc sanh lòng hủy báng, tội lỗi sẽ ngập trời, khổ báo vô tận. Kính khuyên người đời, hãy lánh xa tội, cầu lợi ích, lìa khổ được vui vậy!

19. Đề từ cho sách A Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích

A Di Đà Kinh chính là đạo để hết thảy thánh - phàm cùng tu, cũng là pháp để quyết định liễu thoát ngay trong đời này. Kinh văn tuy rõ ràng, giản lược, nghĩa cực rộng sâu. Cổ đức muốn cho ai nấy đều tu tập, nên xếp kinh này vào khóa tụng hằng ngày. Thường có những thiện tín bình dân chẳng thấu hiểu văn lý sâu xa, tuy đọc các trước thuật của cổ đức vẫn chẳng biết nghĩa lý y như cũ. Cư sĩ Hoàng Hàm Chi muốn cho hết thảy mọi người cùng được gội ân Phật, đều được hưởng lợi ích thật sự, liền dùng thể văn Bạch Thoại để viết lời giải thích ngõ hầu những kẻ hơi biết chữ đều được hiểu rõ ràng. Lần đầu in một ngàn bộ, không lâu sau, thư gởi đến xin thỉnh hết sạch, bèn tính cách lưu truyền rộng rãi, rút nhỏ khổ sách lại. Những người cùng chí hướng bỏ tiền in tới hai vạn cuốn để mong cho những học nhân sơ cơ tu trì Tịnh nghiệp đều cùng được thọ trì. Mong rằng những ai có được bản chú giải này sẽ cung kính tu tập, xoay vần lưu thông, khiến cho khắp mọi đồng nhân đều được thọ trì. Đem công đức này giúp cho Tịnh nghiệp thì khi hết báo thân này sẽ lên thẳng chín phẩm, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn, sự vui sướng ấy làm sao diễn tả được?

Các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Thể, đế lý được nói trong các kinh ấy trọn chẳng hơn - kém. Nếu luận về cơ nghi thì trong sự không hơn - kém, lại có sự hơn - kém lớn lao! Bởi lẽ, đối với các pháp môn được nói trong hết thảy các kinh đều phải tự lực tu tập cho đến khi nào đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có phần liễu sanh tử; còn pháp môn được nói trong ba kinh Tịnh Độ chính là phàm phu sát đất dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, kiêm thêm *"đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành"*. Tuy đầy dẫy Hoặc nghiệp, vẫn có thể cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Đấy chính là điều

[3] Nguyên văn *"như lâm sư bảo"* (như đến trước các quan dạy dỗ, cố vấn của nhà vua). "Sư bảo" (師保) là từ ngữ phiếm chỉ các quan đại thần giữ nhiệm vụ dạy dỗ hoàng tộc, cố vấn nhà vua như Thái Sư, Thái Bảo, Thiếu Sư, Thiếu Bảo v.v… Về sau, từ ngữ *"sư bảo"* cũng thường được dùng để chỉ thầy dạy học.

chưa từng có trong hết thảy các kinh, chính là đại pháp môn của đức Như Lai nhằm làm cho khắp hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng thoát khỏi luân hồi lục đạo ngay trong đời này. Nhưng kinh A Di Đà lời văn giản lược, nghĩa lý phong phú, thấu triệt khắp mọi căn cơ, lợi ích của kinh hết kiếp khó thể tuyên nói được! Vì vậy, kể từ khi đức Phật nói ra pháp này đến nay, vãng thánh tiền hiền người người đều hướng về, ngàn kinh muôn luận chốn chốn chỉ quy. Kẻ có duyên gặp được xin đừng bỏ lỡ thì may mắn lắm thay!

20. Đề từ cho sách Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, tùy loại hiện thân tầm thanh cứu khổ. Người đời hễ gặp phải tật bệnh, hoạn nạn, nếu có thể vận tâm sửa lỗi, hướng lành, cung kính, chí thành, thường niệm danh hiệu Bồ Tát, không ai chẳng được Ngài rủ lòng gia bị tùy theo lòng Thành lớn hay nhỏ. Nhỏ là gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên; lớn là nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước tăng, cho đến siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Đáng tiếc người đời phần nhiều chẳng biết! Vì thế, riêng đọc khắp các kinh điển và các sách vở, soạn thành tụng văn, thêm lời chú thích tường tận, ngõ hầu cả cõi đời đều biết Bồ Tát quả thật là thuốc men cho bệnh ngặt, là gạo thóc trong năm đói kém, là người dẫn đường nơi nẻo hiểm, là bè báu nơi bến mê. Kính mong những ai thấy nghe sách này đều cùng tùy sức của chính mình, lần lượt khuyên chỉ, in tặng, lưu thông, khiến cho hết thảy đồng luân đều được gội từ ân của Phật, cùng thấm nhuần pháp hóa, ngõ hầu an ủi bi tâm độ sanh của Bồ Tát, thỏa mãn chí nguyện cảm thánh của đương nhân vậy!

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo dường hư không. Nếu nói thiển cận thì phàm phu đều có thể biết, có thể hành. Nếu nói sâu xa thì thánh nhân vẫn có những điều chẳng biết! Những kẻ thông minh trong thế gian nếu có hàm dưỡng, từng trải thì sẽ nhập đạo. Nếu không, ắt sẽ do trí huệ nhỏ nhoi mà tự phụ đến nỗi lầm lạc cậy vào sự hiểu biết của chính mình rồi hủy báng Phật pháp. Vì thế, đức Phật xếp Thế Trí Biện Thông vào tám nạn. Điều này đáng răn dè sâu đậm, thiết thực! Căn bệnh ấy chính là do dùng tri kiến của phàm phu để suy lường cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Nếu biết phàm phu quyết chẳng thể suy lường cảnh giới của Phật, Bồ Tát thì sẽ ngưng dứt được căn bệnh ấy. Đừng nói cảnh giới của Phật, Bồ Tát chẳng thể suy lường được, đối với chủ nhân ông của khởi tâm động niệm, kẻ ấy từ sống đến chết há có biết được, có nhìn

thấy chút nào hay chăng? Nếu đích thân biết được, thấy được chủ nhân ông của khởi tâm động niệm nơi chính mình thì sẽ dần dần biết được cảnh giới của Phật, Bồ Tát.

Những kẻ trí huệ nhỏ nhoi mà cứ tự phụ ví như kẻ mù chẳng thấy được mặt trời, bèn bảo: "Chẳng có mặt trời!" Lũ mù nghe vậy, khen ngợi kẻ ấy: "Kiến thức cao siêu, đích xác, không sai lầm", chẳng biết đấy chính là tà thuyết tự lầm, lầm người! Há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Vì thế, phàm những bậc đại thông gia lỗi lạc xưa nay, không ai chẳng dùng Phật pháp để làm cái gốc nhằm "cùng lý, tận tánh" hòng giữ yên cõi đời, giữ cho dân lương thiện. Những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, nêu tỏ được những lẽ mầu nhiệm chưa truyền của thánh hiền, đấy đều là do học Phật đắc lực mà được; nhưng kẻ tự phụ thông minh đâu có biết như thế! Kẻ bệnh biết thuốc, lãng tử là khách đáng thương, khôn ngăn cảm khái, buồn than, giãi tấm lòng trung để thưa bày. Nếu rủ lòng tiếp nhận thì may mắn lắm thay!

Hết thảy kinh Phật và những kinh sách xiển dương Phật pháp đều nhằm làm cho con người giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, sửa lỗi hướng lành, hiểu rõ nhân quả ba đời, nhận biết Phật tánh vốn sẵn có, thoát biển khổ sanh tử, sanh lên cõi tịnh Cực Lạc. Vì thế, phải vô cùng cung kính, chớ nên khinh nhờn! Sách này trình bày cặn kẽ Bổn và Tích của đức Quán Âm trong những kiếp xưa, cũng như sự cảm ứng ở phương này. Phân nửa quyển một phần nhiều trích dẫn kinh văn, trọn quyển bốn là những đoạn trích dẫn từ kinh điển. Những quyển khác tuy gồm những trích dẫn từ các sách vở, nhưng đều nhằm chỉ rõ chuyện cứu khổ ban vui của đức Quán Âm thì cũng giống như kinh. Do ân từ đức thánh ban bố cho nên nói: "Phải tôn kính như tôn kính đức thánh vậy!" Người đọc ắt phải sanh lòng cảm ơn, sanh ý tưởng khó được gặp gỡ, tay sạch, bàn sạch, giữ lòng kính, gìn lòng thành, như đối trước Phật, trời, như tới trước mặt thầy dạy của đế vương thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu buông lung không e dè, mặc sức khinh nhờn và cố chấp nơi sự thấy biết hẹp hòi của chính mình rồi sanh lòng hủy báng xằng bậy thì tội lỗi ngập trời, khổ báo vô tận. Ví như kẻ mù đụng phải núi báu, đâm ra bị thương tổn, chẳng đáng buồn sao?

*** Kính cẩn trình bày phương pháp xem đọc dành cho những vị chưa từng nghiên cứu Phật học**

Ba quyển đầu trong bộ tụng văn này được chia làm hai phần lớn:

1) Từ trang thứ nhất của quyển Một cho đến dòng thứ sáu của trang hai mươi lăm [trong quyển Một] đều là những bài ca tụng các chuyện thuộc Bổn hay Tích của Bồ Tát trong kiếp xưa trích theo kinh điển.

2) Tiếp theo đó đều là những bài kệ tụng về sự tùy cơ cảm ứng của Bồ Tát ở phương này (tức cõi Sa Bà nói chung và Trung Hoa nói riêng – chú thích của người dịch).

Nếu những vị nào chưa từng nghiên cứu Phật Học thì khi xem, hãy nên đọc trước từ dòng thứ bảy trang hai mươi lăm của quyển thứ nhất trở đi cho đến hết quyển thứ ba. Rồi đọc những phần dẫn kinh văn để chứng minh trong quyển thứ tư. Đọc phần kinh văn dẫn chứng xong, lại xem từ trang thứ nhất của quyển Một thì sẽ chẳng cảm thấy khó hiểu, chẳng nẩy sanh ý tưởng không muốn đọc cho hết, chắc chắn sẽ hớn hở, hoan hỷ, sanh lòng cảm kích lớn lao. Đối với những điều người đời trước đã may mắn tránh được thì chính mình cũng muốn tránh. Phàm những gì người xưa đã may mắn đạt được thì chính mình cũng muốn đạt được. Bỏ cái tâm chấp trước của phàm phu, thuận theo hoằng nguyện của Bồ Tát, tự xót, xót người, tự thương, thương người. Từ đấy thường niệm thánh hiệu của Bồ Tát, lại còn khuyên khắp hết thảy những người cùng hàng [đều niệm danh hiệu Bồ Tát] để ắt đều tiêu trừ nghiệp chướng từ vô thủy, tăng trưởng thiện căn tối thắng, gần là hưởng cái nhân "các duyên thuận thảo, không điều gì chẳng tốt lành", xa là đạt cái quả "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử".

*** Kính khuyên các độc giả phải chú trọng chí thành cung kính để tự đạt được lợi ích thật sự**

Pháp thế gian hay xuất thế gian đều lấy lòng Thành làm gốc. Hễ có lòng Thành thì sẽ cảm được thánh ứng; không có lòng Thành thì do không cảm, thánh sẽ không ứng. Ví như mặt trăng rạng rỡ giữa bầu trời, hiện bóng trong muôn sông. Nếu nước đục ngầu, xao động, bóng trăng khó thể hiển hiện được. Do nước gây nên như thế, đâu phải lỗi của trăng! Vì thế nói: *"Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, ắt phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính, tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước huệ"*. Nếu không cung kính thì chỉ kết được cái duyên xa, khó được lợi ích thật sự. Nếu lại còn khinh nhờn sẽ mắc tội vô lượng.

Hơn nữa, những bài tụng và lời chú giải trong các trang mười sáu, mười bảy, mười tám của quyển Ba nhằm dẫn khởi trí huệ, chứa đựng nhiều Thiền cơ. Những câu nói ấy chỉ có người thật sự có sở ngộ mới hiểu được ý chỉ, chớ nên dò đoán, tìm tòi ý nghĩa dựa theo câu văn! Dẫu cho sẵn tánh thông minh, hễ càng suy lường thì càng xa. Lời lẽ trong nhà Thiền đều là như thế. Nếu có thể chú trọng lòng kính, giữ lòng Thành, chấp trì thánh hiệu của Bồ Tát thì mai kia nghiệp tiêu trí rạng, tất cả những lời lẽ Thiền cơ sẽ đều hiểu rõ từng câu như *"mở cửa thấy núi, vẹt mây thấy mặt trăng"* vậy!

21. Đề từ cho An Sĩ Toàn Thư
* Đọc sách cần biết

Trong sách này, phàm tân truyền[4] của Khổng - Mạnh, đạo mạch của Phật, Tổ, cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, liễu sanh thoát tử và những lời ăn tiếng nói, xử sự trong thường ngày, khởi tâm động niệm, mỗi mỗi đều chỉ rõ, đáng làm khuôn mẫu. Thật có thể nói là "mượn nhân quả thế gian để chỉ rõ khuôn mẫu huyền nhiệm hòng trở thành thánh", quả thật là đạo mầu để Như Lai tùy theo căn cơ độ sanh, là chân thuyên[5] để chúng sanh lìa khổ được vui. Độc giả hãy nên coi sách này giống hệt như kinh Phật, hãy giữ lòng kính nể, đừng khinh nhờn thì không phước nào chẳng đưa tới, không tai nạn nào chẳng tiêu! Kính thưa trình cách đọc gồm mười điều, mong hãy xét cho lòng ngu thành.

1) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm cung kính như gặp vị khách quý, như đối trước bậc tiên triết, ngõ hầu luôn luôn ngộ nhập được dụng ý sâu xa của tác giả.

2) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm chí thành, thốt lời khẩn thiết, khen ngợi ông Châu An Sĩ vận tâm cứu thế rộng lớn để soạn thành kiệt tác cứu thế này và vui mừng mình đã hữu duyên được đọc.

---

[4] "Tân truyền" là cách nói gọn của chữ "tân tận hỏa truyền" (củi hết nhưng lửa còn) thường được để chỉ đạo lý, học thuyết được truyền thừa chân thực giữa thầy và trò như củi đốt hết lớp này sang lớp khác, ngọn lửa vẫn còn mãi.

[5] Theo Câu Xá Tụng Sớ, quyển 1 cũng như Tông Kính Lục quyển 26, Thuyên (詮) có nghĩa là rõ ràng. Những lời lẽ giảng giải chân lý rõ ràng rành mạch được gọi là "chân thuyên" (眞詮).

3) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên rửa tay, súc miệng, đặt sách trên bàn sạch trong gian phòng sạch sẽ rồi mới mở ra xem.

4) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết chỉnh đốn quần áo, ngồi ngay ngắn một lát, sám hối hết thảy những ác niệm, ác ngữ, ác hạnh như ganh ghét, khinh mạn, kiêu cuồng v.v…

5) Lúc đọc tụng, hễ ngộ nhập được một câu một chữ, đều nên khởi lòng hoan hỷ lớn lao và tùy thời ghi chép những điều tâm đắc, đừng bỏ mặc cho quên mất!

6) Lúc đọc tụng, hãy nên nghĩ rộng rãi về ý nghĩa, thoạt đầu là dùng sách để nhiếp tâm, tiếp đó dùng tâm để chuyển nghiệp, cuối cùng tiến tới tâm niệm không ngừng nghỉ thực hành, khuyên dạy rộng rãi để chuyển thế giới Ngũ Trược thành thế giới Cực Lạc.

7) Lúc tâm khởi vọng niệm, hãy nên cung kính đặt sách xuống, tạm ngừng đọc.

8) Đọc xong hoan hỷ, theo đúng pháp vâng làm, hãy nên thường khởi lòng hâm mộ tâm hoằng pháp của ông Châu, tận lực bắt chước làm theo.

9) Đọc hết bộ sách xong, hãy nên nghĩ kỹ rộng rãi xu hướng trong xã hội hiện tại để nhiếp hóa rộng lớn, ngõ hầu điều lành được lưu truyền.

10) Đọc hết bộ sách xong, thấy được những chỗ có thể tuyên thuyết phù hợp căn cơ liền vì người không biết chữ mà phương tiện diễn nói rộng rãi để tạo lợi ích lớn lao.

*** Lời ghi sau sách [An Sĩ Toàn Thư]**

Sách này mượn từ ngữ để xiển dương ý nghĩa, tinh tường, tỉ mỉ trọn vẹn. Đối với cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, cùng lý, tận tánh, xử thế, xuất thế, đều tạo lợi ích lớn lao, đáng coi là bộ sách lạ lùng vãn hồi thế đạo nhân tâm bậc nhất. Độc giả cần phải chú trọng cung kính, kiền thành, khiết tịnh, lắng lòng suy nghĩ lãnh hội thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu như khinh nhờn, sẽ mắc tội chẳng cạn. Nếu chẳng muốn xem, xin hãy tặng lại cho người khác, đừng cất trên gác cao. Lại mong [độc giả xem xong sẽ] lập đủ mọi cách để xoay vần lưu truyền ngõ hầu hết thảy đồng bào trong hiện tại lẫn vị lai đều cùng thoát khỏi đường mê, đều cùng lên bờ giác.

22. Đề từ cho bản nghiên cứu “người học Phật có nên ăn thịt hay chăng?”

Rền sấm pháp lớn, diễn đại pháp nghĩa, phá chấp, cứu kiếp, lợi ích khôn ngằn.

23. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ nhất)

Nhân quả báo ứng là phương tiện lớn lao để thánh nhân Nho - Thích bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Giáo dục trong gia đình chính là thiên chức "củng cố cội gốc, trọn hết bổn phận, vun bồi hiền tài" của hàng thất phu thất phụ. Tín nguyện niệm Phật là diệu pháp để phàm phu đầy dẫy triền phược liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Sách này văn tuy chất phác, vụng về, nhưng nghĩa thật thiết yếu; tựa hồ chỉ để nói riêng với người tu Tịnh Độ, nhưng thật ra ngụ ý đề xướng đạo "nhân quả, báo ứng, giáo dục trong gia đình". Mong những ai có được bộ sách này hãy nên thường giảng nói, hướng dẫn cha mẹ, anh em, vợ con, xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu để bọn họ đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, may mắn chi hơn? Nguyện những ai đọc tụng hãy cung kính tin nhận, đừng nên khinh nhờn, hãy lần lượt lưu thông, đừng nên bỏ mặc. Sẽ thấy hiền tài dấy lên đông đảo, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đấy chính là điều Bất Huệ thơm thảo cầu mong vậy!

24. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ hai)

Pháp môn Tịnh Độ đế lý rất sâu, chỉ có Phật với Phật mới thấu hiểu trọn hết. Bởi lẽ pháp này Đại - Tiểu bất nhị, Quyền - Thật như một; vì thế trên từ Đẳng Giác Bồ Tát dưới đến phàm phu nghịch ác đều nên tu trì, đều có thể tu tập thành tựu. Chúng sanh đời Mạt thiện căn cạn mỏng, nếu chẳng nương vào Phật lực sẽ trông cậy vào đâu? Nếu vâng tin lời Phật, sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn đừng làm các điều ác, vâng làm những điều lành, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Nếu làm được như thế thì trong vạn người không một ai chẳng được vãng sanh! Kinh luận Tịnh Độ văn nghĩa rõ ràng, cách tu trì của Tịnh Độ tùy cơ tự lập. Đã không phải lo có những chỗ sâu mầu khôn lường, mà cũng chẳng phiền vì gian nan, khốn khổ. Lại còn chẳng tốn kém tiền tài, hơi sức, chẳng trở

ngại nghề nghiệp, làm ăn. Nếu có thể tùy phần, tùy sức, thường luôn nghĩ nhớ thì thần ngưng, ý tịnh, nghiệp tiêu, trí rạng, tự nhiên thân tâm an lạc, các duyên thuận lợi, niềm vui ấy làm sao diễn tả được! Nguyện người thấy kẻ nghe đều cùng tu trì, ai nấy đều ôm lòng tự lợi, lợi tha, cùng phát nguyện tự lập, lập người, cung kính thọ trì, tùy duyên xướng suất, hướng dẫn, xoay vần lưu thông, khiến cho được trọn khắp cõi nước ngõ hầu hết thảy đồng luân đều cùng được gội ân Phật, cùng sanh Tịnh Độ thì thật là điều may mắn lớn lao!

25. Đề từ cho sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Kinh Thư chép: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng"* (Thuận theo lẽ trời sẽ dẫn đến điều tốt, trái nghịch sẽ hung hiểm, giống như bóng theo hình). Lại nói: *"Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương"* (Làm lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm điều chẳng lành thì trăm nỗi tai ương giáng xuống). Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện thì niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện tai ương có thừa). Đấy đều là những lời nói về nhân quả. Còn như trong Phật pháp thì lại càng rõ rệt hơn nữa! Trước là nói đến tận quá khứ, sau là chỉ rõ vị lai. Muốn biết cái nhân trong đời trước thì những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó đấy. Muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy. Hiểu rõ điều này thì thiện - ác báo ứng chẳng sai lệch hào ly. Cát, hung, họa, phước đều do [chính mình] chiêu cảm. Con người dẫu chí ngu, quyết cũng chẳng đến nỗi vui mừng vì gặp tai họa, tránh lành, hướng dữ! Tiếc là không có những tấm gương tầy liếp, đến nỗi con người thường làm những chuyện trái ngược với điều mình mong cầu! Đấy chính là lý do tại sao những bậc quân tử có lòng lo cho cõi đời coi chuyện miệt mài lưu truyền sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng là nhiệm vụ gấp rút vậy!

26. Đề từ cho sách Âm Chất Văn Đồ Chứng

Đời đã loạn đến cùng cực, ai nấy đều mong bình trị, nhưng chẳng tìm ra đạo để đạt đến bình trị, chỉ mong mỏi xuông thì rốt cuộc có ích gì đâu? Do vậy, phải nên đề xướng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng. Giáo dục trong gia đình phải khởi đầu khi con cái đang còn thơ ấu,

ngõ hầu chúng nó biết tường tận "hiền từ, hiếu thảo, nhường nhịn, cung kính, hòa thuận, nhân từ, trung thực" chính là thiên chức của kẻ làm con, làm anh em, làm chồng vợ, làm chủ, làm tớ. Từ đấy, ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình để mong đấng sanh ra ta chẳng bị hổ thẹn, để làm kẻ hiền thiện. Lại còn tuyên nói nhân quả báo ứng ngõ hầu có pháp tắc để chế ngự cái tâm, chẳng đến nỗi vượt lý, phạm phận thì những ý niệm tự tư tự lợi xấu ác tự bị tiêu trừ, thiện tâm vì người vì vật sẽ tự nẩy sanh. Như thế thì chuyện tranh giành, đánh phá lẫn nhau sẽ bị diệt mất, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Bởi thế, cùng với những người có cùng một chí hướng lưu thông sách này ngõ hầu người đọc sách sẽ thọ trì làm theo, xoay vần lưu truyền thì may mắn lắm thay!

27. Đề từ cho bản in gộp chung tác phẩm Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu và bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh của Liên Trì đại sư

Ông Hoàng Sơn Cốc nói:
Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Nguyên đồng nhất chủng tánh,
Chỉ thị biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vị ngã nhu,
Mạc giao Diêm lão đoán,
Tự sủy, ứng hà như?
(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Tên khác, thể chẳng khác,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ là khác hình hài.
Khổ não chúng cam chịu,
Ngọt bùi ta hưởng riêng.
Chẳng đợi Diêm vương xử,
Tự suy ắt biết mà!)

Nguyện Vân thiền sư có bài kệ như sau:

Thiên bách niên lai oản lý canh,
Oán thâm như hải, hận nan bình,
Dục tri thế thượng đao binh kiếp,
Đản thính đồ môn dạ bán thanh.
(Trăm ngàn năm qua trong bát canh,
Oán sâu tự biển, hận khôn bình;
Muốn biết đao binh trên cõi thế,
Lắng nghe lò mổ giữa đêm thanh)

Từ Thọ thiền sư nói:
Ẩm thực ư nhân nhật nguyệt trường,
Tinh thô tùy phận tắc cơ thương,
Hạ hầu tam thốn thành hà vật?
Bất dụng tương tâm tế giảo lượng.
(Đời người ăn uống bao niên,
Dở, ngon tùy phận khỏi phen đói lòng,
Nuốt qua cổ họng là xong,
Tính toan tỉ mỉ nhọc lòng làm chi?)

Những vật nuôi dưỡng con người trong thế gian kể sao cho xuể, nấu nướng, nêm nếm đúng cách, vị đều ngon lành. Há nên vì bụng miệng ta mà giết hại sanh mạng đến nỗi đời đời kiếp kiếp sát hại lẫn nhau trọn chẳng có khi nào dứt, chẳng đáng buồn sao? Vì thế, lưu truyền sách này để mong vãn hồi sát kiếp. Nguyện người thấy nghe đều cùng tin nhận thì may mắn lắm thay!

28. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ nhất)

Không một ai chẳng muốn chính mình và con cháu đều trường thọ, yên vui. Nếu đối với chuyện sắc dục chẳng biết kiêng dè, thận trọng, sẽ gặt lấy hậu quả trái ngược, thật đáng đau thương! Vì thế, Khổng Tử nói: *"Thiếu chi thời huyết khí vị định, giới chi tại sắc"* (Lúc niên thiếu khí huyết chưa định, phải kiêng dè nơi sắc dục). Mạnh Tử nói: "*Dưỡng tâm giả, mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ. Kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn yên giả, quả hỹ"* (Dưỡng tâm

thì không gì hay bằng ít ham muốn. Ai làm người mà ít ham muốn, tuy tâm người ấy có những điều không hợp đạo nghĩa, nhưng những điều ấy cũng ít. Ai làm người có lắm ham muốn, tâm dù có giữ được đạo nghĩa thì đạo nghĩa ấy cũng chẳng được mấy[6]). Do vậy nói rằng: *"Sự sống chết tồn vong của con người tùy thuộc quá nửa nơi con người có ít ham muốn sắc dục hay không?"*

Bất Huệ trọn chẳng có sức cứu đời, nhưng lòng mong duy trì tuổi thọ cho người đời. Do vậy, bèn tu chỉnh, bổ sung cuốn sách này để ấn hành, lưu truyền, nhằm mong những ai biết yêu thương chính mình và con cháu hễ có được cuốn sách này đều đọc kỹ càng thì quan hệ lợi - hại sẽ rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa. Trong là răn nhắc con cháu, ngoài là răn nhắc những kẻ cùng hàng. Lại mong xoay vần lưu thông để truyền khắp vũ trụ ngõ hầu hết thảy mọi người cùng hàng đều được sống lâu, mạnh khỏe, đấy chính lời cầu chúc thơm thảo vậy!

29. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ hai)

Con người từ sắc dục mà sanh, nên tập khí này đặc biệt sâu đậm. Hễ không kiêng dè cẩn thận, phần nhiều sẽ chết vì sắc dục! Các bậc thánh vương thời cổ vì yêu thương dân nên đối với chuyện vợ chồng ân ái chẳng tiếc công sai quan truyền lệnh dùng linh gỗ đi khắp nẻo đường[7], ngõ hầu người dân khỏi phải lo sầu vì bị mất mạng. Lòng từ ái thật khôn xiết! Cho đến đời sau, chẳng những chánh lệnh nước nhà chẳng thèm nhắc đến, ngay cả cha mẹ cũng chẳng bảo ban con cái, đến nỗi đại đa số thiếu niên lầm lạc mất mạng, đáng buồn quá sức!

Bất Huệ sống trên cõi đời mấy chục năm, thấy nghe khá nhiều, khôn ngăn bi thương! Do vậy quyên mộ in cuốn sách này để mong những người cùng hàng đều được sống lâu, mạnh khỏe. Mong sao những người có được cuốn sách này ai nấy đều đọc kỹ, xoay vần lưu thông, đừng để

---

[6] Câu nói này được trích từ thiên Tận Tâm hạ của sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu nói này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải của Thường Nhiệt Châu và Lân Công Chấn (Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội xuất bản tại Đài Loan năm 2003)

[7] Trong thiên Nguyệt Lệnh sách Lễ Ký có chép: *"Quý Xuân, tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc, tuần vu đạo lộ, viết: - Lôi tương phát thanh, hữu bất giới kỳ dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Cuối Xuân, trước khi sấm động ba ngày, viên quan truyền lệnh liền khua linh gỗ, đi khắp các nẻo đường truyền lệnh: *'Sắp có sấm động, kẻ nào chẳng kiêng ăn nằm thì sanh con chẳng toàn vẹn, ắt sẽ bị tai nạn hung hiểm'*).

phí tâm tư, tiền tài mà trọn chẳng được mảy may lợi ích thật sự nào thì may mắn lắm thay!

30. Đề từ cho sách Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong

Đáng than thay! Người đời phần nhiều tưởng mình là trí, nhưng đối với chân diện mục của chính mình còn chưa biết được danh tự, huống hồ những chuyện thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, đời trước, đời sau! Bậc cổ thánh nhân của Nho giáo chú trọng nơi xử thế nên đối với đạo lý sâu xa này chỉ nêu đại lược những nét chánh yếu. Nho sĩ chẳng suy xét sâu xa, liền bảo không có nghĩa ấy! Phật đã dạy rõ ràng rộng rãi như đuốc huệ trong đêm dài, phàm những ai có túc căn đều cùng quy hướng. Nhưng bọn Lý Học muốn ngăn trở bước tiến [của hậu học], đặc biệt cực lực bài xích để mong ngăn chặn hết thảy mọi người, chẳng biết người có căn tánh lớn lao quyết chẳng bị bọn chúng khống chế. Đáng than thay! Những kẻ tầm thường cứ lầm tưởng [những lời lẽ xằng bậy của bọn Lý Học] là chánh đáng, chí lý; do đấy, đả phá sự lý nhân quả và luân hồi, cho rằng con người chết đi vĩnh viễn diệt mất, không có thần trí! Do vậy, những kẻ làm ác có lý do lớn lao để lấp liếm [ác tâm, ác hạnh], cho đến ngày nay rối loạn cùng cực không cách gì chữa trị được!

May mà còn có đủ mọi chuyện thể hiện bản lãnh của bậc đại tâm. Ông La sao lục, sưu tập những chuyện ấy để cống hiến cho đời hiện tại và vị lai. Vì thế, đặc biệt ấn hành để mong lưu truyền rộng rãi. Nguyện những ai thấy nghe đều biết chánh ý của Nho và Thích, lần lượt lưu truyền trọn khắp trong đời hiện tại lẫn vị lai, ngõ hầu đạo Nho được tỏa rạng mà đạo Phật cũng chẳng suy vi, nhân dân được yên vui, giữ đạo một cách dễ dàng, sống là học trò của thánh hiền, chết sẽ lên cõi Cực Lạc, xoay chuyển thói tục bạc ác, cùng vun giữ lòng nhân từ, khoan dung. Một lòng khăng khăng như thế chắc những bậc trí sẽ nể tình chẳng vứt bỏ vậy!

31. Đề từ cho bộ Dương Phục Trai[8] Thi Kệ Tục Tập

Mười mấy năm qua, cư sĩ Dịch Viên chuyên tu Tịnh nghiệp, là bậc hướng dẫn tốt lành trong một làng. Hễ gặp cảnh, chạm duyên, liền tùy cơ thù tiếp, thường dùng thi ca, thường khiến cho người khác được mở rộng

[8] Dương Phục Trai là tên thư phòng của Giang Dịch Viên.

tâm mục đều phát tín tâm. Năm ngoái, ông ta đã từng lo liệu ấn hành. Năm nay lại có một cuốn Tục Tập, lại muốn ấn tống, gởi cho Quang duyệt, khôn ngăn hoan hỷ, cảm thán tột bậc. Tiếc cho Quang tinh thần lẫn mục lực chẳng đủ, chẳng thể giảo đối thay cho ông ta được, không lúc nào chẳng nuối tiếc, bèn viết dăm lời quê mùa để tỏ tấm lòng tôi.

Thơ của Dịch Viên đúng là lời, phụ nữ, trẻ con nghe kinh ngạc, dung nhiếp ý Phật lẫn ý Tổ, quan trọng nhất là sanh cõi Tịnh! Thơ của Dịch Viên đúng là vẽ. Tâm cảnh, tánh địa phô cặn kẽ. Độ ách khiến cho Ngũ Uẩn không, quy mạng Nguyện Vương khuyên kính lễ. Thơ của Dịch Viên đúng là quẻ. Họa, phước, cát, hung phô rành rành, khiến thoát trọn vẹn cửa ải họa, phước! Tịnh niệm tiếp nối cầu về Tây. Nếu ai thường đọc thơ Dịch Viên, thân - khẩu - ý đều không tỳ vết. Khi sống trọn thành bậc thánh hiền, lâm chung chắc về ao bảy báu. Tôi: Sư tầm thường, rành cơm cháo, trừ niệm Phật, trăm sự bất tài, nguyện các hiền triết khắp pháp giới, đều kết bạn lành nơi hải hội.

32. Đề từ cho bài tường thuật đại lược hành trạng ông Quách Tử Cố và người phối ngẫu đức hạnh là bà Phùng Nhụ Nhân[9] ở huyện Định Tây, tỉnh Cam Túc

Làm phận con nên lấy đạo "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử" để khuyên cha mẹ, khiến cho ngay trong đời này, cha mẹ được cao dự Liên Trì hải hội, thân cận Di Đà Thế Tôn, cùng có thọ lượng, quang minh giống như Di Đà Thế Tôn. Hiếu như vậy mới là chân hiếu! Còn truyền bá hành trạng của cha mẹ tuy là một trong những hạnh hiếu, nhưng tự hành, dạy người, làm cho khắp những ai thấy nghe đều cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh Độ, cùng chứng Vô Sanh, cho đến cùng thành giác đạo chẳng phải là tốt hơn hay chăng? Vợ chồng ông Quách tận lực phụng dưỡng, chôn cất, dẫu xét theo lòng hiếu thế tục cũng

---

[9] Thoạt đầu, Nhụ Nhân (孺人) là danh xưng để gọi vợ các quan đại phu (thiên Khúc Lễ sách Lễ Ký ghi: *"Phi tần của thiên tử gọi là Hậu, vợ của chư hầu gọi là Phu Nhân, vợ của đại phu gọi là Nhụ Nhân. Vợ của quan lại cấp nhỏ gọi là Phụ Nhân, vợ của dân thường gọi là Thê").* Thời Đường, danh từ này chỉ dành riêng để gọi vợ các vị có tước vương, đến đời Tống lại dùng để gọi chung mẹ hoặc vợ các quan. Đến thời Thanh, chỉ vợ hoặc mẹ các quan từ thất phẩm trở lên mới được gọi là Nhụ Nhân. Tuy vậy đến cuối đời Thanh, Nhụ Nhân thường được dùng như một mỹ từ để gọi vợ của người khác trong văn chương.

chẳng dễ dàng cho lắm! Nay nhờ chuyện này để xoay chuyển lòng người, tôi đặc biệt viết hai mươi tám chữ như sau:

Nêu hạnh đẹp trong làng, trọn vẹn cả đôi bề, khiến khắp kẻ thấy nghe, đều được hưởng chân thuần, vợ chồng nhà ông Quách, đức đẹp đáng khâm phục.

33. Đề từ kỷ niệm chuyện pháp sư Trần Không sáng lập Liên Xã

Thật thà niệm Phật!

Để kỷ niệm chuyện pháp sư Trần Không từ đất Tô đến đất Kiềm (Quý Châu), sáng lập Liên Xã, xin khích lệ những người cùng chí hướng bằng mấy lời [như sau]:

Xót thương chúng sanh trong cõi đời, căn độn, nghiệp nặng, chỉ có niệm Phật thì mới chắc chắn mong thoát được sanh tử. Hãy nên quán tưởng như tù nhân bị dắt ra chợ [để hành hình], mỗi bước càng gần với cái chết hơn! Phàm những vị có cùng chí hướng niệm Phật với tôi, ắt đều phải niệm niệm trừ sạch các duyên, quyết muốn giữ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hãy nên tu Chánh Hạnh niệm Phật, dùng Tín - Nguyện dẫn đường, lấy Niệm Phật làm Chánh Hạnh. Ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh chính là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Do bốn chữ hồng danh chẳng rời niệm, tiếng niệm Phật chẳng ngừng, tâm và Phật tự nhiên khế hợp, tam-muội sẽ tự thành *(Ngày Hai Mươi Hai tháng Giêng)*

34. Đề từ cho tác phẩm Mạc Vương Trí Duệ Nữ Cư Sĩ Ai Văn Lục[10]

Cư sĩ Trí Duệ vừa đọc Văn Sao liền sanh tín tâm, ăn chay niệm Phật, chưa được bao lâu liền biết trước lúc mất, niệm Phật qua đời. Đáng gọi là bậc trượng phu trong nữ giới! Chẳng thẹn mang tên Trí Duệ. Nguyện những vị trượng phu mày râu, những vị hiền thục mềm mỏng chốn khuê các trong cõi đời đều chẳng nhường cho bà ta riêng được giải thoát thì may mắn lắm thay *(Ngày Mười Bảy tháng Hai năm Kỷ Tỵ, tức năm Dân Quốc 18 - 1929)*

35. Đề trên chiếc quạt có hình Vô Lượng Thọ Phật do cư sĩ Cao Hàng Sanh cất giữ

[10] Đây là cuốn sách tập hợp những bài tỏ lòng thương tiếc, ca ngợi phẩm hạnh của bà Vương Trí Duệ. Bà này họ Vương, chồng họ Mạc, pháp danh Trí Duệ nên thường được gọi kèm cả họ chồng là Mạc Vương Trí Duệ.

Ngoài dứt các duyên, trong tâm chẳng rộn, tâm như tường vách, có thể nhập đạo.

36. Thuận tay viết về Niệm Phật

Pháp Hoa kinh tạng sâu thẳm u viễn không ai thấu đạt được. Chúng ta có chí tiến nhập thì xin hãy chí thành khẩn thiết, chuyên trì thánh hiệu A Di Đà Phật. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì sẽ tự có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Trong đời hiện tại sẽ mau chóng thoát khỏi Ngũ Trược, cao đăng chín phẩm, cho đến chứng Vô Sanh Nhẫn, thành đạo Bồ Đề. Lời nói này tuy cực bình thường, nhưng quả thật là bí yếu của chư Phật. Nếu bậc thông gia xem đến, chắc chắn sẽ bật cười! *(Bài văn này còn lưu lại dấu tích ở chùa Linh Nham, nhưng không có đề mục. Tựa đề do Đào (tức ông La Hồng Đào) tự tiện đặt. Huệ Dung ghi)*

V. Pháp ngữ

1. Tịnh Độ Pháp Môn Thuyết Yếu (Giảng những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh Độ)
(Vương Cầu Thị và Cung Vân Bá ghi)

Nguyên thủy, bản tánh của chúng sanh và Phật vốn không hai, không khác; chỉ vì chúng sanh chẳng giữ gìn tự tánh, bị trần lao làm bẩn, tập khí ô nhiễm ngăn lấp đến nỗi mê - ngộ thật khác, chúng sanh và Phật khác biệt thật xa! Chỉ vì chúng sanh mê có cạn - sâu, căn tánh có lớn - nhỏ, nên đức Như Lai bèn tùy thuận căn cơ để lập giáo, dựa theo căn bệnh để ban thuốc, vì Thật lập Quyền, khai Quyền hiển Thật. Nơi pháp Nhất Thừa nói đủ mọi lẽ khiến cho kẻ thiện căn chín muồi sẽ lên thẳng bờ giác, kẻ ác duyên sâu nặng sẽ dần dần thoát khỏi trần lao. Do vậy, trong bốn mươi chín năm, tùy theo chủng tánh mà lập ra các giáo pháp Đại, Tiểu, Tiệm, Đốn, Bán, Mãn nhằm giáo hóa.

Các pháp môn thuộc Tông, thuộc Giáo phần nhiều cậy vào tự lực. Dẫu cho túc căn sâu dầy, triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu Kiến Hoặc và Tư Hoặc còn có chút nào chưa sạch hết thì vẫn luân hồi trong sanh tử y như cũ, không thể thoát ra. Huống chi đã thọ Thai Ấm[11], vừa chạm cảnh liền

[11] Khi thần thức nhập thai, dễ bị Ngũ Ấm che lấp chân tánh nếu tâm chưa hoàn toàn đoạn sạch Kiến Hoặc và Tư Hoặc, đó gọi là Thai Ấm. Điều này còn được diễn tả bằng một từ ngữ khác là *"cách ấm chi mê"*.

sanh mê, kẻ từ giác đến giác ít ỏi, người từ mê vào mê đông đảo! Bậc thượng căn còn như thế, hạng trung - hạ cần chi phải nói nữa! Liễu thoát sanh tử thật chẳng dễ dàng! Chỉ có pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chuyên cậy vào nguyện lực của Phật Di Đà, bất luận thiện căn chín muồi hay chưa, ác nghiệp nặng hay nhẹ, thậm chí Ngũ Nghịch, Thập Ác, chỉ cần sanh lòng tin phát nguyện, trì danh hiệu Phật, khi lâm chung chắc chắn được đức Di Đà tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ. Cố nhiên, kẻ thiện căn chín muồi sẽ mau chóng viên mãn Phật quả; ngay cả kẻ ác nghiệp sâu nặng cũng may mắn được dự vào dòng thánh. So với những kẻ cậy vào tự lực thì sự khó - dễ, được - mất trong đấy chẳng cần phải rườm lời giải thích nữa! Vì thế, pháp môn Tịnh Độ này chính là đạo trọng yếu để tam thế chư Phật độ sanh, là diệu pháp để thượng thánh hạ phàm cùng tu. Các kinh Đại Thừa đều phát khởi lẽ trọng yếu này, lịch đại tổ sư không vị nào chẳng tuân hành.

Cũng có những kẻ do thấy pháp môn Tịnh Độ hết sức đơn giản, hết sức dễ dàng, dẫu là ngu phu ngu phụ cũng tu được, bèn coi thường Tịnh Độ, chẳng biết một môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, nhiếp trọn mười giới! Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử sau khi đã chứng bằng với chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dùng mười đại nguyện vương để khuyến tấn, khích lệ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm mong viên mãn Phật quả. Như Thiện Tài đã đạt đến địa vị Đẳng Giác, Hoa Tạng hải chúng không có vị nào là phàm phu, Nhị Thừa, toàn là những người thuộc bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, phá vô minh, chứng Tam Đức, mà vẫn phải hồi tâm niệm Phật, nguyện vãng sanh Tây Phương! Hơn nữa, trong Hoa Tạng Hải có vô lượng Tịnh Độ, nhưng cần phải hồi hướng Tây Phương; đủ biết vãng sanh Cực Lạc chính là cửa ngõ nhiệm mầu để xuất thế, là đường tắt để thành Phật.

Hơn nữa, Vĩnh Minh thiền sư nhằm dạy cho người tu hành đường lối trọng yếu đích xác, đã lập ra bốn bài kệ Liệu Giản[12]:

---

[12] Liệu Giản, đôi khi còn được gọi bằng những thuật ngữ khác như Liễu Giản, Lượng Giản, Liệu Kiến hoặc Lượng Kiến, đều cùng hàm nghĩa*: "Phân biệt, biện định, chọn lựa chánh pháp một cách xác đáng nhất*". Tùy theo từng tông phái mà ý nghĩa chữ Liệu Giản được chia chẻ tỉ mỉ hơn như sau:

1) Luận định, xem xét theo đủ mọi quan điểm, dùng phương thức vấn đáp để nghị luận tới chỗ tinh vi chặt chẽ nhất.

2) Riêng trong tông Lâm Tế, Liệu Giản là bốn phương pháp để hướng dẫn người học ngộ nhập Chân Như, tức: *"Đoạt người không đoạt cảnh, đoạt cảnh không đoạt người, người lẫn cảnh đều đoạt, người lẫn cảnh đều chẳng đoạt".*

1) Có Thiền có Tịnh Độ,
Ví như cọp đội sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ.

2) Không Thiền, có Tịnh Độ,
Vạn tu, vạn người về,
Nếu được thấy Di Đà,
Lo chi không khai ngộ.

3) Có Thiền, không Tịnh Độ,
Mười kẻ, chín chần chừ,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

4) Không Thiền, không Tịnh Độ,
Giường sắt với cột đồng,
Vạn kiếp lẫn ngàn đời,
Không có người nương tựa.

Bốn bài Liệu Giản này của ngài Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại Tạng, là khuôn phép để tu trì. Trước hết cần phải hiểu đích xác thế nào là Thiền, thế nào là Tịnh, thế nào là Có, thế nào là Không, rồi mới theo văn mà phân tích, sẽ biết mỗi một chữ đều đích đáng, không thể thay đổi một chữ nào được!

Thiền chính là Chân Như Phật Tánh chúng ta vốn sẵn có, tức bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, tức "linh tri ly niệm, không Năng, không Sở, vừa Tịch, vừa Chiếu", tức cái được gọi là "thuần chân tâm thể". Tịnh Độ chính là tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương *(chứ không phải chỉ riêng cho "duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà")*. *"Có Thiền"* là tham cứu cực lực đến mức "niệm tịch, tình vong", thấy thấu triệt bản lai diện mục, minh tâm kiến tánh. *"Có Tịnh Độ"* là chân thật phát tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Thiền và Tịnh Độ là ước theo Giáo, ước theo Lý. *"Có Thiền, có Tịnh Độ"* là ước

---

3) Theo Thiên Thai Tông Nhật Bản, Liệu Giản là dùng những phương cách để điều hòa những điểm mà nếu chỉ nhìn vào mặt văn tự sẽ tưởng lầm là kinh điển mâu thuẫn, chống trái nhau.
4) Lý giải vấn đề một cách dung thông, rộng rãi nhất.

theo căn cơ, ước theo tu. Một đằng là Lý, một đằng là Sự. Lý tuy là như thế, nhưng phải cần theo đúng Lý để khởi Hạnh, Hạnh phải đạt đến cùng cực nhằm chứng Lý, chính mình phải chuyên gắng nhằm thật sự đạt được. Nếu tham Thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để, đều chẳng thể gọi là *"có Thiền"*. Nếu niệm Phật nhưng không có tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng không chân thật, thiết tha, chỉ hờ hững, hời hợt, lằng nhằng cho xong chuyện, hoặc hạnh tuy tinh tấn nhưng nhân địa chẳng thật, tâm lưu luyến trần cảnh, cho đến cầu phú quý trong đời sau, cầu sanh lên cõi trời hưởng lạc đều chẳng thể gọi là *"có Tịnh"*!

1) Có Thiền có Tịnh Độ,
Ví như cọp đội sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ.

Người ấy đã triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, biết cặn kẽ pháp môn Quyền - Thật của đức Như Lai, nhưng trong các pháp chỉ chọn một pháp tín nguyện niệm Phật, tự lợi, lợi tha. Người ấy có đại trí huệ, đại biện tài, tà ma, ngoại đạo nghe danh vỡ mật, như cọp lại đội sừng. Có ai đến cầu học sẽ tùy cơ thuyết pháp, nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp độ bèn dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp độ. Nên dùng "chuyên tu Tịnh Độ" để tiếp độ bèn dùng "chuyên tu Tịnh Độ" để tiếp độ. Bất luận thượng - trung - hạ căn không một ai chẳng được thấm nhuần ân trạch ấy, há chẳng phải là *"nhân thiên đạo sư"* ư? Đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Thượng Phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn, dẫu địa vị thấp nhất cũng là chứng được bậc Sơ Trụ trong Viên giáo, có thể hiện thân làm Phật trong một trăm thế giới, nên bảo là "*đời sau làm Phật, Tổ"*.

2) Không Thiền, có Tịnh Độ,
Vạn tu, vạn người về,
Nếu được thấy Di Đà,
Lo chi không khai ngộ?

Người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng quyết chí nơi Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương, chí thành niệm Phật, cảm ứng đạo giao, chắc chắn được Phật nhiếp thọ. Kẻ tận lực tu tập cố nhiên được vãng sanh. Ngay

như kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác khi lâm chung mười niệm cũng đều được Hóa Thân của đức Phật đến tiếp dẫn, chẳng phải là *"vạn tu, vạn người về"* hay sao? Đã sanh về Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, tuy có nhanh hay chậm, nhưng đã cao dự dòng thánh, rốt ráo chẳng thoái chuyển, dần dần chứng thánh quả thì sự khai ngộ cần gì phải nói đến nữa? Vì thế, bảo là: *"Nếu được thấy Di Đà, lo chi không khai ngộ?"*

3) Có Thiền, không Tịnh Độ,
Mười kẻ, chín chần chừ,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

Người ấy tuy biết đại lược về tâm tánh, nhưng Kiến Hoặc, Tư Hoặc chưa đoạn hết, cần phải giồi mài cho hết sạch, chẳng còn sót chút nào thì mới có thể thoát lìa sanh tử. Nếu còn mảy may chưa hết, sẽ vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, khó trốn tránh được! Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời, nếu liền mạng chung, nẻo về sẽ chẳng thể lường được! Trong mười người, hết chín người là như thế. Vì vậy nói: "*Thập nhân, cửu tha lộ"* (Mười kẻ, chín chần chừ trên đường). Tha (蹉) là "tha đà" (蹉 跎), tức là như thế tục thường nói là "chần chừ". *"Ấm cảnh"* tức là cảnh nơi Trung Ấm thân[13], chính là những cảnh hiện ra khi lâm chung bởi sức của thiện nghiệp hay ác nghiệp [đã tạo] trong đời này và bao kiếp. Trong khoảng chớp mắt sẽ theo nghiệp lực đi thọ sanh ngay, chẳng thể làm chủ được mảy may nào! Như người mang nợ, chủ nợ nào mạnh

[13] Trung Ấm (Antarā-bhava) còn dịch là Trung Hữu, Trung Uẩn, Trung Ấm Hữu. Theo Câu Xá Luận quyển 7, Trung Hữu được tính từ sát-na khi cái thân đời trước chết (Tử Hữu) tới sát-na thọ sanh thân sau (Sanh Hữu). Trong khoảng trung gian, sẽ có một cái thân được hóa sanh bởi ý thức (Thức thân), chứ không do tinh huyết tạo thành, nên gọi là Sanh Ý Thân hoặc Ý Thành Thân (Manomayakāya). Do được nuôi dưỡng bằng mùi hương, nên còn gọi là Thực Hương (Gandharva). Do thân này thường truy tìm chỗ kế tiếp để thọ sanh nên lại gọi là Cầu Sanh (Samhavaisin). Chỉ có Sắc Giới và Dục Giới mới có thân Trung Ấm, người sẽ thọ sanh trong Vô Sắc Giới không có thân này. Tùy theo người ấy sẽ thọ sanh trong đường nào mà hình dạng của Trung Ấm sẽ khác biệt. Chẳng hạn như theo kinh Đại Bảo Tích, quyển 56, thân Trung Ấm cõi địa ngục xấu xí, giống như gỗ cháy nham nhở, thân Trung Ấm trong súc sanh có màu khói, thân Trung Ấm trong ngạ quỷ màu như nước, thân Trung Ấm trong Dục Giới lớn bằng đứa bé năm sáu tuổi, nhưng các căn lanh lợi, thân Trung Ấm của bậc Bồ Tát đầy đủ các tướng hảo v.v… Cũng theo Câu Xá Luận, thời hạn tồn tại của thân Trung Ấm không nhất định, nhưng tối đa là bốn mươi chín ngày.

sẽ lôi đi trước; tâm tình lắm mối, hễ thiên trọng nơi nào sẽ đọa vào nơi đó. Vì thế nói: *"Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó".*

4) Không Thiền, không Tịnh Độ,
Giường sắt với cột đồng,
Vạn kiếp lẫn ngàn đời,
Không có người nương tựa.

Người ấy đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh Tịnh Độ, vẫn hời hợt, hờ hững tu các pháp môn khác *(chứ không phải là nói về kẻ vùi đầu tạo ác, chẳng tu hành)*, đã chẳng thể giữ cho Định - Huệ được cân bằng nhằm đoạn Hoặc, chứng Chân; lại chẳng biết cậy vào Phật từ lực để đới nghiệp vãng sanh, dùng công đức tu trì suốt cả một đời để cảm phước báo trời người trong đời sau. Trong đời này đã không có chánh trí, đời sau sẽ bị phước báo chuyển, hưởng phước càng lớn, ác nghiệp càng nhiều. Đã tạo ác nghiệp, khó tránh khỏi quả báo. Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa địa ngục, đền trả nợ cũ, nên nói là *"giường sắt với cột đồng".* Kẻ tạo nghiệp như thế ví như kẻ mù chẳng thấy được mặt trời, tuy chư Phật, Bồ Tát rủ lòng từ bi nhưng do kẻ ấy bị ác nghiệp ngăn chướng, chẳng thể hưởng lợi ích, bao kiếp thọ khổ. Vì thế nói: *"Không có người nương tựa".*

Phàm hết thảy các pháp môn đều chuyên cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Trong hết thảy pháp môn, hết sạch Hoặc nghiệp rồi mới có thể liễu sanh tử; còn pháp môn Tịnh Độ đới nghiệp vãng sanh liền dự vào dòng thánh. Hơn nữa, khi đức Phật tại thế, sắc lực và tâm nghiệp của chúng sanh thù thắng, dẫu nương cậy tự lực vẫn chứng đạo. Nay đang nhằm thời Mạt, căn hèn, chướng nặng, tri thức hiếm hoi, nếu bỏ Tịnh Độ thì không có cách gì giải thoát được! Vĩnh Minh thiền sư sợ cõi đời không biết nên đặc biệt viết ra Liệu Giản này để dạy đời sau. Thật đúng là bè báu trong bến mê, là đèn sáng nơi ngõ tối.

Tu trì pháp môn Tịnh Độ niệm Phật, hãy nên lấy Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Tín là dốc lòng tin tưởng Phật lực. Trong khi tu nhân, Di Đà Như Lai đã phát ra bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng độ sanh, trong ấy có nguyện *"[người nào] niệm danh hiệu ta mà chẳng sanh về nước ta, thề chẳng thành Phật".* Hiện tại, do Ngài đã nhân viên, quả mãn, nay ta niệm Phật ắt sẽ được vãng sanh. Kế đấy, tin vào Phật lực từ bi nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con nhớ mẹ giống như mẹ

nhớ con, chắc chắn sẽ được tiếp dẫn. Tiếp đó, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ như trong bài Tứ Liệu Giản của Vĩnh Minh thiền sư đã nói so với các pháp khác, sự lớn - nhỏ, khó - dễ, được - mất, sai biệt vời vợt. Dẫu có những vị thầy khác xưng tán những pháp khác cũng chẳng lay động được ta. Thậm chí chư Phật hiện ra trước mặt khuyên lơn, an ủi, bảo tu các pháp môn khác cũng chẳng thoái chuyển. Đấy mới thật sự gọi là Tín vậy! Nguyện là nguyện trong đời này thề vãng sanh Tây Phương, chẳng cần phải nhiều đời tu tập ngoi lên, hụp xuống trong uế độ, từ mê vào mê nữa! Lại nguyện hễ được vãng sanh Tây Phương rồi sẽ trở lại Sa Bà độ thoát hết thảy chúng sanh. Hạnh là chân thật nương theo lời dạy để khởi Hạnh.

Trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông [của kinh Lăng Nghiêm] có câu: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam-ma-địa, ấy là bậc nhất"*. Do vậy biết pháp Niệm Phật phải nên nhiếp trọn sáu căn. Trước khi nhiếp trọn sáu căn thì trước hết phải nhiếp được hai hay ba căn. Hai hay ba căn là gì? Chính là tai, miệng, tâm vậy. Miệng niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật sao cho từng câu từng chữ rõ ràng, rành mạch, trong tâm niệm cho rõ ràng rành mạch, tai nghe cho rõ ràng, rành mạch. Hễ có chỗ nào hơi không phân minh thì đấy chính là không chân thật, thiết tha, có vọng tưởng [xen tạp] *(Chỉ niệm mà không nghe thì dễ sanh vọng tưởng)*. Niệm Phật cố nhiên phải sao cho từng câu từng chữ phân minh, chẳng để sự suy nghĩ xen vào.

Ngoài ra, xem kinh cũng giống như thế, đừng một mặt vừa xem, một mặt lại phân biệt; [nếu không], sẽ được lợi ích ít ỏi, tình tưởng sẽ nhiều. Xưa kia có người chép kinh do chí thành chép kinh, chuyên tâm nhất ý, chỉ chú tâm chép kinh, không có tình kiến gì, đến khi trời đã tối, vẫn cứ viết chép không ngừng. Chợt có người bảo: "Trời đã tối rồi, sao còn chép kinh được?" Lúc ấy, người chép kinh tình niệm vừa động, chẳng thể viết được nữa. Ôi! Phân biệt sáng - tối chính là vọng kiến của chúng sanh, là phàm tình của chúng sanh vậy! Vì thế, đang trong lúc chuyên tâm nhất ý, vọng tận, tình không, chỉ biết chép kinh, chẳng biết trời đã tối, cũng chẳng biết hễ trời đã tối sẽ không có ánh sáng nên không thể chép kinh được nữa! Tới khi có người nhắc nhở, khuấy động, do vô minh động nên tình tưởng bèn chia ra. Vọng niệm vừa động, ngay lập tức, sáng sủa và tối tăm liền tách bạch nên chẳng thể chép kinh được nữa. Do vậy, biết rằng đầu mối của đạo dụng công là chuyên nhiếp, chẳng quan tâm đến tình tưởng. Nếu đã không có suy tưởng thì đâu có tà kiến nữa! Tà kiến đã không còn, đấy chính là chánh trí!

Hơn nữa, người tu Tịnh Độ hãy nên đề xướng nhân quả. Đối với người thượng trí, cố nhiên biết cội gốc nằm nơi luân thường, hiểu rõ những gì nên làm và không nên làm. Đối với kẻ trung - hạ, nếu chẳng nói tới nhân quả, giải thích tách bạch tường tận, nêu bày rõ rệt sự tích nhân quả báo ứng, làm sao họ sẽ dè dặt nơi hành vi, bó buộc thân tâm cho được? Vì thế, nhân quả là cửa ngõ ban đầu để nhập đạo, nhưng tin tưởng chuyên dốc nơi nhân quả cũng chẳng phải là dễ! Bậc Sơ Quả trong Tiểu Thừa, bậc Sơ Địa trong Đại Thừa chính là những vị thật sự có thể chuyên dốc tin tưởng nhân quả vậy. Từ bậc Sơ Địa trở xuống, từ bậc Sơ Quả đổ lại, hễ gặp duyên trái nghịch giết - trộm - dâm - dối sẽ không thể giữ gìn được, sẽ thuận theo đó mà khởi Hoặc tạo nghiệp.

Nhưng kẻ thông minh vẫn xem nhẹ nhân quả, cho rằng nhân quả bất quá chỉ để nói với kẻ căn cơ trung - hạ, chẳng biết rằng: Hễ chỉ hiểu ý nghĩa của nhân quả một cách thô thiển thì chẳng đáng gọi là Tín! Tuy biết nhưng chẳng tận tụy vâng hành thì cũng chẳng đáng gọi là Tín. Chỉ có bậc thánh nhân thuộc Sơ Quả, Sơ Địa, hay Dự Lưu mới có thể "chẳng còn phải mang thân sau". Hễ chẳng còn phải mang thân sau thì chẳng còn là kẻ bị chi phối bởi Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, nên đáng gọi là "có lòng tin chuyên dốc". Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *"Kẻ khéo bàn về tâm tánh ắt chẳng bỏ lìa nhân quả, nhưng kẻ tin sâu nhân quả rốt cuộc ắt sẽ hiểu tâm tánh thật rõ rệt".* Đấy chính là nguyên do vì sao trong thế gian người niệm Phật đông đảo mà bậc thật sự liễu sanh tử lại hiếm hoi!

Chỉ vì người niệm Phật không có lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chỉ cầu phước báo, mơ tưởng phú quý trong đời sau. Chẳng biết rằng hễ mơ tưởng đời sau được phú quý thì cũng ví như ngửa mặt bắn tên lên trời, hễ tên bay hết sức sẽ lại rơi xuống, chẳng những vô ích mà còn bị tổn hại. Dẫu cho đời này niệm Phật cảm được phước báo trời người, có phước báo nhưng không có chánh trí. Do có phước báo nên có quyền thế, địa vị, phú quý, nhưng do không có chánh trí nên ngu si, chẳng tin nhân quả. Phàm những kẻ chẳng tin nhân quả lại có địa vị, quyền thế, phú quý thì sẽ như hổ thêm cánh, càng thêm tàn ác! Vì thế, phước báo càng lớn, tạo nên oan nghiệt càng nhiều. Đã tạo ác nghiệp, sẽ phải chịu ác báo. Đấy gọi là *"tam thế oán thân"* (kẻ oán, người thân trong ba đời).

Vì vậy, người niệm Phật trọn chớ nên có lòng cầu phước báo, hãy nên lấy "mạnh mẽ tiến thẳng lên trước nhằm vãng sanh Tây Phương" làm pháp mầu nhiệm để liễu sanh thoát tử. Do vậy, ngài Triệt Ngộ thiền sư nói: *"Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh*

hiệu Phật". Mười sáu chữ này chính là cương tông lớn lao của pháp môn Niệm Phật. Ngài lại nói: *"Một câu Di Đà là tâm yếu của đức Phật ta, theo chiều dọc thông suốt năm thời, theo chiều ngang bao trùm tám giáo"*. Thật vậy đó! Một câu Di Đà vi diệu khó nghĩ lường, chỉ có Phật với Phật mới biết được rốt ráo, từ bậc Đẳng Giác trở xuống vẫn còn chưa hiểu trọn hết. Do vậy nói: *"Bồ Tát biết được chút phần",* bọn phàm phu chúng ta càng phải nên tin tưởng hành theo.

2. Pháp ngữ khai thị sau cuộc chiến ở vùng Giang - Chiết

Hiện thời chiến sự vùng Giang - Chiết đã yên, nhưng trong nhất thời nhân dân khó thể khôi phục được như cũ. Thương thay! Nhân dân mắc phải sự khổ ác dữ dội này, nói chung là do ác nghiệp đời trước cảm thành ác báo khổ sở cùng cực ấy. Vì thế, phải đem nhân quả ba đời nói với hết thảy những ai hữu duyên, khuyên họ đừng tạo những nhân gây ra nghiệp báo ấy nữa thì tương lai sẽ tự chẳng phải nhận lãnh cái quả ác báo ấy. Những thứ nhân ác ấy phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà dấy lên! Phàm với hết thảy mọi người đều nên khuyên họ hãy lấy "kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật" như là một diệu pháp vô thượng nhằm giải quyết vấn đề từ căn bản. Tiếc thay! Con người chỉ biết có mình, chẳng biết có người khác thì làm sao suy tính tới hết thảy loài vật được? Tới khi ác báo xảy đến, con người bị xử phạt, giết chóc so với lúc loài thú bị hành hạ, giết chóc nào có khác chi? Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Hễ sợ nhân thì chẳng phải nhận lãnh quả, chứ sợ quả thì trọn chẳng có mảy may ích lợi gì! Nếu đổi cái tâm sợ quả thành cái tâm sợ nhân thì thế giới sẽ tự thanh bình, yên ổn vậy!

3. Năm đoạn khai thị

(Trần Cảnh Phiên ghi chép)

1) Dạy về phương pháp tu hành:

Phàm tu hành thì phải nên chuyên ròng, chớ nên xen tạp. Pháp Niệm Phật vượt trỗi hết thảy. Cầu siêu cho người đã khuất, hoặc cầu cho cha mẹ tăng tuổi thọ và hết thảy mong cầu đều được như nguyện, nhưng phải lấy cầu sanh Tây Phương làm chủ. Muôn vàn chớ nên cầu phước báo trong đời sau. Nếu cầu đời sau sẽ không được hưởng lợi ích vãng sanh. Hãy nên đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết duyên do về mặt Sự lẫn mặt Lý. Đối

với những căn bệnh của con người hiện thời và phương thuốc để chữa trị thì trong Văn Sao cũng đều có nói. Nói chung, lấy đề xướng nhân quả báo ứng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm.

2) Dạy về phương pháp tu hành:

Dụng công tu hành cố nhiên phải nên chuyên ròng; nhưng phàm phu vọng tưởng tơi bời, nếu chẳng dùng kinh chú để giúp thêm, chắc sẽ đến nỗi hờ hững, lười trễ, biếng nhác! Nếu có thể thống thiết như khi chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì Nhất Hạnh tam-muội[14] quả thật là hay nhất. Còn nếu niệm Phật hờ hững, bãi buôi, thì lâu ngày chắc sẽ trở thành lười nhác, buông xuôi, bỏ lửng, vì thế chẳng bằng kiêm trì kinh chú sẽ chắc chắn hơn. Ông cầu tôi quyết đoán, tôi nói với ông duyên do để ông tự quyết định. Nói chung, do tâm sanh tử thiết tha, thành kính khăng khăng một niềm thì chuyên niệm hay kiêm niệm đều được cả. Nếu không, chuyên niệm sẽ trở thành hờ hững, coi thường, kiêm niệm sẽ trở thành tràn lan, lộn xộn. Ấy là vì căn bản không chân thật, thiết tha, nên đến nỗi hết thảy đều khó được lợi ích.

3) Nêu [lý do vì sao sách] Pháp Hải Thê Hàng chẳng khế cơ:

Soạn sách lập ngôn quả thật chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt đâu nhé! Xin hãy nhất tâm niệm Phật, đợi đến khi nghiệp tiêu trí rạng xong, rồi mới viết lách để làm cho hết thảy những kẻ sơ cơ đều được lợi ích thì mới hòng ít mắc phải khuyết điểm "giáo pháp chẳng phù hợp căn cơ". Xét ra, cuốn sách ấy của ông chưa từng chỉ rõ gốc bệnh của con người hiện thời và cách chữa trị. Tuy giảng chung chung về Phật lý cũng có thể khiến cho người khác sanh lòng tin, nhưng đối với kẻ sơ cơ, do phần lớn những từ ngữ được nêu trong sách là những danh từ riêng [trong Phật pháp], họ sẽ chẳng hiểu rõ, ắt sẽ đến nỗi cật vấn lẫn nhau, vô sự sanh sự, đâm ra chẳng có quan hệ khẩn yếu chi đối với chuyện niệm Phật! Đấy chính là lý do tại sao Quang không tán thành ý tưởng soạn sách của ông. Đã không tán thành, há có thể sửa đổi đại lược, phê bình đại lược hay sao? Mong ông biết rõ nguyên do, chẳng đến nỗi vẫn mơ màng trong mộng mà thôi!

4) Dạy không cần phải chú trọng vào thơ văn:

---

[14] Nhất Hạnh tam-muội là tên gọi khác của Niệm Phật tam-muội.

Cuốn Pháp Hải Thê Hàng của ông chẳng có thứ tự, thơ văn cũng chẳng thật sự theo thứ lớp. Chỉ nên cẩn thận đọc kỹ những sách có ích cho thân tâm và sốt sắng niệm Phật, không cần phải chú ý đến thơ văn. Nếu qua sách vở mà hiểu được duyên do thì niệm Phật sẽ được lợi ích, tự nhiên thơ văn sẽ vượt trỗi. Nếu không, cũng chỉ là gượng ép, áp đặt; xét ra, chẳng dính dáng gì tới tâm pháp cả!

5) Dạy về chuyện tổ chức, điều hành Đồng Thiện Hội

Phàm làm chuyện công ích, chớ nên chấm mút chút nào. Nếu không, chẳng những là dối người mà còn đúng là dối lòng, dối Phật nữa đấy! Sửa ác, hướng lành, cần phải luận từ nơi khởi tâm động niệm. Há nên công khai làm chuyện dối người ư? Những kẻ mù quáng khuấy rối hiện thời đều là những kẻ cực ngu si chẳng biết nhân quả, chẳng biết tội phước báo ứng. Nếu bọn họ có chân tâm, trí huệ, dẫu dùng cái chết để uy hiếp buộc họ làm như vậy, họ cũng chẳng chịu làm! Mong hãy chú ý [điều này] thì may mắn lắm thay.

4. Pháp ngữ khai thị tại Tịnh Nghiệp Xã

(Ký Trần ghi)

Hôm nay là ngày đầu tiên của Phật Thất, tôi đem lai lịch của Phật Thất để nói cho quý vị nghe. Hiện thời, mọi nơi mở Niệm Phật Thất rất nhiều, phương pháp tu tập và những lời lẽ khai thị phần lớn cũng giống nhau. Trước hết, nay tôi trình bày nhân duyên của Phật Thất lần này, rồi sẽ nói tới đại cương của pháp Niệm Phật. Như vậy, tông chỉ của pháp Niệm Phật sẽ được minh bạch. Nếu không, chẳng biết căn bản, chắc chắn sẽ không thể đặt nền tảng vững vàng được, chắc sẽ bị kinh giáo hoặc lời lẽ của thiện tri thức xoay chuyển đến nỗi bỏ pháp này để tu các pháp môn khác.

Pháp Niệm Phật như thuốc A Già Đà. Tiếng Phạn A Già Đà, tiếng Hán là Phổ Sanh, cũng dịch là Tổng Trị vì nó sanh khắp [mọi sự an lạc, công đức] và trị chung mọi căn bệnh vậy. Pháp môn này cũng giống như thế, trừ được tám vạn bốn ngàn phiền não. Do vậy, pháp môn Niệm Phật bao trùm khắp muôn hình tượng, hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này. Hết thảy các pháp không pháp nào chẳng quy hoàn pháp giới này. Do nó nắm giữ hết thảy các pháp nên

không pháp nào chẳng được trọn vẹn, không căn cơ nào chẳng gồm thâu! Đức Phật chỉ muốn làm cho chúng sanh siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, nhưng chúng sanh căn cơ không giống nhau, tâm nguyện mỗi người mỗi khác. Nếu có chúng sanh cầu phước, cầu thọ, cầu tài, cầu con v.v… chỉ cần thành tâm mong cầu, hễ có cầu ắt ứng. Tuy đấy là pháp thế gian, nhưng nhằm để tiếp dẫn kẻ hạ căn gieo thiện căn dần dần cho nên cũng làm cho họ được mãn nguyện. Nếu luận nơi bổn ý của đức Phật thì chỉ là muốn khiến cho chúng sanh nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực, lâm chung tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh sẽ liền thoát khỏi nỗi khổ luân hồi trong tam giới, từ đấy tiến tu dần dần cho đến khi thành Phật thì mới là thật nghĩa rốt ráo của Niệm Phật.

Nhân duyên thứ nhất: Nếu luận về nhân duyên dẫn đến [pháp hội Niệm Phật Thất này] thì sẽ phải nói rất dài. Từng nhớ năm Dân Quốc 11 (1922), Quang đến đất Thân (Thượng Hải), trụ tại chùa Thái Bình. Cư sĩ Giang Dịch Viên do chiếc tàu thủy Đại Thăng bị hỏa hoạn, muốn làm Phật sự [để cầu siêu cho các nạn nhân], Quang khuyên ông ta nên mở Niệm Phật Thất. Lại khuyên người chủ quản công ty ấy tham dự Niệm Phật Thất cho đến mãn thất. Ấy là vì niệm Phật có lợi ích thù thắng hơn công đức của những thứ Phật sự khác; vì muốn cho những người bị chết cháy, chết đuối được hưởng lợi ích chân thật cho nên khuyên chuyên nhất niệm Phật!

Năm trước, vợ ông Giang mất, muốn làm Phật sự, gởi một trăm đồng cậy Quang làm Phật sự. Do vậy, bèn mở một Niệm Phật Thất tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà. Đêm viên mãn Phật Thất, khá có linh cảm. Đối với niệm Phật, ông Giang đã sẵn mang lòng hết sức thiết tha, cả nhà bị ông ta cảm hóa, niệm Phật cũng rất thiết tha, chân thật. Do vậy trong khi tang ma, cả nhà đều niệm Phật. Chẳng phải chỉ có như vậy, do ông Giang khá có tiếng tăm nơi quê hương, ông cũng thường luôn khuyên người làng niệm Phật. Người trong một vùng đều bị ông ta cảm hóa. Phàm người làng đến phúng điếu, toan tế vong, ông ta đều khước từ, bảo với họ: "Phàm ai đến điếu tang, hãy niệm Phật [trong thời gian cháy hết] một cây hương sẽ tốt hơn là tế lễ nhiều lắm". Do vậy, dân làng chia ra mấy ban, mỗi ngày một ban đến niệm Phật, niệm tới mấy ngày mới hết.

Do có nguyên nhân này, con của ông Giang tên là Hữu Bằng vào đêm viên mãn Phật Thất tại chùa Pháp Vũ nằm mộng thấy nhận được nhiều lá thư, liền cầm một bức lên Phật đường trên lầu để xem. Ngọn đèn trong Phật đường sáng hơn ánh chớp, bóc bức thư ra thì chính là một

bức vẽ về cảnh tượng trong thế giới Cực Lạc. Pháp Vũ mở Phật Thất có tất cả mười sáu vị Tăng nhân. Trước hôm mở Phật Thất một ngày, Quang đối trước Tăng chúng nói: "Quý vị niệm Phật phải thật thà, khẩn thiết thì mình lẫn người mới đều được lợi ích". Do vậy, mỗi vị tăng sĩ đều nghiêm túc. Đấy cũng là một cái nhân tạo nên sự linh cảm. Tình hình đại lược về chuyện này đã được đăng tên tờ Lâm San của Cư Sĩ Lâm. Muốn biết những nét chánh yếu, có thể tìm đọc [trong báo ấy].

Năm ngoái, cha của cư sĩ Giang Dịch Viên mất, ông ta cũng gởi tiền cậy Quang mở Phật Thất. Năm nay, bạn ông ta là Ngô Trường Vinh có mẹ vừa mất, cũng gởi tiền cậy mở Phật Thất. Thư ấy gởi đến Phổ Đà thì hôm mồng Ba tháng đó Quang sang Thượng Hải. Mồng Bốn đến Nam Kinh, mồng Bảy trở về đất Hỗ, mới biết chuyện ấy, liền bàn bạc với hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình, nhưng chùa Thái Bình đã nhận lời mở thất niệm Phật cho nhà ông Triệu Trúc Quân, chẳng thể cùng tiến hành được. Lại chuyển sang bàn bạc với cư sĩ Quan Biệt Tiều để lấy Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã làm đạo tràng. Quan cư sĩ chấp thuận; do vậy, hôm nay mở đạo tràng Phật Thất tại đây.

Cư sĩ Giang Dịch Viên bình sinh thích niệm Phật nhất, đề xướng pháp môn Niệm Phật chẳng tiếc sức thừa, khá có linh cảm. Năm ngoái, vùng Vụ Nguyên bị hạn hán, Dịch Viên khuyên mọi người nhất tâm niệm Phật, chẳng đầy mấy bữa trời mưa một trận lớn. Do vậy, lập ra Phật Quang Liên Xã, người tham dự liên xã đông lắm, cũng lôi kéo Quang làm hội trưởng danh dự. Niệm Phật có đủ mọi chuyện linh cảm khác nhau. Những chuyện như cầu mưa, cầu tạnh và lành bệnh v.v… đều khá rõ rệt, đủ biết niệm Phật lợi ích lớn nhất. Đấy chính là nhân duyên thứ nhất.

Ngoài ra, năm ngoái cư sĩ Lý Vân Thư do người em dâu bệnh nặng, đến chùa Thái Bình muốn làm Phật sự, tôi khuyên ông ta mở Niệm Phật Thất. Bệnh của người em dâu đã được rất nhiều y sĩ chữa chạy nhưng chẳng lành. Vị thầy thuốc cuối cùng thương cô ta bị đau khổ khó thể chịu đựng đã khuyên nên uống thuốc độc cho mau chết. Do vậy, Vân Thư lập cách cầu Phật gia bị nên đến đây bàn bạc với Quang, Quang bảo mở Niệm Phật Thất. Không lâu sau, Quang trở về núi, cũng chẳng biết cô ta được lợi ích ra sao! Đến mồng Bảy tháng Tư năm nay, Quang sang Cư Sĩ Lâm thăm pháp sư Đế Nhàn. Ông Lý Vân Thư cũng đến, cho biết năm ngoái vào hôm đầu tiên của Niệm Phật Thất, cô em dâu ông ta nằm mộng thấy cô ta đến Tam Thánh Đường cùng với tăng chúng niệm Phật, niệm Phật rất lâu, rất thanh thản, thoải mái, bệnh liền nhẹ dần. Vân Thư

bảo cô ta: "Tôi đã niệm Phật cho mợ ở chùa Thái Bình chứ không phải là Tam Thánh Đường". Cô em dâu cãi: "Không phải chùa Thái Bình, mà là Tam Thánh Đường". Sau này, hỏi thăm mới biết chùa Thái Bình chính là hạ viện của Tam Thánh Đường núi Phổ Đà. Đủ thấy người bị bệnh nếu biết niệm Phật vẫn được Phật lực gia bị khiến cho bệnh được lành. Chuyện này là một chứng cớ rõ ràng vậy!

Trong tháng Bảy năm nay, chính ông Lý Vân Thư bị bệnh. Đang lúc bệnh nặng, thỉnh mấy vị cư sĩ niệm Phật; về sau, do hôn mê bất tỉnh nhân sự bèn thôi. Kế đó, nghĩ tới chuyện năm ngoái đã từng vì người em dâu mở Niệm Phật Thất, bèn sai người đến chùa Thái Bình hỏi tôi và hòa thượng Chân Đạt. Do hai người chúng tôi cùng trụ tại Phổ Đà, ông Lý liền gởi thư xin chúng tôi sang Thượng Hải mở Niệm Phật Thất. Do nhằm tháng Bảy, đã qua khỏi kỳ dâng hương tại Phổ Đà, gặp đúng dịp thanh nhàn, chúng tôi liền mở Phật Thất tại Tam Thánh Đường núi Phổ Đà, chọn ngày Mười Bốn tháng Bảy để khai đàn, ngày Hai Mươi viên mãn. Hôm Mười Ba, Quang liền gởi thư cho Vân Thư; hôm Mười Bảy, ông ta gởi thư trả lời cho biết bệnh đã khỏi được tám chín phần. Hiện thời, Lý Vân Thư đã hoàn toàn lành bệnh, chỉ có điều sức lực vẫn chưa được bình phục hoàn toàn. Lý Vân Thư bệnh nặng như thế mà nhờ Phật Thất gia bị liền được khỏi hẳn bệnh. Linh nghiệm như thế, đấy là một chứng cớ rõ rệt thứ hai vậy.

Phần thứ hai là cương lãnh. Con người hiện thời phần nhiều chuộng lạ, chuộng bày vẽ phô trương, như pháp hội Hộ Quốc Nhân Vương, pháp hội Kim Quang Minh, pháp hội trì chú Lăng Nghiêm, pháp hội Đại Vân Luân[15] v.v… Những thứ pháp hội ấy có công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, nhưng do người đời nay tài lực ít ỏi, thế lực kém cỏi, tuy nói là "cử hành", nhưng khó thể đạt được lợi ích thù thắng, vì đấy không phải là chuyện ai cũng có thể thực hiện được. Nếu niệm Phật, niệm Quán Thế

[15] Pháp hội Đại Vân Luân là pháp hội tụng kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ nhằm cầu mưa trong khi pháp hội Nhân Vương Hộ Quốc và Kim Quang Minh tụng Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Kinh và Kim Quang Minh Kinh để cầu an, tiêu tai giải nạn. Đại Vân Luân Thỉnh Vũ Kinh (Mahā-megha-sūtra) do ngài Bất Không dịch vào đời Đường, bao gồm những bài đà-la-ni để cầu mưa. Trong quyển Thượng của kinh này đã kể ra mười thứ mây cúng dường to lớn như biển, lợi ích của mưa và năm mươi bốn danh hiệu Phật, quyển Hạ gồm các bài đại đà-la-ni. Kinh này do đức Phật giảng cho các vị đại tỳ-kheo, đại Bồ Tát, và tám trăm mấy chục vị long vương tại Đại Vân Đạo Tràng Bảo Lâu Các của Ô Ba Nan Đà long vương. Kinh này chính là bản dịch khác của phẩm Đại Vân Kinh Thỉnh Vũ trong kinh Đại Phương Đẳng (do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy).

Âm Bồ Tát thì không một ai chẳng thể làm được! Cho nên về mặt lợi ích, không có một pháp hội nào sánh bằng niệm Phật! Bởi lẽ, pháp môn Niệm Phật thích hợp khắp ba căn, phù hợp căn cơ nhất. Dẫu là đứa con nít bé tẹo vẫn có thể làm được, chứ nếu niệm kinh thì chỉ có một số ít người biết niệm, chẳng phải ai cũng đều biết niệm!

Bốn hay năm năm (5 năm) trước, từ Tứ Xuyên có gởi tới một thông cáo, cho biết vùng Xuyên Trung chiến sự không ngớt, muốn cầu cho chiến tranh ngưng dứt, khuyên hết thảy mọi người niệm chú Lăng Nghiêm. Cần phải biết rằng: Những người có thể tụng đọc chú Lăng Nghiêm thì trong ngàn người khó kiếm được một kẻ! Họ còn in ra rất nhiều bản [chú Lăng Nghiêm] cho người ta đeo và dán trên đầu cửa. Sự việc khá phiền phức, tốn kém lại nhiều, sao bằng niệm Phật hoặc niệm chú Đại Bi hoặc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, so ra thẳng chóng, thích đáng hơn! Vì thế, tôi thấy những kẻ xướng suất, đề nghị tụng chú Lăng Nghiêm thật nực cười! Bởi lẽ, họ chỉ chú trọng phô trương, chứ không quan tâm đến thực chất. Đã là như thế thì lợi ích sẽ kém xa niệm Phật, bởi một câu A Di Đà Phật chính là vô thượng Bồ Đề giác đạo được chứng bởi chính đức Phật. Nếu chúng ta có thể dùng danh hiệu này để tự huân tập [cái tâm mình] thì lâu ngày chầy tháng khí phận sẽ tương đồng với Phật.

Huống chi câu Phật hiệu ấy không một ai chẳng thể niệm được. Dẫu lười nhác, biếng trễ chẳng chịu niệm, nhưng nghe âm thanh niệm Phật của mọi người cũng có lợi ích. So sánh đôi bên, cố nhiên niệm Phật vượt trỗi niệm kinh nhiều lắm! Do niệm Phật giản tiện tột bậc, ngay như kẻ chẳng niệm Phật nhưng nghe âm thanh niệm Phật lọt qua tai liền được gieo thiện căn. Do vậy, một câu Phật hiệu này rót vào trong tám thức điền, trong tương lai khi gặp duyên sẽ nẩy sanh. Ví dù bị oán quỷ, bệnh ngặt bức bách, niệm Phật sẽ đều trừ được. Do vậy, phàm những người có tín tâm niệm Phật hãy nên đem điều này khuyên khắp mọi người khác tu trì, chứ chẳng phải chỉ riêng với cha con, người trong nhà là nên khuyên chỉ, ngay cả với hết thảy những ai hữu duyên cũng đều nên khuyên chỉ như thế.

Hỏi: Một pháp Niệm Phật vì sao lại có thể coi là thích hợp khắp cả ba căn?

Đáp: Tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cực nặng lúc sắp mạng chung, tướng địa ngục hiện, nghe thiện tri thức dạy niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc niệm mấy tiếng liền được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Do kẻ ấy bị khổ sở bức bách, phát tâm khẩn thiết, nên được

thành tựu; chẳng thể nào đem so với kẻ niệm Phật hờ hững, hời hợt để rồi sanh lòng nghi. Đấy là hạ căn. Nếu luận về thượng căn thì từ bậc Sơ Phát Tâm Trụ cho đến Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều phải niệm Phật hồi hướng vãng sanh hòng viên mãn Phật Quả. Do vậy, nói: *"Hết thảy pháp môn đều phải lấy niệm Phật làm chỗ quy túc"*. Nếu chỉ ham cao chuộng xa, bàn nói điều huyền lẽ diệu thì sẽ như đếm vật báu của người khác, chính mình chẳng được nửa xu, rốt cuộc chính mình chẳng được hưởng dùng chi hết! Vì phải đạt tới mức "nghiệp tận, tình không" thì mới có thể liễu sanh tử; nếu chỉ nói xuông, có ích gì đâu?

Cần biết rằng: Kiến Hoặc và Tư Hoặc chính là căn bản sanh tử. Chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận, tình không", sẽ do đâu mà liễu sanh tử được? Niệm Phật cậy vào Phật từ lực nên lợi ích sâu rộng. Vì thế, Thanh Lương quốc sư nói: *"Ngu phu, ngu phụ cắm cúi niệm Phật liền có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu"*. Pháp môn Niệm Phật hợp với thời cơ đời Mạt Pháp nhất. Hòa Thượng Thiện Đạo nói: *"Nếu luận về học Giải thì hết thảy pháp môn đều phải nên học. Nếu luận về tu trì, cần phải chọn lấy một môn khế lý, khế cơ thì mới có lợi ích thật sự"*. Pháp môn Niệm Phật nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân, là khế lý, khế cơ nhất, con người hiện thời đều nên tu trì. Nhưng pháp môn Niệm Phật cũng có rất nhiều lối, cầu lấy một đường lối thỏa đáng thì chỉ có Trì Danh. Ngay như cách tu Quán Tượng, Quán Tưởng cũng có khuyết điểm! Bởi lẽ, tâm địa chẳng sáng suốt, không hiểu rõ cách Quán, chắc là ma sự sẽ dấy lên. Nếu quán Thật Tướng thì ai có thể khế nhập thấu triệt được? Do vậy, người niệm Phật chớ nên chú trọng những gì cao xa, mà hãy nên chuyên chú nơi những gì thực tiễn.

Hễ tưởng nghĩ đến đời sau thì niệm Phật sẽ thật thiết tha, sẽ tự nhiên đạt được những cảnh giới khá tịnh diệu trong hiện tại. Quang khuyên [các hành nhân tu Tịnh Độ] chỉ nên mong đạt được nhất tâm, đừng mong tưởng cảnh giới. Nếu không, khó tránh khỏi bị ma dựa! Trong tháng Tư năm nay, có người gởi thư đến kể những cảnh giới cực kỳ hiểm ác, Quang viết thư cho ông ta, khuyên nên nhiếp tâm tịnh niệm. Tất cả cảnh giới đều là huyễn hóa; với cảnh giới tốt đẹp đừng nên hoan hỷ, với cảnh giới xấu ác đừng nên sợ hãi, chúng sẽ tự tiêu diệt. Cần biết rằng: *"Ngàn sông bóng nước, ngàn trăng rọi; muôn dặm không mây, muôn dặm trời"*. Nếu đạt tới lúc tâm và Phật tương ứng thì có cảnh giới hay không cảnh giới đều được cả! Chưa đạt đến lúc tâm tương ứng với Phật, cứ lầm lạc

muốn thấy cảnh giới thù thắng, nhiệm mầu, thì chính là cái gốc để chuốc lấy ma sự đấy!

Cổ nhân nói: *"Học đạo trong các môn khác như con kiến bò lên núi cao; niệm Phật vãng sanh như đã nương theo gió căng buồm lại còn thuận nước".* Kinh Hoa Nghiêm bao gồm trọn vẹn các pháp, xét đến chỗ quy túc thì chính là hồi hướng vãng sanh Tây Phương. Các kinh Đại Thừa không kinh nào chẳng tán dương Tịnh Độ, nhưng bốn kinh Tịnh Độ chuyên giảng đến tột cùng. Ở Tây Thiên thì các vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v… tự hành, dạy người, đều cùng chỉ quy Tịnh Độ. Nơi Đông Độ, từ khi Viễn Công sáng lập Liên Xã ở Lô Sơn trở đi, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiên Thai, Thiện Đạo v.v… đời nào cũng nghe nói có người, ấy là vì Phật đã sớm biết chúng sanh đời sau căn khí mỏng yếu nên đặc biệt mở ra pháp môn Niệm Phật. Vì thế, các vị Bồ Tát, tổ sư cực lực đề xướng để mong hết thảy chúng sanh đều cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Tục ngữ có câu: "*Thiểu thật thắng đa hư, đại xảo bất như chuyết"* (Thật ít hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng). Pháp môn Niệm Phật phải tu bằng thật hạnh, nên lúc lâm chung Liên Trì đại sư dặn dò đại chúng rằng: *"Xin mọi người hãy thật thà niệm Phật"*. Nếu các vị thật thà niệm Phật sẽ chẳng phụ lòng đức Như Lai đại từ bi đã nói ra pháp môn đặc biệt này!

5. Pháp ngữ khai thị tại Tố Thực Đồng Duyên Xã (Hội cùng kết duyên ăn chay) **ở Nam Kinh**

(Hoàng Sám Hoa và Cung Huệ Vân kính ghi)

Ấn Quang vô tri vô thức, ít tham cứu, ít học hành, nay được các vị đại cư sĩ chèo kéo, quả thật hổ thẹn sâu xa. Trộm nghĩ Phật pháp có năm thừa:

1) Nhân Thiên thừa: Nhân thừa trì Ngũ Giới, được sanh trong loài người. Thiên thừa hành Thập Thiện, được sanh lên cõi trời trong Dục Giới. Nếu còn hành thêm Tứ Thiền, Tứ Định[16] thì sẽ sanh trong các cõi trời Sắc Giới hay Vô Sắc Giới.

[16] Tứ Thiền (Catvāri Dhyānāni): Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, cùng mang chung đặc điểm là lìa cảm thọ nơi Dục Giới, quán sát Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Bốn loại Thiền này có công năng đối trị các tâm sở như Tầm, Tư v.v… tăng trưởng các pháp lạc như Hỷ, Lạc v.v… Đồng thời là căn bản để phát khởi Tứ Vô Lượng Tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả), Bát Giải Thoát, Bát Thắng Xứ, Thập Biến Xứ v.v… nên còn gọi là Căn Bản Định. Tứ Định chỉ bản thể của các địa vị do Duy Thức Tông đã lập

2) Thanh Văn thừa: Tu Tứ Đế, đắc Tứ Sa Môn quả[17].

3) Duyên Giác thừa: Quán Thập Nhị Nhân Duyên, đắc Bích Chi Phật quả.

4) Bồ Tát thừa: Tu lục độ, vạn hạnh, chứng Bồ Tát quả.

5) Phật thừa: Hành đại từ đại bi, thành Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tu Nhân Thiên thừa kiêm hành Bồ Tát thừa và Phật thừa thì chắc chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ đó chăng? Ấy là vì Nhân Thiên thừa chỉ tu Ngũ Giới, Thập Thiện, đều là công đức hữu lậu[18]; chỉ có pháp môn Tịnh Độ này có thể vượt tam giới, liễu sanh tử! Người tu Tịnh Độ ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận; lại còn dùng Tứ Hoằng Thệ Nguyện để mở rộng cái tâm, tự hành, dạy người, khiến cho khắp mọi người trong là cha mẹ, vợ con, ngoài là xóm giềng, làng nước đều cùng tu Ngũ Giới, Thập Thiện và tu pháp môn Tịnh Độ. Dùng tín nguyện sâu niệm Phật cầu sanh Tây Phương, người ấy tuy là phàm phu nhưng thật ra là Bồ Tát. Vì sao vậy? Do cái tâm rộng lớn!

Xưa kia có một vị Sa Di theo hầu một vị tôn giả đi đường, Sa Di chợt phát nguyện tự lợi lợi tha "trên cầu Bồ Đề, dưới hóa độ chúng sanh", tôn giả liền bảo Sa Di đi trước. Sa Di chợt xoay chuyển ý nghĩ: "Chúng sanh nhiều như thế, làm sao để có thể độ thoát cho hết được! Chẳng thà tự lợi thì hơn". Khi ấy, tôn giả liền bảo bước theo sau ngài. Sa Di lại chợt xoay chuyển ý nghĩ: "Vẫn phải nên độ thoát chúng sanh!" Tôn giả lại bảo Sa Di đi trước. Sa Di lấy làm lạ, hỏi lý do, tôn giả bảo: *"Thoạt đầu, con phát đại Bồ Đề tâm tức là Bồ Tát, ta tuy là La Hán nhưng vẫn thuộc Tiểu Thừa. Vì thế phải mời con đi trước. Kế đó, con lại lui sụt Bồ Đề tâm, ta là thánh nhân, con là phàm phu nên theo đúng lẽ phải đi sau. Sau đấy con lại phát Bồ Đề tâm, nên ta vẫn phải thỉnh con đi trước"*. Do câu chuyện này thấy rằng: Phát Bồ Đề tâm công đức vô

---

như Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, tức Minh Đắc Định, Minh Tăng Định, Ấn Thuận Định, Vô Gián Định.

[17] Tứ Sa Môn Quả là Tứ Quả trong Tiểu Thừa, tức: Tư Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán.

[18] Hữu lậu (Sāsrava). Lậu (Āsrava) có nghĩa là rơi mất, rò rỉ, là tên khác của phiền não. Do có phiền não nên con người nẩy sanh lầm lỗi, gánh chịu quả khổ, mê muội lầm lạc lưu chuyển không ngừng trong thế giới, nên gọi là Hữu Lậu. Do tu tập Ngũ Giới, Thập Thiện sẽ có phước báo, nếu không có trí huệ hướng dẫn thì sẽ do phước liền tạo nghiệp, gây nhân sanh tử, khổ não nặng nề trong đời sau nên gọi là "công đức hữu lậu".

lượng vô biên! Chúng ta muốn tăng trưởng thiện căn không thể nào chẳng phát tâm Bồ Đề.

Nay đang thời mạt kiếp, lễ giáo suy vong; muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, ắt trước hết phải đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi. Thánh nhân thế gian nói về nhân quả như *"nhà tích thiện ắt niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa", "làm lành trăm điều tốt đẹp giáng xuống, làm điều bất thiện trăm sự tai ương giáng xuống"* v.v… lời lẽ đơn giản, nhưng ý nghĩa bao trùm; người đời sau quen thói chẳng suy xét. Còn các bậc thánh nhân xuất thế gian thì nói nhân quả tường tận tột bậc. Nhờ đấy, bậc thượng trí liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, kẻ tư cách trung hạ do xét thấy "làm ác mắc quả ác, làm lành được báo lành" cũng gắng sức làm lành. Dẫu là kẻ cùng hung cực ác cũng có phần kiêng sợ chẳng dám làm! Vì thế, nhân quả báo ứng thật sự là một pháp thông trên thấu dưới.

Cũng có kẻ bảo thuyết nhân quả báo ứng là Tiểu Thừa, chẳng biết lục độ vạn hạnh cũng là nhân quả. Từ đức Như Lai đã thành Đẳng Chánh Giác cho đến phàm phu đọa trong địa ngục A Tỳ đều không gì chẳng phải là nhân quả! Bởi thế, Phật giáo đề cao, giảng rõ nhân quả, có lợi sâu đậm cho con người vậy thay! Xưa kia Văn Vương cai trị bằng lòng nhân, ân trạch thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy hai ba trăm năm, phong tục giết người tuẫn táng đã trọn khắp thiên hạ. Lại còn cho rằng "càng giết nhiều càng vẻ vang", thiên tử, chư hầu, sĩ đại phu đều tùy theo khả năng mà giết, rốt cuộc đến khoảng mấy trăm, mấy ngàn người! Ngay như Tần Mục Công là một vị vua hiền, vẫn giết hơn một trăm bảy chục người để tuẫn táng. Ba vị họ Tử Xa[19] chính là bầy tôi hiền của đất nước nhưng đều bị giết để tuẫn táng, huống hồ những kẻ khác ư? Nguyên nhân đều là vì chẳng biết đến nhân quả ba đời vậy! Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc trở đi, chưa hề nghe sử sách chép có chuyện tuẫn táng. Đấy cũng chưa hề chẳng phải là do thuyết nhân quả ba đời của đức Như Lai tạo nên!

Đang trong thời buổi này, sát kiếp lừng lẫy, càng phải nên đề xướng kiêng giết, ăn chay. Sát kiếp do sát nghiệp cảm thành. Sát nghiệp lớn nhất chính là ăn thịt. Do ăn thịt nên cảm vời hết thảy thiên tai, nhân họa,

[19] Tử Xa là một họ cổ của Trung Hoa, vốn là con cháu của một vị đại phu đời Tần tên là Tử Xa, con cháu lấy tên tổ tiên làm họ. Đời Tần Mục Công, nước Tần có ba vị đại phu nổi tiếng hiền tài là Tử Xa Trọng Hành, Tử Xa Yểm Tức và Tử Xa Kiểm Hổ. Khi Tần Mục Công chết, ba ông này đã bị con Tần Mục Công chôn sống để bồi táng Tần Mục Công theo di chúc của vua. Về sau, họ Tử Xa đổi thành họ Xa.

hạn hán, lụt lội, mưa dầm, ôn dịch, sâu rầy. Ăn thịt gây hại quá nhiều, nói chẳng thể hết được, đành nêu một thí dụ để chỉ rõ. Xưa kia vào thời Liệt Quốc[20], ở nước Lỗ có hai gã dũng sĩ, mỗi người ở một nơi. Một hôm gặp nhau, mua rượu cùng uống, một gã nói: "Không thịt chẳng thành cuộc vui! Hãy nên mua thịt". Gã kia nói: "Tôi với anh đều có thịt, cần gì phải tìm thịt ở đâu nữa?" Liền cắt thịt của nhau ăn, lại còn cắt thịt của chính mình để dâng cho nhau đến nỗi chết ngắc!

Trong cái nhìn của chúng ta, hai gã ấy là kẻ đại ngu, nhưng [chúng ta] chẳng biết rằng "kẻ ăn thịt là vì chẳng hiểu rõ nhân quả báo ứng". Mai kia con người chết đi [đầu thai] làm loài thú, thú chết đi thành người, ăn thịt lẫn nhau, có khác chi đâu? Chẳng qua khác biệt ở chỗ cách đời hay cùng thời mà thôi, nhưng còn tệ hơn! Hai gã dũng sĩ chết vì ăn thịt lẫn nhau, nhân quả báo ứng trong một lúc đều xong hết; chứ kẻ ăn thịt nhân quả dây dưa không dứt, báo ứng cũng chẳng có lúc nào xong. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Do con người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như thế cho đến mười loại chúng sanh, chết chết sống sống ăn nuốt lẫn nhau".* Kinh đã dạy rõ ràng như thế, thật đáng kinh hãi! Ở đây,

---

[20] Liệt Quốc là cách gọi gộp chung của hai thời kỳ lớn trong vương triều nhà Châu, tức Xuân Thu và Chiến Quốc (có thuyết coi Liệt Quốc chỉ là tên gọi khác của thời kỳ Chiến Quốc).

1) Thời kỳ Xuân Thu (770-476 trước Công Nguyên), tên gọi này bắt nguồn từ bộ sử nước Lỗ do Khổng Tử san định với tên gọi là Xuân Thu. Thời kỳ Xuân Thu bắt đầu từ năm Châu Bình Vương nguyên niên đến năm bốn mươi ba đời Châu Kính Vương. Châu Bình Vương (Cơ Nghi Cữu) là con của Châu U Vương, mẹ là Thân Hậu (con gái vua nước Thân). Châu U Vương say mê thứ phi Bao Tự, toan truất phế Nghi Cữu để lập con Bao Tự là Bá Phục làm Thái Tử, tống giam mẹ con Nghi Cữu. Nghi Cữu trốn về nước Thân. Vua nước Thân liền liên kết với vua nước Tắng và rợ Khuyển Nhung, đánh bại U Vương, đốt cháy Cảo Kinh. Nghi Cữu lên ngôi, trở thành Châu Bình Vương. Do quốc khố lẫn kinh đô tan hoang, Bình Vương phải dời đô sang Lạc Dương. Sử gọi là nhà Đông Châu. Từ đấy, thế lực nhà Châu suy yếu, chư hầu nổi lên lấn quyền, xưng bá, lần lượt có năm chư hầu mạnh nhất (Xuân Thu Ngũ Bá) nối nhau nắm quyền là: Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công và Sở Trang Vương (có sách kể Ngũ Bá là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Ngô Hạp Lư và Việt Câu Tiễn).

2) Thời kỳ Chiến Quốc (476-221 trước Công Nguyên). Do trong thời kỳ này các nước (đặc biệt là bảy nước lớn Tần, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Yên) đánh nhau loạn xà ngầu nên gọi như thế. Thời kỳ này kết thúc khi Tần Thủy Hoàng thôn tính sáu nước kia, diệt các nước nhỏ còn sót lại như Châu, Tống, Vệ, Trung Sơn, Lỗ, Đằng, Trâu, Phí v.v.. lập ra đế quốc Đại Tần.

tôi lại lược thuật vài nghĩa để làm sáng tỏ đạo lý [vì sao] "không nên ăn thịt".

1) Do cái tâm bất nhẫn: Hết thảy những loài có linh tánh đều cùng một thể. Do thương dân mà yêu vật, nguyên khí thái hòa tràn ngập nhân gian. Do vậy, biết rằng giết chóc sanh linh là chuyện hoàn toàn chẳng có nghĩa lý gì cả! Hết thảy chúng sanh đều tham sống sợ chết, sao ta nỡ lòng tàn hại sanh mạng để thỏa thích miệng bụng?

2) Nhân quả báo ứng: Hết thảy sanh linh đều do xưa kia chẳng biết nhân quả nên bị đọa lạc trong loài súc sanh. Nay ta giết chúng để ăn thịt, mai sau khi chúng đã hết ác báo, sát nghiệp của ta mới thành, ta cũng sẽ làm thịt trên thớt của chúng! Do vậy, kiêng giết, ăn chay chẳng phải là tính toán cho sanh linh mà cũng là tính kế cho chính thân ta vậy!

Ông Lưu Ngọc Thụ giữ chức Hàn Lâm đời Minh, đỗ thuyền ở Tô Châu, mộng thấy một người đàn ông to lớn đến cầu cứu, tự xưng là thiên tướng quân[21] Tào Hàn, do tàn sát Giang Châu nên đời đời mang thân lợn: "Nơi lò mổ ở ngay trước bến thuyền, trong chốc lát, con lợn bị giết đầu tiên chính là tôi đấy. Xin hãy cứu vớt!" Ông ta tỉnh giấc quả nhiên thấy gã đồ tể sắp giết lợn liền mua đem về thả trong một ngôi chùa tại Xương Môn[22]. Hễ có ai kêu "Tào Hàn", con lợn ấy đều quay đầu ngó. Điều này có thể chứng tỏ con người biến thành súc sanh, súc sanh biến thành người. Những chuyện về hoạt Diêm Vương, hoạt tiểu quỷ được chép trong sách vở rất nhiều. Đấy đều là thiên địa quỷ thần hé lộ một chút tin tức về nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để răn nhắc người đời vậy.

3) Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ, quyến thuộc của ta trong quá khứ! Chúng ta đã biết rõ nhân quả luân hồi: Trong một đời có cha mẹ quyến thuộc trong đời ấy. Trải qua nhiều kiếp sống, sẽ có cha mẹ, quyến thuộc trong nhiều kiếp sống. Cha mẹ, quyến thuộc trải nhiều kiếp số như thế luân hồi trong sáu nẻo, trong số ấy có những người làm ác, khó tránh khỏi đọa trong tam đồ. Vì thế, đối với lục đạo chúng sanh, chúng ta phải coi như cha mẹ, vợ con. Lẽ nào con hiếu cháu hiền lại ăn nuốt cha mẹ ư? Há có cha mẹ hiền từ nào lại ăn nuốt con cái ư? Hễ suy nghĩ đến điều này sẽ chẳng nỡ ăn mà cũng chẳng dám ăn nữa!

---

[21] Thiên Tướng Quân là một quan chức đã có từ thời Tam Quốc. Thiên Tướng và Tỳ Tướng là hai chức quan võ nhỏ nhất, chuyên được sai đi đánh trận, làm tướng tiên phong, hoặc chỉ huy những trận đánh nhỏ. Thiên Tướng cao hơn Tỳ Tướng một trật, nhưng cả hai đều thuộc ngạch Cửu Phẩm.

[22] Xương Môn là tên một cửa thành của cố đô Cô Tô nước Ngô (nay thuộc Tô Châu).

Ngay cả cúng giỗ tổ tiên cũng chớ nên dùng thịt, bởi lẽ, mang tiếng là kính trọng chứ thật ra đã làm hại tổ tiên! Còn như dùng thịt để dâng cho cha mẹ, đều khiến cho cha mẹ tổn phước, mắc họa ương! Cha mẹ là người có phước đức thiện căn thì phước đức thiện căn ấy sẽ bị hao tổn. Nếu là kẻ không có phước đức thiện căn thì ta đã tăng thêm ác nghiệp giết hại cho họ. Xưa kia, lúc đức Phật tại thế, một bà góa nhân giỗ đầu của chồng đi mua thịt về cúng. Trên đường đi gặp Như Lai, Như Lai dạy: *"Thịt này là do chồng bà chuyển biến thành. Há nên dùng thịt của chồng để cúng giỗ hồn chồng?"* Theo lẽ đó mà suy thì kính trời đất, tế quỷ thần cũng chớ nên dùng thịt. Thiên địa quỷ thần lẽ đâu chẳng hiểu sâu xa nhân quả, lại tham thứ thịt bẩn thỉu, tanh tưởi ấy mà đến chứng giám, hưởng nhận ư? Do vậy kẻ dùng huyết nhục để cúng tế muốn cầu phước, đâm ra lại mắc họa!

4) Hết thảy chúng sanh đều là chư Phật trong vị lai. Bởi lẽ, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ làm Phật. Vì thế, họ là vị lai chư Phật. Hơn nữa, trong loài súc sanh đôi khi có Phật hay Bồ Tát hóa hiện trong ấy nhằm tạo phương tiện độ sanh như chuyện Bạc Hà được chép trong Thanh Lương Chí: Một vị Tăng ở Ngũ Đài gặp một vị Tăng lạ lùng lấy ra một bức thư dặn giao cho Bạc Hà, nhưng không nói rõ địa chỉ. Một hôm [vị Tăng ấy] đi qua Vệ Huy thấy một lũ trẻ nhỏ hô "Bạc Hà", vị Tăng hỏi: "Bạc Hà ở đâu?" Bọn trẻ chỉ con lợn đang nằm dưới vách tường, bảo: "Chẳng phải là nó đó sao?" Tăng cầm thư gọi "Bạc Hà", rồi ném thư cho lợn. Con lợn đứng lên như người, dùng hai chân trước nhận lấy, bỏ thư vào miệng rồi chết đứng. Khi ấy mới biết con lợn ấy chính là do Bồ Tát biến hiện.

Gã đồ tể [chủ nhân của Bạc Hà] giết lợn rất nhiều. Nếu đem con lợn sắp bị giết đến trước mặt Bạc Hà thì nó liền để mặc cho giết, trọn chẳng chạy trốn, kêu gào. Vì thế, gã đồ tể yêu mến Bạc Hà, mỗi lần muốn giết lợn, cứ dắt Bạc Hà đi vòng quanh con lợn ấy thì cũng giống như đã giết chết con lợn đó rồi! Vì thế vẫn nuôi [Bạc Hà] nhiều năm không giết. Hơn nữa, con lợn ấy sạch sẽ, thích ăn bạc hà nên đặt tên như vậy. Thoạt đầu, vị Tăng ấy nhận lá thư của vị Tăng lạ lùng rồi ra đi, giữa đường suy nghĩ: "Thư này sẽ giao đến nơi đâu?" bèn lén bóc ra, thấy đại ý viết: *"Độ chúng sanh nếu [họ đã] được độ thoát thì hãy mau quay về để lâu ngày khỏi bị mê mất".* Vị Tăng lấy làm lạ, dán phong thư lại. Đến nay mới biết Bạc Hà chính là đại Bồ Tát vậy. Đi quanh con lợn một vòng thì bầy lợn liền chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Oai đức thần lực ấy há nghĩ bàn được chăng?

Thêm nữa, Đường Văn Tông (809-840) thích ăn nghêu, một bữa nọ có con nghêu ngậm chặt vỏ không tách ra được. Vua liền đích thân tách ra, thấy bên trong có tượng Quán Âm Đại Sĩ bằng thịt sò, trang nghiêm dị thường, Do vậy, có thể biết là có còn nên ăn thịt hay không? Nếu ăn lầm phải thân Phật, Bồ Tát hóa hiện thì tội lỗi ấy sẽ chẳng thể nào kể xiết! Nếu chúng ta biết được lý này sẽ tự chẳng dám ăn thịt mà cũng chẳng nỡ ăn thịt.

Chúng ta hãy nên thật vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, chẳng cần phải tu pháp nào khác nữa! Nếu cậy vào tự lực để tu Thiền Định hòng liễu sanh tử sẽ rất ư là khó! Do pháp ấy cần phải đạt đến mức nghiệp tận tình không, đoạn sạch Kiến Hoặc, Tư Hoặc mới thoát khỏi sanh tử. Lúc đức Phật tại thế, chẳng thiếu người đoạn sạch được Kiến Hoặc, Tư Hoặc chẳng còn sót; nhưng trong thời đại Mạt Pháp, căn tánh kém hèn, thật chẳng dễ có bậc đoạn Hoặc chứng Chân! Chỉ có một môn Tịnh Độ là có thể vào lúc lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh rồi!

Hơn nữa, chớ nên coi pháp môn Tịnh Độ quá nhẹ, vì hàng Pháp Thân đại sĩ như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v… đều chẳng thể vượt ra ngoài pháp môn này được! Mà cũng chớ nên nghĩ là quá khó, bởi lẽ, hễ ai có tâm đều có thể thành Phật. Chỉ trì vạn đức hồng danh của A Di Đà Phật thì như đã được trao bằng khoán vãng sanh. Kẻ tu Tịnh Độ hãy nên hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp, ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều tốt lành. Đấy là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật. Kế đó, thọ trì Tam Quy, trọn đủ Ngũ Giới, chẳng phạm oai nghi. Tiếp đến là tin sâu nhân quả, phát Bồ Đề tâm, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả, nhưng đều phải lấy điều thiện thế gian như hiếu dưỡng cha mẹ v.v… làm căn bản.

Nếu y theo các pháp môn khác thì đều phải cậy vào tự lực, giống như vượt qua biển cả, hễ kẻ nào có cánh thì sẽ có thể bay vượt qua, chứ kẻ chỉ nổi được thì chưa đủ để trông cậy, huống hồ kẻ chẳng thể nổi được ư? Cậy vào Phật lực giống như ngồi thuyền vượt biển, trong khoảnh khắc liền đến bờ kia. Lại như thân phận thường dân muốn được quý hiển, thật chẳng phải là chuyện dễ! Nhưng vương tử vừa mới sanh ra đã là người nối ngôi vua! Tự lực, tha lực, khó - dễ, được - mất trong đấy chẳng thể nào cùng một lúc nói cho xiết được! Thường thấy kẻ tự xưng là thông Tông thông Giáo chẳng tin vào pháp môn Tịnh Độ, lại còn cho

đấy là hạnh dành cho bọn ngu phu ngu phụ hành trì, sao chẳng nhìn vào chuyện đã xảy ra cho Đại Trí luật sư, Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vậy?

Đại Trí luật sư thoạt đầu rất miệt thị Tịnh Độ, sau đọc Tục Cao Tăng Truyện, thấy pháp sư Huệ Bố nói: *"Cõi ấy tuy tịnh, nhưng ta chẳng muốn. Giả sử trong mười hai đại kiếp sống trong hoa sen, hưởng các khoái lạc, sao bằng ta ở trong đời ác Ngũ Trược giáo hóa chúng sanh ư?"* liền sanh phỉ báng. Về sau do bị bệnh nặng, mới biết chính mình trọn chẳng có mảy may bản lãnh gì để trông cậy, liền phát nguyện đến hết báo thân này hoằng dương Tịnh Độ. Suốt hai mươi mấy năm, tay chẳng rời kinh Phật, lấy Tịnh Độ làm chỗ nương tựa, quy hướng. Thiền sư Ngũ Tổ Giới, thiền sư Thảo Đường Thanh công hạnh cao cả vượt trỗi những kẻ tầm thường, chỉ vì chưa thể đoạn sạch Kiến Hoặc, Tư Hoặc, nên vẫn phải luân chuyển trong nhân gian. Vì thế biết liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh mà bỏ Tịnh Độ thì không có kế sách tốt đẹp nào cả!

Pháp môn Niệm Phật cần phải đầy đủ Tín - Nguyện - Hạnh. Tín đã sâu, ắt sẽ phát nguyện thiết tha. Nguyện đã phát thiết tha, ắt sẽ dốc sức hành trì. Chỉ niệm Di Đà chẳng cần kèm thêm pháp nào khác nữa. Hãy nên dùng lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chấp trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, tâm niệm tai nghe, từng câu từng chữ phân minh. Niệm cho phân minh, nghe cho phân minh sẽ là chánh nhân vãng sanh. Đã dùng pháp này để tự hành, ắt lại phải đem pháp này dạy bảo người khác thì công đức giáo hóa ấy sẽ quy về chính mình. Quả thật là tư lương vãng sanh tối thắng!

Nhưng trước hết hãy nên khuyên cha mẹ, anh em, vợ con trong nhà chính mình, lấy thân làm gốc, từ thân đến sơ. Thêm nữa, nhờ vào công đức niệm Phật, không những có thể vãng sanh Tây Phương mà còn có thể tiêu trừ những tai họa lạ lùng, ngang trái. Phàm bệnh tật do oán nghiệp chẳng thể chữa trị được mà nếu chí thành niệm Phật thì lâu ngày sẽ đều được khỏi bệnh. Bởi lẽ, thầy thuốc chỉ trị được bệnh, chứ không thể trị được nghiệp. Chỉ có niệm Phật là trị được thân bệnh lẫn tâm bệnh, không có gì chẳng trị được! Cúi mong các vị cư sĩ đều nên phát tâm Bồ Đề, đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, ấy gọi là "dùng quả địa giác làm nhân địa tâm" cho nên được "nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân", thật đáng gọi là pháp hy hữu rất khó có vậy! *(Tháng Bảy năm Bính Dần - 1926)*

6. Pháp ngữ khai thị tại Thế Giới Phật Giáo Cư Sĩ Lâm

(Hiển Ấm bút ký)

Vấn đề quan trọng nhất trong Phật pháp chính là liễu sanh tử. Nếu luận về đại sự liễu sanh tử ấy thì rất khó khăn. Bọn phàm phu chúng ta căn cơ kém cỏi, hiểu biết nông cạn; đã thế, trong đời ác Ngũ Trược tà sư ngoại đạo thật đông! Muốn liễu thoát sanh tử, rốt cuộc phải như thế nào mới liễu thoát được? Chỉ có pháp môn Niệm Phật, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, tinh tấn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ [thì mới liễu thoát được]. Trong Phật pháp có nhiều phương tiện, tham Tông học Giáo đều có thể liễu thoát sanh tử, cớ sao cứ phải nhất định niệm Phật vậy? Ấy là vì tham Tông nghiên Giáo đều phải cốt sao đạt đến mức cùng cực, nếu như thật sự tu chứng được thì mới có hy vọng. Đấy chính là hoàn toàn cậy vào tự lực, há nói dễ dàng ư?

Niệm Phật là nương tựa vào Phật lực gia bị, tức là kiêm cậy vào Phật lực, tự nhiên chắc chắn có chỗ nắm vững được! Ví như vượt biển, cậy vào tự lực sẽ giống như bay vượt qua biển, còn cậy vào Phật lực như ngồi thuyền Từ. Bay vượt qua biển khó thể chẳng lo bị rơi xuống; ngồi thuyền Từ chắc chắn có bữa đến được bờ kia. Sự khó - dễ, an - nguy trong ấy chắc mọi người đều đã phân biệt đến nơi đến chốn rồi! Nói chung, cậy vào tự lực để tham Thiền ngộ đạo liễu sanh tử, nhưng chưa về đến nhà (chưa chứng đến mức rốt ráo) thì thường là chẳng dễ dàng thực hiện được! Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chỉ cần tín nguyện chân thiết hành trì kiên cố, sẽ có công năng liễu thoát.

Nếu luận về sự khó - dễ giữa tự lực và tha lực cũng như [sự khó - dễ] giữa Thiền và Tịnh thì nói rõ ràng nhất, minh bạch nhất, không chi bằng Tứ Liệu Giản của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư. Chiếu theo Tứ Liệu Giản để nói thì người chẳng thông Tông thông giáo cố nhiên phải nên niệm Phật, nhưng kẻ thông Tông thông Giáo lại càng phải niệm Phật! Tuy thông nhưng chưa chứng nói chung đều phải niệm Phật để liễu sanh thoát tử thì mới đúng đạo lý. Vĩnh Minh đại sư chính là A Di Đà Phật hóa thân, đại từ, đại bi khai hóa chúng sanh. Tứ Liệu Giản như sau:

Có Thiền có Tịnh Độ,
Ví như cọp đội sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ.

Không Thiền, có Tịnh Độ,
Vạn tu, vạn người về,
Chỉ được thấy Di Đà,
Lo chi không khai ngộ.

Có Thiền, không Tịnh Độ,
Mười kẻ, chín chần chừ,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, không Tịnh Độ,
Giường sắt với cột đồng,
Vạn kiếp lẫn ngàn đời,
Không có người nương tựa.

Bài kệ Tứ Liệu Giản gồm mười sáu câu trên đây đúng là thuyền Từ, mong mọi người hãy nên chú ý! Muốn hiểu rõ ý nghĩa của bài Tứ Liệu Giản này thì trước hết cần phải hiểu rõ ràng thế nào gọi là Thiền, thế nào gọi là Tịnh, thế nào gọi là Có, thế nào gọi là Không. Đã thấy rõ được ý nghĩa của bốn chữ "*Thiền, Tịnh, Có, Không"* này rồi thì mới hiểu rõ được ý nghĩa của Tứ Liệu Giản. Do vậy, tôi đem ý nghĩa của *"Thiền, Tịnh, Có, Không"* quyết trạch đại lược như sau:

Nói tới Thiền chính là "trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật", hoặc như trong Giáo gọi là "đại khai viên giải, triệt chứng bản giác lý thể của nhất niệm linh tri". Do vậy, phải đích thân thấy được bản lai diện mục thì mới được kể là *"có Thiền".* Nếu không, chẳng thể coi là Có! Nói đến Tịnh thì là pháp môn "tín sâu, nguyện thiết, cầu sanh Tịnh Độ" như đã dạy trong ba kinh Tịnh Độ. Tự tâm tịnh thì quốc độ tịnh, do tự lực cảm nên Phật lực ứng. Điều cần thiết bậc nhất là lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, hạnh tinh tấn dũng mãnh. Do vậy, cần phải có lòng tin quyết định không nghi. Chí thành khẩn thiết phát nguyện, lại còn hành trì nhất định chẳng thay đổi thì mới kể là *"có Tịnh Độ".* Nếu không, chẳng thể kể là có [Tịnh Độ] được! Người đời thường nghĩ ngồi như đã chết khô, khán chết cứng một câu thoại đầu là *"có Thiền"*, niệm Phật sơ sài, loáng thoáng vài câu bèn kể là *"có Tịnh Độ".* Ấy chính là lầm lẫn lớn lao lắm đấy!

Nói chung, *"có Thiền"* chính là có công phu minh tâm kiến tánh. *"Có Tịnh Độ"* là Niệm Phật đến mức chắc chắn được vãng sanh. Đấy

chính là đạo lý khẩn yếu nhất! Nhưng minh tâm kiến tánh chỉ là khai ngộ chứ vẫn chưa chứng, trọn chẳng thể liễu sanh tử. *"Hễ ngộ được thì không còn sanh tử"* chẳng phải là lời lẽ của người đã chứng nhập! Hãy nên biết rằng: Ngộ là mở mắt, ngộ rồi mới có đường lối để chân tu thực chứng. Kẻ chưa ngộ chẳng khỏi tu mù, luyện đui, sụp hầm, sa hố! Do bởi lẽ ấy, trước hết cần phải khai ngộ. Đấy chính là công phu ban đầu. Nếu bàn đến chuyện "muốn về được đến nhà" thì chính là dốc sức tiến bước để làm chuyện "đang cháy lại đổ thêm dầu" đấy chăng?

Câu thứ nhất trong Tứ Liệu Giản *"Có Thiền, có Tịnh Độ"* nghĩa là đã có công phu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Lại còn có lòng tin chân thật, phát nguyện cầu sanh Tây Phương. Đại triệt đại ngộ giống như mãnh hổ, lại có bản lãnh niệm Phật để liễu sanh tử thì há chẳng phải là như cọp mọc sừng ư? Do vậy, nói: *"Ví như cọp đội sừng"*. Dùng sở ngộ và sở hạnh của chính mình để giáo hóa chúng sanh. Kẻ nên dùng Thiền cơ để độ bèn giảng Thiền. Kẻ nên dùng Tịnh tông để độ được bèn giảng Tịnh. Nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để độ bèn dùng pháp môn Thiền Tịnh để hóa độ. Do vậy lời lẽ chẳng phí uổng, không căn cơ nào chẳng nhiếp, mở mắt cho chúng sanh, làm bậc thầy khuôn mẫu cho trời người, nên nói là: "*Hiện đời làm thầy người"*. Bởi lẽ, người minh tâm kiến tánh niệm Phật cầu sanh sẽ thấy thấu triệt tự tánh Di Đà, quyết chứng được duy tâm Tịnh Độ, khi lâm chung sẽ Thượng Phẩm Thượng Sanh. Trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, liền chứng được địa vị Sơ Trụ trong Viên giáo, phân thân làm Phật trong một trăm thế giới, tùy loại ứng hiện hóa độ chúng sanh. Đấy gọi là chân tinh tấn, đấy gọi là đại trượng phu, tương lai làm Phật, làm Tổ, chân ngữ, thật ngữ! Ngưỡng mong đại chúng hãy tin tưởng chắc thật!

Bài kệ Liệu Giản thứ hai nói tới kẻ chưa từng đại triệt đại ngộ, cậy vào sức của chính mình quyết khó mong liễu sanh tử! Do vậy, phát nguyện cầu Phật tiếp dẫn, tu hành pháp môn Tịnh Độ nên nói: *"Không Thiền, có Tịnh Độ"*. Chỉ cần tin tưởng sâu xa, chỉ cần phát nguyện, chỉ cần niệm Phật thì bất luận là ai đều có thể vãng sanh. Vì thế nói: *"Vạn tu, vạn người về"*. Nếu có ai chẳng thông hiểu đạo lý, niệm Phật chỉ cầu phú quý, cầu sanh lên trời thì những người như thế chẳng thể kể là *"có Tịnh Độ"*. Chẳng được sanh về Tây Phương thì chỉ trách chính mình chẳng phát nguyện, chẳng thể trách móc từ phụ Di Đà không đến tiếp dẫn! Nếu có thể phát nguyện cầu sanh thì nói chung sẽ được vãng sanh. Đã được vãng sanh, đích thân thấy Phật Di Đà, nghe giảng diệu pháp, tức thời khai ngộ. Trong một đời liền chứng A Bệ Bạt Trí, địa vị Bất

Thoái Chuyển. Vì thế nói: *"Chỉ được thấy Di Đà, lo chi không khai ngộ"*. Nhìn từ đây, pháp môn Tịnh Độ quả thật là không một điều tốt đẹp nào chẳng có!

Bài kệ Liệu Giản thứ ba nói tới những kẻ tuy có thể đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, do vì chưa về đến nhà sẽ chẳng hưởng sự an thân lập mạng được, nên nói: "*Hữu Thiền, vô Tịnh Độ, thập nhân cửu tha lộ"* (Có Thiền, không Tịnh Độ, mười kẻ, chín chần chừ). Nói: *"Thập nhân, cửu tha lộ"* (Mười kẻ, hết chín kẻ chần chừ trên đường) nghĩa là "tuy có thể khai ngộ" nhưng chưa nhất định chứng đến nơi đến chốn, vì thế nói là *"tha lộ"* (chần chừ trên đường). Có kẻ [chép câu Liệu Giản này thành] *"thập nhân cửu thác lộ"* (mười người chín lầm đường) thì hai chữ *"thác lộ"* là sai! Há có bậc Thiền gia đại triệt đại ngộ nào lại là kẻ lầm đường ư? Bậc đại triệt đại ngộ nhưng chưa thật sự đạt đến địa vị an thân lập mạng, cho nên sợ rằng khi phải qua cửa ải sanh tử chưa chắc đã có thể đích xác làm chủ được. Khi lâm chung sẽ theo nghiệp lưu chuyển, bị các nghiệp thiện hay ác trong nhiều đời ngăn lấp mà thọ sanh, đáng kinh sợ, đáng sợ hãi thay! Thật chẳng bằng cầu Phật tiếp dẫn là ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng nương tựa nhất. Vì thế nói: *"Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó". "Ấm cảnh"* ở đây chỉ cho nghiệp cảnh thiện ác từ vô thủy đến nay, chứ không phải là Ngũ Ấm Ma Cảnh. Há bậc Thiền gia đại triệt đại ngộ lại chẳng nhận biết Ngũ Ấm Ma hay sao? Có lẽ ấy hay chăng?

Bài kệ thứ tư: *"Không Thiền, không Tịnh Độ"* là nói đến những kẻ chẳng biết tu tâm. Đã không có công phu minh tâm kiến tánh, lại chẳng hành trì phát nguyện niệm Phật thì đúng là nguy lắm. Đấy chính là những kẻ tu tâm nhưng chưa khai ngộ, nói chung là hạng tu mù luyện đui, chẳng thể giải thoát. Tuy nhiên, hễ tu thì có phước báo, không gì chẳng phải là nghiệp nhân sanh tử. Phước báo lớn, tạo nghiệp càng sâu. Phước hết, họa tới, tội báo khó trốn khỏi được! Nỗi khổ trong địa ngục há thể nào may mắn tránh khỏi được ư? Sanh tử luân hồi nương tựa vào ai? Do vậy đọc xong bốn bài kệ Liệu Giản này đúng là "mắt ngó tới, lòng kinh hãi". Mong mọi người đều biết nỗi khổ sanh tử, phát Bồ Đề tâm. Kẻ không có Tịnh Độ hãy mau mau phát nguyện tu hành, biến thành "có Tịnh Độ". Kẻ có Tịnh Độ vẫn phải tinh tấn dũng mãnh, lấy quyết định sanh về Tây Phương làm điều kỳ vọng. Khẩn yếu lắm đấy!

Mọi người phải hiểu rằng cậy vào tự lực để tu trì thì chính mình sẽ có những loại lực nào? Chỉ là nghiệp lực từ vô thủy đến nay! Do vậy, muôn kiếp ngàn đời khó được giải thoát! Cậy vào hoằng thệ đại nguyện

lực của A Di Đà Phật sẽ tự nhiên hoàn thành chỉ trong một đời. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Đã đến núi báu, đừng trở về tay không! Lại phải nên biết rằng: Pháp môn Niệm Phật chẳng phải là chuyên dành cho hạng hạ căn mà chính là thích hợp khắp cả ba căn. Bất luận lợi căn, độn căn, thượng trí, hạ ngu, cho đến Đẳng Giác Bồ Tát đều hướng đến pháp môn này thì sau này mới có thể thành Phật. Do vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học với khắp các bậc đại thiện tri thức, chứng nhập các môn Đà La Ni trong pháp giới hải hội. Cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Nhìn từ chỗ này, pháp môn Tịnh Độ đúng là pháp môn cao thượng nhất, viên mãn nhất. Nếu báng bổ [niệm Phật] là hạnh của bọn ngu phu ngu phụ thì đúng là báng Phật, báng Pháp, là chủng tử địa ngục! Kẻ chẳng tin Tịnh Độ ngu cuồng đọa lạc, là kẻ đáng thương tột bậc!

Sở dĩ pháp môn Tịnh Độ cao thượng như thế là vì những giáo lý tu tâm thông thường hoàn toàn cậy vào tự lực, chỉ có Tịnh Độ là kiêm cậy vào Phật lực, là giáo lý đặc biệt, chẳng phải là giáo lý phổ thông. Dùng tầm mắt phổ thông để nhìn giáo lý đặc biệt, tự nhiên sẽ thấy chẳng thỏa đáng! Giáo lý phổ thông cậy vào tự lực giống như tiến thân trên đường công danh, phải lên cao từng bước. Tịnh Độ là giáo lý đặc biệt cậy vào Phật lực, ví như sanh trong cung vua, vừa lọt lòng mẹ liền là người nối ngôi vua. Sự khó - dễ, cong - thẳng, chẳng cần phải là người trí mới biết được! Tịnh Độ đạo tuy cao quý, nhưng pháp chẳng có lạ lùng, đặc biệt gì, chỉ cần tâm thiết tha cầu Phật, tự nhiên sẽ được Phật gia bị. Hãy nên biết rằng: Phật nghĩ nhớ, che chở chúng sanh còn hơn cha mẹ yêu con. Do vậy, hễ có cảm ắt có ứng; nhưng Phật tánh thiên chân sẵn có của chúng ta chiếu trời soi đất, hằng cổ, hằng kim, dẫu là kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, linh quang sẵn có của hắn ta vẫn chẳng giảm một mảy may nào! Nhưng như gương sáng bị bụi phủ, kẻ ngu cho là chẳng có quang minh, trọn chẳng biết lau chùi để trừ trần cấu thì quang minh lại hiển hiện rành rành.

Do vậy, niệm A Di Đà Phật tức là dùng Phật niệm để thay cho vọng niệm. Đấy chính là phương pháp khử trần cấu tốt nhất. Niệm tới niệm lui không gì chẳng nhằm hiển lộ A Di Đà Phật sẵn có trong tự tâm. Tự lẫn tha tương ứng, cảm ứng đạo giao, diệu nghĩa vãng sanh không thể nói xuể! Người niệm Phật chỉ cần chí thành khẩn thiết, tâm giống như tâm Phật, hành hạnh giống như hạnh Phật, có một phần cung kính được một phần lợi ích, có một phần kiền thành được một phần thụ dụng. Mong mọi người hãy nỗ lực!

Hiện thời, thế đạo ngày một suy, nhân tâm ngày một hoại, muốn bổ cứu từ căn bản thì phải chú trọng nơi giáo dục trong gia đình. Trị quốc, bình thiên hạ, phải bắt đầu từ tề gia. Do vậy, quyền lực "trị quốc, bình thiên hạ" phụ nữ chiếm quá nửa. Phụ nữ chú trọng nơi mẫu giáo (sự dạy dỗ của mẹ), mẹ dạy con noi theo quy củ, tập quen từ thuở bé, lớn lên sẽ thực hiện. Nhân cách tốt đẹp phải được bắt nguồn từ tuổi măng sữa. Vì thế, chức trách, nhiệm vụ "giúp chồng dạy con" của phụ nữ lớn lắm.

Những vị nữ cư sĩ phải biết phụ nữ được gọi là Thái Thái là vì vào buổi đầu khai quốc của nhà Châu, Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều hiền đức tột bậc, là bậc mẫu nghi của thiên hạ. Do vậy, gọi phụ nữ là Thái Thái. Các vị nữ cư sĩ hãy nên biết danh xưng Thái Thái đáng tôn, đáng quý, ai nấy tận hết chức trách bổn phận giúp chồng dạy con để làm cơ bản trị quốc bình thiên hạ, ngõ hầu danh xứng với thực. Nói đến chỗ cùng cực của tu tâm thì vẫn là hai câu: *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành"*. Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói được, nhưng ông lão tám mươi làm không xong! Người rốt ráo làm được hai câu ấy đã ở vào địa vị chư Phật. Do vậy, mong hết thảy những thiện nam tín nữ tu tâm hãy hết sức chú ý. Ngàn lời vạn lẽ nói chung là "phải tu tâm để liễu sanh tử!" Nếu luận tới chỗ mấu chốt khẩn yếu nhất của tu tâm để liễu sanh tử thì là *"đừng làm các điều ác, vâng hành các điều lành, phát nguyện niệm Phật"*. Mong mọi người ghi nhớ mấy ý nghĩa này cẩn thận, chắc chắn sẽ tự nhiên giải quyết xong sanh tử, chứng Phật đạo. Xin hãy gắng lên!

7. Pháp ngữ khai thị tại Thế Giới Phật Giáo Cư Sĩ Lâm ngày lễ kỷ niệm đức Thích Ca thành đạo

(Cổ Nông tốc ký)

Hôm nay là ngày đức Phật Thích Ca thành đạo mà cũng là ngày chúng ta thành đạo. Vì sao vậy? Vào ngày hôm nay, sau khi đức Phật Thích Ca thành Phật liền vì chúng sanh nói mọi pháp thành Phật; chúng ta chỉ y theo pháp để tu nhân liền có thể thành tựu Phật quả, chẳng khác gì đức Phật Thích Ca. Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã thọ ký cho chúng ta: *"Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành"*. Đại chúng biết mình là "Phật sẽ thành" liền có thể mạnh mẽ gắng sức, chẳng còn tự coi rẻ, phụ bạc chính mình nữa, quét sạch hết thảy nghiệp chướng, tích tập hết thảy công đức, trong tương lai thành đạo. Nay đã quyết định, nên nói: *"Cũng là chúng ta thành đạo!"*

Kinh Pháp Hoa dạy: *"Như Lai vốn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, muốn làm cho chúng sanh khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến, nhập Phật tri kiến"*. Có nghĩa là "đức Phật đã nói ra mọi pháp môn không gì chẳng nhắm tới mục đích muốn làm cho chúng sanh được thành Phật". Nhưng vì chúng sanh căn khí bất nhất: Kẻ căn khí lớn lao bèn tu tập đại pháp, thành Phật ngay trong đời hiện tại; kẻ căn khí nhỏ nhoi chẳng thể tu đại pháp, đức Phật bèn lập phương tiện, dạy họ Tiệm Tu (tu dần dần theo từng bước). Tuy vẫn có người có thể liễu sanh tử ngay trong đời hiện tại, nhưng hết sức ít ỏi. Do lòng đại từ đại bi, ngoài hết thảy các pháp môn cậy vào tự lực, đức Phật lập nên một pháp môn cậy vào Phật lực, tức là pháp môn dạy chúng sanh "niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ". Do vậy, bất luận căn khí lớn hay nhỏ đều được cậy vào Phật lực để liễu sanh thoát tử; đại sự nhân duyên của đức Phật ta cũng nhờ vào đây mà được viên mãn.

Hiện thời, chúng ta thọ mạng ngắn ngủi, trí huệ lại ít ỏi, hãy đều nên nương theo pháp môn Niệm Phật để tu trì hòng vãng sanh Tây Phương. Chớ nên tự đại, coi Tây Phương chẳng đáng để sanh về, khinh rẻ pháp môn Niệm Phật! Cần biết rằng: Niệm Phật tức là tâm quý vị là Phật. Nếu không niệm Phật, tâm quý vị chẳng phải là Phật! Quán kinh dạy: *"Tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*. Nếu ai không niệm Phật thì vẫn chẳng thể vô niệm được! Đã không thể vô niệm mà lại chẳng niệm Phật, ắt sẽ niệm lục phàm[23], vọng tưởng điên đảo đều thành cội rễ sanh tử. Do vậy, phải nên niệm Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi, chẳng lìa niệm ấy. Niệm tới, niệm lui, niệm đến khi cái gốc sanh tử bị cắt đứt; lúc tới Tây Phương sẽ là Thượng Phẩm Thượng Sanh.

Các tông thuộc bên Giáo, tánh - tướng, giáo - lý tinh vi, sâu xa, mênh mông, rộng lớn, chẳng dễ gì nghiên cứu. Dẫu có ai có thể nghiên cứu đi nữa thì cũng chỉ là [thấu hiểu] đạo lý nơi mặt ngôn ngữ, văn tự, chứ chưa phải là [thấu triệt] đạo lý nơi tâm tánh! Muốn thấu triệt rốt đạo lý nơi tâm tánh thì hết sức ít người làm được như thế! Đấy chính là pháp môn cậy vào tự lực. Trong nhà Thiền hoặc bên Mật Tông, lý phần nhiều mầu nhiệm, nhưng kẻ nào căn cơ cạn mỏng sẽ chẳng thể lãnh ngộ được! Dụng công bên Tông thì tuy "đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" vẫn mới chỉ là bước đầu trong cửa Thiền! Đã ngộ rồi lại còn phải tu đạo, rộng hành lục độ vạn hạnh, đoạn trừ tập khí phiền não trong hết thảy cảnh. Dụng công bên Giáo thì trước hết phải đại khai

[23] Lục phàm: Lục đạo, tức trời, người, A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

viên giải, giống như triệt ngộ bên Tông. Đã khai ngộ rồi, cũng phải rộng hành phương tiện, đoạn trừ tập khí phiền não, hết sức khó khăn!

Pháp môn Niệm Phật là đới nghiệp vãng sanh. Sau khi vãng sanh liền chẳng thoái chuyển, thọ mạng vô lượng, thành tựu ngay trong một đời. Những kẻ tu Thiền Tông đã triệt ngộ mà niệm Phật vãng sanh thì cố nhiên sẽ là Thượng Phẩm Thượng Sanh, chứng địa vị Bồ Tát, liền có thể hóa thân trong [những thế giới ở các] phương khác để làm Phật sự trọn khắp. Nếu chẳng niệm Phật vãng sanh, hễ chưa đoạn trừ được tập khí phiền não thì vẫn chẳng thể liễu sanh thoát tử. [Do vậy] chẳng bằng pháp môn Niệm Phật, bất luận ngộ hay không, dẫu còn chưa đoạn được tập khí phiền não, chỉ cần được vãng sanh là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh! Kẻ tu Mật Tông "*tam mật tương ứng, thành Phật ngay trong thân này"* nếu chẳng khéo dụng tâm sẽ dễ bị ma dựa. Dẫu khéo dụng tâm, tu pháp môn [Mật Tông] này sẽ liền cách biệt với các pháp môn khác, chẳng bằng tu pháp môn Tịnh Độ phần nhiều chẳng gây trở ngại gì cho các pháp môn khác. Vì thế, kẻ tu Mật Tông nếu đạt được lợi ích thì cố nhiên là tốt đẹp, nhưng nếu bị ma dựa sẽ trở thành hạng bỏ đi!

Đạo Phật ta có vô lượng pháp môn, nhưng nói chung phải lượng theo thân phận của chính mình, chọn lựa pháp [thích hợp với căn cơ của chính mình] để tu, đừng để đến nỗi "cầu được lợi ích, đâm ra bị hao tổn!" Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thường được mười phương chư Phật dùng để hạ hóa chúng sanh, chư đại Bồ Tát dùng để thượng cầu Phật đạo. Căn cơ không phân biệt đại hay tiểu đều tu trì được. Có tiện nghi lớn lao, tu tập nhanh chóng! Đừng nghe ai nói pháp nào bèn tu theo pháp đấy. Hôm nay Trương Tam, bữa mai Lý Tứ. Ngoài cửa miệng nói đến nỗi hoa trời rơi tán loạn, nhưng chẳng có mảy may nào hữu ích cho tâm địa! Do vậy, từ xưa tới nay các vị đại pháp sư, đại tông sư, không vị nào chẳng đề xướng pháp môn Tịnh Độ. Có vị nào không đề xướng là vì không hiểu biết pháp môn rộng lớn này vậy!

Nay hãy thử nói, chỉ có pháp môn này là "trước khi chưa thành Phật thì cậy vào pháp này để tự tu; sau khi đã thành Phật rồi thì nhờ vào đó để độ đời". Thích hợp khắp ba căn, giúp ích cho cả phàm lẫn thánh, trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chủng tử A Tỳ, cao thì chẳng thể vượt khỏi pháp này, hèn thì cũng được dự vào trong ấy, rộng lớn viên mãn, không còn gì hơn được nữa! Để chứng minh, hãy nhìn vào kinh Hoa Nghiêm: Thiện Tài Bồ Tát đi qua một trăm thành, tham học với khắp các tri thức. Trong lần tham học thứ năm mươi ba, tới chỗ Phổ Hiền Bồ Tát. Khi ấy Thiện Tài đã chứng được địa vị Đẳng Giác bằng với

chư Phật, nhưng Phổ Hiền sau khi khen ngợi công đức thù thắng của Như Lai xong, đối trước Thiện Tài và các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị trong hội Hoa Nghiêm, dạy họ hãy rộng phát mười đại nguyện vương, dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thế giới. Ấy là vì bỏ pháp này đi thì sẽ không có cách nào để thành tựu Phật quả viên mãn được! [Trong hội Hoa Nghiêm], những vị nghe pháp ấy, [địa vị của họ] thấp nhất cũng là Sơ Phát Tâm Bồ Tát. Công đức do tu mười đại nguyện vương ấy đều phải đem hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới có thể tấn tu tốt đẹp được.

Hơn nữa, lấy chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Thập Lục Quán Kinh để làm chứng thì kẻ căn tánh kém hèn Ngũ Nghịch lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, gặp thiện tri thức dạy niệm Phật, bèn cậy vào nguyện lực của Phật để diệt tội vãng sanh, liền được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Pháp môn Tịnh Độ thần diệu khó thể nghĩ tưởng! Nếu là người tin tưởng pháp này đến cùng cực rồi tu tập pháp môn này, dẫu vạn con trâu cũng không thể kéo lại được! Nhưng tu pháp môn Niệm Phật này muốn sanh về Tây Phương, phải vâng giữ "tu thiện, đoạn ác" nơi ba nghiệp thân - miệng - ý thì đức hạnh mới hợp với Phật, lâm chung tự nhiên cảm Phật đến nghênh tiếp; vì thế gọi là "tịnh nghiệp". Hễ tịnh được nghiệp thì tâm sẽ tịnh, tâm đã tịnh sẽ tự cảm thông dễ dàng. Thập Lục Quán Kinh coi *"hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện Nghiệp"* là Tịnh nghiệp chánh nhân. Vì sao vậy? Đấy là cách cất nhà phải xây móng cho chắc chắn! Nếu nền móng không chắc chắn, tuy xây nhà cho cao, chẳng khỏi bị sụp đổ!

Muốn sanh về Tây Phương thì cần phải làm người tốt. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Hai câu ấy nếu nhìn từ mặt chữ sẽ thấy sao mà dễ dàng đến thế! Nhưng xét trên thực tế, Cừ Bá Ngọc tròn năm mươi tuổi mới biết bốn mươi chín năm trước sai trái, bảo: *"Phu tử dục quả kỳ quá, nhi vị năng dã"* (Phu tử muốn giảm bớt lỗi, nhưng chưa thể làm được). Khổng Tử đọc kinh Dịch, ba lần đứt dây buộc lề sách, nói: *"Giả ngã sổ niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ"* (Cho ta sống thêm mấy năm để học Dịch cho xong, hòng không phạm lỗi lớn vậy). Dù hiền hay thánh đều không thể gánh vác nổi hai câu ấy.

Xưa kia, ông Bạch Cư Dị làm Thái Thú[24] Hàng Châu, tới yết kiến Ô Khoa thiền sư[25], hỏi: "Thế nào đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: *"Đừng*

---

[24] Thái Thủ (太守, thường bị đọc trại thành Thái Thú) là một chức quan đã có từ thời Chiến Quốc. Thoạt đầu, mỗi nước được chia ra thành một khu vực hành chánh gọi là

làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Chữ "ác" ấy bao trùm thân - miệng - ý, bốn mươi mốt phẩm vô minh. Bậc Đẳng Giác đại sĩ hễ còn có một phần vô minh chưa phá được thì tam đức[26] chẳng trọn vẹn, tức vẫn là ác! Hơn nữa, chín pháp giới đều là ác, [chỉ có] Phật pháp giới mới là thiện. Do vậy hai câu này chính là đại ý của Phật pháp. Ông Bạch Cư Dị nói: *"Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói được!"* Sư đáp: *"Ông lão tám mươi tuổi làm không xong!"* Đấy chính là tổng giới luật, hễ tu được [tổng giới luật này] thì hết thảy giới luật đều tu được! Những người đã làm được như thế lại còn niệm Phật thì chưa có ai chẳng vãng sanh Tây Phương.

Hôm nay các vị ăn cháo Lạp Bát[27] là vì những nhân duyên nào? Cần biết rằng: Đấy chính là ý nghĩa kính mừng ngày Phật thành đạo vậy.

Quận. Vị trưởng quan đứng đầu một quận, nắm quyền hành chánh lẫn quân sự được gọi là Quận Thủ (郡守). Đời Hán đổi Quận Thủ thành Thái Thủ. Tới thời Đông Hán, vua chia nước ra thành từng châu, người đứng đầu một châu gọi là Châu Mục (州牧) hoặc Thứ Sử (刺使), đặt chức Thái Thủ thấp hơn Châu Mục một cấp; nhưng ở những châu thuộc vùng biên địa như Giao Châu, Nhật Nam, Thái Thủ lại là chức quan cao nhất. Từ thời Tùy trở đi, không còn Quận nữa, chức Thái Thủ không còn, nhưng người đứng đầu một thành phố lớn như Hàng Châu vẫn được dân chúng quen gọi là Thái Thủ.

[25] Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng Thiền Ngưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm chín tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc) thọ Cụ Túc Giới ở chùa Quả Nguyện. Về sau theo học kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận với pháp sư Phục Lễ ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau Ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tần Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi Ngài là Ô Khoa thiền sư (Khoa (窠) là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: *"Hang ổ gọi là Khoa, tổ chim gọi là Sào"*). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên Ngài còn được gọi là Ô Sào thiền sư. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi Ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho Ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc Ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là Ô Sào thiền sư. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

[26] Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát.

[27] Cháo Lạp Bát (Lạp Bát Chúc) là một loại cháo được ăn trong các tự viện vào ngày mồng Tám tháng Chạp Âm lịch (Lạp Bát nghĩa là mồng Tám tháng Chạp). Còn gọi là Ngũ Vị Chúc, Hồng Tao, Thất Bảo Chúc, hoặc Phật Chúc. Trong ngày hôm ấy, do kỷ niệm ngày Phật thành đạo, sau khi cử hành tắm Phật, trù phòng bèn dùng các loại trái cây, ngũ cốc nấu lẫn với nhau thành cháo gọi là Lạp Bát Chúc, trước là cúng Phật, sau là để chư Tăng và tín đồ đến lễ Phật dùng. Về sau, phong tục này lan rộng

Nhưng vì sao phải ăn vào buổi chiều? Vì sao vậy? Do vì trước khi thành đạo, đức Phật đã dùng Nhũ Mi[28]. Vốn là vì trước khi thành đạo, đức Phật Thích Ca là Thái Tử Tất Đạt (Siddhārtha), mười chín tuổi xuất gia, tu tập các pháp Thiền thế gian suốt năm năm, biết đấy chẳng phải là rốt ráo, bèn vào núi Tuyết (Hy Mã Lạp Sơn), tư duy Phật đạo. Sáu năm khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch, đến nỗi hình dung khô kháo, gầy mòn chẳng kham. Ra khỏi núi, tới tắm trong sông Ni Liên Thiền[29], vịn cành cây bước lên, thân không có sức gượng được nữa. Khi ấy, chư thiên biết Thái Tử Tất Đạt sắp tới Bồ Đề Đạo Tràng thành đạo, Phật cần phải có tướng hảo trang nghiêm, bèn hóa thành cô gái chăn bò dâng lên Phật loại Nhũ Mi nấu với sữa đã được luyện chín lần.

Thế nào là Nhũ Mi nấu với sữa đã được luyện chín lần? Đấy là trước hết vắt sữa của một ngàn con bò cho năm trăm con bò khác uống. Tiếp đó vắt sữa của năm trăm con bò ấy cho hai trăm năm mươi con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của hai trăm năm mươi con bò ấy cho một trăm hai mươi con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của một trăm hai mươi con bò ấy cho sáu mươi con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của sáu mươi con bò ấy

---

khắp dân gian. Tùy theo vùng mà mỗi chùa nấu cháo Lạp Bát khác nhau đôi chút ; chẳng hạn như theo Yên Kinh Tuế Thời Ký, tại phương Bắc, người ta dùng gạo vàng, gạo trắng, gạo đỏ, kê, bắp, v.v… Thêm vào nhân hạt đào, hạnh nhân, hạt dưa, đậu phộng, hạt tùng, đường trắng, đường đỏ, nho khô, nhưng tuyệt đối không bỏ hạt sen, đậu ván, ý dĩ, quế… vì người Hoa tin rằng những thứ ấy sẽ làm hỏng mùi vị của cháo.

[28] Nhũ Mi có hai cách giải thích:

1) Nhũ Mi là cách dịch nghĩa chữ Pāyasa, có nghĩa là cháo ngũ cốc nấu với sữa. Để nấu Nhũ Mi, người ta dùng các loại gạo, kê nấu lẫn với sữa bò hay dê thành cháo. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 7, chép: *"Nhũ Mi: Tây Phương có nhiều loại cháo, hoặc dùng chất chiết từ Ô Ma, hoặc dùng các loại đậu và dược vị giống như trong phần Thập Tụng Dược Pháp v.v… đã rộng nói, nhưng đều coi Nhũ Mi là ngon nhất".*

2) Nhũ Mi là dịch nghĩa chữ Tarpana, tức là dùng ngũ cốc xay nát chế thành món ăn. Du Già Sư Địa Luận, quyển 36, Tự Tha Lợi Phẩm, giải thích Nhũ Mi là bánh khô, lương khô.

Khi nói về loại Nhũ Mi được cô gái chăn bò Nan Đà Ba La dâng lên đức Phật, người ta luôn theo cách giải thích thứ nhất. Đúng ra chữ Mi (麋: một loài nai) ở đây phải viết là Mi (糜: cháo nấu nhừ) thì mới đúng, nhưng do dùng lẫn lộn hai chữ lâu ngày nên kinh văn thường viết thành Nhũ Mi (乳麋).

[29] Ni Liên Thiền (Nairañjanā) đôi khi còn được phiên là Hy Liên Thiên, hoặc Ni Liên Nhiên, dịch nghĩa là Bất Nhạo Trước Hà, vốn là một chi lưu của sông Hằng, nằm ở phía Đông thành Già Da nước Ma Kiệt Đề.

cho ba mươi con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của ba mươi con bò ấy cho mười lăm con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của mười lăm con bò ấy cho tám con bò khác uống. Cuối cùng đem sữa của tám con bò ấy hòa với gạo thơm, nấu thành Nhũ Mi. Thái Tử ăn món Nhũ Mi ấy, hình thể khôi phục như cũ, tướng hảo viên mãn, bèn đến dưới cội Bồ Đề, ngồi đoan nghiêm tư duy, đoạn sạch phiền não. Vào lúc sao Mai[30] vừa mọc nhằm ngày Tám tháng Chạp, đức Phật trông thấy sao Mai bèn hoát nhiên đại ngộ, tâm kính mở toang, rạng ngời, đắc Chánh Đẳng Giác. Đấy chính là chuyện đức Phật thành đạo vào đúng ngày hôm nay.

Cháo Lạp Bát chính là phỏng theo Nhũ Mi; đức Phật dùng Nhũ Mi rồi thành Phật đạo. Bọn chúng ta liền ăn cháo Lạp Bát để mừng Phật thành đạo, nhân duyên là như vậy đó. Do vậy, Tây Vực coi Nhũ Mi là phẩm vật dâng cúng quý trọng nhất. Khi đức Phật còn tại thế, phần nhiều [tín đồ] đem sữa cúng Phật. Tới khi đức Phật đã diệt độ rồi, có một vị cư sĩ dùng thuần sữa để nấu thành cháo cúng dường một vị đại đức, đại đức ăn xong liền than thở. Vị cư sĩ hỏi nguyên do, đại đức nói: *"Cháo của cư sĩ tuy thật ngon lành, nhưng vị chẳng thể bằng uống nước lã khi đức Phật còn tại thế. Do ta phước bạc, chúng sanh báo kém, cho nên than thở!"* Đức Phật phước đức sâu dày, [thời đức Phật còn tại thế] nước còn có vị ngon hơn sữa; [còn ngày nay] chúng sanh bạc phước, sữa chẳng bằng nước! Chúng sanh đời Mạt càng bạc phước hơn nữa! Đừng nghĩ tưởng làm chuyện vượt phận!

Pháp môn Niệm Phật mọi người đều nên tu trì, hãy nên cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng kính trọng vợ, vợ phục tùng chồng. Là hiền nhân trong cõi đời, là đệ tử Phật trong đạo xuất thế. Dùng những điều ấy để dạy người, phải rất chú trọng lấy thân làm gương thì mới có thể làm cho người khác sanh lòng tin. Ấy gọi là *"dùng lời lẽ để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy mọi người sẽ thuận theo"*. Bất luận tại gia hay xuất gia đều phải nên như thế, đừng nên bàn huyền nói diệu. Dẫu có thể bàn nói thì cũng phải giẫm chân trên Thật Tế. Chỉ có thể bàn nói, chứ không hưởng dùng được thì cũng giống như bánh vẽ, chẳng thể đỡ đói

[30] Sao Mai là tên gọi khác của Kim Tinh (Venus). Do vị trí của sao vào lúc đầu đêm và lúc rạng sáng khác nhau nên dân gian tưởng là hai ngôi sao khác nhau nên sao Mai còn có tên là sao Hôm. Người Hán cũng tưởng như vậy nên gọi ngôi sao này vào lúc rạng đông (mọc ở phương Đông) là Minh Tinh hoặc Khải Minh; sau hoàng hôn, sao mọc chính giữa phía Tây thì được gọi là Trường Canh. Sao còn có tên là Kim Tinh do Đạo giáo tin ngôi sao này là hiện thân của một vị thần mang danh hiệu Thái Bạch Kim Tinh.

được đâu! Tu Phật pháp giống như ăn, phải không đói mới hay! Trong Tịnh Độ Thi của thiền sư Sở Thạch[31] đời Minh có đoạn:

Tây Phương hữu lộ thiểu nhân đăng
Nhất cú Di Đà tối thượng thặng
Bả thủ lao tha, hành bất đắc,
Đản đương tự khẳng nãi tương ưng
(Tây Phương có nẻo nào ai bước,
Di Đà thánh hiệu tối thượng thừa,
Nắm tay lôi đi chẳng chịu theo,
Riêng ai tự chịu mới đi được)

8. Pháp ngữ khai thị nhân thánh đản đức Phật Thích Ca tại Thế Giới Phật Giáo Cư Sĩ Lâm

(Hy Giác tốc ký)

Thưa chư vị! Ngày hôm nay đức Phật Thích Ca đản sanh. Vì sao đức Phật giáng sanh trong nhân gian? Không điều gì chẳng nhằm nêu gương cho chúng sanh trong đời Mạt. Kinh Pháp Hoa dạy: *"Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong thế gian"*. Đại sự chính là khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật. Chúng sanh vốn có Phật tánh, nhưng đã bị mê mất bởi nghiệp, cho nên dùng Giới - Định - Huệ tu trì để quay trở lại cái sẵn có. Nhưng chúng sanh căn cơ bất nhất, pháp môn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh chẳng dễ tu trì, chúng sanh chưa dễ gì đảm đương được! Do vậy, lại đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ.

Pháp môn Tịnh Độ đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Ấy là vì dùng một pháp Niệm Phật cũng có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh Độ lớn lao, không gì ra ngoài phạm vi của nó được, là chỗ quy túc của hết thảy pháp môn. Hành giả chớ tưởng mình đã triệt ngộ thì không cần phải nương vào pháp môn này để tu tập; nếu vậy, sợ

[31] Sở Thạch (1296-1370) quê ở Tượng Sơn, Minh Châu, pháp danh Phạm Kỳ, pháp tự Sở Thạch, là đệ tử nối pháp của ngài Kính Sơn Hành Đoan (đệ tử đời thứ hai mươi của ngài Nam Nhạc). Năm 16 tuổi, Sư thọ Cụ Túc Giới tại chùa Chiêu Khánh, đắc pháp nơi ngài Kính Sơn Nguyên Tẩu Hành Đoan. Sư được Nguyên Thuận Tông phong tặng danh hiệu Phật Nhật Phổ Chiếu Huệ Biện thiền sư vào năm Chí Chánh thứ bảy (1347) đời Nguyên. Do ngài mất vào năm Hồng Vũ thứ ba đời Minh Thái Tổ nên người ta vẫn coi Ngài là cao tăng đời Minh. Sư còn để lại Sở Thạch Phạm Kỳ Ngữ Lục.

rằng nói đến chuyện liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh sẽ chẳng dễ dàng đâu!

Người niệm Phật phải sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, nguyện sanh Tây Phương, không có lý nào lìa bỏ ba món Tín - Nguyện - Hạnh được! Chỉ cần lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chẳng cần phải đạt đến nhất tâm bất loạn, đều có thể nương theo oai lực tiếp dẫn của đức Phật vãng sanh Tây Phương. Nếu là bậc đại triệt đại ngộ mà lại còn niệm Phật thì chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, phẩm vị càng cao hơn.

Tham Thiền chỉ quan tâm dạy người tham phải chú trọng vào khai ngộ; nhưng khai ngộ rồi, nếu đoạn sạch được phiền não thì tốt. Nếu không, sợ rằng chưa dễ gì nói đến chuyện liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh đâu nhé! Lại có kẻ trì chú nói "thành Phật ngay trong thân hiện tại!" Nhưng "thành Phật ngay trong thân hiện tại" bất quá chỉ là có thể thấy được vị Phật nơi tự tánh, chứ hoàn toàn chưa chứng được quả vị Phật! Kẻ trì chú chẳng hiểu giáo lý, chẳng trọng giới hạnh, chỉ mong đắc thần thông. Do cái tâm dũng mãnh ấy sẽ khiến cho oán thân trong bao kiếp nhiều đời hiện tiền, dễ dàng bị ma dựa! Nếu dùng cái tâm như thế để tiêu trừ tội chướng, giúp sức cho việc tu trì, vẫn cần phải niệm Phật thì may ra mới có cảnh giới tốt đẹp được!

Hơn nữa, người tu hành chớ nên chưa đắc đã nói là đắc, chưa chứng bảo là chứng. Đấy là phạm vào giới đại vọng ngữ, tuyệt đối chớ nên phạm! Xưa kia có cư sĩ X… nói đã đắc quả A La Hán, có người hỏi: "Đã đắc quả sao không hiện một chút thần thông biến hóa?" Nhưng rốt cuộc hắn ta chẳng thể làm được, mà phiền não cũng trọn chẳng thể trừ được! Há có bậc La Hán nào chẳng trừ được phiền não ư? Chư vị đừng coi rẻ pháp môn Niệm Phật! Quán Âm, Thế Chí đều là cổ Phật thị hiện, Văn Thù, Phổ Hiền là đại Bồ Tát vẫn cầu sanh Tịnh Độ. Lũ phàm phu bọn ta há nên coi rẻ? Pháp môn Niệm Phật là biển cả của hết thảy pháp môn, chứ những pháp môn khác giống như ngòi, lạch nhỏ nhoi, chẳng thể nào sánh bằng được đâu!

Chư vị phải thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm. Người đời học Phật thường chẳng chân thật. Họ [mong muốn] hiểu thông suốt kinh điển, nghiên cứu, tìm tòi, học hiểu nghĩa lý, chẳng qua chỉ nhằm mong trở thành đại thông gia mà thôi. Bậc đại thông gia đoạn được một tầng phiền hoặc, sợ chẳng dễ dàng đâu! Hiện thời, pháp sư Đế Nhàn đang giảng Triệt Ngộ Thiền Sư Ngữ Lục tại Giác Viên Tịnh Nghiệp Xã, chư vị nên thường xuyên đến đấy nghe. Đối với pháp trì chú của Mật Tông, Ấn Quang trộm nghĩ là nên nhờ vào đấy để tiêu trừ tội nghiệp, đừng nên lầm

lạc cầu thần thông! Kính mong mọi người hãy lưu ý, tiếp nhận lời hèn của nạp tăng, phát tâm niệm Phật. Cổ nhân đã nói: *"Nắm tay lôi theo, đi chẳng được!"* Phải nhờ người khác lôi kéo thì phi lý quá! Mong chư vị ai nấy đã sẵn có Phật tâm thì hãy thật thà niệm Phật!

9. Khai thị về Niệm Phật tại chùa Pháp Tạng, Thượng Hải

(Mã Khế Tây ghi)

Pháp môn Niệm Phật lớn lao không gì ra ngoài phạm vi của nó được, chí viên, chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, nhưng cần phải hiểu rõ ràng nguyên do. Hễ hiểu rõ lý thì sanh lòng tin phát nguyện không ai chẳng được lợi ích. Nếu không, sẽ bị các thứ cảnh giới khác xoay chuyển, chẳng thể sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha. Dù có công phu niệm Phật cũng chẳng thể đạt được lợi ích nơi Phật. Các pháp môn do đức Phật nói đều phải cậy vào tự lực để vãng sanh, cần phải nghiệp tận tình không. Nếu không, sợ rằng sẽ vất vả gian nan lắm đấy! Nếu đã có thể nghiệp tận tình không, lại còn có thêm công phu niệm Phật, ắt sẽ Thượng Phẩm Thượng Sanh, sẽ có cùng một khả năng như Quán Âm Đại Sĩ *"nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"*.

Nếu chưa đạt đến mức nghiệp tận tình không, chẳng thà cứ chất phác niệm Phật, chẳng ôm lòng khinh mạn, chẳng suy đoán bằng ý thức thì khi lâm chung mới mong được cảm ứng đạo giao. Ấy là vì pháp môn Niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực, chẳng như những môn khác đều là tự lực. So sánh giữa Phật lực và tự lực thì có khác gì sự cách biệt giữa bầu trời và mặt đất! Do vậy, từ xa xưa ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật đa số vãng sanh, nhưng bậc thông Tông thông Giáo phần nhiều chẳng thể khoác tay họ [ngao du trong cõi Cực Lạc] được! Thật đáng tiếc thay! Người tu hành cần phải biết Sa Bà khổ, Cực Lạc vui, phải nguyện lìa Sa Bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui, chớ nên cầu phước báo trời người. Ví như đang ở trong tù ngục mong được về quê hương. Nhưng thế giới Sa Bà chính là một nhà tù lớn, thế giới Cực Lạc mới là quê nhà tốt lành. Cổ nhân có thơ như sau:

Tự thị bất quy, quy tiện đắc,
Cố hương phong nguyệt hữu thùy tranh?
(Tự chẳng muốn về, về liền được!
Gió trăng quê cũ, há ai giành?)

Các vị nếu nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì có ai tranh giành Tây Phương với mình đâu nhỉ? Muốn trở về quê nhà, chớ nên do dự bảo "hãy đợi mấy năm nữa" thì sẽ chẳng thể tương ứng với Phật được đâu! Chí thành khẩn thiết tới mức "lòng tin chân thành, nguyện thiết tha" thì chính là chủng tử Tây Phương, bởi lẽ một môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, như ba chân của cái đỉnh, thiếu một chẳng thể được! Nếu chuyên đề cao hành trì chẳng coi trọng tín - nguyện thì sẽ chấp Sự, phế Lý, vẫn thuộc vào pháp môn tự lực, mắc cùng một khuyết điểm giống như kẻ chấp Lý phế Sự, chuyên cậy vào tự tánh duy tâm, chẳng cậy vào Phật lực! Do vậy, đại sư Ngẫu Ích nói: *"Được vãng sanh hay không hoàn toàn do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn".* Lời luận định ấy sát sao thay! Chẳng thể không biết vậy!

Trong những lời thuyết pháp của cổ nhân, giảng giải tới mức cùng tận không bờ mé thì chỉ có bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh quả thật đã chỉ ra một con đường thênh thang cho chúng sanh đời Mạt trở về quê nhà. Xin trình bày đại lược:

Có Thiền có Tịnh Độ,
Ví như cọp đội sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ.

Hai chữ Thiền - Tịnh ở đây cần phải phân biệt cho minh bạch! Cần nhất là phải biết thế nào là có Thiền, thế nào là có Tịnh Độ! Người đời thường tưởng khán thoại đầu, tham cứu câu *"người niệm Phật là ai"* là "có Thiền", còn chấp trì danh hiệu là "có Tịnh". Sai rồi! Thiền tức là Chân Như Phật Tánh sẵn có, tức tâm thể thuần chân của chúng ta, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, vừa Tịch, vừa Chiếu, không Năng, không Sở, đấy chính là cái được Tông môn gọi là "bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra"! Tịnh là tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương, chứ không phải chỉ là "duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà". "Có Thiền" là phải đổ công tận lực tham cứu sâu xa tới mức sơn cùng, thủy tận, niệm cực, tình vong! Một mai thấy thấu suốt bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, hãm mình vào nơi đất chết tìm ra lẽ sống thì mới đáng gọi là "có Thiền". "Có Tịnh" là phải thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, thượng hoằng, hạ hóa, tự lợi, lợi tha không hề phải hổ thẹn. Nếu người ấy triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, biết trọn đủ các

pháp môn Quyền, Thật của Như Lai, nhưng chỉ lấy "tín nguyện niệm Phật" làm đường lối chung cho Chánh Hạnh thì tà đạo sẽ bặt dấu, ma vương, ngoại đạo vỡ mật, như hổ mọc sừng, oai mãnh không gì địch lại được, thượng - trung - hạ căn đều được lợi ích, chẳng phải là bậc đạo sư của trời - người hay sao? Trong tương lai Thượng Phẩm Thượng Sanh, chứng tới bậc Đẳng Giác trong Viên Giáo, há chẳng phải là đời sau sẽ làm Phật, làm Tổ ư?

Không Thiền, có Tịnh Độ,
Vạn tu, vạn người về,
Nếu được thấy Di Đà,
Lo chi không khai ngộ.

Người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng do quyết chí cầu sanh Tây Phương nên dũng mãnh tinh tấn, cũng được Phật tiếp dẫn, chứng các quả vị. Trong số những người đạt đến quả vị, không ai chẳng đại triệt đại ngộ. Do vậy nói: "*Nếu được thấy Di Đà, lo chi không khai ngộ".* A Di Đà Phật đại từ đại bi có bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng độ sanh. Không chỉ bậc thượng thiện xưng danh liền có thể vãng sanh, ngay cả Ngũ Nghịch, Thập Ác nếu khởi lòng hổ thẹn lớn lao, phơi bày sám hối, bất luận một niệm hay mười niệm, ắt Phật cũng nhiếp thọ. Mưa đúng thời thấm đẫm các vật; muôn vật không vật nào chẳng được thấm ướt, lợi ích. Biển cả dung nạp các sông, dẫu trăm sông [đổ vào biển, biển] cũng đều dung nạp trọn. Vạn người tu, vạn người về, quả là sự thật không sai!

Có Thiền, không Tịnh Độ,
Mười kẻ, chín chần chừ,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

Đây là nói về kẻ tham Thiền nhưng chẳng niệm Phật. "Thiền" [ở đây] là tuy đã minh tâm kiến tánh, nhưng nếu Kiến Tư phiền não còn có chút nào chưa trừ thì vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, không thoát ra được! Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời, chùng chình giữa đường, chần chừ, dây dưa. Vì thế nói: *"Thập nhân, cửu tha lộ"* (Mười kẻ, chín chần chừ). *"Tha"* (蹉) là *"tha đà"* (蹉跎), nói theo cách thông thường là chần chừ. "Ấm cảnh" chính là cảnh Trung Ấm Thân khi mạng

chung mới hiện ra, đều tùy theo nghiệp lực thiện hay ác chi phối mà thọ sanh trong đường lành hay nẻo ác. Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết đều là những vết xe đổ trước đây. Sở ngộ và kiến địa của ba vị ấy cao siêu như thế mà vẫn chẳng khỏi mê mờ, cần chi phải bàn tới lũ phàm phu chúng ta nữa đây! Chữ *"miết nhĩ"* (瞥爾) [trong câu *"miết nhĩ tùy tha khứ"* (chớp mắt đi theo nó)] là một cái chớp mắt, ví cho sự nhanh chóng. Có người hiểu chữ *"Ấm cảnh"* chỉ cho cảnh Ngũ Ấm Ma; có kẻ giải thích chữ *"tha lộ"* là lầm đường, đều sai hết! Há có ai triệt ngộ Thiền Tông, hiểu sâu giáo lý lại chẳng hiểu cảnh giới Ngũ Ấm để rồi lạc đường hay chăng? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biết!

Không Thiền, không Tịnh Độ,
Giường sắt với cột đồng,
Vạn kiếp lẫn ngàn đời,
Không có người nương tựa.

Người đời hờ hững, hời hợt, chẳng thật sự nỗ lực tham cứu, chẳng có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, hoặc lại còn kiêm tu các môn khác đều đáng gọi là *"Không Thiền, không Tịnh Độ"*. Tuy cảm được phước báo trong đời sau, nhưng do phước tạo nghiệp, do nghiệp đọa địa ngục. Giường sắt, cột đồng, không người nương tựa, tuy có Phật lực cũng chẳng làm sao được! Triệt Lưu đại sư nói: *"Người tu hành chẳng liễu sanh tử là sự oán trong đời thứ ba",* đáng sợ thay!

Vĩnh Minh thiền sư chính là hóa thân của A Di Đà Phật. Tất cả những câu kệ đề xướng niệm Phật [của Ngài] đều là khế cơ lẫn khế lý. Bốn bài Liệu Giản này đúng là bài cảnh sách vô thượng cho người tham Thiền lẫn tu Tịnh. Tuy hạn cuộc trong âm vận của lời kệ, lời lẽ ngắn gọn, ý châu đáo, lại càng chẳng thể thêm vào hay bớt đi một chữ nào được! Người học hãy nên nghiên cứu cặn kẽ! Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt, những pháp môn khác đều là pháp môn thông thường. Tách rời hai pháp này thì đôi đằng đều có ích, hợp lại thì đôi bên đều bị hại. Đối với pháp tắc tu trì thì hãy nên nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy giữ vẹn luân thường, chẳng trái nghịch pháp thế gian thì mới đáng gọi là "đệ tử chân thật của đức Phật". Nếu không, Danh Giáo còn chẳng dung, sẽ là tội nhân đối với Như Lai.

Niệm Phật quý tại nhiếp tâm. Ngài Đại Thế Chí nói: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, nhập tam-ma-địa, ấy là bậc nhất"*. Đủ biết khi niệm hãy nên buông xuống vạn duyên, nhiếp trọn sáu căn, miên miên mật mật, thẳng thừng mà niệm, sẽ có lúc đắc tam-ma. Tam-ma cõi này dịch là Chánh Tu, Chánh Kiến, hoặc dịch là Chánh Định. Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương khuyên dạy Hoa Tạng hải chúng quay về Cực Lạc. Hoa Nghiêm Hải Chúng đều thuộc địa vị đại Bồ Tát mà vẫn còn phải quy hướng vãng sanh. Đủ biết [pháp môn Tịnh Độ] như trời che khắp, như đất chở đều, đại địa, núi, sông, vũ trụ, vạn hữu, có gì vượt ra ngoài trời đất được chăng? Pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn các pháp môn khác, cũng chẳng khác gì! Cõi đời thay đổi, vận số suy vi, người đời Mạt Pháp căn tánh kém hèn, muốn cầu hoát nhiên phá vô minh, đoạn Hoặc, chứng Chân, rất ư là khó! Tự mình chưa độ được mà muốn độ người ta thì có khác gì kẻ chết đuối trong biển lại toan cứu người! Kính khuyên các vị hiền nhân chớ nên ngã mạn, ngạo nghễ, hãy cứ nên tin chân thành, nguyện thiết tha, nương theo từ lực niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới nên!

VI. Sớ

1. Sớ quyên mộ để chuộc cá, chuyển dời ao phóng sanh từ Tây Hồ [sang nơi khác]

Phàm [kẻ nào] ở trong sanh tử luân hồi sẽ đều phải theo nghiệp thọ sanh. Thoạt là người, lại thoạt biến thành vật. Lúc đang làm người, cậy mạnh hiếp yếu, cậy đông hiếp ít, chẳng biết vun bồi phước cho mai sau, mặc tình tạo các ác nghiệp; đến khi phước đời trước đã hết, sát nghiệp đã sâu, khó khỏi đọa trong dị loại: Miệng chẳng nói được, tâm không trí huệ, mưu mẹo, thân không có sức mạnh chống chọi, chỉ đành mặc cho con người mổ, nấu, cắn, nhai. Nhưng xét tới tận cùng cái tâm loài vật thì lòng ham sống sợ chết, ý niệm khi gặp nguy hiểm mong được cứu vớt, thảm thê không thể nào diễn tả được! Do vậy, các bậc hiền triết thời cổ phần nhiều yêu tiếc sanh mạng loài vật, chẳng nỡ sát thương. Như Tử Sản[32] nuôi cá, Tương Tử thả chim bồ câu, Tùy Hầu giúp rắn[33], Dương

[32] Tử Sản (không rõ năm sinh - 522 trước Công Nguyên), họ Công Tôn, tên Kiều, tự Tử Sản. Còn có tên tự là Tử Mỹ, vốn thuộc dòng dõi hoàng tộc nước Trịnh, cháu nội của Trịnh Mục Công. Thông minh từ nhỏ, rất thông thạo chánh trị, làm Khanh Đại Phu (Tể Tướng) nước Trịnh thời Trịnh Giản Công, chấp chánh 23 năm, được coi là

Bảo cứu chim sẻ[34]. Đấy đều vốn do cái tâm bất nhẫn mà làm chuyện cứu vớt, chứ vẫn chưa biết đến những nghĩa "*hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, trong vị lai sẽ đều thành Phật và từ vô lượng kiếp đến nay, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc"* v.v…

---

một chính trị gia lỗi lạc thời ấy. Chuyện Tử Sản thả cá được biết tới qua câu nói của Mạnh Tử trong thiên Vạn Chương sách Mạnh Tử: *"Tích giả phất quỹ sanh ngư ư Trịnh Tử Sản, Tử Sản sử giảo nhân súc trì chi. Giảo nhân phanh chi, phản mạng viết: 'Thỉ xả chi, ngữ ngữ yên, thiểu tắc dương dương yên, du nhiên đắc thệ'. Tử Sản viết: 'Đắc kỳ sở tai, đắc kỳ sở tai!' Giảo nhân xuất, viết: Thục vị Tử Sản trí? Dư ký phanh nhi thực chi, viết: Đắc kỳ sở tai, đắc kỳ sở tai. Cố quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Xưa kia chợt có người đem cá sống biếu cho Tử Sản nước Trịnh. Tử Sản bảo người hầu đem thả trong ao nuôi cá. Người hầu bèn đem nướng, trở về thưa: 'Lúc mới thả, cá nằm ngoi ngóp, một lúc sau bèn sống động, tung tăng bơi đi mất rồi'. Tử Sản nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi! Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Người hầu đi ra, nói: "Ai bảo Tử Sản có trí? Ta nướng ăn mất rồi mà còn nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi! Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Do vậy, có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt được).

[33] Đời Xuân Thu, Tùy Hầu (vua nước Tùy) đi ra ngoài chơi thấy một con rắn bị người ta đánh gần chết, vứt trên vệ đường, động lòng thương xót, liền sai tùy tùng đem thuốc cứu rắn, rồi đem thả đi. Ít lâu sau, rắn từ sông ngoi lên, nhả tặng vua một viên minh châu để báo ân cứu mạng. Do vậy, viên ngọc ấy thường được gọi là Tùy Hầu Châu, hoặc Linh Xà Châu. Sách Sưu Thần Ký mô tả viên ngọc ấy như sau: *"Kích thước tròn trặn chừng một tấc, trắng muốt, ban đêm tỏa ánh sáng, có thể soi sáng cả gian phòng"*.

[34] Theo Âm Chất Văn Đồ Chứng, có lần Dương Bảo vào Hoa Sơn thấy con chim sẻ bị thương rơi xuống đất, máu me bê bết, cảm thương ông liền đem về băng bó, chăm sóc, khi chim lành bèn thả đi. Chim tha đến bốn cái chén ngọc, lại nói: "Mong con cháu ông sẽ trắng trong, tinh thuần như bạch ngọc". Đêm ấy, ông mộng thấy một vị trời mặc áo vàng đến bảo: "Tôi là con chim sẻ vàng được ông cứu mạng. Tôi vốn là sứ giả của Tây Vương Mẫu, bị thương giữa đường. May được ông cứu giúp, nay được trở về Nam Hải nên đến đáp tạ". Về sau, con cháu ông đều nổi tiếng đức hạnh, hiển đạt.

Có sách lại chép hơi khác như sau: Dương Bảo là người huyện Hoa Âm, sống vào thời Hậu Hán. Lúc bé, Dương Bảo ra ngoài đồng chơi thấy một con sẻ bị cú mèo đuổi đánh bị thương rớt xuống đất. Dương Bảo liền cứu đem về, nuôi đến khi chim lành vết thương bèn thả đi. Đêm ấy, Dương Bảo nằm mộng thấy có một đứa bé trai mặc áo vàng đến biếu bốn chiếc vòng ngọc, tạ ơn, cho biết: "Con cháu ông ta sẽ được vinh hiển đến bốn đời như bốn vòng ngọc này". Về sau, con Dương Bảo là Dương Chấn, cháu là Dương Bỉnh, chắt là Dương Tứ, chút là Dương Bưu, lần lượt kế tiếp nhau làm đến chức Tam Công, được cõi đời xưng tụng là *"tứ thế tam công, đức nghiệp tương kế"* (bốn đời làm Tam Công, kế thừa đức nghiệp).

Đến khi Phật giáo truyền sang phương Đông, những nghĩa này được tỏa sáng rực rỡ trong cõi đời. Do vậy, những bậc quân tử sẵn lòng nhân từ nhằm để báo ân, nhằm tránh tai kiếp, đã hết sức chú ý kiêng giết, phóng sanh, trì trai, ăn chay. Nhưng đại đa số chưa nghe Phật pháp vẫn quen thói coi đó là thường, mặc tình giết chóc nhằm thỏa thích cái miệng. Do bởi lẽ ấy, ươm thành tai kiếp đao binh. Hãy thử nghĩ trong tai kiếp đao binh, con người bị giết chóc có khác gì loài vật bị mổ xẻ để cung ứng cho bụng miệng cho mấy? Nếu nghĩ như vậy thì ý niệm giết thân chúng nó để thỏa thích miệng ta chẳng bị tiêu diệt hay sao? Hơn nữa, ta đã tham sống, há chúng thích chết? Như ta vừa bị cỏ sắc đâm vào ngón tay liền cảm thấy khó thể chịu đựng được; thân chúng nó bị mổ chặt, há lẽ cam lòng? Tuy sức chẳng thể chống chọi được, không làm cách nào được, nhưng cái tâm oán hận cố kết chẳng thể cởi gỡ được! Đời đời kiếp kiếp ắt sẽ báo thù. Do vậy, bậc hiền triết muốn khiến cho người đời cùng dứt sát nghiệp, hòng hợp với đạo *"dân là đồng bào, loài vật giống như ta"* của cha trời mẹ đất, lập đủ mọi cách mua loài vật phóng sanh khiến cho chúng được sống trọn hết tuổi trời.

Cần phải biết hành động này chú trọng nơi cứu người, chứ không phải đơn thuần nhằm cứu vật! Vì [phóng sanh là] nhằm mong người ta trông thấy [người khác] mua [loài vật] phóng sanh sẽ đều chẳng nỡ giết chóc; đã chẳng nỡ giết chóc thì chẳng kết oán đối, có thể tiêu diệt được sát kiếp trong vị lai, phước thọ trong đời sau sẽ vĩnh viễn tồn tại. Đấy chính là tông chỉ rốt ráo, lợi ích chân thật của phóng sanh vậy. Kẻ chẳng biết thường chê bai phóng sanh lãng phí tiền tài, trọn chẳng có ích lợi gì! Hãy thử đặt mình vào trong hoàn cảnh đó thì kẻ ấy có muốn được người khác thả đi hay là mong bị người khác giết mình để ăn hay chăng?

Từ thời Tống Chân Tông, Tây Hồ ở Hàng Châu đã là ao phóng sanh. Sau đấy, dù có lúc lơ là, nhưng chẳng lâu sau lại được khôi phục. Nay chánh phủ do thấy Tây Hồ quá nhiều cá đến nỗi nước hồ dơ đục, gây trở ngại cho vệ sinh, tính ra lệnh đem bán hết, cho ngư nhân quăng lưới bắt sạch nhằm tạo lợi ích cho dân sinh. Các đại cư sĩ từ thiện ở Hàng Châu, Thượng Hải chẳng nỡ lòng để cho những con cá được phóng sanh qua các đời lại trở thành thức ăn, đặc biệt phái cư sĩ Tôn Hậu Tại tới Hàng Châu, khẩn cầu chánh phủ cho phép mua lại số cá ấy để chuyển sang chỗ khác thì đối với hai lẽ vệ sinh và phóng sanh đều được thích nghi. Chính phủ đã chấp thuận cho mua lại số cá ấy với giá tám ngàn đồng, trả tiền thành ba đợt, ngay hôm ấy liền giao ra ba ngàn đồng. Ngày Hai Mươi Chín tháng Hai dương lịch và ngày mồng Mười tháng Tư năm sau, mỗi

lần giao hai ngàn năm trăm đồng nữa. Lấy ngày Ba Mươi tháng Sáu làm hạn chót để hoàn tất việc chuyển dời số cá ấy.

Số khoản tiền chánh thức để chuộc cá là tám ngàn đồng, nhưng dời chuyển cho hết số cá từ cái hồ rộng mấy chục khoảnh thật chẳng phải dễ dàng. Phải chuẩn bị rất nhiều thuyền đánh cá, hằng ngày giăng lưới. Lại phải cử người vận chuyển, và mỗi thuyền lại phải có mấy người trông nom, đốc thúc. Chi phí thuê thuyền, vận chuyển ấy và những khoản chi phí ăn uống hằng ngày cũng cần đến mấy ngàn. Khẩn cầu mười phương thiện tín tùy lực, tùy tâm, ai nấy bỏ ra tịnh tài để những con cá đang chờ bị nấu sẽ được sống yên vui, các vị đại cư sĩ được viên thành sở nguyện. Những người có sẵn đủ thiện căn từ đời trước trông thấy hành động tốt lành ấy sẽ đều yêu tiếc sanh mạng loài vật, chẳng nỡ giết hại. Do nhân duyên ấy sẽ tiêu diệt được cơ duyên giết hại, tăng trưởng phong thái nhân từ, công đức ấy làm sao diễn tả được? Ông tăng già Thích Ấn Quang sắp vùi thân nơi ngòi rãnh, kính vì vô số vô lượng cha mẹ trong quá khứ, chư Phật trong vị lai, chí thành khẩn cầu xin cứu mạng. Nếu được quý vị sáng suốt xét soi thì chẳng khác gì chính Quang được quý vị cứu vớt vậy. Kính cẩn giãi bày.

2. Sớ thuật duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng ở Cám Châu

Thật Tế lý địa trải trần kiếp chẳng đổi, chẳng dời. Chuyện trong Phật môn tùy theo nhân duyên mà có hưng, có suy. Tuy bỉ cực thái lai thuộc vào vận trời, nhưng sửa cũ xây mới quả thật phải cậy vào sức người. Xưa kia khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn đã đem pháp đạo phó chúc cho quốc vương, đại thần, dạy họ hộ trì, lưu thông. Ấy vì Ngài đã thấy trước đời sau pháp yếu, ma mạnh, nếu không cậy vào hạng vĩ nhân có quyền lực bảo vệ cho bình yên, ngăn chặn kẻ khinh lấn thì tròng mắt của trời người, huệ mạng của Như Lai chắc sẽ gần như bị diệt mất.

Chùa Thọ Lượng là một đạo tràng cổ đã lâu một ngàn năm trăm năm của Cám Châu. Nhằm thời Tiêu Lương[35], Phòng Ngự Sứ[36] là Lô Quang

[35] Tiêu Lương tức là Nam Lương (502-557), tức một triều đại vào thời Nam Bắc Triều ở Trung Hoa, được sáng lập bởi Tiêu Diễn (Lương Cao Tổ Vũ Đế) sau khi diệt nhà Nam Tề, xưng đế, đóng đô tại Kiến Khang (nay là Nam Kinh). Do vậy, sử thường gọi triều đại này là nhà Tiêu Lương để phân biệt với những triều Lương khác.
[36] Phòng Ngự Sứ là một chức quan võ được lập ra từ thời Đường nhằm trông coi việc binh tại những huyện trấn trọng yếu. Qua các triều đại, quyền hạn của chức quan này

Trù[37] vì sư Đạo Thành mà dựng chùa này. Thoạt đầu đặt tên là Lô Hưng Diên Thọ, rồi đổi thành Thánh Thọ, đến niên hiệu Tường Phù (1008-1016) đời Tống, vua Chân Tông đặc biệt sắc tứ cho chùa cái tên hiện thời. Trong những đời Nguyên, Minh, Thanh, đời nào cũng có người khiến cho nhà chùa được hưng vượng, đến thời Quang Tự nhà Thanh, đột nhiên bị hỏa hoạn. Năm Dân Quốc thứ 4 (1915), lại bị lụt lớn, đến nỗi ngôi chùa Phật trang nghiêm trọn thành gò hoang, chỉ có mình tượng Quán Âm cao một trượng sáu đúc bằng sắt là còn nguyên vẹn không bị hư hại. Những vị thân sĩ trong vùng thỉnh hòa thượng Đại Xuân chùa Quang Hiếu kiêm nhiệm Trụ Trì. Hòa Thượng bèn cùng với đại sư Đức Sâm – là vị Tăng trụ ở đấy – cạn sức lo liệu, dựng Quán Âm Điện.

Sau này, cụ Đại Xuân qua đời, thầy Đức Sâm rời đất Cám, tìm vị Tăng kế nhiệm Trụ Trì không ra, đến nỗi tòa thị chánh coi là đất bỏ hoang, tính sửa thành chợ bán rau, mở đường sá. Những hàng Tăng - tục trong vùng báo cho thầy Đức Sâm biết, do vậy thầy bèn gởi thư đến những bậc tai to mặt lớn các giới lần lượt thỉnh cầu bảo vệ. Trung Quốc Phật Giáo Hội cũng lại gởi điện xin duy trì, mặt khác tuyển chọn người thỏa đáng sang đấy trước để trù tính, hoạch định chuyện trùng hưng ngôi chùa nhằm bãi bỏ đề nghị trước đây [của chánh phủ], lại còn dốc sức đảm nhiệm hộ trì cho chùa mau được khôi phục. Những vị quan viên, thân sĩ trong vùng như ông Lưu Cấp Phủ v.v… tận lực đảm nhiệm vai

---

bị giảm dần, chỉ trông coi việc huấn luyện và phòng thủ địa phương, chứ không có toàn quyền về binh bị như những đời trước.

[37] Lô Quang Trù (840-911), tự Mậu Hy, còn có tên là Thập Thất Lang, người Thanh Âm, Khê, huyện Kiền Hóa, Kiền Châu (sau này Kiền Châu đổi thành Cám Châu). Ông lớn lên nhằm thời Đường Hy Tông, chính trị hủ bại, các tướng lãnh quân phiệt đua nhau cát cứ, xâu xé quốc gia. Trong tình thế, với tham vọng chính trị, Lô Quang Trù đã cùng Đàm Toàn Bá tụ hợp binh lính khởi nghĩa, suy cử Đàm Toàn Bá làm thủ lãnh, còn Lô Quang Trù chỉ huy quân đội. Họ Lô chiếm được Kiền Châu vào năm Quang Khải nguyên niên (885), xưng là Thứ Sử. Năm Thiên Phục nguyên niên (901) chiếm Thiều Châu, rồi chiếm luôn Triều Châu. Đến khi nhà Lương do Châu Ôn thành lập, Lô Quang Trù quy phục nhà Hậu Lương, được Lương Thái Tổ (Châu Ôn) phong làm Bách Thắng Quân Phòng Ngự Sứ, kiêm nhiệm chức Khai Thông Sứ vùng Ngũ Lĩnh, tước Châu Nhữ Vương, ăn lộc 1.500 hộ. Về sau được phong là Trung Huệ Thắng Lợi Vương. Tuy xuất thân nông dân ít học, nhưng Lô Quang Trù rất giỏi về quân sự lẫn kinh tế. Chính ông đã chỉ huy khẩn hoang, điều động nhiều công trình thủy lợi, lập thêm 6 huyện mới (An Viễn, Đại Dữu, Thượng Do, Thụy Kim, Thạch Thành, và Long Nam) trong vùng quản hạt của mình từ những đất hoang đã khai khẩn. Theo Tự Chí chùa Thọ Lượng, Lô Quang Trù bị bệnh ngặt nghèo, được vị Tăng tên Đạo Thành chữa khỏi bệnh nên xây chùa để đền ơn.

trò trung gian và nguyện làm hậu thuẫn giúp cho ngôi chùa được khôi phục. Ấy là vì pháp đạo được hưng thịnh đều do có nhân duyên, chẳng do trải qua cơn sóng gió này thì ngôi chùa này sẽ gần như biến mất.

Chỉ vì hiện thời đang nhằm thuở Mạt Pháp, căn tánh con người kém hèn, nếu không cậy vào sức đại thệ nguyện của Phật Di Đà để vãng sanh Tây Phương thì ai có thể đoạn sạch Phiền Hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này? Do vậy, khôi phục lần này, [nhà chùa] sẽ chuyên tu pháp môn Tịnh Độ và lập thêm Cư Sĩ Lâm, lưu thông xứ (phòng phát hành kinh sách) để các nhân sĩ trong vùng đều biết đạo trọng yếu hòng thoát Ngũ Trược lên chín phẩm và biết quy củ tốt lành để giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân quả, tu trì cẩn thận. Như thế thì do Liên Xã được mở mang mà tông phong chấn hưng, lễ giáo hưng khởi, vận nước tốt đẹp, sáng sủa, ngõ hầu xứng với ý nghĩa lập chùa đặt tên của cổ nhân, cũng như để an ủi một phen nhiệt tâm bảo vệ duy trì của các vị quân tử.

Nhưng do nhà chùa không có hằng sản, Tăng không tích trữ, bèn cậy Bất Huệ thay mặt viết lời sớ dẫn giải hòng khẩn cầu các vị đại hộ pháp và các vị thiện tín phát tâm Bồ Đề, hành phương tiện sự, chở vàng, tải gạo, xoay vần khuyên bảo quyên mộ, khiến cho điện báu thênh thang sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp, Tịnh tông được thịnh hành, con người đều biết đạo thoát khổ. Nhân quả phô tỏ rõ ràng, mọi người cùng nhau đi theo con đường mong trở thành thánh, sẽ thấy Phật, trời bảo vệ như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, cửa nhà yên vui, quyến thuộc bình an, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, lan quế[38] ngào ngạt, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã

[38] Lan quế: Ý nói con cháu hiển đạt. Đây là hai điển tích được ghép chung lại. Một người tiểu thiếp của Trịnh Văn Công thời Đông Châu nằm mộng thấy có người xưng là tổ tiên họ Trịnh trao cho nhánh lan, tỉnh dậy liền biết đã thọ thai; do đó, đứa con sinh ra được đặt tên là Lan. Về sau Trịnh Lan trở thành Trịnh Mục Công, là một ông vua hiền sáng suốt khiến nước Trịnh tuy nhỏ lại làm bá chủ chư hầu một thời. Do vậy, người ta hay dùng điển tích "mộng lan" để chỉ người phụ nữ có thai sanh con quý hiển.

Chữ Quế phát xuất từ điển tích Đậu Yên Sơn (tên thật là Đậu Vũ Quân) sống vào đời Hậu Tấn thời Ngũ Đại. Ông này có năm người con trai đều đỗ đạt, đức cao trọng vọng, được người đời khen ngợi là Yên Sơn Đậu Thị Ngũ Long (năm con rồng họ Đậu đất Yên Sơn). Phùng Đạo làm thơ mừng Vũ Quân có câu: *"Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương"* (Linh Xuân một gốc thọ, đan quế năm cành thơm). Do vậy, người đời sau thường khen ngợi nhà có con cháu hiển đạt, hiền đức là *"lan quế chi gia"*.

nói trong bài giáo huấn của Y Doãn, chỉ mong [ai nấy] đều phát lòng tùy hỷ, đều cùng được tiếng thơm *(Đầu Đông năm Quý Dậu (1933) thời Dân Quốc)*

3. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện Hưng Giáo Thiền Tự (tức Tiểu Vân Lâu) thuộc thôn Lâu Giang ngoài cửa phụ của huyện thành Thiệu Hưng

(viết thay cho thầy Nguyên Trạm)

Đức Như Lai điều ngự chúng sanh, tùy cơ thuyết pháp. Do chúng sanh căn cơ bất nhất nên [đức Phật] nói vô lượng pháp môn, nhưng gom góp thống nhất lại thì chỉ có bốn pháp Luật, Giáo, Thiền, Tịnh. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiền là Phật tâm, Tịnh là Phật cảnh. Luật, Giáo, Thiền, Tịnh là chỗ quy túc của hành nhân, là pháp để rốt ráo viên thành Phật đạo, phổ độ hết thảy phàm - thánh vậy. Bốn pháp trọn chẳng khác biệt, ắt cần phải pháp nào cũng viên thông, pháp nào cũng đều trọn đủ thì mới có thể trên nối tiếp Phật huệ, dưới hóa độ chúng sanh. Chẳng qua là luận theo chú trọng về phương diện nào mà kiến lập danh xưng của bốn tông Luật, Giáo, Thiền, Tịnh đấy thôi!

Hưng Giáo Thiền Tự được sáng lập từ đời Tấn, là đạo tràng của Luật và Giáo. Đến đời Đường, Ô Khoa thiền sư trùng hưng, trở thành [đạo tràng chuyên tu] Thiền. Cuối đời Minh, đồ tôn của Liên Trì đại sư là Nội Hằng Thuyên Công phục hưng nhà chùa, trở thành [đạo tràng chuyên tu] Tịnh. Thiện tri thức xét thời cơ mà chọn giáo pháp thích hợp, nhân thời thế mà chế định cách tu thích nghi, chỉ cốt sao có lợi cho muôn loài, chẳng chấp nhặt nơi dấu tích phô bày. Vì thế, khiến cho hết thảy chúng sanh đều được thấm nhuần pháp ích.

Từ đời Minh đến nay đã hơn hai trăm năm, trong khoảng thời gian ấy những bậc cao nhân trụ trì pháp đạo cũng lại chẳng thiếu. Từ cuối triều Thanh đến nay, pháp đạo suy vi, điện đường, liêu xá đều nghiêng sụp, đại điện là nơi an trụ Như Lai Pháp Thân, cũng là chốn để tứ chúng cầu phước [thế mà] cột kèo mục nát, rường xà xiêu vẹo, lỏng lẻo. Nếu chẳng lập cách tu bổ, ắt sẽ đến nỗi sụp đổ hết cả. Trạm tôi trụ trì nơi đây, tâm thường kinh sợ, vì thế đặc biệt giãi tỏ lòng ngu thành, quyên mộ khắp đàn tín hộ pháp, khẩn cầu các vị đều bỏ ra tịnh tài để thành tựu việc làm tốt đẹp này, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày được thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử

đã luận, tước vị cao cả, tôn kính, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng ghi danh thơm *(Năm Bính Dần, tức năm Dân Quốc 15 - 1926)*

4. Sớ quyên mộ trai mễ (gạo cho Tăng chúng ăn) suốt năm của chùa Vạn Thọ núi Đạo Tràng, Hồ Châu (viết thay)

Pháp luân muốn chuyển, phải no lòng,
Không gạo, Thiền sâu khó thể mong.
Nếu chịu bố thí giúp đạo nghiệp,
Phước thọ tăng trưởng quyết triền miên,

Chùa Vạn Thọ núi Đạo Tràng là đại đạo tràng do vị cao tăng thời Ngũ Đại là thiền sư Phục Hổ Chí Phùng[39] sáng lập. Thiền sư cất am tu hành trên đỉnh núi, một bữa ngồi yên, hào quang sáng rực bầu trời. Nhân sĩ bốn phương tưởng [trên núi] bị hỏa hoạn; ngày hôm sau đến xem, thấy Sư thâm nhập tam-muội, biết là Sư phóng đại từ quang. Do vậy, thiện tín bị cảm hóa, ai nấy đều bỏ ra tịnh tài, tạo dựng chùa miếu, trở thành đại tùng lâm, đều nói Sư là Địa Tạng Bồ Tát hóa thân. Vì thế, lại gọi núi ấy là Tiểu Cửu Hoa. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân trụ trì nơi ấy. Cho đến đầu đời Thanh, Hoằng Giác thiền sư từng làm chủ núi này, đức hạnh được Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) khâm phục; do vậy bèn ban cho nhà chùa tấm biển đề Vạn Thọ. Ấy là cầu chúc cho muôn nước đều yên, cùng lên cõi thọ, một người (tức nhà vua) được mừng vui, ai nấy cùng hưởng thái bình vậy. Từ đấy, đạo phong hưng thịnh, Vân Thủy[40] đều tụ về, những chùa lớn các nơi chẳng đâu hơn được nơi này.

---

[39] Chí Phùng (909-985), còn có hiệu là Đại Phiến Hòa Thượng, người xứ Dư Hàng. Sư quán thông Tam Học, tham thấu kinh tạng, kết thảo am tu trì tại núi Đạo Tràng (tên cũ của núi là Vân Phong, thuộc Hồ Châu). Thảo am này về sau trở thành chùa Vạn Thọ. Thoạt đầu do trong núi ấy có lắm cọp, ngài Chí Phùng thường cầm chiếc quạt lớn (do vậy dân chúng gọi Ngài là Đại Phiến Hòa Thượng) xuống chợ xin tiền mua thịt nuôi hổ, hổ đâm ra thuần tính không làm hại ai nữa, nên người đời gọi Ngài là Phục Hổ Thiền Sư. Lúc đầu, Ngô Việt Vương đặt tên chùa là Chánh Chân Thiền Viện. Tới niên hiệu Gia Thái (1201-1204) đời Tống, đổi thành Diệu Giác Tự, đến năm Nguyên Phong thứ ba đời Tống (1080), vua ban chiếu đổi tên chùa thành Hộ Thánh Vạn Thọ Thiền Tự. Thanh Thế Tổ lại đổi thành Vạn Thọ Tự.

[40] Vân Thủy, gọi đủ là Vân Thủy Tăng, là những vị Tăng không có trụ xứ nhất định, do những vị ấy du phương hành cước hay không muốn ràng buộc bởi đàn-na, tín thí, nên lấy bốn phương làm nhà, thấy đạo tràng nào thích hợp liền xin nhập chúng một

Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị, gặp cơn binh hỏa liền bị suy vi. May nhờ tiền nhân thảm đạm lo liệu mới khỏi bị hoang tàn. Nạp tăng tôi tài sức đơn bạc, lạm nhận chức Trụ Trì, tuy muốn an cư đại chúng rộng khắp hòng chuyên tu Tịnh nghiệp, khóa tụng sáng tối hằng ngày, ba thời niệm Phật, mỗi năm tới tháng Chạp liền mở một Phật Thất, dùng công đức ấy để cầu chúc vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, nhân dân yên vui, chuyển cạnh tranh thành nhân từ, nhường nhịn, biến thói bạc ác thành thuần phong, nhưng do nhà chùa không có hằng sản, không thể kiếm ra lương thực. Vì thế, kính tuân theo cấm chế của đức Phật, vào làng khất thực, khẩn cầu các vị đại đàn-việt[41] ai nấy ban cấp thóc gạo suốt năm để chúng Tăng thanh tịnh cư trụ tại chùa yên tâm tu đạo, mười phương Vân Thủy đều được yên cư. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng kết duyên thù thắng.

5. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và liêu phòng tại các viện trong Nam Thiên Trúc Diễn Phước Tự, Hàng Châu

Quán Thế Âm Bồ Tát *(cho đến)* trùng hưng đạo tràng Tịnh Độ hoành siêu *(phần trên đây đã đăng trong Văn Sao Tục Biên)*. Mùa Hạ năm nay lại được các vị cư sĩ lân cận mở mang đường hai bên và xây cửa chùa, tu bổ am tranh. Các cư sĩ thuộc hội Phật học cũng bằng lòng tán trợ chuyện xây cất đại điện. Do vậy, cậy Quang viết sớ, quyên mộ khắp các đàn tín để mong cho đạo tràng hơn ngàn năm của Bồ Tát lại được trùng hưng, ngõ hầu đạo thích hợp khắp ba căn, pháp liễu thoát ngay trong đời này sẽ được lưu truyền rộng rãi. Khẩn cầu mười phương quan viên cao quý, bậc đại thân sĩ, thương gia giàu có, hết thảy thiện tín đều cùng phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, mở toang bảo tạng, vun bồi ruộng phước, chở vàng, tải gạo, xoay vần khuyên bảo, quyên mộ lẫn nhau, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ trải kiếp, liên xã mở mang, tông phong chấn hưng, Phật pháp hưng thịnh, thiên hạ thái bình. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình

---

thời gian rồi lại ra đi giống như mây trôi nước chảy không nhất định nên gọi là Vân Thủy Tăng.

[41] Đàn-việt (Dānapati): Thí chủ.

yên, thân hiện tại được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng ghi danh thơm.

6. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện của Tức Lai Thiền Viện núi Phổ Đà
(viết thay)

Phổ Đà danh sơn chính là cuộc đất thù thắng nơi Đại Sĩ thị hiện, Tức Lai thiền viện quả thật là ngôi chùa thanh tịnh để đàn-na tín thí gieo phước. Kể từ khi trước, tổ chúng tôi là thiền sư Triều Âm triệt ngộ tự tâm, thông hiểu kinh giáo sâu xa, trụ trì chùa Phổ Tế mười mấy năm, rải mây Từ của Đại Sĩ, xiển dương tâm ấn của Tổ Sư. Vì thế, đạo truyền bốn biển, đức cảm chín bệ, nhiều lần được [triều đình] ban lộc, tặng y tía, trùng tu đạo tràng viên thông, càng thêm vì pháp vì người, mong vun bồi dòng giống pháp cho tương lai. Nhưng do trải qua năm tháng đã lâu, Sư chẳng kham nổi nhọc nhằn, bèn cho dựng riêng Tức Lai để làm nơi thoái ẩn. Do Sư được bậc tể quan ngưỡng mộ, dân chúng khâm phục, tôn sùng nên quy mô, chế độ của [viện Tức Lai] khá đồ sộ.

Từ xưa đến nay đã hơn hai trăm năm, tất cả điện đường đều nghiêng ngửa, hư nát. Nạp tăng tôi thẹn phận hậu học, gắng sức tu bổ. Các phòng đã sửa sang đại lược như mới, chỉ còn đại điện chưa khởi công. Nếu chẳng xoay sở triệt để, ắt sẽ đến nỗi chẳng mấy chốc sụp đổ. Tính muốn tạo dựng lầu gác huyễn hóa, ắt phải cậy sức của mọi người chống đỡ. Do vậy, viết sớ giãi bày tấm lòng ngu thành, quyên mộ khắp đàn-na mười phương, khẩn cầu phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, mở toang bảo tạng, vun bồi ruộng phước, ngõ hầu điện báu Đại Hùng sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ trải kiếp. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, thân hiện tại được hưởng Ngũ Phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Nếu như chẳng xót của, sẽ cùng ghi phương danh.

VII. Bạt
1. Lời bạt cho tấm biển ngạch Hương Quang Trang Nghiêm

Hương thơm công đức phước huệ, ánh sáng từ bi nhiếp thọ của Như Lai theo chiều dọc suốt cả ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười

phương đều xông chiếu trọn khắp. Phàm phu đầy dẫy triền phược trọn chẳng nghe thấy, như kẻ mắt mù mũi điếc giữa trưa đi ngang rừng Chiên Đàn, trọn chẳng ngửi được mùi hương Chiên Đàn, chẳng thấy được ánh sáng mặt trời. Nếu sanh lòng chánh tín, thường niệm Phật hiệu, do được vạn đức hồng danh của Như Lai ngầm hun đúc, gia bị, nên nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, sẽ tự có thể tùy theo khả năng của chính mình mà đắc tam-muội nên thấy nghe đôi chút [hương công đức, ánh sáng từ bi của Phật], hoặc chứng Vô Sanh Nhẫn nên thấy nghe lớn lao, cho tới dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm. Thầy Giám Viện là đại sư Diệu Chân mong những ai đến đây đều cùng được nhiễm mùi hương của Phật, cùng được hưởng quang minh của Phật, cậy tôi đề bốn chữ này và viết lời bạt để thưa với bậc thông sáng mai sau *(Mùa Thu năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)*

2. Lời bạt cho Tịnh Độ Ngũ Kinh

Tam Học Giới - Định - Huệ là căn bản của người học Phật và tu Tịnh nghiệp, nhưng Giới lại càng thiết yếu. Vì thế, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh khai thị Tịnh nghiệp tam phước như sau:

1) Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp.

2) Hai là thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

3) Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

Hai điều đầu phần lớn thuộc về Giới Học, điều thứ ba trọn đủ Tam Học. Đầy đủ ba món phước này thì Tịnh nghiệp thành tựu lớn lao, vãng sanh Thượng Phẩm. Vì thế, sau năm kinh Tịnh Độ, lại in kèm thêm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm và bốn thứ giáo huấn thanh tịnh rạng ngời[42] (Thanh Tịnh Minh Hối) của kinh Lăng Nghiêm để mong

[42] Thanh Tịnh Minh Hối là bốn điều giáo huấn thanh tịnh trong kinh Lăng Nghiêm gồm "đoạn dâm, đoạn sát, đoạn thâu, đoạn vọng" (dứt dâm, dứt giết, dứt trộm, dứt nói dối). Trong chương ấy, ngài A Nan thưa hỏi: *"Con thường nghe đức Như Lai nói như thế này: 'Tự mình chưa đắc độ mà độ cho người khác trước, ấy là chỗ phát tâm của Bồ Tát; tự giác đã trọn, hay giác ngộ người khác, ấy là sự độ thế của Như Lai. Con dù chưa đắc độ, nhưng nguyện độ hết thảy chúng sanh trong đời Mạt. Bạch Thế Tôn! Những chúng sanh ấy cách Phật ngày càng xa, tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng, muốn nhiếp cái tâm, nhập Tam Ma Địa, nên làm như thế nào để họ an lập đạo tràng, xa lìa các ma sự, chẳng lui sụt tâm Bồ Đề?"* Sau khi khen ngợi câu hỏi ấy rất thiết thực, đức Phật nhấn mạnh đến vai trò căn bản, thiết yếu của Giới

hành giả Tịnh nghiệp, đối với Luật Nghi Giới thì gìn giữ sao cho thân chẳng phạm, tiến lên mức nữa là đắc Định Cộng Giới, chế ngự tâm không khởi [những vọng niệm], tiến vào Đạo Cộng Giới siêu tình ly niệm, đoạn Hoặc chứng Chân. Nhưng dẫu đạt được hai thứ lợi ích thật sự là Định Cộng Giới và Đạo Cộng Giới thì vẫn phải dè dặt, kinh sợ, chấp trì Luật Nghi Giới để tự lợi, lợi tha, duy trì khuôn mẫu pháp đạo, ngõ hầu kẻ giải thoát rỗng tuếch[43] sẽ không có lý do lấp liếm rằng họ đang tu theo Đại Thừa để rồi hoại loạn Phật pháp khiến cho chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ! *(Giữa Xuân năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)*

3. Lời bạt cho Ma Lợi Chi Thiên Đà La Ni

Ma Lợi Chi Thiên tuy hiện thân trời, nhưng thật ra là Bồ Tát. Vì tâm độ sanh tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, nên nói ra chú này để làm cái gốc cứu độ. Nếu ai mỗi ngày kiền thành trì tụng chú này càng nhiều càng tốt, dẫu gặp những tai nạn nước, lửa, đao binh v.v… cũng sẽ gặp dữ hóa lành. Năm nay, trong cuộc biến loạn tại Trường Sa[44], [dân chúng] mắc họa

---

trong Tam Học rồi giảng chi tiết về bốn điều giáo huấn thanh tịnh. Chúng tôi xin trích dẫn chánh kinh về điều thứ nhất như sau: *"Chúng sanh trong lục đạo thuộc các thế giới ấy nếu tâm chẳng dâm thì sẽ chẳng phải tiếp tục sanh tử. Ông tu tam-muội, vốn là vì muốn thoát khỏi trần lao, nếu dâm tâm chẳng trừ, sẽ chẳng thể xuất trần được. Dẫu có lắm trí, Thiền Định hiện tiền, mà nếu như chẳng đoạn dâm, ắt sẽ đọa ma đạo, thượng phẩm là ma vương, trung phẩm là ma dân, hạ phẩm là ma nữ. Những loài ma ấy cũng có đồ chúng, mỗi tên tự nói 'đã thành vô thượng đạo'. Sau khi ta diệt độ, trong đời Mạt Pháp có lắm ma dân như thế ấy lừng lẫy trong cõi đời, rộng làm chuyện tham dục, giả làm thiện tri thức khiến cho chúng sanh đọa trong hầm ái kiến, lạc nẻo Bồ Đề. Ông hãy dạy người đời: Hễ tu Tam Ma Địa thì trước hết phải đoạn dâm tâm. Đấy gọi là điều giáo huấn thanh tịnh rạng ngời quyết định thứ nhất của đức Như Lai Phật Thế Tôn. Vì vậy A Nan! Nếu kẻ tu Thiền Định chẳng đoạn dâm sẽ giống như nấu cát mà mong thành cơm, dẫu trải trăm ngàn kiếp chỉ gọi là nấu cát. Vì sao vậy? Do vốn chẳng phải là cơm, nên trở thành cát, đá vậy! Ông dùng cái thân dâm dục cầu diệu quả của Phật, dẫu được diệu ngộ cũng đều là dâm căn. Căn bản đã thành dâm thì luân chuyển trong tam đồ ắt chẳng ra khỏi được, có nẻo nào hòng chứng Niết Bàn của Như Lai? [Do vậy], ắt phải làm cho cơ duyên của dâm cũng như thân tâm đều đoạn được dâm thì mới có thể mong cầu Bồ Đề của đức Phật!"*

[43] Tức kẻ chỉ giải thoát xuông ngoài miệng.

[44] Đây là cuộc tấn công lần thứ nhất của quân đội Quốc Dân Đảng vào căn cứ địa Tương Ngạc Cám (tức khu căn cứ nằm giữa ba tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây) của phe Hồng Quân với mục đích phá hủy khu căn cứ này và tiêu diệt lực lượng Hồng Quân đang ẩn nấp tại đó. Chiến dịch này bắt đầu từ 29 tháng Giêng năm 1930

thật thảm. Ông Nhiếp Vân Đài suất lãnh toàn thể gia quyến thuộc các chi họ cùng trì chú này tại Thượng Hải, thế mà nhà cửa thuộc các chi họ của nhà ông Nhiếp ở Trường Sa trọn chẳng bị tổn hại, hư hỏng gì. Do vậy biết rằng chú này có đại thần lực, có thể trông cậy được. Kính mong những người cùng hàng đều cùng phát tâm sửa lỗi hướng lành, cùng làm chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi người, lợi vật để cảm ứng Bồ Tát rủ lòng Từ nơi bổn địa thì sẽ được chở che, gia hộ càng thêm thù thắng. Nếu ai không biết chữ, chẳng thể ghi nhớ được, hãy chí thành niệm Nam Mô Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát hoặc xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát thì lợi ích cũng giống hệt như tụng chú. Ai có được chú này ắt phải đặt ở nơi sạch sẽ, chớ nên khinh nhờn. Nếu không, sẽ mắc tội chẳng nhỏ đấy *(Đầu Thu năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 - 1930)*

4. Lời bạt cho Tịnh Độ Pháp Hội Khóa Nghi

Hết thảy pháp môn được nói trong một đời đức Như Lai đều phải đoạn sạch Phiền Hoặc thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Chỉ có một pháp Niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, sẽ liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, tín - nguyện để dẫn đường, niệm Phật làm chánh tu. Có người chỉ chuyên cầu nhất tâm chẳng nhắc đến tín nguyện và kẻ chú trọng khai ngộ, chẳng cầu vãng sanh đều là những người chẳng biết tông chỉ của pháp Niệm Phật, bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, coi thường Phật trí, khoe khoang trí mình, tự lầm, lầm người lớn lắm! Tâm niệm Phật ắt cần phải khẩn thiết chí thành như con nhớ mẹ; dẫu có cảnh nào khác đưa đến trọn chẳng thể làm cho cái tâm nhớ mẹ ấy bị quên mất được! Trong khi niệm Phật hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, đều phải lắng tai nghe kỹ, chẳng để cho một câu một chữ nào miệng chỉ liến láu niệm qua. Cách niệm "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói chính là pháp vừa niệm vừa lắng nghe như thế đấy. Nếu có thể làm đúng như vừa nói thì chắc chắn

---

đến ngày 25 tháng Ba năm ấy, nhưng không thu được thắng lợi gì. Để trả đũa, phe Hồng Quân phát động chiến dịch đánh trả, lấy tên là Tương Ngạc Cám Tô Khu Phản Vi Tiễu (cuộc tiễu trừ phản kích Quốc Dân Đảng vây hãm đặc khu Sô Viết Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây) vào tháng Chạp năm 1930 khiến cho dân tình các tỉnh ấy càng thêm khốn đốn. Căn cứ địa Tương Ngạc Cám bao gồm vùng rừng núi Đông Bắc tỉnh Hồ Nam, Đông Nam tỉnh Hồ Bắc và một phần phía Bắc tỉnh Giang Tây. Thành phố Trường Sa nằm rất gần căn cứ địa của Hồng Quân nên dân chúng bị thiệt hại, thương vong rất lớn trong hai cuộc chiến.

sẽ được vãng sanh. Nếu tìm cầu sự khéo léo, chắc chắn sẽ biến thành vụng về to lớn, tự lầm, lầm người, gây hại há có thể nào cùng cực được!

5. Lời bạt cho sách Sức Chung Tân Lương

Cổ nhân nói: *"Sanh tử cũng lớn lao thay!"* Chẳng đáng buồn ư! Trộm nghĩ: Buồn xuông thì rốt cuộc có ích chi đâu? Cần biết rằng sanh tử là đại sự, tín nguyện niệm Phật là đại pháp. Đã biết chết là đáng buồn, hãy nên tu đại pháp này trước khi chưa chết thì chẳng những chết không đáng buồn mà còn là may mắn lớn nữa. Vì sao vậy? Do tịnh nghiệp chín muồi, nương theo Phật từ lực lập tức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, tu tập dần dần mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Nhưng muốn đạt được điều may mắn lớn lao ấy thì cần giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để bồi đắp nền tảng, lại còn thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật sẽ liền có thể quyết định đạt được. Đến khi lâm chung, bất luận tu đã lâu hay mới tu, đều cần có quyến thuộc và tịnh hữu trợ niệm ngõ hầu chánh niệm rạng rỡ, cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Dẫu cho kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, khi lâm chung thỉnh thiện hữu khai thị và trợ niệm thì cũng có thể vãng sanh.

Do vậy biết rằng chuyện trợ niệm là khẩn yếu nhất! Trong lúc thường ngày, người tu Tịnh nghiệp hãy nên nói với gia quyến về lẽ lợi - hại để họ hiểu rõ không nghi, quyết chẳng đến nỗi khi lâm chung gia quyến sẽ do tình kiến thế tục mà phá hoại chánh niệm. [Như vậy thì] đối với kẻ còn lẫn người mất đều có lợi ích thật sự. Các sách Niệm Phật Sức Chung Tân Lương và Sức Chung Tu Tri, dụng ý lẫn lời lẽ đều châu đáo, quả thật đã bảo vệ cho hành nhân thành tựu được đại sự nhân duyên. Nếu chịu lần lượt lưu thông ngõ hầu hết thảy những người cùng hàng đều biết tới lợi ích đó thì công đức ấy chỉ có đức Phật biết được! Nguyện những kẻ làm con cháu người khác trong cõi đời và những ai là cha mẹ, anh em, bạn bè ai nấy đều làm theo ngõ hầu người đã mất hồn siêu nơi cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chín phẩm sen nở hoa, được đức Phật thọ ký thành Phật ngay trong một đời, quả thật là may mắn lớn lao! *(Cuối Xuân năm Dân Quốc 19 - 1930)*

6. Lời bạt cho bài giảng giải ý nghĩa Tam Dư Đức[45] Đường

Ý nghĩa lớn lao của tên gọi tòa nhà này đã tuyên bày rồi. Nhưng muốn lợi người thì trước hết phải đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình. Nếu lời lẽ chẳng phù hợp với việc làm còn khó thể cảm hóa vợ con, huống là xóm giềng ư? Nếu có thể chân thành không dối trá thì dẫu là dị loại vẫn còn có thể cảm ứng được, huống hồ con người là kẻ cùng loài ư? Vì vậy, hết thảy pháp đều lấy thân làm gốc, nên nói: *"Thân chẳng hành đạo thì vợ con sẽ chẳng hành đạo. Nếu kẻ nào chẳng giữ đạo thì sẽ chẳng thể làm cho vợ con giữ đạo được"*. Muốn tán trợ sự sanh thành trưởng dưỡng của trời đất, muốn tỏa rạng đức ngấm ngầm của tổ tông, muốn lập khuôn mẫu tốt đẹp cho con cháu, mà chính mình chẳng chú trọng tận tụy thực hiện thì sẽ như kẻ nghèo không có rẻo đất nào để cắm dùi lại xằng bậy mong phú quý trùm lấp cõi đời, chỉ trở thành si tâm vọng tưởng, trọn chẳng thể trở thành sự thực được! Hãy răn dè nhé!

Tòa nhà được đặt tên dù ba chữ hay bốn chữ đều có ý nghĩa, cho nên không nhất định, chớ nên thay đổi. Ở phương Nam có một cụ già thanh nhàn sửa chữa đình đường, khi gác đòn dông có mười tám con hạc trắng bay đến, liền đặt tên cho tòa nhà ấy là Thập Bát Hạc Lai, bởi phỏng đoán rằng đấy chính là điềm [trong số con cháu sau này] sẽ có mười tám vị Hàn Lâm vậy!

VIII. Những bài viết khác

1. Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh

Hết thảy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong một đời Ngài đều nhằm dạy chúng sanh tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, hiểu rõ sanh tử huyễn vọng, chứng tâm tánh chân thường. Nhưng chúng sanh căn tánh có lợi - độn, Hoặc (phiền não) có dày - mỏng. Kẻ căn tánh

[45] Tam Dư vốn là một điển cố xuất phát từ câu nói của Đổng Ngộ thời Tam Quốc diễn tả chuyện khéo dùng thời gian dư thừa để học hành, tức: *"Đông giả, tuế chi dư; dạ giả, nhật chi dư; âm vũ giả, tình chi dư dã"* (Mùa Đông là thời gian thừa của một năm; ban đêm là thời gian thừa của một ngày. Lúc mưa dầm tối tăm là thời gian thừa của lúc quang tạnh). Ông Ninh Đức Tấn dùng chữ Tam Dư đặt tên cho nhà học để khích lệ con cháu quý tiếc thời gian, chăm chỉ học hành, nhưng Tổ Ấn Quang đã thêm vào chữ Đức với ý nghĩa khuyên răn con cháu ông Ninh không chỉ lo học hành mà còn vun bồi điều lành để hòng đạt được ba đức của Phật tánh là Pháp Thân, Giải Thoát và Bát Nhã.

nhạy bén, Phiền Hoặc mỏng nhẹ thì sẽ có thể liễu sanh tử ngay trong đời này hay trong hai, ba, bốn, năm đời sẽ liễu sanh tử. Kẻ căn độn, Phiền Hoặc dầy thì mười, trăm, ngàn, vạn đời, hay mười, trăm, ngàn, vạn kiếp vẫn chẳng thể liễu được! Đấy là luận trên sự tu trì theo giáo lý thông thường, cậy vào sức tu Giới - Định - Huệ của chính mình để đoạn sạch tham - sân - si phiền hoặc, khó khăn cũng dường như lên trời! Mặc cho anh kiến địa cao siêu, công phu sâu đậm, công đức to tát, trí huệ lớn lao; nếu Kiến Tư Hoặc trong tam giới chưa hết, quyết chẳng thể vượt ra ngoài tam giới để liễu sanh tử được!

Chỉ có pháp môn Niệm Phật là hoàn toàn cậy vào nguyện lực đại từ bi của A Di Đà Phật. Nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận lợi căn hay độn căn, Phiền Hoặc dầy hay mỏng đều có thể ngay trong đời này vào lúc lâm chung được nương theo Phật từ lực đích thân rủ lòng tiếp dẫn mà vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh rồi, Kiến Tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn, bởi cảnh duyên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng, mỗi mỗi đều có thể tăng trưởng công đức, trí huệ của con người, trọn chẳng khiến cho con người dấy lên tham - sân - si. Đấy chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, chẳng thể dùng những giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn Tịnh Độ được!

Trong cõi đời có những kẻ thông hiểu Tông - Giáo sâu xa, nhưng chẳng tin vào pháp môn Tịnh Độ, ấy là vì đã dùng giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn đặc biệt. Nếu họ biết đây là pháp môn đặc biệt thì sẽ tự hành, dạy người, nào dám chống trái! Bà Lưu Thị - thím của ông Trương Phước Tuyền - bẩm tánh tinh thuần, đã có túc căn, đến khi mắc bệnh bèn tin theo lời của Phước Tuyền, Tông Tịnh v.v… mà niệm Phật, lại còn được người nhà trợ niệm, vì thế qua đời thật tốt lành. Những tướng tốt đẹp như: Vẻ mặt trở nên đẹp đẽ hơn lúc sống, sau mười bốn tiếng đồng hồ toàn thân đã lạnh, đảnh đầu vẫn còn ấm, chân tay, mình mẩy mềm mại, ruồi nhặng chẳng bu tới v.v…. Căn cứ theo bài kệ kiểm nghiệm tình trạng lúc lâm chung trong kinh Đại Tập thì:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.
(Đảnh: thánh, mắt: sanh thiên,
Tim: người, ngạ quỷ: bụng,

Súc sanh: đầu gối lìa,

Địa ngục: bàn chân thoát)[46]

Bởi lẽ con người sắp chết, hơi nóng từ dưới dồn lên trên thì siêu sanh; từ trên dồn xuống dưới sẽ đọa lạc. Nếu toàn thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu ấm, ắt sanh về Tây Phương, vào trong thánh đạo. Mắt và trán nóng là sanh trong đường trời. Ngực nóng là sanh trong nhân đạo. Bụng còn ấm là sanh trong ngạ quỷ đạo, đầu gối ấm là sanh trong súc sanh đạo, bàn chân ấm là sanh trong địa ngục đạo.

Người niệm Phật nếu nhất tâm niệm Phật, chẳng nghĩ đến gia nghiệp, con cái trong thế gian, quyết định sẽ được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Bất luận tu trì đã lâu hay mới tu, thậm chí kẻ tới lúc lâm chung mới được bạn lành khai thị liền nhất tâm niệm Phật dẫu chỉ niệm được mười tiếng liền mạng chung thì cũng được vãng sanh. Bởi lẽ, trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện thứ mười tám là*: "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta chí tâm tin ưa, cầu sanh về nước ta, thậm chí mười niệm, nếu chẳng được sanh, ta không giữ ngôi Chánh Giác"*. Do nhân duyên ấy, kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, lâm chung được bạn lành khai thị, mọi người trợ niệm, cũng có thể vãng sanh.

Người thường niệm Phật nếu lúc lâm chung bị quyến thuộc vô tri tắm rửa, thay quần áo sẵn và hỏi han mọi chuyện, cũng như khóc lóc v.v… Do những nhân duyên ấy phá hoại chánh niệm liền khó được vãng sanh. Vì thế, người niệm Phật lúc thường ngày ắt phải bảo ban quyến thuộc trong nhà đều niệm thì khi chính mình lâm chung bọn họ đều biết trợ niệm. Lại do thường nói lợi ích của trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do khóc lóc, bày vẽ mù quáng, họ sẽ chẳng đến nỗi vì lòng hiếu mà khiến cho người thân vẫn phải hứng chịu nỗi khổ sanh tử lớn lao, sẽ ngay trong đời này hưởng lợi ích lớn lao vãng sanh Tây Phương.

2. Biện định nhằm giải trừ mối nghi về chuyện vãng sanh Tây Phương của ông Trương Huệ Bính

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, nhưng do chưa ngộ, mê muội chẳng biết, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, trầm luân trong biển khổ sanh tử từ kiếp này sang kiếp khác chẳng thể

[46] Tuy kinh dạy như vậy, tổ Ấn Quang nói riêng và chư vị tổ sư đại đức truyền thừa Tịnh tông đều răn nhắc không nên đụng chạm thăm dò hơi nóng nơi người vừa chết trong vòng 8-12 tiếng đồng hồ kể từ khi người ấy sắp chết. Đã tắt hơi rồi, vẫn chớ nên thăm dò hơi nóng.

thoát ra, đáng thương xót quá đỗi! Trương Huệ Bính vốn có thiện căn từ đời trước, tiếc rằng sống ở nơi không có Phật pháp, đến khi đi học, dần dần nhiễm phải học thuyết của Châu - Trình - Hàn - Âu *(sức báng Phật của Châu - Trình còn lớn hơn Hàn - Âu nữa)* khiến cho lý tự tánh trong tâm càng bị vùi lấp, không cách nào hiển hiện được!

May mắn là ông Trương trải đời đã lâu, thường gặp cảnh tai họa, loạn lạc, chẳng tránh khỏi thường ôm lòng chán ngán. Khéo sao gặp được Thường Huệ Dương đem pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương khuyên nhủ, bèn như mạ gặp hạn đã lâu chợt gặp trận mưa dầm ngọt ngào, liền bừng bừng tăng trưởng, thế khôn ngăn được! Tuy chưa hiểu Phật pháp thật rõ ràng nhưng đã thấy rành mạch, sâu xa cái tâm cong vẹo của bọn Trình - Châu - Hàn - Âu; đâm ra tín tâm do đấy càng tăng thêm. Từ khi được nghe pháp môn Tịnh Độ trở đi, giữ chặt thời khắc, chưa đầy hai năm liền được chánh niệm vãng sanh, cũng đáng gọi là bậc trượng phu dũng mãnh! Đến khi lâm chung, ông ta bị trúng phong không nói được; ấy chính là vì ác nghiệp trong đời trước đáng lẽ phải hứng chịu trong đời kế tiếp sau khi đã chết đi, nhưng do công đức tu trì trong đời này mà chuyển báo nặng trong đời sau thành báo nhẹ trong đời này nhằm giải quyết cho xong!

Chết rồi vẻ mặt tươi tắn, xác thân mềm mại, mặt lộ vẻ mỉm cười, đỉnh đầu nóng rực tay [của người sờ vào]. Những cảnh tượng ấy đều là tướng lành vãng sanh, nhưng vẻ mặt tươi sáng, thân xác mềm mại, mặt lộ vẻ mỉm cười thì người sanh lên cõi trời cũng có thể đạt được như vậy. Chỉ có chuyện đỉnh đầu còn nóng thì người sanh lên cõi trời không hề có chuyện này! Trong kinh có bài kệ nói về chứng cứ sanh vào các nẻo sau khi mất như sau:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.

Bởi lẽ con người chết đi, hơi nóng từ dưới dồn lên trên thì siêu thăng, từ trên dồn xuống dưới thì đọa lạc. Nếu toàn thân đều lạnh, đỉnh đầu vẫn ấm thì siêu phàm nhập thánh. Sanh về Tây Phương là siêu phàm nhập thánh tối thắng, cho nên nói là "đảnh thánh". Nếu hơi nóng đọng nơi trán và mắt là sanh trong đường trời. Ngực vẫn nóng là sanh trong nhân đạo. Bụng còn ấm là sanh trong ngạ quỷ đạo, đầu gối ấm là sanh trong súc sanh đạo, bàn chân ấm là sanh trong địa ngục đạo. Do toàn thân đã lạnh, chỉ còn có chỗ ấy là ấm để làm chuẩn. Nhưng người niệm Phật, nếu bình

thường có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, lâm chung lại được quyến thuộc tốt lành trợ niệm, chẳng bị phá hoại bởi quyến thuộc xấu hèn tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, hỏi chuyện, mù quáng an ủi v.v… thì chắc chắn sẽ có thể vãng sanh. Khi lâm chung, Huệ Bính bị cấm khẩu, chắc sẽ có kẻ do vậy bèn hoài nghi. Chuyện đỉnh đầu còn ấm là một chứng cứ; huống chi lại có những chuyện như vẻ mặt tươi tắn v.v… ư?

Năm trước, ông Trịnh Huệ Hồng ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam chết, bà mẹ do lòng quá thương con bèn uống thuốc độc rồi ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời, trọn chẳng có dáng vẻ đau khổ. Địa phương ấy từ trước đến nay chẳng biết Phật pháp, cha [Huệ Hồng] tên Bá Thuần là một vị túc nho, chẳng thích ra làm quan, thoạt đầu nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, rồi nghiên cứu kinh điển của bọn luyện đan, cuối cùng tham Thiền tông. Huệ Hồng buôn bán ở Chiêu Thông (thuộc Vân Nam), gởi thư xin quy y [với Quang], chuyên tu Tịnh nghiệp, nhiều phen khuyên cha tu Tịnh nghiệp, thỉnh nhiều kinh sách Tịnh Độ xin cha hãy đọc. Do vậy Bá Thuần sanh lòng tin, tự hành, dạy người, soạn cuốn Niệm Phật Khẩn Từ để cầu khẩn người khác niệm Phật. Năm Dân Quốc 22 (1933), Huệ Hồng thôi buôn bán, trở về nhà. Mùa Xuân năm sau qua đời, cũng không có tướng lành chi cho lắm! Nhưng bà mẹ uống thuốc độc vãng sanh so với những người chết tốt lành bình thường chẳng hề kém cạnh gì! Do vậy, người trong một vùng đều cảm động. Bá Thuần là một người văn lẫn hạnh đều khá, đứng ra đề xướng, lại nhờ chuyện lạ của vợ con, dẫu kẻ tà kiến cố chấp trọn chẳng có lòng tin tưởng cũng chẳng thể không bị cảm động!

Bọn Tống Nho đọc kinh Phật, bèn dùng những nghĩa mầu nhiệm ấy để xưng hùng, ngược ngạo bài xích Phật, vì sợ người đời sau biết "diệu nghĩa" [do bọn Tống Nho khoác lác "chính mình đã tự tìm ra" ấy] do đâu mà có, đến nỗi những kẻ học Nho đời sau chẳng dám nhắc đến nhân quả, luân hồi. Vì thế, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. May mắn là gần đây người tu Tịnh nghiệp đông đảo, vẫn còn có thể đẩy lùi con sóng cuồng loạn đôi chút. Nếu không, đạo làm người chắc sẽ gần như bị diệt mất! Nay do Huệ Bính khiến cho một vùng biết được tướng trạng vãng sanh Tây Phương, ắt sẽ khiến cho những kẻ nối tiếp ông ta vãng sanh về lâu về dài càng đông đảo vậy. Do vậy, tôi viết những điều này nhằm làm nêu sáng tỏ ý nghĩa thật sự; xin ai nấy hãy tự gắng lên!

3. Thông cáo tạ tuyệt trao đổi thư từ

Ấn Quang là một ông Tăng tầm thường, chẳng có hiểu biết gì; mười mấy năm qua thường có những người tưởng lầm Quang là thiện tri thức, thừa dịp bưu chánh thuận tiện, nườm nượp gởi thư tới. Quang chẳng tự lượng, hễ thư gởi đến liền trả lời. Mùa Đông năm ngoái, do ban đêm giảo chánh sách dưới ánh đèn điện, mắt bị tổn thương nặng. Từ đấy, hễ ai gởi thư đến đều nhắc nhở sau này đừng gởi thư tới nữa, nhưng vẫn không có hiệu quả gì! Đến nay, số người gởi thư tới so với trước kia chưa hề giảm! Cho nên nay tôi bất đắc dĩ đăng thông cáo trên hai báo Tân Thân và Phật Học Bán Nguyệt San để mong ai nấy đều biết: Nếu từ nay vẫn gởi thư tới, quyết chẳng bóc ra, cũng chẳng phúc đáp. Nếu có chuyện gì quan trọng gởi tới bằng thư bảo đảm, tôi sẽ để nguyên thư gởi trả lại. Thư thông thường sẽ quăng vào giỏ đựng giấy vụn để mong tịnh tâm, dưỡng mắt, hòng giữ được sức nhìn để còn thấy được ánh sáng mặt trời.

Nếu vẫn lầm lạc coi Quang là tri thức, xin hãy trực tiếp hướng đến Phật Học Thư Cục ở Thượng Hải hoặc Hoằng Hóa Xã thuộc chùa Báo Quốc ở Tô Châu để thỉnh Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Gia Ngôn Lục về đọc, sẽ đạt được lợi ích thật sự gấp trăm lần so với gởi thư đến. Tiến hơn nữa là đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh và các trước thuật về Tịnh Độ của cổ đức thì chắc chắn sẽ có thể đem nhân địa tâm khế hợp với quả địa giác vậy *(Ngày mồng Một tháng Hai năm Dân Quốc 24 - 1935)*

4. Thông cáo khuyên khắp đồng bào toàn cầu cùng niệm thánh hiệu Quán Âm

Quán Thế Âm Bồ Tát từ vô lượng kiếp trước thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng bi tâm vô tận, từ thệ khôn cùng. Do vậy, lại hiện thân Bồ Tát và những thân trời, người, phàm, thánh v.v… trong mười phương thế giới để thí vô úy (ban phát sự không sợ hãi) nhằm rủ lòng cứu vớt. Phẩm Phổ Môn nói: *"Nên dùng thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp".* Chẳng những hiện thân hữu tình, mà ngay cả núi, sông, thuyền, bè, cầu bến, đường sá, dược thảo, cây cối, lầu đài, điện, gác cũng tùy cơ ứng hiện. Nói chung là Bồ Tát chú trọng lìa khổ ban vui, chuyển nguy thành an. Phàm ai gặp đao binh, nước, lửa, bệnh ngặt, thú dữ, oán gia đối đầu, ác quỷ, rắn độc, đủ mọi nỗi nguy hiểm, nếu chí thành xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát liền có thể được Bồ Tát gia bị, chuyển nguy thành an.

Hiện tại, sát kiếp tràn ngập, toàn cầu đều không có chỗ nào là yên vui cả, mà cũng chẳng ai được yên vui. Nguyện đồng bào trong ngoài nước cùng niệm thánh hiệu Quán Âm, cùng lấy tâm cứu khổ cứu nạn của Quán Âm làm tâm mình, cùng lấy sự nghiệp lợi người lợi vật của Quán Âm làm sự nghiệp của mình thì ý niệm ta - người đều không còn, chuyện đấu tranh tự dứt, tự có thể cùng hưởng thái bình, cùng vui lẽ thường. Dẫu cho định nghiệp khó chuyển, bị táng thân mất mạng, vẫn có thể nương cậy sức Bồ Tát để vãng sanh Tây Phương thì kẻ do túc nghiệp bị mất mạng cũng sẽ được nhờ Phật lực thoát khỏi biển khổ. Các đồng bào trong ngoài nước của tôi xin hãy cùng xét cho tấm lòng ngu thành này! *(Năm Dân Quốc 26 - 1937)*

IX. Vấn đáp

1. Đáp lời hỏi của sư Thiện Huân *(lược bỏ câu hỏi)*

1) Ngoại đạo giữ phương cách bí mật là vì sợ người khác biết rõ pháp của chúng nên không cho người khác niệm Phật ra tiếng. Trong Phật pháp, không có thuyết bí mật nào! Niệm Phật hãy tùy theo khí phận, sức lực của mỗi người lớn hay nhỏ mà niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng. Niệm ra tiếng lâu dài sẽ bị tổn khí; vì thế, lại cần phải tĩnh tọa niệm thầm. Bất luận niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng hay niệm thầm, nói chung là chính mình phải nghe tiếng niệm Phật của chính mình. Niệm thầm cũng vẫn có tiếng, vì thế cũng cần phải nghe. Nếu thường nghe, tâm tự quy nhất. Đấy chính là cách niệm Phật hay nhất.

2) Trừ Phật pháp ra, tất cả các môn đều là tà giáo, chứ nào phải chỉ có Thanh Tịnh Môn[47]? Các loại tà giáo đều lấy luyện đan vận khí làm

[47] Thanh Tịnh Môn còn gọi là Văn Hương Giáo, Hữu Đại Thừa Giáo, Đông Đại Thừa Giáo, Đại Thừa Hoằng Thông Giáo, Hoằng Phong Giáo, Thiện Hữu hội, Thanh Trà Môn, Thâu Duyên Môn, Nhất Chú Hương, Viên Đốn Môn Hưng Long Phái, Thái Thượng Cổ Phật Môn v.v… vốn là một chi phái của Bạch Liên Giáo, do một gã thợ làm nghề thuộc da tên Vương Sâm (1542-1619), đạo hiệu Thạch Tự Nhiên, sáng lập vào thời Vạn Lịch đời Minh. Họ Vương tuyên bố do cứu hồ tiên (chồn tinh), hắn liền học được dị hương thuật, tự xưng là Thiên Chân Cổ Phật Chuyển Thế, đặt pháp hiệu là Pháp Vương Thạch Phật, gọi giáo pháp của mình là Văn Hương Giáo (hoặc Bát Quái Giáo), còn gọi là Đông Đại Thừa Giáo để phân biệt với Tây Đại Thừa Giáo của chùa Bảo Minh thuộc pháp hệ "chánh thống" của Bạch Liên Giáo. Họ Vương biên soạn (hoặc nhờ người khác biên soạn rồi đội tên mình là tác giả) các bộ tà kinh như Lão Cửu Liên, Tục Cửu Liên, Cổ Phật Thiên Chân Khảo Chứng Long Hoa Bảo Kinh, Phật Xá, Tam Giáo Chỉ Nam. Giáo phái này pha trộn phương pháp tu tiên của

chánh đạo, nhưng họ lấy niệm Phật, niệm kinh, khuyến thiện để làm căn cứ dẫn dụ người khác vào đạo của họ.

3) Đồng Thiện Xã cũng là ngoại đạo. Ở đây nói *"đừng học theo Tế Công"*[48] chỉ là nói về kẻ ngoại đạo, chớ nên nhất loạt bao gồm hết.

4) Cầu cơ cũng không phải là chánh pháp, phần nhiều là do linh quỷ giả mạo. Đối với chuyện Tăng, ni uống rượu, ăn thịt thì [bọn họ] chính là chủng tử địa ngục còn chưa thể cứu được chính mình. Cớ sao lại viện vào hành vi của bọn chúng để chỉ trích Phật giáo vậy?

5) Ngũ Huân (Ngũ Tân) thì nước ta chỉ có bốn thứ, tức hành, hẹ, kiệu, tỏi. Kiệu chính là Tiểu Toán[49], ở Tây Vực có Hưng Cừ, nước ta không có loại ấy. Có kẻ cho Nguyên Tuy (Cilantro, ngò Tây) là một loại trong Ngũ Tân, đấy chính là [tà thuyết] do ngoại đạo lập ra.

6) Tam Yếm[50] là Thiên Yếm, Địa Yếm, Thủy Yếm. Thiên Yếm chính là chim nhạn. Do chim nhạn có tình nghĩa vợ chồng cho nên chẳng được ăn, đấy chính là thuyết của Đạo gia. Trong Phật pháp, hết thảy các thứ thịt đều chẳng được ăn; sao lại chỉ có ba thứ ấy? Bọn họ bảo: "Người già là Bạch Yếm, cớ sao lại thỉnh Tăng để hệ niệm[51] cho người chết?" Nói nhăng, nói càn, há nên nghe theo!

Đạo Gia với bùa chú, đồng cốt, cầu cơ v.v… vay mượn những danh từ nhà Phật, xuyên tạc giáo nghĩa nhà Phật để biện minh cho giáo thuyết của chúng. Đạo này có rất đông tín đồ tại các vùng Sơn Đông, Tứ Xuyên, Hà Bắc, Sơn Tây, Hà Nam v.v.. Năm Vạn Lịch 41 (1614), Vương Sâm bị bắt, rồi chết trong tù vào năm 1619. Về sau, con trai hắn là Vương Hảo Hiền phát động khởi nghĩa lật đổ nhà Minh thất bại, bị truy nã ráo riết nên giáo phái này mới đổi thành đủ mọi tên như đã kể trên để dễ hoạt động.

[48] Do Tế Công thị hiện những nghịch hạch (ăn thịt chó, uống rượu, say sưa, ngủ li bì v.v…) nhằm thị hiện thần thông hóa độ những kẻ hữu duyên, bọn ngoại đạo ăn thịt, uống rượu, say sưa, trác táng cũng viện cớ là "học theo hạnh của Tế Công" nên Tổ Ấn Quang mới quở như thế.

[49] Tiểu Toán là tên gọi khác của Giới (Kiệu).

[50] Tam Yếm có nghĩa là ba thứ thịt phải kiêng ăn do Đạo Giáo đặt ra, gọi là Thiên Yếm, Địa Yếm và Thủy Yếm, tức thịt của ba thứ: Chim Nhạn (Thiên Yếm), Chó (Địa Yếm) và Rùa Đen (Thủy Yếm).

[51] Hệ niệm (xin chú ý ở đây Tổ dùng chữ "hệ niệm") có nghĩa là chuyên niệm, chú tâm niệm một đức Phật, chuyên ròng niệm Phật, không xen tạp, không gián đoạn, khiến cho người sắp mất luôn hướng lòng về A Di Đà Phật. Gọi là "hệ niệm" để phân biệt với lối trợ niệm thông thường vẫn được áp dụng tại nhiều nơi, kể cả ở Việt Nam: Chư tăng ni hay Phật tử nhóm họp, khai kinh sám hối ngày đầu, ngày kế tụng Phổ Môn để cầu cho người sắp mất được khỏe lại, ngày sau cùng tụng Di Đà để người sắp mất ra đi. Nếu vẫn chưa mất thì sẽ chuyển sang tụng kinh Kim Cang, kinh Dược Sư, hoặc kinh Địa Tạng v.v… Nói chung là chú trọng tụng kinh nhằm giúp

7) Niệm Phật nhớ số là để ngừa giải đãi. Nếu không có tâm giải đãi thì không nhớ số cũng được. Để nhớ số cũng có thể không dùng tới tràng hạt. Lúc thoạt đầu nên dùng tràng hạt để niệm [Phật] một tiếng đồng hồ, sau đó niệm nhanh hay chậm đều giống như vậy. Niệm một khắc, nửa tiếng, hay một tiếng đều có thể biết được số câu niệm Phật. Hơn nữa, cách niệm Phật nhớ số trong Văn Sao là cách nhiếp tâm hiệu quả nhất, hãy đọc sẽ tự biết.

8) Nếu có tượng Phật, hãy nên hướng về Phật lễ bái. Không có tượng Phật thì lễ bái thầm trong tâm, hoặc hướng về phương Tây lễ bái. Có hương, đèn cố nhiên là tốt, nhưng không có cũng chẳng sao! Tùy theo khả năng của từng người mà làm, há nên chấp hẹp hòi nơi pháp ư?

9) Kinh Kim Cang giảng về pháp môn tâm địa, nên nói: *"Phàm hữu sở tướng, giai thị hư vọng"* (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Ông chẳng biết đọc những câu thuộc phần trước hai câu ấy trong kinh văn, chỉ dựa vào hai câu này để rồi nghi ngờ phép niệm Phật vãng sanh Tây Phương, chẳng biết có hữu tướng tam-muội và vô tướng tam-muội. Phàm rất nhiều kinh thuộc Bát Nhã Bộ[52] cũng như những điều được nói trong Thiền tông đều là dựa theo vô tướng tam-muội để giảng rõ. Phàm các kinh Đại Thừa giảng cặn kẽ về nhân tu nhân chứng quả và khai thị niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì đều dựa theo hữu tướng tam-muội để giảng rõ. Ông hoàn toàn chẳng biết đạo lý thế gian, huống hồ đạo lý xuất thế gian; nhưng vẫn tự cho rằng mình thông minh, bàn luận Phật pháp bừa bãi! Muốn chẳng chuốc lấy ác quả, há có được chăng? Ông đã có Tịnh Độ Thập Yếu *(sách này rất sâu),* Gia Ngôn Lục *(sách này rất nên đọc kỹ càng),* sao chẳng đọc kỹ mà cứ một mực coi những lời lẽ vô tri vô thức của bọn ngoại đạo là đúng vậy?

2. Đáp lời hỏi của hòa thượng Mộ Tây

---

cho người chết giảm bớt nghiệp chướng, ra đi nhẹ nhàng, chứ không chú trọng hướng dẫn cho người ấy biết tới pháp môn Tịnh Độ, phát tâm cầu được vãng sanh!

[52] Bát Nhã bộ là một trong năm bộ (phân loại) lớn của Đại Thừa (Bát Nhã, Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Pháp Hoa và Niết Bàn). Bát Nhã Bộ bao gồm kinh Đại Bát Nhã (bản dịch của ngài Huyền Trang) và tất cả những kinh biệt xuất (tức những phẩm hoặc một phần của kinh Đại Bát Nhã được dịch trước thời ngài Huyền Trang). Hiện thời, nếu lấy Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh làm chuẩn thì Bát Nhã Bộ có 42 bộ kinh, tổng cộng 776 quyển. Phần Śer-phyin trong tạng Cam Thù Nhĩ (Kanjur) của Đại Tạng Kinh Tây Tạng gần như tương ứng với Bát Nhã Bộ của Đại Tạng Kinh Hán truyền.

1) Hỏi: Thiên Phật Y có phải là tổ y [53] thêu hình tượng Phật, còn Long Hoa Y là [ca-sa] thêu rồng thêu hoa hay không, xin hãy rủ lòng dạy bảo?

Đáp: Thiên Phật Y chính là y do một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp[54] chế ra, tức là tổ y năm điều hay bảy điều chúng ta thường đắp. Kẻ vô tri không hiểu biết bèn thêu hình tượng Phật lên y, tội đáng chết muôn vàn! Kẻ ngu chẳng biết tội lỗi, ngược ngạo tưởng đó là sang trọng! Lại còn thêu rồng, thêu hoa! Đường đường là một vị tỳ-kheo lại học theo thói nữ nhân, tư cách kẻ ấy chẳng đáng giá nửa đồng! Điều thứ nhất trong tác phẩm Chánh Ngoa Tập của Liên Trì đại sư đã luận về chuyện này!

2) Hỏi: Nuôi tóc dài, để móng tay dài, đeo khuyên bằng bạc, bằng đồng, có phải là tướng Đầu Đà hay chăng?

Đáp: Đầu Đà là tên gọi của vị hành khổ hạnh. Hạnh Đầu Đà gồm mười hai điều[55]. Người đời nay chẳng thể hành được, lại lầm lạc đem tướng của ma vương, ngoại đạo ghép vào, đáng than quá đỗi!

---

[53] Tổ y: Y ca-sa.

[54] Hiền Kiếp (Bhadrakalpa) là Trụ Kiếp trong hiện tại. Trong hai mươi trụ kiếp tăng giảm, có một ngàn vị Phật ra đời, cho nên gọi là Hiền Kiếp. Kinh Bi Hoa, quyển 5 chép: *"Do nhân duyên nào tên gọi là Hiền Kiếp? Do trong đại kiếp này có nhiều chúng sanh tham dục, sân khuể, ngu si, có một ngàn đức Thế Tôn thành tựu đại bi xuất hiện trong cõi đời".* Vị Phật đầu tiên là Câu Lưu Tôn (Krakucchanda), vị Phật cuối cùng là Lâu Chí (Rucika). Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ ba, Di Lặc Phật là vị Phật thứ tư xuất thế trong Hiền Kiếp.

[55] Đầu Đà (Dhūta) có nghĩa là trừ khử trần cấu, là một pháp tu khổ hạnh của hàng Tăng sĩ nhà Phật nhằm đoạn trừ tham trước, tu luyện thân tâm. Ngài Ma Ha Ca Diếp được tôn xưng là Đầu Đà đệ nhất. Người tu hạnh Đầu Đà tuân thủ mười hai điều sau đây:

1. Ở tại A Lan Nhã, tức lìa nơi ồn náo, ở nơi yên tịnh, xa cách chỗ ở của cư dân 2. Khất thực 3. Khất thực theo thứ tự (không phân biệt nhà giàu, nhà nghèo, cứ thuận đường mà đi, khất thực đủ bảy nhà thì thôi) 4. Ăn một bữa 5. Ăn vừa mức (tức chỉ xin vừa đủ ăn, hễ xin đủ phần mình ăn thì dẫu chưa đủ bảy nhà liền đậy bát, trở về tinh xá) 6. Sau giờ Ngọ, không uống các thứ nước trái cây ép, sữa, súp v.v.. cho khỏi đói 7. Mặc y kết bằng các mảnh vải vứt đi 8. Chỉ có ba y 9. Ở nơi mồ mả 10. Nghỉ dưới gốc cây 11. Ở nơi đất trống 12. Chỉ ngồi chứ không nằm.

Không rõ từ bao giờ ở Trung Hoa xuất hiện những Tăng nhân giả danh, tự xưng tu hạnh Đầu Đà, thường xõa tóc dài, không cạo râu, cổ đeo chuỗi hạt rất to, đầu bịt một chiếc vòng bằng đồng hay sắt (để giữ cho tóc khỏi xõa xuống trán. Đôi khi chiếc vòng ấy còn được chế kiểu cọ có hình trăng lưỡi liềm trước trán), đeo khuyên tai to nặng, mặc áo rộng tay, nhưng vạt ngắn, đôi khi còn phạch ngực, cầm tích trượng bằng sắt đúc to kềnh, tập luyện võ nghệ, đi lang thang khắp nơi, tuy xin ăn nhưng

3) Hỏi: Người bế quan niệm kinh, niệm Phật cho người khác có phải là tà mạng hay không?

Đáp: Bế quan cần phải có chánh niệm, chân thật niệm kinh, niệm Phật. Nếu chuyên niệm cho thí chủ, chẳng biết chú trọng nơi chuyện tu hành của chính mình thì có bị gọi là tà mạng cũng đáng! Nếu chỉ dùng bế quan để gạt gẫm kẻ khác cúng dường thì sẽ trở thành đại tà mạng vậy!

4) Hỏi: Có người [suy nghĩ] quan phòng (nơi để bế quan) này do vị thí chủ nọ cúng dường, bèn niệm kinh để báo đáp người ấy. Có thể dùng pháp bảo để làm quà tặng được hay chăng? Hơn nữa, tăng nhân vì người khác xem kinh, đếm số quyển [kinh mình đã tụng] để tính giá trị, viết một phiếu tụng kinh giao cho người ta, những tăng nhân như vậy mắc những tội gì, người tục gia có được phước gì?

Đáp: Người ta tài thí, mình dùng pháp thí [để đáp tạ] thì cũng không phải là không được. Nếu chẳng biết Phật pháp, chuyên môn vì người khác niệm kinh thì cũng giống như cuốc đất tính công lãnh tiền! [Tụng kinh hay xem kinh] đã bị coi như là làm lụng mà nếu lại còn thật sự chẳng xem, chỉ viết một tờ phiếu ghi những kinh đã tụng để làm bằng chứng thì so ra chỉ có thể diện hơn đánh cướp một chút, chứ thật ra là cùng một loại dụ dỗ, lừa gạt! Niệm hay chẳng niệm không nhất định, cung kính hay không cung kính cũng không nhất định thì làm sao có thể định tội kẻ ấy cho được? Kẻ tại gia có tâm chánh tín xuất tiền thỉnh niệm, dẫu cho tăng nhân chẳng niệm, chỉ dùng một tờ phiếu kê khai để lừa người ta thì cũng chẳng thể nói là [thí chủ] trọn không có công đức. Từ nay chớ nên gởi thư đến nữa, tôi không có thời gian và sức lực rảnh rỗi để bàn luận những chuyện thừa thãi này!

3. Đáp lời hỏi của cư sĩ Niệm Phật *(tức cư sĩ Châu Mạnh Do)*

[Cư sĩ Niệm Phật hỏi]: Trong thư trả lời cư sĩ Hương Nghiêm của Triệt Ngộ đại sư có câu: *"Hãy nên dùng lòng tin sâu xa để thấu hiểu sâu xa: Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm. Nhất niệm hiện tiền thì nhất niệm tương ứng, niệm niệm hiện tiền thì niệm niệm tương ứng, chỉ nên giữ sao cho niệm ấy thường hiện tiền thì sẽ đạt được hiệu nghiệm chân thật. Lìa ngoài niệm ấy ra thì đừng cầu hiệu nghiệm, bởi đã gián đoạn, chẳng*

---

hay cậy võ nghệ hiếp đáp người khác, ăn ở lôi thôi, nhớp nháp, bẩn thỉu, ăn chay nhưng không kiêng rượu! Loại đầu-đà kiểu này rất thịnh hành dưới đời Tống.

thân thiết, liền đi vào ngõ rẽ. Kinh dạy: 'Tâm này làm Phật, tâm này là Phật' chính là nói về ý này vậy!"

Tuy con tin đoạn văn dài này là mấu chốt cho sự tu Tịnh, nhưng lời văn đảo đi, đảo lại, rườm rà, chẳng dễ gì thấu suốt được lý. Nay con kính cẩn trình bày những điều nghi nan, ngưỡng xin thầy rủ lòng phân tích, giải thích cặn kẽ để con nhờ vào đây vun bồi tịnh nhân thì thật là may mắn lớn lao!

1) *"Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm".* Thế nào gọi là tâm? Thế nào gọi là Phật? Nếu chỉ giải thích sơ sài thì "hiện tiền khởi niệm là tâm", chẳng biết có thích đáng hay chăng?

Đáp: Cái tâm niệm Phật hiện tiền chính là tâm. Vị Phật được niệm trong hiện tiền là Phật, tức là vị Phật được tạo bởi tự tâm. Vì thế nói: *"Tâm này làm Phật, tâm này là Phật".*

2) Bốn câu này ý nghĩa có tương tự bốn câu "*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc"* của Tâm Kinh hay không?

Đáp: Sắc - Không của Tâm Kinh so ra rộng rãi hơn ý nghĩa *"làm, là"* trong Quán kinh. *"Làm, là"* trong Quán Kinh càng thân thiết hơn "*bất dị, tức thị*" (chẳng khác, chính là) của Tâm Kinh.

3) Đã nói *"ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không Tâm"* sao lại nói *"toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức tâm"* là ý nghĩa gì?

Đáp: Hai câu sau giải thích lại ý nghĩa của hai câu trên.

4) Chữ "niệm" trong *"nhất niệm hiện tiền"* và "*niệm niệm hiện tiền"* cùng với chữ Tâm trong *"tâm Phật"* ý nghĩa có giống nhau hay không?

Đáp: Tâm và niệm chỉ là một thứ. Chẳng qua ước theo sự thường còn mà gọi là Tâm, ước theo sự hiện khởi mà gọi là Niệm.

5) *"Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm..."* bốn câu này có phải là nói về Tánh Đức? Còn *"một niệm hiện tiền, một niệm tương ứng..."* bốn câu này có phải là nói về Tu Đức hay chăng?

Đáp: Cả hai đều là Tu Đức, bởi lẽ *"ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm"* chính là điều sẽ đạt được bởi công phu.

6) *"Nhất niệm hiện tiền thì nhất niệm tương ứng..."* bốn câu này thì kẻ sơ cơ làm được hay phải là người tu lâu mới làm được?

Đáp: Sơ cơ có sự tương ứng của sơ cơ, tu lâu có sự tương ứng của tu lâu, há nên chấp chết cứng?

7) Tin sâu, thấu hiểu chắc thật là nói kiểu viên dung. Chưa đạt tới mức thấu hiểu chắc thật, chẳng thể gọi là tin sâu! Nếu gọi là tin sâu thì sẽ

thấu hiểu chắc thật. Nói theo thứ tự thì tin sâu dễ, thấu hiểu chắc thật là khó. Chưa hiểu chắc thật, chẳng trở ngại gì tin sâu; trong lá thư này, ngài Triệt Ngộ nói "tin sâu, thấu hiểu chắc thật" là nói kiểu viên dung hay nói theo thứ tự?

Đáp: Chẳng cần phải phân biệt như thế, do chẳng biết ông ta (tức cư sĩ Hương Nghiêm) thuộc hạng căn tánh nào!

8) Phần trên nói *"hãy nên tin sâu, thấu hiểu chắc thật".* Phần dưới nói *"chỉ nên giữ sao cho niệm ấy thường hiện tiền thì sẽ đạt được hiệu nghiệm chân thật",* dường như có nghĩa là sau khi đã tin sâu, thấu hiểu chắc thật thì mới có hiệu nghiệm chân thật?

Đáp: Đây là tin và ngộ.

9) Như vậy là chỉ nên giữ cho niệm ấy thường được hiện tiền?

Đáp: Đấy là thực hành.

10) Nhưng chưa đủ lòng tin sâu xa, hoặc chưa đạt đến mức thấu hiểu chắc thật, dẫu cho niệm ấy thường hiện tiền vẫn tự chẳng thể có hiệu nghiệm chân thật ư? Nếu vậy thì người tin sâu, thấu hiểu chắc thật chẳng có mấy ai, mà cũng chẳng thấy được nhiều kẻ đạt được hiệu nghiệm chân thật cho mấy!

Đáp: Chưa thể tin hiểu mà thường hiện tiền như thế cũng chẳng nhiều nhặn gì! Nhưng chất phác niệm đến chỗ tột cùng thì cũng có thể đạt đến địa vị ấy!

11) Vợ chồng đệ tử tập khí xấu xa sâu nặng, sửa đổi chẳng dễ, do vậy sanh ra những đứa con hoang đàng, biếng nhác, ngang ngạnh, phô trương, thật chẳng có hy vọng gì chúng sẽ nên người. Con tính trong lúc này, cứ nghĩ sẵn trước là chúng sẽ bị đọa lạc trong tương lai, [tự mình] buông những hoài bão xuống, tự điều chỉnh sao cho thích nghi. Nếu quả thật sau này có ngày đọa lạc, ly tán thì do đã suy nghĩ kỹ càng, chín chắn, sẽ chẳng đến nỗi hứng chịu phiền não, tiếc hận lớn lao. Lối nghĩ tưởng như thế có đáng nên vâng giữ hay chăng?

Đáp: Nên vâng giữ!

12) Xưa kia Văn Chánh Công thường nói: "*Phàm làm người kỵ nhất là lo nghĩ ngược ngạo tới sự truân chuyên, trắc trở mai sau, nhưng người đọc sách mắc bệnh này rất nhiều, đấy đều là dấu hiệu chứng tỏ bạc phước"*. Lời nói ấy có đích xác hay không?

Đáp: Đích xác!

13) Lại nữa, trong bài Gia Huấn của Lục Phóng Ông có câu: *"Cư hương, dĩ khốn úy, bất nhược nhân, vi triết*[56]*"* (Sống trong làng thì phải khôn ngoan xử sự bằng thái độ ta là kẻ kém cỏi, e dè, chẳng bằng ai). Nên giải nói như thế nào, xin thầy khai thị?

Đáp: Đã biết ta kém cỏi, biết e dè, đã biết ta chẳng bằng người, sao dám cùng người khác tranh cãi? Kẻ nào tranh cãi đều không có ba tâm ấy.

14) Đệ tử thường mộng thấy niệm Phật bay lên, thường bị một căn nhà trên đỉnh lợp toàn bằng pha lê ngăn trở, hễ thân thể bay lên thì căn nhà ấy và lớp pha lê phủ trên nóc đều cùng bay theo. Con muốn vượt thoát ra khỏi lớp pha lê ấy để vùng vẫy trong hư không liền chẳng được như ý, chưa biết là nghiệp chướng gì?

Đáp: Giấc mộng ấy cũng chẳng dễ có. Nếu vượt thoát ra được thì tốt, Nhưng chỉ nên nhất tâm niệm Phật, chớ nên chuyên mong tưởng thực hiện được giấc mộng ấy để khỏi do lợi ích mà đâm ra bị tổn hại.

15) Có người cho rằng "*khuyên người niệm Phật cầu sanh là Chủ* (chánh yếu), *còn tự mình tu là Trợ"*; có người nghĩ *"tự tu là Chủ, khuyên người khác là Trợ"*. Cả hai đều phát xuất từ lòng chí thành, nhưng công đức nào vượt trỗi hơn?

Đáp: Quan điểm sau tốt hơn quan điểm trước.

16) Một vị Tăng nói đến nhân quả, chăm lo chùa miếu, vì nhằm lợi lạc tứ chúng mà tịnh tu, nhưng ý niệm ta - người, lợi danh khá nặng. Một vị Tăng khác nghiêm trì giới hạnh, chuyên niệm Phật, hồi hướng cầu cho các chúng sanh sẽ được vãng sanh, ý niệm ta - người, lợi danh rất nhẹ, [so ra hai người ấy] hơn - kém ra sao?

Đáp: Người sau trỗi hơn.

17) Hành giả lâm chung sanh Tây, cưỡi đài hoa sen thì ngồi, hay quỳ, hay đứng?

---

[56] Câu giáo huấn ấy của Lục Phóng Ông đã dựa theo ý tưởng của đoạn văn sau đây trong thiên Liệt Ngự Khấu của sách Nam Hoa Kinh: *"Cùng hữu bát cực, đạt hữu tam tất. Hình hữu lục phủ, mỹ, nhiêm, trưởng, đại, tráng, lệ, dũng, cảm, bát giả câu quá nhân dã, nhân dĩ thị cùng. Duyên tuần yển ương, khốn úy, bất nhược nhân, tam giả câu thông đạt"* (Có tám điều khiến cho con người khốn quẫn tới tột bậc, có ba điều ắt dẫn đến sự thông đạt. Đẹp đẽ, râu đẹp, cao lớn, khôi ngô, tráng kiện, duyên dáng, mạnh mẽ, quả cảm, tám điều ấy đều vượt xa người khác thì sẽ do vì những điều ấy mà gặp cảnh khốn cùng. Thuận theo lẽ tự nhiên kính trọng người khác, náu mình e dè, làm ra vẻ như ta chẳng bằng ai, ba điều ấy đều dẫn đến sự thông đạt). Chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của Lý Đạt trong cuốn Trang Tử Dịch Thích.

Đáp: Ngồi.

18) Có lúc muốn làm một chuyện, tự cảm thấy dường như cũng mang lòng từ mẫn, mà hình như cũng ôm lòng ghen ghét, hoặc là mang lòng hâm mộ quyền thế, tham lợi. Chẳng làm thì sợ tổn hại đến lòng từ mẫn, làm thì sợ đọa vào tình kiến, ngay trong lúc ấy chẳng tự biết ý niệm là thiện hay ác, là nặng hay nhẹ! Lại chẳng thể cân nhắc sự duyên lợi - hại, hoãn - gấp. Lại không có thiện tri thức để quyết đoán thì nên xử trí như thế nào là hay nhất?

Đáp: Gặp chuyện, nên lấy nghĩa làm chuẩn. Nếu không, sẽ trở thành người không có chủ ý gì hết!

19) Con trộm thấy có tăng sĩ chưa từng phải lo liệu [xây cất] chùa miếu, ý vẫn cho rằng nếu hoàn thành được một ngôi chùa để tự lợi, lợi tha, bèn có thể chuyên tâm niệm Phật, một dạ sanh Tây. Đến khi nhân duyên hợp đủ, chùa miếu đã hoàn thành, dần dần lại tham mến chùa miếu, mưu tính tích cóp sản nghiệp, nắm níu quẩn quanh, chần chừ, lầm lỡ chuyện vãng sanh. Đấy mới chỉ là nêu một trường hợp làm thí dụ. Những kẻ khác thì muốn thông giáo lý, trở thành nhà trước tác, và kẻ thế tục thì mong cầu nhà cửa dư dả, con cháu hiển đạt v.v… Những điều này đều là đệ tử tự lượng thân phận, sợ sẽ giẫm theo vết xe đổ, nguyện tùy duyên niệm Phật chẳng mong tạo tác. Tuy chưa đạt đến mức ấy, nhưng thật lòng muốn gắng công, có được hay chăng?

Đáp: Được.

20) Xưa kia tại Thượng Hải, đứa con gái thứ ba của con chết yểu, đau tiếc không sao nguôi được, do vậy tạm làm công đức cho cháu. Tiếp đó được thầy ban lời an ủi, khuyên nhủ, bảo là "nương nhờ sức Tam Bảo, con gái ông sẽ được sanh Tịnh Độ". Đệ tử liền quyết định tin tưởng chẳng nghi, thôi than khóc vì chuyện "lá vàng" [phải khóc cho lá xanh] nữa, nỗi buồn nhanh chóng ngưng dứt. Trong Lâu Các Chú Kinh[57] có

[57] Kinh này có tên gọi đầy đủ là Đại Bảo Quảng Bác Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà La Ni Kinh (Mahāmani Vipula-vimānavśva Supratisthita Gūhyā-parama Rahasya Kalpa-rāja Dhāranī), ba quyển, do ngài Bất Không dịch vào đời Đường. Kinh văn thuyết minh công đức, oai lực của chú Đại Bảo Quảng Bác Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà La Ni và dạy các pháp tu quán, trì tụng, vẽ mạn-đà-la cũng như các nghi quỹ. Kinh này còn có một hai bản dịch nữa là Quảng Đại Bảo Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà La Ni Kinh do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào đời Đường và Mâu Lê Mạn Đà La Chú Kinh (mất tên người dịch) đời Lương. Theo bản của ngài Bất Không, chú văn như sau: *"Nẵng mạc tát phạ đát tha nghiệt đa nẫm. Án, vĩ bổ la nghiệt bệ, ma nê, bát la bệ, đát tha đa, nễ nại xả ninh, ma nê ma nê, tô bát la bệ, vĩ ma lê. Sa nghiệt la, nghiễm tỳ lệ. Hồng hồng, nhập phạ la, nhập phạ la, một đà vĩ lô chỉ đế, ngu hế dạ,*

dạy: *"Chép chú ngữ này để lên thân người chết, người chết liền được sanh về Tịnh Độ"*. [Do vậy], con thường in những tấm chú này tặng cho thân hữu để họ dùng kèm thêm trong đồ liệm. Cũng có kẻ sanh lòng tin quyết định, nói: "Người ấy ắt sanh Tịnh Độ, chẳng khởi tâm niệm ngờ vực", tâm thật mừng vui an ủi. Có kẻ chẳng tin thì nguyện dùng công đức tu trì, đủ mọi phương tiện khiến cho họ sanh lòng tin tưởng kiên cố, cùng được thấm nhuần lợi ích nơi mặt pháp. Dụng tâm như thế có phải cũng là một phương pháp tự độ, độ tha, chân thật thọ dụng hay chăng? Không rõ con làm như vậy có bị lệch lạc, sai lầm hay chăng?

Đáp: Chú lực chẳng thể nghĩ bàn, tâm lực chẳng thể nghĩ bàn. Nếu tặng cho kẻ hờ hững, hời hợt thì lợi ích cũng sẽ bị giảm nhẹ theo!

21) Công khóa hằng ngày của đệ tử là niệm Phật hai tiếng, niệm Quán Âm một tiếng, hễ bận thì ngưng niệm Quán Âm. Bữa nào tâm cảnh thanh tịnh thì niệm Phật tương ứng nhất *(đối với chữ Ứng* (應)*, đệ tử chuyên đọc theo giọng Khứ Thanh, bản khắc kinh Hoa Nghiêm ở Hàng Châu ghi đọc theo giọng Bình Thanh (tức Ưng), chưa biết đọc theo cách nào đúng hơn?)*

Đáp: Đọc Bình Thanh (tức Ưng) thì có nghĩa là tâm và Phật tương ứng, đọc giọng Khứ Thanh (Ứng) thì có nghĩa là cảm ứng đạo giao. Hai âm ấy đọc theo cách nào cũng được.

22) Gặp phải hôm sợ hãi, tham - sân - si lừng lẫy, con đem hai tiếng đồng hồ niệm Phật đổi hết thành niệm Quán Âm, còn ngày nào sợ hãi v.v… đều tiêu tan thì vẫn niệm Phật hiệu, có được hay chăng?

Đáp: Được!

23) Xưa kia con được thầy rủ lòng Từ dạy cho cách đọc kinh: Thân phải ngồi ngay ngắn như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha một ý niệm giải đãi, khởi một ý niệm phân biệt nào! Từ đầu đến cuối đọc thẳng một lượt, bất luận dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng bận tâm đến. Duyệt kinh như thế thì người lợi căn sẽ có thể ngộ được lý Nhị Không[58], chứng được pháp Thật Tướng. Dẫu là kẻ căn

---

địa sắt xỉ đa nghiệt bệ, sa phạ ha" (Namah sarvatathāgatanām. Om, vipulagarbha, maniprabhe, tathātā nidar'sane, mani, mani, suprabhe, vimale. Sāgara gambhīre, hūm, hūm, jvala, jvala, buddhāvilokite gūhyādhistita garbhe, svāhā)

[58] Nhị Không (hai thứ không) có nhiều cách hiểu:

1) Theo tư tưởng Bát Nhã, Nhị Không là Nhân Không (còn gọi là Ngã Không hay Sanh Không) và Pháp Không. Ngã Không là không thấy có cái Ngã, Ngã chỉ là giả danh do Ngũ Uẩn kết hợp, không có một chủ tể thường trụ nào. Do không có Ngã sẽ không thấy có ta - người, do đó, Ngã Không còn gọi là Nhân Không; do không còn tạo tác khởi lên phân biệt nữa nên gọi là Sanh Không. Pháp Không là các pháp vốn

khí ngu độn kém cỏi cũng tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Nếu cứ một mực phân biệt câu này nghĩa như thế nào, đoạn này nghĩa ra sao thì sẽ hoàn toàn là phàm tình vọng tưởng, dò đoán, suy lường, làm sao có thể ngầm thông ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh để nhân đấy nghiệp chướng tiêu diệt, phước huệ tăng trưởng? Đệ tử cho rằng đoạn huấn thị này có lẽ là vô thượng diệu pháp để duyệt kinh. Nhưng nói: *"Chẳng khởi phân biệt, dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng bận tâm đến"* có phải là dốc cạn lòng thành kính, nhận biết văn tự cho rõ ràng, âm thanh niệm đọc cho thuần thục trọn vẹn giống như các bà cụ già niệm kinh hay chăng? Bởi lẽ, trước đây đệ tử hay lo ra, nếu chiếu theo cách đọc không phân biệt chẳng quan tâm đến văn nghĩa thì chắc là sẽ khó thể tâm đắc, chẳng sanh pháp hỷ. Vì thế, mỗi khi con đọc A Di Đà Kinh, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, liền miệng tụng, chú tâm nơi sự trang nghiêm của cõi Cực Lạc, sự từ bi của đức Phổ Hiền tràn

---

không, chỉ là giả danh, không có thực thể. Khái niệm Nhị Không thường được hiểu theo khái niệm này nhất.

2) Theo tông Thiên Thai (căn cứ theo sách Ma Ha Chỉ Quán) thì Nhị Không là Đản Không và Bất Đản Không:

a) Đản Không: Trong bốn giáo, Tạng Giáo và Thông Giáo chẳng hiểu rõ Tam Đế Không, Giả, Trung, thấy các pháp đều là huyễn vọng, coi lý Không được hiểu theo cái thấy ấy là tột cùng nên chỉ thấy Không, chứ chưa thấy được Bất Không nên gọi là Đản Không (chỉ có cái không).

b) Bất Đản Không: Đối với cái Đản Không vừa nói đó, Viên Giáo và Biệt Giáo thấy được cái bản thể của cái Không là "chẳng phải chỉ là không" nên thầm hợp với lý Trung Đạo. Do vậy gọi là Bất Đản Không.

3) Cũng theo Ma Ha Chỉ Quán, Nhị Không còn có thể hiểu là Tánh Không và Tướng Không: Các pháp không có Thật Tánh nên gọi là Tánh Không. Do các pháp đã không có Thật Tánh, chỉ có tướng giả danh nên cũng không có thật có; vì thế gọi là Tướng Không.

4) Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận, Nhị Không là Chân Như Không và Chân Như Bất Không: Trong bản thể của Chân Như không có hết thảy vọng nhiễm, có thể hiển hiện sự thật rốt ráo nên gọi là Chân Như Không; trong bản thể của Chân Như đầy đủ hết thảy công đức vô lậu nên gọi là Chân Như Bất Không.

5) Theo Bảo Tánh Luận, Biện Trung Biên Luận và Đại Thừa Huyền Luận, Nhị Không là Quyền Không và Thật Không. Sự ngộ nhập Sanh Không của hàng Nhị Thừa là Quyền Không, sự ngộ nhập của hàng Bồ Tát đối với Sanh Không lẫn Pháp Không thì gọi là Thật Không.

6) Ngoài ra, trong Mật Tông, do lấy năm đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không ứng với ngón út, ngón đeo nhẫn, ngón giữa, ngón trỏ và ngón cái; nên khi kinh văn Mật Tông nói đến "Nhị Không" thì có nghĩa là "áp hai ngón tay cái vào nhau!" Nghĩa này không thể nào áp dụng vào chữ Nhị Không trong đoạn văn này được!

ngập cõi lòng, pháp hỷ tràn trề. Kế đó, con nghĩ cách đọc như vậy chưa chắc đã khỏi rớt vào lối mòn phàm tình vọng tưởng, dò đoán, suy lường. Dẫu cho có sở đắc nhỏ nhoi, nhưng ví như đối với nước bốn biển mênh mông bát ngát lại dùng tay vốc nước, đâm ra chỉ được một chút tẹo, đúng như thầy đã dạy "làm sao có thể ngầm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh" cho được!

Đáp: Nếu văn lẫn nghĩa đều rõ ràng thì hiểu rõ [từng câu, từng đoạn] đâu có trở ngại gì! Chỉ là chớ nên đặc biệt sanh tâm động niệm muốn thấu hiểu, chứ không phải là chỉ đọc, không được phép hiểu rõ!

24) Con lại thấy một vị Tăng nhận biết mặt chữ nhưng không hiểu ý, trì tụng kinh Pháp Hoa nhưng lòng vui sướng tràn ngập nơi mặt mũi, đủ biết: Sanh được pháp hỷ hay không chẳng chuyên liên quan tới chuyện có hiểu rõ văn nghĩa hay không! Nếu có thể dùng tâm cung kính, tâm từ bi, chẳng khởi tâm phân biệt, chẳng bận tâm thấu hiểu văn nghĩa, cứ thẳng thừng mà đọc, tự nhiên sẽ đạt được lợi ích chân thật, tăng trưởng pháp hỷ. Ý con tính sau này cứ chiếu theo cách đọc ấy, hồi hướng Bồ Đề; chẳng biết là có trái nghịch, sai khác với ý chỉ ban đầu của lời thầy dạy hay chăng?

Đáp: Người thông minh trong thế gian phần nhiều là tâm thường cố thấu hiểu. Đối với nghĩa lý thì được, chứ đối với pháp hỷ sẽ khó đạt được lắm!

25) Thêm nữa, giữa đọc và tụng[59] thì công đức nào lớn hơn?

Đáp: Khổng Tử đọc kinh Dịch, ba lượt đứt lề sách. Đọc sẽ có ích hơn [tụng] nhiều. Nếu không, sao Khổng Tử lại nhọc nhằn mở sách ra đọc như thế. Trong câu *"đứt lề sách ba lượt"* thì [chữ *"lề sách"*] chỉ cho sợi dây bằng da để buộc các phiến gỗ hay các thẻ tre[60]. Dây đã bị đứt ba lần tức là số lần mở sách ra đọc chẳng thể đếm được số!

26) Phần trường hàng của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thường được ghép trong Phật Học Nguyện Văn *("như thị Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na, như thị tận pháp giới, hư không giới" (Như nay đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na, trọn hết*

---

[59] Xin đừng hiểu lầm chữ Tụng ở đây. Cổ nhân gọi mở kinh văn ra, đọc thành tiếng là "phúng" (諷) hoặc "độc" (讀: đọc), còn chỉ đọc kinh văn theo ký ức, đọc thuộc lòng là Tụng (誦). Về sau, hai chữ này thường bị dùng đồng nhất. Xuyên suốt trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Văn Sao Tục Biên lẫn một số lá thư trong Tam Biên, Tổ Ấn Quang luôn khuyên hành nhân khi tụng đọc nên mở kinh văn ra đọc theo, dẫu có thuộc lòng cũng đừng ỷ vào trí nhớ.

[60] Do thời Khổng Tử chưa có giấy, sách phải viết trên các mảnh gỗ hay thẻ tre, rồi dùng dây da xâu lại thành sách cho khỏi thất lạc.

pháp giới, hư không giới như thế) v.v....) nếu chấm câu thì nên chấm sau chữ Tỳ Lô Giá Na hay là chấm sau chữ *"như thị"*?

Đáp: Tám chữ đầu là nêu thí dụ, hai chữ *"như thị"* là tiếp nối ý trên.

27) Lại nữa, trong sách [Phổ Hiền] Hạnh Nguyện Phẩm Tập Yếu Sớ, cụ Đế Nhàn viết rằng: *"Đối với câu kệ tụng 'nguyện ngã lâm dục mạng chung thời' (nguyện con lúc mạng sắp chấm dứt) nếu đổi hai chữ 'nguyện ngã' thành 'thị nhân' (người ấy) thì [ý nghĩa] càng thêm rõ rệt"*. Con trộm nghĩ nếu sửa như thế có lẽ thì đối với hai câu *"ngã kim hồi hướng chư thiện căn, vị đắc Phổ Hiền thù thắng hạnh"* (con nay hồi hướng các căn lành, để được hạnh Phổ Hiền thù thắng) trong phần trên và câu *"ngã thời ư thắng liên hoa sanh, hiện tiền thọ ngã Bồ Đề ký"* (khi ấy, con sanh trong hoa sen tươi đẹp, ngay trong lúc ấy được Phật thọ ký cho con sẽ thành Chánh Giác) trong đoạn này, hai chữ Ngã đều chẳng thông suốt với nhau! Hơn nữa, theo phần Trường Hàng, khi lâm chung do nhờ sức tụng kinh, nương theo sức dẫn dắt của Nguyện Vương mà vãng sanh Cực Lạc, liền thấy Phật Di Đà. Trong kệ tụng nói diện kiến Di Đà liền sanh về Cực Lạc, [nếu đổi chữ *"ngã nguyện"* thành *"thị nhân"* thì] tựa hồ như đã đẩy cái này lôi cái kia *(chữ "đẩy" ở đây hình dung ý "gượng ép")* sao cho ý trong lẫn ngoài được khớp nhau. [Con cho rằng]: Nhằm rốt ráo làm cho hành giả mong mỏi được Phật Di Đà tiếp dẫn, cho nên nói hai chữ *"ngã nguyện*". Con nghĩ giữ nguyên chữ [như trong chánh kinh] so ra thỏa đáng hơn. Kiến giải của con hèn tệ như thế, chẳng biết có thích đáng hay chăng?

Đáp: Ý này tuy do ngài Thanh Lương đề ra, nhưng chẳng phù hợp với kinh văn, đấy là ý phụ chứ không phải ý chánh. Nếu coi đấy là ý nghĩa chánh yếu sẽ trở thành trái nghịch kinh, chớ nên theo. Hễ theo sẽ phạm lỗi!

28) Gần đây đệ tử thường dựa theo phẩm Tịnh Hạnh [trong kinh Hoa Nghiêm] để phát nguyện, chỉ là gặp cảnh chạm sự liền niệm thầm "xin nguyện chúng sanh sẽ như thế này, thế nọ". Chỉ cần niệm một lần hoặc là tùy ý tùy sức niệm liên tục chẳng quan tâm đến số biến. Lại nữa, nếu chẳng hiểu rõ ý nghĩa nguyện văn lắm thì có thể dựa theo bài văn để đọc hay không?

Đáp: Pháp tu trì trọn chẳng nhất định. Người chuyên niệm Phật sao không do cơ duyên, do hoàn cảnh mà niệm. Lời văn phát nguyện thì tùy lòng ưa thích, chớ nên chấp bài này, chê bai bài kia, chấp bài kia, chê bai bài này là được rồi!

29) Năm trước con được thầy từ bi khai thị, bảo đệ tử tuổi đã gần năm mươi rồi, chớ nên nghiên cứu kinh, chỉ nên chết lòng niệm Phật để mong vãng sanh. Từ đấy con chẳng đổ công sức nghiên cứu nữa; chỉ có điều gần đây mở xem Đại Trí Độ Luận, Tử Bách Tập, các sách ấy giúp mở rộng tầm mắt, cảnh tỉnh, răn nhắc thân tâm khá nhiều. Nhưng ngoài lúc lễ tụng trong thời khóa chánh yếu ra, có nên nhân lúc rảnh rỗi xem đọc thêm đôi chút những loại kinh luận ấy hay không, hay là nhất loạt ngưng xem thì mới nên?

Đáp: Tu trì không phải là chuyện đóng đinh, đẩy mái chèo, cần phải sống động, hoạt bát; tuy chết lòng niệm Phật, nhưng xem thêm đôi chút kinh luận cũng chẳng phải là không được. Nhưng nếu coi Chủ Hạnh (hạnh chánh yếu) như chuyện kèm thêm thì sẽ trở thành tu trì không có chỗ nương tựa. Tử Bách Tập tuy là cảnh sách, nhưng [những lời dạy của ngài Tử Bách] chú trọng nơi tham cứu; sao không dụng tâm nơi Tịnh Độ Thập Yếu? Ông cho rằng Tịnh Độ Thập Yếu chẳng có ích lợi sâu xa cho con người bằng Tử Bách Tập ư?

4. Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập

Hỏi: Pháp môn Tịnh Độ đã có thể thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Trong thời đức Phật tại thế, sao không chuyên nói về Tịnh Độ để vạn pháp quy nhất, cùng về theo một đường, mà lại giảng bàn các tông, đâm ra khơi gợi lắm mối sai lầm đi vào ngõ rẽ khiến người đời sau bị mất lợi ích thật sự nơi Tịnh Độ vậy? *(Trong lời hỏi, bên cạnh câu "sao không chuyên nói về Tịnh Độ", Sư đã phê: "Nói nhăng, nói càn!")*

Đáp: Nuôi người chẳng phải chỉ một thứ gạo, trị bệnh chẳng phải chỉ có một thứ thuốc. Do có các môn thì mới tỏ rõ sự hay tuyệt của pháp môn này. Nếu chỉ có một pháp Tịnh Độ thì làm sao có thể dẫn hết thảy những cơ nghi cùng vào trong Phật pháp được?

Hỏi: Thế tục chuyên coi niệm Phật là để tiễn người chết, còn niệm Quán Âm nhằm giữ lại mạng sống. Vì thế, kẻ tu Tịnh Độ chưa tinh ròng và người chưa già khi lâm chung phần nhiều do luyến tiếc cõi đời liền niệm Quán Âm. Người trợ niệm phần nhiều ngả theo ý này hoặc thuận theo ý muốn của gia quyến cũng niệm Quán Âm để trợ niệm, chứ không niệm Phật. Nếu lành bệnh thì cố nhiên không áy náy gì. Chứ nếu không, đã gây trở ngại cho sự linh cảm do xưng danh, mà còn làm lỡ làng cơ duyên sanh Tây. Con chẳng biết nếu gặp phải hạng căn tánh ấy phải nên

dùng biện pháp ra sao thì mới viên thông? Có phải là trước hết niệm Quán Âm để giữ tánh mạng cho họ rồi đến khi họ đã chết bèn chuyển sang niệm Phật để tiễn đi hay chăng? Hoặc là từ đầu đến cuối chuyên niệm Quán Âm cũng có thể khiến cho người chưa hết tuổi thọ sẽ được lành, tuổi thọ đã hết sẽ sanh về Tây Phương ư?

Đáp: Con người bị bệnh nặng liền hãy nên có ý tưởng vãng sanh, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ do niệm Phật mà được chóng lành *(A Di Đà Phật chính là Vô Lượng Thọ, nghĩa là tiêu tai, kéo dài tuổi thọ)*. Còn như vì người khác trợ niệm, há nên vì họ niệm Quán Âm, lại còn cầu thọ cho người ấy? Cứ niệm Phật, chưa hết tuổi thọ cũng có thể kéo dài mạng sống. Niệm Quán Âm thì không có tâm cầu được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết sẽ làm hỏng chuyện.

Không phải là niệm Phật sẽ nhất định chết, niệm Quán Âm nhất định chẳng thể vãng sanh. Chỉ vì kẻ si không có tâm niệm cầu được vãng sanh nên cũng chỉ tạo thành một thứ nghiệp cảm gây hỏng chuyện mà thôi! Vô Lượng Quang là tiêu tai, Vô Lượng Thọ là diên thọ (kéo dài tuổi thọ). Niệm A Di Đà Phật công sức đến cùng cực còn được thành Phật, há lẽ nào niệm Phật chẳng thể kéo dài tuổi thọ, khiến cho chóng chết ư? *(Trong lời đáp, bên cạnh hai chữ "si nhân", Sư gạch dưới ba vạch để nhắc nhở, những người sẽ chết sau này chớ đừng tự lầm)*

Hỏi: Gần đây có người khuyên kiêng giết, nhưng do thấy người ta khó tránh giết, bèn dạy hãy dùng thuốc gây mê để giết, ngõ hầu loài vật khỏi phải chịu chết đau đớn, giống như cầu giảm tội xử chém thành tội thắt cổ. Pháp ấy cũng có thể được gọi là pháp phương tiện hay chăng?

Đáp: Chỉ có thể giảm khổ thì cũng tốt.

Hỏi: Theo sách Thái Ất Thần Châm, châm xong phải uống rượu! Người giữ giới không uống rượu thì tự mình chớ nên áp dụng, nhưng có thể bảo người khác dùng rượu hay không? Cũng như có thể dùng rượu để chế thuốc hay chăng?

Đáp: Đây cũng không phải là cách chấp nhặt hẹp hòi. Hễ có bệnh thì niệm Phật hay niệm Quán Âm cũng đều được lành; huống hồ nếu không dùng rượu thì [bệnh nhân] chắc chắn chẳng thể lành bệnh ư?

Hỏi: Dùng gạo thóc làm rượu, biến thực phẩm cứu đói thành thức uống xa xỉ, quả thật là kẻ phung phí vật thực của trời quá mức. Nếu trên thế giới đều cấm uống rượu hết thì sẽ dư ra được bao nhiêu là lương thực cứu đói. Như vậy thì uống rượu không chỉ làm loạn tánh mà thôi. Do vậy, nếu khi cả nhà đều kiêng rượu thì có nên hủy hết những đồ để uống hay chứa rượu trong nhà hay chăng?

Đáp: Điều này cũng chớ nên chấp chết cứng. Nếu là món đồ vô dụng cho cả cõi đời thì làm như vậy được. Nếu hữu dụng, tặng cho người khác đâu có ngại gì!

Hỏi: Người ăn chay trường kiêng cả rượu và Ngũ Tân, tông chỉ của chuyện ấy chẳng nhằm chỉ để tạo ra đầu mối kiêng giết chóc. Kẻ chưa ăn chay trường có được phép thay mặt người khác mua Ngũ Tân và rượu cùng hèm được chăng? Cũng như có được ăn các món thuốc chay chế từ rượu hay từ hèm và những món chay nấu nướng, nêm nếm với hèm hoặc rượu hay chăng?

Đáp: Mua giùm người khác cũng nên tránh. Những loại thuốc chế bằng rượu nếu chẳng gây loạn tánh thì không sao. Nếu món chay mà hơi rượu quá nồng thì đừng nên ăn, còn có mùi nhẹ thì ăn không sao; đấy là vì để khỏi bị say sưa loạn tánh vậy!

Hỏi: Dùng con vật còn sống để làm thuốc, bèn niệm Phật cho chúng được độ thoát. Làm như vậy dường như vẫn tạo thành thói tệ, bởi những kẻ giết những động vật thuộc loài thai sanh hay noãn sanh làm dược phẩm cũng có thể mượn cớ niệm Phật giải oan để lấp liếm, con cảm thấy khó lòng giải nói được. Con lập nguyện hễ gặp những phương thuốc như vậy đều không thèm dùng tới, chẳng cần phải lưu truyền, chưa biết có được hay chăng? *(bên cạnh chữ "được", Sư khuyên một chấm, biểu thị đồng ý)*

Đáp: Chuyện này cũng chớ nên chấp chết cứng! Chúng ta chỉ nên giữ lòng Thành của chính mình mà thôi!

Hỏi: Nếu thầy thuốc gặp phải kẻ ác và đồ tể, chài lưới, thợ săn v.v… mang bệnh đến xin chẩn trị, ta dạy họ sửa ác, kiêng giết, họ không chịu nghe, lành bệnh rồi vẫn [tiếp tục] tạo tội nghiệt, có nên mặc kệ họ không chữa hay chăng?

Đáp: Đây cũng là bàn chuyện vô lý. Như lời ông nói thì đối với con vật gây tổn hại đến những con vật khác thì cũng mặc kệ không cứu mới là đúng! Nếu thầy thuốc dùng lòng Thành để cảm thì bọn họ chắc cũng sẽ có thể thay đổi nghề nghiệp. Đức Phật còn dạy kẻ đồ tể nhận lãnh các giới riêng, [nhìn vào đó] thì có thể biết được cách tùy cơ khuyến hóa, dẫn dắt của đức Phật.

Hỏi: Trong nhà còn giữ những sách của ngoại đạo hoặc những sách tà - chánh hỗn loạn và sách của đạo Gia Tô, Tam Quan Kinh[61], Táo

[61] Tam Quan Kinh là một bản kinh của Đạo Giáo, chép lời tuyên cáo của ba vị Thượng Nguyên Thiên Quan, Trung Nguyên Địa Quan và Hạ Nguyên Thủy Quan về công năng diệt tội, ban phước của họ cũng như ghi chép những danh xưng của ba vị này theo kiểu rườm rà rất đặc trưng của các thần thánh trong Đạo Giáo. Chẳng hạn

Quân Kinh, Huyết Bồn Kinh và những sách thuốc dạy người giết chóc bằng phương cách đặc biệt v.v… có nên đốt hết đi hay chăng? Lại còn trong những sách chú giải Tứ Thư của Châu Hy có những lời lẽ báng Phật có nên bôi đi hay là sửa chữa? Đối với lời văn báng Phật của Hàn - Âu có nên tùy theo sở kiến mà phê phán hay đốt đi hết? *(Bên cạnh tên hai kinh Táo Quân, Huyết Bồn, Sư phê chữ "bôi đi")*

Đáp: Đối với những chỗ sai bậy trong lời chú giải của họ Châu nên phê theo lối Đảnh Cách (lời phê viết bên phải câu văn ấy, cao hơn một dòng). Phàm những sách vở thế gian đa phần mắc phải khuyết điểm ấy. Nếu xét trên đại thể, [nội dung sách] phần lớn là tốt đẹp, vấp phải những lỗi nhỏ nhặt thì hãy phê theo lối Đảnh Cách. Còn sách phạm khuyết điểm quá lớn hay nói bậy thì chớ nên giữ làm gì!

Hỏi: Những y phục có in chữ, hoặc hình tượng Phật v.v… có được dùng làm đồ liệm hay chăng? *(Sư phê bên cạnh "không được").* Có nên đốt kinh điển cho người đã mất hay không? *(Sư phê bên cạnh "đừng đốt bừa bãi")*

Đáp: Nếu đốt thì nên sắp đặt dụng cụ để đốt riêng, chớ nên đổ lẫn tro kinh vào tro giấy tiền vàng bạc để bán[62]. Hãy nên đựng [tro kinh] vào túi riêng, dùng vải sạch may thành đãy, bỏ thêm cát sạch vào trong ấy. Có ai ra biển thì [nhờ người ấy] gieo [đãy đựng tro kinh ấy] xuống chỗ sâu. Nếu không, đừng đốt. Nếu chẳng bỏ thêm cát [vào đãy chứa tro kinh], sợ nó không chìm, sẽ trôi tấp vào bờ!

Hỏi: Thần có thể giết được kẻ đã làm ác, sao không giết trước khi nó làm như thế. Như sau khi Bạch Khởi[63] chôn quân đầu hàng đến mấy vạn

---

như danh xưng của Thiên Quan là Huyền Đô Nguyên Dương Tử Vi Cung Thượng Nguyên Cửu Khí Tứ Phước Thiên Quan Diệu Linh Nguyên Dương Đại Đế Tử Vi Đế Quân v.v…

[62] Thời ấy, giấy tiền vàng bạc, vàng thoi, đĩnh bạc trong đồ mã làm bằng những miếng nhôm hay giấy thiếc dát mỏng đính trên giấy nên sau khi đốt, những vụn nhôm này không cháy. Người ta thường mua tro vàng mã để gạn lọc và tái sử dụng những mảnh kim loại này.

[63] Bạch Khởi (?-257 trước Công nguyên), còn gọi là Công Tôn Khởi, người My Huyện, là danh tướng nước Tần thời Chiến Quốc, rất hiếu sát. Làm tướng suốt ba mươi mấy năm, đánh hạ bảy mươi mấy thành, tàn sát cả trăm vạn địch quân, được phong tước Vũ An Quân. Năm thứ 34 đời Tần Chiêu Vương (263 trước Công Nguyên), Bạch Khởi dẫn quân Tần đánh tan liên quân Triệu - Ngụy tại Hoa Dương (nay là Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam), chém đầu năm mươi vạn quân. Năm 37 đời Tần Chiêu Vương (260 trước Công Nguyên), Bạch Khởi vây đánh Trường Bình, bắn chết tướng nước Triệu là Triệu Quát. Quân Triệu bị vây đánh lâu ngày, thiếu lương ăn phải ra hàng, số tù binh lên đến hơn bốn mươi lăm vạn. Bạch Khởi cho bọn hàng binh ăn uống no say rồi ngầm sai quân Tần dùng khăn trắng bịt đầu, dặn: "Thấy đứa

rồi mới bị tru lục ở Âm Phủ. Khi hắn sắp chôn sống [quân Triệu ra hàng] nhưng chưa kịp làm, sao không tru lục ngay để hắn khỏi chôn vùi được ai? Hay là những tên lính ra hàng ấy đời trước vốn thiếu nợ hắn cái mạng nên mới bị chôn sống? Chôn xong, oán cũ vừa xóa, oán mới lại kết, nên mới bị cõi Âm tru lục để hả lòng oán đấy chăng? Hay là làm ác giống như uống thuốc độc, ắt phải đợi uống vào bụng xong mới bị trúng độc tự chết?

Đáp: Chưa làm mà đã bị giết thì trong ngàn trăm vạn trường hợp mới có một trường hợp. Đã làm rồi mới giết thì đấy chính là thường pháp theo thiên lý nhân tình vậy.

Hỏi: Nếu bảo là thần thánh có thể hộ pháp thì sao lại đến nỗi có nhiều chùa bị vua này vua nọ hủy diệt. Nếu bảo là thần không hộ pháp thì sao lại thường có những sự tích hiển hiện linh ứng, dẹp ma? Có phải là hộ pháp hay không hộ pháp đều là do nghiệp lực đồng phận của chúng sanh chiêu cảm sâu hay cạn mà bèn hộ pháp hay không đó chăng?

Đáp: Chuyện này chớ nên chấp chết cứng. Ấy là do pháp vận thông hay tắc, cũng như trong một năm nóng - lạnh thay phiên nhau theo thứ tự vậy.

Hỏi: Lịch đại tổ sư như chư Tổ của Liên Tông v.v…sau khi đã khuất, được người ta bình luận, phán định ra sao thì mới được cả cõi đời tôn sùng là Tổ?

Đáp: Có đức lớn thì người ta tự chịu suy tôn, há cứ nên chấp hẹp hòi là cần phải có người bình luận, đánh giá hay chăng?

---

nào không bịt khăn trắng cứ chém giết thẳng tay!" Trong một đêm, bốn mươi lăm vạn hàng binh nước Triệu bị giết sạch, chỉ còn khoảng hai trăm bốn mươi tên lính giữ ngựa thoát được, trốn về nước Triệu báo tin. Sử chép: *"Khi ấy máu chảy vang tiếng long tong, nước khe Dương Cốc đỏ au, đến nay con suối ấy vẫn còn mang tên Đan Thủy. Bạch Khởi cho thu thập đầu lâu của lính Triệu, dựng thành đài trên núi, đặt tên là Bạch Khởi Đài"*. Năm 44 đời Tần Chiêu Vương (257 trước Công Nguyên), vua Tần vây Hàm Đan của nước Triệu nhưng không chiếm được thành, vua Tần sai Bạch Khởi ra đánh. Thấy trận đánh dằng dai lâu ngày, quân Tần đã nhiều phen thất bại, không thể nào đánh thắng được, Bạch Khởi cáo bệnh không ra. Vua Tần đành sai Vương Lăng lãnh quân đánh suốt năm tháng không thắng, lại sai Bạch Khởi cầm quân. Bạch Khởi vẫn giả bệnh từ chối, vua Tần giận dữ, cách tuột quan chức của Bạch Khởi, giáng xuống làm lính trơn, đuổi khỏi kinh đô Hàm Dương. Khi Bạch Khởi đi đến Đỗ Bưu (nay thuộc huyện Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây), vua Tần sai sứ mang gươm đến buộc Bạch Khởi tự sát. Đường cùng, Bạch Khởi đành tự sát. Ông Trác Trí Lập viết là *"chôn sống"*, nhưng thật ra bốn mươi lăm vạn quân Triệu ra hàng ấy đã bị Bạch Khởi tàn sát chỉ trong một đêm.

Hỏi: Học thuyết trong thuật Địa Lý[64] quá phiền, tinh thông thuật ấy chẳng dễ. Địa Lý chẳng tinh tường thì dẫu chọn đất vẫn chẳng chọn được. Chọn lựa đất tinh tường, nhưng chẳng chọn tinh tường cái tâm, rốt cuộc đến nỗi biến cát thành hung thì tuy chọn được vẫn giống như chưa được! Đấy gọi là "*nếu không có tâm điền thì cũng chẳng có phước địa*".

Thế tục chỉ nói đến Địa Lý, chẳng nói tới Thiên Lý. Chỉ lo Phong Thủy bị tổn thương, chẳng lo báo ứng không sai. Hễ gặp chuyện gì trái ý bèn đổ thừa Địa Lý chẳng tinh tường, lo cái kia gây trở ngại cho cái này, vô sự sanh sự, luôn luôn ươm thành những tấn tuồng xấu ác, quên gốc chạy theo ngọn, đâu đâu cũng đều như thế cả! So ra, [hoàn cảnh của] những kẻ không nhắc đến Thiên Lý còn tệ hơn kẻ không nói đến Địa Lý quá nhiều! Người thờ Phật ngăn chặn thói tệ từ lúc nó mới chớm nẩy, tận lực uốn nắn những thói toan tính tệ hại của thế tục. Nếu gặp chuyện xây mồ, cất nhà, có nên tùy duyên chọn vị trí thích hợp, hay chỉ y theo Phật lý, giữ thiên lý, chẳng theo lý lẽ thế tục để nói đến Địa Lý hay không?

Đáp: Tuy chẳng ra sức nói tới, cũng chớ nên hoàn toàn chẳng để cho thầy Địa Lý xem qua. Đấy gọi là "trọn hết chuyện con người trước đã!" Nếu quanh năm nuôi nấng cung phụng gã thầy Địa Lý có mắt như mù thì sẽ đều là hạng người cuồng vọng, chẳng tuân theo thiên lý, chẳng hiểu rõ Địa Lý.

5. Đáp lời hỏi của Thôi Thụ Bình cư sĩ

Hỏi: Địa Tạng Vương Bồ Tát là bậc phụng hành Phật pháp, nhậm chức U Minh Giáo Chủ[65] trong chốn Âm Tào, vào trong lục đạo để độ

---

[64] Địa Lý (còn gọi là Kham Dư) ở đây là một môn huyền học ứng dụng Dịch học và Phong Thủy để chọn cuộc đất tốt nhằm an táng tổ tiên với hy vọng con cháu sẽ hiển đạt, phú quý.

[65] Do nghiệp cảm, chúng sanh trong cõi Âm thường thấy cảnh sắc tối tăm, mờ mịt, tâm trí của những chúng sanh thọ tội trong ấy thường si ám nên cõi Âm thường gọi là U Minh, đức Địa Tạng Bồ Tát thường nguyện ở mãi trong ác đạo cứu độ chúng sanh thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, nên được xưng tụng là U Minh Giáo Chủ. Bọn đạo sĩ đã lập lờ đánh lận con đen lập ra hai ngụy thuyết:

1) U Minh Giáo Chủ là Phong Đô Đại Đế (còn gọi là Bắc Đế Quân, hoặc Phong Đô Bắc Âm Đại Đế), tức vua cõi Âm. Theo họ, Phong (酆) là tên một đất nước của quỷ thần ở phương Bắc, tại đó núi cao đến hai ngàn sáu trăm dặm, chu vi ba vạn dặm. Sáu cung điện trên đỉnh núi là nơi Phong Đô Đại Đế phán xử tội nhân. Tương truyền, ngọn núi ấy nay chính là núi La Phong, thuộc huyện Phong Đô, tỉnh Tứ Xuyên! Tuy thế, chịu ảnh hưởng của Phật giáo, họ còn thừa nhận có Diêm La Vương cũng là vua

chúng sanh. Nhưng thường nhân hay tưởng lầm Ngài là thần kỳ[66] hoặc là linh quỷ. Những loại quan niệm như vậy chẳng phải chỉ có một mà thôi. Làm thế nào để phân biệt vị Bồ Tát phụng hành Phật pháp và thiên tiên, quỷ thần?

Đáp: Thần kỳ là do nghiệp báo cảm thành nên có thể bảo là "nhậm chức", chứ Địa Tạng Bồ Tát do hoằng thệ đại nguyện bèn ở trong U Minh độ thoát chúng sanh, sao lại bảo là Ngài "nhậm chức"? Người đời chẳng hiểu rõ phàm - thánh, nhất loạt coi là quỷ thần, cũng không có chi lạ cả! Ví như đứa bé chỉ biết người trong nhà, hết thảy những người khác nó đều hoàn toàn chẳng biết tới, sẽ bảo hết thảy mọi người đều chẳng tôn quý bằng cha mẹ nó! Đã biết: Bậc đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử chỉ mới là bậc thánh nhân trong Tiểu Thừa; còn bậc phá vô minh, chứng Pháp Tánh thì mới đáng gọi là Đại Thừa Bồ Tát. Nhưng [những vị nào] chưa đoạn phiền não, cậy vào phước lực trong đời trước thì sẽ làm thần kỳ, địa vị còn kém xa chư thiên, huống là so với bậc đại Bồ Tát đã chứng Pháp Thân ư? Nếu chẳng biết Phật pháp thì có phán định cũng chẳng hiểu rõ. Nếu đã biết Phật pháp thì cần gì phải phán định nữa!

Hỏi: Cảm Ứng Thiên là do ai trước tác? Đối với sách vở của các tôn giáo khác thì dùng pháp nào để phân biệt, đoán định?

Đáp: Bản Cảm Ứng Thiên thường được lưu hành có ghi hai chữ Thái Thượng, [là vì người đời] cho [tác phẩm này] là do Lão Tử[67] viết ra.

---

cõi địa ngục; như vậy là có đến hai vị chưởng quản cõi Âm. Để khỏa lấp sự mâu thuẫn này, các đạo sĩ bèn nói Địa Tạng Vương Bồ Tát chỉ là một danh xưng do nhà Phật gán cho Phong Đô Đại Đế.

2) U Minh Giáo Chủ là danh xưng khác của Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn, một vị thần được tin là có công năng cứu độ sanh tử. Nhằm để cạnh tranh với cõi Cực Lạc của Phật giáo, bọn Đạo Sĩ cũng lập ra thuyết có một Tịnh Độ của Đạo Giáo gọi là thế giới Trường Lạc ở phương Đông do Thái Ất Thiên Tôn làm giáo chủ!

[66] Thần kỳ (神祇) là gọi tắt của thiên thần và địa kỳ, được dùng như một từ ngữ chỉ chung cho các vị thần thánh. Thần ở trên cõi trời hay trong hư không gọi là Thần, thần cai quản trên mặt đất gọi là Kỳ, tức các vị thần núi non, rừng rậm, thành hoàng, thổ địa v.v...

[67] Trong Đạo Giáo, Lão Tử thường được tôn xưng là Thái Thượng Lão Quân hay Đạo Đức Thiên Tôn, là một trong ba vị Tam Thanh (tức Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn và Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn). Người khởi đầu đề xướng tôn vinh Lão Tử là thủy tổ của Đạo Giáo chính là Trương Đạo Lăng (sáng tổ của Ngũ Đấu Mễ đạo – tiền thân của Đạo Giáo). Vào thời Hán Thuận Đế, Trương Đạo Lăng tôn xưng Lão Tử là Thái Thượng Lão Quân. Sau này, Khấu Khiêm Chi lại gọi Lão Tử là Đạo Đức Thiên Tôn vì Lão Tử là tác giả của Đạo Đức Kinh. Về sau, các đạo sĩ đặt thêm nhiều danh xưng cho Lão Tử như Hỗn

Cũng có kẻ cho rằng nó vốn là [một thiên sách trích từ bộ] Bão Phác Tử[68] rồi được mở rộng ra. Nhưng bất tất phải xét tìm ai là tác giả? Chỉ cần quan tâm đến những điều lợi ích do sách ấy đem lại. Đấy gọi là *"chẳng vì người mà bỏ lời"*[69] vậy! Tuy thánh nhân lập pháp, nhưng cố nhiên không nhất định phải coi [toàn bộ] những lời thánh nhân [đã nói] là khuôn mẫu, chỉ nên quan tâm chọn lấy những gì có ích cho thế đạo nhân tâm. Trùng Văn, Điểu Thư[70] là đầu mối mở mang văn tự lớn lao, nào dám vì Trùng, Điểu không đáng trọng mà chẳng dùng đến văn tự ư? Nêu lên một chuyện này thì sẽ có thể dứt được những lời lẽ rườm rà vô ích bàn bạc đúng - sai xằng bậy! Những lời lẽ rườm rà ấy vẫn chẳng có phong vị thiên nhiên như chim mùa Xuân ríu rít lúc ban ngày, trùng mùa Thu rền rĩ ban đêm vậy.

Hỏi: Thế nào là Ngũ Bộ Lục San?

Nguyên Lão Quân, Giáng Sanh Thiên Tôn, Thái Thanh Đại Đế, Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế, Đại Thánh Tổ Cao Thượng Đại Đạo Kim Khuyết Huyền Nguyên Thiên Hoàng Đại Đế v.v… nhưng Thái Thượng Lão Quân vẫn là danh xưng phổ biến nhất.

[68] Bão Phác Tử là một bộ sách do Cát Hồng (283-363) soạn vào đời Đông Tấn, được coi là một kinh điển trọng yếu của Đạo Giáo. Nội dung chia làm hai phần:

1) Nội Thiên chuyên nói về cách luyện những phương thuốc để uống vào sẽ trở thành thần tiên (tức cách luyện kim đan và tiên dược), những sự biến hóa quỷ quái, các pháp thuật nhương tai trừ họa, nguồn gốc của vũ trụ, phương pháp tu luyện của Đạo Gia.

2) Ngoại Thiên luận về tình hình xã hội, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi những khái niệm của Nho gia. Phần này luận về lẽ được mất trong nhân gian, châm biếm thói tục, pháp bình trị xã hội, yêu dân, tiết dục…

[69] Ý nói: Chẳng vì một người có những điểm đáng chê trách mà vứt hết những câu nói hợp lý của người ấy. Nếu coi Cảm Ứng Thiên là của Cát Hồng thì tuy Cát Hồng đề xướng những toa thuốc tiên nhảm nhí (có rất nhiều chất độc như thủy ngân, chì), những cách tu luyện kỳ quái, bùa chú quàng xiên v.v.. thì cũng không vì vậy mà sổ toẹt những lời luận định chí lý về đạo lập thân, xử thế trong bộ Bão Phác Tử nói chung và Cảm Ứng Thiên nói riêng.

[70] Trùng Văn, Điểu Thư (còn gọi là Điểu Trùng Thư, Điểu Trùng Triện) là tên gọi chung cho những loại chữ tượng hình sơ khai của văn tự Trung Quốc trước thời Tần Thủy Hoàng. Đây là một trong những lối chữ của Kim Văn (tức những văn tự được khắc trên đồ kim loại, như đỉnh, lư đồng, kiếm, ấn v.v...) Do nét chữ nguệch ngoạc, ngoằn ngoèo như giun bò nên gọi là Trùng Văn; do có những nét vẽ giống như hình con chim vẽ cách điệu hoặc vết chân chim nên gọi là Điểu Thư.

Đáp: Đấy là sách do ngoại đạo bịa đặt viết ra, chia thành năm bộ loại, nhưng có sáu cuốn, nên gọi là Ngũ Bộ Lục San[71]. Loại sách ấy cần gì phải hỏi đến? Hỏi đến thì sẽ giống như chẳng coi Tứ Thư Ngũ Kinh là đúng, cứ muốn nghiên cứu những khúc hát quê mùa do lũ trẻ nít xướng lên ngoài ngõ! Uổng phí tâm thần, trọn chẳng có ích gì!

Hỏi: Bình (Thôi Thụ Bình tự xưng) làm luật sư, thụ lý hồ sơ vụ án. Do chức vụ, con phải soạn án từ, cố nhiên vẫn tùy thời chú ý để khỏi gieo nhân ác. Nhưng để giải oan cho người khác, con thường gặp những trường hợp có đủ chứng cớ phạm tội, khi giao cho Đề Hình[72] khởi tố, tuy bản án phát xuất từ ý chỉ của những người được ủy thác [làm nhiệm vụ xét xử], nhưng do con soạn án từ mà kẻ ấy bị lãnh tội, trong tâm trọn chẳng yên. Những kẻ nắm giữ luật pháp hiện thời chỉ nói riêng tại Thượng Hải đã có hơn tám trăm người, cố nhiên chẳng thiếu những kẻ còn giữ được một ít lương tâm, nhưng có rất nhiều kẻ tuy chẳng cẩn thận vẫn chẳng hề bận tâm, thậm chí hèn tệ chẳng thể kham được! Những người trực tiếp hay gián tiếp mắc phải họa hại bởi lũ ấy không thể nào gập ngón tay [để đếm xuể]. Dám xin thầy khai thị, đấy cũng là một đầu mối để cứu vãn lòng người vậy.

Đáp: Đối với những chuyện ấy phải thường xuyên giữ lòng nghĩ tưởng trời đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát đều thấy rõ, biết tỏ cái tâm của ta thì sẽ tự chẳng đến nỗi tạo ác nghiệp. Nếu không, vốn nhằm giải quyết khó khăn, tháo gỡ rắc rối mà lập ra biện pháp ấy, nhưng thật ra là căn cứ để gạt gẫm dân lành, ban thưởng khích lệ kẻ gian trá. Đáng sợ đến cùng cực! Nếu có cách sanh sống khác, cố nhiên tốt nhất là nên thoát khỏi phạm vi ấy!

6. Đáp lời hỏi của Huyễn Tu Học Nhân

---

[71] Ngũ Bộ Lục San là từ ngữ chỉ kinh thư của La Giáo (một thứ tà giáo do La Thanh sáng lập vào thời Gia Tĩnh - Vạn Lịch nhà Minh). Gọi là Ngũ Bộ Lục San vì tà giáo này có năm bộ kinh thư trọng yếu, tức 1) Khổ Công Ngộ Đạo Quyển 2) Thán Thế Vô Vi Quyển, 3) Phá Tà Hiển Chánh Thược Thi Quyển (chia thành hai quyển thượng và hạ) 4) Chánh Tín Trừ Nghi Tự Tại Quyển và 5) Nguy Nguy Bất Động Thái Sơn Thâm Căn Kết Quả Bảo Quyển.

[72] Đề Hình có hai cách hiểu:

1) Gọi tắt của Đề Điểm Hình Ngục Ty, là một chức quan được lập ra vào thời Tống, tương đương với Bộ Trưởng bộ Tư Pháp hiện thời.

2) Gọi tắt của Đề Hình Án Sát Sứ, viên quan chuyên coi về tố tụng trong một tỉnh.

Đến đầu thời Dân Quốc, chữ Đề Hình thường được dùng để chỉ cho Công Tố Viện nói riêng và bộ Tư Pháp nói chung.

Hỏi: Chuyên tu trì danh, nguyện được Niệm Phật tam-muội, cầu sanh Tịnh Độ thì dụng công ra sao?

Đáp: Dùng tín nguyện sâu để niệm Phật. Niệm Phật tam-muội cũng chẳng dễ gì đạt được, nhưng phải thường nên phát cái tâm ấy. Đấy gọi là *"noi theo pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung"*.

Hỏi: Có kẻ nói niệm ra tiếng, trì danh theo lối Truy Đảnh[73], có người bảo niệm Kim Cang trì, có người nói niệm thầm, có người bảo nhớ số, có người nói "tùy tức" v.v… Muốn đắc nhất tâm bất loạn thì có nên chuyên trì một pháp hay không?

Đáp: Truy Đảnh dễ bị bệnh. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hay thầm niệm, đều tùy theo tinh thần của chính mình mà điều chỉnh để dùng. Há nên chấp chết cứng một pháp đến nỗi bị bệnh ư? Tùy Tức chẳng bằng Tịnh Thính (lặng lẽ lắng nghe), bởi lẽ Tùy Tức không khéo thì cũng bị bệnh, còn Tịnh Thính thì chẳng bị bệnh!

Hỏi: Có lúc Kim Cang trì, có lúc niệm thầm, có lúc nhớ số, có lúc niệm theo lối Tùy Tức v.v… chẳng biết [niệm như vậy] có gây trở ngại cho nhất tâm hay không?

Đáp: Nhất tâm là do niệm, chứ không phải do âm thanh niệm Phật, sao lại bảo là trở ngại? Nhớ số cũng chỉ là nhớ khi động, chứ khi ngồi tịnh tọa chỉ nên niệm thầm, đừng nên lần chuỗi. Nếu lần chuỗi ắt bị tổn thương.

Hỏi: Hiện thời trong khi tịnh tọa, học nhân niệm ra tiếng bốn chữ hồng danh, nhiếp tâm niệm thiết tha, áp dụng phương pháp "tâm - miệng [niệm Phật] phân minh, rõ ràng để chấp trì, dùng tai lắng nghe", hơi cảm thấy khinh an (nhẹ nhàng, dễ chịu). Con muốn tu sao cho đạt đến nhất tâm bất loạn thì có thể chuyên hành pháp ấy hòng đạt được hay không?

Đáp: Pháp ấy rất hay! Lúc tịnh tọa nên niệm thầm, niệm ra tiếng cũng được. Nhất tâm bất loạn là do tâm chuyên chú và khẩn thiết vậy!

Hỏi: Trong bộ Văn Sao cao quý của thầy, pháp Tùy Tức được cực lực đề xướng, nhưng chưa nói rõ cách niệm như thế nào? [Niệm Phật Tam Muội] Bảo Vương Luận ghi: *"Có thể nương cậy lớn lao vào pháp này"*, nhưng cũng chỉ nói: *"Xưng danh hiệu Phật theo hơi thở"*, con vẫn chưa hiểu rõ cách niệm như thế nào? Chỉ có sách Sức Chung Tân Lương ghi: *"Tùy Tức Niệm Phật dùng khi thở ra chứ không dùng khi hít vào.*

[73] Truy Đảnh là một cách niệm Phật nhằm đối trị tâm tán loạn, câu nọ gối lên câu kia không xen hở chút nào. Cách này chỉ có thể áp dụng để đối trị loạn tâm chứ không nên áp dụng thường xuyên vì sẽ bị tổn khí, sanh bệnh.

Cứ mỗi một hơi thở ra là một câu, hoặc hai chữ đều được" Học nhân nghi rằng: Khi hít vào chẳng niệm, há chẳng phải là gián đoạn ư? Con thường thử luyện mỗi hơi thở ra là một câu, cảm thấy rất phí sức, mà niệm cũng chẳng rõ ràng cho lắm! Chỉ có khi hít vào niệm A Di, thở ra niệm Đà Phật thì đã không gián đoạn, mà còn được rõ ràng, lại chẳng tốn sức. Chẳng biết cách niệm như vậy có được hay chăng? Hay là lúc hít vào thì chẳng được niệm?

Đáp: Khi hít vào chẳng niệm, trong khi ấy sao lại nói là gián đoạn? Thở ra niệm một câu, hít vô bèn chẳng niệm; chứ khi hít vô lẫn thở ra đều niệm ắt sẽ bị tổn khí. Nếu chỉ niệm hai chữ thì trong một hơi hít vô thở ra niệm một câu Phật hiệu sẽ chẳng trở ngại chi!

Hỏi: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối",* hành trì như thế nào?

Đáp: Tông chỉ của Niệm Phật là sanh lòng tin chân thật (tức Tín), phát nguyện thiết tha (tức Nguyện), chuyên trì Phật hiệu (tức Hạnh). Ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh là tông chỉ của Niệm Phật. Phương pháp dụng công Niệm Phật hay nhất là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". "Nhiếp trọn sáu căn"* là cái tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật, tức là nhiếp Ý Căn. Miệng phải niệm sao cho rõ ràng rành rẽ, tức là nhiếp Thiệt Căn. Tai nghe cho rõ ràng rành rẽ tức là nhiếp Nhĩ Căn. Ba căn ấy được nhiếp trong Phật hiệu thì mắt quyết chẳng thể nhìn ngó loạn xạ. Khi niệm Phật nên buông rèm mắt xuống, tức là hạ thấp mí mắt xuống, chớ nên mở banh mắt. Mắt đã nhiếp rồi thì mũi cũng chẳng thể ngửi loạn được, tức là mũi cũng được nhiếp! Thân phải cung kính tức là thân cũng bị nhiếp. Sáu căn đã nhiếp, chẳng tán loạn thì tâm không vọng niệm, chỉ nghĩ đến Phật; đấy mới là tịnh niệm.

Hễ sáu căn không nhiếp thì tuy niệm Phật trong tâm vẫn có vọng tưởng tơi bời, khó đạt được lợi ích thật sự. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn để niệm thì gọi là *"tịnh niệm tiếp nối".* Tịnh niệm đã có thể thường tiếp nối thì nhất tâm bất loạn và Niệm Phật tam-muội sẽ đều có thể dần dần đạt được. Xin chú ý chỉ mong đạt được *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* thì nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, tâm địa sẽ khai thông, lo gì chẳng hiểu rõ nghĩa kinh nữa! Xin hãy gắng sức!

7. Đáp lời hỏi của cư sĩ Châu Văn San

Con có những điều thưa hỏi kể ra như sau, kính xin thầy chỉ bày. Công đức vô lượng!

1) Lão pháp sư niệm Phật phát chí nguyện lớn lao như thế nào?

Đáp: Nguyện sanh Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn, trở vào Sa Bà phổ độ chúng sanh.

2) Thân người cầu liễu thoát đến nơi đâu?

Đáp: Đến Cực Lạc thế giới.

3) Phật nói: *"Chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai"* là đã gộp cả Tín - Nguyện - Hạnh vào trong ấy hay chăng?

Đáp: Trí huệ của Như Lai không pháp nào chẳng bao gồm, nói trên phương diện chúng sanh thì chỉ là Lý Tánh mà thôi, chớ nên hiểu lầm!

4) Chúng sanh cõi Sa Bà sanh vọng tưởng thì là Ngã Kiến hay không phải Ngã Kiến?

Đáp: Vọng tưởng bao gồm hết thảy phàm tình, Ngã Kiến là [phàm tình] nặng nề nhất.

8. Đáp lời hỏi của cư sĩ Du Đại Tích

Kính đem những nghĩa con thường nghi chia thành mười bốn điều như sau, cúi xin thầy chỉ dạy uốn nắn.

1) Người tu hành dứt ác làm lành là chuyện thuộc về bổn phận, đáng nên gắng công, nhưng có điều ngoài công khóa và mười hai thời ra, ba tâm quá khứ, hiện tại, vị lai qua lại loang loáng, nói chung là chưa thể trừ. Tâm nghiệp chưa trừ cho sạch được thì có gây trở ngại cho sự vãng sanh hay chăng?

Đáp: Công khóa hãy nên chuyên, đừng nên xen tạp. Hễ chuyên sẽ dễ nhiếp tâm, còn tạp sẽ khó thể quy nhất được! Vãng sanh là do tín nguyện chân thiết. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu cho tâm thanh tịnh cũng khó được vãng sanh. Chớ nên không biết!

2) Cổ đức nói: *"Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà".* Phải nên trừ ái là lẽ đương nhiên! Nhưng trong vòng con cháu, giữa lẽ lợi - hại, nói chung chẳng thể mặc kệ, quên bẵng tình cảm thì làm như thế nào để chế ngự được?

Đáp: Yêu thương con cháu thì phải yêu thương theo đúng lẽ đạo: Dạy cho chúng nó đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật thì lòng yêu thương ấy liền trở thành Trợ Hạnh cho tịnh nghiệp. Đấy chính là căn cứ lớn lao để ngừa hại đạt lợi vậy!

3) Tử Bách lão nhân nói: *"Làm chủ được giấc mộng thì khi lâm chung sẽ tự chủ được"*. Như vậy là cảnh trong mộng hết sức quan yếu! Khi lên giường sắp ngủ, con cũng từng niệm thầm, nhưng đến khi mộng

vẫn là tơi bời tán loạn, chẳng dính dáng gì đến Niệm Phật hết. Thậm chí có lúc [nằm mộng thấy] ăn mặn, có khi biết ngay, hoặc chẳng biết liền, thật đáng hận, đáng thẹn! Con nên dùng cách nào để vãn hồi?

Đáp: Muốn mộng cảnh tương ứng hãy nên cật lực cầu tương ứng trong khi ban ngày. Nếu lúc tỉnh thường tương ứng thì trong mộng sẽ tự được tương ứng.

4) Người tu hành có cảnh giới tốt đẹp thì hoặc mộng đến Tây Phương, hoặc gặp mặt Di Đà, hoặc ngửi thấy mùi hương lạ, hoặc thấy hoa sen. Cư sĩ Vương Quý Quả ở tỉnh Tương (Hồ Nam) thường được thấy như thế. Con niệm Phật suốt mười năm không có tướng lành nào phát hiện, lỡ lâm chung vẫn như thế thì có phải sẽ khó đến được Cực Lạc hay chăng? Rốt cuộc có nên cứ để xuôi theo tự nhiên, đừng sanh lòng mong mỏi gì hết ư?

Đáp: Chỉ cầu tâm hợp với Phật, chẳng cần phải dốc sức để thấy được cảnh giới. Tâm đã tương ứng với Phật mà có tín nguyện chân thật sẽ chắc chắn vãng sanh. Nếu tâm mong cầu cảnh giới mà chưa tương ứng thì hễ có cảnh hiện ra, có thể sẽ bị ma dựa.

5) Tuổi tác già suy, chẳng thể thức dậy ngay trong đêm. Con có nên suốt cả một ngày tận hết tâm lực để dụng công [tụng niệm, tu tập], đến chỗ nào cần phải thể hiện lòng thành kính nhưng tâm không thấy được thì lạy nhiều để biểu lộ. Trong mười đại nguyện vương, điều đầu tiên là lễ kính, lợi ích như thế nào?

Đáp: Tuổi già thân thể vẫn mạnh thì cố nhiên lễ nhiều là tốt. Chứ nếu không thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thường giữ lòng kiêng nể thì cũng là ý nghiệp lễ kính!

6) Khi niệm Phật, ngồi xếp bằng trước tượng Phật, miệng niệm, tai nghe, tay lần chuỗi, tâm tưởng Vô Lượng Quang Phật để mong tam mật tương ứng, nhưng vẫn không thể tránh khỏi hôn trầm, tán loạn thì nên thong dong để đợi khi thuần thục hay là có pháp nào để giúp đạt được "nhiếp trọn sáu căn" hay chăng?

Đáp: Ngồi xếp bằng niệm thì chớ nên lần chuỗi. Hễ lần chuỗi, tâm sẽ khó lắng bặt suy tư, có thể bị bệnh. Hãy nên dựa theo đồng hồ để tính số câu niệm, một khắc niệm được bao nhiêu câu Phật hiệu sẽ giống hệt như lần chuỗi. *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* chính là pháp chế ngự cái tâm hay nhất.

7) Ưa điều lành dường như phát xuất từ tánh mà thành. Chỉ vì lực bất tùng tâm nên chẳng thể tài thí, cũng không thể pháp thí được. Chỉ đành hễ gặp ai thì đều khuyên bảo niệm Phật, ăn chay. Cũng như năm năm

trước đây, buổi sáng con tụng công khóa, buổi chiều ra khỏi cửa thu nhặt giấy có viết chữ bị [người ta] quăng bỏ; gần đây tinh lực suy nhược hơn, công khóa cũng tăng, chẳng thể chuyên chú, thành kính đi ra ngoài thâu nhặt [giấy có viết chữ] được nữa. Chỉ trong lúc đi đường thì vẫn chú ý thâu nhặt; xét ra có trở ngại gì cho việc niệm Phật hay không?

Đáp: Người niệm Phật nên tu hết thảy thiện hạnh, nhưng cần phải chia ra thành Chủ - Bạn, Chánh - Trợ. Nếu đảo lộn vị trí của Chủ và Bạn sẽ được lợi rất nhỏ. Nếu có thể dùng Bạn để giúp cho Chủ thì sẽ như một người khoanh tay, trăm quan lo liệu việc cai trị, nào còn có trở ngại gì để nói nữa đây?

8) Tam phước, tam tâm trong Quán Kinh phải giữ gìn cẩn thận, hễ hơi dễ duôi liền mất ngay, chưa khỏi có chỗ không thực hiện được! Con thường tự oán, tự thẹn, do vậy thường niệm Sám Hối Văn, rốt cuộc có tiêu trừ được tội khiên hay không?

Đáp: Tiêu trừ tội khiên chẳng thể nói lơ mơ được. Chẳng viên thành Phật đạo sẽ chẳng thể nào hết sạch tội khiên! Chúng ta tiêu trừ được bao nhiêu chỉ là do lòng Thành cạn hay sâu mà định.

9) Người già dẫu khỏe mạnh cũng chẳng đáng tin cậy, phải chuẩn bị sẵn biện pháp cho cái chết. Con tính không nhận lễ phúng điếu, lúc liệm hoàn toàn dùng vải, chỉ mặc một cái áo hải thanh, y năm điều, ngọa cụ xếp bên cạnh. Nếu dựa theo cấm chế của Phật thì những thứ ấy chẳng dùng để liệm theo, nhưng nay người ta thường liệm theo [người chết]. Có nên chẳng câu nệ đội mão Tăng, đi hài Tăng, hết thảy [cỗ bàn cúng bái] đều dùng món chay, cúng thất, thỉnh Tăng niệm kinh?

Đáp: Nên lấy những lời khuyên răn nhắc nhở trong Văn Sao của Quang để dặn sẵn con cháu, [bảo họ] ắt phải chiếu theo đó để hành, ngõ hầu ông chẳng đến nỗi bị con cháu phá hoại chánh niệm.

10) Niệm Phật tự biết chẳng đắc lực, muốn tăng thêm công khóa nhưng chỉ vì không có sức, lại không có thời gian, nếu cứ để như vậy mãi, sợ ít có cơ hội nắm chắc vãng sanh, nhưng chí lại quyết muốn vãng sanh, rốt cuộc con nên dùng cách nào để có thể muôn phần trông cậy?

Đáp: Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không? Sao lại nói bừa, tán gẫu, chẳng lấy lời cổ nhân đã nói để làm kim chỉ nam vậy?

11) Ở nơi đây hai thứ Long Hoa Giáo[74] và Tiên Thiên Giáo[75] rất thịnh hành. Khuyên can, ngăn trở thì chúng nó cứng chắc không thể phá,

[74] Long Hoa Giáo vốn là một chi phái của La Giáo do La Nhân (tức La Thanh, còn gọi là La Tổ) sáng lập, lấy Ngũ Bộ Lục San làm kinh điển chính, thờ đủ các vị thần

khoe hai giáo ấy cũng sanh về Tây phương được. Rốt cuộc [tu tập hai giáo ấy] có thể làm trợ nhân [cho sự nghiệp vãng sanh] hay chăng? Nếu có thể làm như vậy được thì con sẽ học theo để "tắt lại càng thêm tắt!"

Đáp: Ông đã quy y Phật pháp, tu trì Tịnh nghiệp, mà còn nghe theo lời ma mị của ngoại đạo, muốn học theo. Sao chẳng biết tốt - xấu đến mức như thế?

12) Khi niệm Phật tâm thường hay tán loạn, có kẻ nói là bị ảnh hưởng bởi tuổi tác. Nếu như tuổi già tâm tán loạn, chẳng thể thâu tóm được, thì người già quyết chẳng thể vãng sanh ư? Rốt cuộc có phải là vì tuổi tác hay là do công phu chưa đến mức đúng đắn?

Đáp: Ông không nhất tâm là do trong tâm không có chánh kiến; do không có chánh kiến nên không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hễ có tín nguyện chân thật, thiết tha, dẫu chưa thể nhất tâm vẫn được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện chân thật, thiết tha, dù có thể nhất tâm, cũng khó thể vãng sanh bởi vãng sanh là do nương vào Phật lực vậy.

13) Trong số các đạo hữu ở đây, có một người rất chịu dụng công, thọ giới, ăn chay trường, chỉ có điều nhà ông ta giàu nứt đố đổ vách nhưng đối với chuyện công đức chẳng chịu bỏ tiền ra, [như vậy thì] có trở ngại cho sự niệm Phật sanh về Tây phương hay không?

Đáp: Gã thần giữ của ấy tâm địa ô trược, hèn tệ, vẫn muốn cho con cháu phú quý lâu dài. Sợ rằng do cái tâm tham tài sẽ chuyển thành quả báo sanh trong loài ngạ quỷ cho nên trong kiếp vị lai hắn mới được thọ dụng thiện căn niệm Phật.

---

thánh lẫn nhân vật trong cổ sử hoặc truyện thần thoại như Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Hứa Do, Đường Nghiêu, vua Thuấn, Quảng Thành Tử, cũng như các vị Phật như Nhiên Đăng, Thích Ca, Quán Âm, các vị tôn giả hoặc tổ sư như Ca Diếp, Huệ Năng… Cách tu tập của họ bao gồm bùa chú, luyện khí, bói toán, đồng cốt, phong thủy v.v… Họ tự xưng là tại gia hóa Phật giáo, thậm chí một số nhà "nghiên cứu Phật giáo" của Hoa Lục còn cố tình lập lờ coi Long Hoa Giáo như là một chi phái chấn hưng của tông Lâm Tế!

[75] Tiên Thiên Giáo (còn gọi là Tiên Thiên Đạo, Thanh Liên Giáo, Kim Đan Đạo v.v…) do Hoàng Đức Huy sáng lập, lấy Vô Cực Lão Mẫu làm đối tượng sùng bái chánh yếu, coi Đạt Ma là sơ tổ, lục tổ là Huệ Năng, thất tổ là hai vị Nam Nhạc Hoài Nhượng và Mã Tổ Đạo Nhất, bát tổ là La Úy Quần, Hoàng Đức Huy là cửu tổ (hai gã này là tà sư ngoại đạo mạo danh đắc chân truyền nhà Phật). Giáo thuyết của họ cũng pha trộn lung tung những tín ngưỡng dân gian, giải thích cong vạy những danh từ Thiền học Phật giáo, diễn giải xuyên tạc kinh điển nhà Phật để dễ tuyên truyền đồng thời biện minh cho cách tu của bọn chúng. Từ giáo phái này lại nảy sanh ra nhiều chi phái mà nổi tiếng nhất là Nhất Quán Đạo đã được truyền sang tận Hoa Kỳ.

14) Một người suốt ngày niệm Phật và cùng với mọi người niệm Phật nửa ngày thì so ra lợi ích nào lớn hơn? *(Hội niệm Phật ở nơi đây cứ vào ngày thứ Tư liền nhóm chúng niệm Phật nửa ngày).*

Đáp: Cùng nhau niệm Phật là chuyện đề xướng. Tùy phận tùy lực tu trì cố nhiên chẳng ăn nhập gì tới niệm chung với đại chúng hay hành riêng một mình; nhưng muốn tu hành thật sự hãy nên bớt phô trương ngõ hầu có lợi ích thật sự.

Mười bốn điều trên đây phần nhiều là đại bệnh sát sao của Đại Tích, nên con chẳng ngại mạo muội thưa hỏi từ nơi xa xăm, thiết tha cầu xin thầy chia thành từng điều để chỉ dạy. Thầy liền phê ngay vào lá thư gốc, chẳng khác nào lò rèn nung luyện vậy. Đệ Tử Du Đại Tích dập đầu lần nữa.

[Sư phê]: *Xin hãy đọc kỹ Văn Sao thì mọi mối nghi sẽ tự cởi gỡ. Ở đất Hổ do lắm việc bận bịu nên tôi chẳng thể viết cặn kẽ được!*

9. Đáp lời hỏi của cư sĩ Vương Tụng Bình (lược câu hỏi đi)

1) Tịnh Độ là "duy tâm sở tạo" (chỉ do tâm tạo) thì hãy nên nói là "duy tâm", chẳng nên vừa gọi là Tịnh Độ, lại vừa gọi là "sở tạo". Nếu đã là cõi Tịnh Độ chỉ được tạo bởi tâm, sao lại chỉ nói là duy tâm, chứ trọn chẳng có Tịnh Độ nào khác là cảnh ở bên ngoài ư? "Duy tâm Tịnh Độ" là dùng tâm thanh tịnh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đến khi lâm chung, sẽ do tịnh tâm của chính mình mà cảm đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. [Chẳng hạn] như phương này chính là duy tâm Tịnh Độ. Nếu không có Tịnh Độ thì chỉ có thể nói là "duy tâm", há lẽ nào từ trong Không lại sanh ra Có, có thêm một cái Tịnh Độ nữa ư? Lại có thêm một cái được tạo nữa ư? Vốn không có Tịnh Độ thì tạo cái gì? Kẻ tà kiến ngăn trở người khác tu hành, tự cao giọng đề xướng, chẳng biết những lời lẽ của chính mình đã hoàn toàn mâu thuẫn lẫn nhau. Muốn phá người khác tu trì nhưng thật ra là tự phá, tự phô bày tri kiến tà vạy, lầm lạc mà thôi!

2) Độc ác và từ thiện chẳng chống trái nhau. Nếu ai tâm không độc ác thì rắn, cọp cũng có thể làm bạn được. Dẫu chưa đạt đến địa vị ấy, nhưng nếu là người lành thường niệm Phật, niệm kinh, chắc chắn chẳng bị những giống ấy làm hại. Do sẵn lòng từ thiện sẽ có thể cảm hóa được những loài độc ác ấy, huống chi người tu hành thường được thiện thần hộ vệ ư?

3) Chưa đạt đến địa vị "Chân cùng, Hoặc tận" thì tự nhiên thân tâm thế giới sẽ là có thật. Đã đạt đến địa vị "Chân cùng, Hoặc tận" thì trong cái nhìn của người đó [thân, tâm, thế giới] đều là không, còn trong cái nhìn của người chưa đắc được đạo ấy thì chúng đều là có. Chớ nên lẫn lộn thánh - phàm, lý - sự để rồi ăn nói hàm hồ, xằng bậy! Bản thể của tâm chúng sanh chính là Chân Như Thật Tướng, hiềm rằng do [chúng sanh] chưa ngộ được nên tuy suốt ngày nương vào sức Chân Như ấy mà suốt kiếp vẫn chẳng biết Chân Như nằm đâu! [Tuy] nói *"vô minh vốn không có cội rễ, đầu mối",* nhưng do chúng sanh chưa ngộ, lại muốn dạy cho họ biết về cái chẳng phải tự họ vốn sẵn có[76], cho nên nói là *"Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, nhưng khởi vô minh",* chứ thật ra chẳng phải là ban đầu không có [vô minh], về sau lại có! Nói như vậy là vì muốn cho người khác dễ hiểu bản thể.

Ví như vàng nằm lẫn trong quặng, chứ không phải thoạt đầu thuần là vàng sau đó mới sanh ra quặng. Cần biết rằng: Vàng nằm trong quặng, nhưng vàng vẫn chẳng phải là quặng. Luyện quặng sẽ được vàng, quặng chẳng trộn lẫn vào vàng. Chúng ta hãy nên dốc sức ở chỗ phá vô minh, chớ nên bận tâm nơi những danh từ như "thế giới có hay không, Chân Như, vô minh, sanh diệt" để rồi sanh nghị luận lầm lạc!

Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa nên thấy thấu suốt Ngũ Uẩn đều không, thân, tâm, thế giới chính là Ngũ Uẩn. Chúng ta chưa đạt đến địa vị Bát Nhã sâu xa, hãy nên coi thân, tâm, thế giới là thật có. Thế giới hư huyễn, nhưng phàm phu thường nghi [điều ấy] là sai; chứ nếu phàm tình đã hết sạch thì sơn hà đại địa đều chẳng trở ngại lẫn nhau. Vì thế, cổ đức nói: *"Nếu có thể ngay lập tức mất sạch tình kiến thì sẽ đi thẳng qua vách núi [không bị ngăn ngại gì]".*

10. Đáp lời hỏi của cư sĩ Duyên Tịnh

Hỏi: Hành nhân niệm Phật, đầu tiên phải lấy nghiêm trì Ngũ Giới làm nhiệm vụ cấp bách, ngõ hầu niệm Phật dễ được tịnh tâm, lâm chung vãng sanh cũng ổn. Nhưng hai chúng tại gia sống nơi Phật pháp suy đồi, khó thể tìm được một vị cao tăng hòng thọ giới đúng pháp. May là trong kinh Phạm Võng từng mở ra một phương tiện lạ, cho phép đối trước tượng Phật chí thành sám hối bảy ngày, nếu thấy hảo tướng liền có thể tự

[76] Xét về lý, vô minh vốn không thật có nên gọi vô minh là "cái chẳng phải tự họ vốn có".

thệ thọ giới. Kinh Địa Trì[77] cũng nói như thế, nhưng không có đoạn kinh văn nào nói về chuyện [phải] thấy hảo tướng [rồi mới được phép tự thệ thọ giới], so với kinh Phạm Võng lại càng dễ hơn nữa. Khi ấy, đệ tử nghi ngờ, chẳng biết rốt cục nên tuân theo kinh nào mới đúng?

Về sau, đọc Linh Phong Tông Luận, trong ấy đã giảng rõ lý lẽ: [Pháp tự thệ thọ giới] trong kinh Phạm Võng được lập ra cho kẻ chưa phát tâm, còn Địa Trì là lập ra cho kẻ đã phát tâm. Nay bọn đệ tử tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, có thể coi là kẻ đã phát tâm thì có thể nương theo kinh Địa Trì để thọ giới được hay chăng? Ngay trong lá thư gởi cho bà X… trong bộ Văn Sao của thầy đã có giảng về cách tự thệ thọ giới, cũng không thấy có đoạn văn nào bảo phải thấy được tướng hảo [sau khi sám hối thì mới được phép thọ giới]. Đấy có phải cũng là vì bà ta đã phát tâm nên được phép nương theo kinh Địa Trì [để thọ giới], chẳng cần phải câu nệ nơi thấy tướng hảo đấy chăng? Nhưng bà X… tiết tháo băng khiết, còn lũ đệ tử chúng con nghiệp sâu chướng nặng, có nên tham chiếu theo đó để làm hay chăng? Đây cũng là một nghĩa chúng con đang nghi ngờ cho nên chẳng nề hà mạo muội, lại vì những hành nhân niệm Phật tại gia thông thường thỉnh cầu thầy chỉ dạy phán quyết hòng tiện tuân hành.

Đáp: Phật pháp rộng lớn như biển cả, hãy tùy theo căn tánh của mỗi người mà thọ trì. Nếu muốn thọ giới mà có chỗ để xin thọ được thì cố nhiên nên thọ với sư tăng. Nếu không có ai, hãy hướng về đức Phật sám hối, tự thệ thọ giới. Còn như nói "thấy hảo tướng" thì há có phải là chuyện nói dễ dàng ư? Sợ là người đời nay chẳng có thiện căn ấy đâu! Hoặc do chẳng hiểu rõ tâm địa, cứ dùng cái tâm bộp chộp, vọng động để mong cầu đến nỗi kẻ bị ma dựa thì nhiều, người được lợi ích ít ỏi! Hiện nay, những kẻ có hành trì đôi chút hễ động đến là khoe thấy đủ thứ cảnh giới! Những thứ cảnh giới ấy đều do vọng tâm cảm nên. Nếu là thánh cảnh giới biến hiện thì người khác tuy chẳng thể biết được nhưng người ấy phải có những dấu hiệu cho thấy tâm hạnh chuyển biến lớn lao. Nếu

[77] Kinh Địa Trì có tên đầy đủ là Bồ Tát Địa Trì Kinh (Bodhisattva-bhūmi), còn gọi là Bồ Tát Giới Kinh, Bồ Tát Địa Trì Luận, hoặc Địa Trì Luận do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào thời Bắc Lương. Tuy mang tên là Kinh, nhưng thật ra là Luận. Theo truyền thuyết, bản kinh này do ngài Vô Trước chép lại lời giảng của Di Lặc Bồ Tát. Bản kinh này chính là bản dịch khác của phẩm Bồ Tát Địa trong Du Già Sư Địa Luận. Kinh này giảng về phương tiện tu hành của Bồ Tát, bao gồm sơ phương tiện xứ, pháp phương tiện xứ, tất cánh phương tiện xứ. Do trong ấy lại có phần giảng nói về Bồ Tát Giới nên từ xưa đến nay rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

vẫn cứ y như cũ thì chẳng phải là thánh cảnh mà chính là ma cảnh đấy! Chớ nên không biết [điều này]!

Phàm hết thảy mọi người hãy đều nên "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Đấy chính là giới kinh đại lược của chư Phật ba đời, ai nấy đều phải nên vâng giữ, chớ nên phạm. Hễ trì sẽ có công đức, còn phạm sẽ mắc tội lỗi. Trì cho đến mức cùng cực sẽ có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thậm chí thành Phật. Những ai phát tâm thọ giới mà không có thầy truyền trao thì hãy nên chí thành khẩn thiết đối trước đức Phật sám hối bảy ngày, tự thệ thọ giới trước đức Phật là được. Cố nhiên không cần nói đến hảo tướng, cũng không cần phải nói đã phát tâm hay chưa. Thời cơ hiện tại không giống như thời cơ khi đức Phật tại thế, nhưng đã vì vãng sanh Tây Phương mà thọ giới thì hãy nên chân thật thọ trì. Nếu chỉ cầu danh xuông thì sẽ trở thành đùa bỡn, tội lỗi quả thật chẳng nông cạn, ít ỏi đâu nhé!

Hỏi: Nếu hành nhân không thọ giới sẽ vĩnh viễn bỏ mất Phật hải, đánh mất lợi ích lớn lao. Nếu phát tâm không chân thật, cứ cẩu thả thọ giới, hễ phạm lại mắc thêm một tầng tội là phạm giới nữa. Như vậy, thọ giới thì sợ sẽ vi phạm, còn không thọ lại bị mất lợi ích lớn lao, dường như tấn thoái đôi bề đều khó. Đối với điều này, đệ tử có ngu kiến cho rằng: Nếu thật sự phát tâm chân thật, ắt sẽ mang ý niệm sợ tội sâu đậm, quyết sẽ ít vi phạm nên chẳng ngại lập tức thọ giới. Nếu không, do tập khí quá nặng, hoặc do tâm cảm động nhất thời, tham cái danh "thọ giới", liền mù mờ thọ giới, trong tương lai ắt sẽ dễ dàng vi phạm. Đâm ra chẳng bằng nương theo giới luật vâng giữ hai ba năm, nếu không vi phạm thì mới xin thọ giới cũng không muộn. Làm như vậy sẽ được lợi ích nơi giới lại chẳng đến nỗi tăng thêm tội phạm giới, dường như có ích vô hại!

Cách này đệ tử đã từng thử để khuyên người khác ăn chay khá có hiệu nghiệm. Nhân mấy năm gần đây con từng gặp người phát tâm tu hành liền khuyên họ trước hết hãy giữ sáu ngày chay và kiêng giết, giảm bớt ăn thịt, kiêm quán tưởng chúng sanh [và chúng ta] có cùng một thể, huyết nhục bất tịnh v.v… Trong vòng chưa đầy mấy năm, những người nhờ đấy mà ăn chay trường không dưới mười mấy người. Nay đối với giới pháp, con chưa biết là có nên chiếu theo cách này để thực hiện hay không?

Lại còn có một hạng hành nhân khá hiểu rõ nhân duyên tội phước, tuy chưa thọ giới, nhưng có thể chiếu theo Luật Nghi để vâng giữ, khắng khít niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Nếu sau này họ vãng sanh thì phẩm vị

của họ sẽ chẳng thua kém gì người đã thọ giới niệm Phật vãng sanh. Nếu quả thật như vậy thì tựa hồ mâu thuẫn với nghĩa "tâm địa vốn không có tự tánh giới, vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần" của Lục Tổ. Nếu không, trong Luật lại nói: *"Người thọ giới đúng pháp thì mới phát sanh giới thể, lại được thiên thần hộ vệ".* Luật còn giảng rõ sự khác biệt lớn lao giữa người đã thọ giới với người chưa thọ giới. Đệ tử chưa hiểu nghĩa này, vì thế đặc biệt viết lại ở đây để xin thầy chỉ dạy. Huống chi con đã tính vâng giữ [giới pháp] trước rồi sau đấy mới thọ giới. Nếu như có khác biệt, giả sử kẻ đang trong thời hạn học Giới ấy mạng chung giữa chừng thì chẳng phải là mất hết hay sao? Con đang nghi ngờ điều này, càng chẳng thể không mong được thầy sớm giải quyết!

Đáp: Đã muốn thọ giới, cố nhiên nên chân thật. Đã không chân thật thì cần gì phải thọ? Lợi ích là do chân thật trì giới mà được, chứ không phải vì mang danh thọ giới sẽ liền được lợi ích. Mối nghi của ông đáng gọi là vô vị đến cùng cực! Hễ tu hành thì phải luận trên tâm địa, chứ không luận trên hình tích. Chưa thọ giới mà đã trì giới thì là người tu hành chân thật, há lẽ nào người chân thật, hành hạnh chân thật lại đâm ra tầm thường, kém cỏi ư? Nhưng Phật, Bồ Tát cực lực khuyên con người thọ giới là vì hễ thọ giới ắt phải trì, chứ không phải vì những kẻ chỉ khoác cái danh thọ giới hiện thời mà phát khởi vậy! Chỉ khoác cái danh thọ giới tức là người thọ giới lại hủy giới cấm của Phật, tội tăng thêm một tầng nữa! Những câu hỏi của ông đều là chấp chết cứng vào hình tích, dấy lên những nghị luận lầm lạc! Ăn nói như thế đều gọi là hý luận!

"Thọ giới sẽ phát giới thể" chính là bậc túc căn sâu dầy, chứ không phải là chuyện của những kẻ hời hợt hờ hững chỉ mang cái danh [thọ giới] hiện thời! Chẳng thọ giới mà có thể trì giới chỉ là thiểu số, chứ không phải đa số. Vì thế, chớ nên dùng cách ấy để làm khó dễ người ta. Những người như thế thuộc hạng tánh chất đặc biệt, còn những kẻ kia là hạng nên dạy dỗ theo đường lối thông thường, há nên so sánh hẹp hòi? Đúng là vốn không có một chuyện gì lại lầm lẫn khuấy lên sóng gió, đáng than quá đỗi! Bàn luận lợi ích trên hình tích, chẳng xét đến thật tình nơi tâm địa là vì người trong cả cõi đời đều thích giả mạo làm người tu đạo vậy!

Hỏi: Đứa con gái nhỏ của con hiện thời hai mươi hai tuổi, lập chí không lấy chồng, ăn chay niệm Phật tính ra đã được mấy năm. Mùa Xuân năm nay mẹ nó mất, nó buồn thương, càng thêm chuyên dốc, thiết tha, mấy ngày không ăn uống. Về sau đệ tử bảo nó niệm Phật cho mẹ để mong mẹ được tăng cao phẩm sen; từ đấy nó đối trước linh vị mẹ niệm

Phật, nóng - lạnh không gián đoạn. Nhưng khi nó niệm Phật đến lúc thuần nhất, thường thấy mười phương tỏa quang minh, trong ấy hiện ra tượng Phật. Từng nhớ trong mùa Hạ năm nay, vào dịp lễ Thích Ca Văn Phật đản sanh, có một bữa nó đóng kín cửa, ngồi trong Phật đường niệm Phật, tự mình cảm thấy thần thức dạo chơi cõi Tịnh Độ, chân đạp lên mặt đất mềm mại như đạp lên vải nỉ, hoa trời theo đúng thời khắc trút xuống, thấy Phật và hai vị Đại Sĩ lướt qua trên hư không. Quán Âm Bồ Tát nhìn nó mỉm cười, tay cầm cành liễu rưới nước cam lộ lên trán nó, và thấy vô số vị tu hành hoặc ngồi hoặc đứng, dáng vẻ đều xinh đẹp, có quang minh. Sau đấy, do có người đưa cơm đến cho nó ăn, cảnh tượng ấy liền biến mất. Đệ tử nghĩ cảnh nó được thấy tuy phần nhiều hợp với kinh luận, nhưng trước đấy nó đã từng tu theo cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã hai năm *(hiện nay đã ngưng tu theo cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã mấy năm),* ngay trong thuở ấy cũng thấy có cảnh giới, quang minh. Nay chẳng biết cảnh tượng nó được thấy trong khi niệm Phật ấy có phải là cảnh tượng của Tịnh Độ hay không? Hay chỉ là huyễn ảnh của công phu tịnh tọa trước kia? Vì thế, đặc biệt xin thầy hãy phán định, chỉ dạy.

Thêm nữa, đứa con gái ấy vào ngày Phật Đản, hoặc khánh đản đức Quán Âm và sinh nhật của ông bà nội, cha mẹ cũng như sinh nhật của chính mình, phần nhiều thường giữ thanh trai suốt một ngày một đêm không ăn. Nhân đấy đệ tử đọc các kinh luận, trọn chẳng thấy có đoạn kinh văn nào khen ngợi chuyện không ăn. Ngay cả trong pháp Bát Quan Trai đã lập cũng chỉ chế định không ăn quá Ngọ. Do vậy, đệ tử yêu cầu nó đổi sang trì Bát Quan Trai, không biết là vào hôm trì [Bát Quan Trai Giới] có nhất định phải theo đúng pháp đối trước tượng Phật thọ giới hay chăng? Hơn nữa, đệ tử xem kinh không nhiều, chẳng biết rốt cuộc suốt một ngày đêm không ăn và không ăn quá Ngọ có hơn - kém chi chăng? Lại nữa, mẹ của con trường trai niệm Phật cũng đã được mấy năm, trong khi yên tịnh cũng thường thấy hình tượng có quang minh, nếu chẳng chấp vào đấy thì cũng được cảnh giới tốt lành, đúng chăng? Lại cầu xin thầy phán định, chỉ dạy cho trọn vẹn một bề!

Đáp: Lệnh ái túc căn khá sâu, lập chí nguyện ấy thật đáng khâm phục, kính ngưỡng. Cảnh giới được nói đó có lẽ là thánh cảnh, nhưng chớ nên cho đó là đúng. Chỉ nên giữ nhất tâm, đừng hâm mộ thấy cảnh. Nếu đạt đến nhất tâm thì không thấy cảnh cũng chẳng trở ngại gì. Nếu chưa đạt đến nhất tâm mà cảnh được thấy chẳng thật, hoặc thấy rồi sanh lòng hoan hỷ đều đủ để làm hỏng chuyện. Gần đây, con người đa số hễ vừa dụng công liền thấy có cảnh giới; những cảnh ấy thật ra quá nửa là

cảnh ma! Dẫu là cảnh thánh đi nữa mà nếu như không hiểu rõ tâm địa, chẳng hiểu tường tận nghĩa lý, hễ sanh chấp trước liền đến nỗi bị hỏng chuyện; chớ nên không biết!

Nói tới chuyện Thanh Trai thì trong kinh chưa hề nhắc đến, nhưng do Phó Đại Sĩ đời Lương *(do Di Lặc Bồ Tát thị hiện thân cư sĩ)* thường hành [Thanh Trai] nên cũng không phải là chớ nên hành. Nếu miễn cưỡng nhịn đói thì cố nhiên chẳng nên hành, chứ nếu an nhiên không bị tổn hại, tự tại như pháp thì cũng chẳng phải là không được. Hơn nữa, người đời nay chỉ nên chiếu theo đường lối hành đạo thông thường để tu, chớ nên lập riêng tướng trạng khác lạ nhằm ngăn lấp những thói tệ hám danh phô phang chuyện lạ để mê hoặc mọi người v.v…

Hỏi: Đệ tử nghiên cứu Phật học, tự xem Lăng Nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín v.v… các kinh luận Đại Thừa xong, hơi biết thiên địa vạn vật và hết thảy cõi nước tịnh - uế đều y theo Nhất Chân mà huyễn hiện. Đối với những nghĩa như *"tâm tịnh cảm cõi tịnh, tâm nhơ cảm cõi nhơ"* v.v… con khá tin tưởng sâu chắc, đích xác, thiết tha. Vì thế, tuy đọc các ngữ lục nhà Thiền chẳng những con không đến nỗi sanh lòng nghi ngờ Tịnh Độ mà tín nguyện càng thêm kiên cố. Từ đấy dường như chẳng đến nỗi bị những lời lẽ đề cao hay chèn ép Thiền - Tịnh, Tánh - Tướng mê hoặc. Chỉ đối với những câu *"Phật giới chẳng tăng, chẳng giảm; chúng sanh giới cũng chẳng tăng, chẳng giảm"* như trong kinh luận đã nói thì có lúc dấy lên nghi tình. Ấy là vì luận theo tánh thể thì chư Phật lẫn chúng sanh xét về Thể vốn tương tức[78], thật có thể nói là chẳng có sai biệt, tăng - giảm. Còn xét về phía chúng sanh giới, tuy chúng sanh đông đảo nhưng đều thấy là huyễn hình, tựa hồ chẳng thể bảo là vô số được! Đã có số lượng thì chư Phật ứng thế sẽ đều độ bấy nhiêu chúng sanh thành Phật. Phật tánh ví như nước biển, chúng sanh ví như bọt sóng. Bọt sóng vỡ lại trở về với biển cả. Nói nước không tăng giảm thì được, nhưng tướng bọt sóng ấy rõ ràng có số lượng, sao lại nói là không tăng - giảm? Hoặc nói không tăng - giảm là vì một bọt sóng vừa tan thì một bọt sóng khác lại trồi lên ư?

Như thế thì chư Phật phát nguyện độ sanh tựa hồ nhọc nhằn uổng công, mà lý *"chúng sanh đã thành Phật sẽ chẳng còn mê nữa"* cũng bị mâu thuẫn! Nếu nói bọt sóng tan chẳng còn dấy lên nữa thì chúng sanh trong biển tánh ấy, bọt tuy nhiều, nhưng một đức Phật đã độ được chúng sanh không lường nổi số; huống chi sau đấy lại còn có nhiều vị Phật

[78] Tương tức: Xét về lý, Phật tánh của Phật và chúng sanh giống hệt nhau, nên nói "chúng sanh tức là Phật, Phật tức là chúng sanh".

giáng sanh trong thế gian. Như vậy thì tất cả chúng sanh sẽ chẳng những ngày một ít đi mà còn rốt cuộc sẽ có ngày độ hết. Nếu như vậy thì chẳng khác gì mâu thuẫn với chuyện không tăng - giảm được nói trong kinh luận, mà cũng không thấu hiểu được ý chỉ "rốt cuộc chúng sanh giới lúc ban đầu là do đâu mà có" *(Kinh dạy: "Vô minh không có khởi đầu". Nếu chúng sanh giới có hết thì vô minh liền có khởi đầu vậy).*

Ở chỗ này, trong kinh Viên Giác, Kim Cang Tạng Bồ Tát đã từng thưa hỏi. Để trả lời, đối với Phật giới thì đức Phật dẫn thí dụ *"quặng đã thành vàng, chẳng trọng nơi quặng"* để giảng rõ lý *"Phật chẳng còn mê".* Đối với chúng sanh vốn khởi vô minh thì Ngài nói: Do tâm luân hồi sanh ra cái thấy luân hồi, có nghĩa là *"chưa đích thân chứng được Viên Giác thì chẳng thể suy lường!"* Chuyện này được phân biệt như thế cũng không phải là lời hỏi nhằm đúng ngay vấn đề, nhưng sách Khởi Tín Nghĩa Ký cũng dẫn thí dụ "chim bay trên hư không" để chỉ rõ "chúng sanh vô lượng". Vì thế, chẳng thể nói là có tăng - giảm, rốt cuộc cũng khó khiến cho con người quyết định chẳng ngờ vực! *(Rõ ràng chúng sanh vốn có số lượng, sao lại nói là vô lượng? Nếu thật sự vô lượng, trừ phi một chúng sanh có thể hóa thành nhiều chúng sanh. Nếu thật sự như thế thì cũng tránh được mối nghi "trong Phật giới lại khởi lên chúng sanh giới". Nhưng mỗi một chúng sanh là một linh thức, lý này lại nói chẳng xuôi được).* Nghĩa này sâu xa, do chúng sanh còn mê nên đức Phật khó thể nói thông suốt. Dẫu có nói thì chúng sanh vẫn không biết y như cũ.

Đệ tử là hạng người nào, há dám dùng tri kiến phàm phu để suy lường chuyện này. Chỉ vì bậc thân sĩ học Phật ở tệ xứ, do thấy đệ tử học Phật sớm hơn họ, tưởng đệ tử đã hiểu được lý này, phần nhiều [đem lý này] đến chất vấn. Đệ tử tuy viện dẫn kinh luận để đáp, nhưng bọn họ nói chung vẫn chưa thỏa ý, lại còn nghi ngờ những lý đã được nói trong Phật học. Cũng có những kẻ do chẳng hiểu trọn vẹn bèn ngã lòng tin tưởng! Do vậy, con đặc biệt chép lại đoạn này, tính xin thầy chỉ dạy về lý ấy. Thầy có thể dùng thí dụ khác để xiển minh đại lược hay chăng? Một là tránh cho đệ tử khỏi khởi lên sự sai lầm ấy nữa, hai là giúp cho con có cái để đáp lời chất vấn của bọn họ thì may mắn lắm thay!

Đáp: Phật giới, chúng sanh giới, cả hai đều chẳng tăng, chẳng giảm. Đấy chính là luận theo Lý; sao ông lại dựa trên hình tướng huyễn vọng để luận? Chẳng thấy kinh Kim Cang dạy: *"Độ sạch hết thảy chúng sanh nhưng chẳng thấy một chúng sanh nào được diệt độ"* ư? Nếu luận theo hình tích thì lời Phật nói sẽ trở thành mâu thuẫn! Nếu biết [lời nói ấy nhằm] dạy thẳng vào Lý Thể thì [sẽ thấy] giống như dạy cho kẻ say,

người mê đang tưởng "nhà quay, phương vị đổi dời" biết rằng "nhà vốn chẳng quay, phương vị vốn chẳng đổi dời".

Hơn nữa, há có nên cho rằng [quan niệm] nhà xoay của kẻ say, phương vị đổi dời của người mê là đúng, coi lời lẽ của người không say, không mê là sai hay sao? Những điều như ông đã nói đều thuộc về hý luận! Kẻ say, kẻ mê ấy trước khi chưa ngộ, trọn chẳng thể chết lòng tin tưởng vào sự "không xoay chuyển, không đổi dời" vì kẻ ấy đích thân thấy như vậy. Đến khi đã ngộ, mới biết [những sự thấy biết trước kia] là vọng, không phải là chân. Há ông lấy điều đó (tức những sự thấy biết trước khi ngộ) làm chuẩn hay sao? Hay là lấy điều này (tức sự thấy biết sau khi đã ngộ) làm chuẩn? Hiểu rõ rồi thì cần gì phải biện luận nữa đây?

Ông nói đến chuyện bọt sóng trong biển đều là chấp trước trên mặt hình tích. Do đức Phật muốn cho con người biết "chính mình toàn thể là Phật, vì đang mê nên có tướng chúng sanh", nhưng ngay cả cái tướng chúng sanh ấy toàn thể đều là vọng! [Do mê, do say nên thấy] nhà xoay, phương hướng đổi dời, ông liền chấp trước vào sự xoay chuyển, đổi dời; đáng gọi là "bỏ gốc chạy theo ngọn", sẽ thấy thường xoay, thường dời chẳng ngớt vậy!

Phật là vàng đã tách khỏi quặng, Phật tánh của chúng sanh là vàng vẫn còn nằm trong quặng. Vàng ở trong quặng trọn chưa thành vàng! Chẳng qua người sáng suốt biết trong quặng có vàng thì họ mới đổ công nung luyện, tách vàng ra [khỏi quặng], hòng được thọ dụng. Đức Phật sợ chúng sanh chẳng chịu gánh vác nên chú trọng nói rõ về bản thể. Bởi lẽ, [nếu chúng sanh] đã biết bản thể thì sẽ trọn chẳng chịu tự khinh, không tu tập. Nếu biết luận định từ bản thể thì không cần phải nghi! Nếu bỏ Thể để luận theo hình tích thì xin các hạ hãy thỉnh vị đại thông gia khác phán đoán, luận định. Quang là một ông Tăng tầm thường không có trí huệ biện tài ấy đâu!

11. Lời phê trên lá thư của cư sĩ Niệm Phật

(Những chữ viết theo lối Đảnh Cách[79] là lời phê của Ấn Công để đáp lời hỏi, còn những chữ viết thấp hơn một chữ là những chữ được dùng trong lá thư gốc của cư sĩ Niệm Phật ở Vĩnh Gia)

[79] Viết theo lối Đảnh Cách là viết cao hơn một chữ so với những dòng khác. Do tiếng Việt viết theo hàng ngang không thể dùng cách trình bày ấy, lời phê của Tổ được in nghiêng và ghi thêm chữ "Tổ Ấn Quang phê" trong ngoặc vuông cho rõ ràng.

Vâng đọc lời huấn dụ từ bi, thuần là những lời tha thiết đến cùng cực, tạo phương tiện đến cùng cực, buồn khóc vì đi vào ngõ rẽ cả mấy năm, một hôm biết được đường chánh. Từ nay về sau nhất tâm niệm Phật, hồi hướng cho khắp chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Những điều mong mỏi khác dù Tục hay Chân đều đã buông xuống. Quả thật chỉ có một pháp này là có thể an thân lập mạng, tự lợi, lợi tha, trên an ủi bi nguyện, báo đáp hồng ân, cầu xin ban cho sự gia bị, thường hành tinh tấn. Con tính trong tháng tới hoặc trong tháng Tám sẽ lại không nói năng gì (tịnh khẩu), thầm niệm thánh hiệu Quán Âm, thời hạn ngắn hay dài sẽ tùy sức, tùy duyên. Tất cả những nghi thức lễ niệm trong khi bế quan và các nghi vấn kính cẩn trình bày như sau xin thầy chỉ dạy, con sẽ cảm kích tuân hành.

[Tổ Ấn Quang phê]: *Tâm thường nghĩ đến tu trì, bế quan hay không đều chẳng khẩn yếu cho lắm. Nhưng phải nên viên thông, chớ nên chấp chết cứng, kẻo sẽ đến nỗi chẳng yên lòng, đâm ra vô ích! Đức Quán Âm từ bi rộng lớn, chắc chắn hễ có cảm liền ứng, nhưng tâm chớ nên quá gấp rút bộp chộp, mong được ứng ngay. Ví như trồng lúa, ngày hôm nay vừa gieo giống liền mong thâu hoạch ngay trong bữa nay sẽ trở thành kẻ si! Cố nhiên, hễ có ai khởi lòng niệm Bồ Tát thì sẽ liền được gia bị; nhưng chớ nên có những quan niệm hẹp hòi mong cầu ấy thì sẽ có lợi ích lớn lao vậy!*

1) Vào ngày bế quan đầu tiên

Sáng dậy con niệm Phật mười hơi. Súc miệng, rửa ráy xong, lễ thập phương thường trụ Tam Bảo, mỗi lần một lạy, lễ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lạy, lễ Tây Phương giáo chủ bốn mươi tám lạy, lễ kinh luận Tịnh Độ ba lạy, lễ Quán Âm ba mươi hai lạy, Thế Chí, Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy, Địa Tạng Vương, Liên Tông chư Tổ (sư tăng hiện tại), mỗi vị một lạy. Niệm chú Cúng Dường[80] hai mươi mốt biến. Niệm bài Tây Phương Nguyện Văn của đại sư Liên Trì một biến. Niệm Quán Âm Tán một biến. Tiếp đó chuyên niệm thánh hiệu. Trong khoảng ấy, trừ lúc

[80] Có rất nhiều bài chú Cúng Dường tùy theo nghi quỹ, nhưng theo ngu ý, bài chú Cúng Dường được cư sĩ Niệm Phật dùng ở đây là chú Phổ Cúng Dường (thường được in trong các kinh Nhật Tụng): *"Án, nga nga nẵng tam bà phạ, phiệt nhật la hộc*" (Om, Gaganam Sambhava Vajra Hoh). Bài chú này có tên gọi đầy đủ là Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Phổ Cúng Dường Chân Ngôn. Phật môn thường tụng chú này với hàm nghĩa dùng tâm lượng cúng dường rộng lớn như hư không, xuất sanh vô biên bảo tạng, cúng dường rộng khắp mười phương Tam Bảo cùng hết thảy chúng sanh không ngăn ngại như hư không.

ăn ngủ ra, hễ gần tới giữa trưa và sau giờ Ngọ, hoàng hôn và giữa buổi tối, lễ Quán Âm ba mươi hai lạy.

[Tổ Ấn Quang phê]: *Nghi tiết đơn giản mới hay!*

2) Mỗi ngày sau đó:

Sáng dậy niệm Phật mười hơi. Rửa ráy, súc miệng xong, lễ Quán Âm ba mươi hai lạy, tiếp đó chuyên niệm thánh hiệu. Trong khoảng thời gian ấy, trừ lúc ăn ngủ ra, còn kèm thêm vào gần tới giữa trưa và sau giờ Ngọ, chập tối và giữa tối, lễ Quán Âm ba mươi hai lạy giống như ngày thứ nhất.

Hoàn mãn một ngày.

Nghi thức lúc sáng dậy và lúc gần sụp tối giống như trước. Ngay lúc đêm xuống, niệm thánh hiệu xong, niệm Tây Phương Nguyện Văn một biến, lễ Tây Phương Giáo Chủ bốn mươi tám lạy, lễ Quán Âm ba mươi hai lạy, Thế Chí, Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy. Hơn nữa, trong bài nguyện văn của Liên Trì đại sư câu *"chuyên niệm A Di Đà Phật vạn đức hồng danh*" con tự đổi thành *"chuyên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát vạn đức hồng danh",* những câu khác có cần thay đổi hay không?

[Tổ Ấn Quang phê]: *Nên châm chước để lượng định.*

Đoạn đầu của bài nguyện văn có câu: *"Kim ư Phật tiền kiều cần ngũ thể"* (Nay con đối trước Phật cung kính năm vóc mọp lạy). Niệm đến câu này, con chỉ cúi đầu lễ xong rồi đứng dậy, hay là cần phải mọp lạy tới mấy câu nữa rồi mới đứng dậy?

[Tổ Ấn Quang phê]: *Mọp lạy một lúc lâu sẽ có thể bị tổn khí, chớ nên không biết!*

Trong bài tán Quán Âm phổ biến có câu: *"Quán Âm Đại Sĩ, tất hiệu Viên Thông, thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm"* (Quán Âm Đại Sĩ, luôn có hiệu Viên Thông, mười hai đại nguyện thệ rộng sâu) bốn chữ *"thập nhị đại nguyện"* sợ là dẫn lầm từ nhân duyên của Dược Sư Như Lai, con phải nên nói như thế nào?

[Tổ Ấn Quang phê]: *Mười hai đại nguyện không có xuất xứ, đổi thành "từ bi thệ nguyện tối hoằng thâm" (từ bi thệ nguyện rộng sâu nhất) cũng được!*

Nếu lúc nằm xuống không ngủ được, bèn chỉ quan tâm ức niệm thánh hiệu để dỗ giấc, hay là phải tạm ngưng niệm thánh hiệu, lắng lòng để đối trị?

[Tổ Ấn Quang phê]: *Lắng lòng niệm thánh hiệu.*

Lúc dục niệm khởi, phải tưởng như đã chết, hay là tưởng sắp chết. Trong khi bế quan vẫn còn có chuyện gì cần phải chú ý xin thầy đều dạy hết cho.

[Tổ Ấn Quang phê]: *Làm sao chỉ ra hết mọi chuyện cho được? Chỉ chí thành cung kính, đừng gấp rút, bộp chộp mong cầu linh ứng. Chỉ giữ lòng sao cho tương ứng với thánh hiệu, chẳng cầu cảm thông thì sẽ tự được cảm thông. Nếu không, sẽ có thể bị ma dựa!*

Con thường nằm mộng thấy ở trong nhà bay lên niệm Phật, nhưng bị xà nhà và mái ngói ngăn trở, chẳng thể vượt thoát ra được. Lại còn một hôm [mộng thấy] ở ngôi chùa nọ có một bức tranh thủy mặc vẽ hình tượng Quán Âm, thân và mắt rất to, cho đến nay vẫn còn cảm thấy sợ hãi. Qua hai duyên trên đây, chẳng biết tội chướng như thế nào?

[Tổ Ấn Quang phê]: *Giấc mộng ấy thuộc về cảnh giới tốt đẹp, nhưng vẫn chưa đạt đến mức nghiệp lực tiêu trừ lớn lao. Vì thế vẫn còn bị ngăn ngại. Thấy tượng sợ hãi cũng chẳng sao cả; nhưng chớ nên ghim mãi chuyện này trong lòng.*

Hơn nữa, ân sư thường nói: "Hành nhân thấy cảnh có một phân thì không được nói một phân mốt, cũng chẳng được nói chín ly chín. Nói quá cũng mắc tội, mà nói bớt đi cũng không được". Lại nói: "Thứ cảnh giới ấy nói với tri thức để cầu chứng minh tà - chánh, đúng - sai thì không phạm lỗi. Nếu chẳng nhằm xin chứng minh, chỉ muốn khoe khoang thì cũng mắc lỗi. Nếu hướng về hết thảy mọi người để nói thì sẽ có lỗi. Trừ cầu tri thức chứng minh ra, [trong mọi trường hợp khác] đều không được nói" v.v… Nhưng nếu hành nhân thấy có cảnh giới, hoặc do tâm tưởng không trọn vẹn, hoặc do văn tự sơ sài, vụng về, đến nỗi nói ít, nói nhiều thì cũng gây trở ngại hay chăng? Đệ tử từng được ân sư ba lần dạy bảo về giấc mộng, đã kể cho người bạn là X… nghe. Tuy chẳng phải là muốn khoe khoang, chẳng phải vì cầu chứng minh, mà thật ra là muốn khơi gợi lòng tin cho người ấy, chẳng biết làm như vậy có mắc tội lỗi hay không?

[Tổ Ấn Quang phê]: *Cảnh được thấy trong mộng không quan hệ lớn lao cho lắm, chứ đối với cảnh được thấy trong khi Thiền Định thì phải thận trọng. Người tu hành thường phạm phải căn bệnh chưa đắc đã bảo là đắc*!

Sống tại gia xử thế, thấy người khác có chuyện chẳng đúng pháp, đã không có đủ oai đức để chế phục, lại chẳng khéo khuyên dụ khiến cho người ấy cảm động, nhận hiểu, chỉ đành nhẫn nại mặc kệ kẻ ấy, ức niệm

Quán Âm để mong Ngài từ bi che chở thì có được hay không? Khẩn cầu thầy khai thị thì may mắn lắm thay!

[Tổ Ấn Quang phê]: *Lòng Thành đến cùng cực thì đá vàng cũng phải nứt. Dẫu cho người ấy chẳng được lợi ích thì chính mình cũng đã được lợi ích lớn lao.*

12. Kệ tu trì

Giữ vẹn luân thường,
Trọn hết bổn phận,
Ngăn dứt lòng tà,
Gìn giữ lòng thành,
Đừng làm các ác,
Vâng làm các thiện,
Kiêng giết, cứu mạng,
Ăn chay niệm Phật,
Hồi hướng vãng sanh
Thế giới Cực Lạc,
Dùng để tự hành,
Lại còn dạy người,
Ấy gọi Phật tử.
Hành giả hãy nên
Làm như thế ấy
Công đức vô lượng.

X. Thư từ

1. Thư trả lời cư sĩ Thái Cát Đường

Ngày Hai Mươi Sáu tháng Tư, Quang từ Dương Châu trở về Thượng Hải thấy ông gởi cho Quế Viên[81] và hương. Cám ơn lắm! Bản thảo Quán Âm Đại Sĩ Tụng tuy đã gởi tới, nhưng vẫn cần phải giảo chánh tường tận thì mới cho sắp chữ được. Sợ là chưa thể in ra sách trong năm nay được đâu! [Chuyện vận động quyên mộ đóng góp cho] Viện Mồ Côi hãy cứ tùy duyên lo liệu. Được nhiều thì tốt, ít cũng không sao. Dẫu chẳng thể giúp đỡ, chỉ gởi xuông sổ quyên mộ trở lại cũng không sao cả! Đối với hết thảy mọi chuyện, Quang đều tùy duyên, trọn chẳng vì nhiều - ít, có -

[81] Quế Viên là tên gọi khác của quả long nhãn.

không mà khởi lên tâm phân biệt, suy tính. Thầy Chân Đạt gởi lời hỏi thăm ông. Cư sĩ Vưu Tích Âm còn chưa di chuyển, chẳng bao lâu nữa sẽ xuống miền Nam, địa chỉ cư ngụ vẫn chưa định được! Đợi đến khi nào ông ta tiến hành công việc cho Quang thì sẽ gởi tới. Đang trong lúc thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống này, hãy nên phát khởi lòng Thành niệm Phật để cầu được che chở, ngõ hầu chẳng phụ thời gian tốt đẹp này. Nếu không, sẽ như người vào biển cả, đã không có người hướng dẫn, lại không có la bàn, muốn khỏi bị chìm đắm, há có được ư?

2. Thư gởi hòa thượng Tâm Tịnh

Hôm nay có người từ Như Cao đến, trao giùm thư của Thôi Tông Tịnh. Cái chuông như thầy đã nói, lớn - nhỏ có thích hợp hay chăng? Nếu thích nghi thì hãy nên bảo những người trong nhóm mua. Nếu giá chuông hãy còn, chưa bị mục nát thì cũng nên mua luôn để khỏi phải làm cái khác. Cũng nên gõ thử chuông ngay để coi xem tiếng chuông [có vừa ý hay không]. Trống lớn nếu có người phát tâm [cúng dường] là được rồi. Nếu không, hãy bảo họ quyên mộ để đặt làm, nhưng hãy nên làm sao cho thích hợp, đừng nên làm quá to. Hãy nên cho họ biết kích thước đại lược để họ tiện quyết định đặt làm. Chi phí thỉnh chuông trống đều phải do chính người [phát tâm] ấy bỏ tiền ra, chẳng cần Pháp Vân Tự phải bù tiền thêm. Hãy nên nói trước với họ về chuyện đó để chẳng đến nỗi phải lo lắng khó lòng đáp ứng được!

3. Thư trả lời cư sĩ Cát Khải Văn

Túc nghiệp của mọi người đã cảm thành ác quả ấy. Ông có thể ở chùa Hộ Quốc tụng kinh lễ sám quả thật là may mắn lớn. Lúc này, trừ niệm Phật và niệm Quán Âm cầu gia bị ra, không có cách tốt đẹp nào khác! Đừng vọng tưởng đạt được chuyện tốt lành. Nếu có thể chí thành khẩn thiết tụng kinh lễ sám thì chính mình cũng đạt được lợi ích không chi lớn bằng. Nếu chỉ mong cho xong chuyện mà muốn được Phật, Bồ Tát gia bị sẽ khó như lên trời! Trừ chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm và chí thành khẩn thiết tụng kinh, lễ sám ra, không có phương pháp thứ hai nào cả! Xin hãy sáng suốt soi xét!

4. Thư trả lời cư sĩ Lý Cẩn Đan

Nhận được thư, biết các hạ có lòng bảo vệ đạo tột bậc chân thật, tha thiết. Những gã chủng tử địa ngục muốn làm cao nhân bậc nhất từ ngàn xưa đến nay cực đáng thương xót. [Ngụy thuyết] *"Khởi Tín Luận là ngụy tạo"* không phải do Lương Nhậm Công (Lương Khải Siêu) đề xướng, mà là do Nhậm Công lấy ma thuyết của Âu Dương Cánh Vô[82] làm căn cứ, coi đó như luận thuyết quyết định nhằm phô phang "ta là kẻ học rộng có thể phân định chân, ngụy!" Âu Dương Cánh Vô là hạng ma chủng đại ngã mạn, mượn cái danh hoằng pháp để cầu danh, cầu lợi. Ông ta cho Lăng Nghiêm, Khởi Tín Luận là ngụy tạo, chính là vì muốn mê hoặc hàng sĩ đại phu vô tri vô thức nhằm mong họ sẽ sùng phụng mình như một vị đại pháp vương! Ông ta mượn cái danh thông suốt Tướng Tông (Duy Thức) để ngạo mạn cổ kim. Phàm những gì các vị cổ đức tông Thiên Thai, Hiền Thủ đã nói chẳng hợp với ma kiến của ông ta đều bài xích là "thả rắm", nhưng những kẻ thông minh do thấy ông ta thông hiểu Tướng Tông liền đua nhau sùng phụng là bậc thiện tri thức! Tướng Tông lấy Nhị Vô Ngã[83] làm chủ yếu, ông ta chỉ hoại một thứ là Ngã Kiến, chứ trọn chẳng có khí phận Vô Ngã của Tướng Tông. Kẻ ma mị mà ai nấy vẫn tin, đáng buồn thay!

---

[82] Âu Dương Cánh Vô (1871-1943), tên thật là Âu Dương Tiệm, tự là Kính Hồ, năm bốn mươi tuổi đổi tên tự thành Cánh Vô, còn có tên tự khác là Cánh Ngộ, người huyện Nghi Hoàng, tỉnh Giang Tây, là hậu duệ của Âu Dương Tu. Ông được coi là một triết gia nổi tiếng thời cận đại, do theo học với Dương Nhân Sơn nên hâm mộ ý chỉ kinh Hoa Nghiêm bèn chuyên nghiên cứu Phật giáo, ẩn cư tại Kỳ Hoàn Tịnh Xá để chuyên nghiên cứu kinh luận. Ông từng sang Nhật du học. Năm 1912, cùng với Lý Chứng Cương thành lập hội Phật Giáo, chủ trương tách rời chánh quyền và tôn giáo, sa thải những tăng sĩ dốt nát. Ông rất thích nghiên cứu Duy Thức Học, đặc biệt tôn sùng Hoa Nghiêm và Du Già Sư Địa Luận, nhưng về sau lại đề xướng thuyết *"Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận, Lăng Nghiêm v.v... đều là do người Trung Hoa ngụy tạo!"* Ông chủ trương các tờ báo Dung Truyền, Khổng Học Tạp Chí v.v… Năm 1922, sáng lập Chi Na Nội Học Viện với tông chỉ hoằng dương Phật giáo, bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp lợi sanh. Thái Hư đại sư từng viết bài phê phán đường lối cũng như cách diễn giải Phật pháp lệch lạc của Chi Na Nội Học Viện gây nên cuộc tranh luận sôi nổi giữa Cánh Vô và Thái Hư qua nhiều chủ đề trong nhiều năm.

[83] Nhị Vô Ngã là Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã, còn gọi là Nhân Không và Pháp Không, hoặc Ngã Pháp Nhị Không.

1) Nhân Vô Ngã: Hiểu rõ thân người do Ngũ Uẩn giả hợp, chứ thật không có bản thể của cái Ngã tự chủ tự tại. Đấy là phép Quán của Tiểu Thừa để đoạn Phiền Não Chướng, đắc Niết Bàn.

2) Pháp Vô Ngã: Hiểu rõ các pháp do nhân duyên sanh ra, không có thực thể, tự tánh. Đấy chính là pháp Quán của Đại Thừa để đoạn Sở Tri Chướng, trở thành Bồ Tát.

Chưa thọ giới, chớ nên đắp mạn y năm điều hoại sắc. Y năm điều ấy không chia thành khối *(Y năm điều, mỗi một điều cắt ra thành một miếng dài một miếng ngắn, [mỗi một miếng nhỏ ấy gọi là một khối])*, cũng không phải là hải thanh; hải thanh là áo dài rộng tay. Ngày nay trong pháp môn không có người nên [ai nấy] mặc sức làm càn. Vì thế, người thọ Ngũ Giới đều đắp y Ngũ Điều[84], trái nghịch cấm chế của đức Phật, nhưng Tăng lẫn tục đều bình chân như vại, cũng đáng cảm khái lắm thay!

5. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị

Ngày hôm qua, thầy Đương Gia đưa thư của ông cho Quang. Quang đọc thư, biết tuy cường đạo đến cướp đồ đạc của ông mà ông chẳng bị mất một vật nào, còn bà cụ ở phòng đối diện bị cướp mất một cái rương và các thứ quần áo. Đấy chính là chứng cớ rõ ràng Tam Bảo gia hộ [cho ông]. Chỉ nên gắng sức niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, há nên lầm lạc sanh lòng sợ hãi, muốn dời đi chỗ khác! Ông xem có chỗ nào là nơi yên vui đâu? May mắn là chỗ ấy nghèo nàn nên vẫn còn chưa gặp họa lớn. Nếu ở nơi am giàu có, sợ sẽ càng nguy hiểm hơn!

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Quách Chấn Thanh, chủ tiệm giấy Hợp Pháp ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, theo một người già trong nhà ông ta đến quy y. Quang bảo ông ta: "Hiện thời là tình thế hoạn nạn, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, sẽ liền có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn mà được hên". Tháng Chạp năm sau, ông ta qua Thượng Hải. Chiến sự nổ ra ở Thượng Hải, chẳng thể không trở về đất Tô được. Đến mùa Xuân năm Dân Quốc 21 (1932) vẫn còn chiến tranh, chẳng thể quay về được. Do đường xe lửa bị cắt đứt, Chấn Thanh liền ngồi tàu thủy nhỏ đi vòng theo ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Nhưng thuyền bè qua lại thường bị cường đạo cướp bóc; Chấn Thanh sợ bị cướp, trong tâm thầm niệm thánh hiệu Quán Âm. Không lâu sau, cường đạo

[84] Xin đừng hiểu lầm y Ngũ Điều của tăng sĩ trong đoạn này với Ngũ Điều mạn y trong đoạn trước. Mạn Y là y không chia thành từng điều (tổ Ấn Quang gọi một miếng lớn là điều, mỗi điều cắt ra thành miếng nhỏ hơn gọi là Khối). Vì thuở xưa khổ vải khá hẹp, để may Mạn Y phải ghép bằng năm miếng vải. Nay thì Mạn Y là cả một khổ vải không cắt thành miếng nhỏ. Còn Y Ngũ Điều của chư Tăng thì gồm năm miếng lớn may lại. Mỗi một miếng lớn cắt thành hai miếng: một dài, một ngắn (Tổ gọi mỗi miếng nhỏ ấy là "khối"). Y này là loại y chư Tăng thường mặc để làm lụng hoặc tụng kinh lễ Phật thường ngày, cư sĩ không được tiếm dụng. Do thời ấy Mạn Y cũng có năm miếng nên cư sĩ thường đắp y Ngũ Điều của chư Tăng mà không biết mình đã phạm cấm chế của đức Phật.

kéo đến, cả thuyền đều bị cướp sạch sành sanh. Chấn Thanh là một kẻ mập mạp, mặc một cái áo da, nhưng ở giữa bao người, bọn cường đạo trọn chẳng thèm hỏi tới ông ta! Đủ biết niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát quyết định được Bồ Tát gia bị, chẳng đến nỗi gặp tai họa ngoài ý muốn.

Quang đọc qua thư ông, bỏ trong ngăn kéo của bàn viết, nay muốn phúc đáp, tìm khắp nơi không thấy. Do vậy nghĩ đấy là do Bồ Tát thị hiện cho ông một dấu hiệu để ông nhất tâm niệm Phật, niệm Bồ Tát hòng ngừa họa giữ thân. Nếu ông chí thành, cường đạo thấy ông mà như không thấy, hoặc thấy những đồ đạc của ông là thứ chúng chẳng cần, chẳng đến nỗi gây tổn thương cho ông. Hiện thời bất luận là ai, đều phải niệm A Di Đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm quả núi nương tựa. Chỉ nhất tâm thường niệm, chẳng cần phải sợ hãi! Xin hãy sáng suốt suy xét!

6. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất)

Chương trình của hội niệm Phật rất hay, nhưng đối với phụ nữ đang độ tuổi thanh xuân hãy nên bảo họ ở yên trong nhà niệm Phật, đừng đến dự hội. Bởi lẽ, hiện thời lòng người quá bại hoại, lại còn có binh sĩ [trấn đóng khắp nơi], sợ giữa đường gặp chuyện chẳng đúng pháp thì người ấy lẫn hội niệm Phật đều mất thể diện. Đấy chính là ý nghĩa trọng yếu để né hiềm lánh họa. Dương Thúc Cát đã xuống núi vào hôm Mười Ba tháng trước. Hiện thời thiên hạ rối beng, đất Thiểm càng rối ren quá mức. Há nên đang vô sự lại manh nha tâm niệm du hành? Há chẳng phải là đang ở trong yên ổn lại tìm kiếm nỗi nguy hiểm ư? Ngàn muôn phần chớ nên đi ra ngoài! Dẫu muốn cùng mọi người đi du lịch ngắm cảnh, cũng nên đợi tới lúc thái bình không có chiến tranh thì mới nên. Ở nhà tuy phiền, nhưng chẳng đến nỗi phải có chuyện lo nghĩ chi khác. Đang trong thời loạn này, dẫu đi ra ngoài thân chẳng gặp phải họa ương thì vẫn phải suốt ngày lo nghĩ cho gia quyến, há chẳng nên giữ cho cõi lòng thanh tịnh, không phải bận tâm chuyện gì ư?

Cái chết của Hy Chân là do bị trời phạt, ông ta nhận được một lá thư "tiến bộ" liền muốn giết sạch hết thảy những người thuộc giới chánh khách. Do vậy, chưa đến được kinh đô liền ngã bệnh, tới kinh đô chết liền. Nếu người ấy không chết, ắt sẽ đến nỗi đại loạn! Trời già có mắt, khiến cho ông ta bị chết trước để ông ta chẳng đến nỗi bỗng dưng gây nhiễu loạn được! Hùng Đại Minh có một đứa con hết sức có thiện căn

(chưa đầy nửa tuổi đã biết lôi kéo bà nội và cha mẹ, ép họ lễ Phật. Nếu họ thuận theo thì nó sẽ vui vẻ). Do tham dự cuộc Bắc Chiến và chiến trận Hồ Hám[85], đứa con ấy liền chết; ông ta gần như cuồng si, gởi thư kêu khổ. Quang bèn chỉ thẳng [nguyên nhân] là do bị trời phạt; nếu chẳng sửa đổi hành vi, hình phạt ấy đâu phải chỉ có như thế! Các ông đã tín phụng Phật pháp, hãy nên lấy tâm Phật làm tâm [của chính mình] thì sẽ hữu ích. Nếu [cứ hành xử] giống như Đại Minh và Hy Chân thì đáng gọi là "uổng làm đệ tử Phật" vậy! Mắt Quang không tốt, chứ không phải là thường sanh bệnh.

7. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai)

Trước kia đã gởi cho ông những sách cho chính Quang giảo duyệt in ra; nay lại muốn nói rõ ý Quang, bởi lẽ mọi việc cần phải suy nghĩ sâu xa thì mới thành được. Tiếp đó, tôi suy nghĩ: Nói tới sự giải trí thì chẳng thể làm như vậy được. Hơn nữa, trẻ nhỏ vừa mới hiểu biết liền dạy cho nó đóng tuồng, sợ nó sẽ chẳng vận dụng tâm tư nơi hành hiếu hành đễ; cứ chăm chút đổ công tô son trát phấn làm đào, kép, kép nhọ, hề[86]… sẽ

---

[85] Bắc Chiến còn gọi là Bắc Phạt hoặc Đại Cách Mạng lần thứ nhất, kéo dài từ năm 1926 đến năm 1928. Đây là cuộc chiến được phát động bởi Quốc Dân Đảng Cách Mạng Quân. Cánh quân này do Tưởng Trung Chánh chỉ huy từ phương Nam kéo lên phương Bắc với ý định đánh bại chính quyền Bắc Dương nhằm thống nhất sơn hà. Chính quyền Bắc Dương là chính quyền quân phiệt cai trị phía Bắc Trung Hoa từ năm 1912 tới năm 1928 sau khi lật đổ Thanh Triều, mưu toan tách Bắc Trung Hoa khỏi sự quản trị của chính quyền Dân Quốc tại Nam Kinh. Chính phủ này khởi đầu bằng Tổng Thống Viên Thế Khải và kết thúc bằng Chấp Chánh Đại Nguyên Soái Trương Tác Lâm.

"Hồ Hám chi chiến" (hay còn gọi là Lạc Dương Chiến Đấu) là cuộc giao tranh giữa Hồ Cảnh Dực và Hám Ngọc Côn kéo dài từ ngày Hai Mươi tháng Hai đến ngày Mười Ba tháng Ba năm 1925 tại Lạc Dương (tỉnh Hà Nam). Nguyên nhân là do Hồ Cảnh Dực được chánh quyền Dân Quốc cử làm Tổng Đốc tỉnh Hà Nam, tướng chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam là Hám Ngọc Côn bất mãn, liền đem quân vây đánh họ Hồ. Đôi bên giao tranh dữ dội tại Lạc Dương, rốt cuộc Hám Ngọc Côn thua trận phải vượt Hoàng Hà chạy trốn rồi tự sát.

[86] Nguyên văn *"sanh, đán, tịnh, sửu"* là bốn loại diễn viên trong một vở tuồng của Trung Quốc, nhất là trong thể loại Kinh Kịch.

1) Sanh (gọi đủ là Sanh Hạnh): Tức vai diễn viên nam, hóa trang vừa phải, không bôi đen mặt. Chia ra làm các loại Tu Sanh (hoặc Lão Sanh, tức vai nam trung niên, thường đeo râu dài hay râu ba chòm, năm chòm), Hồng Sanh (những vai kép đẹp, hào hùng, thường tô mặt đỏ nhưng không có vằn như vai Quan Công, Triệu Tử Long v.v...), Tiểu Sanh (những vai nam nho nhã, trẻ trung. Tiểu Sanh lại chia ra thành Linh Tử Sanh tức vai võ tướng đội mão có đuôi trĩ; Sa Mạo Sanh tức vai quan văn

trở thành bỏ gốc chạy theo ngọn, biến khéo thành vụng! Thuở nhỏ, Quang nghe người già kể trong làng của Quang vào ba bốn chục năm trước, chỗ nào cũng đều véo von [những ca khúc] Tạp Hý[87] *(tức là con em bình dân và những người làm ruộng, làm thợ v.v... hễ rảnh rang đều hát xướng),* nhưng chẳng hát tuồng Vũ Hý[88], còn những mặt khác đều giống như hát

---

thường đội mão Ô Sa; Phiến Tử Sanh tức văn nhân (do thường cầm quạt nên gọi như vậy); Cùng Sanh tức vai học trò nghèo….); Vũ Sanh (vai võ tướng, mặt đẹp, hào hoa, không có vẻ dữ dằn) như La Thông, Tiết Đinh San v.v...

2) Đán (gọi đủ là Hoa Đán): Tức các vai diễn của nữ (trước thời Dân Quốc, hầu như không có nữ diễn viên, những vai nữ đều do nam diễn viên đóng), chia thành Thanh Y (vai tỳ nữ, đầy tớ, phụ nữ bình dân; tuy thế, trong thể loại Côn Khúc, Thanh Y lại là đào thương), Hoa Đán (đào đẹp, hay đào thương, tức nữ diễn viên đóng vai tiểu thư, công chúa, vương phi, hoàng hậu, bà chủ, thôn nữ xinh đẹp… Trong thể loại Côn Khúc, Hoa Đán gọi là Tiểu Đán là vai nữ nhỏ tuổi), Vũ Đán (nữ tướng), Lão Đán (đào mụ, tức vai bà già, thái hậu) v.v…

3) Tịnh (gọi đủ là Tịnh Hạnh, hoặc Hoa Kiểm): Tức các vai nam bôi mặt đen hay đỏ với nhiều họa tiết kỳ quái nhằm diễn tả tánh cách anh hùng, chánh trực, mạnh mẽ, hào sảng, nhưng thô lỗ, hoặc những vai tướng cướp hay anh hùng hảo hán v.v… tức các vai diễn những nhân vật như Hạng Vũ, Trương Phi, Lý Quỳ, Đơn Hùng Tín, Uất Trì Cung v.v…

4) Sửu (gọi đủ là Sửu Hạnh) tức những vai hề, thường vẽ mặt với những nét hoạt kê, lại chia làm Văn Sửu (hề văn) và Vũ Sửu (hề võ).

Đến cuối đời Thanh, nghệ thuật tuồng còn tăng thêm một loại diễn viên nữa là Mạt, chuyên đảm nhiệm vai dẫn truyện (gần giống như người giữ vai Giáo Đầu trong tuồng chèo của ta).

Do không có chữ tương ứng để diễn tả ý nghĩa chữ Tịnh, chúng tôi phải tạm dịch Tịnh thành "kép nhọ" vì vai này thường bôi mặt đen thui, vằn vện.

[87] Tạp Hý là một loại nghệ thuật tuồng dân gian, gọi đủ là La Cổ Tạp Hý hoặc Não Cổ Tạp Hý, do nhạc đệm chủ yếu dùng bộ gõ (như thanh la, não bạt, trống, phách, mõ…) chứ không dùng đàn sáo nên gọi là La Cổ. Tạp Hý thường diễn tấu từ ngày Trùng Dương (mùng Chín tháng Chín Âm Lịch) trở đi. Kịch bản của tuồng thường là các mẫu chuyện lịch sử như Tam Quốc Chí, Thuyết Đường v.v… nhưng thường diễn để cúng thần, cúng hội đình chùa, hoặc khánh thành nhà mới. Trước khi diễn, ban hát thường đốt một đống lửa to, toàn thể diễn viên ra chào khán giả rồi mới diễn. Mỗi một vai diễn trước khi ra sân khấu thường có người hát giới thiệu trước.

[88] Vũ Hý còn gọi là Vũ Đả là một hình thức diễn xướng chú trọng biểu diễn những động tác của võ thuật theo tiếng nhạc, tuy có nội dung cốt chuyện hẳn hoi, nhưng phần diễn xướng và ca từ thì ít mà chú trọng nhiều vào kỹ thuật biểu diễn các thế võ sao cho thật đẹp mắt, linh hoạt, hoa mỹ. Thể loại này bắt đầu từ màn biểu diễn "đơn tiên đoạt sóc" (một chiếc roi cướp giáo) từ đời Nguyên, rồi phát triển thành những vở đặc biệt mô tả những màn giao đấu như Tam Anh Chiến Lã Bố (ba anh em Lưu Bị - Quan Vũ - Trương Phi đấu với Lã Bố), Quan Công Quá Lục Quan (Quan Công Vượt Sáu Ải) v.v...

tuồng. Hễ có ai mời hát [thì người mời] đều phải tự sắm sửa hết thảy rương tráp, trang phục, vật dụng, còn họ (tức người nhận lời đến hát) chỉ đi tay không tới. Lại còn phải có đầy đủ thiếp mời, dập dầu phụng thỉnh, vì [diễn viên] chẳng nhận tiền, được đãi đằng như khách. Rước đến, tiễn đi mọi người đều vui vẻ như vậy. Về sau, do mỗi lần diễn xướng Tạp Hý ắt bị hạn hán, từ đấy mới thôi! Đủ thấy viện lẽ giải trí [để tập tành hát xướng] chẳng thể không biến thành diễn tuồng thật sự!

Tình cảm của phàm phu bị xoay chuyển theo vật, đối với hình hài đất gỗ hễ trang sức đẹp đẽ liền sanh tâm tham nhiễm. Huống chi con em đang độ thơ ấu, hóa trang cho nó thành thân gái, tuy nói là đề cao giáo hóa, nhưng thật ra là dạy cho con em phạm lỗi khinh bạc! Huống chi muốn diễn xuất cho thật giống, nếu chẳng để hết tâm trí vào vai diễn thì làm sao có thể khiến cho người khác sướng mắt được?

Quang vốn là tăng nhân, sao lại hỏi đến chuyện giáo dục của người khác? Chỉ vì ông và tôi có duyên, chẳng thể không trọn hết lòng lo tính một phen. Chỉ nên giảng nói với chúng về đạo hành hiếu, hành đễ. Chứ nếu muốn cho chúng diễn tuồng thì khoan hãy nói đến tệ đoan, chỉ riêng chuyện uổng phí thời gian công sức đã kể sao cho xiết? Sĩ tử chuyên tập luyện cử nghiệp mà còn chưa thể chuyển hóa được khí chất [thành người tốt đẹp] nữa là! Mượn dịp vui chơi bèn dạy cho con đóng tuồng với ý định [nhờ vào tuồng tích để] chuyển hóa khí chất [của con cái] thì sợ rằng sẽ chuyển thành xấu thì nhiều, chứ ít có đứa nào sẽ chuyển biến thành tốt đẹp! Đừng mượn lời thánh nhân giảng về sự giải trí để khơi ra đầu mối khinh bạc cho con em.

Mấy năm trước có mấy chục đứa học sinh theo học nghệ thuật diễn xuất ở tại chùa Pháp Vũ, đêm nào cũng diễn tuồng, giáo viên ngồi một bên xem. Bọn chúng liền hóa trang thành hòa thượng đón tiếp khách [thập phương] đến dâng hương, quả thật là khinh nhục Tăng sĩ! Quang nghe chuyện, khôn ngăn đau tiếc! Đường đường là một nhà trường lại để cho học sinh làm chuyện vô ích ấy! Chẳng ngờ ông quy y Phật pháp, phát tâm vun bồi nhân tài mà cũng cực lực tán đồng chuyện đó! Cố nhiên, Quang chẳng sợ bị người khác chê là cố chấp, không thông hiểu, mà quả thật là vì không chịu được nên mới phải nói!

Đối với những trước tác của học sinh, nếu nhìn một cách thiển cận thì đâu có trở ngại gì, nhưng những kiểu ăn nói "vãi rắm ầm ĩ" v.v… rốt cuộc có ích gì đâu? Chỉ khiến cho kẻ sáng mắt đau lòng mà thôi! Dẫu giấy không mất tiền mua, cũng chớ nên in những lời lẽ bậy bạ ấy! Tri kiến của Quang như thế đấy, nếu chấp nhận là đúng thì hãy làm theo.

Nếu không, cũng nên coi như Quang ăn nói nhảm nhí, bỏ mặc đó. Ông tự thực hiện chương trình, quy củ giáo dục của ông, Quang nào dám buộc ông đừng làm!

Một ngàn đồng để in Văn Sao của Hùng Đại Minh sẽ in được hai ngàn bộ. Nghe nói đã gởi chín trăm bộ sang hai nơi là Thiểm (Thiểm Tây) và Biện (tức thành phố Khai Phong). Xin hãy hỏi thăm xem Đại Minh đã trở về đất Tần (Thiểm Tây) hay chưa? Nếu ông ta trở về đất Tần, tôi sẽ gởi hơn một ngàn bộ sang đấy để chia ra tặng cho người có tín tâm ở đất Tần. Xin hãy hồi âm ngay để tiện báo với Thượng Hải Thư Quán gởi sách. Đối với thời cuộc hiện nay, sợ rằng sẽ còn biến động lớn lao! Hãy nên bảo gia quyến và hết thảy những kẻ hữu duyên kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay niệm Phật và niệm Quán Thế Âm ngõ hầu gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên. Nếu không, hễ đao binh xảy tới thì nỗi thảm thương sẽ chẳng nỡ nào nói được đâu!

8. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba)

Đã nhận được thư viết trong tháng Sáu, do hành tung bất định nên chẳng trả lời. Tôi chỉ nhận được thư này mà thôi, những thư khác đều chưa nhận được. Hiện nay, cuộc chiến tàn sát bùng nổ, dân không lẽ sống; đang trong thời buổi này, cố nhiên hãy nên nhất tâm niệm Phật để cầu xuất ly cũng như khuyên nhủ người hữu duyên.

9. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết ông và người trong đất Tần đều nằm mộng. [Đang nhằm lúc] dân đất Tần không còn lẽ sống mà cứ muốn mở đạo tràng, hoằng dương pháp hóa, thỉnh pháp sư Đế Nhàn [sang đấy hoằng pháp], há Sư chịu được sự gian nan ấy hay chăng? Sao lại nói chẳng thể không khẩn khoản thỉnh cầu, dùng cách vòng vo ấy để làm gì? Vị sư X… *(người này quyết chớ nên thỉnh)* chỉ biết ăn nói lớn lối, trọn chẳng chân thật hành trì. Thỉnh loại pháp sư ấy đến hoằng pháp là muốn cho người khác học theo khuôn sáo ăn nói lớn lối, hay là muốn cho họ chân thật hành trì? Trước kia, Quang đã từng nói với ông, chắc là ông cho rằng tôi chèn ép bậc hiền triết chứ gì?

Nếu bảo Quang chỉ cho ông người nào [đáng thỉnh] thì Quang thường ở trên biển cả, trọn không một ai qua lại với Quang, biết ai là người phát Bồ Đề tâm muốn lợi khắp hết thảy mọi người đây? Chuyện

này quả thật là chuyện khó nhất trong những chuyện khó! Nếu cầu những Tăng sĩ chỉ biết ăn cơm, mặc áo thì quả thật là có, nhưng bọn họ vẫn chẳng muốn lên phương Bắc là nơi rét buốt để ăn cơm, mặc áo, huống hồ hoằng pháp lợi sanh ư? Hãy làm thế nào để chỉnh đốn Tăng sĩ cũng như Nho sĩ ở đất Tần khiến cho ai nấy đều y theo đạo của thánh nhân Nho - Thích mà hành. Than thở sườn sượt khôn xiết vậy thay! Sổ quyên góp và thư ngỏ đã gởi trả lại trong ngày hôm qua rồi.

10. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện

Nhận được thư, biết cư sĩ đạo niệm tinh thuần, thân yên, tâm vui, tôi an ủi lắm! Đối với chuyện [giới giáo dục đòi] biến chùa miếu ở Giang Tô [thành trường học], Quang đã sớm gởi thư cho hai ông Ngụy Mai Tôn và Vương Ấu Nông xin họ hãy xoay sở. Ông Ngụy cầm thư Quang đến gặp tỉnh trưởng họ Hàn và trưởng ty giáo dục họ Tưởng. May sao, ông Tưởng cũng thuộc giới Phật giáo [nên nói vun vào], ông Hàn liền chấp thuận bãi bỏ lệnh này. Ông Tưởng thương lượng với Ấu Nông, [gợi ý] nếu kiến nghị này không do các tùng lâm liên danh thưa trình thì sẽ không xong. Ấu Nông bèn lôi kéo hòa thượng Diệu Liên ở Quán Âm Am tại ngõ Dương Bì *(vị này rất có khí khái lão thành)*, cậy Sư liên lạc. Diệu Liên tới các nơi kêu gọi, các nơi đều co cụm chẳng dám ló đầu ra! Về sau, Sư nói chuyện với hòa thượng chùa Tỳ Lô, hòa thượng Tỳ Lô cực lực tán thành chuyện ấy. Sư Diệu Liên sang Vu Hồ thâu tô, đi ngang qua chỗ hòa thượng Tỳ Lô lại liên lạc, họ bèn ước định ngày Hai Mươi Bốn cùng nhau tới Kim Lăng (Nam Kinh) trình bẩm. Đơn thỉnh cầu ấy do Diệu Liên cậy bạn bè soạn thảo, được cụ Mai Tôn sửa chữa. Lại đưa cho ông Tưởng đọc qua trước.

Do thấy kỳ hạn còn sớm, Ấu Nông bèn đem văn bản ấy gởi cho Quang xem, nghĩ rằng chuyện này đã được bãi bỏ rồi. Ấu Nông *(nhận được văn bản ấy trước ngày Mười Lăm)* cho là chuyện này nhất định đã được giải quyết xong; nhưng [vẫn ngại] người trong hội Giáo Dục thế lực khá lớn, [nếu họ] ngấm ngầm âm mưu chắc sẽ gây ra chuyện đáng lo ngại, liền liên lạc với hai vị pháp sư Đế Nhàn và Đạo Nguyên, [xin họ] gởi thư cho bộ Nội Vụ để vĩnh viễn tránh được hậu họa. Quang nhận được thư [của Ấu Nông] liền gởi thư cho ngài Đế Nhàn. Tới bốn năm ngày sau mới nhận được thư báo rằng: "Bị bệnh, chẳng thể gắng gượng được". Trước đấy Quang đã gởi thư cho cư sĩ Trang Tư Giam, cậy ông ta đến Nam Kinh chạy vạy, trình báo rõ ràng cho bộ Nội Vụ. Chắc là chẳng đến

nỗi vì sức Quang kém hèn mà sự việc bị vùi lấp vậy! *(Cư sĩ La Sưởng Sinh tới núi cho biết Tư Giam sang đất Hàng sắp trở về kinh đô, cùng đi với ông ta. Tới Nam Kinh phải ở lại một ngày; vì thế Quang liền gởi thư cho ông Trang. Ngày Mười Chín, ông La xuống núi, ước chừng hôm Hai Mươi Bốn thì Tư Giam đã đến Nam Kinh rồi)*

11. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai)

Nhận được thư biết ông đã lành bệnh, an ủi lắm! Chuyện Giang Tô hoàn toàn do công sức của ba vị [Ngụy] Mai Tôn, [Tưởng] Trúc Trang, [Vương] Ấu Nông, nhưng cư sĩ Trang Tư Giam lại có mặt đúng lúc. [Thế là] Quang gởi thư cậy ông ta gặp tỉnh trưởng để trình bày rõ ràng, vì thế sự việc được hoàn toàn giải quyết xong. Nếu bảo là công của Quang thì chẳng qua chỉ là gởi thư cho các vị ấy cậy họ xoay sở mà thôi, nào đáng để nhắc đến? Nếu coi đó là công, tức là đã mạo nhận công của người khác làm công của chính mình vậy!

Lệnh thích[89] chôn con, chết cháu, ước theo mặt tình cảm con người thì cũng chẳng thể nào không cảm động, nhưng bi thương đến nỗi gần như điên cuồng tức là chỉ biết có con có cháu, chẳng màng tới cái thân! Sao lại mê chấp đến mức như thế ấy? Thử nghĩ: Con cháu chịu ơn tổ phụ, dẫu tan xương nát thân cũng chẳng thể báo đáp được; nhưng con cháu khi phải chôn tổ phụ có đau đớn như cuồng hay chăng? Nếu là hạng con cháu biết luân lý thì cũng buồn bã đôi chút, bày ra nghi lễ đại lược thì vẫn còn có thể khiến cho vong linh của tổ phụ được an ủi, vui sướng. Chứ nếu là hạng con cháu từ nhỏ đã quen thói kiêu căng, phóng túng, tà vạy, xa xỉ thì sáng chiều chỉ mong cho tổ phụ chóng chết hòng được tùy ý chơi bời, cờ bạc, tiêu dao, không ai quản thúc! Nếu tổ phụ chết thật, ắt trong tâm chúng nó sẽ hoan hỷ chẳng thể dùng ngôn ngữ nào để hình dung được! Từ đấy, chúng nó sẽ dùng hết gia nghiệp do tổ phụ tận lực duy trì để tạo những ác nghiệp địa ngục cực nặng; còn đối với chuyện vun bồi đức, tu phước thì bỏ ra một đồng sẽ giống hệt như phải cắt thịt trên thân của chính mình, thà chết cũng không chịu bỏ ra! Do vậy, hạng chôn vùi thanh danh của tổ phụ, gây nhục cho tổ phụ đến trăm ngàn đời đông lắm! Trong mắt ông, cha, loại con cháu ấy cố nhiên vẫn được nâng niu như châu báu! Xét tới nguyên nhân, nói chung là do quá coi trọng cái tâm của chính mình, chẳng biết tới lý rộng lớn sâu xa mà ra! Chẳng đáng buồn sao!

---

[89] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng người bề trên về bên ngoại của kẻ khác.

Xưa kia, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) coi người khác như chính mình, coi kẻ sơ hệt như người thân, coi thiên hạ là một nhà, coi cả Trung Quốc như một người. Vì thế, từ đầu đời Tống cho đến cuối đời Thanh, trọn một ngàn năm, con cháu đỗ đạt chẳng dứt. Họ Bành ở Trường Châu tận lực làm lành, từ đầu đời Thanh đến nay, đỗ đạt đứng đầu thiên hạ; nhà ấy có bốn năm vị Trạng Nguyên, anh em ruột thịt cùng đỗ Tam Đỉnh Giáp[90]. Do họ đời đời thờ Phật, phụng hành Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, sẵn chí muốn tạo lợi lạc cho người khác lâu dài nên trời ban cho sự báo ứng sâu dầy lâu dài.

Nếu lệnh thích là người thông hiểu, sẽ tự thẹn đức bạc cho nên gặp phải quả báo ấy. Từ đấy, nỗ lực tích đức để mong trời thương xót ta thì con quế cháu lan sẽ tiếp nối nhau sanh ra. Hiện thời thế đạo nhân tâm chìm đắm tới tột cùng! Thiên tai nhân họa cũng lắm phen đến mức tột cùng. Nếu lưu truyền những thiện thư có ích cho thế đạo nhân tâm để mong [ai nấy] cùng lên bờ giác, hoặc cứu vớt những người dân cùng quẫn đang mắc nạn lũ lụt, bão tố, để mong họ được sống sót trong cảnh chết chóc; so với để lại tài sản cho con cháu ăn nhậu, chơi bời, cờ bạc, khiến cho kẻ khác thóa mạ, thì sao bằng chính mình làm chuyện cứu người, cứu đời để vun bồi phước cho chính mình trong đời sau ngõ hầu con cháu sẽ được thọ dụng tới trăm ngàn đời ư? Trong mùa Hạ này, tai ương bão tố thê thảm nhất! Trong hai mươi huyện thuộc quyền quản hạt của đạo Cối Kê[91] có đến mười tám huyện báo cáo gặp nạn bão. Trong ngày mồng Mười tháng Tám, Đài Châu lại bị lụt lớn. Có chỗ nhà dân bị ngập sâu dưới mấy thước nước. Những chỗ gần sông đều ngập nước, thuyền bơi được trên cầu, tình trạng thê thảm chắc cứ tưởng tượng sẽ hình dung được.

Đạo Doãn Hoàng Hàm Chi tên là Khánh Lan, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, ăn chay trường, niệm Phật. Năm trước, Đài Châu bị tai nạn, ông ta đã quyên mộ cứu chẩn rộng rãi. Năm nay tai nạn càng nghiêm trọng hơn, do quyên mộ khó khăn, dân chúng bị tai nạn thật đáng thương, [ông Hoàng] tính muốn đốt ngón tay để lo cứu trợ, chắc sẽ cảm động được lòng người. Cứu được một người, công đức vô lượng, huống là

---

[90] Tam Đỉnh Giáp là ba vị Tiến Sĩ đỗ đầu khoa thi Đình, tức Trạng Nguyên, Bảng Nhãn và Thám Hoa.

[91] Theo quy chế đời Thanh, một Tỉnh được chia thành nhiều Phủ. Mỗi Phủ sẽ gồm nhiều Đạo (gồm nhiều huyện). Chức quan đứng đầu một Đạo gọi là Đạo Đài hay Đạo Doãn. Thời Dân Quốc, Ninh Thiệu (Ninh Ba - Thiệu Hưng) Đạo đặt trụ sở của quan Đạo Doãn tại Cối Kê, nên Ninh Thiệu Đạo còn gọi là Cối Kê Đạo.

nhiều người ư? Nay ông ta bảo Quang đứng ra quyên mộ thay, Quang tự thẹn đức bạc, ai chịu nghe lời mình nói? Nhân nỗi lo buồn của lệnh thích khiến Quang động lòng trắc ẩn, [Quang cho rằng] nếu ông ta xót thương con cháu bị chết yểu giữa độ tuổi trung niên, hãy vì họ mà lo liệu chuyện cứu tế [dân chúng đang bị tai nạn] nhằm cầu siêu cho linh hồn họ, vun bồi phước đức cho chính mình, tạo duyên chiêu cảm con lan cháu quế, hoặc cầu siêu cho cha mẹ, tổ tông, họ hàng, hoặc cầu cửa nhà bình yên. Chỉ cần xuất phát từ lòng Thành thì trọn không một ai chẳng được phước báo.

Con người hiện thời phần nhiều mượn chuyện công để lo chuyện tư, vì thế người ta khó tin tưởng được! Nếu luận về tư cách làm người của ông Hoàng Hàm Chi thì có thể nói là trong số các trưởng quan [hiện thời] không có được đôi ba người như ông ta! Ở Ninh Ba, mỗi năm ông ta thí thuốc hơn hai vạn đồng, huống là thí tặng thiện thư và làm đủ thứ chuyện tốt lành ư? Ông ta làm quan chỉ đem tiền của trong nhà bù đắp [cho chuyện công ích], chứ không phải là phường bóc lột dân chúng, gây hại cho nước nhà nhằm vinh thân phì gia! Ông Trương Thụy Tằng là bạn thí tặng thiện thư của ông ta. Thụy Tằng lập một cơ sở cho kẻ bình dân vay tiền tại Dương Châu *(không cần trả tiền lời, chỉ cần trả đủ vốn),* gởi thư xin Hàm Chi thành lập [một cơ sở giống như vậy] tại Ninh Ba. Hàm Chi liền thành lập ngay. [Nhờ vậy], phàm những người buôn bán nhỏ không có tiền vốn đều không phải lo nghĩ nữa. Chỉ qua một chuyện này đã biết được đại khái. Trong số những người bản thân các hạ quen biết có rất nhiều nhà giàu có. Như các ông Trương, Hoàng v.v… sanh trưởng trong nhà phú quý, cố nhiên chẳng biết đến nỗi khổ vì bần cùng [mà vẫn làm những chuyện cứu tế rộng rãi].

Nếu chịu phát tâm vì khắp mọi đứa con của trời đất mà hành cứu tế, cố nhiên sẽ chẳng có những chuyện gia đình bất hạnh, chôn con, chết cháu, con cháu bại hoại thanh danh gia đình khiến tổ phụ phải ngậm hờn nơi chín suối! Nếu chịu phát tâm, hãy giao trực tiếp cho Đạo Doãn Hoàng Hàm Chi ở dinh thự quan Đạo Doãn Ninh Ba thâu nhận. Cố nhiên Quang trọn chẳng nhúng tay vào. Quang nghèo không tấc đất cắm dùi. Trong năm trước đã hai lần đem món tiền in Văn Sao là năm trăm đồng để cứu đói; năm ngoái cũng quyên tặng mấy chỗ một trăm đồng. Mùa Hạ năm nay lại đem khoản tiền một trăm đồng do bạn bè tặng để in Văn Sao gởi cho Hoàng Đạo Doãn nhằm cứu trợ tai nạn. Dùng tiền của người khác để giãi bày tấm lòng của tôi mà thôi!

12. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ ba)

Nhằm tiết Trung Thu khí trời trong mát, nghĩ vầng trăng tròn vành vạnh trong tâm cư sĩ cũng giống như vầng trăng trên bầu trời, rạng ngời, trong trẻo, không cảnh nào chẳng chiếu, vui mừng an ủi lắm. Chuyện [hội giáo dục] mưu chiếm đoạt chùa miếu ở Giang Tô bị dẹp tan. Trong chuyện này Ngụy Mai Tôn dốc sức xoay xở rất nhiều, nhưng Vương Ấu Nông cũng khá phí tâm lực, nhưng chỗ hay nhất vẫn là nhờ ông Tưởng Trúc Trang chỉ vẽ.

13. Lược truyện hòa thượng Pháp Tràng

Sư húy Hành Xí, hiệu Pháp Tràng, biệt hiệu Nhị Tuyết. Nhà ở Chương An, họ Lâm, vốn có tên là Tăng Chí, tên tự là Khả Nhậm. Tổ tiên vốn là tiến sĩ Chánh Trọng Công đời Tống, suốt mười lăm đời đều nối dòng văn học. Chiêu Công – vị từng được ban tặng tước hiệu Đông Các Đại Học Sĩ – chính là cha của Sư. Sư chưa đầy tuổi khỏi địu, Chiêu Công đã khuất núi. Sư bẩm tánh hiếu hữu, ham học. Năm mười sáu tuổi vào trường học. Năm hai mươi ba tuổi, tức năm Ất Mão (1615), đỗ kỳ thi Hương, tới đọc sách tại chùa Hưng Thiện, làm bạn với các thiền tăng, tin pháp xuất thế. Năm hai mươi bảy tuổi, mẹ của Sư được vua khen thưởng sự thủ tiết và hiếu thuận, phong tặng tước hiệu Phu Nhân. Giang Thị (mẹ Sư) mất, Sư đau buồn chẳng thiết sống, nghĩ nhờ vào Phật pháp để báo đáp ân cù lao, nhân đó thỉnh các pháp bảo để tụng. Như đã tập quen từ đời trước, từ đấy Sư làm những chuyện tốt lành như phóng sanh, chôn vùi hài cốt [bị bộc lộ] v.v…

Năm ba mươi ba tuổi, Sư chuyển sang sống ở chùa Mật Ấn núi Đầu Đà, đây chính là đạo tràng Nhất Túc Giác (một đêm giác ngộ) đời Đường. Hằng ngày, Sư qua lại học tập nghiên cứu với Thọ Nghiệp Sư là Tăng Ma Mã Sính Quân, càng biết rõ có chuyện hướng thượng. Tăng Ma từng gặp thiền sư Bác Sơn Vô Dị[92]. Ngôi điện cũ trong chùa nghiêng

[92] Vô Dị Nguyên Lai thiền sư (1575-1630) là cao tăng thuộc tông Tào Động sống vào đời Minh. Sư còn có hiệu là Đại Nghĩ, pháp tự Vô Dị, thường được gọi là Bác Sơn Thiền Sư. Năm mười lăm tuổi, Sư triều lễ núi Ngũ Đài, tham phỏng ngài Vô Minh Huệ Kinh chùa Bảo Phương, đọc Cảnh Đức Truyền Đăng Lục liền tỉnh ngộ. Vì thế bèn theo ngài Huệ Kinh đến Ngọc Sơn, được ấn khả. Năm Vạn Lịch 30 (1602), Sư ẩn cư tại Bách Sơn ở Tín Châu (nay thuộc huyện Quảng Phong, Giang Tây). Năm Thiên Khải thứ bảy (1627) chuyển sang Cổ Sơn, đồ chúng theo học cả ngàn người.

ngả, khéo sao có khu sơn trại trên mạch núi gần đó, Sư bèn đẵn sạch cây cỏ, [khiến nó] quang đãng như mới dựng. Ngay trong lúc ấy, Sư đã có ý sửa chữa, tạo dựng [chùa Mật Ấn]. Sư đỗ Tiến Sĩ năm Mậu Thìn (1628) lúc ba mươi lăm tuổi. Những người đậu cao được chọn nhiệm sở đầu tiên. Thoạt đầu, Sư bói cỏ Thi, chọn làm huyện lệnh Bồ Kỳ thuộc đất Sở (Hồ Bắc). Ngự Sử Hoàng Tông Xương do thấy Tăng Ma khắc in cuốn Tông Môn Tam Quan Ngữ liền hỏi Sư:

- Trong nhà Nho cũng có tam quan ư?

Sư nói: - Có!

Hỏi: - Sơ quan (cửa đầu tiên) là gì?

Sư đáp: *"Bất tri vi bất tri, thị tri dã"*[93] (Không biết nói là không biết, đấy chính là biết vậy).

- Nhị quan?

Sư đáp: -*"Ngô hữu tri hồ tai! Vô tri dã"* (Ta có biết chi đâu, chẳng biết gì cả)[94].

- Tam quan?

Sư đáp: *"Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử dã, thị Khâu dã"*[95] (Ta không làm điều gì mà chẳng để cho hai ba người các anh được biết, Khâu làm người như vậy đấy).

Ông Hoàng vỡ lẽ, trở thành bạn rất thân với Sư. Sư từng ở nơi công quán, khi đụng đến cái bô đi tiểu liền có chỗ tỉnh ngộ, bèn viết kệ rằng:

Kỳ tai! Đẳng nịch khí,

Thông thân hắc tất tất,

Sư mất năm Sùng Trinh thứ ba (1621) tại chùa Thiên Giới ở Kim Lăng. Môn nhân dựng tháp ở Bác Sơn và chôn y bát ở ngọn Hương Lô. Sư chuyên đề xướng tông chỉ Thiền Tịnh Bất Nhị. Những lời dạy của Sư được chép thành Vô Dị Thiền Sư Quảng Lục (35 quyển).

[93] Đây là một câu Khổng Tử dạy Tử Lộ được chép trong thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ. Khổng Tử dạy Trọng Do (Tử Lộ): *"Do, hối nhữ, tri chi hồ? Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã"* (Này Trọng Do! Ta dạy ông, "biết" là như thế nào? Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, đấy chính là biết vậy). Theo Châu Hy, Trọng Do tính tình bộp chộp, dễ có hành động quá khích trong khi làm quan nên Khổng Tử mới dạy như thế

[94] Đây là một câu nói trích từ thiên Tử Hãn sách Luận Ngữ.

[95] Đây là một câu nói trích từ thiên Thuật Nhi sách Luận Ngữ: *"Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hồ? Ngô vô ẩn hồ nhĩ. Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả, thị Khâu dã"* (Hai ba người các anh cho rằng ta có điều gì giấu diếm chăng? Ta không có gì dấu giếm các anh cả. Ta không làm gì mà chẳng để cho hai ba người các anh được biết, Khâu là như vậy đó). Chúng tôi dịch những câu nói này theo cách giải thích của sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

Đẩu nhiên khám phá thời,
Tuyết tiêu địa thượng thấp.
(Lạ thay! Cái bô tre,
Toàn thân sơn đen kịt,
Bỗng nhiên khi nhận biết,
Tuyết tan, đất ướt đầm)

Trong khi cai trị, Sư dùng đức để giáo hóa trước tiên, chí thành cảm động lòng trời, cảm được mưa ngọt mấy lần giáng xuống. Quan Tuần Án là Tống Hiền lấy làm lạ, nhân dịp sang chúc mừng tướng công Đại Tể Lý Trường Canh được vua gọi vào chầu, bèn cùng dâng sớ tâu lên. Vua liền truyền chỉ những người đảm nhận chức vụ Khoa Đạo[96] không nhất thiết phải tuyển từ người đỗ đạt, mà trước hết phải chọn từ những người được đề cử để sung vào chức vụ ấy. Khi đó, mọi người đều cùng bàn tán: "Mai sau, chắc Bồ Kỳ sẽ là nơi cử hành điển lễ [thăng chức] long trọng ấy". Do vậy mới có tác phẩm Sở Bồ Ký Thụy (ghi chép về chuyện tốt lành ở Bồ Kỳ trong đất Sở) được khắc.

Dân đất Bồ lập Cam Lộ Sanh Từ[97]. Hai lần Sư tổ chức thi Hội ở đất Sở, lập Trung Ẩn Viên trong dinh thự để giảng sách cho học trò vào mồng Một, ngày Rằm. Các sanh đồ[98] thuộc những ấp lân cận kéo đến nghe đông như họp chợ. Khi ấy, Sư có cho khắc cuốn Giảng Học Pháp Vũ. Khi mãn nhiệm kỳ [làm huyện lệnh tại đất Bồ], Sư được chọn giữ chức Hàn Lâm Biên Tu[99]. Gặp dịp Đông Cung (Thái Tử) được vua cho

---

[96] Khoa Đạo: Theo quy chế thời Minh - Thanh, Đô Sát Viện, Giám Sát Ngự Sử, hoặc các quan Đạo Doãn thuộc các Đạo đều được gọi chung là Khoa Đạo.

[97] Sanh Từ là lập đền thờ khi còn sống với ý nghĩa tỏ lòng biết ơn sâu đậm. Dân Bồ Kỳ cảm tạ sư Pháp Tràng đã cầu được mưa ngọt nhiều lần trong khi hạn hán nên lập đền thờ sống, đặt tên là Cam Lộ.

[98] Sanh Đồ là những người sẽ được đi dự thi Hội. Theo quy chế vào thời Minh Thanh, những người dự thi Thường Khảo (những khoa thi mở theo thông lệ) được chia thành hai loại Sanh Đồ và Hương Cống. Sanh Đồ là những người học từ trong các trường học do triều đình thiết lập ở kinh đô hoặc các châu, huyện, đã đậu kỳ sơ khảo tại trường, được ghi danh đưa lên Thượng Thư Tỉnh để dự thi Hội. Còn những người không học ở các trường do triều đình thiết lập, nhưng đã đỗ kỳ thi Hương, cũng được địa phương trình tấu lên Thượng Thư Tỉnh để dự thi Hội thì gọi là Hương Cống.

[99] Hàm Lâm Biên Tu là một chức quan vào thời Thanh Minh trên danh nghĩa có nhiệm vụ soạn thảo văn từ, chiếu chỉ cho hoàng đế, đồng thời biên soạn, chỉnh lý kinh sách v.v… Nhưng thực ra, chức quan Hàn Lâm Biên Tu được lập ra với mục đích tạo cơ hội cho người giữ chức vụ này được bồi dưỡng, huấn luyện bởi các vị hiền thần lão thành trong quá trình làm việc nhằm trở thành nhân tài chủ yếu cho đất

ra lập dinh thự riêng, vua bèn chọn Sư làm giảng độc (thầy dạy học) [cho Thái Tử], Sư bèn nhận chức. Sư luôn lo cho dân cho nước, lòng tha thiết mong làm lợi cho dân chúng[100]. Sư trông coi tấu chương của cả sáu bộ, chiếu, đối, ghi chú những bản cáo, sắc[101], soạn văn, biên tập tu chỉnh bộ Hội Điển Lục Tử Cách Ngôn, nhận chức Kinh Diên Giảng Quan[102], rồi chuyển thành Hữu Trung Doãn[103] của Hữu Xuân Phường thuộc Chiêm

---

nước, cũng như có đủ học vấn tư cách để làm thầy dạy cho các hoàng tử hoặc con các vị đại thần, vương công về sau.

[100] Nguyên văn *"tiến Dịch Sư Quái giảng chương, quyền thiết thượng hào"* (noi theo những điều được giảng dạy trong quẻ Sư Quái của kinh Dịch, lòng luôn tha thiết nơi hào Thượng trong quẻ ấy). Sư Quái là một quẻ kép trong kinh Dịch, dưới là quẻ Khôn (đất), trên là quẻ Khảm (tượng trưng cho nước). Phần Tượng Truyện của quẻ Sư Quái giảng: *"Địa trung hữu thủy, Sư; quân tử dĩ dung dân, súc chúng"* (Trong đất có nước là ý nghĩa của quẻ Sư. Quân tử bao dung dân chúng, làm cho mọi người được yên ổn, giàu vui). Phần chú giải của Khang Thiệu Tiết cho biết ý nghĩa của quẻ Sư Quái là bậc quân tử phỏng theo tánh chất của đất và nước, vững chắc, bao dung trăm họ, chăm lo cho cuộc sống của mọi người. Do hào Thượng của Sư Quái thuộc về quẻ Khảm là nước, nước có tính thấm nhuần và gột sạch chất bẩn, nên nói *"lòng tha thiết nơi hào Thượng",* ngụ ý luôn chăm lo cho người dân được sống yên vui, giàu mạnh, cai trị dân bằng sự bao dung, khiến cho lòng người hiền thiện, an vui. Do vậy chúng tôi tạm dịch câu *"tiến Dịch Sư Quái giảng chương, quyền thiết thượng hào"* thành "luôn lo cho dân cho nước, lòng tha thiết mong làm lợi cho dân chúng".

[101] Chiếu: Văn thư truyền lệnh do vua ban xuống cho các quan hay dân chúng. Nếu có tính cách hạn hẹp hơn, chỉ phổ biến cho các quan thuộc Nội Các hoặc Quân Cơ đại thần thì thường gọi là Thượng Dụ.

Đối (gọi đủ là Chiếu Đối): Sớ tâu trình ý kiến của các quan sau khi vua ban chiếu hỏi ý kiến hoặc ban bố mệnh lệnh.

Cáo và Sắc là những văn thư của vua nhằm tuyên bố những quyết định khen thưởng, chỉ thị hoặc răn bảo, nhưng Sắc thường được dùng để chỉ những văn bản quyết định khen thưởng, phong tặng do vua ban xuống.

[102] Nhiệm vụ chủ yếu của Kinh Diên Giảng Quan là dạy Thái Tử học hoặc giảng giải những điển tích khó trong khi Thái Tử đọc văn kiện, tấu chương. Đôi khi vị này còn kiêm nhiệm vai trò cố vấn cho Thái Tử.

[103] Trung Doãn là một chức quan giữ nhiệm vụ xử lý những công việc quản trị hành chánh (giống như chức Chánh Văn Phòng hoặc Đổng Lý Văn Phòng hiện thời) trong phủ Thái Tử (Chiêm Sự Phủ). Trong Chiêm Sự Phủ có lập ra các phân viện Hữu Xuân Phường và Tả Xuân Phường (dưới thời Minh, Xuân Phường là một cơ cấu giống như viện Hàn Lâm của Thái Tử, bao gồm các cố vấn, nhân tài để giúp cho Thái Tử tập sự cai trị, điều hành đất nước sau này, đứng đầu là chức Thứ Tử). Dưới chức Tả Xuân Phường Tả Thứ Tử lập ra chức Trung Doãn, dưới chức Hữu Xuân Phường Hữu Thứ Tử lập ra chức Trung Xá Nhân, nhưng từ cuối từ đời Minh trở đi đều gọi là Trung Doãn hết, không còn danh xưng Trung Xá Nhân nữa!

Sự Phủ Hữu kiêm Thị Độc Học Sĩ[104]. Rồi lại được thăng lên trông coi Thiếu Chiêm Sự Phân Hiệu. Năm Quý Mùi (1643), Sư làm Chủ Khảo kỳ thi Hội.

Năm Giáp Thân (1644), giặc Lý Tự Thành xâm phạm cung khuyết, Sư gặp phải quốc nạn, bị tra khảo tàn khốc gần chết, vẫn giữ tiết tháo chống giặc không khuất phục. Quân giặc bị [quân Thanh vượt quan ải vào Trung Nguyên đánh] bại, bèn xôn xao rút về phương Nam. Khi ấy hậu duệ của nhà Minh là Long Vũ[105] dấy lên ở đất Mân (Phước Kiến); kiên quyết giao cho Sư giữ chức Nội Các Đại Học Sĩ. Đến khi Long Vũ Đế [bị quân Thanh truy kích] phải chạy sang đất Việt (Quảng Đông), Sư biết "theo mạng trời khí số nhà Minh đã hết", liền xin xuống tóc với vị kỳ túc[106] ở Lã Phong là Quá Tuân. Khi ấy, nhằm tháng mùa Đông năm Bính Tuất (1646), Sư tròn năm mươi bốn tuổi.

Khi nhà Đại Thanh thống nhất sơn hà, trưng dụng những bậc di lão[107] trong thiên hạ, riêng mình Sư không tuân chiếu. Nhà chức trách ép Sư ra cộng tác, Sư toan tự sát. Ngài Quá Tuân nói: "Ông đọc sách nhưng không hiểu được đạo. Đang trong lúc nước nhà tan vỡ, quân Thanh noi theo điều nghĩa vào quan ải, đánh một trận dẹp tan giặc [Sấm Vương Lý Tự Thành], báo thù cho các vị hoàng đế [nhà Minh], quả thật có đức đối với nhà Đại Minh. Nếu ông chủ trương trung thần chẳng thờ hai họ, toan học theo chí của Sào Do[108], chưa chắc đã không được [triều đình] chấp

---

[104] Thị Độc Học Sĩ là chức được thiết lập vào thời Minh - Thanh, ngạch trật từ Nhất Phẩm đến Tứ Phẩm, đứng đầu viện Hàn Lâm, thường giữ nhiệm vụ tổng toản tu (Chief Editor) các công trình biên soạn sử liệu hoặc học thuật.

[105] Long Vũ là niên hiệu của Minh Thiệu Tông (1602-1646). Minh Thiệu Tông tên thật là Châu Duật Kiên, là cháu nội của Đường Vương Châu Thạc Hoảng (hậu duệ của người con thứ 23 của Minh Thái Tổ Châu Nguyên Chương) được các di thần nhà Minh đưa lên ngôi vua năm 1645 với hy vọng khôi phục giang sơn nhà Minh. Vua lên ngôi chỉ được một năm, quân Thanh đã đánh tới Phước Kiến, phải chạy sang Quảng Đông. Bị quân Thanh truy kích tới cùng, thế cùng lực kiệt, vua bị bắt, bèn tuyệt thực chết, thọ 44 tuổi. Do Châu Duật Kiên không phải là con cháu trực hệ của vua Sùng Trinh nên Tổ dùng chữ *"Minh phiên*" (phên giậu nhà Minh) để chỉ vua Long Vũ. Chúng tôi chỉ dịch gọn là "hậu duệ".

[106] Bậc tôn túc tuổi cao đức trọng.

[107] Di lão: Quan lại của triều đại trước.

[108] Sào Do: Chính là Sào Phụ (thường bị đọc trại thành Sào Phủ) và Hứa Do, hai vị ẩn sĩ thời vua Nghiêu. Theo bài Bá Di Liệt Truyện trong bộ Sử Ký thì vua Nghiêu mời Sào Do đến để bàn chuyện nhường thiên hạ cho Hứa Do, Hứa Do không nhận bèn lẩn trốn, ra sông rửa tai, ngụ ý không để tai mình bị nhiễm bẩn bởi danh lợi. Khi ấy có Sào Phụ dẫn trâu ra sông uống nước, thấy vậy, hỏi nguyên do, nghe xong liền

thuận". Sư nghe vậy bèn mặc tăng phục đến gặp; quả nhiên được toại nguyện. Từ đấy, thiết tha dùi mài, dốc lòng nghiên cứu đại sự sanh tử. Một đêm nghe tiếng chuông, chướng ngại liền tan ngay, có kệ rằng:

Thử dạ chung thanh khắp dị thường,
Nhất chùy đả phá xú bì nang,
Bách đơn bát hạ như lôi hống,
Tình dữ vô tình hà xứ tàng?
(Chuông gióng đêm nay thật lạ kỳ,
Một dùi đập nát đãy da hôi,
Trăm tám tiếng rền như sấm động,
Tình với vô tình ẩn chốn nao?)

Liền trở về chùa Mật Ấn để tròn nguyện xưa, tu bổ Tổ Đình, gặp nhiều chuyện cảm ứng huyền diệu đã được chép đầy đủ trong bi ký trung hưng. Sư vốn chuyên chú nơi đạo Thiền, thường có chỗ ngộ, nhưng chưa dám chắc bèn thiết tha, kính mộ tham bái khắp các vị thiện tri thức. Ngẫu nhiên Dư Khổng Khiêm ở Côn Dương tham bái với Tuyết Đậu Vân hòa thượng trở về, thuật lại lời của Tuyết Đậu như sau: *"Pháp Tràng thiền giả nếu muốn tham phỏng các phương, chắc chỉ có Phí huynh*[109] *của ta là kham nổi!"* Sư nghe xong, thưa: *"Đúng là lời của bậc thiện tri thức, tôi đã có ý muốn đến gặp Tuyết Đậu".* Liền qua núi Tứ Minh yết kiến Tuyết Đậu. Lễ bái xong, Tuyết Đậu nói: *"Nếu như lão tăng không còn thì lễ bái là đúng, hay không lễ bái là đúng?"* Sư toan thưa bày, Tuyết Đậu hét lên một tiếng thị oai. Sư bất giác mướt mồ hôi, ngay lập tức thấy được chỗ dụng ý của Tuyết Đậu.

Đến tối, Tuyết Đậu đột ngột giơ nắm đấm, hỏi: *"Cái gì sanh?"* Sư thưa: *"Lấy hai miếng da ghép lại!"* Tuyết Đậu lại giơ nắm đấm, Sư nói: *"Hễ tái phạm sẽ chẳng dung".* Tuyết Đậu úp bàn tay, Sư nói: *"Chẳng để hòa thượng khinh mạn!"* Ngày hôm sau, Tuyết Đậu khai thị trong giờ tọa hương, nói: *"Ta có một bài thiền kệ dạy cho Sư".* Sư nói: *"Ở chỗ này chẳng tiêu mối nghi được!"* Tuyết Đậu nói: *"Rốt cuộc để làm gì?"* Sư bước ra lễ ba lạy, lui ra, liền trình kệ rằng:

Thuấn mục đương cơ hoán thoại đầu,
Hà như chỉ dụng lão quyền thù,

---

chê: *"Nếu ông ở trong núi cao, hang sâu, ai biết đến ông? Ai thấy được ông. Ông hời hợt, vẫn muốn được người người khác nghe tiếng, cầu cạnh đấy chứ! Uống nước này chỉ bẩn miệng trâu ta"* rồi dắt trâu lên thượng nguồn cho uống.

[109] Tức ngài Phí Ẩn Dung, một vị thiền đức nổi tiếng thời ấy.

Tổ thiền hội đắc hưu khinh tín,
Nhất diệp sơ phi biến giới thu.
(Chớp mắt đương cơ, đổi thoại đầu,
Sao bằng nắm đấm dạy cho nhau?
Tổ thiền hiểu được, đừng tin vội,
Một lá vàng bay khắp cõi thu)

Một bữa uống trà xong, nói đến mọi chuyện phải đảm đương, Tuyết Đậu tặng cho Sư tấm biển *"chân giác tái lai"*, nói: *"Thượng tọa còn gánh vác được hay chăng?"* Sư nói: *"Chẳng phải là tay giỏi gánh vác!"* Tuyết Đậu nói: *"Cổ nhân hễ biết là chuyện quẩn quanh liền ngừng sai bảo làm gì nữa!"* Sư nói: *"Tận lực nói không ra, Tuyết Đậu đừng ra!"* Sư trở về Vũ Lâm, Tuyết Đậu có bài kệ tiễn đưa như sau:

Nhũ Phong cang lưỡng nguyệt,
Độc bộ khứ Tiền Đường
Nhất cú siêu phương ngoại,
Toàn cơ tuyệt phú tàng.
Lâm Tế chánh pháp nhãn,
Diệt khước hạt lư bàng,
Chỉ giả phá sa bồn,
Đãi tương vi cử dương,
(Nhũ Phong vừa hai tháng,
Một mình qua Tiền Đường,
Một câu vượt ngoài cõi,
Cơ phong hết giấu che,
Lâm Tế chánh pháp nhãn,
Diệt sạch lũ lừa mù,
Chỉ là phá chậu cát,
Hãy đợi người thốt lời)

Đến núi Thánh Quả, tảo mộ Mã cư sĩ (tức cư sĩ Tăng Ma Mã Sính Quân), ấy là vì Sư chẳng quên nguồn gốc. Tham yết khắp các phương, trở về chỗ Tuyết Đậu thọ Cụ Túc Giới, quản lý nhà kho. Một bữa, Tuyết Đậu xuống nơi ấy, bỗng dưng đánh cho Sư một gậy bảo: *"Nói ngay!"* Sư thưa: *"Khoét thịt thành ghẻ"*. Tuyết Đậu nói: *"Mới chỉ nói được một nửa"*, Sư nói: *"Ngay cả một nửa cũng chẳng tiêu được"*. Từ đấy, đầu mũi tên ghim chắc[110], không còn sơ sót, rơi rớt chỗ nào; người ghi chép chẳng thể thuật hết. Mùa Xuân năm Quý Tỵ (1653), Sư từ biệt trở về

[110] Ý nói đối đáp những câu hỏi về thiền cơ nhanh nhạy, đúng ý với người hỏi, không sai sót chút nào!

Đông Âu. Tuyết Đậu viết thật to vào đầu cuốn sách: *"Thân khiết lão quyền"* (Đích thân ăn phải nắm đấm già), dặn dò bằng bài kệ:

Biệt ngã xuân phong lý,
Lâm hành nhất cú thân,
Trượng đầu tuyên đại ý,
Túc để bát phương trần.
Vãng phục nãi vô sự,
Tung hoành dĩ tuyệt luân,
Đáo gia nghiêm diện mục,
Sở dĩ tiếp gia tân.
(Giã từ trong gió Xuân,
Dặn một lời ân cần,
Đầu trượng tuyên đại ý
Gót chân dạo cõi trần,
Qua lại trọn vô sự,
Tung hoành ai sánh bằng,
Tới nhà nghiêm sắc mặt,
Để tiếp đón gia tân[111])

Tuyết Đậu coi trọng Sư giống như Ứng Am Hoa thiền sư coi trọng Mật Am Kiệt thiền sư vậy. Năm Giáp Ngọ (1654), Tuyết Đậu nhận lời thỉnh của chùa Mật Ấn, tấn phong Sư vào ngôi vị Tây Đường[112]. Hết thời hạn an cư, Tuyết Đậu trở về Nhũ Phong. Sư lại đến thân cận, thăm hỏi. Khéo sao, thân sĩ vùng Tứ Minh thỉnh Sư trụ trì chùa Bảo Phước ở Đại Mai thuộc huyện Ngân, Sư thấy nơi đó là chỗ ẩn dật xưa kia của Hán Úy, lại còn hâm mộ phong cách cao cả của Thường thiền sư[113], bèn

---

[111] Gia tân: Khách quý.

[112] Tây Đường (còn gọi là Tây Am) là từ ngữ trong tùng lâm do tăng chúng gọi vị Tăng trụ trì không sống trong ngôi chùa ấy, mà sống trong ngôi chùa khác; nói cách khác, vị ấy sống như khách trong ngôi chùa mà mình được mời làm Trụ Trì. Do thời cổ coi phương Tây là khách vị nên mới gọi như thế. Do ngài Pháp Tràng không ở chùa Mật Ấn mà chùa Mật Ấn vẫn thỉnh ngài làm Trụ Trì nên Pháp Tràng được coi là Tây Đường của Mật Ấn. Ngài Tuyết Đậu dùng tư cách là vị thầy truyền pháp của Pháp Tràng để chứng minh lễ tấn phong ấy.

[113] Thường thiền sư chính là ngài Pháp Thường (752-839), cao tăng đời Đường, quê ở Tương Dương (tỉnh Hồ Bắc), xuất gia từ nhỏ, trụ tại chùa Ngọc Tuyền. Bao nhiêu kinh sách hễ đọc qua liền nhớ mãi không quên. Hai mươi tuổi thọ Cụ Túc ở chùa Long Hưng. Sư hâm mộ Thiền học, thoạt đầu tham học với Mã Tổ Đạo Nhất, đắc

vui vẻ qua đó. Tuyết Đậu đề thơ trên bức đảnh tướng[114] có những câu như sau:

Thanh xuất ư lam, thùy tự nhĩ,
Đại Mai phong đảnh khán phong lôi
(Gió sấm Đại Mai đầu núi ngắm,
Xanh trỗi hơn chàm, ai giống ông?)

Đình viện [Bảo Phước Tự] bỏ hoang hơn tám trăm năm, Sư cùng các thiền tăng chẳng ngại đội sương, dầm tuyết, vâng giữ bổn phận, gần - xa dần dần kéo về trở thành chốn tùng lâm. Do vậy, hòa thượng Phí Ẩn Dung có đề tặng: *"Lãnh tụ trong pháp môn, bao người trông ngóng, tám vạn thông xanh nhớ mãi vẻ mặt tươi cười"*, hòa thượng Mục Vân Môn đề tặng: *"Truyền Tổ đăng vòi vọi trên ngọn Thái Bạch, thú có sừng tuy nhiều, nhưng chỉ một con lân là đủ [để vượt trội hết thảy]"* v.v… Sư đến Thiên Đồng, hòa thượng Mộc Trần Mẫn thỉnh Sư thăng tòa, thấy những điều Ngài đề xướng liền nhiệt liệt ca ngợi. Viết lời tựa cho Đại Mai Lục, có những câu như: "*Lòng Từ rỗng rang như hang gió, chiếu rạng ông cháu. Sự giác ngộ soi sáng non Đông, cha con cùng chứng. Quả thật tiếng vang rền mãi tới ngàn thu"*. Ba vị tôn túc (tức Phí Ẩn Dung, Mục Vân Môn và Mộc Trần Mẫn) lại vui sướng tuyệt mức, hết sức khen ngợi Sư giống như khen ngợi ngài Ứng Am vậy!

Sư trụ tại Đại Mai sáu năm rồi đem chuyện trong chùa giao phó lại cho Thủ Tọa[115] Nhật Hưu Mị, nhận lời thỉnh của Đông Âu. Mùa Đông

---

ngộ, ẩn tu tại núi Đại Mai (thuộc huyện Ngân, tỉnh Chiết Giang), đồ chúng xin đến học rất đông.

[114] Đảnh tướng: Theo nguyên nghĩa là tướng búi tóc trên đỉnh đầu của Như Lai, hết thảy trời người không thấy được nên gọi là Vô Kiến Đảnh Tướng. Không rõ từ thời nào, Thiền Tông Trung Hoa thường dùng thuật ngữ này để chỉ những bức hình vẽ các vị cổ đức của Thiền Tông, phần lớn là vẽ hình bán thân hoặc ngồi trên tòa, phía trên bức vẽ thường đề một bài thơ tán dương.

[115] Thủ Tọa: Có hai cách hiểu:

1) Theo Thích Thị Kê Cổ Lược quyển 3, Thủ Tọa là một chức quan được thiết lập vào năm Đại Trung thứ mười (856) đời Đường Tuyên Tông để cai quản tất cả các tăng sĩ. Về sau, những vị tinh thông kinh luật luận cũng được phong tặng tước vị này. Cuối cùng, danh hiệu này chỉ để phong tặng những vị thiền đức nổi tiếng.

2) Thủ Tọa là một trong sáu chức vị trong Tăng Đường theo Thanh Quy. Thủ Tọa còn gọi là Thượng Tọa, Thủ Chúng, Đệ Nhất Tọa, Tọa Nguyên, Lập Tăng, Thiền Đầu… tức vị làm gương mẫu cho toàn thể tăng chúng, phẩm hạnh cao trỗi, không còn vọng niệm yêu ghét, thị phi v.v… Về sau, chức vụ này chỉ có nghĩa là vị đứng đầu Tăng chúng, hoặc đứng đầu một đường nếu tùng lâm chia thành nhiều đường,

năm Canh Tý (1660) Sư mở giảng tòa tại Mật Ấn, so ra còn hưng thịnh hơn đạo tràng Đại Mai. Năm Bính Ngọ (1666), Sư nhận lời thỉnh của Quát Thương Tịnh Giác, lại đem Mật Ấn giao cho nhiều học trò trông coi, chứ không làm Tây Đường nữa. Cuối Hạ năm Đinh Mùi (1967), Sư thị hiện bệnh nhẹ, ngồi thuyền trở về Đà Phong. Ngày Rằm tháng Tám, Sư đối trước đại chúng nói kệ rằng:

Thất thập ngũ niên nhàn đả hống,
Tổng vô kỳ đặc xuất thường luân
Nhi kim tán thủ huyền nhai khứ,
Nhất nhậm chư phương thuyết huyễn chân.
(Dỗ ngọt người đời bảy lăm năm,
Trọn không chi lạ khác phàm nhân,
Cheo leo vách đá, tay buông thõng,
Mặc kệ nơi nơi luận huyễn - chân)

Rồi lặng lẽ qua đời. Sư sanh vào năm Quý Tỵ nhằm niên hiệu Vạn Lịch 21 (1593), mất vào năm Đinh Mùi tức năm Khang Hy thứ sáu (1667), thọ bảy mươi lăm tuổi, Tăng lạp hai mươi ba năm.

14. Thư trả lời cư sĩ Phương Gia Phạm

Muốn sanh về Tịnh Độ, trước hết phải hiểu rõ ràng tông chỉ. Tu trì theo đường lối thông thường thì không pháp nào chẳng lấy khai ngộ làm điều mong mỏi; nhưng chuyện khai ngộ cũng chẳng phải là dễ dàng! Nếu biết tông chỉ của Tịnh Độ, quyết chẳng mong đợi khai ngộ. Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, dẫu khai ngộ cũng khó liễu thoát được! Nếu có thể nhất tâm niệm Phật thì chẳng ngộ vẫn được vãng sanh. Trong thư ông viết: *"Tuy đã sẵn lòng chán nhàm cõi uế, nhưng chưa hiểu tự tánh như thế nào?"* tức là ông dốc chí nơi khai ngộ. Khai ngộ mà có tín nguyện thì chính là Thiền Tịnh Song Tu, là cao thượng nhất; nhưng trong cõi đời rất ít ai thật sự khai ngộ!

Thế nào gọi là thật sự khai ngộ? Đấy chính nói về minh tâm kiến tánh, tức là trong tự tâm thấu hiểu triệt để, chứ không phải chỉ biết nói mà thôi! Nếu chỉ biết nói thì chẳng thể gọi là khai ngộ được! Chớ nên hiểu lầm! Thật sự đạt đến địa vị minh tâm kiến tánh, cũng vẫn phải tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương! Người đời cứ hễ cầu khai ngộ

---

chẳng hạn Tiền Đường Thủ Tọa, Hậu Đường Thủ Tọa, Danh Đức Thủ Tọa…. Chữ Thủ Tọa ở đây chỉ có thể hiểu theo cách thứ hai.

đều chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh, cứ muốn nương vào cái ngộ ít ỏi, loáng thoáng ấy để liễu sanh tử thì chính là tự lầm, lầm người. Cố nhiên, chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật sẽ ổn thỏa, thích đáng hơn!

Quang già rồi, chẳng thể nói tường tận với ông được. Nay lại gởi cho ông hai gói sách, ông hãy lắng lòng đọc sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh Độ. Nếu chẳng thể sanh lòng tin nơi các sách ấy, lại cầu minh tâm kiến tánh, cầu thành Phật trong thân hiện tại, Quang cũng chẳng trách ông. Chỉ sợ ông từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo. Nhưng muốn liễu sanh tử, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người thiện trong thế gian. Nếu luân thường khiếm khuyết, tam nghiệp lắm lầm lỗi, muốn khi lâm chung được Phật tiếp dẫn thì do khí phận trái nghịch với Phật, làm sao có cảm để ứng đây? Phàm gặp kẻ hữu duyên, hãy đều nên bảo với họ điều này!

Nay gởi cho ông Tịnh Độ Ngũ Kinh, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Liễu Phàm Tứ Huấn, Ấn Quang Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Quán Âm Tụng, Sức Chung Tân Lương, Niệm Phật Khẩn Từ, Sơ Cơ Tiên Đạo Hợp Biên, mỗi thứ một bộ. Đối với chuyện thọ giới thì hãy nên dựa theo lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền trong Văn Sao để tự thệ thọ giới trước đức Phật. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Phạm, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh Độ được nói từ trí huệ của đức Phật để tự hành, dạy người, tạo khuôn phép cho cõi đời. Xin hãy nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa rồi thực hành thì may mắn lắm thay! *(Ngày Mười Sáu tháng Bảy)*

Từ nay về sau, đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y. Dẫu thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng đừng thừa dịp thuận tiện gởi thư cho Quang vì không có sức để thù tiếp vậy.

15. Thư trả lời đại sư Viên Chuyết

Nhận được thư khôn ngăn than thở. Người đời chỉ biết phỏng theo dấu tích, chẳng xét đến đúng - sai, lợi - hại. Thường là đối với chuyện làm phước lại ngạo ngược tạo thành nghiệp lớn. Đừng nói gì người thế tục, ngay cả tăng nhân đa số cũng giống như thế. Cuốn Tây Phương Công Cứ được lưu hành trong cõi đời, phía trước có khắc hình Pháp Hội[116], phía sau khắc A Di Đà Kinh, Vãng Sanh Chú. Cuối cùng khắc

[116] Tức cảnh Tây Phương Cực Lạc, có hình A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát ngự trên tòa sen ở chính giữa, xung quanh có các vị thượng thiện

cửu phẩm liên đài, trên mỗi đài sen là một đức Phật ngồi, chung quanh khắc những chấm tròn để người ta chấm vào. Hễ chấm kín hết [các vòng tròn đó] sẽ đem kinh ấy thiêu đi. Một người bạn tôi (tức hòa thượng Chân Đạt) muốn sửa chữa lại để ấn hành rộng rãi. Quang nói: "[Người niệm Phật] chấm xong ắt sẽ thiêu sách, cả kinh lẫn hình Phật đều bị thiêu theo. Do sách đã bị chấm đen đúa lem luốc thì cũng chẳng thọ trì được nữa". Do vậy bèn bàn định biện pháp, chẳng khắc kinh, tượng, chỉ vẽ hình chín phẩm đài sen và những chấm tròn xung quanh để [người niệm Phật chấm vào] hòng nhớ số.

Việc sửa chữa, sắp xếp ấn hành đều do Quang lo liệu, sao lại nói là có chuyện Đại Báo Ân Tháp? Do vậy, tôi liền qua nhà kho tìm kiếm phụ bản của sách ấy, quả thật có chuyện đó! Số trang của phụ bản được đánh số tới hai mươi thì ngừng, còn trang in hình tháp ấy được đánh số một và hai. Đủ biết là về sau này, do muốn khế hợp lòng ưa thích của người đời, người đứng in bèn thêm vào. Đủ thấy khó lay chuyển được lòng ưa thích của người đời! Vương Đại bán hương Ấn Độ, bốn mặt hộp đựng hương in tổng cộng hình của năm mươi mấy vị Phật. Quang chẳng bằng lòng người ta bán loại hương đó, đã nói rõ lẽ lợi - hại với người quản lý tiệm hương ấy, hai lượt gởi thư bảo đảm, mong họ ắt sẽ trả lời, nhưng rốt cuộc họ không trả lời! Chúng ta không có quyền, làm gì được họ?

Huyết Bồn Kinh, Thọ Sanh Kinh chính là do những tăng sĩ hèn kém ngụy tạo ra để cầu lợi khiến cho những kẻ chẳng biết Phật pháp tưởng kinh Phật đều toàn do lũ tăng sĩ kém hèn ngụy tạo! Đối với hàng thiện tín vô tri, nếu không phá huyết hồ, không trả nợ thọ sanh sẽ không được! Ngay trong những tùng lâm nổi danh nhất nước, cũng không một chùa nào chẳng tán thành làm chuyện ấy, bởi đấy là cái nguồn kiếm lợi nhuận, chẳng ai bận tâm chuyện ấy chính là cái gốc họa hủy diệt Phật pháp. Hiện thời chẳng thể gởi sách được!

Một người bạn sao lại lời bàn luận của Quang với Lý Huệ Trừng về chuyện đốt kinh, nay tôi đem bản sao ấy gởi kèm theo thư. Ông Lý dựa theo lời người khác bảo "[đốt kinh] có công đức" nên mở đầu thư tôi liền bắt đầu bằng chuyện "có công đức" để nói đến tội lỗi, chớ nên hiểu lầm, tưởng Quang tán thành "đốt kinh có công đức"! Pháp môn bước vào

---

nhân nghe pháp, cúng dường, tu tập, trong ao báu có ngọc Ma Ni tuôn nước báu, những người vãng sanh từ hoa sen báu bước ra, chiêm ngưỡng, lễ kính Phật, chư thiên rải hoa trời cúng dường trên hư không v.v.... Bức vẽ này còn được gọi bằng những danh từ như Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ, Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Y Chánh Trang Nghiêm Đồ, Tây Phương Pháp Hội Đồ v.v…

buổi chiều tà, sai ngoa quá nhiều! Nếu thường tranh luận với người khác, sợ sẽ đến nỗi bị kẻ khác nhao nhao công kích, đâm ra chẳng có ích gì cho người ta, lại có hại cho pháp, cho mình vậy! Qua mấy chuyện này thì đã đủ biết rồi! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, xin đừng gởi thư tới nữa, gởi đến quyết không trả lời. Xin hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay! *(Ngày mồng Hai tháng Mười)*

16. Thư trả lời cư sĩ Trần Tiếp Hòa

Nghe nói Sĩ Mục sắp sang Vân Nam bởi cảm thấy thiếu sót vì cha già đã tám mươi hai tuổi mà chính mình chẳng thể thường hầu hạ dưới gối hòng bầu bạn niệm Phật với cha. Quang quyết diệt tung tích trong tháng Chín này; ông và tôi có tình thầy trò, chẳng thể không giãi bày cùng ông một phen. Con người sống đến bảy mươi tuổi xưa nay đã hiếm, huống chi ông đã tám mươi hai rồi! Nếu đã chứng được bất sanh bất diệt thì cố nhiên chẳng cần tới Quang phải dông dài một phen. Nếu chưa đạt được, cố nhiên phải như chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy để sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, trì A Di Đà Phật vạn đức hồng danh để cầu sanh Tây Phương. Hiện nay, cõi đời đã loạn đến cùng cực, đúng là thời buổi đại loạn phá toang đất trời kể từ thuở có trời đất đến nay. Huống hồ đang lúc già suy, sáng chẳng bảo đảm được tối, há có nên giống như bọn thiếu niên vô tri, cứ chần chừ để ngày tháng trôi qua đến nỗi sống uổng chết phí, tuy gặp Phật pháp mà vẫn không có cách nào hưởng được lợi ích lớn lao ư?

May mắn là Trí Dục, Tịnh Anh v.v… vẫn sốt sắng niệm Phật, hãy nên trong lúc này lập ra một quy ước: Nếu đến lúc lâm chung, chớ nên thay áo, lau rửa sẵn *(xin coi lời dạy về lúc lâm chung trong Gia Ngôn Lục! Ở đây không viết cặn kẽ)* và khóc lóc đến nỗi nhiễu loạn cái tâm trong lặng của người [sắp mất] đến mức mất chánh niệm, chẳng khế hợp với Phật, không cách gì được Phật tiếp dẫn, vẫn phải luân hồi trong tam đồ lục đạo y như cũ! Đấy gọi là lòng hiếu kiểu "đã té giếng còn quăng thêm đá!" Nỗi hại ấy không sao nói xiết! Hãy nên đọc mấy chương dạy về đại sự sanh tử trong Gia Ngôn Lục sẽ tự biết rõ. Nếu trong lúc này chẳng nỗ lực, chỉ mong an nhàn thảnh thơi thì ngàn đời vạn kiếp trọn chẳng có ngày nào thoát khổ được đâu! Nếu như tâm lực suy nhược, hãy nên bảo con trai, con dâu, cháu gái v.v… luân phiên trợ niệm. Chuyện này có rất nhiều điều lợi ích:

1) Một là phụ trợ cho chánh niệm của chính mình.

2) Hai là khéo léo gieo thiện căn tối thắng cho bọn họ.

3) Ba là mở mang phong thái nhằm mong mọi người bắt chước làm theo.

4) Bốn là nếu đến lúc lâm chung [thân quyến] sẽ tự chẳng đến nỗi bày vẽ hay hoảng loạn quá mức, phá hoại chánh niệm [của người sắp mất].

Cửa ải lâm chung khẩn yếu cùng cực. Dẫu cho lúc thường ngày công phu đắc lực, nếu gặp phải cảnh con cháu phá hoại [chánh niệm] do chẳng biết pháp môn thì sẽ phải ở lại trong thế giới này, chẳng thể vãng sanh! Nếu biết nghĩa này, con cháu trợ niệm Phật hiệu nhằm thành tựu chánh niệm, tuy công phu thường ngày của người sắp mất ấy chẳng thích đáng cho lắm cũng vẫn được vãng sanh. Do vậy, đối với người già, Quang đặc biệt chú ý, đừng cho là viễn vông, hủ bại thì may mắn lắm thay!

17. Thư gởi cho hai cư sĩ La Khanh Đoan và Trần Sĩ Mục

Hôm trước nhận được thư biết Phật pháp ở quý địa có vẻ phục hưng. Lời duyên khởi do các ông đã soạn chưa thể làm cho người ta cảm ân đức của Phật, Quang soạn riêng một bài khác, lời văn khá rườm rà, sử dụng được hay không tùy các ông. Quang chẳng ép ai! Nếu sử dụng thì hãy nên làm một tấm bảng bằng gỗ, thỉnh người viết chữ đẹp, dùng lối chữ cung kính, mực thước viết trên hai tờ giấy Tuyên rộng tám thước, hoặc dán, hoặc khắc [bài duyên khởi ấy] trên tấm bảng gỗ, chắc sẽ tồn tại lâu dài. Hoặc [chia tấm bảng đã khắc hay dán bài duyên khởi ấy] làm bốn miếng hay sáu miếng *(tính luôn cả bài viết "Trình bày những điều ẩn kín của Văn Trung Công" chắc sẽ chia thành tám miếng)* để ngừa khi thời cuộc không tốt, sẽ đem cất.

Bài viết nêu bày ý nghĩa ẩn kín cuốn sách Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Trung Công[117] có quan hệ rất lớn, cũng nên theo biện pháp ấy. Bài văn ấy nhằm giãi bày trọn hết những điều ẩn tàng của bậc cổ đại nhân thuở trước, chứ không phải chỉ riêng mình Văn Trung Công. Văn Trung Công là người đất Mân (Phước Kiến). Có được bài văn ấy thì những kẻ hẹp hòi, câu nệ sẽ chẳng dám buông lời báng bổ xằng bậy. Ông nói đến chuyện chùa Lâm Dương định chiếu theo chương trình của Linh Nham thì vàn muôn phần sẽ làm không được đâu! Đừng nói người khác đến

[117] Xin đọc bài này trong phần Những Bài Viết Khác của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 2. Lâm Văn Trung Công chính là Lâm Tắc Từ.

đấy làm không được, ngay cả thầy Đương Gia Linh Nham là Diệu Chân đến đấy cũng làm không được. Các ông thiếu sự từng trải nên chẳng biết nỗi khó khăn! Quang do trải đời năm mươi mấy năm nên mới nói thẳng thừng với các ông.

Đôi câu đối ở Niệm Phật Đường của Liên Trì đại sư đã soạn vào thời Minh hay tuyệt, trọn chưa từng thấy ai dùng đến. Quang nhiều lượt sao lại bảo người khác treo, do đức của đại sư sẽ cảm được người rất sâu. Các ông bảo Quang viết [giùm đôi câu đối ấy] là vì chẳng biết Quang một mực không viết được chữ lớn; gần đây mục lực suy đến cùng cực, không dùng kính lão lẫn kính lúp sẽ chẳng thể xem và viết được chữ! Tôi vốn muốn gởi thư từ sớm, nhưng do ngày hôm qua mới có giấy đưa đến nên bây giờ mới trả lời. Từ nay về sau không có chuyện gì quan trọng thì đừng gởi thư tới nữa, bởi không có mục lực lẫn tinh thần để phúc đáp! Hoằng Hóa Xã trước kia có ba người, đều do thời cuộc biến động lớn lao đã đi hết rồi, nên cũng phải biến đổi sao cho thật hợp thời nghi, Quang chẳng hỏi tới nữa. Thầy Đức Sâm qua chùa Thái Bình ở Thượng Hải để lo giảo chánh sách, sợ rằng có lẽ chẳng thể xong được trong năm nay! Khi nào thầy ấy trở về, sẽ tùy thầy ấy lo liệu.

Những sách các ông cần sẽ gởi tới. Hiện thời chỉ theo biện pháp căn cứ vào giá vốn, không còn cho thỉnh nửa giá hay biếu không nữa! Lần này gởi biếu, lần sau đều chiếu theo giá vốn để lo liệu. Nay gởi cho các ông Đồng Mông Tu Tri, Quán Âm Từ Lâm Tập hai cuốn, đem tờ thông báo rộng rãi về chuyện sữa độc giết chết trẻ con [gởi cho các ông] là vì mong các ông hãy nói với hết thảy mọi người [về chuyện ấy]. Xin hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay! *(Ngày Mười Hai tháng Tám)*

Chủ Cực Lạc lục bát đại nguyện chi từ tôn, tuyệt hạn lượng thọ mạng quang minh, bất ly đương xứ,

Quá Sa Bà vạn triệu Phật bang chi Tịnh Độ, diệu trang nghiêm lâu đài trì chiểu, nguyên thị ngô hương (Liên Trì đại sư đời Minh soạn).

(Đức Từ Tôn chủ cõi Cực Lạc, bốn mươi tám đại nguyện, thọ mạng, quang minh không hạn lượng, chẳng rời nơi đây;

Cõi Tịnh Độ vượt khỏi Sa Bà vạn triệu cõi nước Phật, lầu, đài, ao chuôm tuyệt trang nghiêm, đích thị quê mình)

18. Thư trả lời cư sĩ Trí Mục

Nhận được thư khôn ngăn vui mừng, an ủi. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nếu không có ai đề xướng thì thiện căn không cách gì phát

hiện được! Như hạt giống gieo xuống đất, chẳng có mưa đúng thời sẽ không cách nào nẩy mầm, tăng trưởng được! Cha ông đã có thiện căn từ đời trước, cho nên vừa được thúc đẩy liền chuyển biến, những chấp trước lầm lạc trước kia bèn tiêu diệt ngay, ắt có hy vọng được vãng sanh trong tương lai! Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Hòa, bởi Tiếp (燮) chính là Hòa[118] vậy. Nếu chẳng biết tự tâm sẵn có Minh Đức thì chẳng thể trên hòa với hoằng thệ đại nguyện của chư Phật hòng quyết chí ức niệm cho đến khi tâm và Phật tương ứng, như nước hòa lẫn vào sữa; mà cũng chẳng thể dưới là phát khởi cho những người cùng hàng tin tưởng sâu xa, nguyện thiết tha rồi nhất tâm trì A Di Đà Phật vạn đức hồng danh để mong thoát khỏi cõi Sa Bà này lên được cõi sen kia ngay trong đời này, như mẹ với con hòa hợp, vĩnh viễn không chống trái.

Nếu có thể lắng lòng đọc Văn Sao, rồi lại xem Tịnh Độ Tam Kinh, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v… thì sẽ tự biết được cương yếu của đạo "tự lợi, lợi người". Lại còn khẩn thiết, chí thành, ra rả nói cùng với gia quyến, xóm giềng, thân thích, bè bạn. Dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh ắt sẽ cao đăng Thượng Phẩm. Do đấy, cha ông sẽ được lợi ích thật sự bởi thiện căn nhiều đời. Đạo thờ cha mẹ của ông đã đạt được lớn lao. Vẫn mong ông khuyên dụ nhiều cách để cụ tăng trưởng tín tâm thì sẽ có lợi ích lớn lao. Xin hãy thấu hiểu rõ ràng thì may mắn lắm thay!

Cháu dâu là Tâm Chi sẵn đủ thiện căn, vừa nghe liền tin, lại muốn quy y, nay đặt pháp danh cho cô ta là Tâm Phức. Do cái tâm sẵn có cực kỳ thanh tịnh mà cũng cực kỳ thơm tho[119], chỉ vì đủ mọi vọng niệm nối tiếp nhau dấy lên nên biến thành cảnh tượng ô uế, mất đi bản thể thơm sạch. Cô ta đã phát tâm tu trì lại còn đem tâm hương ấy xông ướp chồng và con cái, khiến cho ai nấy đều trừ được tâm niệm ô uế, khôi phục bản thể thơm sạch. Công đức bậc nhất của nữ giới chính là hiếu thảo với bố mẹ chồng, giúp chồng dạy con. Đã là đệ tử Phật mà chẳng biết hiếu thảo với cha mẹ, giúp chồng dạy con thì chưa tròn hết bổn phận trách nhiệm của chính mình, chắc người khác sẽ do vậy liền chỉ trích những sai trái, chẳng thể nào khiến cho người ta nhìn theo bắt chước làm lành được! Nếu có thể dốc sức trọn hết bổn phận của chính mình, lại còn tu trì Tịnh nghiệp thì kẻ thấy người nghe khắp xa gần sẽ đều sanh lòng ngưỡng mộ. Đấy chính là *"dùng lời lẽ để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy,*

[118] Cha của ông Trần Sĩ Mục là cư sĩ Trần Tiếp Hòa.

[119] Phức (馥) có nghĩa là thơm ngào ngạt, thơm ngát.

người khác thuận theo". Thất phu thất phụ nếu tốt lành thì cũng có thể thay đổi phong tục; nếu chẳng lành cũng sẽ khiến cho phong tục thay đổi!

Giới giáo dục hiện thời chẳng biết tới nghĩa này, cứ hở ra là khuyên nữ nhân học tập những nghề nghiệp của nam giới, chẳng biết răn nhắc thiên chức giúp chồng dạy con. Cái học ấy là học để gây loạn, chứ không phải là cái học để đạt đến bình trị! Tôi thường nói: *"Dạy con là căn bản để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng thiết yếu hơn".* Ấy là vì con người lúc bé hằng ngày ở cạnh mẹ được mẹ hiền un đúc thì chưa có ai chẳng trở thành hiền nhân. Vì thế tôi thường lải nhải về chuyện này, hãy nên làm cho hàng nữ nhân của thân hữu đều biết thì may mắn lắm thay!

19. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ nhất)

Nhận được thư và bản thảo [Phật Học] Đại Từ Điển, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Các hạ soạn ra cuốn sách ấy khiến cho những người nghiên cứu Phật học nhập môn dễ dàng, thật giống như người chỉ cho kẻ lạc lối đi đúng đường, công đức ấy làm sao cân lường được? Nhưng cần phải khảo sát tỉ mỉ, xin đừng đem sai ngoa lan truyền sai ngoa!

Những chuyện xa xưa và [chuyện xảy ra] ở ngoại quốc được thuật dưới từ ngữ *"nhất thiết kinh"* (hết thảy kinh) Quang đều không biết, nhưng những chuyện được tường thuật [trong mục ấy mà Quang được biết thì] phần lớn đều sai lầm, như Minh Thành Tổ ghi là [Minh] Thế Tổ. Năm Vĩnh Lạc 18 (1420), Minh Thành Tổ cho khắc Đại Tạng Kinh suốt hai mươi mốt năm, tới năm Chánh Thống thứ năm (1440) mới hoàn tất. Đấy là Minh Bắc Tạng (Đại Tạng Kinh đời Minh, bản khắc in ở phương Bắc) vậy. Nam Tạng được khắc vào thời Minh Thái Tổ, nhưng do chưa có lời đề từ và lời bạt nên không thể khảo chứng được năm tháng, nhưng chắc chắn chẳng phải là được khắc dưới thời Minh Thành Tổ! Tuy có thuyết nói Minh Thành Tổ đã cho khắc Đại Tạng Kinh ở cả hai kinh đô (Nam Kinh và Bắc Kinh) và cho khắc trên đá, nhưng thật ra [Minh Thành Tổ] chỉ khắc bản Bắc Tạng. Vì sao biết? Do [xét theo] quy củ của Nam Tạng, số hòm[120] và số quyển đều chẳng theo thứ tự [như trong bản

[120] "Hòm" (có nghĩa là cái tráp, cái rương nhỏ, xin đừng lầm là quan tài!) thường được dùng để dịch chữ Hàm (hay còn gọi là Lang Hàm). Lang Hàm vốn là một cái hộp nhỏ để đựng cả một bộ sách, vừa giữ cho sách khỏi hư bìa, vừa để những quyển trong một bộ sách bị thất lạc. Khi xưa, sách thường được in thành từng quyển, mỗi quyển độ 40 trang. Đối với những tác phẩm lớn, cứ mỗi 10 quyển lại gộp thành một

Bắc Tạng], há lẽ nào cùng do một người khắc kinh mà Nam Tạng lại lập riêng một quy củ ư? Hơn nữa, trong Bắc Tục Tạng có [những bản kinh] mà Nam [Tục Tạng] không có, hoặc trong Nam Tục Tạng có [những bản kinh] mà Bắc [Tục Tạng] không có. Đủ biết Bắc Minh Tạng được khắc trong niên hiệu Hồng Vũ thời Minh Thái Tổ không còn nghi ngờ gì nữa! Bản khắc trên đá hoàn toàn chưa được thực hiện.

Đối với chuyện ni sư Pháp Trân khắc Đại Tạng Kinh thì ni sư là người thuộc triều Nguyên, Tạng [được ni sư khắc] thuộc loại Phạn bản[121]. Trong mục từ ngữ nói về Tạng Tạng (Đại Tạng Kinh Tây Tạng) ở trước đó, từ điển cho biết [tạng kinh của Tây Tạng] được khắc từ năm Khang Hy hai mươi ba (1684) đến năm Ung Chánh thứ sáu (1728), nhưng Thanh Tạng (Hán truyền Đại Tạng Kinh khắc dưới đời Thanh) của nước ta được khởi công vào năm Ung Chánh thứ mười ba (1735), hoàn tất vào năm Càn Long thứ ba (1738) sao lại hoàn toàn chẳng nhắc tới?

Hơn nữa, Thạch Kinh Sơn[122] ở Tây Kinh là nơi pháp sư Uyển Công đời Tấn khắc kinh trên đá, chứa trong thạch động, vì lo rằng thời Mạt

---

Hàm, cho dễ kiểm nhận, tra cứu, giống như hình thức chia thành tập (volume) hiện thời.

[121] "Phạn bản" theo nghĩa thông thường có nghĩa là nguyên văn chép bằng tiếng Sankrit (tiếng Bắc Phạn), nhưng từ ngữ này được dùng ở đây để chỉ một lối in kinh. Trong cách in kinh này, mỗi trang gồm mười hai dòng, mỗi dòng độ 17 chữ, được chia thành hai nửa trang, có vạch phân cách chính giữa, nhưng vẫn chỉ đánh số như một trang (chỉ in một mặt giấy). Do vậy khi xếp lại thành quyển để đóng gáy, hai mặt giấy trắng đâu lưng vào nhau, mỗi một trang giấy của quyển sách đã đóng chỉ là nửa trang giấy ban đầu (tức mỗi trang chỉ gồm sáu dòng; đúng ra phải gọi là cột), cứ mỗi hai mặt của một trang giấy mới gọi là một trang (vì thế lối in này còn gọi là Chiết Tử). Đây là cách in mô phỏng cách chép kinh theo hàng ngang trên lá bối của Ấn Độ nên gọi là Phạn Bản. Đôi khi có những bản in như Thục Bản được in theo lối Quyển Tử, tức mỗi trang được in trên một tờ giấy dài, mỗi một tờ như vậy gồm hai mươi ba hàng, mỗi hàng mười sáu hay mười bảy chữ, bộ kinh in xong được cuốn thành cuộn chứ không xếp giấy đóng thành sách. Về sau này, khi kỹ thuật ấn loát tiến bộ hơn, đã in được cả hai mặt giấy, nếu mỗi trang bị cắt ra như vậy thì bản in ấy vẫn gọi là Phạn Bản.

[122] Thạch Kinh Sơn có tên cũ là Bạch Đới Sơn, hay Vân Cư Sơn, thuộc huyện Phòng Sơn, tỉnh Hà Bắc. Do sư Tịnh Uyển (Minh Báo Ký ghi là Trí Uyển) khởi xướng khắc kinh trên đá cất giữ trong động mà núi được gọi là Thạch Kinh Sơn. Do thế núi ngoằn ngoèo kỳ vĩ nên núi còn có tên nữa là Tiểu Tây Thiên. Trong lá thư trên đây, sư Trí Uyển được ghi là sống vào đời Tấn có lẽ là do người sao lục chép nhầm. Theo từ điển Phật Quang Sơn, trong niên hiệu Đại Nghiệp (605-616) nhà Tùy, do các vua thuộc triều đại Bắc Châu, Bắc Tề nối tiếp nhau phế Phật, trục xuất sa-môn, đốt phá nhà chùa, sư Tịnh Uyển chùa Trí Tuyền ở U Châu liền phát nguyện tạo khắc Đại

Pháp kinh Phật diệt hết, mong sẽ có bậc Đại Sĩ thừa nguyện mở động ấy in kinh lưu truyền rộng khắp. Từ đời Tấn đến cuối đời Minh, vẫn có người khắc kinh để cất giữ [trong động ấy], phía ngoài dùng những song sắt niêm phong cửa động, chỉ có thể đứng bên ngoài nhìn vô chứ không thể vào được. Những bản khắc đá ấy chất đầy kín trong động, có khá nhiều động. Trong Văn Tập của các vị Tử Bách và Hám Sơn đều chép về chuyện này.

Hơn nữa, hai chữ Từ Điển nếu nói tổng quát thì toàn bộ giáo pháp trong cả Đại Tạng đều có thể gọi là Từ Điển. Nếu nói hạn cuộc thì chỉ những sách chuyên giảng rõ về danh tướng mới đáng gọi [là Từ Điển], như Giáo Thừa Pháp Số, Đại Minh Tam Tạng Pháp Số[123] chẳng hạn. Còn như những ngữ lục trong nhà Thiền chính là những cơ phong chuyển ngữ chuyên xiển dương pháp hướng thượng, còn chưa thể gọi là Giáo, há nên gọi là Từ Điển? Các vị đại thiền sư kể từ sau thời ngài Mã Tổ trở đi đều có ngữ lục, ngài Vân Môn còn về sau nữa, sao đối với ngữ lục của những vị trước đấy chẳng gọi là "từ điển", lại gọi riêng ngữ lục của Vân Môn là "từ điển"?

Hơn nữa, ngài Vân Môn thuyết pháp như mây trôi, mưa dội, trọn chẳng thích người khác ghi chép lại. Vì thế Hương Lâm Viễn, Song Tuyền Khoan mỗi vị đều lấy giấy làm áo để lén ghi chép lại, [những ghi

---

Tạng Kinh trên đá để kinh điển khỏi bị diệt mất. Được sự hỗ trợ của vợ vua Tùy Dạng Đế, Sư đã liên tục khắc kinh cho đến khi viên tịch vào năm Trinh Quán 13 (639) đời Đường. Tiếp nối chí nguyện của Sư có các vị Huyền Đạo, Nghi Công, Huệ Tiêm, Huyền Pháp, Khả Nguyên, Hưng Tông, Triệu Tuân Nhân, Đạo Tông, Tông Lý v.v… Toàn bộ Đại Tạng Kinh được khắc xong vào năm Đại An thứ mười (1094) nhà Liêu. Hậu nhân vẫn tiếp tục khắc thêm những bản kinh hoặc trước tác, ngữ lục, chú giải cho mãi đến năm Khang Hy 30 (1691) mới thật sự ngưng khắc.

[123] Giáo Thừa Pháp Số do Viên Tịnh biên tập vào đời Minh. Do thấy các sách Đại Thừa Pháp Số, Hiền Thủ Pháp Số còn thiếu sót nhiều nên ngài Viên Tịnh đã dựa trên quan điểm của tông Thiên Thai thâu thập tất cả những pháp số (những thuật ngữ trong Phật giáo như Tam Quy, Nhất Thừa, Ngũ Giáo, Lục Độ v.v…) trong các kinh điển Phật giáo và trước tác của bách gia chư tử biên soạn thành sách này. Sách bắt đầu bằng từ ngữ "nhất tâm" và kết thúc bằng "bát vạn tứ thiên pháp môn". Trong ấy, cũng giải thích những danh số của các ngoại điển (những kinh sách không thuộc Phật giáo).

Đại Minh Tam Tạng Pháp Số do sư Nhất Như biên soạn, thường được gọi tắt là Đại Minh Pháp Số, hoặc Tam Tạng Pháp Số, nội dung gồm những pháp số xuất phát từ Tam Tạng kinh điển, cũng khởi đầu bằng từ ngữ "nhất tâm" và kết thúc bằng "bát vạn tứ thiên pháp môn", tổng cộng 1.555 từ ngữ, ghi rõ xuất xứ từ kinh luận trước thuật nào, đồng thời cũng dẫn giải những cách giải thích khác nhau của các tông.

chép của hai vị ấy được tập hợp thành] ngữ lục của ngài Vân Môn được lưu truyền hiện thời vậy! Các hạ không trình bày thật rõ ràng thì chắc rằng kẻ không biết sẽ tưởng ngài Vân Môn tự mình lén ghi, hóa ra là chính Ngài tự ngăn cấm rồi lại làm!

Tổ Đình Sự Uyển[124] là sách ghi chép những ngôn hạnh trong nhà Thiền, cũng như những sách Lâm Gian Lục, Tông Môn Vũ Khố[125] cũng chẳng nên gọi là "từ điển" trong bản sửa chữa lần thứ hai. Bởi lẽ những sách ấy ghi chép những câu nói và những câu chuyện trực chỉ nhân tâm. Trong lời tựa cho thiên thứ hai, có lẽ nên đổi chữ Tông thành chữ Giáo! Như Lai thuyết kinh, chư Tổ hoằng truyền, lưu truyền khắp trong ngoài nước, những danh tướng, pháp số trong ấy nếu không đọc nhuyễn nhừ toàn bộ tạng kinh sẽ chẳng dễ gì biết được. Do vậy [cổ đức] bèn soạn ra các sách Giáo Thừa Pháp Số, Đại Minh Tam Tạng Pháp Số. Đấy chính là cội nguồn của những sách này vậy.

Quang mục lực quá suy, lại thêm tinh thần chẳng đủ. Thoạt đầu vừa mới về đến núi thì do bị trúng gió trong khi ngồi thuyền, cả mười mấy ngày chẳng được khỏe khoắn; sau đấy tuy đã khỏi bệnh nhưng hằng ngày lại phải trả lời thư hoặc giảo duyệt sách, gần như không rảnh rỗi chút nào. Đối với bộ Lục Tổ Đàn Kinh, chỉ xem ba tấm bia của Vương, Liễu, Lưu, những phần khác chưa xem. Các hạ chí mong lợi người, muốn dùng một bộ sách để chú thích trọn khắp các kinh thì hãy nên dốc sức khảo sát nghiên cứu hai ba năm, ngõ hầu người đọc đoạn sạch mọi mối nghi thì công đức lớn lắm. Nếu chỉ muốn ra sách cho nhanh, chắc chắn khó thể không sai lầm! Đối với bậc thông gia thì không trở ngại gì,

---

[124] Tổ Đình Sự Uyển gồm 8 quyển, do Mục Am Thiện Khanh soạn vào đời Tống, ghi lại ngữ lục, hành trạng tóm tắt của các vị thiền sư nổi tiếng thời ấy như Vân Môn Văn Yển, Tuyết Đậu Trọng Hiển… Đồng thời sách còn giảng giải những từ ngữ khó nên trong thuở trước, sách này thường được coi như một cuốn tự điển trong nhà Thiền.

[125] Lâm Gian Lục do ngài Giác Phạm Huệ Hồng (1071-1128) soạn vào đời Tống. Sách có tên gọi đầy đủ là Thạch Môn Hồng Giác Phạm Lâm Gian Lục. Đây chính là ngữ lục của ngài Giác Phạm, ghi chép những lời bàn luận, tán dương hạnh đẹp của các vị tôn túc, cũng như những di huấn trong thiền lâm, những ý chỉ của chư Phật, Bồ Tát v.v…

Tông Môn Vũ Khố do Đạo Khiêm soạn vào đời Tống, có tên gọi đầy đủ là Đại Huệ Phổ Giác Thiền Sư Tông Môn Vũ Khố. Sách này là phụ lục của cuốn Đại Huệ Phổ Giác Thiền Sư Ngữ Lục, tập hợp lời ngài Đại Huệ Tông Cảo luận về nhân duyên, hành trạng, giáo huấn, cơ phong chuyển ngữ nhằm tùy cơ tiếp độ người học của các cổ đức trong nhà Thiền, kèm thêm những lời bình chú của Đạo Khiêm.

nhưng kẻ sơ cơ chắc sẽ không biết nguyên do. Quang túc nghiệp sâu nặng, chẳng thể dốc chút sức mọn cho các hạ được, nhưng trọn một niềm ngu thành. Chỉ vì sợ lỡ ra người trong cả cõi đời chẳng được hưởng lợi ích cho nên mới ăn nói phiền phức, lụn vụn như thế.

20. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư và cuốn Phật Học Cơ Sở , khôn ngăn vui mừng, biết các hạ chỉ mong cho ai nấy đều xây lầu cao vạn trượng mau được thành công, vĩnh viễn không bị nghiêng đổ. "Sanh tạng" chính là bộ vị nơi thức ăn chưa được tiêu hóa[126]; còn "thục tạng" là bộ vị nơi thức ăn đã tiêu hóa. Do vậy, con nằm trong bụng mẹ sẽ ở phía dưới sanh tạng, phía trên thục tạng[127]. Các hạ thông hiểu y học sâu xa, những hình vẽ giải phẫu bụng v.v… đều thuộc nằm lòng, ắt sẽ biết rõ từng bộ vị, còn Quang chỉ biết danh nghĩa mà thôi. Tác phẩm Phật Học Cơ Sở [của các hạ] xếp đặt khá xác đáng, nhưng đem những lời lẽ hủ bại của Quang xếp vào thể loại Quỳnh Lâm[128] (rừng quỳnh) thì thể loại, khí phận chẳng xứng, cảm thấy xấu hổ khôn ngằn! Lời tựa của Thiền hòa thượng rất hay, đủ để khơi gợi lòng tin tưởng, kính ngưỡng của người khác rồi, cần tới lời bình hủ bại của Quang làm chi nữa?

21. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được một bộ Phật Học Tiểu Từ Điển do ông ban tặng. Đọc rồi khôn ngăn cảm kích *(chẳng qua là lật xem qua mà thôi, chứ ngay cả một trang cũng không xem trọn).* Cư sĩ Tôn Kế Chi phát đại tâm hướng dẫn

---

[126] Sanh Tạng là nơi thức ăn mới được nghiền nát, chưa được tách ra thành các dưỡng chất dưới tác dụng của các diếu tố (enzymes) tiêu hóa. Như vậy Sanh Tạng bao gồm thực quản, dạ dày. Thục tạng gồm ruột non, ruột già.

[127] Đây là lời thắc mắc của ông Đinh Phước Bảo về một câu trong Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Trọng Nan Báo Kinh (ta thường gọi là kinh Báo Ân Phụ Mẫu), *"con nằm trong bụng mẹ, ở phía dưới sanh tạng, phía trên thục tạng".*

[128] Quỳnh lâm: Vốn gọi đủ là *"quỳnh lâm ngọc thụ"* (rừng quỳnh cây ngọc). Quỳnh (瓊) là một loại ngọc quý và đẹp. Do vậy, "quỳnh lâm ngọc thụ" thường dùng để chỉ chung những gì thanh cao, đẹp đẽ, nhất là những lời nói tuyệt diệu. Từ ngữ này vốn trích từ một câu nói trong tác phẩm Hoắc Tiểu Ngọc Truyện của Tưởng Phòng đời Đường: *"Đản giác nhất thất chi trung, nhược quỳnh lâm ngọc thụ, hỗ tương chiếu diệu, chuyển phán tinh thái xạ nhân"* (Chỉ nhận thấy trong căn phòng khác nào rừng quỳnh cây ngọc, chiếu ngời lẫn nhau, đưa mắt nhìn thấy màu sắc tinh xảo lóa mắt).

làm lợi kẻ sơ cơ như thế ấy công đức vô lượng, nhưng cỡ chữ quá nhỏ, đọc lâu ắt sẽ hư mắt. Đối với người nghiên cứu Phật học đã lâu thì xem sách này hay không đều được! Tôi trộm sợ người chỉ có tín tâm, chưa từng nhập môn, trông thấy sách này sẽ dựa vào đấy như ngôi thành quan trọng, như hòn Thái Sơn, sẽ dẫn đến tình thế "nếu mắt chẳng bị tổn thương thì chẳng chịu tạm buông sách ra". Các hạ và ông Tôn đều cùng sẵn lòng lợi người nhưng do đấy làm hỏng con mắt của người khác thì tuy kết pháp duyên mà cũng gây nên cái họa mắt bị tật trong đời vị lai.

Ấn Quang sanh ra liền bị bệnh mắt, nay tiếc cho con mắt của người khác còn hơn chính mình, thường thấy những thiếu niên thông minh, mẫn tiệp đa số đều cận thị, hỏi tới thì họ nói do đọc sách chữ nhỏ mà ra. Trộm nghĩ những kẻ buôn bán tại các tiệm sách chỉ thích những sách hiếm lạ, phô phang chuyện dị thường để được lời to, chẳng cần biết sẽ có lợi hay gây hại cho người khác! Tối lòng, mờ lý, tận lực tìm cầu phương cách để thu lợi, hạng người ấy nào đáng để nói tới, chỉ đành mặc kệ họ làm gì thì làm! Quả thật Quang chẳng dám nghĩ các hạ và ông Tôn đã phát đại Bồ Tát tâm mà cũng bắt chước phương thức của bọn chúng! Hơn nữa, là bạn tâm giao với nhau đã lâu, vì thế chẳng thể không giãi bày tấm lòng ngu thành để mong sao nhục nhãn lẫn pháp nhãn của hết thảy những người cùng hàng đều cùng sáng ngời, các hạ và ông Tôn sẽ đạt được quả báo ngũ nhãn viên minh, vĩnh viễn dứt được nỗi lo âu mắt quáng! Nếu tái bản sách này, hãy nên sửa đổi phương thức trình bày!

Bộ [Phật Học] Đại Từ Điển muôn vàn đừng dùng kiểu chữ làm hỏng con mắt này thì Ấn Quang được đội ơn nhiều lắm. Trong phương thức trình bày sách Giản Ma Biện Dị Lục giữa Nam Kinh và Dương Châu thì những chữ được in lớn hay nhỏ đều giống như nhau, nhưng trong ấy có những đoạn in hàng đôi, người già đọc sẽ cảm thấy tốn sức, Ấn Quang đều sửa thành hàng đơn để mong người đọc được lợi ích, không bị tổn hại.

Trong mùa Xuân, các hạ đã ban tặng cuốn Phật Học Chỉ Nam, sai Quang châm chước, sửa chữa. Quang gắng vâng theo nhã ý, nhưng giữ đã lâu vẫn chưa duyệt cặn kẽ được. Ấy là vì cư sĩ Từ Úy Như có một người bạn sao được bản Thập Nhất Diện Thần Chú Kinh Sớ[129] từ Đại Tạng Kinh Nhật Bản, do bản này được lưu truyền đã lâu, có nhiều chỗ

[129] Tức bản Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh Nghĩa Sớ, không rõ ai là tác giả, được đánh số 1802 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Đây là bản sớ giải bộ Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Tâm Kinh (Mukhadaśaikavidyā-mantra-hrdaya) do ngài Da Xá Quật Đa dịch dưới thời Bắc Châu.

sai ngoa. Vì năm ngoái ông ta đã dựa theo Đại Tạng Kinh Nhật Bản để khắc cuốn Tùy Tự Ý Tam Muội, đem gởi cho Quang. Quang đọc cặn kẽ, tâm cảm thấy không yên, liền làm càn sửa chữa rồi gởi đi. Ông ta hết sức tán thành, tính khắc in lại ngay; lại bảo Quang viết lời tựa trình bày rõ nguyên do. Chắc các hạ đã để mắt xanh đọc lời tựa ấy trên tờ Thời Sự Tân Báo rồi. Do bởi lẽ ấy, lại phải sửa chữa bản Thập Nhất Diện Sớ [theo lời yêu cầu của ông Từ]. Chữ của bản sao ấy quá nhỏ, Quang chỉ đọc mười mấy tờ, chưa viết lách gì mà mắt đã bị tổn thương nặng nề! Suốt hai mươi mấy ngày chẳng dám dùng đến mắt chút nào. Đến nay, Phật Học Chỉ Nam lẫn Thập Nhất Diện Sớ đều chưa ngó tới, sợ các hạ phải đợi lâu chắc sẽ trách móc, nên trần thuật nguyên do. Gần đây, ngoài chuyện phải thù tiếp chuyện của người khác ra, còn có hơn bảy trăm trang sách chưa duyệt! Vì thế, chẳng thể nhanh chóng đáp ứng lòng mong đợi cao nhã. Thợ khắc chữ ở Dương Châu cứ kéo dài dây dưa, trong tháng Tư này tôi lại phải qua đó lo liệu. Nay tôi tính ra đi vào đầu tháng Bảy, chứ đi sớm sẽ vô ích!

22. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư)

Vừa nhận được thư, biết các hạ tuy học rộng lại chẳng thẹn hỏi xuống[130]. Quang thật sự là kẻ vô tri vô thức, chẳng ngại dâng lên những điều mình hay biết. Dựa theo cuốn Đại Minh Trùng Khắc Phương Sách Đại Tạng Duyên Khởi (Duyên Khởi Khắc Lại Đại Tạng Kinh của nhà Đại Minh theo lối in Phương Sách), trong lời tựa của Lục Quang Tổ[131] nơi thiên thứ nhất có đoạn: "*Xưa kia có người nữ tên là Thôi Pháp Trân chặt tay để quyên mộ khắc Đại Tạng Kinh, ba mươi năm mới hoàn thành. Đương thời có đàn-việt hy sinh hết tài sản, đem con đi gán nợ [để lấy tiền] cung ứng. Thánh triều hoằng dương đạo pháp rộng lớn, hơn hẳn*

[130] Nguyên văn "hạ vấn", đây là cách nói khiêm hư, ngụ ý Tổ chẳng có học vấn gì, không hiểu biết gì mà ông Đinh Phước Bảo vẫn hạ mình hỏi ý kiến.

[131] Lục Quang Tổ (1521-1597), tự Dữ Thằng, hiệu Ngũ Đài Cư Sĩ, người Bình Hồ, tỉnh Chiết Giang, đỗ Tiến Sĩ năm Gia Tĩnh 26 (1547), làm quan tới chức Lại Bộ Thượng Thư. Ông tánh tình trung trực, cứng cỏi, nên va chạm rất nhiều với những gã xu nịnh trong triều, thường phải xin về nghỉ nhiều lần. Trong thời gian xin về nghỉ, ông chuyên tâm nghiên cứu Phật học, phát nguyện hoằng pháp, chẳng màng tiếng khen chê. Ông từng phát tâm quyên mộ khắc in bộ Ngũ Đăng Hội Nguyên, trùng tu tháp chùa Dục Vương, cũng như xướng suất khắc Đại Tạng Kinh theo kiểu rút nhỏ. Về già, ông chơi rất thân với đại sư Tử Bách, tu tập Niệm Phật tam-muội. Đến lúc mất, tay kết ấn, chú tâm niệm Phật, an nhiên vãng sanh.

những triều đại trước rất xa, há chẳng có bậc hào kiệt có lòng cao trỗi hơn [Pháp Trân] ư? Đã không đề xướng cho [việc khắc kinh] được thành tựu mà khi được khuyên dụ lại viện cớ khó khăn, như vậy thì chí của kẻ trượng phu chẳng bằng được một người nữ!"

Nơi thiên thứ hai, trong lời tựa của Phùng Mộng Trinh[132] có đoạn: *"Trong thời Tống - Nguyên, trừ bản được khắc ở kinh đô ra, như bản [Đại Tạng Kinh được khắc bởi chùa] Tích Sa ở Bình Giang, một ngôi chùa nọ ở Ngô Hưng hoặc ngôi chùa kia ở đất Việt đều có tàng bản, không ít hơn bảy tám bản [Đại Tạng Kinh khác nhau]. Đấy là một đầu mối khiến cho pháp đạo thịnh hành. Đến quốc triều chỉ có hai bản Đại Tạng được khắc ở kinh đô".*

Lại còn viết: "*Do vậy, ghi chép duyên khởi của bản Tích Sa Tạng[133]: Ni sư Hoằng Đạo chặt tay để quyên hóa. Hoằng Đạo khuyến hóa xong, đồ đệ của ni sư lại nối chí chặt tay, phải qua ba đời mới mãn nguyện ấy. Bọn ta là trượng phu, chẳng thể dùng thâm tâm gánh vác đại pháp, khắc bản lưu thông, đâm ra chẳng bằng một nữ nhân! Nay sanh đúng cõi đời Phật pháp được thanh lặng, vào núi báu lại về tay không, há chẳng thẹn đến chết ư?".*

"Người nữ tên Thôi Pháp Trân" như ông Lục đã viết chính là *"vị ni sư tên Hoằng Đạo ở chùa Tích Sa"* trong bài viết của ông Phùng. Hai cái tên Pháp Trân và Hoằng Đạo thì một là nêu pháp tự, hai là nêu pháp hiệu, chứ không phải là hai người. Nói *"nữ nhân*" để tăng khí thế cho câu văn ở phía sau: *"Chí của kẻ trượng phu chẳng bằng được một người nữ!"*. Ghi "Thôi Pháp Trân" là theo cách viết tên trên độ điệp[134] thời cổ, đều

---

[132] Phùng Mộng Trinh (1548-1595), tự Khai Chi, quê ở Tú Thủy (Gia Hưng, Chiết Giang), là một danh sĩ đời Minh, hiếu học, thông thạo rộng rãi kinh sử, trước tác rất nhiều. Ông đỗ Tiến Sĩ năm Vạn Lịch thứ năm (1577), giữ chức Hàn Lâm Biên Tu. Về già, ông lập biệt thự tại Tây Hồ, đặt tên là Tây Hồ Thảo Đường, thường thích đọc kinh Phật, ngao du thăm viếng những chùa miếu quanh vùng Tây Hồ. Những trước tác nổi tiếng nhất của ông như Khoái Tuyết Đường Tập, Khoái Tuyết Đường Mạn Lục, Lịch Đại Cống Cử Chí đều được đưa vào Tứ Khố Tổng Mục thời Minh.

[133] Tích Sa Tạng là bản Đại Tạng Kinh được khắc từ năm Thiệu Định thứ hai (1229) đời vua Tống Lý Tông nhà Nam Tống cho đến năm Chí Trị thứ hai (1322) đời vua Nguyên Anh Tông, tổng cộng gồm 592 hòm, tức 6.362 quyển, gồm tất cả 1.532 bộ kinh. Do kinh được khắc in ở chùa Tích Sa Diên Thánh Viện thuộc Trần Châu, phủ Bình Giang (nay là Ngô Huyện tỉnh Giang Tô) nên bản in này được gọi là Tích Sa Tạng.

[134] Độ Điệp (度牒): Giấy chứng minh một vị Tăng đã thật sự thọ Cụ Túc Giới (đắc độ) trong một giới đàn được triều đình công nhận, tuân thủ đúng theo quy chế thọ

ghi họ ngoài đời trước pháp danh. Vì thế mới có kiểu gọi [pháp danh] kèm theo họ ngoài đời, như Mã đại sư, Vương lão sư, Trầm Liên Trì v.v… chứ chẳng phải [Thôi Pháp Trân] là một nữ nhân tại gia, không phải là ni sư!

Câu tiếp theo là: *"Thánh triều hoằng dương đạo pháp rộng lớn, hơn hẳn những triều đại trước rất xa".* Lại dựa theo lời tựa của ông Phùng thì biết ni sư không phải là người đời Minh. Vì sao biết ni sư không phải là người đời Tống mà là người đời Nguyên? Do [căn cứ trên] phương pháp khắc ván. Bắt đầu từ thời Ngũ Đại, Phùng Đạo[135] cho khắc ván

---

giới của nhà Phật. Độ Điệp thường do triều đình cấp. Quy chế này được lập ra từ thời Bắc Ngụy. Đến đời Đường, vào năm Khai Nguyên 17 (729) triều đình hạ lệnh tăng ni trong toàn quốc cứ mỗi ba năm phải đăng ký vào sổ bộ. Đến năm Thiên Bảo thứ sáu (747), nhà Đường lập riêng chức quan Công Đức Sứ trực thuộc Thượng Thư Tỉnh để trông coi việc cấp chứng minh thư cho tăng nhân. Đến năm Đại Trung thứ 10 (856), Độ Điệp được gọi là Giới Điệp và theo những quy định rất ngặt nghèo. Tăng nhân không có Giới Điệp sẽ không được triều đình thừa nhận, có thể bị bỏ tù bất cứ lúc nào! Dưới đời Minh để được cấp Độ Điệp, tăng nhân phải thi đậu kỳ khảo hạch về kinh điển mới được phép xin thọ Cụ Túc Giới. Mỗi một lần truyền giới phải được triều đình chấp thuận. Ai tự tiện mở giới đàn không xin phép triều đình, cho dù là quốc sư, cũng sẽ bị phạt vạ rất nặng.

[135] Phùng Đạo (882-954), tự Khả Đạo, hiệu Trường Lạc Lão, người huyện Cảnh Thành, Doanh Châu (nay là huyện Giao Hà, tỉnh Hà Bắc), làm Tể Tướng trải suốt năm triều đại, tám dòng họ, phục vụ mười ba vị vua, thường bị các sử gia coi là một gã hoạt đầu chính trị bậc nhất trong lịch sử Trung Hoa. Trong bộ Tư Trị Thông Giám, Tư Mã Quang đã miệt thị Phùng Đạo là "gian thần bậc nhất"; còn Âu Dương Tu thì phê phán nặng hơn: *"Chẳng biết liêm sỉ là vật gì!"* Thoạt đầu, ông ta vốn là thủ hạ của Lý Tồn Úc. Khi Lý Tồn Úc diệt Hậu Lương, lập ra nhà Hậu Đường (năm 923), liền cho Phùng Đạo giữ chức Hộ Bộ Thị Lang, rồi thăng lên làm Tể Tướng dưới đời vua Hậu Đường Minh Tông (Lý Tự Nguyên). Tuy là Tể Tướng, nhưng tới khi Lý Tùng Kha (con nuôi của Mẫn Đế) dấy loạn đoạt ngôi vua của Đường Mẫn Đế (Lý Tùng Hậu), trở thành Đường Mạt Đế (Xuất Đế), Mẫn Đế phải chạy sang nương tựa Thạch Kính Đường, ông ta không thèm theo vua hộ giá, mà lại thống lãnh bá quan tiếp rước tân hoàng đế. Tới khi Thạch Kính Đường diệt nhà Hậu Đường, lập ra nhà Hậu Tấn (năm 936), với tài luồn lọt, Phùng Đạo lại trở thành Tể Tướng của nhà Hậu Tấn. Tới năm 946, quân Khiết Đan dưới sự thống lãnh của Gia Luật Đức Quang của nhà Liêu kéo quân xuống phía Nam, sát nhập lãnh thổ Hậu Tấn vào Đại Liêu, Đức Quang vẫn cho Phùng Đạo giữ chức Thái Phó. Không lâu sau, bộ hạ cũ của Thạch Kính Đường là Lưu Trí Viễn chiếm lại lãnh thổ nhà Hậu Tấn, đuổi quân Liêu về Bắc, lập ra nhà Hậu Hán (năm 947). Nhờ khéo luồn lọt, Phùng Đạo lại được Lưu Trí Viễn phong làm Thái Sư. Bốn năm sau, bộ hạ của Lưu Trí Viễn là Quách Oai soán ngôi, lập ra nhà Hậu Châu, Phùng Đạo vẫn được Quách Oai cho giữ chức Thái Sư Trung Thư Lệnh cho đến khi mất. Trong suốt thời gian làm Tể Tướng, Phùng Đạo chỉ đóng

chín bộ kinh Nho giáo phải mất mấy chục năm mới khắc xong. Đến đời Tống tuy đã tinh xảo, nhanh chóng hơn, nhưng dựa trên sự kiện sách Long Thư Tịnh Độ Văn chỉ gồm hơn một trăm trang, lúc ấy đang nhằm thời Nam Tống mà vẫn phải khắc mất mấy tháng. *"Do một người nữ đứng ra đề xướng, ba mươi năm mới khắc xong toàn bộ Đại Tạng"* thì rõ ràng là dưới triều Nguyên chứ không còn nghi ngờ gì nữa!

Vì sao biết kinh được khắc thuộc dạng Phạn bản?[136] Trong lời tựa thứ năm của Mật Tạng đại sư có ghi: *"Thái Tổ đã khắc toàn bộ Đại Tạng tại Kim Lăng (Nam Kinh), Thái Tông lại cho khắc bản đích xác hơn ở Bắc Bình (Bắc Kinh). Ấy chính là ý nguyện hoằng pháp của thánh nhân chỉ mong [kinh điển nhà Phật] được phổ biến. Vì thế, Đại Tạng được khắc để lưu hành trong cõi đời, chẳng ngại phải khắc đi khắc lại. Về sau, [chùa Chiêu Khánh ở] Vũ Lâm thuộc Chiết Giang vâng theo đức ý[137] liền cho tạo phương sách[138], nhưng năm tháng đã lâu, bản khắc bị thất lạc"*. Đây chính là khởi nguồn của việc in kinh Phật theo lối Phương Sách vậy! Xưa kia, hễ là sách Phật thì đều dùng lối in Phạn bản. Ở kinh đô, Quang từng được thấy bản lưu thông của [các sách] Lăng Nghiêm

---

góp được mỗi một việc có ý nghĩa cho cõi đời là ra lệnh khắc ván quy mô chín bản kinh điển trọng yếu của Nho Gia dưới sự bảo trợ của triều đình.

[136] Phạn bản theo nghĩa thông thường có nghĩa là nguyên văn chép bằng tiếng Sankrit (tiếng Bắc Phạn), nhưng từ ngữ này được dùng ở đây để chỉ một lối in kinh. Trong cách in kinh này, mỗi trang gồm mười hai dòng, mỗi dòng độ 17 chữ, được chia thành hai nửa trang, có vạch phân cách chính giữa, nhưng vẫn chỉ đánh số như một trang (chỉ in một mặt giấy). Do vậy khi xếp lại thành quyển để đóng gáy, hai mặt giấy trắng đâu lưng vào nhau, mỗi một trang giấy của quyển sách đã đóng chỉ là nửa trang giấy ban đầu (tức mỗi trang chỉ gồm sáu dòng; đúng ra phải gọi là cột), cứ mỗi hai mặt của một trang giấy đã xếp ấy mới gọi là một trang (vì thế lối in này còn gọi là Chiết Tử). Đây là cách in mô phỏng lối chép kinh theo hàng ngang trên lá bối của Ấn Độ nên gọi là Phạn Bản. Đôi khi có những bản in như Thục Bản lại được in theo lối Quyển Tử, tức mỗi trang được in trên một tờ giấy dài, mỗi một tờ như vậy gồm hai mươi ba hàng, mỗi hàng mười sáu hay mười bảy chữ, một bộ kinh in xong được cuốn thành cuộn chứ không xếp giấy đóng thành sách. Về sau này, tuy kỹ thuật ấn loát tiến bộ hơn, đã in được cả hai mặt giấy, nhưng nếu mỗi trang bị cắt ra như vậy thì bản in ấy vẫn gọi là Phạn bản.

Còn Phương Sách chính là lối in sách theo truyền thống Trung Hoa, mỗi mặt giấy được tính là một trang gồm năm hay sáu dòng, mỗi dòng là mười sáu chữ, sách luôn được xếp giấy đóng gáy như mọi sách vở trong cõi đời.

[137] Đức ý (德意): Ý nguyện cao đẹp hoằng pháp lợi người.

[138] Tức trình bày kinh Phật theo lối Phương Sách như đã nói trong chú thích trên đây.

Hội Giải[139], Hoa Nghiêm Sớ Sao[140] đều được [in theo lối] Phạn bản. Chẳng phải chỉ có thế mà thôi, ngay như cuốn Quảng Nguyên Giáo Luận do Trầm Sĩ Vinh soạn được in theo lối Phạn bản. Đủ biết sách nhà Phật thời cổ đều nhất loạt được in theo kiểu Phạn bản. Từ khi [lối in] Phương Sách được lưu hành trở đi, do muốn thuận tiện, bất luận kinh, luật, luận, hay trước thuật, đều dùng kiểu Phương Sách. Chẳng biết các hạ có cuốn Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh này hay không? Mùa Thu năm nay tôi đã nhờ người viết chữ đẹp chép lại, cho khắc ván, có thể ra sách vào mùa Xuân năm sau. Khi in ra, sẽ đem mấy cuốn dâng lên các hạ và một hai người bạn quen biết để kết pháp duyên. Quang hiểu biết như vậy đó. Vì thế liền đem điều mình biết trình lên, những sự tích khác thì tôi chẳng được biết.

Sách Duyên Khởi Khắc Đại Tạng Kinh gồm mười tám thiên tất cả. Mỗi tác giả trình bày theo một quy củ riêng; vì thế có người viết liên tiếp, có người chừa một ô trống, có người chừa trống hai ô để thay cho cách viết Đài Đầu[141]. Ngoài mười tám thiên ra còn có quy ước khắc tạng, giảo

---

[139] Lăng Nghiêm Hội Giải (gọi tên đầy đủ là Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Hội Giải Sớ) do thiền sư Duy Tắc soạn vào đời Nguyên, chọn lọc tất cả những chú giải kinh Lăng Nghiêm của các vị cổ đức từ thời Đường, Tống, Nguyên, thêm phần bình chú của chính mình mà soạn thành. Thiền Sư Duy Tắc (?-1354) thuộc tông Lâm Tế, quê ở Cát An (tỉnh Giang Tây), hiệu Thiên Như, lúc bé xuống tóc ở Hòa Sơn, sau sang núi Thiên Mục nhập chúng, đắc pháp với thiền sư Trung Phong Minh Bổn, được ngài Trung Phong chọn làm pháp tự. Sư chấn hưng Tông phong, hoằng dương pháp Thiền mạnh mẽ, nhưng lại chuyên tu Tịnh nghiệp, soạn sách Tịnh Độ Hoặc Vấn để phá trừ các nghi hoặc về Tịnh Độ. Sư được Nguyên Thuận Đế ban mỹ hiệu "Phật Tâm Phổ Tế Văn Huệ Đại Biện Thiền Sư", tặng y kim lan. Ngoài hai bộ sách nói trên, Sư còn có những tác phẩm nổi tiếng khác như Ngữ Lục, Thập Phương Giới Đồ Thuyết v.v…

[140] Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao (tám mươi quyển): Thoạt đầu, ngài Thanh Lương Trừng Quán soạn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ từ năm Hưng Nguyên nguyên niên (784) đến năm Trinh Nguyên thứ ba (787) gồm 60 quyển nhằm giảng giải kinh Hoa Nghiêm. Sau đấy, các đệ tử của Ngài như Tăng Duệ v.v… hơn một trăm người soạn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao (gọi tắt là Diễn Nghĩa Sao, gồm 90 quyển) nhằm giải thích bộ sớ này. Đến đời Tống, Tịnh Nguyên mới phối hợp chánh kinh với lời sớ, tạo thành bộ Hoa Nghiêm Sớ Chú gồm 120 quyển. Sau đấy, người ta mới ghép Sớ và Sao chung thành một bộ, lược bớt những ý kiến trùng lặp trong phần Sao, tạo thành bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao gồm tám mươi quyển.

[141] Đài Đầu là cách viết theo lối cổ nhằm thể hiện ý tôn kính. Nếu nói chi tiết thì có hai cách dùng:

đối v.v… tổng cộng tám mươi mấy trang. Quang chiếu theo cách khắc kinh hiện thời: Cứ mỗi trang là mười hàng, mỗi hàng hai mươi chữ, chép liên tiếp, nên [bản mới] gồm tổng cộng năm mươi trang. Lời văn giữ theo đúng nguyên văn, nhưng phương thức trình bày tuân theo cách thức hiện thời. Do vậy, bớt được ba mươi mấy trang giấy cho dễ lưu thông.

Phật Học Đại Từ Điển là cửa ngõ đầu tiên để vào Phật pháp, chỉ nên [biên soạn] thong thả trong hai ba năm, chớ nên muốn mau ra sách kẻo bị sai ngoa. Tuy các hạ huệ quang chiếu khắp như mặt trời mọc lên soi trọn hoàn vũ, nhưng kẻ thấy cạn nghe ít chẳng ngại gì đem kiến thức thấy cạn nghe ít để dâng lên nhằm tỏ lòng ngu muội khăng khắng chí thành ngưỡng mộ mà thôi! Hơn nữa, Pháp Trân và Hoằng Đạo quyết không phải là hai người. Nếu là hai người thì vì sao ông Lục lại chỉ nhắc đến Pháp Trân, ông Phùng chỉ nói đến Hoằng Đạo? Chuyện đặc biệt ấy sao lại bỏ sót không nêu lên? Huống hồ [hai ông] đều muốn nhờ vào đấy để phát khởi cái tâm thù thắng gánh vác pháp của bậc trượng phu ư?

23. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm)

Hôm qua nhận được thư và cuốn Phật Giáo Tông Phái Chú (ghi chú về các tông phái Phật giáo), khôn ngăn vui mừng, an ủi. Quang gần đây bận việc túi bụi, không rảnh rỗi để đọc kỹ được, chỉ đọc lời tựa tổng quát mà thôi; những phần khác đều là tùy tiện xem qua. Nơi dòng thứ bốn trong trang hai mươi sáu, phần chữ nhỏ, chữ Sách (冊) trong từ ngữ Thiên Sách (天冊: sách trời) bị viết sai thành Đan (丹), chữ Vũ (武) trong Vũ Thị (武氏: họ Vũ) bị viết sai thành Từ (慈). Đấy là do kẻ sắp chữ không cẩn thận mà ra. Ông Vạn làm thầy dạy học đã lâu[142], những

---

1) Na Đài: Phía trước tên người được xưng hô sẽ bỏ một ô trống. Cách này vẫn còn sử dụng trong những văn kiện chánh thức của Đài Loan.

2) Bình Đài: Nhằm thể hiện ý tôn trọng tột bậc. Mỗi khi gặp danh xưng của một người liền xuống hàng, bắt đầu một dòng mới bằng danh xưng ấy.

[142] Nguyên văn *"Vạn quân cửu thân hàm trượng"* (ông Vạn đích thân dạy học đã lâu). Chữ Hàm Trượng (函 丈) vốn là một từ ngữ để gọi thầy dạy học một cách cung kính. Quan Huyền khi chú giải sách Lễ Ký đã giảng câu: *"Nhược phi ẩm thực chi khách, tắc bố tịch, tịch gian hàm trượng"* (Nếu không phải là khách đến ăn uống thì trải chiếu, chiếu được trải trong khoảng một trượng) như sau : *"Người giảng và kẻ nghe giảng ngồi cách nhau trong vòng một trượng nên gọi là Hàm Trượng".*

kẻ được ông ấy chỉ dạy chắc sẽ chẳng đến nỗi phạm những sai lầm nhức mắt ấy.

An Sĩ Toàn Thư được các hạ nhận lãnh làm sách tài liệu và lưu thông, Quang sẽ thay cho quốc dân đối trước Tam Bảo lễ tạ hằng ngày. Thoạt đầu, An Sĩ tiên sinh quyết định cách [trình bày bản in] cũng chưa tốt lành tột bậc, bởi lẽ những lời văn giáo huấn [của cổ nhân], cũng như những sự việc dùng để dẫn chứng, những lời bàn luận về cái tâm do ông ta viết ra v.v... đều in Đảnh Cách[143] hết, cho nên không phân biệt được chủ và khách. Các hạ bảo đổi thành cỡ chữ Nhị Hiệu Tự quả là chí lý danh ngôn, nhưng sợ làm theo cách ấy sẽ khó thể điều chỉnh được, lỡ ra chẳng được như pháp! Quang tính trừ những đoạn văn ghi sự tích ra, những phần khác đều in thấp xuống một chữ ngõ hầu chẳng bị lẫn lộn. Đối với bốn câu *"Vu Công..."* [tiên sinh An Sĩ không giải thích], trong năm ngoái khi vị Đô Đốc đất Điền (Vân Nam) phát tâm khắc ván [bộ An Sĩ Toàn Thư], Quang đã sao lại [hành trạng trong đời cuối cùng của] Đế Quân [tại nhân gian (tức Trương Á đời Tấn)] và những sự tích [được nhắc tới trong] bốn câu ấy đem gởi đi[144] . Ông Đường tuy đã rút lui,

---

[143] Đảnh Cách (頂 格) là in một cột chữ cao hơn những cột khác một chữ. Cách này thường áp dụng để nhấn mạnh phần chánh văn trong một bài viết nhằm chú giải một đoạn kinh hay một thiên sách nào đó.

[144] Đây là bốn câu trong Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn không được Châu An Sĩ giải thích chi tiết: *"Vu công trị ngục đại hưng tứ mã chi môn, Đậu thị tế nhân cao chiết ngũ chi chi quế, cứu nghị trúng Trạng Nguyên chi tuyển, mai xà hưởng Tể Tướng chi vinh"* (Vu công coi ngục cửa công đường to lớn, rộn ràng xe tứ mã, họ Đậu cứu người bẻ năm cành quế trên cao, cứu kiến đậu Trạng Nguyên, chôn rắn được hiển vinh làm Tể Tướng). Tổ Ấn Quang đã ghi phần bổ khuyết như sau: *"An Sĩ tiên sinh soạn tập cuốn sách này, sự lý, văn nghĩa thảy đều chu đáo. Chỉ có đời cuối cùng của Đế Quân và bốn chuyện Vu Công coi ngục, họ Đậu cứu người, Tống Giao cứu kiến, Thúc Ngao chôn rắn đều chưa từng sao chép. Chắc là do các sách khác đã chép đầy đủ, đời sau đều biết nên lược đi, nhưng kẻ chưa từng đọc rộng rãi sẽ không biết được. Quả thật là một điều đáng tiếc nuối. Do vậy, tôi bèn dựa theo Âm Chất Văn Chú Chứng chép bổ sung vào đây để sự thật được sáng tỏ bởi chẳng tiện sửa đổi nguyên văn….*

Đời Hán, Vu Công là người Đông Hải, làm Đề Lại coi ngục. Trong quận có người đàn bà hiếu thảo, ở góa thủ tiết, nuôi mẹ chồng rất chu đáo. Mẹ chồng [thương con dâu còn trẻ], sợ con dâu lỡ dịp đi lấy chồng khác bèn tự thắt cổ chết. Người em chồng liền vu cho nàng dâu đã bức chết mẹ, nàng dâu không biện bạch được. Vu Công bào chữa cũng không được, nàng dâu bị xử tội chết. Xứ Đông Hải liền bị hạn hán ba năm. Về sau, quan Thái Thú đến, Vu Công thưa bày nỗi oan, tế lễ trước mộ người con dâu hiếu thảo, trời liền đổ mưa. Phàm những vụ án do Vu Công xét xử,

mọi người đều phục. Cửa công đường hư, dân chúng tính sửa chữa. Ông nói: "Cửa này cao lớn có thể lọt lọng, xe tứ mã được! Ta coi ngục nhiều âm đức mà cũng không oan uổng, con cháu ắt sẽ hưng thịnh". Sau này, con ông là Định Quốc quả nhiên làm Thừa Tướng, tước phong Bình Tây Hầu. Cháu là Vĩnh Lữ làm Ngự Sử Đại Phu.

Đậu Vũ Quân thời Ngũ Đại, người ở Yên Sơn, ngoài ba mươi tuổi vẫn không con. Mộng thấy ông nội bảo: "Chẳng những ngươi không có con mà còn chẳng thọ! Hãy nên sớm tu đức để xoay chuyển lòng trời". Do vậy, Vũ Quân tận lực làm lành. Có kẻ ăn trộm hai trăm ngàn đồng, tự viết tờ bằng khoán buộc vào lưng đứa con gái bé, viết: "Bán vĩnh viễn đứa con gái để đền tiền nợ", rồi bỏ trốn. Ông thương xót, đốt bằng khoán, nuôi lớn đứa bé gái cũng như chọn nơi đàng hoàng gả chồng cho nó. Trong họ nội, họ ngoại, có ai bị tang ma không lo liệu được, ông bèn bỏ tiền chôn cất. Có người có con gái không lấy chồng được [vì thiếu tiền hồi môn], ông bèn bỏ tiền làm đám cưới. Đối với thu nhập mỗi năm, ông tính toán trừ khoản tiền chi dụng ra, [phần còn lại] đều dùng để giúp người khác. Trong nhà chỉ một mực tiết kiệm, thanh bần, chẳng trang sức vàng ngọc, vợ chẳng có quần áo lượt là. Dựng thư viện ở phía Nam nhà mình, chứa mấy ngàn quyển sách, mời thầy dạy dỗ trẻ nghèo hèn bốn phương, chu cấp tiền cho học trò. Không lâu sau, sanh được năm đứa con trai, đều thông minh, tuấn tú, khôi ngô, lại mộng thấy ông nội bảo: "Mấy năm qua, công đức ngươi rộng lớn, tên đã được ghi trên thiên tào, được tăng thọ ba kỷ (một kỷ là mười hai năm). Năm đứa con trai đều vinh hiển. Ngươi hãy càng thêm cố gắng, đừng biếng nhác cái tâm ban đầu". Về sau con trưởng là Tử Nghi làm Thượng Thư bộ Lễ, con thứ là Tử Nghiễm làm Thị Lang bộ Lễ, con thứ ba là Tử Khản giữ chức Tả Bổ Khuyết, con thứ tư là Tử Xưng làm Hữu Gián Nghị Đại Phu Tham Đại Chánh, con thứ năm là Tử Hy làm Khởi Cư Lang. Tám đứa cháu nội đều quý hiển. Ông thọ tám mươi hai tuổi, không bệnh, nói cười qua đời. Phùng Đạo tặng bài thơ: "Yên sơn Đậu Thập Lang, dạy con trọn nhân nghĩa, linh xuân một cội lão, quế đỏ năm cành thơm".

Đời Tống, [anh em] Tống Giao, Tống Kỳ cùng học trong trường Thái Học, có một vị Tăng coi tướng bảo: "Tiểu Tống đỗ đầu thiên hạ, Đại Tống chỉ vừa [đủ điểm] khỏi rớt mà thôi!" Mùa Xuân năm sau, thi xong, vị Tăng trông thấy Đại Tống bèn chúc mừng: "Chắc là anh đã từng cứu sống mấy trăm vạn sanh mạng!" Giao cười bảo: "Nhà Nho nghèo làm gì có sức được như vậy". Tăng nói: "Loài vật cựa quậy đều là sanh mạng". Giao nói: "Có tổ kiến bị mưa xoáy vỡ, tôi bèn ghép tre bắc cầu cho chúng thoát thân. Chắc là chuyện ấy đấy". Tăng nói: "Đúng vậy! Năm nay Tiểu Tống sẽ đỗ đầu, nhưng rốt cuộc ông vẫn chẳng thua kém nó đâu!" Đến lúc xướng tên người đậu, quả nhiên Tống Kỳ đỗ Trạng Nguyên; Chương Hiến Thái Hậu bảo: "Em không được vượt anh", [quan Chánh Chủ Khảo] bèn lấy Tống Giao đỗ đầu, đổi Tống Kỳ thành đỗ hạng mười. Mới tin lời vị Tăng nói chẳng sai.

Tôn Thúc Ngao người nước Sở, thường ra ngoài chơi, thấy rắn hai đầu, bèn giết đem chôn. Lúc trở về, buồn bã không ăn. Mẹ hỏi duyên cớ, khóc thưa rằng: "Con nghe nói thấy rắn hai đầu ắt phải chết. Nay con trông thấy, sợ sẽ phải chết, bỏ mẹ lại". Mẹ nói: "Rắn nay ở đâu?" Thưa: "Con sợ người khác lại trông thấy đã giết đem chôn rồi". Mẹ nói: "Không lo gì! Ta nghe nói kẻ có âm đức ắt được thiện báo. Ắt

nhưng sách đã khắc xong, chỉ là chưa gởi đến. Sẽ sao ra một bản khác, cho đính kèm vào sau phần mục lục trong đầu quyển sách và soạn một lời tựa ngắn để nêu rõ nguyên do, ngõ hầu chẳng phạm đến nguyên văn mà lại khiến cho dù văn hay nghĩa đều không bị thiếu sót gì! Chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào? An Sĩ Toàn Thư chính là bộ sách trọng yếu để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Tuy nói là tính in một vạn bộ, nhưng in càng nhiều càng hay, há nên tự vạch [giới hạn]? Hơn nữa, bảo người ta xuất tiền thì tợ hồ cắt thịt kẻ ấy vậy! Ngay trong hiện thời với số tiền đã gởi tới sẽ in được sáu ngàn bộ; nếu trọn chẳng có một ai chịu bỏ tiền ra nữa thì cũng tạm để an ủi tấm lòng đau đáu của các vị. Vạn sự tùy duyên, bất tất phải chấp chặt thì mới là cách thức yên vui.

Bản kinh Lăng Nghiêm do bà Ngô Nghệ Anh chép được chồng bà ta lưu thông. Bản kinh Pháp Hoa do bà Trang Nhàn chép *(bà này là em gái của Trang Tư),* chồng bà ta là Lục Giá Hiên cũng muốn lưu thông, cậy cư sĩ [Cao] Hạc Niên cầm kinh đến xin Quang xem xét, sửa chữa và xin viết lời Bạt. Do vậy, tôi đọc đại lược, thấy nét chữ mạnh mẽ, thanh tú, từ đầu đến cuối giống hệt như nhau, nhưng kiểu chữ đa phần vướng phải tập khí văn nhân: Hoặc là viết theo lối Tục Thể, Phá Thể, Thiếp Thể, Biến Thể v.v… hoặc là ngược ngạo coi lối chữ Chánh Thể đang được lưu hành hiện thời là sai nên đổi sang dùng lối Cổ Thể. Quang cho rằng viết như vậy là theo thói tục, trái thời, chẳng đáng theo khuôn phép ấy, liền viết thư chê trách[145], bảo bà ta viết lại, cũng như phải sửa cho nét chữ hơi lớn hơn ngõ hầu người thọ trì lẫn kẻ ứng phó[146] đều vui thích thỉnh mua. Bà ta đọc thư Quang khá bội phục, ngày hôm sau liền cùng chồng đến bái kiến. Quang bảo bà ta hãy chép kinh giống như tiến sĩ viết đối sách[147] thì công đức sẽ lớn lao. Nghe nói bà ấy tuân thủ Nữ Huấn[148] khá

---

con sẽ khiến cho nước Sở được hưng thịnh". Về sau, ông Tôn làm Lệnh Doãn (Tể Tướng), chấp chánh nước Sở".

[145] Xin xem chi tiết những chỗ Tổ phê phán lối chép kinh của bà Ngô Nghệ Anh trong *"Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên"* trong bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, thư số 77.

[146] Chỉ những vị sư chuyên làm kinh sám, Phật sự, cúng quải theo lời thỉnh cầu của tín chủ (thường gọi là "ứng phó đạo tràng").

[147] "Đối sách" chỉ bài viết trong trường thi. Do đề thi thường là một câu nói hay một đoạn văn trích từ kinh điển Nho gia, thí sinh phải viết thành một bài văn giảng giải ý nghĩa câu nói ấy cũng như trình bày quan điểm, sách lược hòng giải quyết vấn đề, nên bài viết ấy thường gọi là Đối Sách. Khi viết Đối Sách, phải viết chữ rõ ràng, đủ nét, thận trọng để tránh phạm húy, lời văn không được có giọng điệu vô lễ, khinh cuồng v.v…

tốt, phàm những nơi vui chơi đều nhất loạt không tới, rất được phu nhân Thịnh Hạnh Tôn khâm phục, kính trọng. Không biết cuốn sách của Trang Ngô là viết cho chị em gái? Hay là dành cho cô và cháu? Ai là chị, là cô? Ai là em, là cháu? Nếu sách được sửa chữa lần thứ hai xong, Quang chẳng thể không viết lời đề từ, sợ vẫn phải phiền các hạ lưu thông. Gần đây, phong khí Phật học rộng mở, những bậc anh hiền chốn khuê các cũng dấy lên nhiều lắm, cũng giải được nỗi lo đau đáu của những người bận tâm tới đất nước, nhân dân vậy!

24. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu)

Chuyện nhân quả báo ứng trong cuốn Phật Học Khởi Tín Biên do ông rộng lòng ban cho trước đây đủ để chấn động kẻ điếc, mở mắt cho người mù. Do vậy, tôi bèn tùy tiện nói với một hai người bạn, bọn họ cũng vui thích muốn xem, nhưng phiền một nỗi là không có ai tiện dịp sang đất Thân (Thượng Hải) [để nhờ thỉnh sách]. Do vậy, Quang tính thuận theo ý họ, xin ông đọc thư rồi sẽ gởi cho một gói Phật Học Khởi Tín Biên. Gói sách ấy chỉ lấy kích thước của [bưu kiện] do bưu cục [đã quy định] làm chuẩn, không cần biết là bao nhiêu cuốn! Hãy ghi một tờ

---

[148] Nữ Huấn là một bài minh do Thái Ung soạn, có nội dung giáo hóa phụ nữ về bổn phận, phẩm đức của nữ giới. Nội dung như sau: *"Tâm do thủ diện dã, thị dĩ thậm trí sức yên. Diện nhất đán bất tu sức, tắc trần cấu uế chi. Tâm nhất triêu bất tư thiện, tắc tà ác nhập chi. Phù diện chi bất sức, ngu giả vị chi xú, tâm chi bất tu, hiền giả vị chi ố. Tương hà dung yên? Cố lãm chiếu thức diện, tắc tư kỳ tâm chi khiết dã. Phó chỉ tắc tư kỳ tâm chi hòa dã. Gia phấn tắc tư kỳ tâm chi tiển dã. Trạch phát tắc tư kỳ tâm chi thuận dã. Dụng trất tắc tư kỳ tâm chi lý dã. Lập kế tắc tư kỳ tâm chi chánh dã. Nhiếp mấn tắc tư kỳ tâm chi chỉnh dã."* (Tâm ví như đầu mặt. Do vậy, phải hết sức trau sửa. Mặt một ngày không trau rửa, ắt bụi bám dơ bẩn. Tâm một ngày chẳng nghĩ tới điều lành, ắt tà ác chen vào. Phàm mặt không trang điểm, kẻ ngu chê là xấu. Tâm không tu, người hiền chán ghét. Làm sao chịu đựng được? Do vậy, khi soi gương phải nghĩ xem cái tâm có trong sạch hay chăng? Lúc bôi kem thơm phải nghĩ sao cho cái tâm nhu hòa. Lúc giồi phấn phải nghĩ sao cho cái tâm tốt lành. Lúc làm mượt tóc phải nghĩ sao cho cái tâm an thuận. Khi dùng lược phải nghĩ sao cho cái tâm phù hợp với lý. Lúc búi tóc lên phải nghĩ sao cho cái tâm chánh đáng. Lúc cuộn những sợi tóc mai phải nghĩ sao cho cái tâm được tề chỉnh).
Thái Ung (132-192), tự Bá Giai, là một danh sĩ sống vào cuối đời Hán, học rộng, giỏi thư pháp, từng được cử giữ chức Tả Trung Lang Tướng dưới thời Hán Hiến Đế. Ông là người đầu tiên chỉnh lý kinh điển Nho gia và san định thành một bản tiêu chuẩn. Bài minh trên đây chủ yếu để dạy hai cô con gái của ông. Về sau, nó được coi như một bài minh cần phải thuộc nằm lòng của nữ giới.

hóa đơn, thỉnh một bản phải tốn bao nhiêu tiền, đợi khi Quang tới Thượng Hải vào cuối tháng Sáu sẽ trả lại theo đúng số, ắt chẳng đến nỗi sai chạy vậy!

25. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy)

Lá thư tôi dâng trình lần trước chắc ông đã nhận được rồi. Ngày hôm qua, ông Bao Ngọc Đường đến thăm, cầm theo thư của các hạ và một gói Phật Học Toát Yếu. Sách này từ chỗ cạn tiến vào sâu, [giảng giải] nhân quả sự tích, luân hồi báo ứng cũng như sự vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, đúng là đã trao cho người ở trong nhà tối một ngọn đèn khiến cho tu nhân kết quả nơi thân trước, thân sau đều có thể quyết đoán sẵn được. Vì thế, kẻ có tín tâm đều cùng yêu thích, chẳng tiếc tiền tài để lưu thông.

Các hạ gạt bỏ lời ông Ngũ nói thì cũng là chuyện hay lắm. Phàm muốn đoạn nghi, khơi gợi lòng tin, chớ nên dùng những lời lẽ nửa tin, nửa ngờ, cũng như trích dẫn những lời lẽ giảng giải nghĩa lý nhưng chẳng nương theo Thật Lý. Bởi lẽ, những lời nói ấy có thể khơi gợi tín tâm cho người khác mà cũng có thể khơi gọi lòng nghi ngờ của kẻ khác vậy! Có lẽ nên đưa chương thứ tám ra phía sau thì thể tài [của cuốn sách] sẽ hợp lý hơn, mà cũng có thể khiến cho người khác biết có những loại sách ấy để thỉnh về đọc. Những điều nào nên cắt bỏ hoặc nên thêm vào, xin ông hãy tự cân nhắc. Quang gần đây bận bịu đa đoan, hằng ngày không rảnh rỗi, xin ông hãy rủ lòng thông cảm. Khi ông Bao đến, Quang đã khuyên ông ta hãy tu tại gia, tu chân ngay trong cõi tục, không cần phải xuất gia. Sợ rằng sau khi xuất gia do hằng ngày ở chung với bọn Tăng lười nhác, biếng trễ, lâu ngày chầy tháng sẽ chỉ trở thành một gã ăn bám cửa Phật! Chẳng biết ông ta có chịu nghe theo hay không?

26. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám)

Vừa nhận được thư và mười tám cuốn Phật Học Khởi Tín Biên, còn Lục Đạo Luân Hồi Lục vẫn chưa nhận được. Mỗi lần gởi sách và thư thì thường được chia thành hai lần gởi đến. Quang cũng chẳng thể đọc Lục Đạo Luân Hồi Lục nhiều được, trong những phần tôi đã xem thì thấy không có gì sai sót lớn lao. Nhưng loại sách này nên lấy chuyện nêu rõ nhân quả báo ứng làm chủ yếu, những bài dịch từ các báo ngoại quốc như tờ Linh Học Chí v.v… đăng ở cuối sách cũng có thể dùng để chứng

minh [nhân quả báo ứng]. Gần đây, ngoại quốc cũng tin có quỷ thần. Đã có quỷ thần thì đời trước lẫn đời sau đương nhiên chẳng phải là không có, mà liễu sanh thoát tử lại càng là nhiệm vụ cấp bách; nhưng người đọc chẳng suy tới chỗ ấy, bèn học theo thói phù phiếm, chẳng thân thiết!

Từ nay trở đi, hễ sao lục những chuyện xưa, chuyện nay, hãy đều nên chú trọng sao cho nhân quả báo ứng được nêu tỏ rạng rỡ thì sẽ có thể làm cho người thấy kẻ nghe không ai chẳng kinh sợ rét buốt tận xương, lông tóc dựng đứng, sanh lòng kiêng nể, sợ hãi. Đối với những lời bàn luận chung chung về chuyện có ma quỷ, hãy nên dành cho những tiểu thuyết gia thâu thập hòng tô vẽ, lưu truyền. Có người bảo các hạ tính [viết sách về Phật pháp để] kiếm lợi cũng chẳng phải là không có nguyên nhân. Các hạ đã lấy hoằng pháp lợi sanh làm trách nhiệm của chính mình, đừng nên bắt chước những kẻ buôn sách: Hễ in ra một cuốn sách mới liền áp dụng cách định giá của các loại sách mới, chẳng bận tâm tới số trang, công thợ! Các loại sách do các hạ in ra hãy nên căn cứ vào giá vốn rồi tính giá tiền dôi ra đôi chút ngõ hầu đại pháp được lưu thông mà cũng chẳng bị hụt vốn. Nếu giá sách cao gấp mấy lần giá vốn lẫn công thợ, sẽ bị người khác công kích, chê gièm *(ngay như Phật Học Tiểu Từ Điển cũng bị định giá quá cao).* Do tôi lạm nhận là người cùng chí hướng với các hạ nên mới dám nói thẳng như vậy, xin hãy rủ lòng tha thứ!

27. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín)

Quang trọn chẳng có học vấn lại thêm mắt lòa; vì thế đối với trước thuật của các bậc danh nhân xưa nay đều chưa từng ghé mắt vào. Tôi chưa đọc bài văn bia của Ma Cật[149] nên ý nghĩa, ngữ mạch trong phần văn trên và dưới tôi đều không biết. Nếu chẳng vâng lời thưa trình, sợ các hạ trách móc. Nay tôi dựa theo bổn phận của kẻ lòa thốt lời sờ voi cho xong trách nhiệm, chứ chưa chắc đã hoàn toàn đúng, mà cũng chưa

[149] Vương Duy (701-761), tự là Ma Cật, người huyện Kỳ, tỉnh Sơn Tây, là một thi nhân nổi tiếng dưới đời Đường, thường được xưng tụng bằng mỹ hiệu Thi Phật do những bài thơ Đường Luật của ông mang đậm sắc thái Thiền vị. Vương Duy tinh thông Phật pháp, đặc biệt hâm mộ kinh Duy Ma Cật nên lấy hiệu là Ma Cật. Ông đậu Tiến Sĩ năm Khai Nguyên thứ 9 (721), làm quan đến chức Thái Tử Trung Doãn, Thượng Thư Hữu Thừa. Ông cũng nổi tiếng về tài hội họa. Những sách viết về hội họa thời cổ như Lịch Đại Danh Họa Ký, Đường Triều Danh Họa Ký v.v… đều đánh giá rất cao tài năng hội họa của ông.

chắc đã hoàn toàn sai bét. Xin bậc sáng mắt hãy cân nhắc để chọn hay bỏ thì may mắn lắm thay!

"Cổ duệ hải sư" (鼓 枻 海 師: bậc thầy đẩy mái chèo trong biển cả) là từ ngữ thường được dùng trong kinh để chỉ người vào biển cả tìm vật báu. Từ ngữ *"Hành giả chẳng biết Bồ Đề"* là nói về Thiền Tông, ngụ ý: Chỉ ra trí thể của chư Phật ở ngay trong Phiền Hoặc của chúng sanh. Ý nói: Kẻ vào trong biển cả tìm của báu, chẳng biết nhà mình sẵn có đồ quý, cao sang nhất, quý báu nhất, có thể sanh ra vô lượng các món báu, cứ rong ruổi tìm cầu bên ngoài, nào khác kẻ ôm của báu lạc nẻo, đang cưỡi trâu lại đi tìm trâu! Cần biết rằng: Thật Tánh của tham - sân - si chính là Phật tánh! Nếu có thể triệt ngộ Phật tánh ấy thì trọn chẳng thể tìm được tham - sân - si. Chân Giới, Chân Định, Chân Huệ ở ngay trong bản thể, nhưng cũng chẳng thể tìm được tướng của Chân Giới, Chân Định, Chân Huệ ! Đại ý của lời Lục Tổ nói là như thế đấy. Lấy hai câu này làm câu văn để soi ngược lại, nhằm tỏ rõ sự thắng diệu. Đấy là sự sờ sẫm mù lòa của Quang vậy! Chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào?

Hơn nữa, Thiền Tông chuyên trọng tham cứu, chứ không chú trọng giảng giải. [Pháp Bảo] Đàn Kinh tuy có những chỗ giảng nói ý nghĩa, nhưng nếu chưa mở được con mắt nhà Thiền thì nếu chẳng biến Tông thành Giáo cũng sẽ tưởng mê là ngộ. Vì thế, ông Bùi Công Mỹ[150] nói: *"Hễ hiểu được ý chỉ thì mau thành Phật đạo! Hễ lạc mất ý chỉ, sẽ mau vào Nê Lê[151]"*. Quang thì Giáo cũng chẳng thông, huống hồ là Tông ư? Nhưng cũng hơi biết lối vào môn đình hai tông ấy. Tiếc đã không chân, lại chẳng có mắt, nên chẳng thể bén mảng nơi phên giậu được!

Kinh ấy (tức Pháp Bảo Đàn Kinh) cũng có thể lợi người mà cũng có thể khiến cho người khác bị lầm lẫn! Nếu có thể đối với pháp nào,

---

[150] Bùi Hưu (791-864), tự Công Mỹ, người xứ Tế Nguyên, Mạnh Châu (nay thuộc huyện Tế Nguyên, tỉnh Hà Nam), học Phật từ nhỏ, người đời thường gọi ông là Hà Đông Cư Sĩ (vì tổ tiên ông vốn là người Hà Đông). Làm quan đến chức Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, rồi được bổ làm Tiết Độ Sứ ở nhiều nơi, tánh tình khoan dung, rộng rãi, nghiêm cẩn, cai trị đúng mực, không ra oai mà dân chúng hết sức kính sợ, yêu mến. Ông nổi tiếng về tài thư pháp, văn chương trầm ổn, mạnh mẽ, lay động lòng người. Gia đình ông đời đời sùng Phật, nhưng ông là người tu học Phật pháp nhiệt thành nhất. Ông từng dựng chùa Mật Ấn để làm trụ xứ cho Linh Hựu thiền sư. Về già, dựng am ẩn cư tại làng Quy Sơn ở Hồ Nam.

[151] Nê Lê (Niraya) là tên gọi khác của Địa Ngục (Naraka: thường phiên âm là Nại Lạc Ca hoặc Na Lạc Già), dịch nghĩa là Bất Lạc, Khả Yếm (đáng chán), Khổ Cụ, Khổ Khí, Vô Hữu.

chuyện nào cũng đều nêu rõ tông chỉ *"trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật*", lại chẳng trái nghịch giáo nghĩa thì dẫu có nói *"Lục Tổ xuất thế"* cũng không phải khen ngợi quá lố! Nếu không, đã chẳng làm cho người khác thấy được Tánh, lại còn đến nỗi do Tông mà trái Giáo thì lợi ích nơi Tông lẫn Giáo hai đằng đều bị mất, sẽ ứng với ý nghĩa trong câu nói thứ hai của Công Mỹ (tức câu *"hễ lạc mất ý chỉ sẽ mau vào Nê Lê"*), cố nhiên vẫn chẳng bằng để nguyên diện mục sẵn có của nó[152] thì hay hơn! Các hạ có tâm lợi người tha thiết, Quang cũng ôm lòng tha thiết ngừa cho người khác khỏi bị sai lầm; vì thế chẳng thể không thưa trước để tận tấm lòng ngu thành khăng khăng trọn hết tình tri kỷ vậy!

Câu chữ trong nhà Thiền cần phải có con mắt khác để lãnh hội! Nếu chẳng khéo hiểu ý sẽ chưa khỏi *"y văn giải nghĩa, tác tam thế Phật oan"* (dựa theo văn tự để hiểu ý nghĩa khiến cho ba đời chư Phật phải bị oan uổng). Lỡ như trái nghịch giáo nghĩa, chỉ thành *"ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết"* (rời kinh một chữ, sẽ giống như lời ma nói). Dễ thì dễ như trở bàn tay, khó thì khó như lên trời. Nếu không phải là bậc Tông lẫn Giáo đều thông, hai mắt viên minh, cố nhiên chẳng nên khinh thường, dễ duôi theo đuổi việc chú giải kinh ấy!

28. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười)

Quang bẩm tánh ngu bướng, đã không hiểu biết, lại chẳng hiểu đời nên chẳng thể mềm mỏng thuận theo tình người. Vì thế, phát nguyện suốt đời làm một Tăng nhân ăn nhờ ở đậu mãi mãi, may được cư sĩ chẳng chê bỏ Quang là hạng không ra gì. Phàm nói ra điều nào dẫu cuồng ngạo, trái nghịch, cũng đều được cư sĩ khen ngợi, cảm thấy hổ thẹn đến cùng cực! Tục ngữ có câu: *"Nhặng xanh bám vào đuôi ngựa Ký bèn đi được ngàn dặm"*. Lòng Quang ngu thành, nhờ sức của các hạ mà khiến cho hết thảy những ai có tín tâm đều cùng sanh lòng kính nể kinh tượng, ngõ hầu diệt được tội khiên của tôi, tăng thêm phước huệ cho họ. Xét tới nguồn cội, đều là được thành tựu bởi các hạ vốn là một bậc thiện tâm vui đạo vậy. Hết sức cảm ơn!

[152] Ý nói nếu chú giải mà không nêu được ý chỉ viên dung, chỉ khiến cho người đọc chấp vào Lý Tánh, bác bỏ Sự Tu, thiên chấp đề cao Thiền Tông, bài xích, miệt thị các tông khác thì đã trái nghịch với ý chỉ viên đốn của Tổ. Chú giải như vậy sẽ có hại hơn là có lợi, thà cứ để nguyên không chú giải cho người đọc tự lãnh hội ý Tổ thì hay hơn.

Quý môn nhân[153] là Vạn cư sĩ hỏi về Bảo Hoa Tam Muội Truyện, chùa Pháp Vũ không có sách ấy. Ở quý cục (tức Y Học Thư Cục) đã không có thì cũng khó thể tìm được ở nơi nào khác! Hãy nên hỏi ở Bảo Hoa chắc sẽ tìm được! Vị này[154] chính là Bồ Tát thị hiện chứ không phải là người thường, Sư là học trò của Huệ Vân Hinh Công, là thầy của Kiến Nguyệt Thể Công. Vào năm Sùng Trinh thứ mười (1637), Kiến Nguyệt thọ giới dưới tòa của vị ấy xong liền nối pháp. Đến năm Thuận Trị thứ mười (1653), Ngài đã làm Trụ Trì tại Hoa Sơn, vẫn chẳng biết Ngài đã vào chùa bao nhiêu năm? Do điều này có thể biết Ngài là người sống vào cuối đời Minh. Người được Linh Ẩn Hối Công nhắc đến chính là vị này vậy!

Kẻ mờ mịt Phật tánh, mù mờ Chân Như bèn bài xích người kiến đạo là chuyện thường thấy, cần gì phải hỏi tới xuất xứ? Dẫu có chỉ ra xuất xứ thì cũng chưa chắc người ấy đã là kẻ đầu tiên thốt ra lời ấy. Do vậy, chẳng thà không chỉ ra xuất xứ thì hơn! Bồ Đề Đạt Ma truyền y bát tại Trung Quốc nhằm thời Ngũ Đại, đến đời Lục Tổ chỉ truyền pháp ấn, chứ không truyền y bát. Hãy nên tra trong Lục Tổ Đàn Kinh sẽ biết được nhân duyên. Nguồn tâm sẵn có của chúng ta đều bị tình thức ngăn lấp nên chẳng thể hiển hiện được. Nếu có thể phản chiếu hồi quang, thấy ngay được tình thức huyễn vọng ấy thì nó sẽ còn khởi từ đâu được nữa? Như vậy thì trong chẳng do tâm, ngoài chẳng do cảnh, hai đằng đều bị cắt đứt, chính giữa cũng chẳng lập. Cái gọi là "tình thức" hóa thành trọn

---

[153] Tiếng gọi học trò của người khác một cách trang trọng.

[154] Tam Muội Luật Sư (1580-1654), người huyện Quảng Lăng, năm 21 tuổi, xin xuất gia với pháp sư Tịnh Nguyên tại Di Đà Am trong làng, rồi thọ Cụ Túc Giới tại chùa Cam Lộ ở Nhuận Châu vào năm 29 tuổi, y chỉ Huệ Vân Luật Sư để chuyên tâm nghiên cứu Luật Tông, nghiêm trì tịnh giới, rất được ngài Huệ Vân coi trọng, thường sai thay mặt Huệ Vân diễn giảng. Sau đấy, Sư bế quan ba năm tại núi Cửu Tử. Sau khi xuất quan, Sư chủ trì pháp hội Long Hoa tại Ngũ Đài Sơn, cảm được Văn Thù Bồ Tát phóng quang, hiện thân cưỡi sư tử trên hư không. Năm 1639, khi ngồi thuyền trở về Thạch Tháp, đi ngang Long Đàm, thuận chân viếng thăm núi Bảo Hoa (huyện Cú Dung, tỉnh Giang Tô) thấy tổ đình điêu tàn, Sư liền phát tâm trùng tu chùa này. Năm sau, Sư chống tích trượng sang Bảo Hoa, sai học trò là Kiến Nguyệt làm Giám Viện, mỗi năm tổ chức truyền giới đàn hai lần. Ngày Hai Mươi Sáu tháng Sáu năm 1654, sau khi truyền giới xong tại giới đàn chùa Tam Tháp (Thiệu Hưng), Sư trở về Bảo Hoa, bảo học trò trong vòng từ ba đến bảy ngày nữa Sư sẽ vãng sanh. Ngày Mồng Một tháng Sáu nhuận, Sư giao phó chùa Bảo Hoa cho Kiến Nguyệt. Mồng Bốn tháng Sáu, Sư tự tắm rửa, ngồi xếp bằng trong nước, mỉm cười qua đời trong tiếng trợ niệm Phật hiệu của môn nhân.

chẳng còn gì! Tình thức chướng lấp đã trừ thì nguồn tâm triệt để hiển lộ. Đấy chính là cảnh tượng đại triệt đại ngộ trong Tông môn vậy!

Tiễu (勦) là diệt. Theo đao chẳng theo sức, hễ theo sức thì chẳng phải là đúng nghĩa[155]. Càng về sau càng thua kém đời trước cũng là chuyện thường được Giáo nói đến! Nếu chẳng thể chỉ ra lời nói ban đầu do ai nói, chẳng thà không nêu ra [thì hơn]! Nói chung, hết thảy mọi sự được tiền nhân sáng lập, người đời sau kế thừa. Tuy càng về sau, càng tinh vi, càng mầu nhiệm, nhưng công hiệu vẫn chẳng thể vượt trỗi lúc ban đầu, bởi điều ấy do tiền nhân sáng lập. Huống chi các vị tiền nhân sáng lập, trước thuật trong Phật pháp phần nhiều là hạng Pháp Thân đại sĩ thừa nguyện tái lai. Người đời sau kế thừa, dẫu có đổ công sức làm cho pháp ấy tinh vi, nghiêm mật trỗi vượt tiền nhân, nhưng đại cương, yếu chỉ, những lời bàn luận sâu xa thâm nhập được lý, không có gì chẳng phải do tiền nhân đã tìm ra. Dẫu chưa nêu rõ ra thì [những gì người đời sau nêu ra] vẫn là suy luận dựa theo ngữ mạch của những lời tiền nhân đã nói. Vì thế, tuy những gì về sau này trỗi hơn những gì thuộc thuở ban đầu, quả thật vẫn kém hơn thuở ban đầu vậy!

Từ ngữ *"quang ảnh môn đầu"* (光 影 門 頭) chỉ cho tình trạng "kiến đạo chẳng chân thật". Ấy là vì lấy mặt trăng trên bầu trời và thân hình con người để ví cho đạo. Những kẻ chỉ thấy được ánh trăng và bóng người bèn cho là đã đắc, há có được chăng? Hơn nữa, nếu dùng mặt trăng để ví cho đạo, lấy ánh trăng, bóng trăng để ví với chỗ đạo lưu lộ thì cũng được. Ánh trăng, bóng trăng chính là chỗ lưu lộ của mặt trăng, nhưng hãy nên từ ánh trăng, bóng trăng mà ngẩng lên nhìn vầng trăng trên trời, đừng ngỡ ánh trăng và bóng trăng trong nước là vầng trăng thật sự!

Chuyện Huệ Quả chưa được chép trong Tống [Cao] Tăng Truyện. Từ sau Tống [Cao Tăng] Truyện, tiểu truyện của những vị Tăng [trong các triều đại kế tiếp] chưa được biên soạn. Bộ Minh Cao Tăng Truyện, hai cuốn, chỉ sao chép [hành trạng của] một hai vị đã biết, chẳng đáng gọi là sách tiếp nối bộ Tống Cao Tăng Truyện. Hiện thời, pháp sư Đạo Giai ở Bắc Kinh đang thỉnh người sưu tập rộng khắp, tính chép nối tiếp

[155] Ý nói: Thuận theo thế để diệt trừ, ví như vung đao chém xuống, do đà đi của lưỡi đao, vật sẽ bị cắt đứt không cần phải ra sức bổ xuống. Cũng giống như vậy, hễ chứng ngộ, phiền não sẽ đoạn diệt, không cần phải chú tâm dụng công. Thật ra vẫn là dụng công, nhưng không còn phân biệt đối đãi nên giữ giới, diệt phiền não không cần phải hết sức chú tâm dụng công.

[hành trạng] của các vị cao tăng sau thời những vị được nêu tên trong Tống Cao Tăng Truyện cho đến hiện tại. Như vậy thì số quyển sẽ không thể dưới một trăm mười quyển được!

Mật Tông lấy Tam Mật Gia Trì khiến cho phàm phu được chứng thánh ngay trong hiện đời, công đức lực dụng ấy chẳng thể suy nghĩ được, chẳng thể bàn bạc được, nên gọi là "lực dụng chẳng thể nghĩ bàn". Tuy Mật Tông đề xướng tông chỉ ấy, nhưng cần phải là đúng người thì mới có thể làm được! Hạng người ấy là hạng người nào? Chính là các vị như Kim Cang Trí[156], Thiện Vô Úy[157] v.v… Nếu không phải là hạng như

---

[156] Kim Cang Trí (Vajrabodhi, 671-741) là vị Tổ phó pháp thứ năm của Mật Tông Ấn Độ, được coi là Sơ Tổ Mật Tông Trung Hoa (theo truyền thống Kim Cang Giới). Sư xuất thân từ giai cấp Bà La Môn, năm lên mười tuổi xuất gia ở chùa Na Lan Đà, hai mươi tuổi thọ Cụ Túc, nghiên cứu tu tập rộng rãi các kinh điển Đại Tiểu Thừa. Năm ba mươi mốt tuổi, theo học Mật giáo với ngài Long Trí. Nối gót ngài Thiện Vô Úy, Sư dẫn đệ tử là Bất Không theo đường biển đi qua Tích Lan, Sumatra, tới Quảng Châu của Trung Hoa vào năm Khai Nguyên thứ bảy (719) đời Đường, kiến lập đạo tràng Quán Đảnh Đại Mạn Noa La, hóa độ tứ chúng. Năm Khai Nguyên thứ tám (720), Sư lên Lạc Dương rồi qua Trường An, lo phiên dịch kinh điển Mật giáo và truyền thụ bí pháp quán đảnh. Ngài dịch được các bộ Kim Cang Đảnh Kinh, Du Già Niệm Tụng Pháp, Quán Tự Tại Du Già Pháp Đệ Bát Bộ… Sư cùng với Bất Không và Thiện Vô Úy được cõi đời xưng tụng là Khai Nguyên Tam Đại Sĩ. Sư tính trở về Ấn Độ, nhưng rồi thị hiện bệnh nhẹ, viên tịch tại chùa Quảng Phước, Lạc Dương, thụy hiệu Đại Hoằng Giáo Tam Tạng. Những vị đệ tử người Trung Hoa nổi tiếng nhất của Sư là Nhất Hạnh, Huệ Siêu, Nghĩa Phước, Viên Chiếu v.v…

[157] Thiện Vô Úy (Śubhakara-simha, 637-735). Đôi khi còn dịch là Tịnh Sư Tử, cũng được coi là Sơ Tổ của Mật Tông Trung Hoa (tùy theo hệ thống truyền thừa là Thai Tạng Giới hay Kim Cang Giới mà sẽ coi ngài Thiện Vô Úy hay ngài Kim Cang Trí là Sơ Tổ). Sư vốn người nước Ô Trà (Odra, Đông Ấn Độ), thuộc giai cấp Sát Đế Lợi, hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương (Cam Lộ Phạn Vương là chú của Phật Thích Ca). Sư nối ngôi vua năm mười ba tuổi, do gặp nội loạn, Sư bèn nhường ngôi đi xuất gia. Đến bờ biển Nam Ấn, Sư thấy ngôi chùa thờ Phật thù thắng bèn ngộ được Pháp Hoa Tam Muội. Ngài đến chùa Na Lan Đà ở Trung Ấn theo học với ngài Đạt Ma Cúc Đa (Dharmagupta), nghiên cứu Du Già Tam Mật, lãnh hội rốt ráo, được ngài Đạt Ma Cúc Đa truyền quán đảnh. Năm Khai Nguyên thứ tư (716) đời Đường, tuân theo lời thầy truyền, Sư theo ngả Trung Á đến Trường An, được vua Huyền Tông tôn làm quốc sư, trụ tại chùa Hưng Phước. Năm sau, Sư phụng chiếu dịch kinh tại chùa Bồ Đề, dịch các bộ Hư Không Tạng Bồ Tát Năng Mãn Chư Nguyện Tối Thắng Tâm Đà La Ni Cầu Văn Trì Pháp, Đại Nhật Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh (những lời giảng về kinh Đại Nhật của Ngài được Nhất Hạnh biên tập thành bộ Đại Nhật Kinh Sớ), Tô Bà Hô Đồng Tử Kinh, Tô Tất Địa Yết La Kinh. Do những kinh này thuộc hệ thống Thai Tạng Giới trong Mật thừa nên Sư được coi như Sơ Tổ Mật Tông Trung Hoa (nếu xét theo hệ thống Thai Tạng Giới). Sư là người chủ

vậy thì đạo chẳng thể không hành xuông. Những kẻ học Mật Tông hiện thời đều chỉ học được ngoài da, hoàn toàn không có Kim Cang giới lực lẫn Bồ Đề đạo tâm. Họ chẳng chú trọng trì chú để đoạn Hoặc chứng Chân mà phần lớn bắt chước hiện chữ, hiện hình tướng, để hỏi cát - hung, họa - phước, nhân trước, quả sau, giống như tác dụng của linh quỷ. Đấy gọi là làm cho Mật Tông bị bại hoại; tôi sợ quở tội họ còn chẳng xuể, nói chi là thành thánh ngay trong cõi phàm! Chúng ta chỉ nên lấy pháp môn Tịnh Độ làm một tòa núi Tu Di lớn lao để dốc hết toàn thân nương tựa, ngõ hầu chẳng bị hết thảy tri thức lay động hòng có thể liễu thoát ngay trong đời này! Nếu không, sóng sẽ theo gió dấy lên, trọn chẳng có lúc nào ngưng thì buồn thay!

Tôi chưa từng thấy sách Đại Tạng Bí Yếu, chắc là sách được lưu truyền bởi người Nhật. Bốn câu *"đoạt nhân cảnh"*... chính là lời lẽ trong bài Tứ Liệu Giản của ngài Lâm Tế. *"Đoạt"* có nghĩa là dứt bặt dấu tích, hình tượng vậy. *"Bất đoạt"* có nghĩa là "hiển thị Lý Thể". *"Nhân cảnh"* chính là cảnh trí của nhân và pháp. *"Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi",* tức là "đoạt cảnh bất đoạt nhân", nêu rõ người đi vãng sanh, dứt bặt cảnh được sanh về. *"Đi thì quyết định đi, nhưng sanh thì thật sự chẳng sanh"* chính là "đoạt nhân bất đoạt cảnh", nêu rõ cảnh được sanh về, diệt người đi vãng sanh. *"Đi thì thật sự chẳng đi, sanh cũng thật sự chẳng sanh"* chính là "nhân lẫn cảnh đều đoạt", tức nhân lẫn cảnh đều vắng lặng vậy. *"Đi thì quyết định đi, sanh cũng quyết định sanh"* chính là "nhân lẫn cảnh đều chẳng đoạt", bởi nhân lẫn cảnh cùng được hiển thị vậy. Tuy có bốn câu, nhưng chỉ nhằm nói lên ý "tuy về mặt Sự thì quả thật có sanh, nhưng xét trên mặt Lý thì thật sự vô sanh", cũng là diệu chỉ "nêu Chiếu, diệt Tịch; nêu Tịch, diệt Chiếu; Tịch lẫn Chiếu cùng diệt; Tịch Lẫn Chiếu cùng nêu". Hễ sanh thì ắt phải có người [thực hiện hành động đó], vì thế gọi là Nhân. Hễ đi thì ắt phải có cảnh [để đến] nên gọi là Cảnh. Lý này rất sâu, hãy nên sốt sắng niệm Phật

---

xướng việc để nguyên những bài thần chú bằng tiếng Phạn, dùng những chữ Hán có âm đọc gần giống với Phạn âm để ghi cách đọc, khiến cho Phật giáo Trung Hoa dấy lên phong trào nghiên cứu chữ mẫu tự Tất Đàm (Siddham). Do rất khéo tay, Ngài cùng các đệ tử tự chế tạo các hình mạn-noa-la (mandala), tượng, pháp khí, tháp bằng đồng. Năm Khai Nguyên 20 (730), Sư xin trở về Ấn Độ, nhưng không được vua chấp thuận. Sư thị tịch năm Khai Nguyên 23, thọ chín mươi chín tuổi. Huyền Tông hết sức thương tiếc truy tặng tước Hồng Lô Khanh, chôn ở chùa Quảng Kỷ tại núi Long Môn. Các đệ tử đắc pháp gồm Bảo Tư, Nhất Hạnh, Huyền Siêu, Nghĩa Lâm, Trí Nghiêm, Hỷ Vô Úy, Bất Khả Tư Nghị (người Đại Hàn), Đạo Từ (người Nhật)…

hòng đích thân thấu hiểu được. Nếu không, sẽ trở thành Khẩu Đầu Thiền, bàn xằng Bát Nhã đấy!

29. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một)

Hôm qua nhận được thư và [bản chú giải] Quán Thế Âm Kinh, cũng như tác phẩm lớn lao [của các hạ] là [Phật Học Đại] Từ Điển, khôn ngăn cảm kích, cảm ơn lắm! Nhưng do nét chữ quá nhỏ, chẳng thể đọc kỹ được, chỉ xem đại lược lời Tựa và mấy điều thuộc phần Phàm Lệ[158] mà thôi, giống như Hà Bá dõi nhìn biển cả, khôn ngăn than dài sườn sượt! Tự thẹn cô lậu quả văn (học kém, nghe ít), sống luống uổng nơi cửa Phật chẳng có ích gì, cảm thấy hổ thẹn không thể cùng cực được! Nay có người khẩn cầu: Cư sĩ Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa gần đây khá sanh lòng tin tưởng nơi Phật học, do thấy Di Lặc Bồ Tát từng thị hiện giáng trần ở huyện Phụng Hóa[159], chí càng tha thiết muốn lưu truyền sự tích của Ngài để mong khơi gợi lòng tin cho hết thảy mọi người. Năm trước, ông ta đã khắc cuốn sách Tích Lục Hoàn do ông nội của ông ta soạn. Mùa Xuân năm ngoái đến núi tặng cho Quang một bộ. Quang đọc, thấy những điều được nói trong ấy đều là dùng tri kiến phàm phu để suy lường, chứ trọn chẳng phải là những lý đương nhiên trong Phật pháp cũng như [chẳng nêu được] nguyên do vì sao Di Lặc Bồ Tát ứng thế. Lại còn sử dụng từ ngữ giống hệt như lời lẽ thông tục chốn quê mùa, lầm lạc khinh nhờn xằng bậy khiến cho người khác đau đớn, bi thương. Quang vạch rõ cặn kẽ khuyết điểm ấy, bảo ông ta: "Ông lưu thông sách này nhằm tôn vinh ông nội, nhưng đối với Phật pháp, đối với chúng sanh đều chẳng có ích gì mà chỉ có hại, xin đừng lưu thông!" Ông ta nghe lời Quang nói liền hủy bản in ấy.

Về sau, [ông Ngọc Tiên] lại khắc Di Lặc Truyện, sách ấy rất hay. Đầu Xuân ông ta liền gởi thư cho Quang, cho biết là tìm được ngữ lục

---

[158] Phàm lệ: Phần nêu những nguyên tắc biên soạn và trình bày tự điển, như nguyên tắc tra chữ, cách sắp xếp hệ thống phân loại từ ngữ, cách đánh số ghi chú và bản thư mục trích dẫn, cách ghi tắt từ loại (chẳng hạn bên cạnh một chữ mở ngoặc ghi một chữ "danh" trong ngoặc thì từ ấy là một danh từ), tên những tác phẩm trích dẫn thường được ghi tắt bỏ trong ngoặc vuông, chẳng hạn trích từ quyển 2, phẩm Thuần Đà, kinh Niết Bàn thì ghi là [Niết - Thuần Đà - q.2] v.v…

[159] Di Lặc Bồ Tát hóa thân làm Bố Đại Hòa Thượng ở huyện Phụng Hóa vào đời Minh. Hình tượng Di Lặc Bồ Tát thường được thờ hiện thời ở Trung Hoa chính là hình trạng của Bố Đại Hòa Thượng: Bụng to, mặt lớn, tai dài, luôn mỉm cười, tay luôn cầm một chiếc túi vải.

tại đạo tràng của Phó Đại Sĩ, cũng muốn khắc ván. Quang từng được thấy một bản do pháp sư Hưng Từ bảo đệ tử quy y của thầy ấy khắc in, [bản ấy] sai ngoa nhiều khôn kể xiết! Sợ bản do ông Tôn tìm được chính là bản ấy, cho nên bèn hỏi có phải là bản ấy hay không? Ông ta bèn gởi sách ấy tới. Đây là bản in theo lối Thạch Ấn, so với bản do pháp sư Hưng Từ đã khắc sai ngoa càng nhiều hơn nữa. Vì thế, bảo ông ta hãy khoan khắc. Năm trước Quang đã khuyên pháp sư Hưng Từ nên in bản khác, Sư cũng chấp thuận. Nếu Sư khắc in thì [ông Tôn] không khắc bản này cũng được, còn nếu khắc thì hãy chiếu theo bản của Sư đem khắc trong lần này cho đỡ bị sai ngoa.

Ngọc Tiên lại nói bi ký của Phó Đại Sĩ vốn do Từ Lăng[160] đã soạn dưới đời Trần, văn sâu, nghĩa uyên áo, người đọc phần nhiều chẳng hiểu được ý nghĩa, bảo Quang hãy khẩn cầu các hạ chú giải tường tận thì hết thảy người đọc sẽ liền phát tâm Bồ Đề mong được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này, dự hội Long Hoa trong tương lai. Quang nói khi chú giải ắt phải xem kỹ ngữ lục hầu biết cội nguồn, sự việc, cũng như biết đại lược những điều Ngài đã đề xướng.

Bản khắc hiện thời sai ngoa quá nhiều, nếu chẳng xét kỹ chắc sẽ khó khỏi phạm sai lầm! Đợi cho bản khắc lần thứ hai của thầy Hưng Từ được in ra rồi mới chú giải thì một là sẽ đỡ tốn tâm lực, hai là không sai ngoa, ngõ hầu có thể dẫn chứng đích xác, mở mang chánh nhãn cho người khác. Tấm lòng ấy thật ân cần! Đến hôm qua [ông Tôn] lại gởi thư tới, ý muốn thực hiện ngay chuyện này để mong sao Phó Đại Sĩ Ngữ Lục sẽ được lưu hành cùng với Di Lặc Truyện, bảo Quang gởi thư xin các hạ hãy vì chúng sanh mà phát Bồ Đề tâm, ngõ hầu mọi người đều được biết tới đạo uyên áo của đức Di Lặc, cầu khẩn khôn ngằn! Do vậy, bèn đem bản Phó Đại Sĩ Tập do Quang đã châm chước sửa đổi gởi đi bằng thư bảo đảm và bỏ luôn thư của Ngọc Tiên vào phong bì, mong ông hãy thỏa mãn ý nguyện nhỏ nhoi của Ngọc Tiên và Quang mà vung ngọn bút lớn lao khiến cho quang minh của ngài Di Lặc được chiếu trời soi đất đến tận đời vị lai.

Đạo tràng của Phó Đại Sĩ ẩn sâu trong xó núi. Gần đây thật ít cao nhân tới trụ, nên bản ngữ lục ấy qua nhiều lần sao chép, khắc ván thường

---

[160] Từ Lăng (507-583), tự Hiếu Mục, người Đông Hải Đàm (nay thuộc huyện Đông Đàm, tỉnh Sơn Đông), là một văn nhân nổi danh thời Trần - Tùy. Được ca ngợi là *"tám tuổi thông văn chương, mười hai tuổi thông hiểu Lão - Trang, đến lớn đọc khắp các sử sách, biện tài vô ngại"*. Ông từng giữ chức Đông Các Học Sĩ, làm thầy dạy học của Lương Giản Văn Đế (Tiêu Cương) khi vua còn là Thái Tử.

tăng thêm phần sai ngoa, hoặc thêm phần thừa thãi, hoặc bị sai sót. Quang thấy vậy khôn ngăn đau tiếc, bèn dùng tri kiến kém hèn để châm chước, sửa chữa. Bản khắc lại của pháp sư Hưng Từ sẽ dựa theo bản [sửa chữa] này. Nhưng trong cõi đời không có bản nào hoàn chỉnh, Quang lại không có sự hiểu biết chân chánh, chưa chắc mỗi một điều đều đúng pháp. Những chỗ được sửa cho đúng chiếm hơn một nửa, dẫu có những chỗ bị sửa đúng thành sai thì cũng chỉ chiếm chưa tới một nửa. Do trong cõi đời không có một bản hoàn chỉnh nên không thể [dựa vào đâu để] châm chước, cân nhắc sửa đổi được. Do vậy, nếu giữ chết cứng thái độ thận trọng, theo lệ chẳng dám sửa đổi một chữ thì tấm lòng đau đáu của Đại Sĩ sẽ bị phong kín bởi văn tự sai ngoa, thiếu sót, thừa thãi, sẽ không có cách nào phô bày rõ rệt được! *(Đây chính là nỗi khổ tâm "chẳng lượng sức, cứ làm chuyện châm chước, giảo định" của Quang).*

Dựa theo mặt sau trang ba trong quyển bảy sách Phật Tổ Thống Kỷ thì tôn giả Pháp Hoa[161], tổ thứ sáu của tông Thiên Thai, chính là hậu thân của Từ Lăng. Ngài Trí Giả hoằng pháp ở kinh đô vào đời Trần, Từ Lăng quy y dưới tòa, phát nguyện hoằng pháp trong đời sau.

Trong một cuốn sách Phó Đại Sĩ Ngữ Lục có tới ba bốn tên, trong phần Thư Thiêm và bìa sách đều ghi là Tập. Quyển một và hai lại ghi là

---

[161] Pháp Hoa Tôn Giả (?-680) là cao tăng đời Đường, pháp danh là Trí Oai. Sư là người xứ Tấn Vân, Xử Châu (nay là Chiết Giang). Thuở nhỏ học Nho, tới năm mười tám tuổi đã giữ chức Đường Trưởng trong quận ấy. Cũng trong năm đó, tuân theo lời cha mẹ, Sư trở về quê nhà lo cưới vợ, giữa đường chợt gặp một vị Phạm tăng cật vấn: "Sao ông lại bội nghịch lời trọng thệ khi xưa?" Vị Phạm tăng cho biết Sư đời trước là Từ Lăng, từng nghe tổ Trí Giả giảng kinh Pháp Hoa, liền phát nguyện đời sau xuất gia từ bé để hoằng dương tông Thiên Thai. Do vậy, Sư bèn sang chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, thờ ngài Quán Đảnh làm thầy. Sau khi thọ Cụ Túc liền được thầy truyền tâm yếu, Định - Huệ trọn đủ, chứng được Pháp Hoa tam-muội. Năm Thượng Nguyên nguyên niên (674), Sư rời Quốc Thanh, vào núi Thương Lãnh Phổ Thông ẩn cư, tuyên giảng kinh Pháp Hoa. Do cuộc đất chật hẹp, Sư bèn dời sang ngọn núi Hiên Viên Luyện Đan, chặt phá gai góc, đặt tên nơi ấy là Pháp Hoa. Ngày diễn giảng, đêm hành Thiền. Đạo chúng theo học đông dần, Thiền tập đến ba trăm người, thính chúng hơn bảy trăm người. Tôn giả biện tài uyên bác, văn chương lưu loát, soạn rất nhiều văn bia. Người đời tôn xưng Sư là Pháp Hoa Tôn Giả. Sư thân cao lớn, khi lên giảng tọa thường có áng mây tím che trên đỉnh đầu. Từ chỗ Sư ẩn cư đến chỗ Thiền hội, thọ trai xa cả tám chục dặm, nhưng Sư chưa hề chậm trễ vắng mặt nên mọi người đều nói là Sư có Thần Túc Thông. Sư từng được vua phong tước Triêu Tán Đại Phu. Sau này, Ngô Việt Vương dâng tặng thụy hiệu Huyền Đạt Tôn Giả. Đệ tử nối pháp có ngài Huệ Oai cũng rất nổi tiếng nên người đời thường gọi hai thầy trò là Nhị Oai.

Truyện Lục. Quyển ba ghi là Thi Kệ. Quyển bốn hoàn toàn chẳng đề danh xưng chánh thức của sách. Phần văn bia thì ghi là Phụ Lục Bi Văn, những chỗ khác chỉ có hai chữ Phụ Lục. Quang châm chước đặt ra một tên gọi, gọi chung toàn bộ cuốn sách là Phó Đại Sĩ Tập. Hai quyển đầu ghi kèm thêm hai chữ Truyện Lục, quyển ba ghi là Thi Kệ, quyển bốn thì trước phần văn bia ghi thêm dòng chữ "phụ lục bi văn". Các truyện thì ghi là "phụ lục truyện này nọ". Trong bản của pháp sư Hưng Từ tôi đã viết rõ cách thức trình bày cho thầy ấy; còn bản này vốn để Quang giữ cho nên chưa ghi rõ.

30. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai)

Mấy hôm trước, em trai ông Mạnh Do là Quần Tranh tính thí tặng các sách nói về nhân quả do các hạ đã soạn và Long Thư Tịnh Độ Văn cũng như bộ Văn Sao của Quang, nhưng vì người đọc sách trong hiện thời trọn chẳng chú trọng cung kính kinh sách của thánh hiền, sợ người được tặng sách sẽ đọc với thái độ như đọc sách Nho thì tội lỗi vô lượng. Do vậy, Quần Tranh gởi thư cho Quang, xin soạn một bài văn khuyến cáo, tính cho khắc ván, in vào đằng sau bìa sách, ngõ hầu những kẻ hiểu biết sẽ chẳng đến nỗi giữ mãi thói quen [khinh nhờn] ấy! Quang liền viết một bài gởi cho ông ta, nhưng do học thức kém cỏi, thật khó thể cảnh tỉnh kẻ khác được! Tuy thế, ắt sẽ có người do vậy mà sửa đổi đôi chút thói quen cũ ấy.

Lại nghĩ: Sách đã đóng bìa xong, nếu in thêm vào sẽ thật khó, nếu hơi chẳng lưu tâm sẽ trở thành bôi lem nhem. Nhân đấy nghĩ: Trên bìa của những cuốn sách do các hạ biên soạn, nếu các hạ chịu in những lời này, cố nhiên sẽ có ích lớn lao cho người đọc. Đấy cũng là một đầu mối để dùng pháp giáo hóa người khác. Nay tôi đem bài văn ấy gởi kèm theo thư để trình lên. Nhưng đấy bất quá chỉ là nói đại lược mà thôi; nếu các hạ chịu vận dụng tài viết lách lớn lao để soạn một bài văn khiến cho người đọc vừa nhìn vào sẽ kinh hồn thì càng tốt đẹp hơn nữa! Do vậy, không nhất định phải dùng bài văn của Quang! Chỉ mong cho người khác biết kiêng sợ hòng ai nấy đều được lợi ích vậy! Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải hướng về cung kính mà cầu, đấy chính là thường pháp chẳng thể thay đổi trong suốt mười phương ba đời vậy! Tiếc cho người đời nay phần nhiều coi thường chuyện này; do vậy, chỉ mang cái danh nghiên cứu xuông, chẳng đích thân đạt được thực chứng!

31. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười ba)

Quang vô tri vô thức, bị ép vào thế bất đắc dĩ, bắt chước cách thức gom lá nhóm cỏ cho xong trách nhiệm, Úy Như lầm lạc lưu truyền, cũng chẳng qua là tạm thời mà thôi, lâu ngày ắt sẽ diệt mất! Nay được các hạ sao lục đưa vào trong những trước tác lớn lao, quyết sẽ được lưu truyền rộng khắp thiên hạ hậu thế. Đúng như câu nói: *"Nhặng xanh bám đuôi ngựa Ký nên đi được ngàn dặm",* cảm kích, hổ thẹn khôn sánh!

Trong lá thư lần trước, ông đã nói đại lược về Huệ Mạng Kinh, Quang chưa hiểu được ý. Nay nhận được thư, biết các hạ muốn nhổ trọn các cội rễ tà kiến, nêu đích danh sách ấy [là kinh điển tà vạy của ngoại đạo giả danh Phật pháp] và dẫn lời Quang đả phá, bài xích, có thể nói lòng từ sâu xa, lòng bi lớn lao đến cùng cực không gì hơn được nữa! Cảm tạ! Bộ Văn Sao hủ bại của Quang nhờ được các hạ tán dương quá mức sẽ được lưu thông tận phương xa, sẽ có ích lớn lao cho kẻ sơ cơ học Phật. Đợi đến khi người ấy đã biết được đường lối sẽ chẳng ngại gì coi [Văn Sao] như chó rơm[162]. Nếu vẫn coi như khuôn thước thì cũng không phải là chẳng được! Bởi lẽ, pháp không có hơn - kém, được lợi ích tùy nơi mỗi người mà thôi!

32. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bốn)

Nhận được thư, các hạ ra rả răn nhắc Quang phải đọc trọn [Phật Học] Đại Từ Điển, càng chứng tỏ lòng các hạ vô ngã rỗng rang dường như biển cả, dung nạp khắp mọi dòng chảy, trọn chẳng khi nào đủ! Quang mục lực suy đồi gần như lòa, thẹn chẳng thể ra sức dò theo từng hàng mực, hổ thẹn khôn sánh! Ngày Hai Mươi Ba mới nhận được bài chú giải Đại Sĩ Bi (văn bia thuật hành trạng của Phó Đại Sĩ) do ông Hoàng [Hàm Chi] biên soạn. Trộm nghĩ văn tự, điển cố trong bài văn bia ấy cực khó thấu hiểu tường tận được. Vì thế, ông Tôn Ngọc Tiên tính cậy các hạ chú giải nhằm phát khởi thiện căn của hết thảy người đọc, ngõ hầu được sanh về Tịnh Độ ngay trong đời này, tương lai sẽ phụ trợ đức Di Lặc trong hội Long Hoa. Lợi ích ấy quả thật chẳng nông cạn! Nay thấy trong bản chú

---

[162] "Chó rơm" (Sô Cẩu: 芻狗) vốn là con chó bện bằng rơm thường dùng để cúng tế cho người chết trong thời cổ. Sau khi cúng xong sẽ đốt hoặc vứt đi nên từ ngữ Sô Cẩu thường dùng để chỉ những vật vô ích. Ở đây, Tổ dùng từ ngữ này để sánh ví Văn Sao, sau khi đã hoàn thành vai trò dẫn nhập kẻ sơ cơ thâm nhập pháp môn Tịnh Độ thì chẳng cần đến Văn Sao nữa cũng không sao!

giải của ông Hoàng, phàm những điển tích người khác chẳng dễ biết mỗi mỗi đều được nêu ra, chẳng những Quang và Ngọc Tiên vui mừng, an ủi khôn cùng, mà Di Lặc Bồ Tát nơi cõi Thường Tịch Quang và trời Đâu Suất cũng mỉm cười bảo [ông Hoàng] đã nêu bày thông suốt được bản hoài xuất thế của Ngài! Nếu bài văn ấy được khắc, ắt sẽ được lưu truyền khắp cõi, vĩnh viễn không ngừng.

Quang do vô tri lại muốn giúp lưu thông nên bèn dùng lối đánh số để chỉ ra những chỗ sai ngoa do lưu truyền sao chép trong ấy và những chỗ chưa được giảng giải hết sức thông suốt, viết riêng vào một tờ giấy khác để mong ông ta sẽ lại sửa chữa. Cổ nhân soạn sách chẳng hiềm ba bốn lượt sửa đổi bản thảo. Biết ông Hoàng và các hạ là bạn tâm giao, sẽ trọn chẳng trách móc Quang phiền phức, vụn vặt, mà sẽ vui vẻ sửa chữa để mong sao trong hội Long Hoa thường được Di Lặc Thế Tôn đề cao là bậc đa văn trí huệ đệ nhất.

Điều đáng tiếc là núi sông xa xôi cách trở chẳng thể gặp mặt trong khi các vị biên soạn nhằm trọn hết tình bằng hữu thiết tha dùi mài! Những điều tôi đã nêu ra chưa chắc đã đều đúng cả, nhưng ngu kiến của Quang chỉ được như thế mà thôi! Ví như kẻ thôn dã dâng rau cần, đứa bé dâng cát, chỉ trọn hết phận mình, há cứ ắt muốn người khác phải sử dụng ư? Tưởng nghĩ các hạ vô ngã, ông Hoàng cũng sẽ vô ngã, chỉ muốn thành tựu thiện căn cho người lẫn mình, sẽ chẳng đến nỗi chê Quang lắm chuyện! Nếu ông Hoàng chịu sửa đổi thành bản khác thì may mắn chi hơn! Nếu như không chịu, tôi sẽ đem nguyên cảo gởi lại, bảo Ngọc Tiên khắc in thì cũng được!

Trong quyển bảy của bộ [Phật Học] Đại Từ Điển, trang 1029, phía dưới từ ngữ *"ấn hoại thành văn*" (ấn nát nhưng dấu khắc trên ấn đã hiện) chú rằng: *"Đúc sáp thành ấn, in trên bùn đất",* chưa đích xác! Ở đây là nói về kim nê[163], dùng ấn [đúc hay khắc bằng] sáp áp vào kim nê đang nóng chảy. Do kim nê chưa nguội nên còn mềm mại có thể đóng ấn vào được. Tuy đã bị ấn sáp đóng xuống thành vết, nhưng vì sức nóng của kim nê nên ấn sáp bị chảy tan. Tuy ấn sáp bị chảy tan, nhưng mỗi một nét khắc trên mặt ấn sáp đã đều hiện rõ trên kim nê. Như vậy thì ấn bị hoại, nhưng nét khắc trên mặt ấn đã hình thành, [hai chuyện này xảy ra]

---

[163] Kim Nê (金泥): Hòa thủy ngân lẫn với bột vàng (hoặc kim loại), đem nung nóng thành chất bột sền sệt thì gọi là Kim Nê. Kim Nê thường dùng trong kỹ thuật đúc ấn hoặc niêm phong. Thuở trước, người ta làm khuôn bằng sáp rồi in vào chất bột kim nê để lấy dấu. Hiện ở Tây Tạng vẫn còn dùng phương cách tương tự để đúc những bức tượng nhỏ gọi là melting wax technique.

cùng một lúc. Nếu hiểu là [đem ấn sáp] in trên bùn đất thì làm sao ấn có thể bị hư hoại cho được? Điều này tuy không quan trọng khẩn yếu, chẳng qua là giãi bày tấm lòng ngu thành của Quang mà thôi!

33. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm)

Vừa nhận được thư, khôn ngăn hổ thẹn, sợ hãi! Ấn Quang là hạng người nào mà dám nhận lấy lời khen ngợi ấy! Các hạ muốn cho kẻ sơ cơ dễ được nhập đạo bèn dùng phương tiện khéo léo, Quang thật sự khâm phục ngưỡng mộ khôn cùng. Đối với chuyện ông đã rộng thí pháp tài, cảm phục đến cùng cực! Tuy thân Ấn Quang chẳng dư tiền, nhưng gần đây do khắc ván, ấn loát v.v… cũng chẳng ngại vì các hạ làm công đức. Hôm nay nhận được thư của Úy Như cho biết sẽ in Ấn Quang Văn Sao, lại bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ để tái bản. Khoản tiền này [do các hạ biếu tặng] ắt phải cầm sang [cho ông ta]. Đợi khi sắp chữ thỏa đáng, sẽ dùng khoản tiền ấy để thỉnh sách Văn Sao hủ bại của Quang nhằm kết pháp duyên. Lại xin ông ta gởi mấy chục bộ theo đường bưu điện tới Phổ Đà để làm pháp thí rộng rãi cho các hạ. Lại nhờ các hạ dặn Thương Vụ Ấn Quán hãy giữ lại bản in để khi cần in lần thứ hai sẽ đỡ phải tốn công sắp chữ lại. Thêm nữa, xin ông dặn họ đừng dùng loại giấy có độ bóng, hãy dùng đúng loại giấy mà ông Từ Úy Như đã dùng để in [trong những lần trước]. Ngày Hai Mươi Bốn, Úy Như đã lên Bắc Kinh, xin các hạ hãy để tâm dặn dò.

Hơn nữa, trong sách Quán Âm Linh Cảm Lục, nơi mặt trước của trang hai mươi hai trong chương thứ năm, đoạn chép về Lương Cung Thần[164], Quán Âm nói với Phạm Vương về mười thứ tướng mạo danh nghĩa của chú tâm, thứ nhất là *"đại từ bi tâm thị"* (tâm đại từ bi là tướng mạo danh nghĩa của chú Đại Bi), cho đến thứ mười là *"vô thượng Bồ Đề tâm thị"*. Năm trước, trong sách Phật Học Chỉ Nam, ông đã từng sử dụng cú pháp như thế này: Đem chữ Thị đặt trên đầu mỗi câu, Quang đã từng nói cặn kẽ. Nay lại sử dụng cú pháp như thế, biết các hạ bận bịu nhiều việc trọn chưa thể kiểm nghiệm từng điều. Chuyện này tuy nhỏ nhặt, nhưng để cho bậc thông gia trông thấy ắt sẽ chê cười, còn kẻ chẳng phải là bậc thông gia trông thấy sẽ bắt chước! Cố nhiên Quang lòng dạ

[164] Lương Cung Thần (1814-?), quê ở Phước Châu, tỉnh Phước Kiến, là một văn học gia nổi tiếng về tài làm câu đối dưới đời Thanh. Cung Thần là con trai thứ ba của đại văn học gia Lương Chương Cự. Những trước tác nổi tiếng nhất của Lương Cung Thần là Bắc Đông Đường Bút Ký, Doanh Liễn Tứ Thoại, Xảo Đối Tục Lục…

thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, thường muốn làm hòn đá mài nơi ngọn núi khác nhằm giồi mài cho viên ngọc xứ Kinh[165], cho nên lại thưa rằng: Với từ ngữ A Già La trong hàng thứ mười hai, chữ La (羅) chính là chữ Đà (陀) bị viết sai, [A Già La] tức là thuốc A Già Đà vậy. Có người bạn tặng cho Quang bức tranh vẽ chùa Vạn Niên núi Thiên Thai, nay xin tặng lại để ông có cái ngao du tinh thần.

34. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu)

Vừa nhận được thư, biết các hạ có chí mong lợi người nhưng lại thận trọng nơi sự, sợ rằng có chỗ không thích đáng sẽ gây trở ngại cho pháp đạo, đáng gọi là "chân tâm hộ pháp, chân tâm lợi người". Lại do thấy Quang nghèo nàn tiền bạc, liền đặc biệt gởi cho mười tấm bưu phiếu, cảm ơn lắm. Đời Mạt ít có tri thức thật sự, thường có những gã tục Tăng vô tri dạy người khác niệm Phật, bảo: "Cứ niệm Phật một tiếng thì sẽ có một đồng trong cõi Âm!" Nhưng kẻ ngu thấy biết nhỏ nhoi, nói: "Mỗi ngày niệm Phật mấy vạn tiếng liền có mấy vạn đồng! Buôn bán trong thế gian nhọc nhằn, gian nan, trọn chẳng có được chuyện lợi ích lớn lao như thế ấy", liền phát tâm niệm Phật coi như phương kế tích tụ tiền tài, trọn chẳng biết tới nguyên do niệm Phật! Do kẻ ấy tâm tâm niệm niệm dùng lòng chí thành để mưu tính tích tụ tiền bạc nên sẽ tùy tâm tùy nghiệp mà hiện thành tiền.

Chuyện của Trương Bân đích xác chẳng phải là ngụy tạo! Điều đáng tiếc là ông ta chưa gặp được bậc tri thức sáng mắt dạy cho biết nguyên do niệm Phật. Nếu biết được nguyên do, dùng cái tâm khẩn thiết ấy để phát nguyện tự lợi lợi người, chắc ông Bân sẽ cao đăng chín phẩm, chứng quả Vô Sanh! Há còn lo tích trữ mấy kho kim tiền để đợi sau này sử dụng trong cõi Âm nữa ư? Còn như vua cõi Âm bảo: *"Phàm ai thọ*

[165] Nguyên văn "Kinh bích", chỉ viên ngọc của Biện Hòa (Kinh là tên gọi khác của đất Sở, tức Hồ Nam). Biện Hòa tìm được một khối đá có ngọc dâng lên vua Sở, thợ ngọc lười, chỉ chặt một góc rồi bảo là đá thường. Vua tức giận chặt một chân Biện Hòa. Một thời gian sau, vì tiếc ngọc quý không ai dùng đến, Biện Hòa lại đem khối đá ấy dâng lên vua, thợ ngọc lại phạt một góc khác, bảo chỉ là đá. Vua tức giận, ra lệnh chặt nốt chân còn lại của Biện Hòa. Biện Hòa ôm phiến đá ngồi khóc ngoài đồng. Có viên quan thương tình tâu lên vua. Vua sai xem xét cẩn thận, quả nhiên bên trong có viên ngọc quý giá vô cùng. Về sau, Tần Thủy Hoàng cướp lấy viên ngọc này để làm ấn truyền quốc. Chữ Kinh Bích về sau thường dùng như một từ ngữ phiếm chỉ các loại ngọc quý.

Bát Quan Trai Giới chí tâm niệm Phật một tiếng thì cũng đúc được một đồng tiền bằng bạc" cho thấy người đời dùng niệm Phật để tích trữ tiền [nhằm sử dụng sau khi chết] nhiều lắm! Họ chẳng biết tới công đức niệm Phật, chỉ mong có tiền để dùng sau khi chết, giống như đem Như Ý bảo châu đổi lấy một tấm áo, một bữa ăn! Há chẳng đáng tiếc ư?

Tuy nhiên, do vị Thượng Thư khẩn cầu người thợ bện dép cỏ Bồ nên liền được sống lại để chuộc tội[166]. Tri kiến phàm phu trong thế gian chẳng thể suy lường công đức của sự phát khởi tâm đại Bồ Đề niệm Phật! Vì thế, ngài Tỉnh Am nói: *"Tạm trì thánh hiệu còn hơn bố thí suốt một trăm năm, vừa phát đại tâm sẽ vượt trỗi tu hành suốt kiếp".* Hai câu này đều dựa theo những điều kinh luận đã nói mà nêu rõ, chứ không phải là bịa đặt. Phàm sao lục những sự thật ấy, hãy nên nói rõ chánh lý Phật pháp ở đằng sau mỗi chuyện và chỉ rõ: Phàm phu thấy biết nhỏ hoi, chỉ biết niệm Phật để tích cóp tiền thì tiền ấy sẽ theo cái tâm mà cảm vời,

---

[166] Theo Hiện Báo Tùy Lục (quyển 1) của pháp sư Giới Hiển, ở Ninh Ba có một kẻ thường dân sống nhờ trong nhà kho của một vị Thượng Thư họ Thôi, bện hài bằng cỏ Bồ để bán kiếm sống. Ông ta thích tu hành, ăn chay trường, niệm Phật. Mỗi khi niệm Phật cứ niệm xong một xâu chuỗi lại lấy một cọng cỏ Bồ bỏ vào giỏ tre để nhớ số. Đến hôm Ba Mươi tháng Chạp mỗi năm sẽ đem đốt số cỏ ấy nơi Địa Tạng Điện. Làm như vậy được mấy năm, chợt Thôi Thượng Thư bị nhọt mọc trên lưng, chết xuống âm phủ. Diêm Vương trừng mắt, tra hỏi sự thiện - ác lúc còn sống. Ông Thôi thưa: "Nếu ngài cho con được sống lại, con sẽ một mực tu phước nghiệp chuộc tội được chăng?" Diêm Vương nói: "Tiền của nhà ngươi đã tích trữ đều là do tạo nghiệp mà có, không dùng được ở nơi này. Gã thường dân Trương Bân ở đậu nhà ngươi có trữ tiền vàng cả mấy kho ở đây. Hãy đem tiền thật đổi lấy một vạn tiền cõi Âm thì sẽ tiêu được tội!" Họ Thôi đáp: "Chỉ cần con về lại dương gian thì sẽ làm chuyện ấy dễ dàng. Nhưng Trương Bân nghèo kiết xác, sao lại được như thế?" Diêm Vương nói: "Phàm người giữ trai giới chí tâm niệm Phật một tiếng, dẫu cho tán tâm niệm Phật một tiếng cũng để dành được một đồng bằng bạc. Trương Bân chí tâm niệm Phật, dùng cỏ Bồ để ghi số, đã tích được mấy kho tiền rồi". Ông Thôi sống lại, gọi Trương Bân bảo: "Ông tích trữ được mấy kho tiền ở Âm Phủ, có thể đổi cho ta một vạn được chăng". Ông Trương sững sờ, câm lặng! Họ Thôi bảo: "Ông dùng cỏ Bồ để nhớ số câu niệm Phật, đem thiêu trong lò đốt giấy tiền ở miếu Địa Tạng, chính là khoản tiền ấy đấy". Trương đáp: "Nếu thật sự như vậy, nếu quả thật hữu dụng, xin tùy ý Ngài". Ông Thôi bèn sai viết bằng khoán, đem một vạn bạc thật để đổi lấy tiền cõi Âm, thỉnh họ Trương đốt bằng khoán tâu với Âm Phủ, quả nhiên lành bệnh. Trương Bân nói: "Tôi tuổi đã già rồi, chẳng dùng tiền để làm gì", bèn đem số bạc ấy dựng một cây cầu lớn, tốn đến mấy vạn bạc, lại dựng một cái am cho người khác tu tập. Do ông Đinh Phước Bảo dẫn câu chuyện này nên tổ Ấn Quang khuyên ông Đinh hãy ghi thêm lời chú thích hoặc giảng giải cặn kẽ kẻo người đọc chỉ lo niệm Phật hòng trữ tiền trong cõi Âm, không cầu được vãng sanh.

theo cái nghiệp mà hiện ra, cho nên thật sự có mấy kho tiền vàng trữ trong chốn âm phủ!

Phàm là người niệm Phật, ắt phải phát đại Bồ Đề tâm phổ độ chúng sanh thì trong hiện tại các duyên sẽ thuận thảo, thích đáng, lúc lâm chung chánh niệm vãng sanh. Từ đấy, thoát khỏi hàng phàm phu, dự vào hội thánh hiền, nương theo Phật từ lực và nguyện luân của chính mình trở vào Sa Bà hiện khắp các sắc thân độ thoát chúng sanh. Há nào phải khư khư như viên Thượng Thư chỉ mong được nhờ ân hòng diệt tội ư? [Dẫn giải] như thế sẽ khiến cho người đọc đoạn trừ được những tri kiến kém hèn, mở mang, khơi gợi tín tâm chân thật.

Nếu chỉ sao lục nguyên văn, trọn chẳng bình luận thì kẻ ngu sẽ tưởng niệm Phật chính là một pháp để tích trữ tiền bạc trong cõi Âm! Từ đấy một người xướng, trăm kẻ họa, chỉ mong làm quỷ có tiền, đánh mất chỗ nương dựa để tạo lập công phu vãng sanh Tây Phương! Người trí thấy vậy sẽ chê kẻ biên soạn trọn chẳng có chánh nhãn. Nếu bình luận nguyên do thì đôi điều đều đạt được! Nếu không, cả hai điều đều mất. Những sách vở trong thế gian đều có những chỗ giúp nêu tỏ Phật pháp, nhưng do người soạn chưa mở được chánh nhãn nên thường đến nỗi [dẫn đến hiệu quả] trái nghịch. Như Kỷ Văn Đạt, Viên Tử Tài cực lực muốn làm cho người khác tin sâu nhân quả, nhưng chưa hiểu rõ tự tâm, nên thường viết những câu tự mâu thuẫn, hoặc hiểu lầm tin tức, ngỡ ma cảnh là Phật cảnh, huống là những kẻ khác ư?

35. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy)

Vừa nhận được thư và Đại Sĩ Tập, khôn ngăn mừng rỡ. Bài văn Đại Sĩ Bi đã được ông Hoàng [Hàm Chi] chú giải thì ân trạch của [Phó] Đại Sĩ sẽ thấm nhuần khắp mọi quần manh. Tôi gởi thư ngay cho Ngọc Tiên, nói rõ nguyên do và gởi kèm theo thư của các hạ. Chú giải đã xong, nếu cho khắc ván chẳng cần phải nói đến nữa! Nếu không khắc thì sao ông ta lại miệt mài muốn xin các hạ chú giải. Nhưng sau khi chú giải đã soạn xong, sẽ đem nguyên cảo từ chỗ Quang gởi đi, đợi cho ông ta đọc xong thì mới quyết định khắc ván hoặc đúc bản kẽm! Lời hỏi của ông Vạn nên ghi vào phía sau.

Tác phẩm lớn lao của ông là [Phật Học] Đại Từ Điển chữ quá nhỏ, mắt Quang chẳng thể đọc được! Ngẫu nhiên đọc một hai đoạn, tựa hồ có chỗ cần phải thương lượng, châm chước, nên cũng viết vào sau thư này. Những điều ông giảng giải về từ ngữ *"được Phật tiếp dẫn"* không sai,

nhưng Thiên Thân Luận chính là Vô Lượng Thọ Kinh Luận, cũng còn gọi là Vãng Sanh Luận. Trong Đại Tạng Mục Lục gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Ba Đề Xá. Ưu Ba Đề Xá[167] chính là từ ngữ tiếng Phạn để chỉ Luận vậy.

Trong từ ngữ *"cách ấm chi mê"* thì Ấm có nghĩa là sắc thân, tức Ngũ Ấm. Do điều này, bậc Bồ Tát chưa đoạn sạch Kiến Tư Hoặc trong tam giới hễ thọ sanh thì vẫn còn có cái làm cho họ bị mê hoặc, vì thế gọi là *"cách ấm chi mê"*. Rất nhiều vị đại căn khí lúc thoạt đầu cũng mê muội trái nghịch giống như phàm phu, nếu gặp được duyên hoặc vừa nghe khai thị liền ngộ ngay lập tức, thật giống như người thuộc hai cuộc đời khác nhau, đấy đều là do đời trước đã gieo thiện căn sâu xa nhưng chưa đoạn được Phiền Hoặc, hễ vừa chuyển sang đời sống khác liền trở thành mê trái. [Kinh luận thường] gọi lúc chưa chết là Hiện Ấm, gọi lúc chết rồi nhưng chưa thọ sanh là Trung Ấm, thọ sanh rồi thì gọi là Hậu Ấm. Hậu Ấm là ước theo lúc chưa chết mà nói, chứ nếu ước theo lúc đã thọ sanh để nói thì phải gọi là Hiện Ấm. Thuyết *"cách ấm"* chỉ cho điều này!

Gạt bỏ Tây Phương Di Đà, coi đó là chấp lấy pháp ở ngoài tâm; đấy chính là căn bệnh chung của những kẻ tham Thiền nhưng không hiểu được ý, chỉ chấp có tâm, chẳng biết có Tịnh Độ, cũng như [chẳng biết có] vị giáo chủ cõi Tịnh Độ. Ý họ cho rằng: "Hết thảy duy tâm mà Di Đà ở Tây Phương tức là chấp lấy pháp ở ngoài tâm", chẳng biết: Do hết thảy duy tâm nên Sa Bà chỉ là do sự nhơ uế trong tâm cảm thành, Cực Lạc cũng chỉ do sự khiết tịnh trong tâm cảm thành! A Di Đà Phật ở Tây Phương chính là đức Phật thiên chân nơi tự tánh của chúng ta, đức Phật thiên chân trong tự tánh của chúng ta chính là A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chẳng thấu hiểu nghĩa lý "duy tâm", lầm lạc sanh ý niệm lấy - bỏ, lỗi ấy kể sao cho xiết? Ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm, do tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, do tâm uế thì cõi Phật uế. Cảnh thiện hay ác là do tâm thiện hay ác cảm thành. Trọn chẳng có chuyện thiện tâm, tịnh tâm lại cảm ác cảnh, uế cảnh, hoặc ác tâm uế tâm lại cảm được thiện cảnh, tịnh cảnh! Do bởi lẽ ấy cho nên nói: *"Ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm"*.

---

[167] Ưu Ba Đề Xá (Upadeśa) là một thể tài trong kinh điển, còn được phiên âm là Ô Ba Đệ Thước, dịch nghĩa là "chỉ thị, hiển thị, tuyên thuyết, luận nghị" hoặc "chú giải chương cú kinh", đều hàm nghĩa: Đây là những trước tác của các đệ tử Phật hoặc các luận sư đời sau nhằm chú giải, diễn giảng những lời Phật đã nói.

36. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám)

Nhận được thư, biết sách Phật Học Toát Yếu đã được sửa chữa, ấn hành, rộng kết pháp duyên, khôn ngăn mừng rỡ, vui thích. Ông gởi tới hai mươi cuốn, tôi chưa hề nhận được. Thoạt đầu sợ là được gởi riêng trong một bưu kiện khác, nên chắc sẽ chậm trễ một hai ngày. Vì thế, tính khi nào nhận được sách mới dâng thư phúc đáp. Đến nay vẫn chưa nhận được, sợ bưu cục đã để lạc mất rồi! Nhưng thiện thư ấy hễ có ai xem thì cũng được rồi, cũng chẳng cần phải áy náy vì Quang không được xem! Nhưng gởi nhiều đồ vật qua bưu cục mà vẫn bị như thế, chẳng biết họ đã bao lần làm hư chuyện lớn của người khác? Xin hãy nói rõ với bưu cục để họ lưu tâm.

Đối với những bộ Nhị Thập Sử Cảm Ứng Lục đã được khắc bản, các hạ có được sáu bảy loại thì những chuyện lạ lùng hiếm nghe được ghi chép trong các bộ sử sẽ chẳng bị thiếu sót. Nếu các hạ chịu chọn lọc hết ra để lưu truyền trong vũ trụ sẽ khiến cho những kẻ thiên chấp đoạn kiến và những kẻ chỉ tin vào sử sách chẳng tin vào nhân quả báo ứng được nói tới trong các sách vở khác đều được lợi ích. Ấy là công đức chẳng thể nghĩ bàn, chẳng những có ích cho Phật pháp mà quả thật còn là khuôn mẫu lớn lao cho việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ vậy! Nguyện sau khi đã soạn thành sách rồi sẽ đặc biệt ban cho Quang một bộ nhằm thỏa tấm lòng ngu muội thì tôi cũng chẳng ngại phiền phức, sẽ hướng đến khắp mọi người hữu duyên để tuyên nói!

37. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín)

Vừa nhận được Quán Âm Linh Cảm Lục và Phật Học Sơ Giai do ông gởi tới, khôn ngăn cảm phục. Năm Mậu Ngọ (1918), Quang nhận lời thỉnh của ông Trần Tích Châu tu chỉnh [Phổ Đà] Sơn Chí, Quang tính sưu tầm khắp mọi sự tích linh cảm của ngài Quán Âm trong Đại Tạng để đưa vào trong Sơn Chí, nhằm nêu rõ thật nghĩa nơi Bổn và Tích của vị chủ nhân núi này. Hiềm rằng mắt vẫn lòa như cũ, không cách nào viết lách được, nay thấy bản biên tập của các hạ, khôn ngăn mừng cho chúng sanh không nơi nương tựa trong cõi Sa Bà đã có được nơi che chở. Tôi sẽ cất giữ [cuốn sách này] trong phòng chứa kinh. Nếu vạn nhất được toại nguyện, mắt được sáng lại, sẽ thực hiện ý nguyện sửa chữa, tu chỉnh Sơn Chí lần nữa, ắt sẽ chọn lọc sử dụng tài liệu trong cuốn sách này nhằm đáp tạ ân lớn lao của Đại Sĩ, hòng an ủi nỗi khổ tâm của các hạ,

mà phẩm sen của lệnh nghiêm, lệnh từ cũng sẽ được chuyển cao lên hơn nữa.

Cuốn Phật Học Sơ Giai tôi sẽ đem tặng cho người có tín tâm để rộng kết pháp thí cho các hạ. Bát Đại Nhân Giác Kinh do ông gởi khi trước tôi đã nhận được rồi. Ông sai tôi viết lời đề từ cho cuốn Phật Học Sơ Giai thì tôi văn từ thô lậu, quê mùa, chẳng thể nêu tỏ ý nghĩa của cuốn sách ấy được! Do vậy, chẳng qua là làm chuyện tắc trách mà thôi!

38. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi)

Quang vốn là chủng tử địa ngục hủy báng Phật pháp, may mắn nhờ vào thiện căn đời trước, giữa chừng giác ngộ xuất gia tu trì Tịnh nghiệp để mong thoát khỏi cõi khổ não này mà thôi! Nào ngờ [Mã] Khế Tây cứ muốn ép tôi vào địa ngục A Tỳ, biến tôi vốn là chủng tử địa ngục rốt cuộc thành một vị Bồ Tát sống! Hay thì hay thật đấy! Nhưng Diêm La đại vương quyết chẳng chấp nhận đem phàm lạm thánh, ắt sẽ phải mời tôi là một vị Bồ Tát giả tới hiển hiện thần thông trong vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao v.v… nơi ấy! Sợ rằng sẽ phải đem đầu mặt giao nộp mà thôi! Chẳng những không thể sanh về Tây Phương mà còn sợ rằng sẽ phải thường ở mãi trong địa ngục A Tỳ không thể thoát ra! Nếu ông thương xót tôi, quyết sẽ đem truyện[168] ấy đốt sạch hết đi khiến cho ông ta chẳng còn làm những chuyện bịa đặt sáo rỗng ấy nữa thì may mắn muôn phần, vạn phần vậy!

39. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi mốt)

Nhận được thư và sách Tam Tạng Pháp Số[169], khôn ngăn mừng vui, an ủi. Nhưng Quang cứ một mực muốn in phần Thư Căn[170]. Sau này hễ in sách, đều cần phải in chữ nơi phần Thư Căn để tiện kiểm tra phòng ngừa sách bị mất trang. Cách ấy chính là cách tốt đẹp để bảo tồn sách vở vậy. Cao Tăng Truyện còn phải đợi ba năm nữa mới khắc ván được, năm năm nữa mới in ra sách được! Sách ấy bị sai ngoa rất nhiều vì Dụ Muội Am nghề nghiệp bận bịu, cậy người khác biên soạn giùm; khi biên chép,

[168] Tức cuốn Ấn Quang Đại Sư Truyện do Mã Khế Tây soạn.
[169] Tức cuốn Thông Kiểm Bản Tam Tạng Pháp Số do Đinh Phước Bảo soạn. Ông Đinh dựa theo Đại Minh Tam Tạng Pháp Số và Giáo Thừa Pháp Số chọn lọc lấy những danh từ Phật học thông dụng nhất để giải thích.
[170] Tức phần in tên sách, số quyển, số chương, số trang trong mỗi trang sách.

trình bày đều không giảo duyệt tường tận. Ông ta lại đôi ba lần cậy Quang giảo chánh, nhưng Quang quả thật suốt ngày không có lúc rảnh rỗi. Hôm nay ông ta gởi thư đến nói: "Dù phải chậm trễ ba năm cũng không đáng lo ngại!" Nhưng các sách [ông ta] đã đọc phần nhiều đều là các tỉnh phủ huyện chí, những sách được liệt kê tuy không nhiều lắm, nhưng những sai sót trong ấy cố nhiên chẳng ít. Ông đáng gọi là bậc đọc rộng rãi các sách, phàm những điều nào không có trong các truyện về những bậc cổ đức lỗi lạc xin hãy đều sao ra, phán đoán thời đại của các vị ấy để lúc khắc ra sẽ tùy theo từng loại mà ghép vào phần trước hay phần sau [bộ sách này].

Hơn nữa, tập sách này không có lời bình luận, Quang tính thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh viết lời bình luận [dưới mỗi truyện] cho giống với thể tài của ba tập trước. Hơn nữa, ba tập [cao tăng truyện các đời] Lương - Đường - Tống đều có thiếu sót. Nếu ông đọc các sách cổ thấy có vị cổ đức lỗi lạc nào mà trong Cao Tăng Truyện chưa có thì cũng nên sao ra để soạn thành phần Bổ Di[171] in kèm sau sách. Ông Hứa Chỉ Tịnh bút lực vượt trỗi vạn người, văn chương lừng lẫy một thuở, hiện đang biên soạn bộ Quán Âm Cảm Ứng Tụng cho Quang. Phần chánh văn đã biên soạn xong, Quang bảo ông ta viết thêm lời chú, sẽ hoàn tất vào tháng Ba năm sau thì ân trạch của Đại Sĩ sẽ được thấm nhuần khắp hoàn vũ vậy!

40. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh

Hòa Thượng Liễu Thanh đưa thư của ông cho tôi đọc, cảm kích sâu đậm tấm lòng chân thật vì pháp của cư sĩ. Ông yêu mến tôi tới tột bậc, nhưng chẳng biết cách yêu mến, nên chẳng thể không trình bày đại khái để dứt nghi tình. Bộ Phật Môn Vựng Tải được biên soạn nhằm chấn hưng pháp đạo, chỉ dạy kẻ ngu mê, nếu [tác phẩm nào] lý không đạt tới mức uyên thâm, bút mực không siêu diệu như biển rộng trời cao, vàng rung, ngọc chạm, khiến cho người khác vừa đọc sẽ sanh lòng tỉnh ngộ mạnh mẽ như trong đêm tối nghe tiếng chuông sẽ tỉnh ngay giấc mộng hư huyễn thì làm sao đáng đưa vào trong ấy! Ấn Quang là một ông Tăng tầm thường, trăm sự chẳng làm được một, mắt lại còn bị tật đã lâu, chẳng thể đọc khắp các kinh luận, lại trọn chẳng có tánh nghe, nghe xong liền quên sạch, trọn chẳng nhớ được tí ti nào! Làm sao có thể dự

---

[171] Bổ Di (補遺): Phần bổ sung nhằm bù đắp những chỗ thiếu sót trong phần sách chính.

vào trong hội tốt lành ấy cho được? Trong mấy chục năm qua, không có chuyện gì [cần thiết] thì tôi chẳng gần gũi bút mực. Úy Như sưu tập những bản văn hủ bại đem khắc ván là đã quá phận rồi, huống chi nay lại giao cho Thời Sự Tân Báo Quán ư?

Tục ngữ có câu: *"Không gạo không sao nấu cơm được!"* Không phải là Quang chẳng muốn được thể diện, nhưng do không có gạo nên chẳng thể đem đất, đá, trấu, tấm giả làm món ăn ngon lành khiến cho người khác chê cười! Đối với dòng họ ngoài đời, năm tháng xuất gia, những chỗ đã trụ, những chuyện đã làm, đấy chính là những dữ liệu về bậc đại thông gia có công đối với pháp đạo nên được người đời sau sao chép để nêu gương nhằm phát khởi cái tâm kính ngưỡng, mong mỏi, hâm mộ của người khác nên không thể nào chẳng làm như vậy. Còn như Quang là một ông Tăng tầm thường, ngoài chuyện ăn ngủ ra, trọn chẳng biết gì cả, trọn chẳng làm được gì! Sao đáng để noi theo khuôn sáo ấy? Dùng khuôn sáo ấy sẽ trở thành khắc phân người giả làm Chiên Đàn, đẹp thì đẹp mặt thật đấy, nhưng chỉ thối tha, không thơm tho gì! Cũng giống như đem đất, gỗ giả làm vàng ngọc, choáng lộn thì choáng lộn thật đấy, nhưng chỉ có sắc chứ chẳng thể tỏa sáng được! Khi chưa xuất gia, Quang đã coi chuyện hư trương thanh thế là điều đáng thẹn, huống chi nay đang muốn theo gót các vị thượng thiện nhân ưu du trong thế giới An Dưỡng! Há chịu biến không thành có để lừa đời, dối mình ư?

Một câu Nam Mô A Di Đà Phật chỉ cần niệm cho thuần thục thì thành Phật còn có thừa, không học Mật pháp nào phải áy náy gì? Mỗi ngày niệm Phật ba chục vạn câu thì ý căn lẫn thiệt căn đều nhạy bén, nhưng đừng chỉ hâm mộ niệm cho nhiều! Hãy nên dốc sức nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà thôi! Hơn nữa, những kẻ tu hành phù phiếm, hời hợt hiện thời phần nhiều đều chẳng tu hành chân thật, chỉ mong được hư danh. Quang từng thấy rất nhiều kẻ công khóa hằng ngày niệm Phật tới mười vạn câu Di Đà, nhưng đều là phô phang thanh thế sáo rỗng nhằm dối mình lừa người mà thôi! Hễ nhiễm phải thứ tập khí ấy thì sẽ chỉ nhọc nhằn chứ không có công hiệu gì đâu! Nhỏ thì sẽ biến không thành có, lớn thì đem phàm lạm thánh, chẳng những không có công lao gì mà tội lỗi cũng chẳng thể nói trọn hết được!

Hiện nay, tăng nhân tuy nhiều, nhưng kẻ có thể hoằng pháp thật ít. Do thỉnh pháp sư chẳng dễ, cho nên đến nỗi như thế. Nhưng nghe kinh giống như tu trì Tịnh nghiệp, hễ nêu rõ nguyên do của tự lực và tha lực thì sẽ có lợi lớn lao. Nếu chỉ cầu thông đạt giáo nghĩa, chẳng chú trọng Tịnh Độ thì sợ rằng sẽ không có sức đoạn Hoặc chứng Chân. Muốn đới

nghiệp vãng sanh mà lại chẳng sanh tín nguyện thì tuy có Phật lực nhưng không có cách nào nương cậy, sẽ trở thành kẻ có nhân không quả, nghiệp thức mờ mịt! Cần biết rằng: Những giáo pháp được nói trong suốt một đời đức Phật đều thuộc về pháp môn tự lực, chính là giáo lý theo đường lối thông thường; còn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt, hoàn toàn cậy vào Phật lực. Nếu có thể đoạn Hoặc chứng Chân ngay trong đời này thì chẳng cậy vào Phật lực cũng chẳng mắc lỗi gì! Chứ nếu đã không thể đoạn Hoặc chứng Chân ngay trong đời này mà lại chẳng cậy vào Phật lực thì nếu không ngu ắt cũng là cuồng! Những bậc đại thông gia hiện thời thường là như thế đấy, buồn thay!

Người học đạo chuyện gì cũng phải noi theo thật tình, cuối thư há nên dùng chữ "trăm lạy" sáo rỗng? Chắc là ông nghĩ khuôn phép sáo rỗng ấy là cung kính đấy chăng? Từ nay về sau đừng nên như thế nữa! Chỉ nói "đảnh lễ" là được rồi!

Thư của Lâm Tâm Liên hỏi về Lý Trác Ngô. Người này cũng thuộc hạng "tưởng chừng là đúng mà thật ra là sai!" Xét ra, ông ta xuất gia nhưng không thọ giới, liền tự nói pháp, tới khi người trong vùng chê là tà thuyết, ngông cuồng, trái nghịch, bèn đội mũ làm nhà Nho. Xét theo học thức của Trác Ngô, làm sao có thể phô bày, đề cao tâm pháp của Thích - Nho được? Ông ta đột ngột hoàn tục tức là hành vi không có đường lối nhất định, cứ làm bừa theo ý mình. Há còn đáng gọi là bậc quân tử hiểu lý, thấu hiểu tận cùng tánh hay chăng? Cuốn Cư Sĩ Truyện[172] đặc biệt viết truyện về ông ta, quả thật là đề cao quá đáng! Sợ ông Lâm vẫn chẳng chấp nhận lời Quang là đúng, vì thế tôi viết kèm thêm vào thư gởi cho ông.

Ông muốn xuất gia đã lâu, chẳng biết khẩn thiết như thế nào? Nay thấy [cách xử sự khi] ông ở chùa Thái Bình thì cũng là phường hời hợt, hờ hững. Tức là ông muốn xuất gia chỉ nhằm cầu được thanh nhàn, tự tại mà thôi! Nếu thật sự muốn tu trì sẽ chẳng đến nỗi thong dong, lửng lơ như thế!

---

[172] Cư Sĩ Truyện (56 quyển) do Bành Thiệu Thăng (Bành Tế Thanh) soạn, chép về ngôn hạnh của hơn hai trăm vị cư sĩ ngoại hộ Phật pháp từ đời Hậu Hán cho đến niên hiệu Càn Long nhà Thanh được sưu tập từ các bộ sử truyện, văn tập của các vị danh sĩ cho đến những sách chuyên viết về Phật giáo như Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập, Phật Pháp Kim Thang Biên, Truyền Đăng Lục, Ngũ Đăng Hội Nguyên, Phật Tổ Thống Kỷ, Phật Tổ Thông Tải v.v… Sách được khởi đầu bằng các vị Mâu Dung, An Huyền, Trúc Thúc Lan v.v…. Hai vị cuối cùng là Châu An Sĩ và Tri Quy Tử.

Kinh Lăng Nghiêm có gì mà chẳng thể nghiên cứu được! Nhưng cần phải lấy Tịnh Độ làm chủ thì hết thảy kinh sẽ xiển dương lợi ích của Tịnh Độ. Phần mở đầu kinh Lăng Nghiêm gạn hỏi cái tâm khó khăn như thế thì biết chúng sanh đời Mạt nếu cứ muốn nghiên cứu [kinh điển xuông] để giải quyết sự việc thì sẽ tự lầm, lầm người lớn lao! Huống chi trong phần Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông, kinh xếp pháp Viên Thông của ngài Thế Chí trước pháp Viên Thông của ngài Quán Âm, hàm ý lấy Tịnh Độ làm [pháp môn] chủ yếu cũng lớn lao thay! Đến phần giảng rõ về cảnh Ngũ Ấm Ma, [Phật dạy] kẻ phá được hai ấm Sắc và Thọ mà vẫn còn có chuyện bị ma dựa, đủ thấy sự khó khăn khi dùng tự lực để liễu sanh tử, sự dễ dàng khi dùng Phật lực để liễu sanh tử. Nghiên cứu được như thế thì sẽ có lợi ích lớn lao.

Phàm khi nghiên cứu, ắt phải lắng lòng, dứt bặt suy nghĩ, ngưng thần đọc kỹ thì sẽ như vào trong đảo châu báu lớn, ắt sẽ có thu hoạch. Nếu chỉ mong đọc ào ào cho nhanh, hận chẳng vừa đọc là xong ngay, thì chẳng những không hiểu được nghĩa lý của kinh mà lâu ngày chắc sẽ bị bệnh đến nỗi tổn khí, thổ huyết v.v… Người khéo được lợi ích, không gì chẳng tạo lợi ích; kẻ cam chịu tổn hại, không gì chẳng phải là tổn hại! Kinh Lăng Nghiêm quả là bản kinh mầu nhiệm để hoằng dương Tịnh Độ, nhưng kẻ chưa hiểu pháp môn Tịnh Độ thường do kinh Lăng Nghiêm mà ngược ngạo coi thường pháp môn Tịnh Độ. Đấy gọi là *"kẻ nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí",* do chính mình chưa có đủ chánh nhãn, cứ cậy vào ý kiến của chính mình để hiểu ý kinh mà ra!

Lăng Nghiêm quán nhiếp[173] khá rõ ràng, nhưng giải thích kinh văn dễ dàng, rõ ràng nhất thì không gì bằng sách [Lăng Nghiêm] Chỉ Chưởng; nhưng đa số những chỗ trọng yếu trong Chỉ Chưởng lại không theo sát kinh văn, đấy là do mỗi người khéo hiểu mà thôi! Thoạt đầu cần phải nghiên cứu Tịnh Tông đến chỗ không còn bị dao động, mê hoặc thì mới có thể đọc rộng rãi các kinh luận. Nếu chưa hiểu rõ Tịnh Tông, hễ đọc rộng rãi các kinh luận sẽ khó khỏi bị kinh giáo hoặc lời lẽ của tri thức xoay chuyển, ngược ngạo gác bỏ Tịnh Độ ra ngoài. Người đời nay hễ hiểu kinh giáo đôi chút bèn chú trọng nơi nghiên cứu, hễ hơi hiểu Thiền ý bèn chú trọng nơi tham cứu. Nguyên nhân nói chung là do họ

---

[173] Quán nhiếp: Nói tắt của "quán thông nhiếp thọ" (貫通攝受), tức gồm thâu, thâu nạp xuyên suốt, không để sót điều gì. Ý nói kinh Lăng Nghiêm dạy về lý tánh lẫn sự tu rất rõ ràng, chỉ vì người đọc do chấp trước quá nặng nên không thể hiểu viên dung ý Phật.

không biết chính mình là nghiệp lực phàm phu chẳng thể tự chứng giải thoát được! Cái cực thâm diệu nằm ở chỗ cực bình thường! Ví như một câu Phật hiệu vốn cực bình thường, nhưng niệm tới cùng tột thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa đều có thể hiểu được! Lại như gốc cây, vốn cực bình thường, nhưng sanh rễ, nẩy mộng, đâm cành, trổ nhánh, nẩy lá, đơm hoa, kết quả, thật mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, kẻ biết nhìn vào, biết thực hiện cái bình thường thì chính mình mới thật sự có sở đắc. Nếu chỉ biết thâm diệu thì phần nhiều khó thể tận tụy thực hiện được, trở thành kẻ chỉ biết nói những lời lẽ thâm diệu mà thôi!

Lệnh hữu bị bệnh, chỉ nên khuyên ông ta trở về nhà dưỡng bệnh. Vàn muôn phần chớ nên để ông ta tới Phổ Đà; do ông ta quen thói kẻ cả, thức ăn phải nấu nướng khéo léo, nhà cửa phải lộng lẫy, người hầu hạ phải lanh lợi, hễ gặp một chuyện gì không vừa ý liền sanh phiền não! Ở Pháp Vũ chẳng có một điều nào hợp ý ông ta được đâu! Huống chi ông ta tự cao tự đại, trọn chẳng có tín tâm, tuy anh ông đã ghi tên xin quy y giùm ông ta, thế mà khi Quang đến Thượng Hải, ông ta trọn chẳng có một lần nào đến thăm hỏi *(Quang không trách ông ta bất kính, nhưng do vậy biết ông ta tự đại cũng như thiếu hẳn tín tâm).* Làm sao tới núi dưỡng bệnh cho được? Nếu chẳng nói rõ những chuyện này, chắc ông ta sẽ nghe theo lời hai anh em ông khuyên, đường đột chẳng nghĩ thân phận, tánh tình của mình như thế nào, Pháp Vũ là nơi chốn như thế nào để rồi đến ngay, sẽ trở thành chướng ngại, không bao lâu sẽ phải bỏ đi, đâm ra bị tổn hại vô ích! Ngàn vạn phần đừng khuyên ông ta tới núi kẻo đến nỗi đôi bên đều bất an.

Sư Hoằng Nhất chỉ muốn làm một gã tự giải thoát, muôn phần chẳng thể đảm nhiệm sự việc được! Do thầy ấy tâm hạnh tỉ mỉ, tinh tế, hễ phải đảm nhiệm công việc sẽ bị tổn thương, hễ bị tổn thương sẽ phải bỏ cuộc giữa chừng. Nếu tự mình dụng công thì sẽ được yên vui.

Mua loài vật phóng sanh, nếu dựa theo lý rốt ráo "tự thương, thương người" để luận, [khi con vật bị chết trước lúc được phóng sanh] cố nhiên nên đem chôn, chớ nên đổ xuống nước khiến xác con vật đã chết trôi lềnh bềnh trong nước, rốt cuộc chẳng phải là kế sách tốt đẹp! Nếu bảo là vì nó đã chết, liền đem cho người khác ăn và thí cho người nghèo ăn thì cũng không phải là không được. Hãy nên bảo người ăn niệm Phật cho con vật đã chết ấy thật nhiều bởi nó là con vật được phóng sanh; nếu không, ăn vào sẽ bị mắc tội. Nếu có thể niệm Phật cho nó thì đôi bên đều được lợi ích. Dùng điều này để khuyên bảo thì cũng có thể dẫn dụ người ăn kia gieo được chút thiện căn. Dẫu chưa thể thả được sanh vật thì đối

với những thức ăn do chính mình sắm sửa, hãy nên niệm Phật cho nó thì đôi bên cũng đều được lợi ích. Ông chấp chặt hẹp hòi như thế, cho rằng đã nói quy y niệm Phật thì không được ăn, tức là dạy kẻ ăn thịt nhất loạt chẳng niệm Phật! Những kẻ ăn thịt ấy chỉ biết thịt là thứ có vị ngon, chẳng biết sau này khi chính mình cũng sẽ là thức ăn có vị ngon để cho người khác giết ăn thì trong tâm họ mới cảm thấy khó chịu. Kẻ ấy đã chẳng hiểu sự việc như thế thì đành để mặc cho kẻ ấy sau này đợi người khác giết ăn là được rồi; cần gì phải phí sạch tâm tư khuyên nhủ hắn! Hắn đã mong cầu được người khác ăn hắn, ông khuyên hắn đừng muốn tìm cầu sự khổ ấy, đâm ra trong tâm hắn lại chẳng yên vui! Cứ để mặc hắn đi, để cho hắn đem thân làm món ăn cho người khác; đến lúc ấy, dẫu tâm can đau xé cũng vô ích. Khi ấy hắn sẽ tự hiểu sự sai lầm trong lúc này và lời ta đã nói với hắn chẳng phải là dọa dẫm thì cũng đã muộn rồi!

Thuốc là vật dùng để trị bệnh, hễ bị bệnh do nghiệp gây ra thì thuốc men chẳng làm gì được cả! Huống hồ sắp chết thì thuốc có thể hồi sanh được hay chăng? Dẫu không phải là do nghiệp gây ra mà chí tâm niệm Phật thì cũng sẽ tự chẳng sanh bệnh. Mắc bệnh thì uống thuốc cũng được! Nếu chuyên trông cậy vào thuốc thì nhà phú quý, nhà thầy thuốc sẽ không có ai bệnh tật, đều trường thọ cả rồi!

Những kẻ ăn thịt kia do tâm tham sai khiến, muốn bảo họ đừng ăn thì phải từ nhân quả báo ứng và nỗi đau khổ, oán kết phát sanh vì bị giết hại mà nói thì mới dễ lay động lòng người được! Nếu chỉ biện minh là tịnh hay bất tịnh thì đấy chỉ là sự việc nơi cành nhánh. Hơn nữa, người ta đã muốn ăn thì đâu cần bận tâm thịt là thứ bất tịnh! Trước kia, có một vị đại cư sĩ hoằng pháp mấy chục năm, nhưng hằng ngày vẫn ăn thịt *(tên của vị này Quang chẳng nói, ông cứ suy ra là biết liền)*, huống chi những kẻ hời hợt, hờ hững ư? Nếu ông thật sự muốn làm lợi người khác, hãy nên lưu truyền những lời răn dạy cực thống thiết của cổ nhân. Còn như trong bài văn ông đã soạn, ông nêu ý nghĩa "một người phóng sanh thì mười nhà được hưởng lợi ích" và thuyết "những thứ ấy chẳng phải là tam tịnh[174] nhục" thì đấy chính là những nghĩa lý chi ly, vụn vặt, phiền phức của các vị giảng sư. [Nghe nói về những nghĩa ấy], kẻ có tín tâm thì còn sanh được thiện tâm, chứ kẻ không có lòng tin chắc sẽ phỉ báng.

Tôi đã nhận được bài văn Mười Thứ Lợi Ích, đem tặng hết rồi. Suy nghĩ cặn kẽ thì thấy những điều được nói trong bài văn ấy sẽ có thể

[174] Theo Thập Tụng Luật, quyển 37, có ba thứ thịt cho phép người có bệnh được ăn, gọi là "tịnh nhục": Chẳng chính mắt thấy giết, chẳng nghe tiếng giết, chẳng vì ta mà giết.

khiến cho những gã đứng ngoài cửa dấy lên lời dị nghị, hễ tặng hết bài văn ấy xong hãy đừng in nữa thì hơn. Tôi chẳng bảo những lời ông nói không đúng, chỉ là chưa nói được cương lãnh trọng yếu. Cương lãnh trọng yếu là ở chỗ nào? Chính là ở chỗ [sát sanh] sẽ kết oán thù triền miên, đời đời kiếp kiếp tàn sát lẫn nhau. Ông chỉ nên chí tâm niệm Phật để làm phương kế siêu thoát cho những kẻ giết chóc và những con vật bị giết chóc thì sẽ có lợi ích lớn lao. Nếu khăng khăng đem bài văn ấy đăng trong các tờ báo Phật giáo thì rốt cuộc có được mấy ai xem?

Vợ và em gái ông nhất định muốn dùng thịt để đãi khách, hai người ấy chết đi chắc chắn phải biến thành lợn, dê, gà, vịt, tôm, cá. Nếu chẳng biến thành những thứ bị người khác giết để ăn thì trời đất cũng sẽ đổi vị trí, mặt trời, mặt trăng sẽ xoay sang phương Đông. Vì sao vậy? Do nhân như vậy nên phải cảm quả như vậy. Xin hãy đem lời này của Quang đưa cho họ xem, chắc còn có thể cứu được! Nếu không, chắc họ sẽ thường biến thành món ăn ngon nhất cho người ta đãi khách, chẳng biết họ sẽ vừa lòng thỏa ý hay đau khổ mong mỏi được cứu nhưng vạn phần chẳng có cơ duyên được cứu?

Trong cõi đời, những người ăn chay phần nhiều khỏe mạnh, những ai ăn thịt thường lắm bệnh tật. Do ăn thịt trược ác nên dễ sanh dục tâm, ăn chay thanh tịnh nên dục tâm nhẹ ít. Kẻ ngu chẳng hiểu lý, tưởng ăn thịt để bổ dưỡng con người, đấy là muốn cho cả mình lẫn người sẽ đều biến thành súc sanh trong đời kế tiếp và đời sau, chẳng đáng buồn ư?

Ông nay muốn cầu được vãng sanh Tây Phương ngay lập tức, ý niệm ấy cũng tốt, nhưng chỉ nên thuận theo nhân duyên của chính mình. Nếu đặc biệt khởi lên cái tâm quyết liệt, cứ mong được vãng sanh ngay thì sẽ trở thành cái gốc để bị ma dựa đấy! Cái họa mai sau làm sao tưởng tượng được! Sách Trung Dung có câu: *"Quân tử tố kỳ vị nhi hành. Tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn"* (Quân tử hành xử theo đúng địa vị; gặp cảnh hoạn nạn bèn cư xử theo đúng cảnh hoạn nạn). Cách cư xử theo đúng cảnh hoạn nạn ấy nay ông hãy nên bắt chước làm theo. Gặp cảnh tật bệnh, phiền não bèn cư xử theo đúng cảnh tật bệnh, phiền não, coi chính mình là kẻ thường bị bệnh tật thì không có cái tâm bộp chộp mong gấp được lành, cứ nhất tâm niệm Phật thì mới chóng lành. Thấy quyến thuộc đáng giận hay đáng yêu liền nghĩ những người ấy chính là hòn đá thử vàng để ta trui luyện công phu nên đặc biệt đối với kẻ đáng giận sẽ chẳng sanh lòng giận, đối với kẻ đáng yêu sẽ chẳng sanh lòng yêu. Đấy gọi là *"chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển bệnh khổ thành an lạc"*. Nhất tâm niệm Phật cầu mau được vãng sanh. Nếu như chẳng thể vãng

sanh được ngay, chớ nên khởi lên tâm niệm bộp chộp, mong gấp đạt được thì bệnh khổ sẽ tự tiêu diệt, quyến thuộc sẽ tự hòa thuận tốt lành. Xin ông hãy suy nghĩ sâu xa. Bệnh chưa hoàn toàn bình phục hẳn, trọn chớ nên gần nữ sắc!

Hiện thời trừ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình ra, sẽ chẳng thể nào cứu vãn được đâu! Giáo dục trong gia đình phải rất chú trọng tới nhân quả báo ứng. Các vị Lưu, Trì đáng gọi là biết bệnh, biết thuốc, nhưng chưa đề cập đến giáo dục trong gia đình thì vẫn chưa thể viên mãn đầy đủ. Xin hãy nói tường tận với các vị ấy.

Đức Như Lai thuyết pháp đều thuận theo tình người, chẳng ép người khác làm chuyện khó khăn. Như kẻ thọ giới Ưu Bà Tắc, hoặc thọ một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn điều, hoặc thọ trọn đủ, đều tùy theo ý muốn của con người. Ngay như giới dâm, kẻ xuất gia phải đoạn hoàn toàn, chứ với người tại gia chỉ ngăn cấm tà dâm. Bởi lẽ, nam nữ lập gia đình có quan hệ lớn với luân thường nên chẳng ngăn cấm; nhưng đã thọ giới nhà Phật thì ắt phải tiết dục. Nếu chẳng vì [có người nối dòng để] thờ phụng tổ tiên, chỉ mong vui sướng, tuy chẳng phạm giới vẫn phạm lỗi lớn; chẳng qua so với tà dâm thì giảm nhẹ hơn mà thôi!

Bồ Tát sống trong cõi tục tuy cũng có vợ con nhưng không có dục niệm, cũng vì thuận theo tình cảm con người mà có lúc làm chuyện vợ chồng, bởi phàm phu chẳng thể vô tình. Nếu muốn trọn chẳng thân ái, chắc sẽ tạo thành oán hận đến nỗi khởi lên họa hại hủy báng Phật pháp. Chẳng những không thể tăng trưởng thiện căn mà còn tạo thành nghiệp hủy báng, đọa lạc trong ác đạo. Vì thế, trước hết phải dùng dục để lôi kéo, sau mới làm cho con người tiến nhập Phật trí. Đấy chính là lòng đại từ bi uyển chuyển thuận theo tình cảm của con người, khéo bày phương tiện. Chỉ nên tiết dục, bất tất phải tuyệt dục. Mỗi quý (ba tháng) gần gũi một lần, ngõ hầu vợ chẳng đến nỗi mang nỗi khổ oán vọng mà sự tu trì của ông cũng chẳng bị trở ngại, lại còn có thể dẫn dụ vợ tu trì Tịnh nghiệp.

Hãy nên nói: "Nếu chẳng tu hành Tịnh nghiệp sẽ vĩnh viễn tuyệt giao!" Cô ta sẽ gắng sức thực hành. Đối với chuyện có sanh con hay không, chẳng cần phải bàn đến nữa! Bởi lẽ anh em ông thật đông con, há cứ cần chính mình phải có con thì mới chẳng tuyệt dòng nối dõi tổ tiên ư? Ấy là vì vợ chồng ăn ở với nhau bởi có túc duyên. Chẳng thể làm cho vợ mình gieo thiện căn, nỡ lòng bỏ mặc cô ta đọa trong ác đạo ư? Kinh Thi có câu: *"Thê tử hảo hợp, như cổ cầm sắt. Huynh đệ ký hấp, hòa lạc thả trạm. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa"* (Vợ con hòa hợp, như gảy đàn

cầm, như đánh đàn sắt. Anh em hòa thuận, vui sướng, yên ổn. Gia đình êm ấm, vợ con vui vầy). Khổng Tử nói: *"Phụ mẫu kỳ thuận hỹ hồ!"* (Cha mẹ đẹp lòng vậy thay). Ông nhất ý tu hành, đoạn tuyệt dục sự, chắc cô ta sẽ oán hận triền miên, hoặc đến nỗi uất ức mà chết. Nếu ông quả thật đạt được Thượng Phẩm Thượng Sanh thì không bị trở ngại lớn lao gì. Nếu không, sẽ mắc lỗi trái ý cha mẹ, trở thành kẻ oán đối của vợ thì cũng là phiền lụy lớn lao, so với nỗi phiền lụy do nới lỏng dục sự đôi chút thì sẽ sâu đậm hơn nhiều lắm!

Quang là Tăng nhân, trọn chẳng khuyên người khác tạo nghiệp. Người ta đã đem thân giao phó cho ông thì hãy nên trọn hết đạo vợ chồng. Chuyện này chính là nghĩa trọng yếu trong đường tu hành, là điều chí tình nơi luân thường. Xin ông hãy phát Bồ Đề tâm, dẫn dắt cô ta là kẻ chẳng biết "dục chính là cội khổ" cùng sanh về thế giới Cực Lạc vô dục, ngõ hầu chẳng phụ đời trước có duyên với nhau, đời này làm vợ chồng vậy!

Lại nữa, nếu vợ sanh con thì sẽ là phiền lụy lớn lao. Không con thì sẽ yên vui tột bậc! Nhưng cháu cả một bầy, chứ đâu phải chẳng có đứa con nào! Luận sát sao theo sự thật thì ông có phước thù thắng hơn anh em ông nhiều lắm, nhưng người đời phần nhiều chẳng thấy được điều này, nên suốt cả đời làm đầy tớ cho con cái. Thử suy nghĩ sẽ thấy quả thật là một điều may mắn lớn lao! Lời này tuy trái nghịch tình cảm, nhưng thật ra là chí lý chí tình.

Bảy anh em của ông nội lệnh hữu do cùng một cha sanh ra, con cháu của ông nội thứ năm[175] đều là hậu duệ của cùng một ông cố. Vì hai gian nhà cho thuê thâu nhập hơn ba trăm đồng liền muốn kiện nhau nơi cửa quan, chắc sẽ tốn bộn tiền. Chuyện kiện tụng chỉ là khoe tài cãi lý, muốn biến vô lý thành chuyện hữu lý! Nếu họ khởi lên ác tâm, thốt ra lời ác [chửi bới, tranh chấp nhau], sẽ khiến cho người chung quanh cũng như người đời xầm xì: "Nhà ấy tổ đức đã suy nên lũ con cháu trong cùng một nhà tranh chấp lẫn nhau, anh em bêu riếu nhau!" Nhục lây đến tổ tiên, tội không chi lớn hơn nữa! Chuyện nhỏ tí teo trong gia đình, hãy nên nghĩ đến ân đức tổ tiên mà đặc biệt rộng lượng, chớ nên [xử sự] giống như tranh chấp cùng người đời! Dẫu là đối với người trong cõi đời đi nữa, vẫn nên làm chuyện nghĩa, chỉ mong cho ai nấy được sống yên vui,

[175] Đây là cách gọi theo lối xưa, gọi anh em ruột của ông nội mình theo thứ tự, ông nội thứ năm (Ngũ Tổ) chính là ông chú hay ông bác đứng hàng thứ năm trong các anh em của ông nội.

dẫu ngàn vàng cũng chẳng nuối tiếc! Huống chi [ai nấy] đều là hậu duệ của cùng một cụ cố hay sao?

Bảy chi họ đều có sản nghiệp, chi dụng trong nhà cố nhiên chẳng cần phải nhờ vào mối thu nhập ấy để sống còn, sao lại ăn thua đủ với nhau, chẳng ai chịu nhường ai? Vì tranh chấp món tiền mấy chục đồng ấy mà kiện nhau ra cửa quan, chưa chắc bảy chi họ đã khỏi phải tốn một đồng nào! Dẫu chẳng phải tốn một đồng nào đi nữa, không gì bằng chôn vùi tổ đức, nỗi nhục ấy còn quá bại gia phá sản! Chỉ vì một chi họ tuy vẫn đủ ăn, nhưng toan độc chiếm tài sản chung do tổ tiên để lại, đến nỗi sáu chi họ kia cùng dấy lên cái tâm bất bình, tức là đã vứt bỏ tổ tiên ra ngoài, chỉ muốn mưu tính cho con cháu [của chi họ mình] được giàu có, trái nghịch tổ đức, phạm các điều ác! Đừng nói là hơn ba trăm đồng, dẫu cho ba trăm vạn đồng đi nữa cũng chẳng phải là điều phước cho con cháu mà chính là chuốc họa cho con cháu để mong cho chúng bị tuyệt diệt đấy! Đọc sách hiểu lý, sao lại tăm tối đến như thế?

Hãy thử xét xem: Xưa nay những ai giúp người lợi vật, tôn kính tổ tiên, thương yêu cho dòng họ, con cháu không ai chẳng nắm địa vị cao, hưởng phước dầy, đời đời kế thừa tổ đức triền miên chẳng dứt? Kẻ chỉ biết lợi mình, chẳng đoái hoài tổ tông, đất nước, nhân dân, không ai ba đời chẳng nối tiếp nhau tuyệt diệt hay chăng? Vì sao vậy? Do căn bản tâm địa đã hoại, giống như dùng nước có chất độc để tưới tắm cây hoa, lúa, đậu, chẳng những vô ích mà còn có hại! Nếu một chi họ đã như vậy thì sáu chi họ kia há nên bắt chước ăn thua đủ, cứ muốn "cá đối bằng đầu" với họ, trọn chẳng muốn chiếm địa vị cao cả, cứ nhất quyết phải cùng với họ chen chân vào chốn hèn hạ ô uế ư?

Hãy nghĩ xem: Nếu tổ tiên chẳng để lại căn nhà ấy thì có còn làm người được hay chăng? Lại may mắn là tổ tiên để lại lắm của cải, chứ nếu nghèo trắng tay thì sẽ tranh giành với ai? Suy nghĩ đến điều ấy thì nhường cho bọn anh em trong họ mấy chục đồng có gì mà không được? Phạm Văn Chánh (Phạm Trọng Yêm) còn tậu nghĩa điền cho cả họ, huống là anh em cùng một nhà ư? Họ Phạm từ đầu đời Tống cho đến cuối đời Thanh đỗ đạt chẳng dứt, ấy là do đức dầy của Văn Chánh Công và con cháu đời đời vâng giữ, tu tập tổ đức mà ra.

Bọn anh em cùng một chi họ của lệnh hữu đều là con em nhà thư hương, dẫu chẳng nghe tới đạo lý rất sâu của Phật pháp, nhưng những chuyện ấy (tức gương tốt đẹp của Phạm Trọng Yêm) chắc đã từng nghe, sao chẳng "*thấy người hiền mong được bằng*" để chú trọng vun bồi tổ đức? Xin hãy đưa thư này của Quang cho khắp các chi họ của lệnh hữu

được xem, chắc ai nấy sẽ nghĩ đến tổ đức, noi theo dấu vết cũ. Nếu không, hãy khuyên lệnh hữu đem món tiền của mình dùng vào việc công để mong chấm dứt được chuyện ấy. Ông ta không có con cái, vẫn nên [coi như] dùng [món tiền ấy] cho con cái mình thì sẽ rạng rỡ tổ đức, rạng rỡ pháp đạo. Mai sau được tốt đẹp như thế nào chẳng phải là điều Quang có thể biết được nổi!

41. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang là ông Tăng chỉ biết cơm cháo, trừ mặc áo, ăn cơm ra, chẳng làm được gì khác! May là vẫn chịu học theo thói ngu phu ngu phụ nên chẳng đến nỗi than thở xuông, chẳng biết làm sao! Các hạ muốn thọ Tam Quy Ngũ Giới, sao chẳng chọn vị nào đạo đức học vấn cao siêu, lại chọn một ông Tăng chỉ biết cơm cháo thì các hạ cũng muốn dự vào đội ngũ ngu phu ngu phụ, chẳng muốn gia nhập hàng ngũ của những vị cao siêu, lạ lùng, đặc biệt ư? Tuy nhiên, đang trong thời thế này, hành theo ngu phu ngu phụ vẫn thực tế hơn! Nếu kẻ cao siêu kỳ đặc chịu buông xuống những chuyện cao siêu, lạ lùng, đặc biệt, ắt sẽ có kết cuộc cao siêu, lạ lùng, đặc biệt lớn lao! Nếu không chịu buông xuống thì cũng chỉ đạt được kết cuộc là hư danh cao siêu, lạ lùng, đặc biệt, quyết chẳng đạt được sự cao siêu, lạ lùng, đặc biệt thật sự. Pháp Niệm Phật lý cực cao sâu, sự thật bình thường, muốn cầu tâm tương ứng với Phật thì điều thứ nhất là phải chí thành khẩn thiết, điều thứ hai là [lắng] nghe. Quay trở lại nghe nơi tiếng niệm Phật, cùng giữ được lòng thành và lắng nghe thì sẽ tự trừ được hôn mê tán loạn!

42. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết cư sĩ tự đảm nhiệm và quyên mộ người khác đảm nhiệm in Đại Sĩ Tụng, lấy hai ngàn bộ làm chuẩn, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Cư sĩ cảm khái vì lòng người chẳng bằng thuở trước, biếu tặng thiện thư rất ít đạt hiệu quả, nhưng người trong nước ta gần đến năm vạn vạn người! Trước đây, Quang đã cho khắc ván An Sĩ Toàn Thư, sau đấy lại bảo Trung Hoa [Thư Cục] sắp chữ ấn hành, quyên mộ chỉ được bốn vạn cuốn. Trung Hoa Thư Cục in kèm và in riêng tổng cộng được một vạn hai ngàn bộ. Nếu luận về hiệu quả thì cũng chỉ được một hai phần! Ấy là vì con người chưa suy xét kỹ, đa số không biết. Quan Quýnh Chi tin tưởng Phật pháp là do bản khắc ván của An Sĩ Toàn Thư

phát khởi; Chí Viên giảng thuyết cho ông ta nên từ đấy bèn sanh lòng chánh tín. Nếu đất Hỗ (Thượng Hải) không có Quýnh Chi thì sợ rằng cảnh tượng nơi đất Hỗ sẽ kém xa hiện thời!

Chúng ta chỉ cần phát khởi cái tâm làm lành cho người khác, còn người ta có phụng hành hay không thì tùy họ. Ấn Quang sanh lòng tin đối với pháp môn Tịnh Độ là nhờ quyển Hạ của Long Thư Tịnh Độ Văn, đủ biết sách ấy có ích cho con người vừa sâu vừa xa vậy! Quán Thế Âm là chỗ nương tựa cho pháp giới chúng sanh, nếu ai nấy đều biết, sẽ có đông đảo người do vậy mà cầu mong tiêu tai thoát họa cho đến liễu sanh thoát tử. Tiếc cho cõi đời chưa có một bản sưu tập đến nỗi những kẻ chẳng tu tập Phật pháp đều chẳng được biết. Đấy chính là nguyên do vì sao Quang thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh soạn sách Đại Sĩ Tụng này vậy!

43. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ ba)

Hôm trước, sư Minh Đạo đến đây, cho biết đã đưa bộ Đại Tạng Kinh bản đời Tống của ông qua chùa Hiển Ninh, công đức vô lượng. Thầy ấy chẳng lượng sức, tiếp nhận bốn ngôi chùa hoang tàn ở Hàng Châu, đều do các vị cư sĩ đất Hỗ và thầy của ông ta giúp đỡ duy trì. Về sau, Tam Thánh Đường ở trên núi [Phổ Đà] bị hỏa hoạn, cháy rụi một nửa, vị thầy ấy không thể lo liệu thêm các nơi khác được. Hiện thời còn thiếu tiền công thợ và các hóa đơn phải chi phí hơn ba ngàn đồng, không làm cách nào được. Những khoản tiền dư ra ở chỗ Quang phần lớn đều để giúp cho hai chùa Linh Nham và Thọ Lượng, cũng chẳng thể giúp đỡ thầy ấy! Thầy ấy chỉ mong các vị đã bỏ tiền làm công đức trước kia mỗi người sẽ cho mượn ba trăm đồng, nhưng sợ chưa thể lo liệu mỗi việc vẹn toàn được! Nếu cư sĩ chịu giúp cho sự cấp bách cháy mày này thì trong năm sau vẫn còn tiến hành [sửa chữa cho xong] được. Nếu không, chắc là phải bỏ cuộc giữa đường, há có phải là thất bại khi sắp thành công hay chăng?

44. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tư)

Những lời nói trong nhà Thiền tốt nhất là chỉ nên bỏ mặc, đừng bàn đến! Nếu muốn biết hiểu rõ ý nghĩa nguyên do của những lời lẽ ấy thì phải ngộ đôi chút. Nếu không, dẫu có đọc sách Thiền thì cũng như nói chuyện với người ngoại quốc, hoàn toàn chẳng thấu hiểu được cái hay trong ấy. Huống chi ông tuổi đã cao rồi, thời thế lại như thế này, há nên

dùng thời gian đáng quý báu nhất để nghiên cứu những câu nói không thể suy luận ấy ư? Thường có những kẻ ở trong nhà Thiền mấy chục năm vẫn chẳng hiểu được những câu nói ấy có ý nghĩa gì! Dẫu có dùng ý tưởng để suy đoán đi nữa thì cũng là nói mớ trong mộng mà thôi! Xin hãy bỏ ý niệm ấy đi!

Hãy nhất tâm niệm Phật, niệm đến mức Phật lẫn tâm đều mất thì vừa nhìn vào những câu nói ấy sẽ khôn ngăn bật cười. Nếu chẳng được như thế thì chỉ cần vãng sanh vẫn có thể đích thân chứng được lý ấy, huống là hiểu được những lời lẽ ấy ư? Nếu chẳng coi lời Quang là đúng, cứ suốt ngày đọc ngữ lục nhà Thiền thì Tông cũng chẳng thể thông mà Tịnh cũng chẳng chú trọng. Khi sanh tử xảy đến, chỉ đành theo nghiệp thọ sanh!

45. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ năm)

Hôm qua nhận được thư, biết Thánh Định đã vãng sanh Tây Phương, lâm chung chánh niệm, chết rồi đảnh đầu vẫn ấm, vẻ mặt càng đẹp, đang lúc nắng gắt mà chẳng hôi thối. Chỉ ngay từ mấy tướng lành ấy đã có thể quyết đoán bà ta được vãng sanh. Còn về phẩm vị vãng sanh thì nói chung là Trung Phẩm. Do Trung Phẩm đều là phẩm vị vãng sanh của người trọn vẹn điều lành nơi giới và điều lành thế gian; cũng chẳng cần phải nói cho dễ nghe, cứ khăng khăng bà ta Thượng Phẩm vãng sanh. Dẫu cho Hạ Phẩm Hạ Sanh thì nghiệp đã vượt trỗi chư thiên trong tam giới rồi, huống hồ vãng sanh trong bậc Hạ thuộc Trung Phẩm ư? Bốn mươi chín ngày không ngớt tiếng niệm Phật, chẳng những hữu ích cho người đã khuất mà quyến thuộc hiện tại cũng được lợi ích lớn lao!

Linh Nham theo lệ không niệm kinh, bái sám, phóng Diệm Khẩu, làm pháp sự hệ niệm, làm đàn Thủy Lục, truyền pháp, thâu nhận đồ đệ, giảng kinh, truyền giới, làm pháp hội. Công khóa hằng ngày giống như Phổ Thông Phật Thất. Chỉ những ai có tín tâm, chẳng chú trọng màu mè, hoa dạng, xin mở Phật thất thì liền chấp nhận. Nếu chèo kéo thân hữu rộng rãi và dẫn nữ quyến trẻ tuổi đến trước hôm mở thất và xong thất mới đi thì cũng không chấp nhận.

Năm Dân Quốc 17 (1928), Trương Minh Kỳ *(là đệ tử quy y)* mở Phật thất bốn mươi chín ngày, không một ai bỏ đi. Năm Dân Quốc 18 (1929) cũng mở Phật thất hai mươi mốt lần, cũng không một ai bỏ đi. Năm Dân Quốc 19 (1930), có hai mươi mấy lần mở Phật thất cũng không quá năm sáu gia đình đến dự, nhưng cũng chỉ ở một hai ngày hoặc đôi ba ngày mà

thôi. Năm Dân Quốc 20 (1931) do người đông phòng hẹp, liền cho xây cất lớn, Phật thất càng đông hơn. Nay gởi cho ông một tờ sao bài bi ký, ông đọc sẽ biết.

Nếu ông muốn tạo lợi ích giúp cho Thánh Định, do bà ta lúc sống thường ăn chay, khi làm ma chay chắc ông cũng chẳng đến nỗi dùng rượu thịt. Trong khi tang ma và cúng giỗ sau này, xin ông hãy bảo lệnh lang đừng bắt chước thói tục. Trong khóa tụng sáng tối, lúc hồi hướng Quang sẽ đọc pháp danh của bà ta để hồi hướng trong hai mươi mốt ngày cho trọn hết tình thầy trò.

46. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ sáu)

Ông nói trong khi làm việc cũng không quên niệm Phật, ấy là tướng cái tâm niệm Phật thuần thục, sao lại bảo là hôn trầm, thuộc về vô ký (không thiện, không ác)? Nhưng cũng chưa phải là "vô niệm mà niệm", mới chỉ có hơi hướng của "vô niệm mà niệm" đó thôi! Nếu tưởng đấy chính là "vô niệm mà niệm" thì sẽ giống như dùi gỗ thấy khói bốc lên liền bảo là đã được lửa, thôi không dùi nữa, sẽ không có cách nào được lửa cả!

Ông công phu khá tốt, đạt đến cảnh giới ấy cũng chẳng phải là dễ dàng, nhưng cần phải chuyên tinh dụng công, đừng học theo thói ham cao chuộng xa, thấy lạ nghĩ khác của con người hiện thời thì tương lai sẽ đạt được lợi ích, sẽ tự có những điều chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng đấy là chuyện thuộc về Hạnh môn, chứ trong Tín Nguyện môn càng phải nên dốc sức ngõ hầu quyết định đạt được lợi ích sâu xa do niệm Phật. Nếu bắt chước các tông khác, chuyên chú trọng vào công phu, bỏ mặc tín nguyện chẳng nhắc tới thì sẽ trở thành pháp môn cậy vào tự lực, mất mát lớn lắm!

"Tam luân thể không" chính là chẳng cậy công, chẳng nghĩ đó là đức. Nếu như lời ông nói thì sẽ thành hỗn độn, vô tri. Thế nào gọi là *"Thể không*"? Nói *"Thể không"* nghĩa là rành rẽ phân minh, phân biệt rõ [đối tượng nhận lãnh] đáng nên bố thí hay không nên bố thí, nhưng chẳng thấy mình có công đức đối với người ta, cũng chẳng thấy người ta nhận lãnh ân đức của mình. Kinh Kim Cang dạy: *"Chẳng chấp vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để bố thí"* chính là nhằm diễn tả ý này vậy! Nếu chẳng phân biệt kẻ tốt lẫn người xấu, cứ tận lực thí cho người xấu thì sẽ khiến cho kẻ ấy tạo nghiệp, sẽ trở thành tội lỗi, chẳng gọi là công đức được!

47. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ bảy)

Phật pháp rộng lớn vô lượng vô biên. Chúng ta mang tư cách kẻ phàm phu sát đất, muốn ngay trong đời này giải quyết xong xuôi chuyện khó thể giải quyết trong trăm ngàn vạn ức kiếp thì phải trù tính sức lực của chính mình nhỏ hay lớn để tu tập, đừng lầm lạc ngỡ mình là thông gia! Đối với pháp này còn chưa thật sự hiểu chắc mà lại đi nghiên cứu dùi mài trong những tông khác đến nỗi ngược ngạo coi chuyện dễ được lợi ích nhất này như chuyện thừa thãi, vặt vãnh thì trong trăm ngàn vạn kiếp vẫn y như cũ, chẳng thể liễu thoát được!

Phật pháp giống như hư không, trọn không có Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới! Nói Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới là ước theo địa vị chính mình đang đứng để nói. Chính mình đã chẳng thể khế hợp với thái hư thì ắt phải luận theo địa vị nơi mình đang đứng; chẳng ngại gì ở trong nơi không có Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới mà ước theo Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới do chính mình đã định. Thiền Tông, Tướng Tông, Mật Tông không một tông nào chẳng hay, nhưng là người niên kỷ đã ngoài năm mươi, có được pháp cậy vào Phật lực để phàm phu dầy dẫy triền phược có thể liễu sanh tử mà lại dốc sức nơi pháp môn cậy vào tự lực thì tuy có thể giúp cho sự thấy hiểu Tịnh nghiệp một cách viên thông, nhưng tôi thật sợ ông tâm lực chẳng đủ, sẽ lấy pháp đó làm chánh, coi pháp này là lệ thuộc không quan trọng, chắc sẽ khó đắc lực!

Chẳng phải là Quang cự tuyệt không cho người ta nghiên cứu những tông khác; chỉ vì có những kẻ chẳng thông cảm nên mới giáng cho Quang những lời chê bai ngặt nghèo, bảo Quang cấm ngặt người khác không được nghiên cứu những tông khác! [Bị gieo tiếng ác như vậy] thì Quang sẽ ngấm ngầm được phước, còn đại chúng cho Quang là kẻ oan gia nơi cửa Phật. Xin ông hãy tự cân nhắc để quyết định!

Thêm nữa, sau khi viện Mồ Côi ở Nam Kinh được thành lập, ông bỏ ra ba trăm đồng, nhưng trong năm ấy viện vẫn chưa hoạt động, đến năm sau mới hoạt động, cho nên vẫn chưa nhận tiền thêm. Nghe nói năm trước ông vẫn bỏ ra ba trăm đồng, năm ngoái lại gởi thư nói sẽ quyên tặng riêng, cho nên năm nay cũng chẳng dám gởi thư tới nữa. Trước kia, ông Dư Trĩ Liên có cho biết tính xin ông quyên tặng suốt năm, hoặc mấy chục đồng, hoặc một trăm đồng, tùy ý. Từ năm ngoái tới nay, học sinh chùa Pháp Vân ngày càng chăm chỉ tiến bộ. Có Vương Kiến Bình là một

thương nhân tài sản chưa hơn ba vạn mấy đồng, nhưng nghe nói tới viện Mồ Côi chùa Pháp Vân liền tới thăm, hết sức vui thích, bèn may quần áo, mền đắp cho các học sinh. Tất cả những em học sinh nào đủ trình độ có thể ra đời mưu sinh được, ông ta liền đỡ đầu giới thiệu tới làm việc trong các tiệm buôn [bởi lẽ] những môn sinh của ông ra mở tiệm có đến hai ba chục người cũng như ông ta có các bạn bè khác [trong nghề kinh doanh]. Vì thế, ông ta nhận lãnh trách nhiệm nặng nề ấy. Từ năm ngoái cho đến mùa Hạ năm nay đã giới thiệu bốn mươi tám em. Thế mà vẫn có người cần [xin thêm], do có những em trình độ quá yếu, ông ta không bằng lòng cho đi. Vì thế, số học sinh tăng lên đến một trăm sáu mươi em.

Tất cả những phòng ốc cũ chẳng đủ dùng, lại phải cất thêm mười mấy gian nữa để làm xưởng thợ. Vương Kiến Bình còn bảo thợ làm khuy trong tiệm ông ta đến viện Mồ Côi dạy nghề, không lấy tiền học. Học sinh học được nghề sẽ liền dựa theo số lượng hàng làm ra để trả tiền công. Đường lối này chẳng cần tiền vốn, khá hữu ích. Hơn nữa, những món đồ do Pháp Vân Tự làm ra ai nấy đều tranh nhau mua, bởi chúng chắc chắn, sử dụng được. Tuy vậy, trong mấy năm gần đây, dẫu có thêm những người đảm nhận quyên tặng, nhưng do những người đã quyên tặng trước kia hoặc chuyển đi phương xa, hoặc có người đã qua đời, kinh phí trong viện tốn kém hơn trước, cảm thấy khá tốn sức.

48. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tám)

Pháp môn vào buổi cuối Thu, sai ngoa quá nhiều, nhưng chỉ nên sanh lòng chánh tín, trì các tịnh giới thì là đã đạt được căn bản, còn những thứ cành nhánh khác hãy để thong thả. Nếu một mực noi theo lối cổ thì người đời nay đã không thông hiểu sâu xa những cấm chế của đức Phật, mà mỗi một việc làm trong hiện thời đều chẳng thể theo đúng như lời Phật dạy, sẽ trở thành ngôn luận cự tuyệt người khác bước vào Phật pháp. Nếu mỗi một việc đều phải theo đúng như cấm chế của đức Phật thì tăng nhân hiện thời đều là kẻ bạch y học đạo, chưa chắc mỗi một điều đều có thể hợp pháp, hợp luật, huống là hai chúng tại gia ư?

Hơn nữa, cấm chế nhà Phật cũng có lệ tùy theo nơi chốn, tùy theo thế tục để lập. Ngay như tăng y ngày nay cũng đâu phải là tăng y đã được chế định tại nước Phật; nhưng do được lưu hành đã lâu bèn coi là đúng pháp. Vả nữa, Phật quy định Tăng luôn để đầu trần, chân đất. Để đầu trần thì mùa Hạ tuân theo được, chứ mùa Đông mà tuân theo sẽ chẳng được mấy ai! Đi chân đất càng khó thấy mấy ai tuân theo! Do vậy,

chớ nên cố chấp những điều cành nhánh để luận, hãy nên nương theo cội nguồn để tu thì sẽ có ích. Nếu mỗi một điều đều chuẩn theo nguyên tắc như trong thời Phật thuở trước thì những kinh hiện thời đều chẳng nên thọ trì, mà phải thọ trì những kinh văn tiếng Phạn được viết trên lá bối thì mới là chẳng trái nghịch Phật pháp vậy!

49. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ chín)

Đại Tạng Kinh bản đời Tống ở Linh Nham là do Quang thỉnh. Còn Đại Tạng Kinh ở chùa Phật Nhật là do một đệ tử ở Thiên Tân thỉnh cho Linh Nham, nhưng vì Linh Nham đã có, nên giao về chùa Phật Nhật. Một đệ tử ở Phước Kiến cậy Quang thỉnh cho ngôi chùa trong làng ông ta một bộ Đại Tạng Kinh. Tới khi thỉnh xong, đã giao tiền *(đã ước định sẵn phải thanh toán trọn vẹn trước)* ông ta hỏi một người bạn thì biết [chùa ấy] đã thỉnh rồi nên bộ Đại Tạng Kinh do Quang thỉnh giùm cho ông ta được giao về chùa Long Cư. *(Trước khi thỉnh kinh cho chùa Phật Nhật),* Quang đã tự bỏ tiền thỉnh hai bộ, bộ ở Pháp Vân Tự do ông Lý Kỳ Khanh thỉnh, còn [bộ để] ở Phật Quang Xã thuộc Giang Loan, tỉnh An Huy cũng có người thỉnh rồi. Nếu ông bằng lòng gởi bộ Đại Tạng Kinh của ông đi nơi xa thì xin đợi hơn một tháng nữa để Quang hỏi thăm một hai chỗ. Nếu họ đã có thì chẳng gởi sang. Nếu không, sẽ gởi đi.

Hôm trước thầy Đương Gia chùa Linh Nham nói chùa hiện có hơn năm mươi vị đang trụ, người đến niệm Phật có bốn mươi vị, những người khác đều có công việc. Phật Thất chỉ thỉnh bốn mươi người hoặc ba mươi bốn người đều được cả. Thêm nữa, thầy Minh Đạo lại tiếp nhận chùa Hiển Ninh, phong cảnh rất đẹp *(cách chùa Phật Nhật bảy tám dặm),* hòa thượng Chân Đạt tính dưỡng lão tại đó, chắc sẽ gởi kinh sang nơi ấy sẽ đỡ tốn công. Nếu gởi sang nơi đó thì xin đợi tới khi thầy Minh Đạo trở về; sẽ bảo thầy ấy thỉnh bộ kinh đã được gởi tới đây đưa sang chùa Thái Bình. Sau này, nếu tái bản sẽ bảo Ấn Kinh Hội đem bản kinh của ông cúng dường tặng cho chùa Thái Bình.

Kinh ở hai chỗ Phật Nhật và Long Cư đều đưa sang chùa Thái Bình. Long Cư là đạo tràng cổ, Tăng chúng sống ở đó không kham được bèn đem bán cho trường học. Hai ba vị tín sĩ ở địa phương chẳng nỡ, ép một vị Tăng ở Giang Tây tiếp nhận. Vị này đối với Phật pháp chưa hiểu rõ ràng, do vậy, thỉnh vị Tăng từng sống tại chùa Báo Quốc trước đây là Liễu Nhiên về cùng ở đó. Vì vậy, Quang đem bộ kinh do vị sư ở đất

Mân đã thỉnh đưa sang đó. Trước kia, thầy Liễu Nhiên chú trọng tu Thiền, mười năm gần đây lại chuyên đề xướng Tịnh Độ.

50. Thư trả lời cư sĩ Lý Tông Bổn

Ông học Phật pháp sao lại học thói khoa trương rỗng tuếch, hời hợt của bọn thương nhân trong thế gian? Ông nói gởi một hộp bánh là được rồi, há nên nói thật bùi tai như thế? Quý trọng như vậy mà lại bảo Quang nếu cần nữa hãy viết thư xin gởi thêm, đúng là ông coi Quang như đứa trẻ nít. Ông chẳng hiểu việc đời quá mức!

Từ nay phải ngăn dè thói xấu hèn khoa trương rỗng tuếch hời hợt kiểu đó thì niệm Phật sẽ được lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu có tu trì cũng đều bị thói khoa trương rỗng tuếch hời hợt chôn vùi hết sạch. Rốt cuộc chẳng giúp được gì mà vẫn chẳng biết là tự chuốc lấy họa, ngược ngạo đổ thừa Phật chẳng từ bi, Phật pháp không linh! Chẳng biết là do chính mình khoe khoang mà cảm thành, buồn thay!

Quang già rồi, mục lực chẳng đủ nên cự tuyệt hết thảy thư từ. Nay xem thư ông, khôn ngăn đau lòng. Ông đọc thư tôi, nếu sửa được lỗi trước thì mai sau nhất định được vãng sanh. Nếu không, cứ theo thói hư giả thì làm sao đạt được lợi ích thật sự? Nghe theo hay không tùy ông, tôi chỉ trọn hết tấm lòng tôi mà thôi!

Ông nói đến chứng Miêu Ôn[176], không biết là bệnh gì, cũng chẳng biết thuốc nào trị được! Hãy nên bảo gia đình người ấy chí thành niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, kiêng giết, ăn chay thì sẽ có hiệu quả. Từ nay về sau chớ nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y. Nếu gởi thư đến quyết định chẳng trả lời, do mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ. Những điều đã nói trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp bất luận hạng người nào cũng đều có thể nương theo đó để hành và truyền cho con cháu. Nếu có thể hành theo đó thì gia đạo sẽ được hưng thịnh, con cháu sẽ hiền thiện. Nếu coi đó là những lời bàn hủ bại viễn vông của một ông Tăng già nua mà muốn chấn chỉnh thanh danh gia đình sẽ như phá băng để tìm lửa, quyết chẳng có hy vọng gì cả!

51. Thư gởi hòa thượng Diệu Chân

[176] Miêu Ôn (Feline Distemper) là một chứng bệnh dịch của mèo do loại virus Canine Parvovirus type 2 gây ra. Khi bị virus này tấn công sẽ ho hen, chảy mũi, nhiều đờm rãi, đau cổ họng, ói mửa, thổ tả, sốt cao. Mèo bị nhiễm căn bệnh này có tỷ lệ tử vong rất cao (75-90%). Căn bệnh này có thể lây cho người.

Trưa hôm qua, Vương Ấu Nông tới nói: Hôm trước ông ta qua nhà ông Lý Bách Nông bảo: "Linh Nham muốn dựng Niệm Phật Đường". Bách Nông nói: "Đang gặp Tuế Sát[177] chớ nên kiến tạo!" Nhân thời cuộc, Quang nói: "May mà chưa khởi công xây dựng đại điện chùa Pháp Vân, hãy đợi đến khi thời cuộc bình yên". Ấu Nông nói: "Linh Nham chớ nên xây cất. Dẫu có nên xây đi nữa thì trong thời cuộc thế này cũng nên để thong thả!"

Nay gỗ dùng để xây dựng đã đưa đến, hãy nên chất quanh nền nhà phía sau Niệm Phật Đường. Cần phải dùng đá xếp cao hai thước [để làm bệ lót] ngõ hầu gỗ chẳng bị ẩm thấp mục nát. Hai mặt gỗ đều phải để cho nắng dọi vào, trên mặt mỗi phiến gỗ đừng phủ cỏ, phủ cỏ sẽ vĩnh viễn ngăn che ánh mặt trời. Hãy mua mấy tấm liếp tranh lớn che phía trên. Lời của Bách Nông và Địch Dân nói tuy đều có lý, nhưng do ảnh hưởng bởi thời cuộc, cố nhiên nên nghe theo lời Ấu Nông. Đợi tới mùa Thu năm sau mới khởi công so ra sẽ ổn thỏa, tốt lành hơn. Xin hãy sáng suốt suy xét thì may lắm thay!

52. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết tâm ông mộ đạo khá chân thật, thiết tha, ý muốn quy y, nhưng Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, quả thật chẳng đáng làm thầy một ai! Nhưng nếu có thể chuyên chí tu trì, y theo những lời Quang đã nói để hành thì cố nhiên chẳng có chuyện gì ông không được mãn nguyện. Ví như kẻ không chân ngồi ở ngã ba đường, có người hỏi nẻo về nhà liền chỉ thẳng nên đi theo đường nào. Quyết đừng vì kẻ ấy không thể đi được mà chẳng chịu nghe lời để rồi tự mình lạc mất lối về! Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Tịnh. Tông là chủ, Tịnh là hiện thời tu tập pháp môn Tịnh Độ, trong tương lai sẽ vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ.

Pháp môn Tịnh Độ là pháp rộng lớn hết sức giản tiện, hết sức sâu xa trong Phật pháp. Nếu nương theo các pháp khác để tu trì thì ai có thể liễu

---

[177] Tuế Sát (歲 煞) là một hình thức khắc kỵ trong cách bói toán năm xung tháng hạn theo cổ lịch. Theo Thần Xu Kinh của Đạo Giáo, có Tam Sát phải kiêng kỵ trong khi xây cất là Kiếp Sát, Tai Sát và Tuế Sát. Sách ấy giảng: "*Tuế Sát nghĩa là âm khí rất độc, nên gọi là Sát, xảy ra khắp bốn mùa, nên còn gọi là Âm Khí của bốn mùa, trôi nổi khắp bầu trời. Cuộc đất nào bị trúng hạn Tuế Sát, không được động thổ, xây cất. Nếu phạm thì con cháu, lục súc (gia súc) sẽ bị tổn thương, tử vong".* Ở đây, chữ Tuế Sát được dùng với nghĩa bóng: "Thời cuộc bất ổn, chiến tranh hoành hành".

sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này? Nếu y theo pháp môn Tịnh Độ, chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, không một ai chẳng được vãng sanh. Đấy chính là nghĩa lý lớn lao phải nên chuyên chú nơi pháp môn Tịnh Độ vậy!

Hơn nữa, phàm muốn học Phật thì tâm địa phải thanh tịnh. Phàm hết thảy những tâm bất thiện đều là cấu nhiễm, ắt phải dọn trừ sạch sành sanh. Phàm hết thảy thiện tâm ắt phải mở rộng ra, tức là: Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, tự hành như thế mà dạy người khác cũng như thế. Đối với người trong cõi đời còn nên khuyên bảo rộng khắp, huống là cha mẹ, vợ con v.v… há chẳng làm cho họ được thấm gội Phật ân, vẫn luân hồi y như cũ, lỗi đạo làm con, làm cha, làm chồng lắm thay!

Thế đạo hiện thời đã loạn đến cùng cực, nguồn cội đều do con cái từ thuở bé chẳng được cha mẹ khéo dạy dỗ về nhân quả báo ứng, cũng như *"lợi người chính là lợi mình, hại người chính là hại mình"*. Hãy nên nói tường tận lợi - hại với vợ để cô ta sẽ tận tụy giáo huấn con cái, đừng mặc cho chúng quen thói khiến tật xấu trở thành tánh đến nỗi gây hại cho gia đình, cho đất nước, cho thiên hạ vậy!

53. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ hai)

Trước kia đã nhận được thư ông hỏi về chuyện quyên mộ đúc chuông, do bận bịu nên không thể trả lời ngay được. Tôi chuyển thư ông cho Mai Tôn, ông ta cực lực tán thành. Lại gởi thư bàn định về kích thước của cái chuông đồng tính đúc. Do thầy Diệu Liên sang Xích Sơn nên phải chậm mất hai mươi mấy ngày. Mai Tôn gởi thư cho tôi biết: "Thoạt đầu do thầy Diệu Liên đi vắng, nay phải bàn bạc cho thỏa đáng sử dụng loại đồng nào và kích thước của chuông thì mới có thể gởi thư xin thầy soạn sớ". Hôm qua nhận được thư ông, biết ông còn chưa biết rõ chuyện này, ắt là phải nói rõ chuông nặng bao nhiêu cân và dùng loại đồng nào. Loại đồng ấy mỗi cân phải tốn bao nhiêu tiền thì mới làm cho người khác tin tưởng được.

Phàm đúc chuông, nên dùng loại hưởng đồng[178] thì âm thanh mới hay. Hưởng đồng rất đắt, nếu chẳng thể sử dụng hoàn toàn thì cũng nên

[178] Hưởng Đồng (bell bronze, hoặc bell metal) là một loại hợp kim gồm đồng, chì, thiếc phối hợp theo một tỷ lệ nhất định (thông thường tỷ lệ đồng và thiếc là 3:1). Hưởng Đồng thường dùng để chế các loại nhạc khí có độ ngân vang như chuông, khánh, linh, cồng, chiêng, thanh la, não bạt, lục lạc v.v… Tùy theo cách chế tạo của

dùng một nửa. Ước chừng tính gộp chung tiền công và vật liệu thì mỗi cân phải tốn một đồng trở lên. Nếu ông thấy khó khăn quá thì hãy bãi bỏ ý định này. Nếu như dù tốn đến hai ba ngàn đồng cũng vẫn phải đúc thì đợi khi Nam Kinh gởi thư đến sẽ viết sớ gởi cho ông.

Cháu ông chẳng biết nỗ lực làm người, ấy là do chẳng được dạy dỗ từ bé mà ra. Lúc bé không được dạy dỗ thì lớn lên sẽ khó trở thành người đàng hoàng được! Ông gặp cảnh ngộ như thế chỉ nên thường nghĩ nhớ tới cha mẹ ông và anh của ông, đừng sanh phiền não, hãy sốt sắng niệm Phật, cầu Phật gia bị cho nó, ngõ hầu nó sẽ hiểu biết, tự có thể làm người tốt. Nếu chính mình sanh phiền não thì vô ích cho nó lẫn thân ông cũng như công lao nuôi dạy đứa cháu đều bị tổn hại. Nếu ông chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, nhất tâm khẩn cầu [Phật, Bồ Tát] gia bị cho nó, lòng Thành đến cùng cực đá vàng cũng phải nứt, dần dần nó sẽ chuyển biến thành người tốt, chẳng đến nỗi cứ mãi là gã lãng tử hoặc kẻ vứt đi. Hãy nên đừng phân biệt, hãy nghĩ [đứa cháu ấy] giống như đứa con bất tài của chính mình, chỉ cầu Phật, Bồ Tát xót thương, gia bị. Đấy chính là diệu pháp độc nhất vô nhị để chuyển biến.

Tôi sẽ gởi hai bài văn do Sa cư sĩ soạn sang Thượng Hải Tịnh Nghiệp Xã để họ đăng trên tờ nguyệt san. Bài văn khuyên kiêng giết ăn chay của Quang có phạm vi khá rộng. Ông Nhiếp Vân Đài từng chiếu theo đó in thành truyền đơn để tặng cho người khác, Quang cho đăng kèm sau cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn. Ông ta in ba ngàn cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn, có giữ lại bản in, nhưng in lần ấy đắt quá, mỗi bộ tốn hơn ba cắc; sau này in lại sẽ giảm được chi phí một nửa. Quán Âm Tụng có hơn bảy vạn bộ, Văn Sao cũng cho sắp chữ riêng. Bài văn ấy tuy văn chương không hay nhưng đã nói rất rõ hết thảy những lý do vì sao không nên giết chóc.

Lạy kinh được lành bệnh chính là điềm lành chứng tỏ nghiệp tiêu, tai diệt. Chuyện đi qua Thân Giang (Thượng Hải) thì do thời cuộc không yên, tính đợi tới tháng Chín, tháng Mười, hoặc sang năm sau. Đại Sĩ Tụng vẫn chưa sắp chữ, tôi muốn qua Thân Giang chính là vì chuyện này. Nếu thời cuộc biến động, sợ sẽ bị lỡ làng; vì thế chẳng dám cho sắp chữ. Nếu cho sắp chữ ngay thì tối thiểu cũng phải tới khoảng tháng Mười mới in ra sách được! Nếu sách được in ra sẽ gởi cho ông và ông Sa. Các ông Phạm và Lý chẳng cần phải nói nữa!

---

từng vùng, đôi khi còn thêm vào các thành phần khác như manganese, bạc hay vàng (nhưng do tỷ trọng quá khác biệt, lượng vàng hay bạc hòa tan vào hợp kim sẽ chiếm một số lượng rất nhỏ) .

Quan Đế quy y với Trí Giả đại sư *(dưới thời Tùy Văn Đế)* mở ra đạo tràng núi Ngọc Tuyền, chuyện này được chép trong sách Phật Tổ Thống Kỷ. Phật giáo coi Quan Đế là thần hộ trì già-lam cũng vốn vì lẽ này. Đợi khi nào rảnh rỗi, tôi sẽ đem bài văn ấy thuật rõ.

Ăn chay chẳng khó, khó là vì chẳng chịu bỏ cái tâm tham sung sướng bụng miệng! Nếu chẳng tham thỏa thích bụng miệng thì ăn chay có bất tiện chi đâu? Tuy thỉnh thoảng ăn chay, nhưng trong những ngày không ăn chay cũng phải ít ăn mặn đi, bởi hết thảy loài vật đều tham sống sợ chết, đều biết đau đớn, khổ sở, chỉ vì miệng chẳng thể nói được, nên phải làm thức ăn cho con người. Nếu chúng nói được thì nỗi niềm bi ai, oán hận của chúng khi sắp bị giết há còn nỡ nghe ư? Nghĩ đến điều này thì sẽ chẳng nuốt thịt xuống khỏi họng được!

Lạy kinh niệm Phật nên lấy cung kính chí thành làm gốc. Cung kính lớn lao thì công đức, lợi ích lớn lao, cung kính nhỏ nhoi công đức, lợi ích sẽ bé tẹo. Nếu chẳng cung kính, chỉ làm ra vẻ đạo mạo thì chính là tự dối mình, chứ muốn dối người cũng không được, huống là dối Phật, Bồ Tát ư? Xin hãy chân thật cung kính hành trì thì lợi ích sẽ không chi lớn bằng!

54. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ ba)

Chuyện đúc chuông đã nói với ông Mai Tôn, bảo ông ta châm chước kích thước lớn - nhỏ, nhưng chưa thấy gởi thư tới. Hôm qua, tôi sang lầu chuông của Phật Đảnh Sơn, thấy chuông ở chỗ ấy cũng không lớn lắm. Họ nói nặng hơn bốn ngàn cân, như vậy thì chuông chùa Pháp Vân cũng nên nặng ba ngàn cân. Huống chi mỗi cân Hưởng Đồng ước chừng hơn một đồng. Ông phát tâm quyên mộ cũng không nhất định [phải đủ số], nhiều cũng hay, ít cũng được. Hễ được nhiều thì đúc thêm khánh, báo chung, hỏa bản[179], ít thì sẽ quyên góp thêm tại đất Nam Kinh. Do vậy,

[179] Đối với Phật môn Trung Hoa, Khánh (磬) là từ ngữ chỉ chung cho các loại nhạc khí bằng đồng để gõ làm hiệu, có hình bát ngửa lên, được đặt trên đệm hoặc có cán cầm; chẳng hạn chuông gia trì (chuông dùng để tụng kinh) gọi là Đại Khánh, khánh nhỏ cầm tay (thủ khánh, hay dẫn khánh) để làm giữ nhịp dẫn lễ v.v… Chỉ những loại có hình quả chuông treo mới được gọi là "chung". Riêng ở miền Bắc Việt Nam lại thường gọi loại nhạc khí có hình dạng đĩa phẳng, trông như một đám mây cuộn, đúc bằng đồng, gõ như chiêng trong các buổi lễ là Khánh. Loại này thường được Phật môn Trung Hoa gọi là Vân Bản.

không nhất định phải hoàn toàn là [quyên góp sao cho] không thừa không thiếu! Họ đã không gởi thư tới, chắc là ước chừng ba ngàn cân, đợi sau này khi [thật sự] đúc mới lại định chuẩn cân lượng. Tôi sẽ viết lời tựa. Mồng Một tháng Tám, Quang sẽ xuống núi sang Thượng Hải, đến ngụ tại chùa Thái Bình nơi bến Trần Gia. Ước chừng phải hai ba chục ngày mới trở về được, [qua đấy] để tìm cách in Đại Sĩ Tụng. Công nhân của Trung Hoa [Thư Cục] bãi công, nếu chẳng tìm cách chẳng biết sẽ phải chờ đến khi nào!

Chuyện thả lợn trước đây đã được ông Mai Tôn gởi thư cho biết rồi. Sẽ gởi cho Tịnh Nghiệp Xã để đăng tải trên tờ nguyệt san ngõ hầu mọi người đều sanh lòng kinh sợ. Lý Trọng Hòa đã muốn quy y thì chẳng ngại đặt pháp danh cho ông ta. Ông ta tên là Thọ Bình; phàm cái thật sự thọ (sống lâu) thì chỉ có tự tánh. Tánh ấy nếu chẳng có trí sẽ chẳng hiển được, có trí ấy thì sẽ biết nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh và tam thế chư Phật, lục đạo chúng sanh thảy đều bình đẳng. Cái trí bình đẳng ấy thật sự là tối thượng, tối diệu. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Trí Thượng, dùng cái trí tối thượng ấy để tự hành, dạy người tu trì Tịnh nghiệp, ngõ hầu hết thảy chúng sanh cùng sanh về Tây Phương, cùng chứng được cái vốn sống mãi bình đẳng vô nhị ấy. Đấy chính là chuyện quan trọng nhất, làm được như thế sẽ chẳng thẹn là đệ tử của Như Lai, xin hãy nói với ông ta.

55. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tư)

Báo Chung là loại chuông cỡ vừa, thường được treo trong Thiền Đường, Tăng Đường, hoặc Trai Đường dùng với mục đích báo hiệu bắt đầu thọ trai, niệm Phật, nghỉ ngơi hay thức dậy. Báo Chung còn dùng để ra hiệu cho đại chúng cất giọng tán xướng trước khi ngồi Thiền hay thụ trai. Riêng trong Thiền Đường và Trai Đường Trung Hoa, Báo Chung luôn đi kèm với Bản (板, còn gọi là Chung Bản, là một tấm gỗ hình chữ nhật được treo phía dưới Báo Chung, khác với một loại bản khác treo gần Chung Bản, gọi là Thôi Bản, chỉ đánh để làm hiệu lệnh bắt đầu chạy hương; Thôi (推) có nghĩa là thúc giục). Tùy theo mỗi tông phái mà quy tắc đánh chung bản được quy định khác nhau, nhưng thông thường, đánh Bản trước khi khởi Báo Chung, đánh thành ba hồi, trước chậm sau nhanh dần để đại chúng có đủ thời gian vân tập.
Hỏa Bản (Tuần Hỏa Bản) đúc bằng đồng hay thau, thường được vị chịu trách nhiệm hộ liêu vừa đánh vừa lắc Hỏa Linh (một loại chuông lắc nhỏ) trong lúc đi tuần phòng sau khi hiệu lệnh Chỉ Tịnh (nghỉ ngơi) đã đánh lên, nhằm nhắc nhở đại chúng đề phòng hỏa hoạn, dập tắt củi lửa, hương đèn v.v…

Nhận được thư, biết cả nhà niệm Phật, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Lúc niệm Phật đột nhiên khởi vọng tưởng, chỉ cần chẳng xoay chuyển theo vọng niệm ấy, lâu dần nó sẽ tự chẳng dấy lên nữa! Không nói dối cũng phải luyện tập dần dần, lâu ngày sẽ tự chẳng còn nữa! Nói đến ảnh chụp thì Quang một mực chẳng thích chụp hình vì chỉ hao tốn tiền bạc, trọn chẳng có ích gì! Nếu cứ muốn có thì tôi sẽ sang Thượng Hải chụp rồi gởi tới. Ở đây đã qua kỳ dâng hương, không có thợ chụp ảnh. Nay gởi cho ông một gói Văn Sao, xin hãy trao cho Lý Miễn và con ông ta. Chỉ chịu nương theo sách này để tu tập sẽ tự có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu chỉ nhìn vào mặt văn chương thì thật là gai mắt, chẳng thể đạt được lợi ích thật sự!

56. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ năm)

Lúc này không rảnh rỗi để viết lời tiểu dẫn cho Phật thất! Đợi tới tháng Sáu, sớm muộn gì cũng sẽ gởi tới. Có lẽ nên cử hành [Phật thất] vào đầu mùa Đông vì khi ấy gặt hái đã xong, ai nấy đều nhàn rỗi thì người niệm Phật sẽ nhiều, nhưng chỉ nên chú trọng niệm Phật, chớ nên bày vẽ phô trương, thêm thắt lung tung v.v… Nói tới chuyện đến núi [Phổ Đà] dâng hương thì hãy nên thôi đi, bởi lẽ nhà ông không dư dả lắm, lại còn phải làm việc dưới quyền người khác, đi về hơn cả tuần, tốn kém mấy chục đồng mà vẫn chẳng thể tùy ý làm công đức khiến cho những người mình giao thiệp đều sanh hoan hỷ.

Quán Thế Âm Bồ Tát chỗ nào cũng có, há chỉ ở tại Phổ Đà ư? Nếu chưa từng đến thì tới chiêm ngưỡng đạo tràng một lần, chứ đã tới rồi mà nhà nghèo, lắm việc, chẳng cần phải tới nữa! Con trai ông đã sẵn có túc duyên với ông, hãy nên khéo dạy dỗ. Đừng mặc cho nó quen thói kiêu căng đến nỗi thành phường hư hỏng. Những đứa con em không ra gì trong cõi đời đều là do cha anh chẳng khéo nuôi dạy mà ra!

57. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ sáu)

Nhận được thư, biết cư sĩ [Sa] Kiện Am quy Tây, khôn ngăn mừng cho cư sĩ, nhưng lại than cho dân vùng Như Cao (đã mất bậc hướng dẫn). Tôi thấy cụ Sa Kiện Am bình sanh có tín tâm, lâm chung chánh niệm. Tuy chưa nghe cụ nói thấy Phật, nhưng có thể thầm niệm theo người nhà thì cụ cũng được sanh Tây. Do xưa kia, đức Phật có lời thề: *"Nếu có chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước ta, thậm chí mười niệm,*

nếu chẳng được sanh, sẽ chẳng lấy ngôi Chánh Giác”. Lại còn: *“Mười phương chúng sanh phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về cõi ta. Nếu lúc lâm chung, ta không cùng đại chúng vây quanh hiện diện trước mặt người ấy thì sẽ chẳng lấy ngôi Chánh Giác”*. Cư sĩ Kiện Am suốt đời tu trì, lâm chung chánh niệm, đủ để vãng sanh. Huống chi lại có những chuyện như mùi hương lạ, đỉnh đầu vẫn còn ấm để làm chứng ư? Đây là do nương theo Phật lực vãng sanh, vãng sanh tức là đã liễu sanh thoát tử rồi. Đấy là chuyện quyết định, trọn chẳng hàm hồ! Nếu tu các pháp môn khác, đừng nói có các cảnh tượng như thế vẫn chẳng thể liễu sanh tử; dẫu là bậc có đại trí huệ, có đại thần thông, muốn đi liền đi, muốn tới liền tới thì người chẳng thể liễu sanh tử vẫn chiếm hơn một nửa! Do vậy phải chuyên chí tu trì pháp môn Tịnh Độ.

Tôi tính dựa trên tình hình thực sự như trong bài viết đã gởi tới để viết một bài khác đăng kèm vào sau bộ Văn Sao trong ấn bản mới. Hãy nên nói với con ông cụ sớm đem tờ cáo phó gởi tới. Có những chuyện gì tôi chọn lọc được sẽ trích lược để dùng. Hơn nữa, cụ vẫn áy náy vì chưa từng gặp được Quang, nay tôi ghép sự tích của cụ vào trong Văn Sao cũng nhằm cởi gỡ nỗi áy náy ấy! Trong khi hồi hướng vào khóa tụng sáng tối, Quang còn đọc tên hồi hướng cho cụ trong hai mươi mốt ngày nhằm trọn hết tình giao du với nhau trên mặt tinh thần trong pháp môn.

Văn Sao ấn bản mới có thể in thành sách trong tháng Ba hoặc tháng Tư. Ông hãy bảo con cụ Sa chịu đảm nhiệm in chừng đó bộ để thí tặng cho những người có tín tâm, thông văn lý, một là cởi gỡ nỗi tiếc nuối của cha, hai là có thể lưu truyền sự tích của cha. So với những kẻ in ra những tờ thiệp gởi cho người khác, [người ta] xem xong liền quăng đi, sẽ vượt trội vạn lần! Nếu chịu phát tâm thì hãy mau báo cho biết để tiện viết tên vào sau sách. Bản in lần này nhiều hơn những lần trước một trăm ba mươi trang, tổng cộng là bốn trăm ba mươi trang. Nay đang đợi tới khi Thọ Khang Bảo Giám sắp chữ xong *(sẽ cho in đồng thời)* sẽ ngưng không đưa thêm bài vào [Văn Sao] nữa! Vì thế, vẫn chưa thể ấn định chuẩn xác số trang. Lần này sẽ in một vạn bộ. Sau này sẽ để cho Thư Cục tự in, tự bán. Nếu thỉnh từ Thư Cục sẽ mắc hơn lần này. Ước chừng mỗi bộ trên dưới tám cắc, Quán Âm Tụng hai trăm mười trang còn phải tốn ba cắc bốn xu [mỗi bộ]. Đây là ước định theo giá hồi tháng Tám năm trước. Gần đây, do chiến sự, giấy đắt hơn nhiều lắm.

Hơn nữa, cư sĩ Kiện Am thông hiểu Nho lễ sâu xa. Năm trước, Trần Chánh Hữu đã gởi cho tôi bài cụ viết bàn về tệ dùng rượu thịt trong tang

lễ, đọc thật thống khoái; biết cư sĩ hoàn toàn lấy việc [bảo tồn] đạo Nho làm trách nhiệm của chính mình. Huống chi gần đây lại tin tưởng Phật pháp sâu xa, chuyên chí tu trì. Con cụ Sa hãy nên vâng nối chí và đạo của cha, nhất loạt chẳng noi theo thói tục dùng rượu thịt nhằm mãn chí nguyện của cha. Nếu cứ làm theo thói tục, không những chẳng tương ứng Phật pháp mà còn chống đối cha nữa! Xin hãy nói với các con của cụ, nếu không, sợ rằng họ sẽ bị những kẻ vô tri mê hoặc, lay động thì đâm ra chẳng tốt đẹp gì!

58. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ bảy)

Bài văn ông yêu cầu viết tôi đã soạn xong rồi, đặt tên là Phổ Khuyến Giới Sát Khiết Tố Vãn Hồi Kiếp Vận Thuyết[180] (khuyên khắp mọi người kiêng giết, ăn chay nhằm vãn hồi kiếp vận), nói trọn khắp những chuyện cúng tế trời đất, Khổng Tử, Quan Đế, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, tự cung phụng v.v… đều chẳng nên sát sanh, ăn thịt! Lại còn nói kèm chuyện cưới vợ, sanh con, chúc thọ cũng chớ nên sát sanh, ăn thịt. Chánh văn hơn hai ngàn sáu trăm chữ, in kèm vào cuối quyển nhất sách Quán Âm Tụng *(do quyển này có đoạn liên quan đến chuyện Đại Sĩ thị hiện trong loài vật)* vừa đúng ba trang, đã gởi cho Trung Hoa Thư Cục cho họ sắp chữ. Sắp chữ xong, in ra, sẽ gởi sang cho ông xem.

Quán Âm Tụng in hai vạn bộ, mỗi trang ba mươi đồng, khoản tiền này ông không cần phải bù. Ông nguyện in năm chục bộ tức là mười bảy đồng *(mỗi bộ ba cắc bốn xu, thêm vào mười mấy trang đó thì thêm một xu vẫn thiếu, phải tăng thêm một xu nữa),* ông muốn bù đắp cho khoản tiền in những trang này thì hãy chịu trách nhiệm in hai trăm hoặc ba trăm bộ Quán Âm Tụng nữa là được rồi. Nếu muốn lưu hành rộng rãi bài văn này mà ấn hành riêng thì cũng vô ích; hãy nên in kèm vào sau cuốn Đại Sĩ Tụng. Nếu Đại Sĩ Tụng in được mười vạn cuốn thì bài văn này cũng được in mười vạn lần. Nếu ông chịu bỏ tiền, cứ [tăng thêm] một trang cho hai vạn bộ [sẽ tốn thêm] ba mươi đồng, hai trang là sáu mươi đồng. Nếu ông không có sức thì cũng chẳng cần phải bỏ tiền ra. Tôi sẽ tự lo liệu được, lại đưa kèm vào trong Văn Sao thì in bao nhiêu bộ Văn Sao, bài văn này cũng có bấy nhiêu, sẽ thực hiện trong đầu tháng Giêng, đừng lo!

59. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tám)

[180] Bài viết này được đánh số 10 trong phần Tạp Trước của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4.

Mồng Ba tháng này, nhận được thư của Lý Trọng Hòa và thư của ông, do bận bịu không rảnh rỗi nên chưa trả lời. Hôm qua mới soạn xong bài ký về sự vãng sanh của Sa cư sĩ, nay gởi cho ông một bản, xin hãy đưa cho Sa Quân Nghị và Hạng Tử Thanh xem. Trong bản cáo phó và tờ ai khải (báo tin buồn) do ông, Trọng Hòa, Tử Thanh cùng với con ông ta hợp soạn đều chẳng ghi tên, lại còn trọn chẳng nhắc tới hành trạng của cụ Sa lúc đương thời. Nay tôi dựa theo những lời ông Hạng, lời ông cùng lời Trọng Hòa đã kể để suy theo tình, dựa theo lý, lược thuật những nét đại lược. Tuy các ông chưa nói, Quang trọn chưa được gặp gỡ Sa cư sĩ lần nào, nhưng dùng tâm ý để nhìn thì cũng biết được.

Những sự lý được trình bày [trong bài ký về sự sanh Tây của cụ Sa do Quang soạn] trọn chẳng phải là bỗng dưng hư cấu. Nếu có chỗ nào sai lầm, xin hãy mau chỉ cho biết để tiện sửa đổi cho đúng. Nếu không, tôi sẽ xếp bài viết này[181] vào Văn Sao để mong lưu truyền rộng rãi khuôn mẫu tốt đẹp khiến cho những kẻ câu nệ hẹp hòi trong mai sau sẽ do đấy mà bỏ được tri kiến lầm lạc, đạt được chánh tri kiến. Triệu Tôn Nhân cũng soạn một bài ký. Ông Phác muốn soạn truyện thì được, nhưng toan dựng tháp thì chớ nên. Cư sĩ tại gia chỉ nên xây mộ, huống chi đang lúc con người đa số làm càn, chẳng tuân giữ bổn phận này, nếu xướng suất như thế thì sẽ phá hoại khuôn mẫu trong pháp môn. Xin hãy nói với ông Phác.

[Về chuyện ấn hành] Văn Sao thì do Thượng Hải trong thời gần đây xảy ra chiến sự nên không mua được giấy Mao Thái, còn giấy Mao Biên thì trước kia Trung Hoa Thư Cục ước lượng giá phải hơn một đồng *(tạm thời tính in [mỗi bộ] bốn trăm trang thì sẽ tốn hơn chín cắc. Ước chừng sắp chữ xong, nói chung sách sẽ gồm hơn bốn trăm hai mươi trang, do vậy giá thành [của mỗi bộ] phải hơn một đồng).* Đấy vẫn là giá in dành cho năm ngàn bộ. Nếu in ít hơn sẽ càng mắc hơn, do họ đem các thứ tiền công chế bản sắp chữ, Chỉ Bản và bản kẽm tính luôn vào trong ấy. Gần đây, nghe nói quân đội phương Bắc đã rút, nếu không đánh nhau thì giấy Mao Thái sẽ tiếp tục được chuyển đến. Hễ có giấy Mao Thái sẽ nhất định dùng giấy Mao Thái, đỡ tốn tiền hơn!

Ông Sa Quân Nghị muốn chịu tiền in một trăm bộ thì hãy gởi một trăm đồng sang xưởng chính của Trung Hoa Thư Cục nằm trên con

[181] Đây chính là "bài Ký về sự vãng sanh của cư sĩ Sa Kiện Am" được đánh số 36 trong phần Ký thuộc quyển thứ tư của bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên.

đường chùa Tịnh An, Thượng Hải, giao cho tiên sinh Du Trọng Hoàn thâu nhận. Ông ta nhận được sẽ gởi biên lai ngay. Đợi khi sách được in ra, sẽ căn cứ theo số tiền [đã giao] để gởi sách.

Nếu dùng giấy Mao Thái sẽ gởi được [mỗi gói] ba bộ, còn dùng giấy Mao Biên chỉ gởi được hai bộ [cho mỗi gói]. Theo quy định gởi sách bằng thư bảo đảm của thư cục *(mỗi gói là một cắc năm xu, gởi thư bảo đảm năm xu nữa nên thành hai cắc. Thư cục quy định gởi sách bằng thư bảo đảm để ngừa tệ nạn kẻ giao sách lén đem sách bán đi. Gởi thư bảo đảm sẽ có chứng từ, họ không giở trò tồi tệ được! Vì thế bất luận bưu kiện lớn hay nhỏ, thư cục đều gởi thư bảo đảm)* thì bưu phí của năm mươi gói sẽ mất mười đồng. Nếu có thể cậy ai ở Thượng Hải lãnh giùm đem đi thì sẽ đỡ tốn tiền nhiều lắm. Nếu chậm lại đôi chút chờ giấy Mao Thái được chuyển tới thì giá sách lẫn bưu phí đều đỡ tốn tiền.

Ông Hạng muốn quy y, sao chẳng chọn bậc đạo đức cao siêu để làm thầy, cứ muốn tôn Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo làm thầy? Chủ kiến đã sai lầm, nhưng sợ nếu không chấp thuận, sẽ bảo Quang là kẻ chẳng biết đếm xỉa tới tình người! Nay bèn đem lầm đáp lạc, đặt pháp danh cho ông ta là Trí Nguyên. Ông ta tên là Bổn Nguyên, nay đặt pháp danh là Trí Nguyên. Cần biết rằng: Trí Nguyên (nguồn trí) chính là Chân Như Phật tánh của chính mình, hết thảy phước đức trí huệ đều phát xuất từ cái nguồn này. Người đời mê trái bổn tánh nên chân trí chẳng thể hiển hiện được! Tất cả tri kiến đều thuộc suy tính vọng tưởng; nếu thật sự biết được cái nguồn này, niệm niệm phản chiếu thì sẽ dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, lại còn tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì trong đời hiện tại sẽ dự vào bậc hiền thánh, lúc lâm chung quyết định vãng sanh cõi Cực Lạc. Như thế thì sẽ có thể gọi là bậc đại trượng phu đệ tử thật sự của đức Phật. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ. Xin hãy đưa thư này cho ông ta đọc. Nếu chẳng nghĩ như vậy là đúng thì cũng chẳng quan trọng, khẩn yếu chi hết!

60. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất)

Quang là người huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây. Ông đọc Văn Sao, há chưa từng thấy lời bạt của ông Úy Như *(tên ngoài đời là Văn Úy)* ư? Câu *"tại Hợp chi dương"* (ở phía Nam sông Hợp) trong kinh Thi chính

là nói về nơi ấy đấy, bởi huyện Cáp Dương nằm ở phía Nam[182] sông Hợp Thủy, nên có tên là Hợp Dương (洽陽). Sông bị cạn nước vào thời Hán nên bỏ bộ Thủy [trong chữ Hợp] thêm bộ Ấp (邑), [do vậy, Hợp Dương] trở thành Cáp Dương (郃陽). Chữ Hợp (洽) trong cái tên Hợp Dương phải đọc âm Hợp (合), đừng nên đọc là Hiệp (狹), còn trong những chỗ khác đều đọc là Hiệp, chứ không thể đọc là Hợp! Cáp Dương chính là nơi Y Doãn đích thân cày ruộng, nên còn có tên là Cổ Tân (còn đọc là Sân hay Sằn).

Thuở bé, tôi học chữ với anh ruột; thoạt đầu, gặp lúc loạn lạc nên phải đình hoãn hai năm. Tiếp đấy lại lắm bệnh nên học hành chẳng ra gì. Mới sanh ra được nửa năm liền mắc bệnh mắt, suốt sáu tháng chưa từng mở được mắt; trừ lúc ăn ngủ ra, cứ khóc suốt ngày đêm không ngừng. Về sau, mắt được lành, vẫn còn thấy được ánh mặt trời. Năm mười mấy tuổi, đọc lời văn báng Phật của Hàn - Âu rất thích, lại còn muốn học Lý Học. Cho nên đối với thơ văn đều chẳng muốn làm. Anh ruột tôi thấy tôi vốn bệnh tật đã lâu nên mặc kệ. Năm hai mươi tuổi xuất gia *(nhằm năm Quang Tự thứ bảy - 1881).* Tu Tịnh nghiệp là do kinh Di Đà, Tịnh Độ Phát Nguyện Văn và Long Thư Tịnh Độ Văn phát khởi, chứ tuyệt không được một tri thức nào khai thị! Bởi lẽ, tiên sư và những người giao du đều hâm mộ ý chỉ nhà Thiền, Quang trọn chẳng được chỉ dạy, tự lượng chính mình không có được trí thức ấy nên chẳng dám [tu Thiền].

Năm hai mươi sáu tuổi *(nhằm năm Quang Tự 12 - 1886)*, rời Thiểm Tây đến núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 19 (1893), từ Bắc Kinh đến chùa Pháp Vũ, tới nay đã ba mươi mốt năm rồi. Làm một kẻ nhàn rỗi vô tích sự tại Pháp *Vũ (do Trụ Trì chùa Pháp Vũ [là hòa thượng Hóa Văn lên*

---

[182] Theo bộ Hợp Dương Huyện Toàn Chí của Tôn Dậu Phong viết dưới đời Thanh: *"Hợp* (洽) *là do sông hợp dòng lại mà có tên".* Sông Hợp Thủy bắt nguồn từ vùng Tây Nguyên của Thiểm Tây, chia thành hai dòng, chảy đến thôn Tân Lý bèn hợp thành một nên sông có tên là Hợp Thủy. Năm 429 trước Công Nguyên, Ngụy Văn Hầu đi đánh nước Trịnh trở về, đã dựng thành ở phía Bắc sông Hợp Thủy. Do thời cổ thường gọi phía Nam núi hoặc sông là Dương, nên thành ấy được đặt tên là Hợp Dương. Tân Lý chính là nơi Y Doãn từng cày ruộng trước khi ra giúp vua Thành Thanh nhà Thương. Về sau, do Hoàng Hà đổi dòng, phù sa tích tụ lại khiến cho Hợp Thủy bị nghẽn dòng, khô cạn một thời gian, nên người ta mới bỏ bộ Thủy trong chữ Hợp của tên gọi Hợp Dương. Bộ Ấp (邑) khi viết kèm vào bên phải một chữ sẽ được viết gọn thành " 阝 ".

Bắc Kinh] thỉnh Đại Tạng Kinh, tôi làm người kiểm giảo cho Ngài nên Ngài bảo tôi cùng theo về chùa. Do biết Quang chẳng muốn đảm nhận chuyện gì bèn cho ngồi chơi không. Các đời Trụ Trì sau đấy đều y theo lệ cũ, cho nên mới được [rảnh rỗi] lâu dài như thế). Phàm những chuyện thuộc về Thường Trụ đều nhất loạt chẳng tham dự hoặc nghe biết. Thoạt đầu, hễ trong núi có nhân duyên gì cần phải viết lách thì đa số sai Quang viết, Quang liền dùng giọng điệu của người [sai viết] ấy. Nếu chẳng tiện dùng giọng điệu của người ấy, bèn dùng danh xưng khác. Suốt hai mươi mấy năm, hai chữ "Ấn Quang" chưa từng bao giờ lộ ra ngoài. Do vậy, không một ai thăm hỏi và gởi thư.

Từ năm đầu Dân Quốc (1912), cư sĩ Cao Hạc Niên lén đem bản cảo đăng trên Phật Học Tùng Báo. Do ông ta thấy Quang chẳng muốn cho người khác biết đến nên đề tên tác giả là Thường Tàm (thường hổ thẹn), đấy không phải là tên [thật sự]. Từ Úy Như, Châu Mạnh Do trông thấy [những bài viết ấy] rất thích, cho là hợp với tri kiến của họ bèn hỏi han khắp mọi người, nhưng [ai nấy] đều không biết. Đến năm Dân Quốc thứ tư (1915), Úy Như hỏi pháp sư Đế Nhàn, ngài Đế Nhàn liền nói với Quang: Sư cũng không biết Thường Tàm là ai. Do Hạc Niên đem bản cảo tới cho pháp sư Đế Nhàn xem qua, [nên Sư mới biết]! Từ đấy, Úy Như sưu tập [những văn cảo của Quang], đem in ra *(tại Bắc Kinh)*; tới năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cầm Sơ Biên Văn Sao đến núi xin quy y. Quang một mực không chịu thâu nhận [đệ tử] quy y, bảo ông ta hãy quy y với pháp sư Đế Nhàn. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông ta lại in [Ấn Quang Văn Sao] Sơ Biên, Thứ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín (1910), lại bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Thượng Hải ấn hành, giữ lại bản in gốc.

Từ đấy, ngày càng thấy phiền phức, muốn có một ngày thanh nhàn cũng không được! Từ đó trở đi chẳng thể không dùng cái tên Ấn Quang. Vì thế, phàm có ai xin viết lời bạt, đều ghi là Thường Tàm Quý Tăng Thích Ấn Quang. Tôi bẩm tánh cương trực nên trọn chẳng nẩy sanh ý niệm Trụ Trì đạo tràng, thế độ đồ đệ. Gần đây có kẻ dốc hết tánh mạng muốn xin Quang cho xuất gia, Quang cũng dốc hết tánh mạng từ chối. Thoạt đầu cự tuyệt người xin quy y, nay chỉ đành mặc kệ mà thôi!

Tôi vốn chẳng chuộng bày vẽ màu mè, dẫu là chữ viết, tranh vẽ của bậc danh nhân cũng chẳng màng! Đã từng hơn ba lần chụp ảnh, hễ bị ép buộc thì cho người ta chụp. Trừ những tấm kẻ ấy giữ lấy ra, Quang trọn chẳng cần đến! Hễ họ gởi hình tới thì cũng tùy tiện tặng cho người khác, nhất loạt chẳng giữ lại. Nếu ông có thể nghe theo lời tôi thì sẽ là bạn thiết của tôi, cần gì phải muốn có hình dạng xấu xa của tôi vậy? Người

niệm Phật hãy nên chuyên ròng lễ Phật, chứ lạy một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo có lợi ích gì đâu?

Năm nay tôi đã sáu mươi ba tuổi, người cùng quê và Đốc Quân tỉnh Thiểm Tây nhiều lần giục giã trở về quê nhà. Quang thoạt đầu viện cớ mình là kẻ tầm thường để thoái thác. Đến khi lâm vào tình thế chẳng từ tạ được nữa, bèn nại cớ đang phải lo toan công việc, chẳng thể đi xa được! Năm sau Phổ Đà Sơn Chí hoàn thành, Văn Sao ấn hành xong xuôi, sẽ trở về đất Thiểm một chuyến, sợ vẫn còn phải trở lại [nơi đây]. Do phải đợi cho đến khi nhân duyên [các chùa] Phạm Thiên, Pháp Vân hoàn thành thì mới có thể không quan tâm được; nhưng mạng người vô thường, lỡ ra chết trước [khi ấy] nên chẳng thể định sẵn theo ý mình được!

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Trần Tích Châu xin Quang tu chỉnh Phổ Đà Sơn Chí. Quang muốn sưu tập thật hoàn bị các sự lý cảm ứng thuộc về mặt Bổn lẫn mặt Tích của Đại Sĩ rồi dùng lối tụng văn để ca tụng, dưới mỗi câu còn ghi chú các sự tích; nhưng do mục lực chẳng đủ nên vẫn phải sám hối, cầu Đại Sĩ gia bị, rồi mới xem khắp các nhân duyên của Đại Sĩ trong Đại Tạng. Nào ngờ từ đấy trở đi, thư từ, công việc ngày càng thấy nhiều hơn, trọn không có lúc nào rảnh rỗi! Ba năm trước, Tri Sự [huyện Định Hải] muốn Quang tu chỉnh Sơn Chí, Quang đã đem ý ấy để ngăn trở. Năm ngoái, Tri Sự cực lực hộ trì Phổ Đà cũng muốn tu chỉnh gấp. Thoạt đầu, tuy Quang đã đem ý ấy bảo rồi, ông ta vẫn chẳng chịu nguôi lòng, liền bảo ông ta cậy người khác tu chỉnh, chứ Quang không rảnh rang để lo liệu, không cách nào thỏa mãn nguyện của tôi được!

Há chẳng phải là Đại Sĩ cảm ứng, khiến cho một vị cư sĩ từ Giang Tây đến đây? Ông ta vốn làm quan Hàn Lâm dưới triều Thanh trước kia, bút mực siêu diệu. Gặp mặt Quang, Quang hỏi: "Ông ăn chay hay chưa?" Ông ta thưa: "Con ăn chay kỳ!" *(nghiên cứu Phật học đã tám chín năm, nhất tâm niệm Phật, nhưng chưa ăn chay trường).* Quang lớn tiếng quở mắng, ông ta cực lực bội phục. Do vậy, bảo ông ta hãy soạn sách, ông ta hết sức vui lòng. Thỉnh một vị văn học gia tu chỉnh Sơn Chí, còn phần nói về công hạnh của Đại Sĩ thì do Hứa cư sĩ tu chỉnh; khi tu chỉnh xong sẽ hợp chung lại. Lại còn cho in riêng phần ấy để lưu truyền rộng rãi ngõ hầu người trong thiên hạ đều được gội ân đức của Đại Sĩ. Chuyện này có thể hoàn thành trong năm nay, rõ ràng là sớm hay muộn gì đều có thể in ra sách. Bộ [Phổ Đà] Sơn Chí đứng đầu Sơn Chí của các danh sơn trong

thiên hạ, may mắn chi hơn? Những [câu trả lời cho] điều ngờ vực và sở ngộ của ông được viết trong một tờ giấy khác!

61. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông có thể quay lại tự kiểm điểm, khá cảm thấy vui mừng, an ủi! Nhưng những câu hỏi đa số là cố chấp, thiên kiến, chẳng thấu hiểu đạo "giữ lễ thường, biết quyền biến". Nếu mỗi một điều đều giải thích thì không viết tới mười mấy trang giấy sẽ chẳng thể nói hết được! Nay chỉ nói đại khái với ông thì ông sẽ tự thấu hiểu, bởi gần đây Quang đúng là suốt ngày chẳng được rảnh rỗi. Do mục lực không đủ, suốt hai mươi năm qua chẳng dùng đến mắt vào ban đêm, bởi lẽ nếu ban đêm dùng đến mắt, hôm sau sẽ chẳng thể nhìn được! Giữa tháng Mười, do thư từ, giảo chánh, đối chiếu sách, giám đính, [người khác nhờ cậy] sai khiến viết lời Bạt chồng chất tích tụ, chỉ đành phải lo liệu trong ban đêm cho xong. May được Tam Bảo gia bị, ban ngày vẫn có thể chiếu theo lệ thường được; còn đây là chuyện ngoài ý muốn. Từ đấy mỗi đêm lo viết lách suốt hai ba giờ rồi mới tụng công khóa, ngủ ba tiếng mấy, đoạn thức dậy tụng công khóa, mắt vẫn chẳng đến nỗi mệt mỏi lắm, nhưng vẫn chẳng thể xong hết việc được. Trong tháng Mười, tháng Mười Một, thư từ lên tới một trăm mấy chục bức, chỉ riêng một chuyện ấy đã chẳng lo xuể rồi; huống là những chuyện như giảo chánh, đối chiếu v.v… ư?

Ông nhàn rỗi vô sự, đối với những chuyện hợp lý lại nêu lên đủ mọi câu hỏi chẳng hợp lý! Tuy là ham học, nhưng cũng thấy rõ ông chẳng biết suy nghĩ sâu xa! Vì sao vậy? Trong thế gian, con người nhờ vào thức ăn, y phục để giữ mạng sống; nếu chẳng biết chọn lựa sao cho thích hợp với chính mình thì thức ăn, y phục đều trở thành thứ giết người. Nếu chúng đã gây ra cái chết thì có nên bảo người trong thế gian bỏ sạch thức ăn, y phục hay chăng? Hay là hãy nên bảo người ta châm chước, lượng định những thứ thích hợp để ăn, để mặc vậy? Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nêu lên; há nên luận bàn theo kiểu chấp nhất? Những câu hỏi của ông tựa hồ có lý, nhưng thật ra đều thuộc loại chẳng khéo dụng tâm. Nếu ông tin tới nơi tới chốn, xin hãy sốt sắng hành trì, đợi tới khi nghiệp tiêu trí rạng sẽ khôn ngăn tự cười mình ngu dại chấp trước, hổ thẹn khôn cùng vậy! Nếu chẳng tin tưởng, nếu chẳng lại lấy Phật làm thầy, vẫn cứ dấn thân vào phường ngoại đạo y như cũ thì cũng đành để mặc ông mà thôi!

"Hồi dã, văn nhất dĩ tri thập; Tứ dã, văn nhất dĩ tri nhị" (Nhan Hồi nghe một biết mười, còn Tử Cống nghe một chỉ biết được hai)[183]. *"Biết hai"* là do cái này mà thấu hiểu cái kia, chứ không phải là [Tử Cống] chỉ hiểu biết hẹp hòi có hai, chẳng biết được tới ba! Nghe một biết mười thì nghe phần đầu sẽ biết được phần cuối. *"Cử nhất ngung, bất dĩ tam ngung phản, thánh tắc khí chi"* (Nêu lên một góc mà không biết suy luận ra ba góc kia thì thánh nhân sẽ buông bỏ, [không dạy người ấy nữa])[184]. Ông cứ muốn mỗi một điều đều chấp chặt hẹp hòi rồi hỏi han cặn kẽ thì Quang già suy, lắm việc, há rảnh rỗi để viết lách tán gẫu với ông ư? Đối với những lời lẽ báng Phật của ngoại đạo, há nên căn cứ vào đấy, coi là đúng ư? *(Nếu ông đã thấy những sự tích ứng hóa của Phật Thích Ca, ắt sẽ biết được đại khái. Dẫu chưa thấy, há nên nghe lời báng bổ liền hoài nghi ư?)* Chẳng thấy Đạo Chích chửi bới: "Vua Nghiêu bất nhân, vua Thuấn bất hiếu, vua Đại Vũ dâm dật, Thành Thang, Châu Vũ Vương giết chóc bừa bãi, Khổng Tử trộm đạo" đó ư?

Hơn nữa, những câu ông hỏi phần nhiều chẳng hợp lý, tôi đã chỉ bày đại khái rồi, chẳng muốn giải thích cặn kẽ nữa! Tiếp đấy, nghĩ ông chánh tín chưa vững vàng, chánh trí chưa mở mang, nếu bị quở trách chắc sẽ ôm lòng oán hận rồi đâm ra ngã lòng. Vì thế chẳng thể không chỉ bày đại lược để trọn hết tấm lòng tôi giống như một bà già dụ con hãy quay về nhà vậy!

62. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết ông lại mất một đứa con, đau lòng thở dài sườn sượt! Tuy nhiên, người hiểu lý quyết chẳng vì cảnh ngộ của chính mình mà bảo: "Đạo trời vô tri, Phật pháp chẳng linh!" Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã tạo đủ thứ ác nghiệp, làm sao kết liễu được? Cái quả xưa

---

[183] Đây là một câu nói trích từ thiên Công Dã Trưởng sách Luận Ngữ. Nguyên văn: *"Tử vị Tử Cống viết: 'Nhữ dữ Hồi dã thục du?' Đối viết: 'Hồi dã, văn nhất dĩ tri thập; Tứ dã, văn nhất dĩ tri nhị'. Tử viết: Ngô dữ nhữ phất như dã"* (Khổng Tử hỏi Tử Cống: 'Ngươi với Nhan Hồi ai vượt trội hơn?' Tử Cống thưa: 'Nhan Hồi nghe một biết mười, còn Tứ nghe một chỉ biết được hai'. Khổng Tử bảo: 'Ta với ngươi đều chẳng bằng anh ta'). Tử Cống tên thật là Tứ, họ Đoan Mộc.

[184] Đây là một câu nói trích từ thiên Thuật Nhi sách Luận Ngữ. Cụ Lý Bỉnh Nam giảng: *"Ngung là góc. Giống như cái nhà có bốn góc, đã chỉ ra một góc mà không biết suy luận tương tự để hiểu được ba góc còn lại thì không còn cách nào chỉ dạy người như vậy được nữa".*

kia đã chín, cái nhân ngày nay còn chưa chín, há nên vì con cái lần lượt chết mà bảo là "không có nhân quả!"

Hơn nữa, ông là phàm phu sát đất mong được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, nếu chẳng có cảnh khổ bức bách sẽ rất khó thành tựu cái tâm "ưa tịnh, chán uế" chân thật! Sanh, già, bệnh, chết, yêu thương phải chia lìa, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, mong cầu chẳng được [toại nguyện], Ngũ Ấm lừng lẫy, tám nỗi khổ ấy cùng nung nấu, những ai có chí khí quyết chẳng sanh tâm tham luyến ràng buộc thế giới này!

Nhưng đã làm người trong thế gian, cũng quyết chớ nên vứt bỏ những chuyện mình đáng nên làm, cứ một mực mang quan niệm yếm thế! Chẳng do chuyện này mà tấn đức tu nghiệp, lại ngược ngạo sanh lòng oán hận, tức là cái tâm vẫn còn có ý niệm kiêu căng! Ngay từ chuyện này, đủ thấy rằng ông là kẻ khí lượng hẹp nhỏ, chưa thể gánh vác đạo *"hành xử thuận theo địa vị"* của thánh nhân thế gian, huống là vô thượng đại đạo muốn phổ độ hết thảy chúng sanh cùng sanh về Tây Phương liễu sanh thoát tử ư? Bởi lẽ, kiến thức ấy hoàn toàn là kiến thức của kẻ chưa hề nghe tới đại đạo thế gian xuất thế gian vậy!

Qua tướng trạng lúc chết của cháu Chuẩn, dường như nó sẵn có túc căn. Ông hãy nên vì chuyện này mà hiểu sâu xa rằng "nhân quả quyết chẳng luống uổng!" Nếu ông không biết niệm Phật, làm sao Hiền Chuẩn có được tướng tốt lành [khi lâm chung] ấy? Cũng như chẳng biết: Nếu không có nỗi đau đớn này để đâm một nhát vào cái tâm thương yêu đắm đuối con cái của vợ chồng ông thì làm sao mong thành tựu được cái tâm chán lìa Sa Bà hòng đạt được đại lợi ích quyết định vãng sanh?

63. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư)

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn than thở. Mười mấy năm qua ông hoàn toàn chẳng dụng công nơi tâm địa của chính mình, chỉ gắng gượng chống giữ bề ngoài! Con người sống trong thế gian ai nấy đều có chức phận. Ông trên có cha mẹ, giữa có em trai, bọn họ đã chẳng thể nghe theo ông thì chỉ đành để mặc họ. Chính mình hãy vì cha mẹ, các em… mà niệm Phật siêu độ cho những con vật bị giết nhằm cởi gỡ oán kết cho cha mẹ, các em v.v… Há nên sanh cái tâm sân hận cực lớn ấy? *(Tâm hiếu - để ở chỗ này).* Cái tâm ấy chính là tâm mạnh mẽ nhất để đọa trong ác đạo, độc trùng đấy! Nếu do vậy mà mạng chung, ông chẳng sanh làm rắn độc, thú dữ thì sẽ sanh vào đâu đây? Học Phật phải giải thoát phiền não *(cứ trọn hết lòng mình, chẳng bận tâm người khác có nghe theo*

hay không), ông lại ngược ngạo tăng trưởng phiền não. Thử nghĩ: Nếu ông không được nghe Phật pháp, há có thể nào khác biệt với cõi đời hay chăng? *(Sợ rằng tâm ông còn hiếu sát, ham ăn còn mạnh mẽ hơn họ nữa kia).* Mong từ đây hãy chỉ xét nghĩ tự tâm, đừng màng người khác sai trái.

Đối với kẻ mang tri kiến thông tục, nếu khuyến hóa được thì hãy thiện xảo khuyến hóa. Nếu chẳng thể, hãy nhất tâm niệm Phật; chỉ sanh lòng thương xót bọn họ bất luận họ là kẻ sát sanh hay là sanh mạng bị giết. Lại cần phải sanh lòng vui mừng, cảm thấy may mắn: "Nếu ta không được nghe Phật pháp thì hiện tại sẽ giống như những kẻ giết loài vật để ăn ấy, tương lai sẽ đọa làm loài vật sẽ bị chúng nó giết". Sanh được hai tâm ấy rồi cực lực niệm Phật thì sân hận chẳng sanh, thiện duyên tăng trưởng, trong tương lai ắt có cảnh đại tương ứng, chẳng đến nỗi suốt ngày dùng Phật pháp để kết ác duyên. Hoa Nghiêm Hạnh Nguyện Toàn Kinh *(tức phẩm Hạnh Nguyện trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm)* có câu: *"Bò uống nước thành sữa, rắn uống nước thành nọc độc. Kẻ trí học sẽ liễu sanh tử, kẻ ngu học sẽ vào Nê Lê".* Tôi dứt lời nơi đây!

64. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ năm)

Con người sống trong thế gian, hãy nên trọn hết những nghĩa vụ đáng phải nên trọn. Như lời ông nói thì vẫn cứ muốn xin Quang giám định và soạn lời tựa cho Vân Du Tập Ai Văn Lục. Đúng là ông muốn ép tôi làm nô lệ! Đối với những thói xấu kiêu căng, xa hoa, rỗng tuếch, hời hợt ấy, tuy chúng ta chẳng thể đẩy lùi phong thái suy đồi xấu xa đó được, há nên phụ họa, bắt chước làm theo để lũ hậu sinh ưa phô trương thanh thế giả dối, ghét sự nhàm chán sẽ đua nhau coi đó là cách tối thượng hòng mua danh chuốc dự, chẳng đáng buồn ư? Ông đừng nên làm như vậy! Nếu ông cứ nhất định muốn làm vậy, đừng gởi [sách ấy] đến cho tôi, buộc tôi phải đốt đi! Ông hãy đốt ngay ở chỗ mình để đôi bên khỏi phải nhọc lòng! Ông học Phật đến nỗi có tri kiến kiểu đó thì không học Phật sẽ còn như thế nào? Vợ con ông trơ trọi, khổ sở, không nơi nương tựa, mà vẫn cứ muốn dấy lên cái thói xa xỉ ấy, tức là trên tuyết lại thêm băng, đối với kẻ sống lẫn người chết đều tổn hại vô ích!

Mấy chục năm qua, đối với tiên phụ, tiên mẫu, tiên sư, tiên huynh *(tiên huynh chính là vị thầy dạy chữ cho Quang),* Quang trọn chẳng ghi thuật một chữ nào bởi chẳng muốn hùa theo thói xấu hư trương thanh thế, cũng như chẳng muốn người ta bảo: "Sợ rằng đấy là những lời lẽ tô vẽ, chưa chắc đã là chuyện thật!" Há tôi chịu đề xướng chuyện này cho kẻ

đã quy y [với mình] ư? Thử hỏi người ấy chỉ có thể không thẹn với chức vị của mình mà thôi, chứ rốt cuộc đối với nước nhà, đối với dân tộc có công đức gì đáng cho người khác ca tụng chăng? Hễ phong thái này dấy lên thì những kẻ hèn kém tới mức chẳng chịu đựng được sẽ đều bắt chước làm theo; có thể nói là kẻ bày trò gây tội chẳng phạm tội lỗi gì chăng? Dẫu cho em trai ông muốn làm thì cũng nên khuyên anh ta thôi đi, huống hồ ông còn muốn khuyến khích em trai mình nữa ư? Ông có trang trải được chi phí [ấn loát] ấy hay chăng? Huống chi ông trọn chẳng có tài lực ấy mà lại khuyên bảo em trai hãy làm chuyện ấy ư?

Cư sĩ sống trong chùa miếu, bất quá chỉ là một đạo nhân trông coi miếu mà thôi. Ông bảo người ấy trụ trì pháp đạo thì tiếm lạm cũng lớn lắm đấy! Thế tục gọi vị Tăng sống trong miếu là Trụ Trì, là Đương Gia, kẻ ấy cũng xưng hô như thế, do thuận theo thế tục cho nên chẳng trái nghịch cho lắm! Ông bảo là "trụ trì pháp đạo" tức là ăn nói sai lầm hoàn toàn, đem phàm lạm thánh! Hắn ta có đức gì để trụ trì pháp đạo vậy? Chỉ trông coi miếu mà thôi!

65. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ sáu)

Trước đây, Trí Thanh và Trí Mục có gởi thư đến, cậy tôi xem xét, sửa chữa bài *"Duyên khởi thành lập thư viện"* do họ soạn. Do Quang thấy bài duyên khởi ấy trọn chẳng nêu ra ân đức lợi sanh giúp đời của đức Phật nên viết một bài khác. Vì số chữ quá nhiều, sợ khó thể sử dụng cho thích hợp được, nên lại sao lục bài *"Nêu bày những ý nghĩa ẩn kín qua tác phẩm Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công"*, mượn oai đức, danh vọng của Văn Trung Công để chiết phục những kẻ chấp nhặt hẹp hòi, thiên chấp, tà kiến; đấy cũng là một tấm gương lớn lao để làm lợi người khác vậy!

Tôi chưa từng thấy những bài tán dương các vị tổ sư Liên Tông. Bài tán của ông Đổng rất hay, Quang cũng soạn một bài tán. Tuy chẳng hay bằng bài của ông Đổng, nhưng cũng có thể dùng được. Tịnh Độ Tông khởi đầu từ đức Phổ Hiền, Viễn Công tiếp nối nguồn pháp nơi Chấn Đán (Trung Hoa), lưu truyền rộng rãi khắp trong ngoài nước khiến cho khắp mọi thánh - phàm đều chứng Niết Bàn trong hiện tại. Cuối bộ kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Tây Phương, đấy là lần xướng suất đầu tiên trong giáo pháp của đức Phật Thích Ca vậy *(Tiểu Thừa đoạn sạch Kiến Tư Hoặc liền liễu sanh tử, chứng Chân Đế Niết Bàn. Do vậy, coi liễu sanh tử là chứng Niết Bàn. Trong Đại Thừa thì thành*

Phật mới là Niết Bàn rốt ráo, chẳng thể coi loại Niết Bàn ấy (tức Chân Đế Niết Bàn của Tiểu Thừa) là Niết Bàn rốt ráo của Phật được).

66. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ bảy)

Quang một mực chẳng thích chụp hình, bởi lẽ chụp hình luôn luôn là chuyện hao phí tiền bạc của tín thí, dùng tiền tài hữu dụng để làm chuyện vô ích hoa mỹ rỗng tuếch, người tu hành há nên làm ư? Ông hãy xét kỹ lời tôi, thấu hiểu sâu xa lòng tôi, tuy chưa gặp mặt mà đã gặp nhau bằng tấm lòng, nào còn thiếu sót, áy náy chi? Nếu không, dẫu có cùng ở chung một nhà với Phật mà tâm chẳng vâng theo, như Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa)[185], Thiện Tinh[186] vẫn phải đọa vào địa ngục A Tỳ ngay

[185] Đề Bà Đạt Đa (Devadatta), đôi khi còn phiên âm là Địa Bà Đạt Đa, Đề Bà Đạt Đâu, hoặc gọi tắt là Điều Đạt, dịch nghĩa là Thiên Nhiệt, Thiên Thọ, Thiên Dữ. Ông là con của Hộc Phạn Vương (em trai vua Tịnh Phạn), là anh ruột của A Nan. Từ lúc nhỏ, khi học các kỹ thuật bắn tên, cưỡi ngựa, toán pháp… chung với đức Phật và Nan Đà (em cùng cha khác mẹ của đức Phật, con bà Kiều Đàm Di), ông luôn tỏ ra ganh tỵ, luôn tìm cách vượt trội hai người. Đến khi đức Phật thành đạo, ông xin theo xuất gia, trong suốt hai mươi năm thiện tâm tu hành, siêng ròng không lười nhác, do chưa đắc quả A La Hán bèn ngã lòng, sanh ý niệm ác, muốn học thần thông để được lợi dưỡng. Không được đức Phật chấp thuận, ông tìm đến Thập Lực Ca Diếp xin học thần thông. Ông rất được thái tử A Xà Thế tin tưởng, kính phục. Do vậy, Đề Bà Đạt Đa càng thêm kiêu mạn, liên kết với A Xà Thế tìm cách hãm hại để giành quyền lãnh đạo Tăng đoàn. Vì thế, Đề Bà Đạt Đa bèn dẫn năm trăm đồ chúng tách rời Tăng đoàn, tự xưng là đại sư, chế định năm pháp, dối xưng hành theo năm cách ấy sẽ mau chóng đạt tới Niết Bàn. Ông ta đã phá hòa hợp Tăng, lại xui A Xà Thế giết cha, tính dùng thế lực của tân vương để hại Phật ngõ hầu chính mình sẽ trở thành pháp vương. Ông sai năm trăm người cầm nỏ đá bắn Phật nhưng không thành công. Ông lại đích thân lăn một tảng đá to từ đỉnh núi Kỳ Xà Quật xuống để mưu giết chết Phật, nhưng do thần Kim Tỳ La dùng chày Kim Cang đánh nát hòn đá nên chỉ một mảnh đá nhỏ văng trúng chân Phật, chảy máu. Ông lại sai người đem voi say toan giẫm chết Phật tại thành Vương Xá, nhưng voi vừa trông thấy Phật liền tỉnh rượu, mọp đầu quy y. Trong khi ấy, hai vị Xá Lợi Phất và Mục Liên dùng biện tài khiến cho năm trăm đệ tử của Đề Bà tỉnh ngộ trở về với Phật, A Xà Thế cũng được Phật giáo hóa, tỉnh ngộ, sám hối, quy y. Đề Bà Đạt Đa tức tối, tìm cớ đánh chết tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, nhuốm chất độc vào mười móng tay, giả vờ đến đảnh lễ để cào chân Phật, nhưng chân Phật nghiễm nhiên không bị tổn hại, còn Đề Bà Đạt Đa rụng sạch mười ngón tay. Đất liền nứt ra, đọa thẳng vào địa ngục A Tỳ. Tuy vậy, theo kinh điển Đại Thừa, đây là những nghịch hạnh do Điều Đạt thị hiện để Phật có cơ hội chế giới và hóa độ những kẻ tà kiến, ngũ nghịch, thập ác. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật từng nói rõ nhân duyên: Trong quá khứ, Đề Bà Đạt Đa là tiên nhân biết được pháp Đại Thừa, Phật là một vị quốc vương đã bỏ ngôi vua theo hầu hạ tiên nhân để cầu pháp và học

trong lúc sống, huống hồ những kẻ hời hợt, hờ hững hiện thời ư? Xin hãy tận tụy thực hiện nhằm nêu gương cho học trò và người trong làng nước, đấy chính là điều tôi mong mỏi vậy. Sáng chiều lễ Phật là được rồi, há nên sau khi lễ Phật liền lễ Quang? Lễ Quang rốt cuộc có ích chi đâu? Nếu cứ nói "vì nhớ đến ân chỉ dạy" thì hãy lễ trong khóa lễ sáng tối mồng Một, hôm Rằm, còn thường ngày chẳng cần phải lễ!

Chỉ cần ông có thể nghe theo lời Quang nói thì sẽ là đứa con thật sự của đức Phật, Quang và ông sẽ cùng sanh về Tịnh Độ ngay trong cuộc đời này, là bạn thiết nơi Liên Bang, may mắn vô cùng! Câu đối treo nơi đại điện hãy nên lấy đạo lý trong nhà Phật để soạn thành văn, chứ văn của người ấy và văn của ông đều là những thứ văn chương thù tạc trong khi nhàn rỗi. Nay tôi nghĩ ra một đôi câu đối như sau:

Nguyện trọng, bi thâm, cử tam căn nhi phổ độ,
Chân cùng, Hoặc tận, siêu Thập Địa dĩ độc tôn
(Nguyện nặng, Bi sâu, độ trọn khắp cả ba căn,
Chân cùng, Hoặc hết, độc tôn trỗi hết Thập Địa)

"Tam căn" chỉ khắp lục đạo, tam thừa. *"Chân cùng"* là lý để chứng đã được chứng đến mức cùng cực. *"Hoặc tận"* là Hoặc (phiền não) cần phải đoạn đã đoạn đến hết sạch. *"Thập Địa"* là Thập Địa Bồ Tát, là bậc đã gần thành Phật. *"Duy"* là chỉ một. Dùng chữ *"độc tôn"* thì cảm thấy rõ nghĩa hơn một chút. [Chứ nếu dùng chữ] *"duy tôn"*, chắc kẻ kém chữ nghĩa sẽ không hiểu rõ lắm nên tạm dùng chữ *"độc tôn"*, tuy chữ Độc chẳng đúng luật bằng - trắc cho lắm. Xin hãy châm chước để sử dụng; nhưng loại câu đối này cũng không phải là viết thiếp, đề thơ dùng trong thi cử nên [không tuân thủ luật bằng - trắc chặt chẽ] cũng không quan trọng lắm.

Trong hai ba năm qua, vợ chồng Lâm Hồng Do cùng bị bệnh nặng; ấy là do túc nghiệp chiêu cảm, cố nhiên hãy nên nghiêm túc sám hối. Lại còn phải suy xét hành vi của chính mình, nếu có điều nào chẳng đúng

---

kinh Diệu Pháp Liên Hoa nơi vị tiên nhân ấy. Phật cũng thọ ký Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai.

[186] Thiện Tinh (Sunaksatra), còn được phiên là Tu Na Ha Đa, hoặc Tu Na Sát Đa La, còn dịch là Thiện Túc, là con trai của đức Phật khi Ngài còn là Thái Tử. Sau khi xuất gia, ông đã đoạn được phiền não, đắc Đệ Tứ Thiền Định. Về sau, do thân cận bạn ác, liền bị lui sụt quả giải thoát, khởi tà kiến nhân quả bất định, sanh tâm ác đối với Phật, nên đọa vào Vô Gián địa ngục ngay trong khi còn sống. Do vậy, thường được gọi là Xiển Đề tỳ-kheo. Theo Pháp Hoa Huyền Tán, Phật có ba người con là Thiện Tinh, Ưu Bà Ma Da, và La Hầu La. La Hầu La nhỏ nhất nhưng là con của chánh phi Da Du Đà La nên hầu như người đời chỉ biết đến La Hầu La.

pháp hãy cực lực sám trừ, sửa đổi lỗi cũ, từ nay tu tập, ngõ hầu liền được từ ân gia hộ. Xin hãy đem ý Quang nói với họ.

Phàm những pháp thuộc về ngoại đạo đều là trộm cắp [những câu văn] từ kinh Phật, lời Tổ, rồi thay đầu đổi mặt để soạn thành kinh sách của chính họ. Nước ta kể từ khi Phật pháp được truyền sang phương Đông, chỉ có Sơ Tổ, Nhị Tổ, Tam Tổ, Tứ Tổ, Ngũ Tổ, Lục Tổ được cả cõi đời xưng tụng là Tổ. Pháp tôn của Lục Tổ tên là Đạo Nhất[187], họ ngoài đời là Mã. Do vị Tổ thứ hai mươi bảy ở Tây Thiên (Ấn Độ) có câu sấm ngữ *"mã câu đạp sát thiên hạ"* (con ngựa non đạp chết thiên hạ)[188], đương thời đều gọi Ngài là Mã đại sư. Khi mất rồi, [người đời] đều gọi Ngài là Mã Tổ. Ngoài ra, không một vị nào được gọi thẳng là Tổ. Ngay như Sơ Tổ, Nhị Tổ, Tam Tổ, Tứ Tổ, Ngũ Tổ, Lục Tổ cũng là do người đời sau tôn xưng, chứ chẳng phải là ngay trong đời các Ngài đã được gọi là Tổ.

Trong vòng trời đất, số lượng con người thật đông, túc căn mỗi người mỗi khác. Dẫu được đức Phật giáo hóa, nhưng những kẻ do chủng tánh chẳng lành liền nẩy sanh tà kiến, giống như trời đất lấy hai khí Âm - Dương để hóa sanh vạn vật, tuy khí Âm và Dương là một, nhưng vạn hữu được sanh ra chẳng giống nhau. Thứ ngọt ngào, thứ độc địa đều tùy theo chủng loại. Những kẻ nói "*vì [ngoại đạo lẫn nhà Phật] đều cùng có những lời lẽ nói về niệm Phật nên bảo là giống nhau"* thì có khác gì nói *"do cùng nhận chịu khí Âm - Dương liền bảo là giống hệt như nhau"* ư?

Quê ông không có ai thông hiểu Phật pháp khiến cho những thứ tà thuyết như thế dấy lên mạnh mẽ. Ông đã không có con mắt trí huệ chân chánh, chỉ nên "ngươi là ngươi, ta là ta, ai giữ pháp nấy, ai hành đạo nấy", chẳng gia nhập bè đảng của bọn họ, mà cũng chẳng công kích, phê bình họ sai trái thì dù có sống chung với họ vẫn chẳng có những chuyện tiêm nhiễm, đố kỵ nhau v.v… Hòa quang nhưng không đồng trần chính là phương cách để giữ mình. Nói "hòa quang" không có nghĩa là tu trì theo kiểu của họ mà chỉ là không công kích, không phê bình, mà cũng chẳng khen ngợi! Nếu bị họ xoay chuyển thì sẽ trở thành "đồng trần"; nếu "đồng trần" thì sẽ trở thành tội nhân trong Phật pháp!

---

[187] Ngài Mã Tổ Đạo Nhất đắc pháp nơi Nam Nhạc Hoài Nhượng, được phó chúc nối tiếp đạo mạch của Ngài. Hoài Nhượng lại là đồ đệ của Lục Tổ Huệ Năng nên mới nói *"pháp tôn của Lục Tổ tên là Đạo Nhất"*.

[188] Đây là một câu kệ trong Bích Nham Lục nhắc đến câu sấm ngữ của vị Tổ thứ hai mươi bảy ở Ấn Độ (tức ngài Bát Nhã Đa La) khi dạy tổ Bồ Đề Đạt Ma hãy sang Đông Độ truyền pháp Thiền, tiên đoán về sự nối pháp của Mã Tổ.

Phàm phu tu hành hãy nên phát đại Bồ Đề tâm lợi người, lợi vật. Chuyện lợi người lợi vật chính là điều gì sức mình có thể làm được thì hãy gắng sức làm. Chuyện gì chẳng thể làm được thì ắt phải thường giữ tấm lòng ấy, [như vậy] thì sẽ chẳng trái nghịch với nguyện tâm Đại Thừa vậy!

Căn bệnh nổi bướu của ông chẳng cần phải dùng tơ nhện, chỉ niệm Quán Âm cũng được lành. Do ông hoàn toàn thiếu chánh tín nên lòng luôn rong ruổi theo thuốc men. Những vị vĩ nhân lỗi lạc trong thế gian thường do bị bệnh vặt liền dùng thuốc đến nỗi mất mạng. Bọn họ dốc sức nơi thuốc men, mà cũng chưa chắc đã dùng sai thuốc, chỉ vì túc nghiệp sai khiến nên thành ra như vậy. Phàm với những bệnh cực khó trị, hãy đều nên trị bằng cách niệm Quán Âm. Nếu kiền thành, ắt sẽ có hiệu nghiệm lạ lùng. Sao tâm ông lại sân hận hừng hực đến mức như thế ấy? Đủ biết: Chắc chắn đời trước ông là kẻ có quyền thế lớn lao, cho nên tập khí đã trở thành tánh! Nay hãy nên học tánh khiêm tốn, kiềm chế, luôn biết mình chẳng đúng, chẳng thấy người khác sai trái, lâu ngày chầy tháng sẽ hàm dưỡng thành tánh, tập khí tiêu diệt.

Bàn đến số mạng thì hãy nên lấy thiên Lập Mạng của Viên Liễu Phàm làm gốc, bất luận là ai đều có thể đạt được lợi ích. Lưu tâm nơi ấy thì lợi ích ấy lớn lắm! Nhưng ý nghĩa trong ba thiên Cải Quá (sửa lỗi), Tích Thiện và Khiêm Đức (vun bồi đức khiêm nhường) đều phù hợp với mọi căn cơ để có thể nói với người khác được! So với thầy thuốc cứu sống người, công đức càng lớn hơn!

Nếu ông giữ được cái tâm "gốc chánh, nguồn trong" để làm chuyện vun bồi nhân tài thì sẽ "chẳng giữ địa vị mà thực hiện sự cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp", vui sướng chi bằng, há gây trở ngại gì cho niệm Phật? Sáng tối hãy tùy sức xưng niệm. Ngoài những lúc ấy ra, khi nào chẳng cần phải dùng tới tâm, hễ thuận tiện bèn niệm niệm. Chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, sẽ tự được vãng sanh. Nếu cứ nói "đích thân cày ruộng dễ niệm Phật", tức là chẳng biết lúc phải tự cày ruộng do nhọc nhằn nên quyết chẳng thể niệm được! Ông nghĩ như vậy đều là vì chẳng tự phản tỉnh, mang tình kiến "đứng núi này trông núi nọ", chẳng phải là trí thức thấu hiểu sâu xa tự tâm, thấu hiểu triệt để cõi đời vậy!

Ông chỉ nên "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tin sâu nhân quả, tận lực giữ vẹn luân thường", kiêm dùng tín nguyện để trì danh cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, mà cũng dùng những điều ấy để hóa độ người khác. Dẫu chẳng thể có bản lãnh

lớn lao, vẫn có thể đội trời đạp đất, chẳng thẹn làm người, chẳng thẹn làm thầy vậy!

Ông là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân, làm sao khỏi ngủ, thôi ăn cho được? Chỉ không tham ngủ, chẳng tham ăn, chỉ cốt dưỡng sức, khỏi đói mà thôi! Nếu như ông nói, cậy vào thần chú để thôi ngủ; nếu thật sự trì chú được linh cảm lớn lao chắc sẽ có thể không ngủ. Ngay trong đêm đầu tiên trì chú ông đã không ngủ, tức là tâm thiết tha đến cùng cực, tinh thần đã hơi bị tổn thương, cho nên không ngủ. Nếu để tinh thần bị tổn thương lâu ngày thì sẽ ngủ vùi chẳng tỉnh dậy được! Kẻ sơ tâm thường vì nhất thời tinh tấn quá độ, về sau ngã lòng biếng nhác.

Buông thõng ống quần là tập quán của phương Nam; chứ nếu là người phương Bắc thì cũng không có thói quen ấy, huống là một vị cư sĩ học Phật ư? Vì thế, cư sĩ cũng nên buộc chặt ống quần lại thì mới nên. Những vị chân tu trong Tăng chúng, khi ngủ cũng không tháo [dây buộc] ống quần ra, huống là trong ban ngày ư?

Biết có những điều không thể làm được nhưng vẫn dốc hết khả năng để thực hiện thì chính là tâm hạnh đại từ đại bi của Bồ Tát. Biết có những điều chẳng nên làm nhưng cứ nhất loạt chẳng kiêng giữ thì sẽ trở thành chủng tử địa ngục! Kẻ tà kiến thường đem những điều chẳng thể thực hiện để ngăn trở người khác, bảo: "Con người mỗi một hơi hít vào có vô số trùng nhỏ nhoi bị hút vào bụng, đều là sát sanh, đều là ăn thịt, làm sao ông chẳng sát sanh, chẳng ăn thịt cho được?" Điều ấy thật giống như toàn thân vùi lấp trong hầm xí rồi cũng muốn lôi kẻ khác vào trong ấy. Người ta chẳng chịu nghe theo, bèn nói: "Ngươi chê ta là hôi thối, vậy trên thân ngươi thường có ruồi, muỗi, rận tuôn phân vãi tiểu, mà vẫn chẳng phải là ở trong hầm xí, vẫn chê ta hôi thối ư?" Những loại tri kiến ấy đều thuộc tà kiến, đều phát sanh từ những kẻ thông minh, đáng sợ thay!

Phật pháp coi trọng chuyện lợi người; đạo lợi người nên khởi đầu từ nơi người thân. Nếu chẳng đem đạo này khuyên lơn cha mẹ, anh em, vợ con trước mà lo khuyên người khác tức là bỏ gốc chạy theo ngọn! Cần phải cùng thực hiện, cùng hành cả hai thì mới nên!

Dùng văn tự để khuyên người khác là chuyện cực hay, nhưng cũng phải có phương cách. Như những chữ ông đã viết lúc ban đầu thì đúng là người nghiên cứu dẫu dùng để ghi sổ cũng chẳng chịu dùng. Gần đây tuy chẳng noi theo thói cũ, nhưng lại nói bừa viết loạn thật giống như điên cuồng. Nếu gặp phải bậc cao minh, chắc họ sẽ coi thường ông. Hơn nữa, hãy nên y theo chương trình của phàm phu để tu trì, đừng mong vượt trỗi

người khác thì sẽ có lợi ích thật sự. Nếu không, sau này nhất định sẽ có ngày nổi cơn điên cuồng lớn lao đấy! Do vậy sẽ đâm ra khiến cho kẻ vô tri lui sụt lòng tin! Xin hãy đọc kỹ Văn Sao và các trước thuật Tịnh Độ của cổ đức ngõ hầu trừ khử được tập khí ấy, chẳng đến nỗi bị ma dựa. Nếu không, khó bảo đảm chẳng bị ma dựa. Bịt tai trì chú làm sao bằng dứt vọng trì chú? Bịt tai cũng là lề thói của ma đấy[189].

Nghiệp thông ba đời, phàm phu bèn né tránh chẳng dám đón đầu, còn thánh nhân thị hiện giáng sanh trong thế gian lại lãnh nhận nghiệp giống như trả nợ. Các ngài đã vượt thoát ra ngoài sanh tử, nhưng chẳng ngại thị hiện lãnh nhận túc nghiệp trong đời này giống như người đời hòng dứt cái tâm giết chóc của người đời sau. Ông hiểu như thế, thật có thể nói dùng lòng phàm phu để lầm lạc suy lường thánh nhân, tội lỗi vô lượng. Tuy chẳng thể biết được sở chứng của vị Tăng ấy, nhưng chớ nên chấp chết cứng *"Sư chắc chắn không có nghiệp báo"* đến nỗi người đời chẳng sanh lòng kinh sợ, tận lực trì thánh hiệu!

Do có những vị thị hiện làm kẻ ác gặp khổ liền dứt ác, hoặc do gặp ác báo mà sanh thiện niệm liền tự đổi mới, cho nên những sự tích làm súc sanh, làm ngạ quỷ thật nhiều. Hiện thân ngạ quỷ Diện Nhiên[190] để rộng mở môn tế độ; những khoa nghi Mông Sơn, Diệm Khẩu, Thủy Lục hiện thời đều bắt nguồn từ đây! Những chuyện [Phật, Bồ Tát] hiện thân súc sanh, đến cuối cùng mới hiển lộ Bổn khiến cho những kẻ trong hiện

---

[189] Như vậy là ngay từ thời ấy tà ma ngoại đạo đã áp dụng lối bịt tai trì chú. Hiện thời có một phái tà đạo mạo danh Phật giáo tự xưng tu pháp môn Quán Âm, bịt tai trì thần chú của đạo Sikh để nghe được những âm thanh của tự tánh! Chúng gọi đó là pháp môn Quán Âm, thật chẳng hiểu ý nghĩa "phản văn văn Tự Tánh" như thế nào mà "thánh mẫu" của phái ngoại đạo ấy còn ngông cuồng tuyên bố mình chính là Quán Âm thị hiện, Phật Thích Ca đã lỗi thời. Đáng sợ thay!

[190] Diện Nhiên Đại Sĩ chính là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, đại biểu cho quỷ vương trong nghi Du Già Diệm Khẩu. Theo Phật Thuyết Cứu Diện Nhiên Ngạ Quỷ Đà La Ni Thần Chú Kinh, Diện Nhiên chính là tên của một ngạ quỷ mặt xanh, nanh nhọn hoắt, nét mặt dữ tợn, miệng bốc lửa, lưỡi thè ra cả tấc, nên có tên là Diện Nhiên (vẻ mặt đáng sợ), còn gọi là Diệm Khẩu (miệng bốc lửa), hoặc Tiêu Diện (mặt cháy nám) do ngài Quán Âm biến hóa ra nhằm điểm hóa A Nan. Ngạ quỷ Diện Nhiên báo cho A Nan biết ba ngày sau A Nan sẽ chết, chết rồi sẽ đọa làm ngạ quỷ. A Nan kinh sợ, cầu Phật chỉ dạy phương pháp thoát nạn. Nhân đó, Phật nói phương cách thí thực, hồi hướng cho các ngạ quỷ được thoát khỏi ác đạo. Các khoa nghi Thủy Lục, Diệm Khẩu đều dựa theo những bài thần chú được nói trong bài kinh trên đây thêm vào các nghi thức cúng dường, bố thí, tán thán, hồi hướng trích từ các Mật điển khác. Còn khoa nghi Mông Sơn thì dựa theo ý nghĩa của bài kinh này để thí thực cho các ngạ quỷ, cô hồn hằng ngày.

tại hoặc đời sau đều sẽ do đây mà sanh lòng tin niệm Phật, đoạn ác tu thiện chẳng thể đếm xuể, ông trọn chẳng để mắt tới, nên bảo là có ích gì, chẳng đáng buồn hay sao?

Phật tuy từ bi rộng lớn, nhưng muốn độ chúng sanh đều cần phải chiết phục - nhiếp thọ. Dẫu khinh mạn Phật, hủy báng Phật, Phật thật sự chẳng sanh lòng yêu, ghét, nhưng nếu không chiết phục sẽ không thể khuyên can được! Vì thế, thần hộ pháp ắt phải gieo họa cho kẻ ấy để những ai bắt chước kẻ ấy làm ác đều kinh sợ, lòng từ bi ấy không chi bằng! Lời ông nói chính là lời lẽ chẳng hiểu sự vụ, ăn nói lẫn lộn! *"Hết thảy duy tâm"* quả thật là lời luận tột cùng, nhưng cũng chẳng thể không nêu rõ ý chiết phục, chỉ chuyên nói duy tâm được!

[Nếu ai thấy] cảnh Tây Phương thù thắng rành rành ngay trước mắt, kẻ ấy phải tâm tâm niệm niệm tương ứng với Phật thì mới nên. Nếu không, vừa trông thấy cảnh ấy sẽ ngược ngạo phát sanh ma sự! Ví như thân chưa lành bệnh, chẳng dám hưởng sự vui sướng vì mát mẻ. Nguyện của ngài Liên Trì là nhất tâm niệm Phật[191], cố nhiên là chánh lý; còn như lời ông nói thì chẳng niệm mà được thấy ngay [thánh cảnh Tây Phương] nên trở thành nói nhăng, nói càn! Kẻ mù từ lúc sanh ra chẳng thấy được mặt trời rực rỡ, chim cú ban ngày chẳng thấy được Thái Sơn, chứ nào phải mặt trời rực rỡ chẳng mọc, Thái Sơn chẳng tồn tại, mà do chính kẻ mù, chim cú bị nghiệp ngăn chướng nên chẳng thấy được đấy chứ!

"Trái giác, hợp trần" là nói theo bản thể, chứ không phải là nói về Sự tu (tu hành trên phương diện sự tướng). Bản thể khi chưa tu giống như vàng chưa tách ra khỏi quặng, sợ con người chẳng biết là Phật tánh nên gọi là Giác. Tu rồi bản thể sẽ tỏ lộ giống như vàng tách khỏi quặng, đấy chính là do tu mà hiển tánh, do Thỉ Giác hợp với Bổn Giác vậy! Như vậy thì giống như đã thành vàng ròng, chẳng còn là quặng nữa! Ông chỉ biết nói bừa đạo lý, trọn chẳng chịu suy nghĩ nghĩa lý sâu xa, nhọc công tôi uổng phí biết bao nhiêu bút mực để rồi ông biến thành trò trẻ con đùa bỡn, biết bao giờ mới thôi!

---

[191] Ông Trác Trí Lập do thấy trong bài Tịnh Độ Phát Nguyện Văn của tổ Liên Trì có lời nguyện: *"Nguyện Thiền Quán chi trung, mộng mị chi tế, đắc kiến A Di Đà Phật kim sắc chi thân, đắc lịch A Di Đà Phật bảo nghiêm chi độ, đắc mông A Di Đà Phật cam lộ quán đảnh, quang minh chiếu thân, thủ ma ngã đầu, y phú ngã thể"* (Nguyện trong khi Thiền Quán, hay trong lúc mộng mị được thấy thân sắc vàng của Phật A Di Đà, được dạo qua cõi báu trang nghiêm của Phật A Di Đà, được Phật A Di Đà dùng cam lộ rưới đảnh, quang minh chiếu đến thân, tay Phật xoa đầu con, y Ngài trùm thân con) nên mới hiểu lầm lời nguyện ấy là chuyên cầu thấy được thánh cảnh Tây Phương.

Như Lai sanh ra từ hông phải, sau bảy ngày mẹ Ngài liền mất, sanh lên trời Đao Lợi. Về sau, đức Phật thành Phật, lên cõi trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ, an cư một Hạ (ba tháng) trên cõi trời. Vua Ưu Điền[192] nghĩ nhớ đức Như Lai do vậy mới tạo tượng. Ông đã đọc Văn Sao mà sao không biết [chuyện này]? Còn khi lâm chung thì đức Phật do lòng đại từ bèn thị hiện tướng nằm cát tường[193] giống như người đời. Vì muốn răn nhắc chúng sanh nên cũng làm như kẻ bệnh thân thể chẳng được thoải mái, thảnh thơi, bảo: *"Nay lưng ta đau nhức".* Sau đấy, do sợ phàm phu tưởng là thật, lại bay vọt lên hư không, hiện mấy chục thứ thần biến[194] rồi mới nhập diệt. Đã nhập kim quan, khi Phật Mẫu từ trên trời xuống, lại từ kim quan ngồi dậy, an ủi mẹ. Xong xuôi, vẫn nằm trong quan tài. Đến khi Ca Diếp từ núi Kỳ Xà Quật đến, từ trong quan tài Phật ló hai chân ra, Ca Diếp nâng chân Phật ve vuốt. Những chuyện này hãy xem chi tiết trong phần sau *(tức hai quyển cuối)* kinh Đại Niết Bàn *(bản bốn mươi quyển).* Ngoại đạo hủy báng nói lời như vậy, bọn họ giống như con chó chỉ biết phân thơm, ngược ngạo chửi bới thức ăn ngon là hôi thối! Nếu là chó thì cố nhiên sẽ tin tưởng như vậy chẳng ngờ. Nếu chẳng phải là chó thì [sẽ cảm thấy] bẩn tai, dơ miệng, há nhắc đến những lời ấy hay chăng? Lời lẽ hủy báng của ngoại đạo phần nhiều là như vậy đấy, chỉ có người hiểu lý mới không bị mê hoặc!

Ông đúng là kẻ chẳng thông hiểu sự việc trên đời. Khổng Tử ghét kẻ xướng suất bày trò giết người khác để tuẫn táng nên bảo: *"Kỳ vô hậu hồ!"* (Kẻ ấy không có người nối dõi). Ông lại bảo [sử dụng] mộc ngư (mõ) thì cũng giống như vậy! Ăn nói kiểu đó đúng là trò đùa trẻ nít!

---

[192] Vua Ưu Điền (Udayana) có tên gọi đầy đủ là Ưu Điền Diễn Na Phạt Tha (Udayana-vatsa), dịch nghĩa là Nhật Tử Vương hoặc Xuất Ái Vương, vua nước Kiêu Thưởng Di (Kauśāmbī, còn phiên là Kiều Diễm Di) thời ấy. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm quyển 28 (cũng như Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh, Quán Phật Tam Muội Hải Kinh, Đại Thừa Tạo Tượng Công Đức Kinh), do Phật an cư ba tháng trên cõi trời Đao Lợi để thuyết pháp báo ân mẹ, vua Ưu Điền không thể lễ Phật, sanh lòng ưu sầu, ngã bệnh. Quần thần bèn dùng gỗ Ngưu Đầu Chiên Đàn tạo một bức tượng Phật cao năm thước. Vua nhìn thấy tượng Phật, lòng hoan hỷ liền lành bệnh. Khi đức Phật từ thiên cung giáng hạ đã tán thán và hứa khả bức tượng này.

[193] Tướng nằm Cát Tường còn gọi là Sư Tử Ngọa, tức nằm nghiêng bên hông hữu, tay phải lót dưới mặt, tay trái để xuôi theo thân.

[194] Thần Biến (Vikurvana): Chư Phật, Bồ Tát vì hóa độ chúng sanh liền dùng sức chẳng thể nghĩ bàn siêu việt nhân gian (tức sức thần thông) biến hiện các thứ hình trạng và động tác. Hiểu theo nghĩa hẹp, Thần Biến chính là Thần Túc Thông trong Lục Thông. Hiểu theo nghĩa rộng thì Thần Biến bao gồm thân, ngữ, ý.

Người trong khắp cõi đời đều coi cá là thức ăn ngon; há lẽ nào khi chưa chế ra mộc ngư thì chẳng có chuyện người đời từng ăn cá hay sao? Lối ăn nói ấy vốn chẳng đáng trả lời, bởi nó thuộc kiểu nói giỡn chơi. Nhưng nếu không đáp, ông sẽ tưởng rằng: "Ta có tài ăn nói khiến cho ông sư lòa vô tri vô thức phải cứng lưỡi!"

Đối với câu nói *"tỳ-kheo hành đạo chẳng lạy Đế Thích"*, sao ông lại gạt bỏ hai chữ "tỳ-kheo"? Do tỳ-kheo là đệ tử Phật, lạy [Đế Thích] sẽ không hợp lễ, chứ không phải là người tại gia học Phật đều chẳng được phép lạy! Người tại gia tuy thông hiểu Phật pháp, nhưng tạm thời lễ bái một vị thần chân chánh trong thế gian thì cũng chẳng phải là không được. Nhưng nếu ngày đêm thường lễ bái [thần thánh] giống như lễ Phật thì cũng chớ nên! Đấy chính là như thường nói: *"Kính nhi viễn chi"* (Kính trọng nhưng tránh xa) vậy!

Đối với thuyết "[lễ bái thần thánh thì cũng giống như lễ bái] cha mẹ trong nhiều đời", đấy cũng là cưỡng nói. Cha mẹ trong nhiều đời trọn khắp lục đạo, sao ông không lễ khắp ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn? Do vậy, đức Phật dạy con người kiêng giết phóng sanh là vì [chúng sanh] đã bao kiếp sanh ra lẫn nhau cho nên dạy con người hãy phát khởi cái tâm từ bi để thực hiện chuyện cứu vớt.

Ông chỉ chuyên biết chấp trước tà kiến, coi đó là chánh pháp. "Bờ bên kia" quả thật phải tự lên, nhưng nếu chẳng niệm Phật đến mức "tâm tịnh, cõi nước tịnh", làm sao tự lên được? Ông nghe lý tánh liền muốn phế sự tu. Chỉ có chí thành đến mức cùng cực, tâm tương ứng với Phật thì mới có thể Cam Lộ Quán Đảnh, há nên bảo là do sức tác động từ bên ngoài? Do một khắc công phu mà khiến cho chúng sanh trọn khắp pháp giới đều ngộ thì mới chính là sức tác động từ bên ngoài![195] Khi chính

[195] Do đoạn này hơi khó hiểu nên chúng tôi xin giải thích thô thiển như sau: Ông Trác Trí Lập quan niệm Cam Lộ Quán Đảnh (trong Mật Pháp) chính là dùng nghi lễ Quán Đảnh để mượn sức gia bị của Phật, Bồ Tát khiến cho hành nhân được giác ngộ, chứng nhập. Do vậy, gọi là "ngoại thước" (外鑠: tức sức tác động từ bên ngoài). Tổ Ấn Quang nhấn mạnh để nhận được sức gia bị của Phật, Bồ Tát thì chính tâm mình phải tương ứng với Phật mới cảm ứng đạo giao, cho nên Cam Lộ Quán Đảnh chỉ có tác dụng khi hành nhân đã dụng công tu tập đến mức tâm tương ứng với Phật. Nói cách khác, nếu không có sự nỗ lực tu trì của cá nhân để cảm thì sẽ không tiếp nhận được tha lực, cũng như gương đã phủ bụi thì không thể soi bóng. Do vậy, sự chứng nhập của hành nhân khi được Cam Lộ Quán Đảnh không phải là do tác động một chiều từ bên ngoài, cho nên không thể gọi là "ngoại thước"! Còn nếu như hành nhân chỉ dụng công một khắc mà chúng sanh trong khắp pháp giới đều ngộ thì đối với

mình chưa đạt đến mức tâm tương ứng với Phật thì làm sao được Phật gia bị?

Tiền Âm, Hậu Âm[196] thì có; tuy có nhưng không dùng đến. Trong ba mươi hai tướng của đức Phật, tướng "khổng môn đầy đủ"[197] chính là Hậu Âm. Tướng Mã Âm Tàng chính là Tiền Âm. Mã Âm Tàng[198] nghĩa là giống như bộ phận sinh dục của con ngựa, ẩn kín chẳng lộ ra ngoài. Người sanh về cõi Tây Phương ai nấy đều có đủ ba mươi hai tướng, cứ suy từ tướng Phật mà có[199]. Nhưng ở Tây Phương không có nữ nhân, nghĩ đến đồ ăn liền được đồ ăn, những thứ để ăn đều là thức ăn được biến hóa ra; ăn vào cũng không có cặn bã nên Tiền Âm, Hậu Âm chẳng qua là để giống với người đời mà thôi!

Ông hỏi: "Khi hóa sanh có hiểu biết rõ ràng hay chăng?" thì đủ biết là ông đọc sách Tịnh Độ và Văn Sao đều theo kiểu nuốt trộng quả táo, trọn chẳng quan tâm mùi vị ra sao? Người niệm Phật khi lâm chung biết trước lúc mất, há chẳng thể nhận biết rõ ràng ư? Dẫu chẳng thể kể với người khác nhưng đã được tiếp dẫn bởi lòng Từ của đức Phật thì có lẽ nào lại mơ hồ mờ mịt, như đang nằm mộng nhưng chẳng biết là mộng,

---

chúng sanh trong khắp pháp giới, sự dụng công ấy của hành nhân mới chính là "ngoại thước" vậy!

[196] Tiền Âm và Hậu Âm ở đây là thuật ngữ thường dùng trong y thư cổ của Trung Hoa để chỉ bộ máy sinh dục và bộ phận bài tiết. Nói hạn hẹp, Hậu Âm chỉ bao gồm phần bài tiết như hậu môn và lỗ tiểu. Nếu nói rộng, Hậu Âm bao gồm cả những lỗ hổng trên cơ thể nhằm bài tiết chất thải ra ngoài như miệng, lỗ lệ nơi mắt, lỗ tai, lỗ mũi v.v….

[197] "Khổng môn đầy đủ" có nghĩa là cửu khiếu (hay cửu khổng) đầy đủ. Cửu Khổng còn gọi Cửu Lậu (chín chỗ rò rỉ), Cửu Nhập (chín chỗ để phiền não xâm nhập), Cửu Lưu (chín chỗ để phiền não tuôn chảy), Cửu Sang (chín chỗ bị ghẻ gúm). Các tên gọi này đều nhằm thể hiện ý nghĩa chín nơi này là cửa ngõ để phiền não xâm nhập và phát lộ. Chín nơi ấy chính là hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng, hậu môn và lỗ tiểu tiện.

[198] Mã Âm Tàng (Kośopagata-vasti-guhya) còn gọi là Mã Vương Ẩn Tàng Tướng hay Thế Phong Tạng Mật Tướng, là một trong ba mươi hai tướng đại nhân của Như Lai. Âm là dương vật. Mã Âm Tàng có nghĩa là dương vật ẩn kín trong bụng không lộ ra ngoài nên gọi là Âm Tàng, giống như bộ phận sinh dục của ngựa đực bị ẩn kín không lộ ra. Theo kinh Bảo Nữ Sở Vấn, tướng Mã Âm Tàng là do trong khi tu nhân, chư Phật luôn giữ mình cẩn thận, vĩnh viễn xa lìa sắc dục. Vãng Sanh Yếu Tập, quyển Trung, chép: *"Như Lai âm tàng, phẳng như trăng tròn, có ánh sáng vàng, dường như mặt trời"*

[199] Do A Di Đà Phật có nguyện người sanh về Tây Phương tướng mạo đều giống hệt như Phật. Phật đã có ba mươi hai tướng thì suy ra mọi người trong cõi Cực Lạc đều phải có đủ ba mươi hai tướng.

cũng chẳng biết làm thế nào để tỉnh ư? Ông đúng là biết nói những lời lẽ thiếu đạo lý!

Giận tức học trò, sao lại nổi đóa đến nỗi chẳng thể nguôi được? Chẳng qua là tạm hiện tướng nghiêm khắc cho chúng nó kiêng sợ mà thôi! Nếu nghiêm khắc quá đáng, bất quá [lũ học trò] cũng chỉ kiêng sợ tới mức như thế mà thôi, đâu còn kinh sợ hơn nữa được! Phương cách dạy dỗ là nghiêm nghị, chánh đáng. Mỗi một lời nói, mỗi một hành động đều chẳng cẩu thả, khinh bạc mảy may nào thì học trò sẽ như đến chỗ thầy dạy của nhà vua. Nếu thường ngày trọn chẳng có dáng vẻ nghiêm nghị, trang trọng, lại còn hề hà, hệch hạc với chúng nó thì dù có nổi nóng đến chết uất như thế cũng có ích gì cho chúng nó đâu? Do ông hỏi câu này, tôi biết ông và thầy của ông đều chẳng khéo nêu gương. Nếu không, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi giận tức như thế! Huống hồ còn nói "rộng dung cho học trò tự sửa đổi" và nuông chiều dung dưỡng thói gian trá ư?

Một chú tiểu hết sức khinh bạc, quỷ quyệt, coi hết thảy mọi người đều không ra gì! Do vậy, thầy nó cậy Quang giáo huấn *(thầy nó là bạn rất thân của Quang),* Quang nói rõ nguyên do khiến cho thầy ấy trong lúc đó mặt không còn hạt máu, đã sợ hãi khôn cùng. Về sau đưa nó đến, Quang bèn hòa nhã, bảo nó cặn kẽ: "Đừng trái lệnh ta. Hễ trái nghịch, quyết chẳng dễ dãi dung tha". Tâm nó tuy kinh sợ, nhưng rốt cuộc do chưa từng đích thân thử [nếm mùi xử phạt] nên chưa đầy hai ngày đã phạm quy củ. Lúc Quang sắp đánh, liền nói trước quy củ với nó: "Không được động đậy, không được khóc!" Chưa đánh nó đã né trước. Quang nói: "Đây là lần thứ nhất ta chưa phạt. Còn né nữa sẽ nhất định trừng phạt", rồi mới đánh, [nó đành đứng ngay đơ] giống như cái cây được trồng vậy! Từ đấy trở đi, cả nửa năm sau chưa từng phải nói lớn tiếng một lần nào, huống là phải dùng đến kiểu tức giận không thể nguôi như thế ư? Đấy là chuyện xảy ra trong năm Quang Tự 12 - 1886 *(nhằm mùa Xuân. Đến ngày Rằm tháng Tám, Quang xuống núi, sang núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Từ đấy chưa hề trở lại Trường An, đã ba mươi tám năm rồi).*

Sao ông chuyên môn dùng cách chấp trước chết cứng để bàn luận Phật pháp vậy? Ai bảo ông *"chấp trung vô quyền"* (chấp vào đạo Trung Dung, chẳng biết quyền biến)[200]. *"Chấp trung vô quyền"* còn không nên;

---

[200] Đây là một câu nói trích từ thiên Tận Tâm Thượng của sách Mạnh Tử: *"Chấp trung vô quyền, do chấp nhất dã"* (chấp vào đạo Trung Dung không biết quyền biến thì cũng giống như chấp nhất vậy). Câu này được dịch theo cách diễn giảng trong sách Mạnh Tử Tập Chú của Châu Hy.

thế mà trước hết ông đã dốc sức chấp chặt vào một bên, chưa hề có một chút hơi hướng, dáng vẻ Trung Dung nào hết! Ông thấy Lục Tổ giữ lưới phóng sanh[201] liền cho là Ngài đã phạm giới trộm cắp và nói dối. Đấy chính là kiến thức *"bất sủy kỳ bổn, nhi tế kỳ mạt giả*" (chẳng suy xét tới cái gốc, chỉ lo vun vén cái ngọn) như Mạnh Tử đã nói. Ông thật đáng gọi là một gã hủ Nho, sao mà cũng chẳng biết nặng, nhẹ đến mức ấy?

Hãy nên biết rằng: Phật giáo lấy từ bi làm gốc, người thông đạt coi trọng việc thấu hiểu quyền biến! Như lời ông nói thì cha bắt trộm dê, con khen ngợi, đấy mới là chánh đạo, [em trai] ngồi nhìn chị dâu chết đuối chẳng chịu giơ tay cứu mới là chánh đạo! Đã chẳng thể dựa theo [đạo giữ vững lẽ thường nhưng thông đạt quyền biến] ấy để hành đạo thì ắt sẽ đến mức trèo tường phía Đông nhà hàng xóm để dụ dỗ gái trinh[202]. Vì

---

[201] Theo Pháp Bảo Đàn Kinh, khi bị môn nhân của Thần Tú tranh chấp y bát, sợ bị hãm hại, Tổ phải bỏ trốn về Ngũ Lĩnh, sống lẫn với đám thợ săn để ẩn thân. Khi được giao giữ lưới vây bắt thú, Ngài luôn mở lưới cho thú trốn thoát.

[202] Những câu của Mạnh Tử được tổ Ấn Quang dẫn trong đoạn này đều trích từ thiên Cáo Tử Hạ sách Mạnh Tử: *"Nhậm nhân hữu vấn Ốc Lô Tử viết: Lễ dữ thực, thục trọng? Viết: Lễ trọng. Sắc dữ lễ, thục trọng? Viết: Lễ trọng. Viết: Dĩ lễ thực, tắc ngạ nhi tử, bất dĩ lễ thực, tắc đắc thực, tất dĩ lễ hồ? Thân nghênh, tắc bất đắc thê. Bất thân nghênh, tắc đắc thê, tất thân nghênh hồ? Ốc Lô Tử bất năng đối, minh nhật chi Trâu dĩ cáo Mạnh Tử. Mạnh Tử viết: 'Ư đáp thị dã hà hữu? Bất sủy kỳ bổn nhi tế kỳ mạt, phương thốn chi mộc khả sử cao ư sầm lâu. Kim trọng ư vũ giả, khải vị nhất câu kim dữ nhất dư vũ chi vị tai? Thủ thực chi trọng giả, dữ lễ chi khinh nhi tỷ chi, hề xí thực trọng? Thủ sắc chi trọng, dữ lễ chi khinh giả nhi tỷ chi, hề xí sắc trọng? Vãng ưng chi viết: Chẩn huynh chi tý đoạt chi thực, tắc đắc thực. Bất chẩn, tắc bất đắc thực, tắc tương chẩn chi hồ? Du đông tường gia nhi lâu kỳ xử tử, tắc đắc thê; tắc bất đắc thê, tắc tương lâu chi hồ?* (Nước Nhậm có kẻ hỏi Ốc Lô Tử: 'Giữa lễ và đồ ăn, cái nào trọng? Đáp: 'Lễ trọng'. [Lại hỏi]: 'Giữa sắc và lễ, cái nào trọng?' Đáp: 'Lễ trọng'. [Kẻ ấy] nói: 'Phải hợp lễ mới ăn thì sẽ chết đói. Cứ ăn chẳng cần hợp lễ thì sẽ được ăn, cần gì phải quan tâm đến lễ? Hễ tự đón rước thì chẳng cưới được vợ. Không đích thân đón rước vẫn lấy được vợ, cần gì phải tự đón rước?' Ốc Lô Tử chẳng đáp được, hôm sau sang Trâu Ấp thưa lại với Mạnh Tử. Mạnh Tử nói: 'Đáp câu hỏi ấy có gì là khó? Chẳng suy xét tới cái gốc, chỉ lo vun vén cái ngọn, coi khúc gỗ vừa đúng một tấc lại cao hơn ngôi lầu chót vót. Tuy vàng nặng hơn lông, há có thể nói là một cái móc bằng vàng cũng nặng bằng một chiếc xe chở đầy lông ư? Kẻ so đo coi cái ăn là trọng, coi lễ là khinh, nào chỉ phải thấy thức ăn là trọng? Kẻ so đo coi sắc là trọng, coi lễ là khinh, nào chỉ phải thấy sắc là trọng? Hãy nên đáp lời hắn rằng: Vặn tréo cánh tay của anh mình để đoạt lấy miếng ăn thì có cái để ăn, chẳng vặn tay anh mình sẽ không có cái ăn, thì có nên vặn tréo tay anh mình hay chăng? Trèo tường sang nhà hàng xóm ở phía Đông để dụ dỗ gái trinh của người ta thì sẽ có vợ; chẳng dụ dỗ sẽ không có vợ, há có nên dụ dỗ hay chăng?) Chúng tôi dịch đoạn

sao vậy? Do [quan niệm rằng] chẳng thân cận phi lễ thì đấy cũng là phi lễ, sao lại cứ phải chọn lựa ư?[203] Nói lý như thế, gọi là nói cong vẹo, loạn xạ, Phật chẳng chịu đáp!

Do giữ giới không sát sanh liền đến nỗi chẳng chịu xử phạt [khi học trò phạm lỗi], không trị bệnh, không ăn cơm! Ông đúng là kẻ chấp nhặt chết cứng, nhai bã của cổ nhân, chẳng thể tiêu hóa được! Như thế thì làm sao tự lợi, lợi người được đây? Huống chi ông nói: "Mèo bắt chuột, rắn nuốt ếch. Cứu con này ắt phải giết con kia". Nếu theo như lời ông nói thì hễ kiêng giết, ắt trước hết phải giết sạch những con vật nào sát sanh! Nhưng trong một đời, con người sát sanh để ăn chẳng biết số tới bao nhiêu, cố nhiên phải giết hết sạch con người đi thì mới đạt được cái quả không sát sanh vậy! Đáng thương lắm thay! Có trí thông minh như vậy mà chẳng thông đạo lý đến mức như thế đấy!

Người trì giới hễ gặp người hay gặp thần đều đem luân hồi sanh tử ra khuyên dụ. Dẫu cúng cỗ chay, đãi cơm chay, há thần lẫn người sẽ vì đó mà oán hờn ư? Huống chi ta trì giới của đức Phật, những tà quỷ thần ấy dám oán hờn, giáng họa ư? Nếu thật sự oán hờn thì vị thần ấy có còn là chánh thần, người ấy có còn là con người chánh trực hay không? Nếu hành vi của chính mình chân thật, người lẫn thần sẽ bị cảm hóa, làm sao oán được? Nếu chính mình lén lút ăn, khi kính thần, đãi khách thì làm ra vẻ trì giới. Như thế thì thần ắt giận, người ắt oán bởi kẻ ấy giả dối. Ngụy quân tử sẽ giống như gái làng chơi hễ gặp người ta bèn khoe mình trinh khiết, có ai tin tưởng đâu!

Ông thật là kẻ chẳng hiểu việc đời. Kinh Phật ý nghĩa vô cùng. Dẫu chẳng hiểu rõ ràng, nhưng giống như đặt một vật cực thơm ở trong thân thì thân sẽ tự thơm tho. Ông toan coi hết thảy sách đều cũng giống như thế thì sẽ giống như đem vật hôi thối bỏ trong thân, thân có thơm tho được hay chăng? Kinh Kim Cang dạy: *"Kinh này nghĩa chẳng thể nghĩ*

---

văn này theo cách diễn giải của Tứ Thư Tập Chú (Châu Hy soạn) và Tứ Thư Bạch Thoại Giải (Thường Thục Châu soạn).

[203] Do câu nói này nếu không chú ý sẽ thấy khó hiểu, nên chúng tôi xin giải thích thô thiển như sau: Do ông Trác Trí Lập chấp nhất nên không thông hiểu quyền biến, nghe nói *"nam nữ thọ thọ bất tương thân"* (nam nữ trao nhận đồ vật chẳng đụng chạm vào tay nhau) liền chấp nhặt đến nỗi thấy "chị dâu chết đuối, em chồng không dám cứu", nghe nói con phải nghe lời cha thì tuy cha làm chuyện sai trái như ăn trộm dê, con vẫn tán thành, không can ngăn. Đến khi nghe nói quyền biến thì lại tưởng lầm "quyền biến" là luông tuồng, không cần giữ lễ, không gần gũi những kẻ làm chuyện phi lễ thì mình cũng phi lễ, nên cũng luông tuồng làm bậy theo bọn họ, chẳng cần phải phân biệt đúng, sai, hành xử cho hợp lý theo lẽ thường hay quyền biến nữa!

bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn". Những sách khác bất luận xấu hay tốt, há có nghĩa ấy hay chăng? Phàm đọc sách thế gian, tâm liền tán loạn chẳng tịnh. Phàm xem kinh Phật, tâm liền lắng tịnh. Do nghĩa ấy có thể thấy đức Phật là bậc đại thánh nhân, lời Ngài nói chính là khuôn phép để chuyển phàm thành thánh. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đấy gọi là Hương Quang Trang Nghiêm".* Ông muốn coi hết thảy sách giống như kinh Phật sẽ trở thành kẻ chẳng biết thơm - thối, buồn thay!

Tai ương, hoạn nạn xảy đến cũng là do túc nhân. Nếu có thể quy mạng Phật, Bồ Tát, sẽ tự chuyển dời được. Thoạt đầu ông do lòng Thành hứa nguyện ăn lạt, ấy là một phen dốc lòng Thành vì mọi người. Đến khi khổ cảnh đã qua, tâm lực hơi mệt mỏi liền cảm thấy khốn khó. Người tu hành cố nhiên nên chọn lựa sao cho thích đáng; phô bày hạnh lạ để mê hoặc mọi người chính là điều bị đức Phật răn cấm sâu xa. Hãy nên ăn chay là được rồi, chẳng cần phải tiếp tục không dùng thức ăn để nuốt cho trôi cơm nữa! Chỉ nên thương xót bọn họ vô tri mà thường khuyên dạy ngõ hầu họ gieo thiện căn là được rồi!

Niệm Cao Vương Kinh khá có lợi ích, nhưng kinh ấy không thật sự do đức Phật nói. Người thật sự tin Phật cố nhiên nên y theo những điều đã dạy trong phẩm Phổ Môn mà chú trọng khuyên người khác niệm danh hiệu Quán Thế Âm để cầu Ngài gia bị. Đối với phương pháp uống nước dạy trong kinh Địa Tạng[204], kẻ hờ hững hời hợt sẽ chẳng thể đạt được hiệu quả! Vì thế hãy nên dùng lòng chí thành niệm Phật để làm phương cách tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ.

Trong Đại Bi Chú, không cần phải thêm chữ vào phía dưới câu *"mạ mạ"*[205]. Hễ làm vậy sẽ đâm ra trở thành chướng ngại. Cổ đức trì tụng đều

---

[204] Theo phẩm 12 của kinh Địa Tạng, khi giảng về sự lợi ích do thấy nghe Địa Tạng Bồ Tát, đức Phật đã dạy Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: Nếu có ai ham thích đọc tụng kinh điển Đại Thừa nhưng thiếu tánh ghi nhớ, học trước quên sau, hằng năm hằng tháng vẫn không sao đọc tụng được thì để tiêu trừ nghiệp chướng, hãy dốc hết tấm lòng, cung kính giãi bày sám hối, cúng dường tượng Bồ Tát, lấy một chén nước trong để trước tượng Bồ Tát suốt một ngày đêm rồi chắp tay ngoảnh mặt về phương Nam, uống cạn chén nước. Kiêng Ngũ Tân, rượu thịt, tà dâm, vọng ngữ cho đến mọi sự giết hại trong hai mươi mốt ngày thì sẽ mộng thấy Bồ Tát hiện vô biên thân đến tận chỗ người ấy, làm phép quán đảnh khiến cho người ấy thông minh sáng suốt, nghe qua kinh điển dẫu một lần vẫn không bao giờ quên mất một câu hay một bài kệ.

[205] Theo nguyên bản trong Đại Tạng Kinh, khi đọc đến câu *"Mạ mạ phạt ma ra"* sẽ thêm tên người trì chú vào trước chữ *"phạt ma ra".*

không thêm vào. Tuy trong kinh có chép, nhưng câu ấy không thuộc chú văn, cố nhiên không phải là không thể noi theo khuôn phép không dùng như vậy. [Chữ La (囉)] trong La Đa (囉多) đọc như âm Lạp (拉)[206].

Niệm Phật mà còn nhớ nghĩ kèm thêm danh hiệu của hai vị Bồ Tát, lâu ngày chắc tâm lực sẽ bị tổn thương. Niệm Phật tâm nghĩ nhớ tượng Phật và tượng hai vị Bồ Tát, so ra đỡ tốn tâm lực hơn nhớ danh hiệu. Phàm là người học Phật hãy nên y theo ngôn giáo của đức Phật, há nên tự lập chương trình? Sữa bò lấy từ bò, tuy chẳng thương tổn sanh mạng, nhưng vẫn gây tổn hại cho bò, cố nhiên đừng nên dùng. Dẫu có dùng cũng chẳng mắc lỗi phạm giới!

Cải, ớt, tiêu, gừng chỉ cay chứ không hôi, há nên bảo chúng đều cay hôi giống như hành, hẹ ư? Há chẳng phải là vô sự sanh sự, nói đạo lý loạn xạ ư? Cải, ớt, tiêu, gừng cay chứ không hôi! Tiêu, gừng, cải thì người ăn chay đều nên dùng, còn ớt thì nên ăn ít đi bởi ăn nhiều chẳng có ích gì cho con người cả!

Tâm đã tạo được nghiệp thì tâm sẽ chuyển được nghiệp, nhưng tâm phải cực thành khẩn thì mới có hiệu quả thật sự. Phận làm con phải uyển chuyển nương theo lễ nghi thế gian, đối với những gì cha mẹ quy định thì chớ nên không làm theo. Dâng rượu, hiến đồ mặn [cho cha mẹ] cũng chẳng phải là không được, nhưng trong tâm phải thường sám hối túc nghiệp cho cha mẹ mong họ sẽ hồi tâm. Hễ có dịp bèn thừa cơ dùng lời lẽ mềm mỏng khuyên nhủ, đấy là chân hiếu. Nếu chỉ biết thuận theo lễ nghi thế gian, chẳng phát tâm độ cha mẹ, tức là thấy cha mẹ bị té xuống giếng bèn quăng đá theo để mong cho cha mẹ lập tức mất mạng! Vì thế, hễ cha mẹ không có lòng tin thì hãy uyển chuyển làm theo lễ nghi thế gian, còn cha mẹ có lòng tin thì hãy nên theo đúng pháp để tạo ích lợi cho huệ mạng. Hãy nên làm sao cho thích nghi để đôi đằng đều được lợi ích!

Hãy nói rõ về chuyện bột ngọt có chỗ nào chẳng đúng pháp! Họ có địa chỉ, ông hãy nên gởi thư sang đấy trình bày cặn kẽ, chứ còn bảo tôi nói lại với họ thì chắc là ông cho rằng tôi suốt ngày không hề có một chuyện gì chăng? Tôi có rất nhiều chuyện chưa rảnh rang để lo tới, nào còn có thời gian, sức lực để bàn đến chuyện này! Ông bảo là "người hèn, lời nhẹ", còn người ta vừa cầu được tiếng vừa cầu lợi, há chẳng chịu nghe theo lời nói chánh đáng của ông ư?

---

[206] Tức là chữ 囉 (âm Quan Thoại là Luò) phải đọc thành âm 拉 (âm Quan Thoại là Lá).

Ông lại nên biết rằng: Người ta in ra những tờ hướng dẫn ấy, chẳng biết đã in mấy vạn bản; nếu có sửa đổi thì cũng phải dùng hết những tờ đã in ấy rồi tiếp đó mới dùng bản đã được sửa đổi! Nếu ông thấy tờ hướng dẫn chưa được sửa, liền bảo "họ chẳng nghe lời", tức là chẳng biết sự vụ rồi! Ông thật sự đáng được coi là người có lòng, nhưng tôi chẳng rảnh rỗi để lo tới. Nếu do một lời chẳng được thỏa ý, liền chê là "ôm củi chữa lửa, giúp vua Kiệt[207] làm ác", sao mà chẳng khoan dung quá đáng như thế? Nhưng nếu vứt bỏ chuyện này, mặc kệ cho người khác ăn thuần thịt thì lửa có giảm bớt sức mạnh, Kiệt có trở thành nhân hậu hay chăng?

Vì người chẳng thể ăn chay hoàn toàn mà Phật khai duyên Tam Tịnh Nhục và những ngày Lục Trai, Thập Trai, còn ông một chữ cũng chẳng cho nói mà lại có thể khiến cho hết thảy mọi người đều chẳng tham đắm vị thịt được hay không? Còn như Quang dùng một chuyện đau lòng nhất để khiến cho ai đọc đến trong lòng sẽ hồi hộp bất an, ắt sẽ ăn ít đi cho đến dứt hẳn, ông lại bảo là khơi gợi cơ duyên giết chóc rồi bảo hãy tước bỏ [đoạn văn ấy] đi! Vậy là "giới" của ông nghiêm ngặt hơn giới của Phật nhiều lắm, huống là [quan niệm về giới của] Quang ư? Sao ông chẳng lường nặng - nhẹ đến mức như thế ấy?

Ông gởi thư cho Hoằng Đại Thiện Thư Cục, nhưng chẳng hiểu nguyên do của Hoằng Đại. Nếu biết, sẽ chẳng tốn công vào chuyện ấy, nhưng ý ấy rất có lợi ích. Lá thư ấy nên giữ lại để người in thiện thư đọc, nhưng cũng chớ nên chấp chết cứng. Nếu bỏ hết những loại thuốc có dùng tới những con vật sống [để chế thuốc] thì [các thầy lang chữa bệnh] ngoại khoa sẽ khó thể chữa trị được. Chúng ta giữ tấm lòng lợi vật, hãy đừng ăn nói theo cái kiểu "thúc đẩy đến cùng tận nghĩa lý" ấy thì người ta sẽ nghe theo. Nếu không, đâm ra người ta sẽ đem chuyện thúc đẩy đến cùng tận nghĩa lý để trách móc ông đấy!

---

[207] Kiệt là vua thứ mười bảy đồng thời là vua cuối cùng của vương triều Hạ (vương triều này do vua Đại Vũ, tên thật là Tự Văn Mạng thuộc thị tộc Hạ Hậu sáng lập). Vua Kiệt tên thật là Tự Lý Quý. Do say mê mỹ nhân Muội Hỷ, bỏ mặc chánh sự, tàn sát trung thần. Do vậy, Thương Thang khởi binh chinh phạt, đánh bại Kiệt ở Minh Điều (nay thuộc An Ấp, tỉnh Sơn Tây). Vương triều Hạ bị diệt vong. Kiệt bị đày đi Nam Sào (thuộc tỉnh An Huy). Lúc gần chết có nói: "Ta hối hận trước kia đã không giết Thương Thang tại Hạ Đài; nếu không đâu phải đến nỗi như thế này". Theo một số nhà nghiên cứu, sau khi vương triều Hạ diệt vong, một chi tộc Hậu Hạ đã bỏ Trung Nguyên ra quan ải sống, trở thành tổ tiên của dân Hung Nô.

Con người sống trong thế gian họa - phước dựa dẫm lẫn nhau. Tiêu Sơn[208] do chết dưới tay kẻ quyền gian mà danh được rền khắp vũ trụ. Nếu không mắc cái họa này, hễ được đắc chí, nhất định sẽ diệt Phật thì đối với đất nước, đối với chính mình đều bất lợi lớn lao. Vì sao biết thế? Ông ta làm Điển Sứ tại Địch Đạo[209] vì dân tạo điều lợi, trừ điều tệ, thói tệ mấy trăm năm đều trừ sạch. Niên Phổ của ông ta chép (trong thời gian làm Điển Sứ), [dân chúng] nơi ấy (tức huyện Địch Đạo) thích lễ Phật, thắp hương, ngay cả kẻ làm quan vẫn có người làm như vậy; bởi thế, ông ta bèn nghiêm cấm. Thoạt đầu nại cớ bất tiện, không lâu sau thì ai nấy đều biết ông ta là kẻ "sùng chánh, ghét tăng"[210]. Ông ta làm Điển Sứ tại Địch Đạo chưa đầy một năm mà còn như thế, nếu làm Tể Tướng há chẳng thể không thực hiện chuyện diệt Phật giáo lớn lao ư?

Chuyện diệt Phật nếu thành sẽ có quan hệ lớn lao đối với xã tắc, chứ không phải chết đi sẽ đọa trong địa ngục A Tỳ mà thôi! Thời Gia Tĩnh [triều đình] một mực ưa chuộng Đạo Giáo, ghét Phật giáo. Nếu trọng dụng Tiêu Sơn, đích xác ông ta sẽ vì nước, vì dân, hưng khởi điều lợi, trừ mối tệ, nhưng do đã lậm sâu chất độc của Trình - Châu ắt sẽ coi diệt Phật giáo là công đức bậc nhất rồi dốc chí mạnh mẽ thực hiện vậy!

Tiêu Sơn hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật, nhưng trong Niên Phổ đã chép khi ông ta thọ hình trọn chẳng biết đến đau khổ. Người thiếp của ông ta là bà X… niệm Quán Âm, chắc là được Quán Âm gia bị mà ra,

---

[208] Dương Kế Thịnh (1516-1555), tự Trọng Phương, hiệu Tiêu Sơn, người Dung Thành, tỉnh Hà Bắc, làm quan nhà Minh nhằm thời Gia Tĩnh. Ông tánh tình thẳng thắn, cương nghị, không xu nịnh, làm quan đến chức Thị Lang bộ Binh. Khi quân Thát Đát (Tartar) xâm nhập biên giới cướp phá, Hàm Ninh Hầu Cừu Loan dâng sớ xin triều đình mở chợ buôn bán ngựa với bọn Thát Đát để xoa dịu quân cướp. Kế Thịnh dâng sớ đàn hặc, nhưng gian thần Nghiêm Tung bênh vực Cừu Loan, sàm tấu với vua, nên Kế Thịnh bị giáng chức làm Điển Sứ tại Địch Đạo. Sau đó, ông lại dâng sớ đàn hặc, xin vua tru diệt gian thần Nghiêm Tung, chỉ đích danh Nghiêm Tung phạm năm tội gian, mười đại tội. Nghiêm Tung bèn giả mạo thánh chỉ, tống giam Kế Thịnh vào ngục, phạt đánh một trăm trượng, cắt đứt gân cốt, bêu xác ngoài chợ. Lúc sắp chết, ông ung dung đọc thơ: *"Hạo khí hoàn thái hư, đan tâm chiếu thiên cổ"* (khí thiêng trả lại hư không, tấm lòng son sắt chiếu ngời ngàn năm). Mười hai năm sau, khi Minh Mục Tông lên ngôi, ông mới được minh oan, được phong thụy hiệu là Trung Mẫn.

[209] Địch Đạo là tên cổ của huyện Lâm Thao, tỉnh Cam Túc. Điển Sứ là một chức quan văn khá nhỏ được thiết lập từ đời Nguyên, dưới quyền Huyện Lệnh, chuyên đảm nhiệm việc truy nã, trông coi nhà giam.

[210] Nho gia thường coi đạo Nho là chánh đạo, còn các tôn giáo khác là tà, nên người đề cao độc tôn đạo Nho thường tự xưng là *"sùng chánh"* (tôn sùng điều chánh đáng).

cho nên bị cực hình mà chẳng đau khổ! Đấy cũng là do lương tâm phát hiện. Vợ ông ta cũng chẳng biết Phật pháp, dâng sớ xin chết thay cho chồng, chính mình và hai đứa con đều không nhắc tới niệm Phật một chữ nào! Con người sắp chết, lời nói ắt lành. Nếu dựa trên tâm hạnh của Tiêu Sơn thì lẽ ra ông ta phải rất ghét người thiếp ngu mê thì mới hợp với tâm ông ta vậy! Ông ta đã cảm kích người thiếp niệm Quán Âm, há đâu lại nghiêm cấm dân chúng thắp hương lễ Phật? Đủ biết là tuy ông ta không tin Phật, nhưng đến khi đại nạn xảy tới, trong lương tâm cũng thốt ra lời tin tưởng! Học thuyết khiến con người bị lầm lạc lắm thay! Bởi lẽ, với thiên tư của Tiêu Sơn, nếu nghiên cứu Phật pháp đến mức cùng tận, há lẽ nào chỉ cống hiến cho nước, cho dân, cho thân như thế mà thôi!

Ông đã làm thơ, viết kệ khuyên người sao chẳng dùng chánh vận[211], lại dùng âm vận của đất Mân (Phước Kiến), nhưng vẫn chẳng chịu thay đổi thì gởi cho tôi để làm gì? Hơn nữa, ông lại ghép hai chữ Ấn Quang để làm câu đối, chẳng ngại làm cho thật nhiều là vì muốn gì đây? Ông đem gởi [những câu đối ấy] cho tôi để biểu thị lòng Thành của ông hay là làm trò con nít đùa bỡn vậy? Lấy tên ghép thành câu đối và làm kệ[212] là thói quen của cõi tục trong đời gần đây. Ông hãy nên làm những chuyện chánh đáng theo lẽ thường, chớ đừng không có chuyện gì bèn bới ra chuyện để làm! Há lẽ nào Quang lại vui thích vì được ông tâng bốc như thế ấy?

Tấm lòng lợi người lợi vật của ông quả thật là khó có, nhưng chẳng biết sự vụ. Sợ rằng nếu không nói toạc ra, chắc sau này ông sẽ càng thêm

---

[211] Chánh vận: Âm điệu theo cách phát âm của tiếng Quan Thoại. Do từ thời Minh, phương âm Bắc Kinh đã được triều đình sử dụng làm ngôn ngữ chánh thức để giao thiệp trong toàn quốc, nên tiếng Bắc Kinh được gọi là Quan Thoại, rồi về sau này gọi là tiếng Phổ Thông (Phổ Thông thoại) hoặc Quốc Ngữ.

[212] Tức là lối thơ hay câu đối mà người Việt thường gọi là Khoán Thủ. Chẳng hạn câu đối thì chữ đầu trong vế trên là Ấn, chữ đầu trong vế dưới là Quang (hoặc tên người nào khác mình muốn tâng bốc). Khi làm thơ tứ cú thì chữ đầu của mỗi câu sẽ ghép thành tên người được xưng tụng. Thông thường những bài thơ làm theo kiểu này ít khi nào hay được vì gượng ép và chuyên dùng để tâng bốc! Các đàn cầu cơ của ngoại đạo cũng hay dùng lối thơ này để xưng tên khi giáng đàn cầu cơ. Chẳng hạn trong một buổi xoay cơ tại hải ngoại, một linh quỷ giáng đàn mạo danh Thích Ca Mâu Ni Phật đã cho một bài thơ Khoán Thủ xưng tên như sau**:** *"**BỔN** tánh từ-bi mới trọn lành, **SƯ** đệ phăng tầm rõ trược thanh, **THÍCH**, Đạo cũng là chung một gốc, **CA** tụng đức dày đấng liệt oanh. **MÂU** thuẫn cuộc đời toan cấu xé, **NI** tăng ngộ giác khá học hành, **PHẬT** pháp cổ truyền đường chánh-giác, **GIÁNG** trần miêu tỏa phép luyện phanh"* (sic!)

chấp trước, ắt sẽ đến nỗi không làm người được nữa! Vì thế, Quang xót cho ông do lòng Thành mà chấp trước nên mới nói dài dòng một phen như thế này! Nếu cho là không đúng thì Quang là người đất Tần (Thiểm Tây), ông là người đất Mân, hai nơi cách nhau cả mấy ngàn dặm, mà người cũng chưa từng gặp mặt nhau, ông cứ làm theo chí của ông. Từ nay, chẳng cần phải gởi thư đến nữa để tôi khỏi phải xung đột với ông. Ông hỏi như vậy, tôi đáp như vậy! Nếu có mấy người giống như ông thì tôi sẽ mệt nhọc đến chết mất! Ông đã có Văn Sao, có sách Tịnh Độ, nhưng chẳng bắt chước theo những thứ ấy, cứ hướng về tôi để chọn lấy những lời lẽ ngoài miệng hoặc nơi ngòi bút. Nếu tôi có thể hiện khắp các sắc thân thì cố nhiên không trở ngại gì! Nếu không, chắc là ông chưa được lợi ích mà tôi đã chết trước vì nhọc nhằn rồi! Nếu mai sau vẫn cứ lôi thôi như thế này, tôi sẽ không trả lời nữa đâu!

67. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất)

Chuyện buôn bán hương dễ vun bồi phước nhất mà cũng dễ tạo nghiệp nhất! Chế tạo hương không tinh khiết, ganh đua trang hoàng cho mới lạ: Đem hình tượng Phật, Bồ Tát in trên tờ hướng dẫn cũng như in trên hộp đựng hương. Lại còn đem hình tượng Phật, Bồ Tát gắn vào chính giữa vòng nhang, kẻ vô tri đua nhau mua sắm. Cái tội khinh nhờn kể sao cho xiết? Tờ hướng dẫn, hộp đựng hương bị [người ta dùng xong] tùy tiện vứt đi. Cầu lợi như vậy, tôi sợ là chẳng những con cháu tuyệt diệt mà còn sợ khi kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục A Tỳ bởi đã phát khởi lòng khinh nhờn hình tượng Phật, Bồ Tát cho cả ta lẫn người, khiến cho người kính Phật cũng mắc đại tội, huống là kẻ chẳng có lòng tin ư?

Bốn mặt một hộp hương nhỏ của tiệm hương X… ở Thượng Hải có [in hình] năm mươi mấy vị Phật; năm ngoái Quang trông thấy liền gởi thư cho ông chủ, chưa được trả lời. Trong mùa Xuân, tiệm hương X… nọ ở Hạ Môn cậy một vị cư sĩ xin Quang viết chữ. Do mục lực lẫn tinh thần không đủ, tôi chỉ đề bốn chữ. Họ nói có gởi hương tới theo đường bưu điện. Thư nhận được mấy hôm rồi hương mới được gởi tới. Hương có tới mấy loại nhưng đều chẳng ngửi được! Ấy là vì họ chỉ cốt sao có mùi thơm, chẳng cần biết vật liệu chế tạo hương là sạch hay nhơ. Chớ nên đốt hương Ấn Độ vì họ bỏ thêm chất Xạ[213] vào hương. Chẳng những

[213] Xạ (Musk deer) là một loại hươu nhỏ có mùi thơm, có tên khoa học là Moschus Moschiferus Linnaeus, chủ yếu sống ở vùng Trung Á. Chiều dài từ 80 cm đến một

mùi hương ấy khiến cho người ta ngầy ngật mà sợ rằng còn khiến cho hoa quả, phụ nữ có thai sẽ do vậy mà bị rụng hoa, đọa thai nữa! Những kẻ buôn bán loại hương ấy gây tội nghiệp lớn lao chẳng thể nào kể xiết! Họ vẫn cứ lấy đó làm điều đắc ý! Trước kia, Quang đã nói đại lược những khuyết điểm ấy với tiệm hương X… ở Hạ Môn, chẳng biết họ có chịu nghe theo hay không? Tuy ông muốn theo đuổi nghề buôn bán ấy, sợ rằng hoàn toàn chẳng biết đến thói tệ đó. Dẫu được lợi nhưng sẽ mắc tội xiết bao!

68. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai)

Quả ắt phải có nhân, chớ nên oán trời, trách người. Quân tử hành xử theo đúng địa vị, nếu phú quý sẽ sống theo hoàn cảnh phú quý. Người phú quý có tài lực lẫn thế lực sẽ dùng tài lực và thế lực của chính mình để lợi người, lợi vật. Gặp cảnh nghèo hèn sẽ sống theo cảnh nghèo hèn. Xưa vốn phú quý nay đã nghèo hèn thì cần kiệm, bớt tiêu dùng, giống như từ trước đến giờ vốn là kẻ nghèo hèn. Sống ở nơi Di Địch[214] thì hành xử theo kiểu Di Địch. Nếu gặp nhằm đời loạn, phải bỏ nhà tỵ nạn, ở nơi xa xôi, hoang vu, cũng sẽ sống như người ở nơi hoang vu. Gặp cảnh hoạn nạn bèn xử sự theo cảnh hoạn nạn. Đã gặp phải những chuyện lo buồn, tai nạn thì vẫn chẳng oán hờn, cứ chấp nhận giống như chính mình đáng phải hứng chịu nỗi lo buồn, tai nạn ấy! Do vậy, quân tử không khi nào chẳng vui theo mạng trời, trong lòng thản nhiên.

Ông đã nghèo rồi mà vẫn mong tưởng làm ra vẻ kẻ cả như trước kia ắt sẽ phải lo lắng, mệt nhọc chẳng kham được! Sợ rằng sẽ do vậy mà trở thành bệnh nặng tàn phế, hoặc đến nỗi mất mạng. Đấy chính là vẫn hiềm nỗi khổ do túc nghiệp cảm thành còn quá nhỏ đấy, chính mình chẳng chịu quên bẵng những cảnh tượng xưa kia, oan uổng hứng chịu lo âu, nhọc nhằn, khiến cho nỗi khổ càng thêm lớn lao, chẳng những vô ích mà ngược lại còn bị tổn hại to lớn!

---

mét, cao từ 50 đến 70 cm, nặng trong khoảng 7 đến 17 kg, chân mập và ngắn thích hợp cho việc leo trèo trong địa hình hiểm trở. Chỉ riêng con đực có tuyến tiết ra chất thơm nằm giữa bộ phận sinh dục và rốn, mùi thơm này chủ yếu dùng để thu hút con cái trong mùa giao phối cũng như để đánh dấu lãnh thổ của từng con đực. Mùi thơm này rất nồng, có thể dùng để chế nước hoa và hương liệu (thường gọi là Xạ Hương) nên hươu xạ bị săn bắt tàn nhẫn, gần như tuyệt chủng.

[214] Từ thời cổ người Trung Hoa tự xưng là Hoa Hạ, gọi những dân tộc sống ở ngoài biên cương phía Đông Trung Hoa là Di, còn những dân sống giáp ranh phía Bắc Trung Hoa là Địch.

Hãy thử nghĩ: Người trong thiên hạ những kẻ khổ hơn ta chẳng biết nhiều gấp mấy ngàn lần? Ta may mắn nửa đời người vẫn còn tốt đẹp, nay tuy chẳng tốt đẹp, nhưng vẫn còn hơn những người cuộc sống chẳng tốt đẹp nhiều lắm. Nam nữ trong thế gian làm tôi tớ cho kẻ khác rất nhiều! Chuyện gì cũng phải đích thân làm, đấy chính là bổn phận trong đời người. Dẫu làm tôi tớ cho kẻ khác thì chỉ cần ta chẳng mang bụng dạ xấu, chẳng làm chuyện xấu thì cũng rất có thể diện. Nếu chính mình sử dụng người khác thì cảm thấy rất vinh diệu, còn nếu chính mình phải phục dịch người khác thì lại cảm thấy rất tủi nhục. Đấy chính là suy nghĩ của kẻ trượng phu hèn hạ trong thế gian! Nếu là bậc đại quân tử thì phú quý chẳng dâm dật, tuy nghèo hèn vẫn chẳng thay đổi chí hướng, an vui trong mọi cảnh ngộ, dẫu phú quý vẫn giữ bổn phận của kẻ nghèo hèn; dẫu nghèo hèn vẫn cảm thấy chẳng thiếu sót, áy náy gì!

Ông là người học Phật may mắn có tiền, vẫn cứ lầm lạc muốn được phát tài lớn, bắt chước chế hương Ấn Độ. Loại hương ấy có tội lỗi, Quang trọn chẳng đốt. Điều này cho thấy ông chẳng khéo biết sống trong cảnh giàu. Nay gia cảnh đã nghèo nàn, lại chẳng làm một chuyện gì, cứ lầm lạc mơ tưởng cảnh giàu sang thuở trước, điều này cũng cho thấy ông chẳng khéo biết sống trong cảnh nghèo nàn! Nếu ông quên được cảnh giàu thuở trước lẫn cảnh nghèo sau này, Quang bảo đảm ông nhất định sẽ niệm Phật vãng sanh Tây Phương! Nếu không, sẽ khó khỏi đời sau còn khổ sở hơn đời này nữa đấy!

69. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao

Gã X… đến đất Tần (Thiểm Tây) có quan hệ rất lớn. Nếu hắn ta băng thanh ngọc khiết (trong trắng như băng, sạch như ngọc), noi theo quy củ thì quá nửa người đất Tần sẽ bị đoạn mất thiện căn. May mắn là hắn ta đã bộc lộ toàn thể tham - sân - si, bị người đất Tần miệt thị cho nên không ai chịu tin theo những gì hắn ta nói. Ông gởi thư hỏi những điều hắn chẳng thể biết được nên hắn trọn chẳng thể viết thư trả lời. May là ông gởi thư hỏi, chứ nếu không, hắn sẽ cho rằng đất Tần không có ai! Biết thì không khó, làm được mới là khó! Hắn hoàn toàn tin tưởng Quang, nhưng do hiểu lầm ý nghĩa một lá thư liền trở thành phản đối, đủ biết hắn không có tín tâm chân thật, chưa sanh được nhẫn nhục mà sân hận đã lừng lẫy, chẳng đáng buồn ư?

Quang làm người không có gì là được hay không được! Người đến chẳng cự tuyệt, người đi chẳng đuổi theo. Đến hay đi mặc họ, chẳng can

dự gì đến tôi! Năm nay công việc hết sức bận bịu, không rảnh rỗi để trở về đất Tần. Bởi lẽ, nếu trở về đất Tần thì Đại Sĩ Tụng, Phổ Đà Sơn Chí đều không có người giảo chánh, đối chiếu, lo toan. Huống chi còn có chuyện chùa Pháp Vân ở Nam Kinh lập thêm Viện Mồ Côi, cụ Phùng Mộng, Vương Nhất Đình v.v… đều lôi Quang gia nhập để góp phần náo nhiệt, nhưng may mắn là Quang không có tâm tham. Nếu hơi có tâm tham danh, chắc danh vị "khai sơn đời thứ nhất" của chùa Pháp Vân há chịu nhường cho người khác! Nhưng Quang xem danh vị ấy hệt như tù nhân trong nhà giam, chỉ sợ lỡ bị ràng buộc vào đấy!

Đối với Tướng Tông, ông khá thông hiểu. Nhưng nhờ vào đấy để chiết phục lũ ngông cuồng khiến chúng hồi hướng Tịnh Độ thì được, chứ nếu chuyên nhất dụng tâm nơi ấy, đem tín nguyện niệm Phật vứt ra sau ót, sợ sẽ thường làm chủ nhân trong thế giới Sa Bà đấy nhé! Bởi lẽ, Sa Bà là do chính mình có, cũng rất có tiếng tăm lớn, nhưng bị Sa Bà trói buộc chẳng được tự tại thì chẳng thà không có còn hay hơn! Vị pháp sư X… học vấn khá cao nhưng tánh tình lại ham cao chuộng xa, chẳng biết tùy thuận kẻ sơ cơ thì người nghe do không lãnh hội được [ý nghĩa lời vị pháp sư ấy dạy] nên lợi ích sẽ nhỏ nhoi lắm!

Văn Sao đã in ra sách. Nghe nói chín trăm bộ của Hùng Đại Minh đã gởi đi hết rồi *(gởi cho một người bạn ở Hà Nam năm trăm bộ, gởi sang Thiểm Tây bốn trăm bộ)*; chẳng biết họ đã nhận được hay chưa? Ông ta có hai ngàn bộ sách, Quang tính khi nào bình yên hơn một chút sẽ gởi hết số sách của ông ta sang Thiểm Tây. Một là để việc pháp thí của Đại Minh được rộng khắp, hai là nhằm tỏ bày tình cảm của Ấn Quang đối với quê hương. Nếu ai muốn xem, hãy nên hỏi từ chỗ Đại Minh, sợ rằng trong nhất thời sẽ khó gởi đến được!

Quang chẳng thể can dự vào quy ước ở Chung Nam, bởi lẽ con người hiện thời bất luận chuyện gì cũng đều chỉ coi như một trang quy ước sáo rỗng. Nếu có thể tuân theo được một nửa thì đã là muôn phần may mắn rồi! Cố nhiên Quang biết thói tệ hại chẳng dễ trừ sạch nên trọn chẳng can dự vào. Trung Hoa Tân Báo đã muốn đăng kèm thêm Phật học, phàm những truyện tiểu thuyết khơi dâm, gợi dối, lẽ ra đừng đăng tải thì quốc dân mới được hưởng ích lợi thật sự! Nếu như chỉ mong thích hợp với thị hiếu của hạng hạ lưu trong xã hội thì tăng thêm một phần báo cố nhiên chẳng bằng giảm đi một phần báo vậy!

Người dân đất Tần chờ đợi được cứu trợ hết sức tha thiết, [dẫu tiền cứu trợ đến] mấy chục vạn vẫn trọn chẳng thể tạo ân huệ thật sự. Dẫu cho mọi người đóng góp đôi chút được bao nhiêu đó, há có thể bảo đảm

[những kẻ lo liệu phát chẩn] ai nấy đều phát xuất từ tấm lòng lo cho việc công, chẳng dính dáng thói tệ hay chăng? Ấy chính là do định nghiệp của người dân đất Tần xui khiến, cũng chẳng đáng buồn sao?

Quang cũng là dân đất Tần, nghe tình trạng thê thảm ấy chẳng thể không đau thương, nay đem món tiền một trăm đồng vốn dùng để lưu thông Văn Sao góp vào chi phí cứu trợ. Xin hãy đem thư này đến chùa Thái Bình ở bến Trần Gia trong thành để nhận tiền từ đại hòa thượng Chân Đạt. Lời tựa cho Trung Hoa Tân Báo sẽ gởi tới trong tuần lễ đầu tiên của tháng Ba. Hiện thời do phải giảo duyệt Văn Sao nên trọn chẳng có lúc nào rảnh rỗi cả! [Bản in thử của] Văn Sao gởi đến đã hai mươi mấy ngày rồi, nhưng gặp phải kỳ dâng hương công chuyện rất bận bịu nên phải để chậm trễ đến hôm nay!

Đối với lời đề từ cho tập sách kỷ niệm lệnh từ[215] thì đã có các bậc danh nhân viết rồi, Quang lại đi theo một đường riêng, lời lẽ dường như phù phiếm, nhưng ý khá thiết tha, chân thật, chẳng biết có dùng được hay không. Nếu chẳng muốn dùng thì cũng không trở ngại gì! Quang thấy con người hiện thời đối với chuyện phụng sự cha mẹ đều nói xuông là đã kể như xong chuyện, chứ thật khó tìm được kẻ nào gắng sức tu trì. Thuở trước, những hành vi của ông đều phạm phải lỗi lầm to lớn, nay hãy nên gắng hết sức tu trì thật sự hòng bù đắp. Nếu chỉ chuộng những lời lẽ bóng bẩy, rỗng tuếch nhằm sướng tai khoái mắt người khác, đâm ra người ta sẽ chê trách lỗi cũ rồi trách tội. Dẫu có lừa được người khác, há có lừa được tự tâm hay chăng? Chẳng thể lừa tự tâm được, vì thế thiên, địa, quỷ thần đều chẳng thể lừa, huống là Phật, Bồ Tát ư? Vì tự tâm dung nhiếp với Phật, Bồ Tát, thiên, địa, quỷ thần vậy! Từ nay, chuyện gì cũng nên cầu chân thật, tâm tâm tự phản tỉnh thì lòng sẽ ngay thẳng vì đạo, hợp với Như Lai, sẽ tự có thể cảm ứng đạo giao, sống được [Phật, Bồ Tát] gia bị, mất được Ngài tiếp dẫn vậy.

70. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Những lời Quang nói phần lớn giống như [lời lẽ của] kẻ bộ hành teo chân. Nếu khách đi đường chẳng vì kẻ [teo chân] ấy không đi được mà chê bỏ thì chẳng ngại

[215] Đây chính là bài "Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Khang Mẫu Vãng Sanh Kỷ Niệm San" trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, phần Tạp Trước.

gì theo con đường do kẻ không thể đi được một bước ấy đã chỉ dẫn để được về ngồi yên trong nhà.

Trong đời trước, lệnh từ đã có nhân duyên lớn với Tịnh Độ, hãy nên đem sự lý chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ để khuyên nhủ ngõ hầu cụ biến hết công đức làm việc từ thiện lẫn công đức tụng kinh thành tư lương vãng sanh, quyết định giã biệt dòng phàm, cao dự thánh hội. Há có sự tôn kính, hiếu thảo với cha mẹ trong cõi đời nào hơn được chuyện này? Thành tựu một người vãng sanh tức là thành tựu một phàm phu làm Phật, há chẳng dốc hết sức khuyên nhủ đấng sanh ra ta để họ ắt được thỏa sở nguyện ư?

Người bạn họ Từ bẩm tánh thuần hậu, thành khẩn, tiếc là chưa hiểu rõ về mặt Lý nên dùng tri kiến của phàm phu để lầm lạc suy lường trí Phật. Ông ta nói được kim đan, đắc thần thông, thấy mẹ [cũng được sanh vào cõi] trời [hay trong cõi] người thì mới chịu cùng với mẹ sanh về Tây Phương! Trong thời khắc ấy, nếu chỉ riêng mình ông ta được vãng sanh thì trong tâm sẽ chẳng thể cam lòng! Ý ấy tuy tốt lành, nhưng xét về mặt Sự lại chẳng khác gì chính mình đang chìm dưới giếng lại toan cứu người cho mấy! Một là vì ít xem kinh luận Tịnh Độ, hai là chưa qua lại với tri thức Tịnh Độ, cho nên mới có ý kiến ngu muội không thông suốt như thế!

Phàm những bậc danh nhân tăng - tục xưa nay đã dùng tụng kinh niệm Phật để cứu vớt [vong linh] những kẻ cô quạnh kể sao cho xiết! Chưa chắc ông Từ chẳng hề nghe chuyện ấy. Trong trang năm mươi tám, năm mươi chín của quyển bốn sách Lạc Bang Văn Loại[216] có đến hai lượt chép chuyện "lâm chung thỉnh Tăng niệm Phật liền được vãng sanh". Điều này khiến cho các vị đại lão trong nhà Thiền phát tâm niệm Phật. Đủ biết lòng Từ rộng lớn của đức Phật, hễ có nguyện ắt Ngài sẽ thuận theo. Vì thế chẳng cần biết là đã tu lâu hay mới tu, Phật đều bình đẳng rủ lòng nhiếp thọ.

Kẻ vãng sanh Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Quán Kinh chính là kẻ trọn đủ Ngũ Nghịch, Thập Ác. Khi lâm chung, tướng địa ngục đã hiện, nhưng gặp được thiện tri thức dạy niệm danh hiệu Phật, kẻ ấy bèn niệm mười

---

[216] Lạc Bang Văn Loại gồm năm quyển do Tông Hiểu (1151-1214) soạn xong vào năm Khánh Nguyên thứ sáu (1200) dưới thời Nam Tống. Sách này tổng hợp những đoạn văn trọng yếu từ các kinh luận Tịnh Độ, trước tác, thi kệ, truyện ký v.v… của các vị Tổ, có đến hơn hai trăm hai mươi thiên. Về sau, Tông Hiểu lại soạn tiếp bộ Tục Lạc Bang Di Cảo (hai quyển) để chép tiếp về những kinh sách chưa được nhắc tới trong bộ Lạc Bang Văn Loại.

tiếng hoặc mấy tiếng rồi liền mạng chung nhưng vẫn được vãng sanh. Nay đã sẵn cái tâm thuần hiếu, kính trọng, ngưỡng mộ cha mẹ, nếu có thể phát hoằng thệ nguyện xưng niệm danh hiệu Phật *(Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, ắt phải thề khắp vì chúng sanh trong pháp giới. Nếu chẳng phát cái tâm ấy thì chính là tình kiến phàm phu, chẳng dễ gì cảm thông được).* Dùng công đức ấy để tiêu trừ tội nghiệp tăng trưởng phước huệ cho cha mẹ, cầu Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, nào cần phải đợi mẹ cùng sanh, hoặc cứ phải đợi mẹ vãng sanh trước rồi ông ta mới vãng sanh sau?

Cần biết rằng: Lợi ích của pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột. Ông Từ là hạng người nào? Chắc là không hiểu biết nên mới nẩy sanh ý kiến ngu muội chẳng hợp tình ấy, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Hãy nên bảo ông ta đọc kỹ đoạn này trong Lạc Bang Văn Loại, lại còn bảo ông ta xem các sách như Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v… thì những suy đoán lầm lạc, mù quáng sẽ bị tiêu diệt hết sạch! Khi niệm Phật chẳng có mảy may cảm ứng nào là vì chẳng biết Phật lực, tâm chẳng khẩn thiết. Chẳng biết tới Phật lực là do chưa nghiên cứu sâu xa các kinh luận Tịnh Độ mà ra!

Niệm Quán Thế Âm tự cảm thấy khẩn thiết là do quen nghe nói Bồ Tát tầm thanh cứu khổ. Các hạ bảo ông ta có nghiệp từ đời trước thì nói như vậy cũng khá đích xác. Đối với pháp môn Tịnh Độ, nếu ông ta không bị nghiệp chướng đời trước ngăn trở thì vừa nghe sẽ liền hành ngay, đâu phải đợi người khác khuyên nhắc đôi ba lượt mà vẫn cứ coi pháp môn này như chuyện ngoài da, coi luyện đan là chủ thể ư? Nhưng nghiệp do tâm tạo, nghiệp sẽ chuyển theo tâm. Đại trượng phu sống trong thế gian há bỏ mặc cho nghiệp ràng buộc, mỗi mỗi phải nghe theo mệnh lệnh của nó ư? Nếu ông Từ là kẻ như thế thì vừa nghe lời này ắt sẽ như thấy mẹ té vào lửa, nước, sẽ gấp rút cầu vị có đại thế lực là A Di Đà Phật cứu giúp. Há lẽ nào lại chịu thong dong luyện đan, đợi đến khi thành tựu, đầy đủ thần thông rồi mới cầu A Di Đà Phật tiếp dẫn hay chăng?

Pháp Niệm Phật thông trên thấu dưới, chứ không phải pháp này chỉ thích hợp cho kẻ hạ căn! Kẻ hạ căn chẳng thể tu pháp khác được; chứ đối với pháp này, cố nhiên không một ai chẳng thể tu được; do vậy, pháp này là pháp môn phổ độ từ bi lớn nhất của đức Như Lai. Nhiếp tâm niệm Phật chắc chắn chẳng phải là phương cách dễ dàng, nhưng pháp nhiếp tâm chỉ có xoay cái Nghe trở lại quả thật là bậc nhất! Các hạ thiên tư thông minh, mẫn tiệp, chẳng lấy Thiền, Giáo để tự cao, lại chuyên tâm

niệm Phật; đủ thấy trong đời trước đã có đại nhân duyên đối với pháp môn này. Chẳng những các hạ sẽ được lợi ích thật sự ngay trong đời này mà còn khiến cho lệnh từ lẫn quyến thuộc cả nhà đều được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này; đáng gọi là *"Ưu Đàm vượt ngoài kiếp*[217]*, hoa sen trong lửa đỏ"*, khôn ngăn khâm phục!

Các hạ nói tập khí quá mạnh, Quang chẳng biết là các hạ nói đến thứ nào? Ăn uống, nam nữ là những thứ ham muốn lớn lao con người thường có! Các hạ đã ăn chay trường, dứt ăn mặn, quyết chẳng đến nỗi vướng mắc tập khí ăn uống. Đối với nữ sắc, chắc cũng chẳng đến nỗi dính dấp những chuyện trái lẽ. Nếu dục tâm chẳng thể chế ngự được ngay, chỉ nên thường quán Bất Tịnh thì dục tâm sẽ tự tiêu.

Bất Tịnh Quán danh tướng thật nhiều, quán cặn kẽ từng thứ một chính là công phu của kẻ chuyên tu pháp quán tưởng này. Chúng ta chẳng chuyên thực hiện công phu ấy thì cứ quán sơ sài cho đỡ tốn sức. Chẳng hạn như khi thấy sắc đẹp, do yêu mến liền nẩy sanh lòng dục thì đối với sắc đẹp gợi lòng yêu mến ấy liền quán chẳng qua là ta bị vẻ tươi đẹp của một lớp da mỏng gạt gẫm. Thử bóc lớp da mỏng tươi đẹp ấy đi, dẫu tâm yêu thương nồng nàn đến mấy cũng sẽ chuyển thành hoảng sợ, chán ghét. Cái tâm yêu thương trước kia trọn chẳng còn tơ hào gì nữa! Tiến hơn bước nữa là quán những thứ như máu, thịt, phân, tiểu v.v… trọn chẳng khác gì tử thi, nhà xí, tuy đầy đủ trang nghiêm, nhưng nhìn thẳng xuống phía dưới đáy [sẽ thấy rất kinh tởm]. Quán được như thế sẽ chẳng thấy lớp da mỏng tươi đẹp nữa, chỉ thấy trong ngoài trọn đủ ba mươi sáu món vật bất tịnh! Cổ nhân nói: *"Quán Không lâu ngày, chẳng*

---

[217] Ưu Đàm, gọi đủ là Ưu Đàm Bát La Hoa (Udumbara), đôi khi còn được phiên là Ô Đàm Bát La, Uất Đàm, hoặc Đàm Hoa. Dịch nghĩa là Linh Thụy Hoa, Không Khởi Hoa, Khởi Không Hoa. Theo Phật Quang Từ Điển, Ưu Đàm Hoa vốn là hoa của một loại cây thuộc họ Sung, có tên khoa học là Ficus Glomerata, thường thấy mọc ở ven Hy Mã Lạp Sơn, hoặc cao nguyên Deccan. Cây có hai loại hoa đực và cái riêng biệt, mỗi khi hoa nở cánh hoa xòe to bằng bàn tay, mỗi lần trổ hoa là trổ cả chùm gồm mười mấy đóa, rất hiếm khi thấy; vì thế người ta thường nói: *"Cả ngàn năm Ưu Đàm mới trổ hoa một lần!"* Tuy vậy, sách Huệ Lâm Âm Nghĩa cho rằng hoa Ưu Đàm được nói trong kinh là một loại hoa cõi trời, trong nhân gian không có. Khi đức Như Lai giáng sanh, hoa Ưu Đàm mới nở. Xét ra, hiểu theo cách giải thích của Huệ Lâm Âm Nghĩa hợp lý hơn, chứ nếu hiểu Ưu Đàm giống hoa cây Sung như vừa mới nói thì hoa Ưu Đàm cũng đâu có gì đặc biệt cho lắm để sánh ví với sự ra đời của đức Phật. *"Ưu Đàm vượt ngoài kiếp"* có nghĩa là hiếm hoi, phải mất một thời gian nhiều hơn một kiếp mới lại được thấy hoa Đàm.

thấy trọn người". Quang bảo: "*Quán được như thế thì sẽ chẳng thấy người, chỉ thấy những món bất tịnh ấy mà thôi!"*

Nếu tập khí sân hận quá mạnh, hãy nên thường giữ tấm lòng nghĩ thương hết thảy. Phàm gặp chuyện chẳng vừa ý, thảy đều thông cảm cho người khác, vun bồi sâu xa lòng Từ của chính mình thì oán hờn chẳng khởi, nhân ái thường hiện hữu, tập khí sân hận sẽ biến mất chẳng còn nữa. Đấy là những tập khí lớn lao của người đời, những tập khí lớn đã chế phục được thì những tập khí nhỏ cũng chẳng có cách nào sanh khởi được! Nhất tâm niệm Phật thì trời trong đất yên, trọn chẳng có hơi hướng bụi bặm gì! Bài thơ đẹp đẽ của ông thanh vận réo rắt, tiếc là đem phàm lạm thánh đến nỗi chẳng phù hợp với đề tài. Bốn mươi năm qua Quang đã đoạn tuyệt chuyện này *(nhằm dứt thói tệ trong tâm thường cân nhắc chọn lựa từ ngữ vậy).* Vì thế chẳng thể họa được!

71. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư và tác phẩm Truyền Tâm Vựng Lục của lệnh từ, đọc xong khôn ngăn cảm thán chẳng ngơi! Quang thường nói vùi lấp, loạn lạc là do trong gia đình thiếu giáo dục mà ra. Dạy con cố nhiên là chuyện khẩn yếu nhưng dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn. Bởi lẽ, nếu con gái được khéo dạy thì sẽ thành tựu Tứ Đức (Công, Dung, Ngôn, Hạnh), giúp chồng dạy con, ngõ hầu đứa con nào có thiên tư sẽ thành tựu học vấn, phẩm cách của bậc thánh hiền, ngay cả những đứa không có thiên tư ắt cũng làm một người dân lành giữ trọn bổn phận.

Nếu con gái không được dạy dỗ, chẳng những nó không thể giúp chồng dạy con mà còn đối với nghĩa, đối với đạo sẽ dạy con làm điều sai trái, dạy con làm ác. Phàm những tên đại gian đại ác xưa nay đều chẳng phải do mẹ hiền sanh ra! Muốn gia đình hưng thịnh, đất nước bình trị thì phải khởi đầu từ nuôi dạy con cái. Đấy là đạo để giải quyết vấn đề từ căn bản.

Trong mùa Xuân, tôi thấy các hạ xuất thân từ nơi phú quý, tuy còn trẻ mà đã già dặn, dẫu sống ở Thượng Hải mà chí hâm mộ chân tu, nghĩ rằng sự giáo dục trong gia đình [các hạ] ắt phải vượt trỗi những nhà phú quý tầm thường. Nay thấy sự thuần hiếu, tiết tháo khắc khổ của lệnh từ thì há có phải riêng gì các hạ là người được chuyển biến do thân cận ánh sáng tốt lành ấy mà ngay cả ngàn trăm năm sau, những ai thấy nghe đức đẹp, khuôn mẫu tốt lành của cụ cũng sẽ chuyển biến. Tiếc cho những kẻ bàn bạc, tìm tòi lẽ trị an trong cõi đời cứ vứt bỏ đạo của thánh hiền để

tôn sùng pháp của kẻ man di, chẳng biết đến cái gốc, làm sao chữa được cái ngọn, đến nỗi càng muốn trị càng loạn thêm! Dẫu thánh hiền xuất thế cũng rốt cuộc chẳng biết làm sao được! Vẫn mong các hạ nói với những người cùng hàng về những điều này thì những điều này cũng chưa hề chẳng giúp cho việc "vun vén cái gốc, đặt nặng luân thường, tề gia, trị quốc" vậy! Lệnh từ đã trọn vẹn đức hạnh của phái nữ, điều thiếu sót là chưa được nghe biết pháp môn Tịnh Độ mà thôi! Xin các hạ trong lúc hồi hướng sáng tối, hãy thay cụ hồi hướng cho cụ được vãng sanh thì sẽ đáng gọi là "hiếu thảo lớn lao, tôn kính cha mẹ" vậy!

Sách chú giải kinh Pháp Hoa có mấy loại được lưu truyền, nhưng trong những sách giảng về những nghĩa quan trọng thì nên lấy Pháp Hoa Hội Nghĩa làm đầu, còn giải thích kinh văn thì sách Pháp Hoa Chỉ Chưởng giảng cặn kẽ nhất. Ba bộ Hội Nghĩa, Khoa Chú, Nhập Sớ đều noi theo bộ Pháp Hoa Văn Cú [để giảng giải], nhưng những chỗ nêu tỏ của đại sư Ngẫu Ích vượt xa các vị sư khác. Nếu muốn được lợi ích thật sự, hãy nên lấy những lời Quang đã nói trong lần trước làm điều chủ yếu [để tuân hành].

Lệnh từ đã khuất, khó thể khuyến khích cụ tu Tịnh nghiệp được, chỉ có thể thay mặt hồi hướng cho cụ. Mẹ ruột ông[218] đã có tín tâm há chẳng nên thường giảng bàn hằng ngày để mong cho cụ sẽ được cao đăng phẩm sen hay sao? Làm con báo đáp cha mẹ hay độ sanh đều phải coi cách này là bậc nhất. Xin ông hãy gắng sức thì may mắn lắm thay!

72. Thư trả lời hòa thượng Nhữ Ngu

Nhận được thư từ mấy hôm trước, biết Sư đã tu bổ tháp của Trí Giả đại sư, sai Quang soạn bài ký[219]. Quang chữ nghĩa vụng về, chất phác, gom góp được hơn tám trăm sáu mươi chữ, thật ra là sao lục từ các ghi chép, chứ không phải do tôi soạn ra. Vì thế gọi là Thuật. Cao Tăng Truyện, Thích Thị Kê Cổ Lược đều chép sai là Ngài thọ sáu mươi bảy tuổi. Vì thế, niên hiệu hoàng đế, năm, tháng lúc Ngài sanh ra, xuất gia, vào núi Thiên Thai, cho đến khi viên tịch, mỗi mỗi đều chép lại đầy đủ

[218] Lệnh Từ được nhắc tới trong đoạn trên là mẹ đích (miền Bắc thường hay gọi là "mẹ già"), tức vợ cả của cha. Còn mẹ ruột ông Lưu Quán Thiện là vợ lẽ, nên tổ Ấn Quang gọi mẹ ruột ông Lưu là "lệnh bổn sanh từ" (mẹ ruột).

[219] Đây *chính "Bài ký về chuyện chùa Thạch Thành ở Tân Xương trùng tu tháp thờ y bát của Trí Giả đại sư"* trong phần Bi Ký thuộc quyển 3 sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên.

để làm chứng cứ hầu dứt trừ lòng nghi. Đại sư hoằng pháp mấy chục năm, làm sao thuật trọn cho được? Vì thế chỉ lược thuật những nghĩa trọng yếu như Ngài phán giáo, truyền tâm và hoằng dương Tịnh Độ mà thôi.

Hãy nên thỉnh người viết chữ đẹp chép lại [bài ký ấy] theo lối chữ Khải, chớ nên dùng những lối chữ Tục Thể, Phá Thể, Thiếp Thể v.v… để tỏ rõ sự trịnh trọng. Trước hết cần phải tính đếm bao nhiêu chữ, chép thành một bản mẫu, mỗi mặt bao nhiêu hàng, mỗi hàng bao nhiêu chữ, chiếu theo cách đó để viết thì sẽ chẳng đến nỗi viết nhiều hơn hay viết ít đi. Chép xong xuôi, lại phải kiểm kỹ mấy lượt rồi mới cho dán vào đá để khắc. Nếu lỡ viết sai, dẫu nhiều hay ít, cũng không cần viết lại bản khác, chỉ xóa giặm chữ sai, còn những chữ khác cứ giữ nguyên. Đây là chữ để khắc trên đá chứ không phải để viết trên bình phong hay câu đối mà sợ giặm xóa sẽ không đẹp mắt. Viết bản mẫu hay viết trên đá đều theo lối "cứ viết một hàng liền kiểm một hàng" ngõ hầu chẳng đến nỗi bị sai sót quá nhiều.

Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, từ nay đừng sai bảo viết lách nữa. "*Nối tiếp tông phái…"* cả ba mươi hai chữ là ước trên pháp môn Tịnh Độ để nói, tuy chẳng phải là nêu tỏ lớn lao gì, nhưng cũng có thể dùng để đặt pháp danh, chẳng cần phải chú trọng tìm tòi những chữ cung kính, ý nghĩa sâu xa [để làm bài kệ đặt pháp danh truyền dòng]!

73. Thư trả lời cư sĩ Lý Tế Hoa

Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Thoát, nghĩa là dùng trí huệ để thoát lìa phiền não, tu trì tịnh nghiệp. Đến khi báo tận sẽ lên thẳng cõi sen, như tù nhân thoát khỏi ngục, trở về quê nhà của chính mình. Em dâu ông là Trương Thị có pháp danh là Trí Huân, nghĩa là dùng hương công đức của Phật để tự xông ướp, lại còn xông ướp cho người khác khiến cho hết thảy những người ấy trong là quyến thuộc, ngoài là thân bằng cũng như kẻ thấy nghe đều cùng được xông ướp. Xông ướp lâu ngày thì phàm phu trược ác đều được đầy đủ mùi hương công đức Giới - Định - Huệ của Như Lai. Hoàng Bổn Nghiêm pháp danh là Tông Kính. Nghiêm là nghiêm túc, tức là lòng cung kính bên trong được biểu lộ ra ngoài. Nay lại do biểu lộ lòng kính nên trong hết thảy chỗ sẽ chẳng đến nỗi có cái tâm phóng túng, tà vạy, xa xỉ. Dùng cái tâm ấy để niệm Phật thì sẽ dễ được tương ứng với Phật, ắt sẽ được vãng sanh. Đấy chính là điều đáng hâm mộ vậy!

74. Thư trả lời cư sĩ Hạng Tử Thanh

Lệnh muội đã tu Tịnh nghiệp sẵn, khi lâm chung lại được chồng, con và em dâu trợ niệm; cho nên được tướng lành đảnh đầu còn ấm [sau khi mất]. Đáng gọi là đã có thiện căn từ đời trước, nay lại được trợ duyên, may mắn chi hơn? Lại còn cảm được chồng và em dâu đều muốn quy y Phật pháp. Đấy đúng là *"người theo từng loài mà nhóm lại, vật chia ra thành từng bầy"* vậy!

75. Thư trả lời cư sĩ Đức Nguyên

Hôm qua nhận được thư của pháp sư Đức Sâm, biết Đức Trinh đã qua đời vào hôm Mười Hai. Ngày ấy Phật sự không nhiều nên người trợ niệm đông đảo cũng không trở ngại gì. Nếu Phật sự nhiều mà người trợ niệm đông ắt sẽ không có chỗ chứa. Đấy cũng là thiện căn của Đức Trinh xui khiến. Dẫu không có tướng lành, nhưng cũng chẳng có tướng khổ, nương theo sức trợ niệm của mọi người, chắc sẽ vãng sanh. Mạng người vô thường, lúc ông năm mươi sáu tuổi đã khá yếu ớt, còm cõi. Nay đã hơn mười mấy năm, so ra còn khỏe mạnh hơn trước. Đức Hoằng, Đức Trinh đều đã mất. Ước theo pháp thế gian để luận thì số mạng của ông rất khổ, nhưng nếu ước theo tu pháp Tịnh Độ để luận thì chuyện ấy sẽ giúp ích lớn lao cho việc nhất tâm niệm Phật vãng sanh Tây Phương!

Đừng học theo kẻ ngu lầm lạc sanh lòng oán hờn, [nếu oán hờn] sẽ vô ích cho Đức Hoằng, Đức Trinh mà ông cũng bị tổn hại lớn lao. Phàm những tướng khổ ấy đều nhằm thành tựu cho ông đạo liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này! Dẫu quyến thuộc tốt đẹp mà nếu chẳng phải là kẻ chân thật tu hành thì chuyện chướng đạo sẽ nhiều, chuyện trợ đạo ít ỏi. Vì thế, chư Phật do lấy tám sự khổ làm thầy mà được thành Vô Thượng Đạo. Mong ông đừng sanh lòng bi cảm, dẫu gặp cảnh ngộ nào cũng an vui. Trước kia, Quang đã hồi hướng cầu cho bà ta lành bệnh, hôm qua đã hồi hướng cho bà ta được vãng sanh.

76. Thư gởi cư sĩ Trác Hoằng Vinh

Gần đây nhận được thư của lệnh lang là Trí Lập, cho biết các hạ đã hai lượt tìm được tượng Quán Âm Đại Sĩ. Lần thứ nhất là mua được tượng Đại Sĩ bằng đồng sắp bị nung chảy và mộng thấy kỵ binh vũ trang

theo kiểu cổ, cùng giấc mộng thấy ăn bánh bao chỉ[220] của tăng sĩ, và nghe nói: *"Hãy nhanh chóng gieo lòng Thành tu tập Chánh Quả, thoát lìa biển khổ để thấy Thế Tôn"*. Qua mấy chuyện này, biết các hạ đã có thiện căn từ đời trước, tiếc rằng trong đời này chẳng gặp được thiện tri thức khơi gợi, cho nên đến nay vẫn hờ hững, lan man, dường như có, thoạt như không, vẫn chẳng khác với trước kia cho mấy, cũng đáng cảm khái than thở lắm thay! Ấy là vì bậc sĩ đại phu nơi quý địa ít người thông hiểu pháp, không được khơi gợi hưởng lợi ích "trông theo nhau [bắt chước làm lành]". Nhưng ở Phước Châu gần đây người niệm Phật cũng chẳng ít. Do La Khanh Đoan giới thiệu, đã gởi thư xin quy y ba bốn lượt, có đến năm sáu chục người. Huống hồ lại còn có những người xin quy y với những vị cao Tăng khác!

Hiện nay các xứ đều phát khởi Niệm Phật Xã, Cư Sĩ Lâm, chỉ riêng một huyện Vô Tích đã có hơn một trăm chỗ lập Niệm Phật Liên Xã. Kẻ có hiểu biết ai nấy đều gieo lòng Thành để tu Chánh Quả nhằm mong thoát lìa biển khổ, gặp Thế Tôn. Nhưng những người ấy chắc các hạ cũng chưa thấy nghe, hoặc họ chẳng thể phát khởi lòng tin cho các hạ được.

Nay thỉnh một vị các hạ bội phục nhất đến thuyết pháp cho các hạ, quyết các hạ trọn chẳng thể không sanh lòng kính ngưỡng, bắt chước theo. Người ấy ở ngay nơi làng xưa của các hạ, tức Văn Trung Công Lâm Tắc Từ. Cụ này học vấn, trí thức, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa ngay trong thuở ấy cũng như trong đời sau, nếu không phải là kẻ mất trí điên cuồng không ai chẳng ngưỡng vọng, kính mộ. Ngay trong lúc cụ bận bịu chánh sự đến tột cùng vẫn chẳng bỏ tu trì, đặc biệt đích thân cung kính chép nắn nót ba kinh Di Đà, Kim Cang, Tâm Kinh, hai bài chú Đại Bi và Vãng Sanh thành một cuốn kinh nhỏ để tiện trì tụng trong khi ngồi kiệu đi lại. Đủ biết một đại nhân vật như vậy, chánh sự hết sức bề bộn, trong lúc ngồi xe đi lại vẫn tụng kinh chú để tu trì Tịnh nghiệp.

---

[220] Bánh bao chỉ (Nhu Mễ Từ) là một loại bánh làm bằng gạo nếp đem xôi lên cho chín rồi giã cho quánh thành bột dẻo như bánh dầy, nhưng có nhân thường làm bằng đậu hoặc mè đen trộn với đường, rất giống với bánh Mochi của Nhật. Tương truyền vào năm Khánh Nguyên thứ hai đời Nam Tống, có Trâu Ứng Long lên kinh đô ứng thí. Dân làng đưa tiễn tặng rất nhiều bánh bao chỉ. Trâu Ứng Long đi đường hễ đói liền ăn bánh, không tốn kém cho mấy, tới kinh đô vào trường thi, văn chương cuồn cuộn, liền đỗ Trạng Nguyên. Do vậy, dân gian còn gọi Nhu Mễ Từ là Trạng Nguyên Từ (bánh bao chỉ Trạng Nguyên).

So với cụ, chúng ta muôn phần chẳng sánh kịp một! Há nên chẳng dốc hết lòng nơi chuyện này ư?

Chuyện này là chuyện cả cõi đời không biết, nay do chắt của cụ là Vũ, tự là Bích Dư, là em của Đại Nhiệm, đem bản kinh tới, tính in ra, cậy Quang viết lời tựa, Quang mới biết. Sợ các hạ vẫn chưa thể sanh lòng tin tưởng ngay nên nay tôi đem bản thảo bài tựa ấy gởi tới; xin hãy đọc trước. Đợi đến khi kinh được in ra, Bích Dư sẽ gởi mấy chục bản cho Quang, lại gởi cho các hạ mấy bản. Không cần phải sao lục lời tựa này, lời tựa tôi đã gởi cho Bích Dư *(người này làm việc trong Thuyên Tự Bộ (Nha Xét Duyệt Thăng Thưởng) thuộc Khảo Thí Viện*[221] *Nam Kinh)* vẫn còn có những chỗ sửa chữa đại lược. Đợi khi kinh được gởi tới thì sự học Phật, đại hiếu, đại trung, lập đại công, dựng đại nghiệp xưa kia, đạo giúp khắp thuở ấy, đức thấm tới những người học Phật đời sau của Văn Trung Công sẽ đều biết đại lược. Do vậy, lời tựa được đặt tên là Phát Ẩn (nêu bày những ý nghĩa ẩn kín). Không phải chỉ nêu bày những công hạnh ẩn kín của Lâm Văn Trung Công mà còn nêu bày khắp những điều ẩn kín của bậc đại nhân thuở xưa, cũng như mong rằng sẽ nêu bày được những hạnh ẩn kín của các hạ vậy!

77. Thư trả lời bà Bạch Huệ Đạo

Quảng Tây là nơi Phật pháp không lưu thông, bà mang thân nữ, lại tự tìm được thầy, tu trì Tịnh nghiệp, thật là khó có! Hôm Mười Bảy tháng Bảy, Quang xuống núi, Mười Chín đến Thượng Hải, Hai Mươi Tám đến Hàng Châu. Hôm Ba Mươi tháng Tám trở về Thượng Hải. Thư từ, văn kiện người khác sai viết giùm chất đống, suốt ngày chẳng được rảnh rỗi, lại còn bận việc túi bụi. Thư của bà từ núi chuyển tới cũng chẳng rảnh rang để phúc đáp. Hôm mồng Sáu tháng Mười trở về núi mới lôi ra trả lời.

---

[221] Theo quy chế của Trung Hoa Dân Quốc, Khảo Thí Viện không chịu trách nhiệm quản lý công tác thi cử của bộ Giáo Dục, mà là một cơ quan đặc trách quản lý các công chức, đặc biệt là khảo hạch nhằm đảm bảo các công chức đạt phẩm chất phù hợp với chức vụ hoặc vai trò họ được bổ nhiệm. Nha Xét Duyệt Thăng Thưởng (Thuyên Tự Bộ) là một trong bốn nha trực thuộc Khảo Thí Viện, được thành lập vào ngày 17 tháng Mười Hai năm 1928, đặc trách xét duyệt, thăng thưởng, giáng cấp, hoặc kỷ luật tất cả mọi công chức, cũng như quyết định quyền lợi hưu dưỡng của mọi công chức, hoặc trợ cấp cho cô nhi quả phụ của một công chức nếu ông ta chết đột ngột trong khi thi hành công vụ.

Nay gởi qua bưu điện cho bà một gói Quán Âm Bổn Tích Tụng, một gói Văn Sao, một gói Thọ Khang Bảo Giám, xin hãy lắng lòng xem kỹ thì những nghĩa chánh yếu trong Phật pháp, quy củ lớn lao để làm người, pháp môn để liễu sanh tử ngay trong đời này, đạo lý để thất phu cứu giúp thiên hạ sẽ đều biết rõ!

Nay đặt pháp danh cho bà là Huệ Đạo, nghĩa là dùng trí huệ để tự hướng dẫn và hướng dẫn cha mẹ ruột, bố mẹ chồng, chồng và anh em trai, chị em gái, chị em dâu, thân thích, con cái v.v… để họ cùng được gội ân Phật, cùng niệm Phật hiệu. Trong đời này làm một người lành chân thật, lâm chung sang thẳng ao báu để thọ sanh. Cổ nhân thường nói: *"Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm"*. Thất phu, thất phụ làm sao có thể khiến cho thiên hạ bình trị được?

Cần biết rằng: Cái gốc của thiên hạ là gia đình. Cái gốc của gia đình là tấm thân. Gia đình khéo dạy dỗ thì con cái sanh ra sẽ đều hiền thiện. Nhà có con hiền thì đất nước sẽ có hiền tài. Hễ cùng quẫn thì tự yên, ảnh hưởng đến khắp cả làng xóm. Hễ hiển đạt sẽ làm cho người khác đều cùng được lành, tạo lợi ích cho khắp mọi người dân. Lợi ích như vậy phát xuất từ sự giáo dục trong gia đình. Giáo dục trong gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất. Đấy chính là lý do vì sao người đời gọi nữ nhân là Thái Thái do họ có thể giúp chồng dạy con, giữ yên bên trong gia đình. Do vậy sẽ đạt hiệu quả là "chồng ắt sẽ thành tựu đức nghiệp, con cái đều hiền thiện", giống như Thái Khương, Thái Nhiệm, Thái Tự đời Châu vậy. Nếu bà có thể dựa theo những điều đã được nói trong Văn Sao để tự lợi, lợi người, ngõ hầu quý địa cùng được gội nhuần sự giáo hóa của đức Phật, dùng công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì sẽ lên thẳng sen báu Thượng Phẩm.

Nói tới đạo *"thất phu, thất phụ có thể cứu giúp thiên hạ",* chớ có hiểu lầm! Đấy chính là "trọn hết bổn phận của chính mình, dốc lòng vun vén luân thường, cha từ, con hiếu, chẳng phụ bạc thiên chức [của chính mình]". Lại còn đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình phải chú trọng nhất nơi nhân quả báo ứng. Làm được như thế thì hết thảy mọi người sẽ tự có thể mong mỏi "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành", lại còn "tu trì Tịnh nghiệp, lợi khắp các hàm thức". Đấy chính là cứu giúp, chỉ có như vậy mà thôi! Những kẻ cổ động nam nữ bình quyền hiện thời, muốn cho nữ nhân làm chuyện của nam giới, chẳng biết phát huy chuyện giúp chồng dạy con, đáng thương quá sức!

Năm sau sẽ còn có Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục, Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú được in ra, cũng sẽ gởi cho bà chừng đó gói. Văn Sao, Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám, nếu có ai tin nhận thì cũng sẽ lại gởi chừng đó trong mùa Xuân năm sau để mong lợi khắp người nơi quý địa.

Chữ Niệm (念) trong "niệm Phật" chớ nên thêm chữ Khẩu (口). Chữ Niệm [hàm nghĩa phát xuất] từ nơi tâm. Nếu thêm vào chữ Khẩu thì Niệm (唸) sẽ có nghĩa là rên rỉ, chứ không có nghĩa là ức niệm (nghĩ nhớ) nữa.

Bài thơ của bà hay lắm, nhưng chớ nên thường làm thơ. Bởi lẽ, thường làm thơ thì trong tâm sẽ thường chú trọng cân nhắc, chọn lựa từ ngữ, niệm Phật sẽ trở thành chuyện ngoài da, làm thơ trở thành chuyện cốt tủy! Làm sao đạt lợi ích chân thật nơi niệm Phật cho được? Hết thảy văn nhân hễ muốn đạt được lợi ích thật sự đều phải nên như vậy. Huống chi bà là nữ nhân, há nên dùng thơ ca để được nổi danh ư? Phàm đối với những kinh sách giảng nói Phật pháp đều phải nên cung kính, chớ nên khinh nhờn! Muốn tặng cho người khác thì trước đấy phải đem điều này răn nhắc họ, ngõ hầu họ chẳng đến nỗi lầm lỡ gây nên tội báo!

78. Thư trả lời cư sĩ Huệ Trung

Trong khi gặp nguy hiểm lớn lao, niệm Phật một tiếng liền không còn nguy hiểm, đủ biết từ trước đến giờ bọn nhà Nho báng Phật là tự lầm, lầm người, tội vừa sâu lại vừa nặng! Đã vừa niệm liền được gia bị thì khi lâm chung vãng sanh cũng sẽ vô ngại, cố nhiên nên cực lực đề xướng. Những chữ được in màu đỏ trên tờ giấy in lá thư của Quang chỉ nên hơi có màu sắc đôi chút, há nên in màu đỏ thật đậm, ngay cả màu của những chữ in kèm thêm cũng đã quá đỏ, huống hồ tám chữ *"chư ác mạc tác..."* (đừng làm các điều ác…)! Đúng là trở thành rối loạn, mắt già quáng lòa, đều chẳng biết là câu văn gì?

Ông in kiểu này đủ biết là chẳng thông cảm cho người khác quá sức! Chính ông đọc được, chứ nếu có ai nhìn chẳng rõ, chắc là sẽ đến nỗi hỏng việc, há nên làm cho lá thư của tôi khiến cho người đọc phải hao tốn tâm lực, mục lực, rốt cuộc có ích gì cho chính mình đâu? Cái thói thông tục ấy vàn muôn phần chớ nên dùng. Hễ dùng sẽ bị tổn phước, lại còn chuốc lấy sự ghét bực, chê trách của người khác!

79. Thư gởi cư sĩ Dương Huệ Thông

Cổ nhân nói: *"Cái quan phương thành định luận"* (Đậy nắp quan tài rồi mới bàn luận [công hay tội của một người] chắc chắn được). Bởi lẽ phàm phu đầy dẫy phiền não bị duyên nghiệp xoay chuyển, chưa đến lúc tay chân buông xuôi thì thường phải dè dặt, kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, sợ hãm, sợ đọa. Đến lúc chân tay buông xuôi mới nói: *"Ta biết nay đã tránh được!"* Trong triều đại trước có một vị quan lớn tên X… học vấn, công nghiệp, phẩm hạnh cả cõi đời đều khâm phục. Từ sáu mươi tuổi trở đi liền buông lung vô độ, danh dự của ông X… bị tụt xuống vạn trượng. Thật đáng tiếc, đáng thương!

Trong số những người học Phật xưa nay cũng có những kẻ thoạt đầu thì tri kiến thật cao, cực lực tự lợi, lợi tha, về sau tri kiến tà vạy, sai lầm, lại còn dẫn dắt mọi người học theo tri kiến tà vạy, lầm lạc của chính mình, đáng buồn, đáng đau! Xét đến căn nguyên vì sao mắc phải bệnh ấy thì đều là do thích đội mũ cao đến nỗi những kẻ không hiểu biết đều tạo mũ cao cho kẻ ấy đội. Đội lâu ngày, chánh tri chánh kiến đã mất, hoàn toàn biến thành tà tri tà kiến, dẫu muốn cứu giúp thì kẻ ấy sẽ ngược ngạo tuốt gươm chống đối, chỉ đành để mặc cho hắn làm sao thì làm! Phàm những ai hảo tâm học Phật đều phải khuyên họ lập chí tự phản tỉnh ngõ hầu chẳng đến nỗi trở thành kết quả giống như thế ấy.

Trước kia gởi mười trang câu đối, nay viết cho ông sáu đôi. Một là Thích Ca, hai là Di Đà, ba là Địa Tạng, bốn đôi câu đối dùng chung cho Tam Thánh. Do tinh thần không đủ nên vế dưới trong đôi câu đối này cũng chiếu theo vế trên để viết. Xin ông hãy cân nhắc, điều chỉnh để sắp xếp lại. Đôi câu đối này đã được sửa rất hay nên cũng không cần phải viết lại câu khác. Đôi câu đối thứ năm và thứ sáu chính là để treo nơi phòng khách hoặc liêu phòng của người học Phật đều được. Tôi có viết cho người khác ba đôi câu đối nữa, tổng cộng là chín đôi. Có hai câu bị sót mất một chữ nên chẳng thể dùng được, phải bỏ đi, nên chỉ viết chín đôi. Đem gởi sáu đôi bằng thư bảo đảm, xin hãy thâu nhận.

Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực không đủ, từ nay nếu có ai cậy ông nhờ tôi viết câu đối giùm thì xin hãy mềm mỏng từ chối, đừng đáp ứng. Nghe nói trước kia ở Thương Vụ Ấn Thư Quán, ông Phí Phạm Cửu đã đem bức vẽ Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm và hình Quán Âm do ông Diêm Lập Bổn vẽ, thêm vào đôi câu đối của sư Hoằng Nhất và câu đối của Quang, cùng bán với giá mỗi bức một đồng. Thầy Diệu Chân do

thấy câu đối không phù hợp với tượng, xin Quang soạn hai đôi câu đối khác. Câu đối cho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn là:

Đại Sĩ hiện thiên thủ nhãn, biến huề phổ chiếu.
Chúng sanh đương nhất tâm niệm, quy mạng đầu thành.
(Đại Sĩ hiện ngàn mắt, ngàn tay, nâng đỡ, chiếu soi trọn khắp,
Chúng sanh hãy một lòng tâm niệm, quy mạng, gieo hết lòng thành)

Câu đối dành cho tượng Quán Âm vẽ bởi ông Diêm là:

Diệu tướng trang nghiêm, biến nhiếp thứ loại,
Bi tâm trắc đát, phổ độ quần manh.
(Diệu tướng trang nghiêm, nhiếp khắp các loài,
Bi tâm lồng lộng, độ trọn quần manh)

Tôi nhớ không rõ ràng, nhưng ý nghĩa cố nhiên không trái nghịch. Ông Phí Phạm Cửu in một vạn tấm cho người ta thỉnh chỉ tốn một đồng, muốn xin Quang viết chữ thì hãy thỉnh hai tượng ấy hòng có được hai đôi câu đối ấy để thờ khiến cho kẻ thấy nghe sanh lòng chánh tín.

80. Thư trả lời cư sĩ Vương Thủ Thiện

Ông phát tâm trông giữ mộ phần để mong lệnh từ hễ chưa vãng sanh sẽ được vãng sanh, đã vãng sanh liền tăng cao phẩm sen thì hãy nên niệm Phật hiệu. Mỗi ngày chia ra làm hai thời đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh. Kinh Kim Cang công đức tuy lớn, nhưng chưa nêu tỏ được pháp môn Tịnh Độ nên chẳng bằng xem Tịnh Độ Ngũ Kinh thì người mất lẫn kẻ còn đều có lợi ích thật sự. Niệm chú Đại Bi thì cũng dành ra một thời, ngoài ra hãy chuyên nhất niệm Phật. Khi niệm, từng câu từng chữ ắt phải nghe cho rõ ràng rành rẽ. Dẫu niệm thầm trong tâm cũng phải nghe cho rõ ràng!

81. Thư trả lời cư sĩ Triệu Dung

Đọc thư ông, có thể nói là "đã khổ còn chồng thêm khổ!" Cần phải sanh lòng cảm kích, chớ nên bảo "tu trì chẳng có ích gì", rồi sanh lòng lui sụt, biếng nhác cũng như oán trời, hờn người. Hãy nên biết rằng: Do túc nghiệp, ông đáng phải gánh chịu nỗi khổ lớn lao, do tu trì nên đã biến khổ nặng thành nhẹ. Từ nay trở đi, chuyện gì cũng lợi người, tâm luôn tự phản tỉnh thì cảnh ngộ mai sau sẽ có thể chuyển thành tốt đẹp.

Cần biết rằng: Nghiệp của chúng ta trong đời trước sâu như biển cả, tội cao tầy Tu Di. Tuy cảnh ngộ không tốt nhưng vẫn chưa đến nỗi quá

đáng. Hãy nghĩ lại bao nhiêu kẻ đại phú đại quý nhà tan người chết, huống chi ta đời trước không có phước, nay vẫn chưa đến nỗi đói rét, so với những tình cảnh khổ sở của họ vẫn còn tốt đẹp hơn vạn lần! Hãy lấy "khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương" làm pháp tự lợi, lợi người. Nếu tâm chân thành thì nghiệp tiêu, phước tăng, sẽ dần dần yên vui, thảnh thơi vậy!

XI. Những bài viết khác

1. Biện định sai ngoa trong lời tựa tác phẩm Bách Trượng Thanh Quy

Xét ra, Bách Trượng thiền sư sanh vào năm thứ chín (720) đời Đường Huyền Tông, thọ chín mươi lăm tuổi, đến tháng Giêng năm Nguyên Hòa thứ chín (814) đời Đường Hiến Tông bèn quy tịch. Chương đầu tiên trong bộ Thanh Quy do Ngài biên soạn chính là phần Chúc Ly, chương kế tiếp là Báo Ân, chương tiếp theo đó là Báo Bổn[222]. Đây những thứ Phật sự hết sức quan trọng, trang nghiêm, nếu không có Phật điện thì nên cử hành ở nơi đâu?

Từ sau khi ngài Bách Trượng viên tịch, hơn hai trăm năm, đến năm Cảnh Đức nguyên niên (1004) đời Tống Chân Tông, Dương Ức[223] viết

---

[222] Chúc Ly là những nghi lễ nhằm chúc phước cho vương triều, bao gồm cầu đảo, chú nguyện cho vương triều được bền vững, vua khỏe mạnh, phước thọ, hoàng tộc được bình yên, tăng phước tăng thọ v.v...
Báo Ân là báo đáp đức ân của vương triều đất nước bảo hộ Phật pháp lẫn nhân dân. Tăng chúng thường cử hành lễ Báo Ân trong những dịp Quốc Kỵ (ngày giỗ của tiên vương), cầu mưa, cầu tạnh, hay trong những dịp có tai ương xuất hiện như sâu rầy, hạn hán v.v…
Báo Bổn là báo đáp ân đức trong Phật môn, như những ngày lễ Phật Đản, Thành Đạo, khánh chúc vía các vị Phật, Bồ Tát, Tổ Sư v.v…
Ngoài ra, vào mỗi dịp Sóc Vọng, ba hình thức báo đáp này được gộp chung thành một nghi lễ nhỏ gọi là Thù Ân Chúc Tán, tức là tăng chúng lạy tạ chư Phật, tôn pháp, thánh tăng, chư Tổ Sư, đại thiện tri thức, các vị thầy tổ truyền giới, truyền pháp, ân quốc vương, sư trưởng, đàn-na tín thí ủng hộ cúng dường cho Tăng chúng yên thân tu đạo.

[223] Dương Ức (974-1020), người xứ Bồ Thành (nay thuộc huyện Kiến Ngõa, tỉnh Phước Kiến), tự là Đại Niên. Nổi danh văn chương từ thuở thiếu thời. Tống Thái Tông đặc cách cho đi thi Đình, đọc bài viết của họ Dương phải khen ông ta là thần đồng. Ông làm quan tới chức Thị Lang và Tu Soạn. Bẩm tánh thanh liêm, chẳng e sợ quyền thế. Thoạt đầu không tin Phật, sau do được học sĩ Lý Duy khuyên dạy liền nghiên cứu Thiền học, sanh lòng tin sâu xa. Tham học với thiền sư Quảng Huệ ở

lời tựa cho bộ Thanh Quy, đối với quy định: *"Bất lập Phật điện, duy thụ pháp đường"* (Chẳng lập Phật điện, chỉ dựng pháp đường) liền cho rằng câu này rất hợp với lời Phật và Tổ đích thân dặn dò, đương thời đều tôn trọng ý kiến ấy. Trộm ngờ [câu ấy phải là]: *"Tiền lập Phật điện, hậu thụ pháp đường"* (Lập Phật điện trước rồi mới dụng pháp đường) thì mới phù hợp với ý Phật, Tổ đích thân dặn dò; nhưng gần một ngàn năm qua, không ai sửa cho đúng! Nay Hoằng Trữ thiền sư cũng dựa theo đó để luận đoán, khôn ngăn đau lòng buốt óc!

Chùa Thiền không có Phật điện thì sẽ hoàn toàn chẳng có tượng Phật ư? Hay là thờ Phật trong căn nhà nhỏ ở bên cạnh [pháp đường]? Vâng thánh chỉ chúc ly ở gian nhà phụ nhỏ nhoi thì chẳng những khinh Phật mà còn khinh vua cũng lớn lắm thay! Do chuyện này biết chữ Bất, chữ Duy ở đây chính là chữ Tiền và chữ Hậu bị chép sai. Bản Thanh Quy Chứng Nghĩa được khắc ở Dương Châu đã được sửa đổi cho đúng.

Nay tôi tỵ nạn sang Linh Nham, thấy họ sao lục bản của Trữ Công để soạn bài ký xây dựng điện Bảo Vương, rất sợ sẽ đem sai ngoa truyền sai ngoa khiến cho ngài Bách Trượng là vị thầy gương mẫu của trời lẫn người rốt cuộc bị vu báng có hành vi của tà ma, ngoại đạo. Do vậy, biện luận đại lược để mong những bậc thông sáng trong mai sau ai nấy tôn Phật kính Tổ, duy trì pháp đạo không suy sụp vậy. Hiểu cho tôi hay trách tội tôi, tôi đều chẳng màng!

2. Lời tựa ấn hành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao [không gì] ra ngoài [phạm vi của nó] được, như trời che khắp, như đất nâng đều. Không một pháp nào chẳng được kiến lập từ pháp này, không một ai chẳng được pháp này un đúc. Do hết thảy các pháp Đại, Tiểu Thừa đức Như Lai đã nói trong suốt một đời đều là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói, hoặc khế lý nhưng chẳng thể khế hợp khắp mọi căn cơ; hoặc khế cơ nhưng chẳng thể khế hợp chí lý (lý tột cùng) một cách triệt để. Vì thế, bản hoài xuất thế độ sanh của đức Như Lai bị khuất lấp chưa được thông suốt, đại pháp khiến cho chúng sanh được liễu thoát ngay trong đời này còn bị ẩn kín chưa được tỏ bày. [Pháp hội] Hoa Nghiêm tuy đã hướng dẫn về Tây Phương,

---

Nhữ Châu, đắc pháp, liền dốc sức hộ trì pháp môn, được coi như lãnh tụ của những sĩ phu học Phật thời ấy. Ông từng vâng chiếu biên soạn bộ Đại Tạng Mục Lục, giảo chánh, ấn hành bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, cũng như tham dự đạo tràng dịch kinh.

nhưng hàng Nhân, Thiên, Quyền Thừa [Bồ Tát] chưa được nghe. Các kinh cũng nhiều phen nói đại lược những đầu mối tốt lành, nhưng cương yếu của pháp môn chưa được đặt để.

Do vậy, đức Như Lai khởi lòng Vô Duyên Từ, vận tâm Đồng Thể Bi, trong hội Phương Đẳng đặc biệt nói ba kinh Tịnh Độ Di Đà, độ khắp ba căn, thâu trọn chín giới, xiển dương đạo mầu thành thủy thành chung của Như Lai, dạy cho chúng sanh quy mô vĩ đại *"tâm làm, tâm là"*. Cơ lẫn lý đều khế hợp, phàm lẫn thánh đều được nhờ, như thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh, như mười phương hư không bao hàm trọn muôn hình tượng, khiến cho khắp thánh - phàm đều thành tựu đạo nghiệp trong đời hiện tại, tỏ bày thông suốt bản hoài xuất thế độ sanh của Như Lai! Nếu đức Như Lai chẳng nói pháp này thì chúng sanh đời Mạt Pháp không một ai có thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này được!

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh nhằm làng quê đoạn diệt Phật pháp, mới sanh được nửa năm, lại đau khổ vì mắt nhắm nghiền sáu tháng. Đến tuổi đi học, bao lượt gặp cảnh giặc cướp, binh đao quấy nhiễu. Vừa có chút hiểu biết, lại trúng phải chất độc báng Phật của bọn Trình - Châu. May là học thức hoàn toàn chẳng có gì, chẳng thể tạo nghiệp hãm trong A Tỳ ngay trong khi còn sống. Nếu tài trí được như bọn họ, ắt sẽ đến nỗi tạo tội khiên mười phương hư không chẳng thể dung. Do ý ác ấy, mắc bệnh khổ lâu dài, suốt mấy năm hệt như phế nhân. Một ngày nọ mới biết mình lầm lạc, bèn xuất gia làm Tăng mong diệt tội lỗi. Tông - Giáo lý sâu không có sức nghiên cứu, Tịnh Độ đạo lớn quyết chí tuân hành, toan làm một ông Tăng chỉ biết cơm cháo, chỉ lo tự độ, chẳng mơ hoằng pháp lợi sanh! Năm ba mươi ba tuổi, đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, Trụ Trì là hòa thượng Hóa Văn biết Quang chỉ biết ăn cơm, không làm chuyện chi khác được, bèn cho làm thực khách thường xuyên, chẳng giao phó chút việc cỏn con gì. Hơn hai mươi năm cũng khá được an lạc, suốt năm không một ai đến thăm, không nhận được một lá thư nào.

Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), tờ Phật Học Tùng Báo được phát hành tại Thượng Hải, ông Cao Hạc Niên mấy lần gởi báo qua bưu điện cho xem. Thấy những văn tự được in trong báo ấy phần nhiều hợp công đạo, nhưng những điều lạm bàn về chánh trị trong báo có chỗ hơi thiên vị, tôi trộm sợ rằng có người sẽ viện vào chuyện ấy để chê cười Phật pháp, bèn dùng cái tên Vân Thủy Tăng Thường Tàm để gởi thư xin nhà báo hãy lập luận cho công bằng, đừng để ngọc đẹp có vết, nhưng những vị biên tập trọn chẳng thèm để mắt đến. Về sau, ông Hạc Niên lên núi

này, tôi kể đầu đuôi; ông ta bèn đem mấy thiên cảo văn đăng báo, ký tên là Thường Tàm, chẳng một ai biết đến.

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Từ Úy Như nhận được ba lá thư từ bạn hữu, bèn in ra năm ngàn bản, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo (bản thảo thư từ của pháp sư Ấn Quang) tặng cho mọi người. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông thâu thập được hơn hai mươi bức thư nữa, đem in tại Bắc Kinh, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đem sách ấy đến Phổ Đà xin quy y. Quang bảo ông ta quy y với ngài Đế Nhàn. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), lại in bộ Tục Biên.

Mùa Thu năm ấy, mẹ ông mất tại nơi cư ngụ ở đất Thân (Thượng Hải). Tang ma xong xuôi, bèn nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán ghép bộ Sơ Biên và Tục Biên thành một bộ, in thành một tập. Năm Dân Quốc 12 (1923), Quang bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán in riêng bản Tăng Đính, chia làm bốn quyển, lưu bản[224]. Lần đầu, in hai vạn bộ. Năm Dân Quốc 14 (1925), lại cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng, vẫn chia thành bốn quyển. Từ đấy, bất luận văn tự gì cũng đều nhất loạt không lưu lại bản nháp nữa, một là để khỏi lãng phí tiền tài thí chủ, hai là chẳng đến nỗi làm gai mắt huệ của người thông sáng.

Năm Dân Quốc 19 (1930), tôi yếm quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, vị Đương Gia[225] [chùa ấy] là thầy Minh Đạo cho người sao trộm. Năm Dân Quốc 24 (1935), thầy ấy qua đời mới thôi. Năm Dân Quốc 26 (1937), Quang tỵ nạn tại Linh Nham Sơn, người sao chép bèn giao bản cảo cho vị Đương Gia [chùa Linh Nham] là thầy Diệu Chân. Thầy Diệu Chân lại cho sao lục những bài viết từ các tờ bán nguyệt san. Quang biết, nhưng lọt vào thế không làm gì được, chỉ đành giảo duyệt kỹ càng để in, hòng mãn nguyện thầy ấy.

Quang lúc nhỏ kém học vấn, lớn lên chẳng biết gì, văn cực vụng về, chất phác, chẳng đáng lọt vào mắt. Nhưng những điều Quang nói đều dựa theo ý kinh Phật, lời Tổ rồi tùy cơ nói giản lược đó thôi, chẳng dám vọng sanh ý kiến khác gây lầm lạc cho người khác, lại thêm vào đó những gì mình đã từng trải hơn năm mươi năm. Nếu chịu bỏ qua văn để

---

[224] Tăng Đính Bản về sau được bổ sung thêm một số bài nữa nên gọi là Tăng Quảng Chánh Biên, hay Ấn Quang Văn Sao Sơ Biên. "Lưu bản" là giữ lại bản in. Thuở ấy, thường in theo lối mộc bản, bản gỗ khắc chữ để in rất cồng kềnh nên nếu không yêu cầu, nhà in sẽ không giữ lại mộc bản.

[225] Đương Gia theo nghĩa gốc là vị quản gia của một dinh thự hoặc một phủ viện. Nhà chùa cũng dùng chữ Đương Gia để chỉ vị Tăng quản trị một ngôi chùa.

nắm lấy ý nghĩa, ắt có thể coi [Văn Sao] như một cột mốc gỗ [226] để chỉ thẳng chuyện Tây quy cũng chẳng ngại gì! Xin hãy dốc sức về Tây, dũng mãnh tiến thẳng lên phía trước. Chớ vì cột mốc gỗ này xấu hèn mà chẳng muốn thấy lộ trình về Tây thì người dựng mốc lẫn người quy Tây đều cùng chẳng tiếc nuối.

Thêm nữa, bộ Sơ Biên tuy đã in hơn mười vạn bộ, nhưng bậc đại thông gia thấy sách này chỉ chuyên nói đến chuyện "tín nguyện niệm Phật, nhân quả báo ứng, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, giáo dục gia đình", toàn là những lời văn nôm na khuyên đời, trọn chẳng phải là những lời lẽ "vén mây thấy trăng, mở cửa thấy núi" mở rộng tâm mục cho người, tỏ bày thông suốt bản hoài của Phật, cho nên coi như đồ bỏ. Cũng có những người cùng một căn tánh như Quang, xem [bộ sách này] như diệu bảo. Do đây mà người bỏ mê theo ngộ, bỏ tà về chánh, sống giữ vẹn luân thường, mất sanh về Cực Lạc đông lắm!

Bộ Tục Biên ngoài những điều đã nói như trong bộ Sơ Biên, còn thêm những chuyện như "[khuyên] sản phụ niệm Quán Âm, sữa [hóa thành chất] độc [do người mẹ nóng giận] giết chết con cái". Đấy đều là những điều cao tăng, thầy thuốc xưa nay chưa hề nói đến mà Quang cứ nhắc đi nhắc lại.

Cổ nhân nếu chẳng phải là tướng giỏi thì cũng là lương y, chỉ mong giúp đời, cứu sống người. Quang là ông Tăng vô tri vô thức chỉ biết đến cơm cháo, do một mình ông Từ Úy Như lan truyền cái hư danh, rốt cuộc muôn người nhận tiếng hư, đón tiếng vang, ngỡ là thật, xem như thiện tri thức. Họ đã "đem sai ngoa truyền sai ngoa", Quang chẳng ngại "dùng lầm lạc đáp tạ lầm lạc", dạy người sống có nơi nương tựa, lúc mất có chỗ quy túc, sanh nở không gặp ách nạn, con chẳng bị chết đột ngột để tận hết tấm lòng tôi. Dẫu gai con mắt huệ của bậc thông hiểu, nhưng vì có ích cho người, không gây hại cho đời, nên bèn tùy thuận ý của hai thầy Minh Đạo, Diệu Chân cho lưu thông [sách này] và lược thuật duyên khởi. Hiểu tôi hay bắt tội tôi, đều không màng đến vậy!

---

[226] Trong lời tựa bộ Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, thấy ghi là "mộc tiêu" (cái cột mốc bằng gỗ), còn ở đây ghi là "mục tiêu". Mạt nhân cho rằng "mộc tiêu" hợp lý hơn vì Tổ coi những lời dạy của mình như cái mốc đánh dấu đường bằng gỗ tầm thường. Chứ còn "mục tiêu" thì lại là mục đích để nhằm đạt đến, không thích hợp với ngữ khí hết sức khiêm nhường của Tổ trong bài tựa này. Hơn nữa, đoạn sau vẫn dùng chữ "mộc tiêu", khiến chúng tôi càng tin chắc chữ "mục tiêu" đã bị chép lầm. Do vậy, chúng tôi mạo muội sửa thành "mộc tiêu" cho đoạn trước phù hợp với đoạn sau.

3. Khai thị về quy củ đả thất tại Linh Nham
(nói với hàng đệ tử tại gia)

Quy củ của Linh Nham do Quang lập ra không giống với các tùng lâm trong thiên hạ *(chỉ có chùa Di Đà ở Hàng Châu là gần giống. Quy củ nơi ấy cũng do Quang lập, sau này họ pha thêm đôi chút thói thù tiếp, cũng tổ chức pháp hội Diệm Khẩu).* Công khóa quanh năm giống như đả thất, có ai thỉnh mở Phật thất thì chẳng qua là thêm vào ba lượt hồi hướng mà thôi. Bất luận thỉnh [Tăng sĩ tham dự Phật thất] nhiều hay ít, cả chùa đều niệm giống như thường lệ. Tất cả những tiền cúng dường liền chia đều cho cả chùa lẫn ngoại liêu, không thiên vị, không bè phái, chẳng để cho vì chia nhiều hay chia ít mà khởi lên tranh chấp. Cứ nhất loạt niệm giống như nhau, nhất loại chia đều tiền cúng dường như nhau. Chỉ có điều thí chủ thỉnh nhiều vị Tăng tham dự thì họ được công đức của nhiều người; do vậy, không một ai chẳng niệm. Nếu theo quy cách như những nơi khác thì kẻ tham dự Phật thất sẽ đả thất, còn kẻ chẳng đả thất sẽ chơi không, công khóa bị gián đoạn, Tăng chúng sẽ do được chia hay không [mà khởi lên đố kỵ]. Cách này quả thật là phương pháp bậc nhất từ trước đến nay chưa từng có để mở khóa tu Phật thất theo yêu cầu. Vì thế, người ta đa số thích mở Phật thất tại Linh Nham.

4. Kệ viết về xá-lợi

Như Lai không sanh - diệt, chúng sanh có tội - phước. Phước cảm Phật xuất thế, tội cảm Phật nhập diệt. Phật tuy hiện nhập diệt, vẫn chẳng bỏ chúng sanh. Vì thế lưu xá-lợi, làm nhân duyên đắc độ. Nên biết xá-lợi này, chính là thân đức Phật, cũng là Pháp Thân Phật, nên chiêm lễ cúng dường, hãy nghiêm túc tuân phụng, lời đức Như Lai dạy, chuyên tu pháp Tịnh Độ, mau thoát cõi Ngũ Trược, hòng thỏa Phật bổn hoài.

5. Bài tán chúc nguyện trong lễ đặt móng xây dựng điện Di Lặc mới của Linh Nham

Nghĩ tưởng địa thần, hộ pháp công sâu, Di Lặc lâu các lại được dựng xây mới mẻ, nguyện vận tâm bảo hộ, khiến cho pháp môn này muôn đời không trắc trở.

6. Bài ca tụng sự quy Tây của Vương Thái Phu Nhân mẹ ông Trương

Cao đẹp thay Trương mẫu! Sẵn có huệ căn từ đời trước, bẩm tánh hiền thiện, hiền từ mềm mỏng như mùa Xuân, đức dầy chuyên chở phước, cứu giúp trọn khắp kẻ đói nghèo, con cháu đều khâm phục, ca ngợi mãi dấu lân[227].

7. Lời bạt cho Kính Thứ Đường

Quen biết cư sĩ Đào Di đã nhiều năm, tôi thấy ông ta khiêm nhường, cung kính, nghiêm cẩn, biết là ông ta được bẩm thụ [sự giáo dưỡng] đã lâu xa. Nay ông ta sai tôi đề tên ngôi nhà này, cho biết tiên phụ là Dịch Phủ Công dựng ba gian nhà, đặt tên là Kính Thứ (tôn kính và khoan dung), ấy là muốn cho con cháu đời sau vĩnh viễn lấy đó làm mực thước. Ý cụ muốn thỉnh người có đức để đề tên cho ngôi nhà, bất hạnh thay cụ sống ở nơi ấy chín ngày liền khuất bóng. Đào Di và người anh thứ hai kính cẩn vâng theo chí cha, bốn mươi năm qua vẫn chưa đề biển ngạch. Cậy Quang đề biển, chẳng quan tâm Quang là kẻ khéo hay vụng. Quang thẹn thiếu đức, lại viết chữ chẳng đẹp, toan làm chuyện tắc trách để đáp tạ lời thỉnh.

8. Những nghĩa lý trọng yếu dành cho nghề thuốc và xem tướng

Có tâm nhưng chưa có tướng, tướng sẽ thuận theo tâm mà sanh. Có tướng nhưng thiếu tâm, tướng sẽ theo tâm diệt. Đem bốn câu này nói với hết thảy mọi người khiến cho những kẻ có tướng tốt sẽ gắng sức, kẻ không có tướng tốt tận lực tu tập. [Người nghe] sẽ mong sao hễ có tướng tốt thì sẽ vĩnh viễn giữ được vẻ tốt đẹp ấy, tướng xấu thì sẽ biến thành tốt. Thầy coi tướng thường đem điều này bảo với khách [đến xem bói] thì chính là sống trong cõi trần mà thực hiện sự cai trị, dùng bói toán để

---

[227] Nguyên văn *"vịnh vu ta lân"* (ca vịnh dấu lân). Đây vốn là một ý dựa theo bài Mao Thi trong Kinh Thi: *"Lân chi chỉ, chấn chấn công tử; vu ta lân hề".* Sách Sơ Học Ký giảng: "*Chỉ là bàn chân. Con lân được coi là một con vật biết giữ chữ tín, biết lễ, nên thường dùng chữ 'dấu chân lân' để chỉ người giữ chữ tín. Chấn chấn là giữ lòng trung tín sâu dầy. Vu ta là tán thán từ".* Do vậy, đoạn thơ này được dịch là: *"Dấu chân lân, bậc công tử thành tín, trung hậu, thật đáng xưng tụng là lân".* Từ đó *"vịnh vu ta lân"* là một thành ngữ nhằm ca ngợi một người trung tín, nhân hậu.

khuyến hóa dân chúng. Công đức ấy thù thắng nhất! Đem công đức ấy hồi hướng Tây Phương nhất định được mãn nguyện.

Đạo để tận lực gắng công, tận lực tu tập không ngoài giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người thì còn có thể siêu phàm nhập thánh, huống là phú quý, phước trạch mấy chục năm trong thế gian ư? Thầy thuốc khám bệnh cũng nên chú ý tới điều này. Ai làm được như thế thì gọi là thầy thuốc chân thật, là đệ tử chân thật của đấng Đại Y Vương vậy.

9. Những chuyện thoát nạn

Người nữ ấy chưa tới số chết nên ngồi phía ngoài xe hơi. Đến khi xe lọt xuống sông, liền văng lên trên bờ nên trọn chẳng ướt quần áo. Ấy là vì lúc bà ta ngồi xe, Phật, trời, quỷ thần đã sắp đặt sẵn cách cứu giúp. Có lẽ là như vậy.

Lại nữa, năm Dân Quốc mười mấy, Phan Đối Phù trùng tu chùa Tịnh Cư ở Tế Nam. Trong lễ khai quang có tổ chức hát tuồng, khách đến rất đông. Có một người dẫn theo một đứa bé, đứng xem [tuồng] bên giếng. Đứa bé lọt xuống giếng, lập tức sai người xuống giếng mò, dưới nước không có vật gì cả! Dùng sào tre khuấy khắp đáy giếng cũng không có vật gì. Người ấy trở về nhà thì đứa bé đang ngủ trong nhà như si, như ngốc, quần áo đều ướt đẫm. Hỏi làm sao về được nhà, nó nói không biết. Do vậy, khắc một tấm bia, lập một ngôi đình, đặt tên cho giếng ấy là Thánh Tỉnh (giếng thánh), đem chuyện này gởi cho Quang. Quang đưa cho thầy Diệu Chân, thầy Diệu Chân đem dán lên bảng treo trong nhà khách ở tầng dưới đại điện chùa Thái Bình. Đem chuyện này đưa cho Mộng Am bảo ông ta hãy suy đoán giấc mộng này!

Năm Dân Quốc 27 (1938), tôi tỵ nạn sang Âu Giang ở qua Tết. Cuối tháng Chạp, có một chiếc xe hơi chạy theo công lộ từ Thanh Điền tới Kim Hoa. Xe chạy từ chập tối, tới chỗ đồng hoang bên bờ sông cách Lệ Thủy mấy chục dặm, tài xế không cẩn thận, xe bị lọt xuống sông. Khách ngồi xe bốn mươi mấy người đều chìm lỉm. Mờ sáng ngày hôm sau, những người tới trước để lo cứu vớt [thấy] có một phụ nữ tuổi khoảng ba mươi, ngồi bên bờ sông như si, như say. Hỏi: "Từ đâu đến?" Đáp: "Tối hôm qua ngồi xe tới đây". Hỏi: "Cả xe gặp tai nạn, sao bà không bị gì?" Thưa: "Không biết". Vặn hỏi tình huống lúc ấy cũng chẳng hiểu

rõ. Suốt mấy ngày báo chí hai nơi đăng tải, không ai chẳng hít hà than lạ! Sau khi tôi trở về núi, từng đem bài báo ấy thưa trình cặn kẽ với thầy (tức tổ Ấn Quang), khi ấy cũng chỉ cùng nhau than là lạ. Tôi trở về liêu xá, sau đấy Sư sai người hầu đem đoạn văn trên đây đưa cho xem. Xem xong kẹp trong sách, cũng chưa từng đọc lại.

Nay thầy đã vãng sanh, mới đặc biệt lôi ra kiểm lại để dán bồi tờ giấy ấy. Chữ tàn lẻ loi sót lại, chỉ còn được một phần ánh sáng tốt lành. Từng nhớ ông X... có ghi chép, giữ gìn được bài viết về chuyện ông Vương Hữu Quân bán rượu mấy cân, trân quý dị thường. Như vậy giá trị của mảnh giấy này của thầy tôi chẳng cần phải đợi đến năm nào mới bình luận, lượng định nữa. Kính cẩn viết vào hai hôm trước ngày Trừ Tịch (ba mươi Tết) năm Canh Thìn (1940). Năm Tân Tỵ (1941), mấy hôm sau bữa hoa nở, viết tại Dưỡng Tâm Thất của Linh Nham Sơn Tự. Ngày Hai Mươi Hai tháng Mười năm Giáp Ngọ (1954), kính vâng lời dạy của Diệu Chân thượng nhân mà kính cẩn chép lại. Đệ tử Huệ Kiến ghi vào năm bảy mươi bảy tuổi (Huệ Kiến là pháp danh của Mộng Am).

10. Lời tiểu dẫn cho tập sách Danh Hiền Đề Vịnh

(viết thay cho Linh Nham Thường Trụ)

Quý khách đến ở, chùa cổ sáng ngời. Riêng soạn sách vụng, cầu đề lời hay, để trấn tam quan, kết hương liên xã. Trăm năm mãn thọ, cùng về Tây Phương.

11. Hậu thân của thi nhân Trương Vĩnh Phu

Trương Vĩnh Phu giỏi làm thơ, tánh tình tỉ mỉ. Khi chết, bạn ông ta là Thịnh Thanh Lũ chôn [họ Trương] bên sườn núi Linh Nham. Mười tám năm sau, nhằm ngày sinh nhật của Thanh Lũ, một viên quan Hàn Lâm còn đang trong độ tuổi thiếu niên đến mừng sinh nhật. Chàng thiếu niên ấy chính là hậu thân của Vĩnh Phu vậy.

12. Trả lời câu hỏi giùm bạn của ông Đinh Phước Bảo

Lệnh hữu hỏi về chuyện "dùng Quả Địa Giác để làm Nhân Địa Tâm". Đấy là vì một câu A Di Đà Phật vạn đức hồng danh đã bao nhiếp hết sạch Bồ Đề giác đạo do đức A Di Đà Phật đã chứng. Chúng sanh niệm Phật nếu có thể khẩn thiết chấp trì ức niệm chính là dùng quả đức của

Phật Di Đà để xông ướp vọng tâm nghiệp thức của chính mình. Xông lâu ngày chầy tháng, nghiệp tận tình không, tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo, toàn bộ cái tâm chúng sanh biến thành Như Lai Tạng. Nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm là như thế đấy.

XII. Văn sớ

1. Văn sớ dành cho Phật Thất nhằm gieo phước cầu con

Nép trông: Phật quang chiếu khắp, như vầng trăng Thu giữa hư không. Pháp hóa lưu hành như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật. Sở cầu đều toại, không nguyện nào chẳng thỏa. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng Từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, kính phụng hành di giáo của Thích Ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn…. do nay có tín nam (hay tín nữ)… cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật, sắp đặt cỗ chay, gieo phước, tăng thọ, cầu sanh con nối dòng, nhất tâm khấu đầu trước các tòa sen vàng của Sa Bà giáo chủ Thích Ca Văn Phật, Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, hiện tọa đạo tràng Quán Âm Đại Sĩ, mười phương tam thế vô tận Tam Bảo, nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết mong ngóng.

Đệ tử tha thiết nghĩ mình lạm phần sanh nhằm đời thịnh, thẹn dự vào loài người, tuổi đã ngoài bốn mươi mà vẫn chẳng có một đứa con nào. Nói chung là do túc nghiệp sâu dầy, thiện căn hiện đời yếu nhỏ, đến nỗi thiếu con nối dòng, chẳng thể nguôi tấm lòng phụng thừa đời trước, mở mang đời sau được. Phước huệ cạn mỏng, không cách nào làm chuyện yêu vật thương người. Do vậy đặc biệt phát lòng Thành, cung thỉnh chùa… mở một hội Phật thất, khai đàn vào ngày… tháng… cung thỉnh… (bao nhiêu vị) sư tăng giới đức suốt ngày xưng niệm hồng danh thánh hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai cho đến ngày… thì viên mãn. Lại trong ngày… mở một hội Diệm Khẩu Phổ Tế Cô Hồn, vào ngày… thiết một hội Như Ý Đại Trai, lại đem… (bao nhiêu) tiền giúp tu bổ Thiên Vương Bảo Điện.

Dùng công đức này chuyên cầu Phật rủ lòng Từ gia bị, pháp nhuận rộng sâu, sương tội tiêu tan, núi thọ chót vót. Lân đá giáng[228] để che giấu

---

[228] *"Thạch lân"* con lân đá, chính là lời chúc tụng người khác sanh được con. Theo truyện Từ Lăng trong Nam Sử, vào đời Trần, khi Tử Lăng mới lên mấy tuổi được

tội khiên của cha, con cháu đều rạng danh thơm. Lại cầu tổ tiên cùng sanh về Lạc Bang, quyến thuộc hiện đời đều tăng phước thọ. Lại cầu mưa thuận gió hòa, dân yên, vật mạnh. Can qua vĩnh viễn chấm dứt, trong ngoài nước đều hiệp hòa. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Chúng sanh trong pháp giới đều viên thành Chủng Trí.

Kính mong Tam Bảo rủ lòng Từ chứng minh nhiếp thọ. Kính cẩn dâng sớ tâu trình cặn kẽ nhằm lúc vận trời chuyển đúng vào ngày… tháng… năm…

2. Văn sớ cầu siêu vong linh vãng sanh Tây Phương trong Phật Thất

Nép trông: Phật quang chiếu khắp như mặt trời rực rỡ giữa trời, pháp hóa lưu hành như cam lộ nhuần thấm mọi vật. Có chuyện mong cầu đều ứng, không nguyện nào chẳng tròn. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng Từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng phụng hành di giáo của Thích Ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn…. nay do [tín chủ] cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng Phật Thất cầu siêu cho người đã khuất vãng sanh Tây Phương. Ngày hôm nay [tín chủ]… đã suất lãnh toàn thể gia quyến tốt lành, rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng trước các tòa sen vàng báu của Sa Bà giáo chủ Thích Ca Văn Phật, Cực Lạc giáo chủ A Di Đà Phật, thập phương tam thế vô tận Tam Bảo. Nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết mong ngóng.

Chúng con tha thiết đau đáu nghĩ tới [vong linh]… sanh nhằm giờ… ngày… tháng… năm… mất nhằm giờ… ngày… tháng… năm… Nghĩ vong linh khuất bóng đã lâu, hình dung, giọng nói vĩnh viễn xa lìa, chưa tu Niệm Phật tam-muội, khó khỏi theo nghiệp thăng trầm. Tam đồ cố nhiên là nơi đau đớn khổ sở, cõi nhân thiên cũng chẳng yên vui. Nếu chẳng vãng sanh Tây Phương, quyết khó được thân - tâm tự tại. Do vậy,

---

người nhà dẫn đến bái yết ngài Bảo Chí (tức Chí Công hòa thượng), ngài Bảo Chí liền xoa đầu, khen: *"Con lân đá từ cõi trời giáng xuống"*. Do vậy, chữ Thạch Lân thường được dùng trong những câu chúc tụng người khác sanh con tốt lành, ngoan ngoãn, giỏi giang. Quả nhiên sau này Từ Lăng là một nhà văn học lỗi lạc dưới thời Trần. Khi gặp được tổ Trí Giả, Từ Lăng đã phát nguyện hoằng dương tông Thiên Thai trong tương lai, nên sau đấy đã tái sanh trở thành vị tổ thứ sáu của tông Thiên Thai, tức Pháp Hoa tôn giả.

cung kính về chùa… mở đạo tràng niệm Phật suốt bảy ngày để cầu siêu cho vong linh vãng sanh Tây Phương, nương cậy sư tăng giới đức xưng dương thánh hiệu Di Đà, dâng cỗ chay sáu vị thơm tho cúng dường Thường Trụ Tam Bảo. Sáu thời ức niệm, bảy ngày tu ròng, nhóm họp công đức chuyên cầu [vong linh]… thần siêu cõi Tịnh, nghiệp trả lại trần lao, sen chín phẩm nở hoa, trong một đời được Phật thọ ký. Lại cầu tổ tông các đời đều về Cực Lạc; quyến thuộc hiện tại đều được tốt lành. Bốn loài, chín cõi đều quy hướng pháp môn Tịnh Độ; tám nạn, tam đồ cùng vào biển nguyện của Phật Di Đà. Cung kính cầu Tam Bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ.

Kính cẩn dâng sớ tâu trình mọi lẽ vào ngày… tháng… năm…

3. Văn sớ dùng trong Phật Thất nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Phật, trời che chở khắp, chỉ cần hễ cảm đều liền thông, biển pháp vô biên, chỉ có cạn lòng Thành thì mới được lợi ích. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng Từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, phụng hành di giáo của đức Thích Ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn…. nay do [tín nam (tín nữ)] cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng Phật Thất nhằm gieo phước, tăng thọ. Tín nam (tín nữ)… vốn sanh nhằm giờ… ngày… tháng… năm…, nay tròn…. tuổi, ngày hôm nay đã suất lãnh toàn thể gia quyến tốt lành, rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng trước các tòa sen vàng báu của Sa Bà giáo chủ Thích Ca Văn Phật, Cực Lạc giáo chủ Vô Lượng Thọ Phật, thập phương tam thế vô tận Tam Bảo. Nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết ngưỡng vọng.

Tha thiết nghĩ: Đệ tử lạm sanh nhằm thời hưng thịnh, thẹn dự vào loài người, thiện căn nhỏ yếu, chưa biết phương hướng xuất thế. Lỗi cũ quá nhiều, nẻo tu nhân mê muội đã lâu. Lại còn được trời che, đất chở, thầy dạy, cha mẹ sanh thành, chịu ân lớn vượt trỗi hư không, báo ân ít còn hơn mảy giọt. Nếu chẳng gieo lòng Thành nơi Tam Bảo, làm cách nào báo khắp bốn ân? Do vậy, kính cẩn ngay trong hôm nay, cung kính về chùa… mở đạo tràng niệm Phật nhằm gieo phước, tăng thọ trong suốt bảy ngày, cậy nhờ sư tăng giới đức xưng dương thánh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, dâng cỗ chay sáu vị thơm tho cúng dường Thường Trụ Tam Bảo.

Sáu thời ức niệm, bảy ngày tu ròng, nhóm họp công đức chuyên cầu núi tội sụp đổ, biển nghiệp khô ran, thọ ngày càng tăng, phước tự trời ban xuống. Quyến thuộc hiện tại đều hưởng Ngũ Phước để vun bồi nhân thù thắng, họ hàng, thân thuộc trong quá khứ đều nương theo lòng Từ của Phật để sanh về Tịnh Độ. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Pháp giới hữu tình cùng viên mãn Chủng Trí *(phần dưới lược đi)*.

4. Văn sớ dùng cho Phật Thất sám hối phát nguyện

(Phần đầu lược đi) Tha thiết nghĩ đệ tử… túc nghiệp sâu nặng, quá khứ, hiện tại rối bời. Tuy chuyên chí tu Tịnh nghiệp, vẫn chưa được "tâm Phật tương ứng", nhiều năm bệnh tật triền miên, nay lại càng thêm trầm trọng. Do vậy, đặc biệt xin chùa… mở đạo tràng niệm Phật cầu sanh Tây Phương một thất.

Khẩn cầu Di Đà từ phụ và các thánh chúng đặc biệt rủ lòng từ bi, mau đến tiếp dẫn con, khiến cho con chánh niệm phân minh, theo Phật vãng sanh. Chẳng lìa đương niệm liền sanh về Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, nương Phật từ lực và nguyện luân của chính mình, trở vào Sa Bà độ thoát chúng sanh. Nếu tuổi thọ trong đời này chưa hết, nguyện con mau được lành bệnh, sẽ cho đến hết báo thân này, hoằng dương Tịnh Độ, rộng độ chúng sanh hòng báo ân Phật.

Lại nguyện cha và cô đã khuất sẽ nương công đức này, thần siêu cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa thượng phẩm, Phật thọ ký trong một đời. Gia mẫu là… tin sâu Phật pháp, chuyên tu Tịnh nghiệp, lâm chung chánh niệm rõ ràng, được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc. Người vợ đã khuất là… ở trong đàn tràng Phật thất này được Phật từ bi gia bị, chẳng lìa đương niệm liền dự Liên Trì. Lại nguyện tổ tông các đời, oán thân bao kiếp, cùng lên Tịnh Độ huyền môn, cùng vào biển nguyện của Phật Di Đà. Lại nguyện cửa nhà tốt lành, yên ổn, quyến thuộc bình an, chiến tranh sớm chấm dứt, trong ngoài nước hiệp hòa.

Cung kính mong Tam Bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ, kính cẩn dâng sớ.

5. Văn sớ dùng trong buổi tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, kinh Dược Sư mầu nhiệm thật đúng là thuyền bè trong biển khổ.

Hễ có cầu đều ứng, không cảm nào chẳng thông. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng Từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại núi… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích Ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn…. nay do [tín chủ] cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước, tăng thọ. Tín nam (tín nữ)… đã suất lãnh toàn thể quyến thuộc tốt lành, ngày hôm nay rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng dưới các tòa sen báu của đức Sa Bà giáo chủ Thích Ca Văn Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, thập phương tam thế vô tận Tam Bảo, nguyện dõi mắt xanh biếc, soi xét tấm lòng son.

Trộm nghĩ: Đệ tử tuy sanh nhằm thuở Mạt Pháp, may sống tại Trung Hoa…, được Phật, thánh chở che, cậy cha mẹ vỗ về, nuôi nấng, chẳng chỉ thọ ân lại còn mong báo đền, cũng như muốn sám hối tội lỗi để tự sửa đổi trở thành con người mới. Do vậy, liền kính cẩn trong ngày hôm nay cung kính về chùa… mở một hội đạo tràng tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước tăng tuổi thọ, cậy vào sư tăng giới đức, xưng dương thánh hiệu Dược Sư, kiền thành lễ Phật và thánh chúng trong hải hội Dược Sư.

Đem công đức này chuyên cầu đệ tử… nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Thọ ngày càng dài lâu, đức theo thời càng mới. Lại nguyện oán thân bao kiếp đều bình đẳng được giải thoát, quyến thuộc hiện tại đều được yên vui, khỏe mạnh. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Pháp giới hữu tình đều viên mãn Chủng Trí. Cung kính cúi xin Tam Bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ. Kính cẩn dâng sớ.

Nước… ngày… tháng… năm, kính trình cặn kẽ.

6. Sớ văn dùng trong Phật Thất nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Phật quang chiếu khắp, như vầng trăng Thu giữa hư không. Pháp hóa lưu hành như mưa đúng thời nhuần trọn muôn vật. Sở cầu đều toại, không nguyện nào chẳng thỏa. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng Từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… nước…thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích Ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn…. Do nay có tín nam [tín nữ]…. cư trụ tại khu… đường… thành phố... thờ Phật, sắp đặt cỗ chay, gieo phước, tăng thọ, đã cùng toàn thể quyến thuộc tốt lành, nhất tâm khấu đầu trước các tòa sen báu của Sa Bà giáo chủ Thích Ca Văn Phật,

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, hiện tọa đạo tràng Quán Âm Đại Sĩ, mười phương tam thế vô tận Tam Bảo, nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng thiết tha mong ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử lạm phần sanh nhằm đời thịnh, may được làm người, nhờ đức trạch của tổ tiên nên cơm áo vẫn chưa thiếu thốn. Thường muốn báo ân, gieo phước, tu trì Tịnh nghiệp. Hiềm rằng căn cơ cạn mỏng, tội chướng rộng sâu, bỏ uổng phí thời gian, chưa được lợi ích thật sự. Nay bị bệnh tật triền miên[229], càng sợ ba cõi chẳng yên. Do vậy, đặc biệt dấy lòng Thành, cung kính về chùa… mở một hội Phật Thất chuyên trì thánh hiệu vạn đức hồng danh của A Di Đà Phật, chọn hôm khai đàn vào ngày… trong tháng này, cung thỉnh… (bao nhiêu vị) sư tăng giới đức suốt ngày nhất tâm niệm thánh hiệu cho đến ngày… thì viên mãn.

Lại trong ngày hôm ấy, mở một hội Diệm Khẩu Phổ Tế Cô Hồn. Dùng công đức này chuyên cầu Phật rủ lòng Từ gia bị, pháp lợi thấm nhuần, sương tội tiêu tan, thân tâm yên vui, mặt trăng huệ rạng ngời, hiểu rõ Đế Lý. Hiện tại đạo nghiệp tăng tấn, sống được dự vào địa vị cao cả trong hàng thánh hiền, lâm chung thần thức lẫn xác thân đều tốt đẹp, cao đăng cõi Cực Lạc. Lại cầu tổ tiên quá khứ cùng sanh về Tây Phương, quyến thuộc hiện đời đều tăng phước thọ. Lại cầu mưa thuận gió hòa, dân yên, vật mạnh. Can qua vĩnh viễn chấm dứt, trong ngoài nước đều hiệp hòa. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Chúng sanh trong pháp giới đều viên thành Chủng Trí. Kính mong Tam Bảo rủ lòng Từ chứng minh nhiếp thọ.

Kính cẩn dâng sớ tâu trình cặn kẽ nhằm ngày… tháng… năm… Âm Lịch, tức năm… Dương Lịch.

7. Điệp thỉnh và văn sớ cho pháp hội Phổ Lợi Thủy Lục

[229] Nguyên văn *"nhị thụ vi khốn"*. Theo Từ Nguyên, Thụ có nghĩa là đứa trẻ (theo cách viết giả tá mô phỏng ngữ âm thời ấy). Tương truyền vào thời Xuân Thu, Tấn Cảnh Công bị bệnh nặng đã lâu không khỏi, nằm mộng thấy trong thân nhảy ra hai đứa bé con. Một đứa bảo: "Thầy thuốc giỏi đến rồi đó, hãy mau trốn đi". Đứa kia nói: "Hãy núp vào cao hoang, việc gì phải trốn?" Quả nhiên, vua Tần Hoàn Công phái danh y sang đất Tấn thăm bệnh. Danh y chẩn mạch, lắc đầu: "Bệnh đại vương đã vào đến cao hoang, dược lực không có cách nào thấu tới được". Chẳng lâu sau, Tấn Cảnh Công liền chết. Cao Hoang là phần trên tim, phía dưới hoành cách mô. Do câu chuyện này mới có hai thành ngữ: *"Bệnh nhập cao hoang"* (bệnh đã ngặt nghèo tới mức hết thuốc chữa) và *"nhị thụ vi ngược"* (bị hai đứa trẻ hành hạ, ý nói bệnh tật ngặt nghèo triền miên).

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, diệu pháp linh văn chính là thuyền bè trong biển khổ. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng Từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại núi… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích Ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn…. nay do tín nam (tín nữ)… cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… tuổi… bổn mạng sanh nhằm cung… giờ… ngày… tháng… thờ Phật, sắp đặt cỗ chay hòng gieo phước, tăng thọ. Ngày hôm nay, nhất tâm quy mạng Sa Bà giáo chủ Thích Ca Thế Tôn, thập phương tam thế vô tận Tam Bảo, nguyện rộng phóng từ quang, xét soi tấc lòng tha thiết trông ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử và các chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi trong sáu nẻo, mê tâm, chấp cảnh, trái giác hiệp trần, trong chân thường lầm thấy vô thường, nơi Cực Lạc biến thành cực khổ. Chẳng gặp duyên lành, sẽ không có cách nào diệt tội, tăng phước. Chẳng tu pháp thù thắng, sẽ chẳng có cách nào cầu siêu cho người thân, cởi gỡ oan khiên. Gặp dịp chùa… nhóm họp mọi điều lành, lập hội Vạn Niên Phổ Lợi Thủy Lục, cũng góp sức một phần, cầu mong nhận hưởng điều phước, sự lành, nhằm đền ân, giúp đỡ chúng sanh trong ba cõi. Mỗi năm vào ngày… tháng… liền khai đàn đến ngày… viên mãn.

Trong pháp hội này, chúng con nhất tâm phụng thỉnh mười phương pháp giới tứ thánh lục phàm, vạn đức, vạn linh, quang giáng pháp diên để chúng con được cúng dường. Nhờ vào đại chúng thanh tịnh phúng tụng… Nhóm họp công đức như trên, ngưỡng mong Tam Tôn rủ lòng chứng giám, vạn thánh phóng quang. Khơi rộng cửa dẹp khổ, mở toang đạo ban vui. Bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng sanh đều mau thoát khỏi chốn khổ, sanh ngay sang cõi vui. Đệ tử dự hội sống thì phước thọ tăng cao, mất về Liên Bang.

Đàn tràng này ngoài việc tuân theo khoa nghi để lo liệu, sắp đặt, mỗi người [tham dự] đều được cấp một tờ điệp văn để người ấy đeo, giữ tùy thân, nhằm khi mãn báo thân trăm tuổi, nhờ vào điệp văn này liền sanh về Tịnh Độ. Do vậy, soạn điệp văn để cấp cho những người cần lãnh điệp văn, giao cho tín nam (tín nữ)… tham dự tu tập, vun bồi cái nhân để cầm theo tùy thân.

Nhằm ngày… tháng… năm... công nguyên, chủ tu pháp sự công đức sa-môn… cấp điệp.

8. Văn sớ lễ bái Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, kinh mầu nhiệm Hoa Nghiêm chính là thuyền bè trong biển khổ. Có mong cầu đều ứng, không cảm nào chẳng thông! Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng Từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… nước…thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích Ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn…. Nay có tín nam (hay tín nữ)… cư trụ tại khu… đường… thành phố... tuổi…, bổn mạng sanh nhằm giờ… ngày… tháng... cung… thờ Phật, tu nhân gieo phước, tăng thọ. Ngày hôm nay xông ướp, tắm gội thắp hương, nhất tâm quy mạng dưới các tòa sen vàng báu của Sa Bà giáo chủ Thích Ca Văn Phật, Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tôn Kinh, hiện tọa đạo tràng Quán Âm Đại Sĩ, thập phương tam thế vô tận Tam Bảo. Nguyện dõi mắt xanh biếc, phóng từ quang, xét soi tấm lòng ngu thành tha thiết mong ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử từ vô thủy tới nay luân hồi sáu nẻo, mê tâm, chấp cảnh, trái giác, hiệp trần, buông lung thân - miệng - ý, tạo giết - trộm - dâm, cùng các chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Nơi chân thường lầm thấy sanh diệt, trong Cực Lạc biến thành hứng chịu khổ độc! Chẳng gặp duyên lành, sao diệt tội tăng phước? Chẳng tu pháp thù thắng, không cách nào báo ân, cởi gỡ oán thù. Do vậy, đặc biệt phát lòng Thành kiền thỉnh vị tăng giới đức là đại sư… thuộc chùa… cứ mỗi chữ một lạy, chí thành đảnh lễ một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh tám mươi mốt quyển.

Nay gặp lúc công đức viên mãn, Phật sự hoàn mãn tốt đẹp, ngưỡng mong Tam Tôn gia bị, vạn thánh phóng quang khiến cho bản thân đệ tử và quyến thuộc cả nhà đều tai chướng băng tiêu, tốt lành như mây nhóm tới, phước trạch sâu tựa biển Đông, thọ lượng cao tầy non Nam. Những vị đã khuất trong các đời đều được hưởng pháp lợi cùng sanh về Cực Lạc, dằng dặc truyền mãi tới hậu duệ, gội ân Phật đều hưởng yên vui, khỏe mạnh. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi, pháp giới hữu tình đều viên mãn Chủng Trí. Ngưỡng mong Tam Bảo từ bi, chứng minh nhiếp thọ. Do vậy, đàn này bèn cấp một tờ điệp văn để những người ấy cầm giữ nơi thân, hòng khi mãn báo thân trăm tuổi, sẽ cậy vào công đức này vãng sanh Tịnh Độ. Nay cấp điệp.

Điệp văn trên đây cấp cho tín nam (tín nữ)… tu nhân cầu quả gieo phước tăng thọ thâu nhận nhằm ngày… tháng… năm…Dương Lịch.

Chủ tu sa-môn…. kính soạn.

Bái kinh tỳ-kheo… cung kính ký tên

XIII. Câu đối

1. Câu đối ở cửa Tam Quan

Tịnh Độ pháp môn phổ nhiếp quần cơ, thật Như Lai thành thủy thành chung chi đạo,

Di Đà ân đức biến triêm hàm thức, thị chúng sanh tâm tác tâm thị chi phương.

(Pháp môn Tịnh Độ nhiếp khắp căn cơ, thật đạo Như Lai thành thủy thành chung,

Ân đức Di Đà thấm trọn hàm thức, dạy chúng sanh nẻo tâm làm, tâm là)

2. Gác Di Lặc

Di Lặc vị đương lai Thế Tôn, viễn bổn liên kinh bất tuyên, thật tắc cửu thành vô thượng đạo,

Lâu các nãi pháp giới toàn tàng, diệu đế Hoa Nghiêm lược hiển, quán tư khả hiểu trụ tư nhân.

(Di Lặc là Thế Tôn thuở tương lai, kinh sen chẳng nói tới Bổn Địa lâu xa, thật ra thành vô thượng đạo đã lâu,

Lâu các vốn trọn thâu khắp pháp giới, Hoa Nghiêm lược bày sự thật nhiệm mầu, nhìn vào đó hiểu vị trụ trong đấy)

Bảo các phú thập hư, trực đồng vạn tượng không hàm, viên chương pháp giới tu nhân sự,

Phân thân biến trần sát, uyển nhược thiên giang nguyệt ấn, dự nhiếp Long Hoa thọ ký nhân

(Gác báu rợp mười phương, thật giống hư không dung muôn hình tượng, phô trọn chuyện tu nhân trong pháp giới,

Phân thân khắp trần sát, hệt như vầng trăng in bóng ngàn sông, nhiếp sẵn người thọ ký hội Long Hoa)

3. Đại Hùng bảo điện

Nguyện trọng, bi thâm, cử tam căn nhi phổ độ,
Chân cùng, Hoặc tận, siêu Thập Địa dĩ độc tôn.
(Nguyện nặng, bi sâu, độ khắp trọn ba căn,
Chân cùng, Hoặc tận, độc tôn trỗi Thập Địa)

4. Địa Tạng điện

Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ Đề, bi tâm vô ký,
Địa ngục dĩ không thủy thị thành Phật, từ thệ mạc cùng.
(Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề, bi tâm vô tận,
Địa ngục trống rồi mới hiện thành Phật, từ thệ khôn cùng)

5. Quán Âm (hai bài)

Diệu tướng trang nghiêm, phổ nhiếp thứ loại,
Bi tâm trắc đát, quảng độ quần manh
(Diệu tướng trang nghiêm, nhiếp khắp mọi loài,
Bi tâm lồng lộng, rộng độ quần manh)

Đại Sĩ hiện thiên thủ nhãn biến đề phổ chiếu,
Chúng sanh đương nhất tâm chí quy mạng đầu thành
(Đại Sĩ hiện ngàn mắt, ngàn tay, chiếu soi nâng đỡ khắp,
Chúng sanh hãy một lòng, một chí, quy mạng dốc lòng thành)

6. Niệm Phật Đường (hai bài)

Đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương kế,
Chuyên chú nhất cảnh tất mạng vi kỳ
(Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối,
Chuyên chú một cảnh, hết mạng làm hạn)

Mạc nhạ nhất xưng siêu Thập Địa,
Tu tri lục tự quát tam thừa
(Chớ lạ xưng danh một tiếng, sao vượt trỗi Thập Địa?
Nên biết hồng danh sáu chữ, bao trọn khắp ba thừa)

7. Tặng đại sư Pháp Không

Tu hành dĩ đối trị phiền não tập khí vi bổn,
Tỉnh kỷ dĩ bất khẳng phóng túng tự khi vi công.
(Tu hành, lấy đối trị phiền não tập khí làm gốc,
Xét mình, dùng "chẳng chịu buông lung, tự khinh" làm công)

8. Tặng cư sĩ Quách Giới Mai

Bôi lượng dung tam thiên thế giới,
Độ sanh tận thập nhị hàm linh
(Lượng chén[230] chứa khắp cả tam thiên thế giới,
Độ sanh trọn hết mười hai loại hàm linh)

9. Tặng cư sĩ Đới Địch Trần (hai bài)

Khuyến thân tu Tịnh, tận Nho đạo,
Kỳ chúng vãng sanh, sướng Phật hoài
(Khuyên cha mẹ tu Tịnh Độ, trọn hết đạo Nho,
Cầu mọi người được vãng sanh, thỏa Phật bổn hoài)

Ngũ Uẩn giai không, nhất pháp bất lập,
Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành
(Ngũ Uẩn đều không, một pháp chẳng lập,
Các ác đừng làm, các lành vâng giữ)

XIV. Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Ngữ

[230] Trong lời tựa cho tác phẩm Bôi Độ Trai Văn Tập của cư sĩ Quách Giới Mai (xin xem lời tựa này trong quyển hai của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên), tổ Ấn Quang đã viết: *"Ấy là vì muốn độ người nơi biển cả phiền não ác nghiệp, phải dùng những lời hay hạnh đẹp của cổ thánh tiên hiền và sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã dạy để làm căn cứ, rồi tùy sự tùy cảnh dùng văn tự của chính mình để tỏ rõ. Đối với những chỗ nào chẳng thể dùng lý luận giảng rõ được bèn dẫn những sự tích xưa nay làm chứng cứ ngõ hầu kẻ cứng cổ phải quay đầu, kẻ tánh tình buông lung phải sửa đổi cái tâm. Nhưng vì đạo đức của chính mình nhỏ bé, mỏng manh, chẳng thể cảm hóa lớn lao, giống như dùng cái chén (Bôi) để độ (cứu vớt) người nên chỉ độ được hữu hạn. Đấy chính là danh xưng tự khiêm. Cần biết rằng: Cái chén này thuộc loại đại nguyện thuyền của Như Lai. Chịu lên cái chén ấy sẽ có thể ngay lập tức lên thẳng thuyền đại nguyện theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, rộng lớn không bờ bến".*

(lời tựa tự đề xin xem trong Văn Sao Tục Biên)
Đặng Huệ Tải bút ký

1. Ngày thứ nhất: Giảng niệm Phật, ăn chay là căn bản để hộ quốc tức tai

Ấn Quang vốn là một ông Tăng vô tri, vô thức, chỉ biết đến cơm cháo, chỉ biết niệm Phật dăm câu, tuy sống luống uổng hơn bảy mươi năm, nhưng tuyệt chẳng hề triệt để nghiên cứu Phật pháp. Pháp hội Hộ Quốc Tức Tai[231] lần này, do các vị kèo nài tham gia, vì tình nghĩa chẳng thể khước từ được. Vả lại, đây là chuyện quan hệ đến phước lợi quốc gia mà cũng là trách nhiệm tôi phải tận lực nên tôi chẳng nề hà mình hiểu biết sơ sài, kém cỏi đến dự pháp hội này. Nhưng những điều tôi giảng hôm nay trọn chẳng phải là lý luận cao sâu gì, chỉ là trình bày phương pháp căn bản để "hộ quốc tức tai". Còn về ý nghĩa quan trọng của pháp hội lần này, đợi tới ngày mai sẽ bàn đến.

Mục đích của pháp hội lần này là hộ quốc tức tai, nhưng làm sao mới đạt được mục đích ấy? Tôi cho rằng phương pháp căn bản là Niệm Phật vì sát kiếp và hết thảy tai nạn đều do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm. Nếu ai nấy đều niệm Phật thì sẽ xoay chuyển được nghiệp này. Nếu chỉ có một ít người niệm Phật thì [nghiệp ấy] cũng có thể giảm nhẹ. Pháp môn Niệm Phật tuy là vì cầu sanh Tịnh Độ, liễu thoát sanh tử mà lập ra, nhưng sức tiêu trừ nghiệp chướng của nó quả thật cũng cực kỳ lớn lao. Người chân chánh niệm Phật trước hết ắt phải giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ngăn dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện.

Cần nhất là phải hiểu rõ nhân quả, tự hành, dạy người [hành]. Hiện tại, các thứ tà thuyết không thánh, không hiếu, khinh miệt đạo, phế luân thường, giết cha, chung vợ v.v… đều do bọn Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả - luân hồi đến nỗi sanh ra ác quả này. Nếu như ai nấy đều hiểu

[231] Hộ Quốc Tức Tai: Bảo vệ đất nước, chấm dứt tai nạn. Thông thường pháp hội Hộ Quốc Tức Tai thường bao gồm những khoa nghi cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu siêu cho những oan hồn uổng tử. Theo truyền thống, trong pháp hội này, đại chúng thường tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Pháp Hoa và Kim Quang Minh, kết thúc bằng nghi thức Diệm Khẩu hoặc Vô Già Thủy Lục. Đặc biệt trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai này, tổ Ấn Quang đề xướng dùng Phật Thất để làm Hộ Quốc Tức Tai, mở ra một đường lối Hộ Quốc Tức Tai vừa giản tiện vừa hiệu quả thiết thực vì đại chúng chuyên tu, dễ nhiếp tâm cầu nguyện thay vì lo tán tụng, xướng bái quá rềnh rang, dễ sanh ra tâm lý ngại khó, mong làm cho xong.

rõ nhân quả thì quyết chẳng một ai dám xướng lên những thuyết sai lầm ấy! Trong thế gian, người tốt hoàn toàn chẳng biến đổi rất ít, kẻ xấu hoàn toàn chẳng biến đổi cũng rất ít; đa số là kẻ lúc thượng, lúc hạ, khi tốt, khi xấu, cho nên giáo hóa là điều khẩn yếu nhất vậy. Khổng Tử nói: *"Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di"* (Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là chẳng thay đổi). Chỉ cần ra sức giáo hóa thì sẽ có thể khiến cho con người đổi ác theo lành, buông dao đồ tể, ngay lập tức thành Phật chẳng sót một ai! Chỉ là do nơi con người tin tưởng, nghĩ nhớ, tận lực mà hành đấy thôi.

Sở dĩ xã hội Trung Quốc hiện thời loạn lạc rối ren đến mức như thế này đều là do không được giáo hóa; nhưng giáo hóa phải bắt đầu từ lúc còn thơ ấu như thường hay nói: *"Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài"* (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về). Nếu thuở nhỏ chẳng dạy, đến lúc lớn, khó lòng lay chuyển được! Vì sao? Tập tánh (thói quen) đã thành, không cách chi thay đổi được. Vì thế, người niệm Phật cần phải chú ý giáo dục con cái mình trở thành người tốt, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Nếu ai cũng làm được như thế thì tai nạn tự tiêu, đất nước cũng tự được gìn giữ, bảo vệ!

Chân lý mầu nhiệm căn bản của pháp môn Niệm Phật nằm trong ba kinh Tịnh Độ, nhưng theo như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm đã dạy thì [niệm Phật] lại càng là hạnh nguyện căn bản chẳng thể thiếu khuyết. Bởi lẽ, Thiện Tài đã viên mãn tâm Thập Tín[232],

---

[232] Thập Tín là mười địa vị trong năm mươi hai địa vị tu học của Bồ Tát (không kể địa vị Pháp Vân Địa), tức là mười tâm ban đầu mà Bồ Tát muốn thành Phật phải tu tập. Trọng tâm của mười tâm này đặt tại Tín, có công năng thành tựu Tín Hạnh, nên mười địa vị này gọi đầy đủ là Thập Tín Tâm, đôi khi còn gọi tắt là Thập Tâm. Có nhiều cách giải thích Thập Tín. Theo Hiền Thánh Danh Tự Phẩm của kinh Bồ Tát Anh Lạc Bổn Nghiệp thì Thập Tín là: Tín tâm (nhất tâm quyết định, ưa muốn được thành tựu), Niệm tâm (thường tu sáu niệm, tức niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí và niệm Thiên), Tinh Tấn tâm, Định tâm, Huệ tâm, Giới tâm (thọ trì luật nghi Bồ Tát Giới thanh tịnh, giữ ba nghiệp thanh tịnh. Hễ phạm lỗi bèn sám hối thề không tái phạm), Hồi Hướng tâm, Hộ Pháp tâm (bảo vệ, ngăn ngừa cái tâm, chẳng để nó khởi phiền não), Xả tâm (chẳng tiếc thân mạng, tài sản, bỏ tất cả những gì đạt được), Nguyện tâm.

Theo phẩm Bồ Tát Giáo Hóa trong kinh Nhân Vương Hộ Quốc (bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập) thì Thập Tín là: Tín tâm, Tinh Tấn tâm, Niệm tâm, Huệ tâm, Định tâm, Thí tâm, Giới tâm, Hộ tâm, Nguyện tâm, Hồi Hướng tâm. Kinh Phạm Võng lại giảng là Xả tâm, Giới tâm, Nhẫn tâm, Tấn tâm, Định tâm, Huệ tâm, Nguyện tâm, Hộ tâm, Hỷ tâm, Đảnh tâm; và gọi chung là Thập Phát Thú Tâm thuộc về Kiên Tín Nhẫn. Kinh Lăng Nghiêm giảng là Tín Tâm Trụ, Niệm Tâm Trụ, Tinh Tấn Tâm Trụ,

tham học với tỳ-kheo Đức Vân, liền được Ngài dạy cho pháp môn Niệm Phật, nhập vào Sơ Trụ[233], phần chứng Pháp Thân. Từ đấy, Thiện Tài tham học với hơn năm mươi vị thiện tri thức, hễ nghe xong liền chứng, từ Nhị Trụ cho đến Thập Địa là bốn mươi địa vị. Tối hậu, ở chỗ Phổ Hiền Bồ Tát, Thiện Tài được Ngài khai thị, được sức oai thần gia bị, sở chứng ngang với ngài Phổ Hiền, ngang với chư Phật, liền thành Đẳng Giác Bồ Tát. Sau đó, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt quy hướng Cực Lạc, khuyến khích, cổ vũ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng nhất trí tinh tấn hành trì, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm mong viên mãn Phật Quả.

Vì thế, biết rằng: Pháp môn Niệm Phật, tự phàm phu thuở ban đầu cũng có thể chứng nhập được, mà rốt cục đến bậc Đẳng Giác cũng chẳng thể vượt ra ngoài nổi. Thật là pháp môn Tổng Trì trên thành Phật đạo, dưới giáo hóa chúng sanh, thành thỉ, thành chung[234] của mười phương tam thế hết thảy chư Phật. Vì thế, [pháp môn này] được chín giới cùng hướng về, mười phương chung tán thán, ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết.

Phàm là người học Phật thì có một việc rất nên chú ý là kiêng ăn mặn vì ăn mặn sẽ tăng trưởng cơ duyên giết hại. Con người và hết thảy động vật cùng sống trong vòng trời đất, tâm tánh vốn bình đẳng, chỉ vì nhân duyên ác nghiệp đến nỗi hình thể sai khác quá xa. Nếu đời này quý vị ăn thịt chúng nó, đời mai sau chúng nó sẽ ăn thịt quý vị. Oán hờn báo đền mãi, cơ duyên giết chóc đời đời chẳng có lúc nào kết thúc. Nếu như ai nấy đều ăn chay thì sẽ vun bồi tâm từ bi của chính mình, tránh khỏi cơ

Huệ Tâm Trụ, Định Tâm Trụ, Bất Thoái Tâm Trụ, Hộ Pháp Tâm Trụ, Hồi Hướng Tâm Trụ, Giới Tâm Trụ, Nguyện Tâm Trụ và gọi chung là Thập Tâm Trụ. Tuy các kinh liệt kê danh tướng hơi sai khác, nhưng xét về đại thể mười tâm này gần giống nhau.

[233] Sơ Trụ, gọi đủ là Sơ Phát Tâm Trụ, tức địa vị đầu tiên của Thập Trụ (thuộc giai đoạn thứ hai sau khi viên mãn Thập Tín), đôi khi còn gọi là Phát Ý Trụ. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát trụ địa vị này là người thiện căn bậc thượng dùng phương tiện chân thật phát khởi Thập Tín Tâm, phụng hành Tam Bảo, thường trụ trong tám vạn bốn ngàn Bát Nhã Ba La Mật, vâng giữ tu tập hết thảy hạnh, hết thảy pháp môn, thường dấy lên tín tâm, chẳng nẩy sanh tà kiến, mười tội nặng, ngũ nghịch, tám thứ điên đảo, chẳng sanh vào chỗ tai nạn, thường gặp gỡ Phật pháp, học rộng, nhiều trí huệ, cầu nhiều phương tiện, trụ nơi địa vị Không Tánh, dùng Không Lý Trí Tâm để tu tập pháp của chư Phật quá khứ, xuất sanh hết thảy công đức.

[234] Do thành tựu phàm phu ban đầu nhập đạo nên gọi là "thành thỉ", đến địa vị cuối cùng là Đẳng Giác Bồ Tát vẫn phải nhờ vào pháp môn này để viên thành Phật đạo nên gọi là "thành chung".

duyên giết hại. Nếu không, dù cho niệm Phật, nhưng chỉ lo sướng miệng, vui bụng, ăn đẫy thức tanh hôi, vẫn chưa thể đạt được lợi ích thật sự nhờ học Phật vậy!

Hơn nữa, người đời nay ưa nói Thiền Tịnh Song Tu. Xét đến cùng cái gọi là Song Tu đó chỉ là khán câu *"người niệm Phật là ai?"* Đấy là chú trọng tham cứu, chẳng ăn nhập gì đến việc sanh lòng tin phát nguyện cầu vãng sanh của Tịnh Độ cả, rõ ràng là hai chuyện [khác biệt]! Thêm nữa, Thiền Tông nói: *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"* là nói đến đương nhân đích thân thấy được Phật tánh vốn sẵn đủ ở ngay trong tâm. Mật Tông nói: *"Ngay thân này thành Phật"* (tức thân thành Phật), tức là quan niệm "hễ giải thoát được sanh tử ở ngay nơi cái thân này" thì [gọi đó là] "thành Phật". Nếu vội hiểu những lời đó có nghĩa là [ngay chính nơi thân này] có thể thành tựu được vị Phật vạn đức đầy đủ, phước huệ viên mãn thì lầm to, lầm to mất rồi!

Bởi lẽ, *"kiến tánh thành Phật"* của Thiền Gia là [sở chứng] của địa vị đại triệt, đại ngộ. Nếu đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc[235] trong tam giới mới có thể liễu sanh thoát tử. *"Tức thân thành Phật"* trong Mật Tông chẳng qua là đạt tới địa vị liễu sanh tử đầu tiên. Địa vị đó là bậc A La Hán trong Tiểu Thừa đã liễu sanh tử. Trong Viên Giáo thì bậc Sơ Tín đoạn được Kiến Hoặc, bậc Thất Tín đoạn Tư Hoặc rồi mới giải quyết xong sanh tử. Bậc Thất Tín và A La Hán tuy cùng liễu sanh tử nhưng thần thông, đạo lực khác xa nhau vời vợi. Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín

---

[235] Kiến Hoặc gọi đầy đủ là Kiến Đạo Sở Đoạn Hoặc (Darśana mārga prahātavyānuśaya). Còn gọi là Kiến Phiền Não, Kiến Chướng, Kiến Nhất Xứ Trụ Địa. Theo Câu Xá Luận, những kiến chấp mê muội đối với lý Tứ Đế được gọi là Kiến Hoặc; còn mê chấp nơi hiện tượng sự vật thì gọi là Tu Hoặc. Theo đó, Kiến Hoặc gồm tám mươi tám thứ, gọi chung là Bát Thập Bát Sử. Về căn bản phiền não thì gồm Ngũ Lợi Sử (Thân Kiến: Chấp trước vào thân; Biên Kiến: Chấp chặt một bên có hay không, đúng hay sai, không thấy viên dung; Tà Kiến: thấy biết tà vạy; Kiến Thủ Kiến: Chấp chặt vào kiến giải một chiều, không thể chấp nhận những cách hiểu biết khác; Giới Cấm Thủ Kiến: Chấp chặt vào giới điều, giữ những giới xằng bậy) và Ngũ Độn Sử (tham, sân, si, mạn, nghi). Mười Sử này phối hợp với mỗi Đế trong Tứ Đế và mỗi Giới trong Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), tạo thành tám mươi tám thứ Hoặc cần phải đoạn.

Theo tông Thiên Thai, mê nơi lý của tam giới là Kiến Hoặc, mê nơi sự tướng gọi là Tư Hoặc (tức là Tu Hoặc của Câu Xá Luận). Sách Thiên Thai Tứ Giáo Nghi lại giảng như sau: *"Phiền não vốn không có thực thể, nhưng lại tưởng những pháp hư vọng không hề có thật là thật sự có, nên gọi là Kiến Hoặc. Tham, sân, si… các phiền não là những sự tướng duyên theo Ngũ Trần, Lục Dục, qua sự suy nghĩ mà huyễn giả tồn tại trong tâm, vì thế gọi là Tư Hoặc"*

phá được Trần Sa Hoặc[236], cho đến Thập Tín Hậu Tâm phá một phẩm Vô Minh, chứng một phẩm Tam Đức bí tạng[237], nhập Sơ Trụ, thành bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Trải qua Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác là bốn mươi mốt địa vị rồi mới chứng nhập địa vị Phật. Lịch trình còn lâu xa như thế đó, làm sao mà một bước liền có thể vọt tới nơi ngay cho được? Người tu Tịnh Độ đã sanh về Tây Phương liền liễu sanh tử thì cũng là *"tức thân thành Phật"*, nhưng Tịnh Tông chẳng nêu cái thuyết tiếm phận[238] ấy. Đem so sánh sự khó - dễ với việc thuần cậy vào tự lực của nhà Thiền thì thật là sai khác một trời một vực. Kính mong các vị dự hội hãy suy nghĩ chín chắn ý chỉ này.

2. Ngày thứ hai: Bàn về nhân quả báo ứng và sự giáo dục trong gia đình

Ngày hôm qua giảng về pháp môn Tịnh Độ, hôm nay giảng về ý nghĩa của pháp hội Hộ Quốc Tức Tai. Muốn nói đến "hộ quốc tức tai" thì trước hết phải biết là "hộ quốc" (giữ gìn đất nước) như thế nào? "Tức tai" (dứt trừ tai nạn) như thế nào? Là vì muốn đạt đến hạng mục ấy, có hai biện pháp: Một là lâm thời, hai là bình thời. Nếu lúc bình thường, ăn chay niệm Phật để cầu hộ quốc tức tai thì cố nhiên có công đức vô hạn; nhưng lúc lâm thời, dốc lòng thành kính cầu nguyện giữ yên đất nước, dứt bặt tai nạn cũng sẽ có hiệu lực tương đương; nhưng vẫn chẳng bằng lúc bình thời mọi người hộ quốc tức tai thì hay hơn. Bởi lẽ, nếu bình thời mọi người ăn chay niệm Phật, do nguyện lực tiếp nối nên tà khí tiêu trừ, chánh khí tăng trưởng, ai nấy giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt thì tự nhiên quốc gia được bảo vệ, tai ương tự tiêu vậy.

Sách xưa có ghi: *"Thánh nhân bất trị dĩ bệnh, trị vị bệnh; bất trị dĩ loạn, trị vị loạn"* (Thánh nhân chẳng trị lúc đã bệnh, trị từ lúc chưa bệnh; chẳng trị lúc đã loạn, trị từ lúc chưa loạn). Bởi lẽ, trị khi đã loạn thì dễ hiểu, chứ trị từ lúc chưa loạn thì khó thấy rõ được! Phàm trị quốc cũng

---

[236] Trần Sa Hoặc: Những gì thuộc về Trí nhận biết trên mặt Sự gây chướng ngại Tục Đế khiến cho sự giáo hóa của Bồ Tát chẳng được tự tại thì gọi là Trần Sa Hoặc. Do chúng nhiều vô lượng nên kinh luận thường dùng số cát sông Hằng để sánh ví, vì thế gọi là Trần Sa Hoặc.

[237] Tam đức bí tạng (kho bí mật ba đức), tức Giải Thoát, Bát Nhã và Pháp Thân.

[238] Tiếm phận: Vượt phận, vượt khỏi địa vị chánh đáng. Mật Tông coi liễu sanh tử là "thành Phật ngay trong đời này", chứ chưa phải thật sự là Phật. Do chưa phải là Phật mà đã tự xưng là Phật nên bị coi là vượt lạm thân phận đáng nên giữ.

giống như trị bịnh, có cách trị nơi ngọn, có cách trị nơi gốc. Trị bệnh là trị khi đã loạn. Nếu cầu lấy hiệu quả nhanh chóng, tức là đau đầu trị bệnh đầu, đau đùi trị bệnh đùi, [tức là] trị cái ngọn vậy. Cái ngọn đã lành, sau đấy mới lại trị cái gốc khiến cho khí huyết lưu thông trọn khắp, khỏe khoắn, sảng khoái. Gốc đã lành bệnh thì tự nhiên tinh thần phấn chấn, mới có thể hăng hái ra sức.

Hiện thời, quốc gia nguy nan đã đến mức ngàn cân treo sợi tóc. Tôi cho rằng để trị quốc trong hiện thời thì phải trị cả ngọn lẫn gốc. Cách kiêm trị không chi tốt bằng niệm Phật, ăn chay, kiêng giết, phóng sanh và hiểu sâu xa lý nhân quả trong ba đời. Kiếp vận hiện tại của thế giới, những tai nạn chúng ta phải chịu đựng đều là do ác nghiệp trong quá khứ chiêu cảm đến nỗi cảm nhận khổ quả hiện thời. Do đó, biết rằng: Những ác nghiệp này là do ác nhân trong quá khứ tạo thành; muốn tránh khổ quả phải dứt khổ nhân. Quá khứ đã gieo khổ nhân thì niệm Phật, sám hối mới có thể tiêu trừ được nổi.

Hiện tại nếu chẳng gieo khổ nhân nữa thì tương lai sẽ khỏi phải chịu khổ quả. Khổ nhân là gì? Là ba độc "tham, sân, si". Thiện nhân là gì? Giúp vật, lợi người. Nếu ai nấy hiểu rõ lẽ nhân quả sẽ chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tai họa sẽ chẳng từ đâu mà khởi lên được nữa! Chỉ vì người đời nay chẳng hiểu lý nhân quả, tư dục đầy ắp dạ, không điều ác nào chẳng làm, chỉ biết có chính mình, chẳng biết có ai khác. Nào biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình!

Vì thế, hằng ngày, tôi thường bảo: *"Nhân quả là cái gốc lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng sanh. Bỏ nhân quả mà bàn đến chuyện trị quốc bình thiên hạ khác gì níu cây tìm cá, tôi chưa từng thấy ai có thể tìm được cả!"* Phật dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết nhân đời trước, xem quả báo đời này. Muốn biết quả mai sau, xem việc làm đời này). Nếu như những điều mình tạo tác đời này đều là việc ác, đời sau chắc chắn bị quả ác! Nếu những hành vi đời này đều là việc lành thì đời sau nhất định hưởng thiện quả!

Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà chất chứa điều chẳng lành, tai ương ắt có thừa). Kinh Thư chép: *"Tác thiện, giáng chi bách tường. Tác bất thiện, giáng chi bách ương"* (Làm lành, trăm điều tốt lành giáng xuống. Làm việc chẳng lành, trăm tai ương đổ xuống). Lý ấy hệt như lý nhân quả của đức Phật ta đã giảng. Chữ

"dư" đã nói đó chính là tàn dư của chánh báo, chứ không phải là chánh báo. Chính người ấy trong đời sau tự mình hưởng thụ, nên gọi là *"bổn khánh, bổn ương"* (điều vui mừng hay tai ương chính), còn dư báo lan qua con cháu. Dư báo, dư ương đều là do tổ phụ tích chứa mà thành vậy!

Người đời chẳng biết nhân quả, thường nói con người sau khi chết đi là đã giải thoát hoàn toàn, không có quả báo thiện - ác nữa. Đây chính là tà kiến sai lầm nhất về đời sau của thiên hạ vậy. Cần biết là: Người đã chết đi rồi, thần thức chẳng bị diệt. Nếu ai nấy đều biết thần thức chẳng diệt, ắt sẽ thích làm lành. Nếu không biết thần thức chẳng diệt sẽ mặc tình phóng túng, giết cha, giết mẹ, đủ thứ tội ác do đấy mà sanh! Những thứ hành vi nghịch ác tột bậc ấy đều là kết quả của tà kiến đoạn diệt mà ra! Nếu ai nấy có thể chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc; nhưng đấy vẫn chưa phải là biện pháp rốt ráo. Thế nào mới là biện pháp rốt ráo? Chính là niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, và phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn chặn điều tà, giữ lòng thành thì sẽ chuyển được vận nước, tiêu trừ được tai nạn. Bởi lẽ, tai nạn ngày nay đều là do cộng nghiệp của mọi người chiêu cảm.

Nếu ai nấy đều niệm Phật, làm lành sẽ chuyển được cộng nghiệp, tiêu được kiếp vận. Ngay trong lúc chiến cuộc nổ ra ở đất Hỗ vào ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng[239], những người niệm Phật được linh cảm rất nhiều. Bọn họ chỉ tu một mình mà còn được linh cảm như thế, huống là ai nấy cùng tu ư? Vì thế, biết rằng: Do đại chúng chí thành khẩn thiết niệm Phật cũng có thể vãn hồi được tai nạn của đất nước. Lại như đức

[239] Đây là biến cố xảy ra vào năm 1932. Nguyên do là vào ngày Mười Tám tháng Giêng năm 1932, năm Tăng nhân Nhật Bản xô xát với người Trung Hoa tại Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ở vùng núi Mã Ngọc thuộc tô giới Thượng Hải, khiến cho một người chết, một người bị trọng thương. Cảnh sát Nhật liền bao vây khu vực, gây ra tình trạng căng thẳng. Đến ngày Hai Mươi tháng Giêng, năm mươi Nhật kiều lại phóng hỏa đốt trụi Tam Hữu Thực Nghiệp Xã đồng thời đánh chết ba cảnh sát người Hoa. Kiều dân Nhật lại yêu cầu hải quân Nhật can thiệp, quân phiệt Nhật liền huy động hải quân, lục quân vây kín Thượng Hải. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc bắt buộc phải đưa quân đội đến Thượng Hải đối phó. Giao tranh nổ ra khốc liệt giữa hai bên vào đúng ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng năm ấy. Cuộc chiến kéo dài mãi đến ngày Ba tháng Ba năm 1932, quân Nhật chiếm thế thượng phong với quân số áp đảo là bảy vạn quân, trong khi Trung Hoa Dân Quốc chỉ có năm vạn quân. Đến ngày Năm tháng Năm, qua sự môi giới của Anh, Mỹ, Pháp, Ý, hiệp định đình chiến Tùng Hỗ được ký kết giữa đôi bên, Trung Hoa phải chấp nhận nhiều điều kiện thiệt thòi. Tổn thất rất lớn, 19.700 căn nhà bị phá hủy, số thương vong không thể đếm xiết!

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng ba mươi hai ứng thân để vào các cõi nước, theo tiếng cứu khổ; nếu như chí thành tụng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thì sẽ tự được cảm ứng. Những chuyện linh cảm xưa nay thấy ghi chép rất nhiều trong các sách vở, các vị có thể tự tìm đọc lấy. Ngoài những thân đã thuật trong phẩm Phổ Môn *"[Bồ Tát] thấy nên dùng thân nào để độ được thì liền hiện thân đó cứu độ"* ra, nếu [Bồ Tát thấy] nên dùng thân núi, sông, đại địa, cầu bến, đường sá để hóa độ thì Ngài cũng hiện các thân núi, sông, đại địa, cầu bến, đường sá… để cứu độ.

Con người hiện tại, kẻ dấy được lòng tin ít lắm, kẻ không phát khởi lòng tin rất nhiều. Nếu ai nấy đều phát khởi lòng tin thì có tai vạ nào mà chẳng thể tiêu diệt được? Nhưng lòng tin của con người cần phải được vun bồi từ thơ ấu. Phàm là người làm cha mẹ, khi con cái còn thơ ấu, hãy nên dạy con cái về lý nhân quả báo ứng, đạo lý giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu đợi đến lúc trưởng thành, tập tánh đã thành, không thể uốn nắn được nữa! Điều quan trọng nhất là "thai giáo" (dạy từ trong thai). Nếu phụ nữ mang thai có thể ăn chay, niệm Phật, làm lành, bỏ ác, mắt chẳng nhìn sắc ác, tai chẳng nghe tiếng ác, thân chẳng làm việc ác, miệng chẳng thốt lời ác, khiến cho đứa trẻ còn trong thai đã được bẩm thọ chánh khí nên thiên tánh tinh thuần. Sanh ra, lại giáo hóa thêm thì không đứa nào chẳng trở thành thiện nhân!

Xưa kia, các bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự của nhà Châu đức hạnh hiền thục, cao đẹp, giúp chồng dạy con, nên tạo thành nền móng cho vương nghiệp nhà Châu suốt tám trăm năm. Ấn Quang thường bảo: *"Quyền trị quốc, bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm hơn quá nửa"*. Bởi lẽ, trong gia đình, người chủ trì việc nhà đa phần là phụ nữ, đàn ông thường hay lo việc ngoài. Nếu mẹ hiền thì những điều lọt vào tai, đập vào mắt con cái trong nhà đều là những điều dạy dỗ của mẹ, chịu ảnh hưởng của mẹ, lợi ích ấy chẳng nông cạn. Nếu thuở bé bỏ mặc cho tánh chúng quen thói kiêu căng, cho chúng nó tự do, trọn chẳng lấy chuyện hiếu đễ, trung tín, nhân quả báo ứng để giáo huấn thì [đến khi] khôn lớn, chúng sẽ trở thành quyến thuộc của Ma Vương giết cha giết mẹ. Vì thế, cần phải nuôi dưỡng tâm lành của con cái từ lúc thơ ấu, kềm cặp nghiêm ngặt.

Phải biết: Hiện thời, bọn sát nhân, phóng hỏa, không điều ác gì chẳng làm đa phần là vì cha mẹ chúng nó nuông chiều quen thói kiêu căng mà ra! Mạnh Tử dẫu hiền mà cũng cần phải do bà mẹ ba lần đổi chỗ ở, nghiêm ngặt quản thúc mà thành [hiền nhân], huống hồ những kẻ tầm thường ư? Hiện tại, mọi người đề xướng nam nữ bình quyền, cho đó

là nâng cao nhân cách của nữ giới. Chẳng biết nam nữ thể chất đã không giống nhau, mà trách nhiệm mỗi giới mỗi khác. Thánh nhân cho rằng vị trí chính đáng của nam giới là ở ngoài, vị trí chính đáng của nữ giới là ở bên trong. *"Vị trí chính đáng ở bên trong"* chính là chăm lo những việc bếp núc, canh cửi, giúp chồng dạy con v.v… Nay bảo nữ nhân đảm nhiệm chuyện của nam giới nên những chuyện thuộc vị trí chính đáng của nữ nhân bị bỏ phế. Tuy mang tiếng là nâng cao nhân cách của nữ giới, thật ra là xô đổ nhân cách phụ nữ. Xin những bậc anh hiền của nữ giới ai nấy nhận thức rõ nhân cách của chính mình ở tại đâu, ngõ hầu con cái trong gia đình đều thành hiền thiện, thiên hạ lẽ đâu chẳng thái bình!

Bởi lẽ, đạo trọng yếu để trị quốc, bình thiên hạ nằm trong giáo dục gia đình, mà việc giáo dục trong gia đình người mẹ đảm nhiệm quá nửa. Bởi lúc trong thai, con cái đã bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc sanh ra lại nhìn theo oai nghi của mẹ, nhận sự dạy răn của mẹ, nên trở thành hiền thiện. Điều này tuy chẳng hiện hình tích nhưng lại là việc trọng yếu để đạt đến thái bình. Tiếc là vĩ nhân các giới đa số chưa thấy rõ điều này. Nguyện những bậc anh hiền trong nữ giới kể từ nay hãy chú ý lời này.

Người đời đều gọi phụ nữ là Thái Thái. Phải biết ý nghĩa của hai chữ "thái thái" rất cao quý, to lớn. Xét ra, cội nguồn sâu thẳm của hai chữ ấy bắt nguồn từ tận đời Châu. Do Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, đều có thể giúp chồng dạy con. Bà Thái Khương sanh ra ba vị thánh nhân là Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch. Bà Thái Nhậm sanh Văn Vương. Bà Thái Tự đẻ ra Vũ Vương và Châu Công. Ba đời bà cháu nữ thánh sanh ra ba đời ông cháu mấy vị thánh nhân, tạo thành thời thịnh trị tốt đẹp nhất tự ngàn xưa. Người đời sau gọi phụ nữ là "thái thái" tức là muốn đem so họ với ba bà Thái. Do đấy, hãy ngẫm xem: Thái Thái là danh hiệu cao quý nhất không gì hơn được nữa để gọi phụ nữ. Nữ giới cần phải có đức hạnh của ba bà Thái thì mới chẳng phụ bạc sự tôn xưng ấy. Rất mong những vị nữ anh hiền trong hiện tại hãy thực hiện chuyện giúp chồng dạy con, khiến cho con cái do mình sanh ra đều thành hiền thiện ngõ hầu chẳng phụ danh xưng tốt đẹp trên đây!

Kế đấy, cần phải nỗ lực ăn chay. Con người và động vật vốn bình đẳng, nỡ nào giết hại tánh mạng chúng để thỏa mãn miệng, bụng mình? Thân ta vừa bị dao cắt phải một chút liền cảm thấy đau khổ. Mới nói hoặc nghĩ đến đó, tim gan đau buốt, nỡ nào giết chúng ăn thịt? Huống chi kẻ sát sanh ăn thịt dễ khởi cơ duyên giết hại. Tai kiếp đao binh trong

đời này đều là do đây mà có! Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp; đản thính đồ môn dạ bán thanh"* (Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe tiếng lò mổ giữa đêm trường). Trong cõi đời, khá nhiều kẻ tuy hiểu rõ đạo lý Phật pháp mà vẫn thấy kiêng giết, ăn chay là chuyện khó làm.

Năm Dân Quốc thứ mười (1921), tôi đến Nam Kinh thăm một người bạn. Ông ta mời ông Ngụy Mai Tôn đến gặp tôi. Ông Ngụy tin Phật, niệm Phật, nhưng bảo là chưa thể ăn chay. Tôi dặn ông ta hãy đọc kỹ Bài Văn Kêu Gọi Tu Bổ Ao Phóng Sanh của chùa Cực Lạc ở Nam Tầm đăng trong bộ Văn Sao mấy chục lượt sẽ ăn chay được. Bởi lẽ, trong bài văn đó, trước hết nói chúng sanh và Phật tâm tánh chẳng hai. Tiếp đó, nói đến [ta và các loài vật] bao kiếp làm cha, mẹ, anh, em, vợ, con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, làm oan gia đối đầu của nhau, giết chóc lẫn nhau. Tiếp đó, dẫn kinh văn Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già làm chứng. Đọc sâu nghĩ chín, chẳng những không nỡ ăn mà còn chẳng dám ăn nữa kia! Chưa đầy hai tháng sau, Ngụy cư sĩ liền trọn không ăn thịt nữa.

Lại nữa, bà mẹ của cư sĩ Hoàng Hàm Chi ở Thượng Hải chưa thể ăn chay, lại còn chẳng tin ăn chay là chuyện trọng yếu trong việc học Phật. Ông Hoàng Hàm Chi gởi thư hỏi cách [khuyên cho mẹ tin], tôi bảo ông ta sớm tối thay mẹ đối trước Phật sám hối nghiệp chướng. Do mẹ con thiên tánh tương quan, nếu thật sự chí thành ắt có cảm ứng. Hàm Chi làm theo, hơn tháng sau, mẹ ông liền ăn chay trường. Lúc đó bà đã tám mươi mốt tuổi, công khóa hằng ngày là hai vạn câu Phật hiệu, sống đến năm chín mươi ba tuổi mới mất.

Tôi mong từ hôm nay trở đi, hết thảy đại chúng chú ý kiêng giết, ăn chay và khuyên cha mẹ, con cái và thân hữu của chính mình cùng nhau ăn chay. Phải biết đây cũng là phương pháp căn bản để hộ quốc tức tai. Những điều tôi giảng hôm nay là ý nghĩa của hộ quốc tức tai, mà phương pháp để thực hành hộ quốc tức tai chính là niệm Phật, ăn chay; mong quý vị chẳng nghĩ là thiển cận rồi chẳng thèm để ý.

3. Ngày thứ ba: Trần thuật nguyên lý nhân quả và nêu những sự thực để chứng minh

Hai ngày hôm trước, tôi đã trình bày sơ lược về đạo lý nhân quả và phương pháp tức tai hộ quốc; hôm nay vốn chẳng cần phải luận về nhân quả nữa; nhưng vẫn còn có những điểm chẳng thể không trình bày rõ

ràng, nên tôi định sẽ giảng sâu hơn ít nữa, giảng rõ nguyên lý nhân quả và nêu sự thực để làm chứng, ngõ hầu đại chúng biết mà kiêng dè.

Hiện thời, người đời chẳng hiểu nguyên lý nhân quả, cho đó là chuyện bàn xằng, tà thuyết, lúc nào cũng tính chiếm tiện nghi, chẳng chịu thua thiệt; đâu biết tiện nghi chính là chịu thua thiệt, chịu thua thiệt chính là tiện nghi. Như người làm cha mẹ hiện nay phần nhiều nuông chiều con cái, chẳng kềm cặp nghiêm ngặt đến nỗi tạo thành thói quen ham tiền tài, tham chuộng tiện nghi. Cứ cho là có như vậy mới giữ gìn được gia sản, chẳng đến nỗi bị tổn thất; nào ngờ kết quả trái ngược: Gây vạ suốt đời, lại còn gián tiếp tạo ảnh hưởng vô hạn cho quốc gia, xã hội.

Nay tôi nêu lên một chuyện để làm ví dụ: Triệu Lương Tướng ở Đại Châu đời Tùy, giàu nứt đố đổ vách, có hai đứa con. Đứa lớn tên Mạnh, đứa nhỏ tên Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc người cha sắp mất, chia gia sản làm hai, Mạnh được nhiều hơn. Tới khi Lương Tướng mất, Doanh chiếm sạch tài sản của anh, chỉ cho anh một căn nhà và mảnh vườn. Mạnh phải đi làm thuê để tự nuôi thân. Chẳng mấy chốc, Triệu Doanh chết, sanh làm con của Mạnh, mang tên là Hoàn. Sau đấy, Mạnh cũng chết, đầu thai vào nhà Doanh, làm cháu nội của Doanh, mang tên là Tiên. Đến lớn, nhà Mạnh càng nghèo, nhà Doanh càng giàu. Triệu Hoàn phải làm tôi tớ cho Triệu Tiên để sống. Ngạn ngữ có câu: *"Thiên đạo không công bằng, đã giàu càng giàu thêm".*

Một ngày kia, Hoàn nghe bà mẹ góa bảo: "Triệu Doanh cướp đoạt gia sản của mày đến nỗi đời mày nghèo mạt, nay đến làm tôi tớ cho nó, chẳng nhục hay sao?" Bởi thế, Hoàn oán hận, muốn giết Triệu Tiên. Năm Khai Hoàng thứ nhất (600 Tây lịch), Hoàn theo Tiên đi triều bái Ngũ Đài, vào đến chốn hang thẳm mấy mươi dặm ở phía Đông, sâu hun hút không một bóng người. Hoàn rút dao, bảo Tiên: "Ông nội mày và bố tao là anh em. Ông mày đoạt sản nghiệp của tao. Đến đời tao nghèo túng nay làm đầy tớ cho mày. Mày nỡ lòng làm thế, nay tao giết mày đây!" Tiên liền rảo chạy, Hoàn đuổi theo chạy vào rừng, thấy có am tranh liền bước vào. Có một vị lão Tăng bảo Hoàn: "Ông định làm gì thế?" Hoàn đáp: "Tôi đuổi theo kẻ oán thù!"

Vị lão Tăng cười lớn: "Ông khoan làm thế, tôi sẽ cho ông tự biết", rồi trao những món thuốc cho mỗi người để pha trà. Uống xong, như mộng mới tỉnh, chợt nhớ việc cũ, cảm thấy thẹn thùng, đau đớn. Lão Tăng bảo: "Doanh chính là tiền thân của Hoàn. Cướp đoạt tài sản của anh chính là tự bỏ tài sản của mình. Tiên là Mạnh thác sanh trở lại để hưởng lấy sản nghiệp kiếp trước vì lệnh cha vẫn còn vậy!" Hai người

bèn bỏ nhà tu theo đạo Phật, sau mất tại Di Đà Am. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí[240]. Nhân quả báo ứng hiển hiện rõ ràng, như âm vang ứng theo tiếng, như bóng theo hình, chẳng sai mảy may.

Lại như hiện tại còn lưu truyền chuyện cái trống bằng da người ở Ngũ Đài Sơn cũng là chuyện nhân quả báo ứng thật rành rẽ đáng sợ vậy, xin kể rành rẽ. Đời Đường, tại chùa Hắc Sơn ở mặt sau ngọn Bắc Đài có nhà sư tên Pháp Ái làm Giám Tự hai mươi năm, lấy vật dụng của Chiêu Đề Tăng[241] tậu nhiều ruộng ở Nam Nguyên, để lại cho đồ đệ là Minh Hối. Pháp Ái chết liền sanh làm trâu ở nhà nọ tận lực một mình kéo cày trong ba mươi năm. Trâu vừa già vừa bệnh, chủ trại muốn đem trâu đổi lấy dầu. Đêm ấy, Minh Hối mộng thấy vị thầy đã chết của mình khóc bảo: "Ta dùng tài sản của Tăng chúng để tậu ruộng cho ngươi. Nay đang làm trâu vừa già vừa còm cõi. Xin hãy lột da ta bịt trống, viết tên họ của ta trên trống. Mỗi khi lễ tụng liền đánh trống thì nỗi khổ của ta mới mong có ngày thoát khỏi. Nếu không, dù gò Nam Nguyên có biến thành biển xanh, ta vẫn chưa thể thoát khổ nổi!" Nói xong, phủ phục cả thân mình xuống. Minh Hối tỉnh giấc, chỉ mới nửa đêm liền thỉnh chuông nhóm chúng, kể cặn kẽ chuyện này.

Sáng hôm sau, chủ trại ruộng báo con trâu già đã húc đầu vào cây mà chết. Minh Hối y theo lời trước, lột da trâu bịt trống, viết tên [thầy] lên trên, bán hết ruộng ở Nam Nguyên, được bao nhiêu tiền đem đãi cơm chư Tăng Ngũ Đài hết. Minh Hối lại bán sạch cả y bát, vì vị thầy đã mất mà lễ sám. Sau đem trống ấy gởi vào điện Văn Thù ở Ngũ Đài Sơn. Lâu ngày, trống hư, chủ chùa đem trống khác thế vào. [Thế gian] ngoa truyền là trống bịt bằng da người. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí.

Ấy là nhân quả rành rành, không ai có thể trốn khỏi. Hai người con họ Triệu do đời trước có gieo căn lành nên gặp được cao tăng, nghiễm nhiên thành đạo. Còn như những kẻ phàm tục há nên tự ỷ y, lại còn bài bác "không có nhân quả", tự mình lầm, làm người khác lầm, tự hại, hại người! Người đời nay đều chỉ thấy chuyện trước mắt, chẳng đoái hoài đời sau, thích chiếm tiện nghi, chẳng bằng lòng chịu thua thiệt. Con cái

---

[240] Thanh Lương Sơn Chí: Sách ghi chép về sự tích núi Ngũ Đài. Do núi Ngũ Đài băng đọng ngàn năm, mùa Hạ vẫn có thể có tuyết rơi, không bao giờ nóng nực, nên được gọi là Thanh Lương Sơn.

[241] Chiêu Đề (Catur-diśa): Còn được phiên là Chiêu Đấu Đề Xá, dịch nghĩa là Tứ Phương, hoặc Tứ Phương Tăng, Tứ Phương Tăng Phòng, có nghĩa là chúng tăng từ bốn phương đều có thể nghỉ lại nhà khách của chùa. Về sau, chữ này dùng để chỉ tài sản chung của Tăng chúng, mọi người đều có quyền sử dụng.

họ mắt thấy tai nghe, tập riết thành thói. Phong tục xã hội cũng do đó mà hiểm ác, tranh đoạt khởi lên, đại loạn dấy lên lung tung, giết người đầy thành, ngập đồng mà mắt chẳng nháy, tâm chẳng áy náy, không gì chẳng phải là vì lẽ đó. Đã thế, những kẻ giết người tàn nhẫn, ác độc, chẳng thấy là đáng buồn, đáng sợ, ngược ngạo vênh váo khoe công, lại còn khen ngợi lẫn nhau. Thậm chí có kẻ giết cả cha mẹ, giết huynh trưởng, ngược ngạo tự xưng là *"đại nghĩa diệt thân"* (vì nghĩa lớn mà giết người thân)!

Ôi! Họa biến đến thế, thiên lý tuyệt, nhân đạo diệt, không những đạo đức bị vùi lấp, mất mát mà chắc là kiếp nạn lớn lao sẽ liên tiếp xảy ra! Vì thế, trong hiện tại, muốn cứu vớt, bảo vệ đất nước thì phải bắt đầu từ căn bản. Căn bản là gì? Tức là tin tưởng chắc chắn vào nhân quả. Nếu đã thật sự hiểu rõ lý nhân quả rồi lại còn có thể dốc lòng tin, thực hành thì thế đạo, nhân tâm sẽ tự có thể vãn hồi. Tôi cho rằng tất cả triết học, tôn giáo trên thế giới không gì tinh vi, sâu thẳm, nhưng dễ thực hành bằng Phật giáo!

Hiện tại, người đời sở dĩ chẳng tin nhân quả, phần lớn là vì chịu ảnh hưởng của Tống Nho. Những nhà Lý học[242] thời Tống như Trình Minh Đạo, [Trình] Y Xuyên, Châu Hối Am v.v… do xem kinh Đại Thừa nhà Phật, chỉ lãnh hội sơ lược ý nghĩa *"toàn sự tức lý"* và thân cận tri thức trong Tông Môn (Thiền Tông), lại biết ý chỉ "bất cứ pháp nào, chuyện nào cũng chẳng ngoài Nhất Tâm", chứ thực sự chưa hề xem trọn khắp các kinh luận và tham học với khắp mọi tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa của kinh Phật để tự xưng hùng, dùng đó để phát huy sự sâu xa của Nho giáo.

Bọn họ lại sợ người đời sau xem kinh Phật sẽ biết được cái họ đạt được [là ăn trộm từ kinh Phật] bèn rắp tâm mê muội báng Phật. Do chẳng dễ báng bổ những chỗ tinh diệu, họ liền nhắm vào mặt Sự để bài bác. Họ bảo đức Phật dạy sự - lý "tam thế nhân quả, lục đạo luân hồi" đều nhằm phỉnh phờ hạng ngu phu, ngu phụ phụng hành giáo pháp của Ngài, chứ thật sự chẳng có những chuyện ấy. Họ còn bảo: Sau khi con

[242] Lý Học là học thuyết giải thích Nho giáo theo quan điểm của Trình Di và Châu Hy. Học thuyết này cho Lý là nguyên khởi của vũ trụ (do nhìn từ góc độ khác nhau mà có danh xưng khác nhau như Trời, Thượng Đế, Đạo v.v…), Lý là bản tánh trời sanh của từng cá nhân. Do lòng ham muốn riêng tư mà con người quên mất Lý này. Vì thế, phải trừ khử dục vọng, trở về với Lý gọi đó là *"thiên nhân hợp nhất"* (trời - người hợp nhất). Lý biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình thì gọi là Khí. Như vậy, Lý của họ chỉ là vay mượn khái niệm Phật Tánh, Như Lai Tánh, Pháp Thân của Phật giáo mà thôi! Hoặc nói cách khác, Lý - Khí của họ chỉ là cách gọi tên khác của chữ Thể và Dụng trong Phật giáo.

người chết đi, thân đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán; dù có băm, chặt, giã, mài sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần thức đã tan thì còn ai để thọ sanh? Do vậy, họ đã mở tung đầu mối phóng túng, không kiêng sợ gì cả, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, cho rằng *"Trời tức là Lý"* vậy, chứ nào có một vị vua đội mão[243] thật sự đâu! Họ cho rằng quỷ thần là lương năng[244] của hai Khí, chẳng hạn như sấm động là do hai khí Âm, Dương va chạm nhau nổ thành tiếng.

Họ coi những vấn đề Thực Lý, Thực Sự là chuyện bàn luận xuông, chuyên lấy việc "chánh tâm thành ý" làm cái gốc để trị quốc, trị dân; chẳng biết chánh tâm thành ý chính là do *"trí tri cách vật"* mà ra. Họ bảo *"trí tri"* là thúc đẩy tri thức (sự hiểu biết) của mình đến cùng cực, *"cách vật"* là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ; nào hay *"vật"* chính là tư dục trong tâm mình. Do có tư dục nên chướng lấp tự tâm. Bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chân tri nhưng không cách nào hiển hiện được. Do *"cách trừ"* (thấu hiểu và trừ khử) được tư dục thì chân tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chân tri đã hiển thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh! Chánh tâm thành ý thì ngu phu, ngu phụ chẳng biết một chữ cũng vẫn làm được! Còn nếu đúng như họ (chỉ các nhà Tống Nho) nói thì thúc đẩy tri thức của ta đến cùng cực để hiểu tận cùng cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ, dẫu bậc thánh nhân cũng làm không được! Vì thế, biết rằng: Hễ lầm lạc ở chỗ này thì căn bản để giữ yên cõi đời đã mất. Họ lại dùng thuyết "không nhân quả, luân hồi" để dạy người khác chánh tâm thành ý. Nếu không có nhân quả, một phen chết đi là vĩnh viễn mất hết, thiện hay ác đều cùng chết sạch; còn ai bận tâm đến cái tiếng hão mà chánh tâm thành ý cơ chứ?

Hơn nữa, các nhà Lý học cho rằng: *"Có làm điều gì để làm lành thì đó chính là ác"*. Lời này đúng là phá hoại thiện pháp thế gian. Vì sao thế? Ông Cừ Bá Ngọc năm hai mươi tuổi, biết mười chín năm trước đều sai trái. Tròn năm mươi tuổi, thấy bốn mươi chín năm trước đều sai trái, muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được. Như thế là có làm điều gì hay là

---

[243] Nguyên văn *"miện lưu"* là một thứ mũ lễ được dùng bởi những bậc quyền quý. Thường được gọi là mão "bình thiên", có hình ống, đỉnh là một tấm phẳng hình chữ nhật (do vậy, gọi là Bình Thiên), trước và sau tấm bình thiên có đính các sợi tua kết bằng châu ngọc rủ xuống trước trán. Theo phần Biện Sư trong thiên Hạ Quan sách Châu Lễ, Miện của thiên tử có mười hai tua, chư hầu chín tua, thượng đại phu bảy tua, hạ đại phu năm tua. Từ đời Tần Thủy Hoàng trở đi, "miện lưu" chỉ dành riêng cho thiên tử đội, cấm tuyệt chư hầu, quan chức sử dụng.

[244] Trong Lý Học, *"lương năng"* là thuật ngữ chỉ tác dụng và biểu hiện của Khí.

không làm điều gì? Khổng Tử coi *"đức không tu, học vấn chẳng giảng, nghe đạo nghĩa mà chẳng thể làm theo, không thể thay đổi chuyện chẳng tốt"* là điều đáng lo. Tuổi đã bảy mươi, Ngài vẫn mong trời cho sống thêm mấy năm nữa để học Dịch hòng khỏi mắc lỗi lớn. Như vậy thì Ngài có làm điều gì hay không làm điều gì hết vậy?

Từ sau thời Trình - Châu, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả vì hễ bàn đến sẽ bị người khác công kích, bảo không phải là thuần Nho, cho là trái nghịch tiên hiền. Bởi vậy, phàm những kẻ hiểu biết kém cỏi liền hùa giọng báng Phật; người kiến thức cao minh không ai chẳng lén lút xem kinh Phật để mong khoe tài, không ai chẳng thống thiết bài bác Phật pháp, ngõ hầu làm căn cứ để sau này được thờ trong Hiền Từ (miếu thờ tiên hiền) trong làng hay được đưa vào [thờ trong] Văn Miếu!

Trong thâm tâm của Trình, Châu khi ấy chỉ mong Nho Giáo hưng thịnh, chẳng bận tâm Phật giáo sẽ còn hay mất! Cho tới hiện thời, do chất độc "phá diệt nhân quả, luân hồi" của bọn họ đến nay bộc phát, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu, không biết hổ thẹn, trở thành những thảm kịch như giết cha, giết mẹ, chẳng đáng buồn ư?

Hiện tại, chiến sự ở vùng Tuy Viễn rất khẩn cấp, tai họa cực thảm, những chiến sĩ trung dũng và đồng bào thân ái của chúng ta hoặc là máu thịt tung tóe, táng thân, tổn mạng, hoặc là nhà tan cửa nát, trôi giạt, bơ vơ, không cơm, không áo, đói khát bức bách. Nói, nghĩ đến điều này, tim gan đều tan nát! Sáng nay, pháp sư Viên Anh kể cho tôi nghe chuyện này, bảo tôi khuyên mọi người phát tâm cứu tế, góp gió thành bão[245], chẳng quản ít nhiều. Có áo giúp áo, có tiền giúp tiền, công đức vô lượng, chắc chắn hưởng thiện quả.

Phải biết: Giúp người tức là giúp mình, cứu người tức là cứu mình. Nhân quả vằng vặc, chẳng sai sót mảy may. Nếu chính mình gặp tai nạn, không có ai giúp, nhưng nếu có thể xưng niệm thánh hiệu thì nhất định sẽ được Phật, Bồ Tát thầm gia hộ, bảo vệ. Tôi là một ông sư nghèo, hoàn toàn chẳng cất chứa thứ gì, hễ đệ tử tại gia có bố thí gì, đều dùng để ấn loát kinh sách hết. Nay tôi xin quyên ra một ngàn đồng để xướng suất [cứu trợ vùng] Tuy Viễn. Giúp người mắc nạn thì mới có thể dứt trừ được tai nạn cho chính mình.

Hiện tại, có những phụ nữ ham chuộng xa hoa, một bình nước hoa trị giá từ ba, bốn chục đồng đến hai, ba trăm đồng. Sao bằng đem số tiền phung phí đó dùng để cứu trợ Tuy Viễn? Lại còn có hạng người rất

---

[245] Nguyên văn là *"tập dịch thành cừu"* (góp những miếng da ở dưới nách con cáo may thành áo cừu).

chuộng tích cóp của cải, lúc sống đã chẳng muốn dùng, chết đi còn mong chôn theo xuống đất, muốn được con cái chôn cất ma chay trọng thể, hoặc để lại cho con cháu dùng. Đâu có biết hiện nay đang có nguy cơ đào mồ, [những tưởng] tích chứa [nào ngờ] lại khiến cho [người chết] bị hại. Như hiện tại ở Thiểm Tây đang có cả một tổ chức đào mộ chuyên làm chuyện đó. Làm con có hiếu với cha mẹ, nỡ nào vì chữ Hiếu lại khiến cho mớ xương khô của cha mẹ bị phơi tênh hênh trên mặt đất! Sao bằng đem khoản tiền lớn lao đó dùng để cứu tế người khác thì tốt hơn! Lại có người nghèo túng, tuy có chí nguyện làm như thế, nhưng sức chẳng kham nổi, tôi cho rằng hãy nên niệm Phật cho nhiều để giúp đỡ. Đã có thể dứt tai nạn cho người, lại còn dứt được tai nạn cho mình. Vui sướng [như vậy] mà sao không làm?

Lúc chiến cuộc xảy ra tại đất Hỗ (Thượng Hải), cháu nội của cư sĩ Tào Thương Châu ở Tô Châu vâng lời cha từ đất Hỗ xuống Tô Châu đón tam thúc tổ (ông chú thứ ba) và các chú về đất Hỗ. Ông chú và các chú đều chẳng muốn đi. Anh ta bèn lấy châu báu của vợ giắt vào lưng, ngồi tàu thủy nhỏ về đất Hỗ. Chợt có kẻ cướp đến, anh ta muốn trốn lên bờ, liền nhảy xuống nước, vàng ngọc giắt theo có lẽ đáng giá hai, ba vạn đều đem cho hết người đã đổi áo cho mình, tự xưng là học trò nghèo, làm thầy giáo dạy vỡ lòng cho trẻ. Nếu bọn giặc cướp biết được, không biết còn phải tốn tới mấy vạn để chuộc thân nữa. Đấy có phải là tiền tài gieo họa cho người hay không?

Người ta nay chỉ tham phần tiện nghi trước mắt, chẳng thể thấy thông suốt, bị khốn khổ vì tiền tài, những trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng thể thuật đủ! Khi xưa, có một vị cư sĩ nọ hỏi tôi phương cách vãn hồi kiếp vận, tôi bảo: "Việc này rất dễ! Hiểu rõ lý nhân quả rồi tận lực thực hành. Phát được tín tâm ắt có thiện quả. Vả nữa, tâm dối trá đã tiêu, trong tâm rỗng suốt thì tai nạn nào cũng đều tiêu tan như băng tuyết vậy!"

Trong cơn loạn lạc Hồng Dương[246], một nhà buôn gỗ ở Giang Tây là Viên Cung Hoằng bị bọn phỉ bắt được, trói vào cây cột ở khách sảnh (nhà khách), khóa chặt cửa lại, chờ đúng lúc sẽ giết. Ông Viên tự nghĩ ắt bị chết, bèn thầm niệm thánh hiệu Quán Âm, hồi lâu ngủ quên đi, tỉnh dậy thấy thân mình nằm ngoài đồng, ngẩng đầu lên thấy hãy còn sớm liền trốn thoát. Do vậy, tôi rất mong mọi người phát tín tâm rộng lớn,

[246] Hồng Dương: Loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Tài và Dương Tú Thanh lãnh đạo, nên còn gọi là loạn Hồng Dương.

nương vào đức của cha trời, mẹ đất[247], giữ lòng nhân *"coi mọi người và ta là ruột thịt, xem loài vật cũng giống như ta".* Phàm đối với [hết thảy những gì] trong vòng trời đất đều thương xót, nuôi dưỡng, bảo vệ. Lại còn đem lẽ nhân quả báo ứng, đạo niệm Phật cầu sanh Tây Phương để chỉ bảo, khuyến hóa. Nếu như ai nấy đều thực hành thì nước chẳng mong bảo vệ mà tự được bảo vệ, tai nạn chẳng mong dứt cũng tự dứt vậy!

4. Ngày thứ tư: Giảng về nhân quả lớn lao để thành Phật và giải thích đại lược những nghĩa lý trọng yếu của Tứ Liệu Giản

Hai ngày hôm trước, tôi đã bàn qua về nhân quả. Hôm nay tôi vẫn bàn về nhân quả, [quý vị] cần biết là [nhân quả] đã được nói trong hai bữa trước là tiểu nhân, tiểu quả, [nhân quả] được bàn trong ngày hôm nay là đại nhân, đại quả.

Sở dĩ đức Phật thành Phật thường hưởng pháp lạc chân thường, sở dĩ chúng sanh bị đọa địa ngục, vĩnh viễn chịu khổ luân hồi kịch liệt, [cả hai việc này] đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hễ con người muốn trị thân tâm thì trọn chẳng thể ra ngoài nhân quả được. Con người hiện tại ham ăn nói lớn lối, chẳng cầu thực tế, bộp chộp bảo nhân quả là pháp Tiểu Thừa, thật là lầm lẫn lớn. Nào biết Đại Thừa hay Tiểu Thừa trọn chẳng ra ngoài hai chữ "nhân quả" được! Tiểu Thừa là tiểu nhân quả, Đại Thừa là đại nhân quả. Tiểu nhân (nhân nhỏ bé) là y theo Sanh Diệt Tứ Đế, biết Khổ, đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo; tiểu quả là chứng quả A La Hán. Đại nhân (nhân lớn lao) là tu Lục Độ vạn hạnh; đại quả là chứng Phật Quả rốt ráo. Trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu. Có nhân nào ắt sẽ có quả đó, chưa hề sai sót. Vì vậy, chẳng riêng người thế gian đều thuộc trong nhân quả mà ngay chính Bồ Tát, Phật cũng chẳng ra ngoài nhân quả được! Nếu bảo nhân quả là Tiểu Thừa, hóa ra Phật, Bồ Tát cũng là Tiểu Thừa ư? Đủ biết lời lẽ ấy ngông cuồng, trái nghịch đến thế nào!

Pháp hội này là pháp hội Hộ Quốc Tức Tai. Tôi chỉ mới bàn đến việc ngưng dứt tai nạn đao binh, nước lửa, vẫn chưa phải là rốt ráo. Lại cần phải dứt tai nạn phiền não sanh tử thì mới là biện pháp triệt để. Chúng ta mê muội Pháp Thân của chính mình, dứt huệ mạng của Phật, đáng buồn, đáng đau! So với việc sắc thân bị họa, [mê lầm mất Pháp Thân] nào phải chỉ gấp trăm ngàn vạn lần nặng nề hơn! Vì thế, phải hộ trì Pháp Thân

[247] Nguyên văn *"Càn vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu".*

huệ mạng, đoạn sanh tử phiền não mới đáng kể là biện pháp tức tai (dứt trừ tai chướng) trọn vẹn.

Phật giáo, [nói] đại cương, chẳng ngoài năm tông, năm tông chính là Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Luật là căn bản của Phật pháp, nghiêm trì tịnh giới để mong tam nghiệp thanh tịnh, nhất tánh viên minh, Ngũ Uẩn đều không, các khổ đều độ. Giáo là nương theo giáo pháp mà tu Quán, rời khỏi *"ngón tay [chỉ mặt trăng] để thấy được mặt trăng"*, triệt ngộ Phật tánh sẵn có của đương nhân, kiến tánh thành Phật. Nhưng chữ *"thành Phật"* đó có nghĩa là thấy được đức Phật thiên chân[248] trong tự tánh bèn gọi là "thành Phật", chứ chưa phải là thành tựu, chứng được quả Phật nơi Bồ Đề đạo. Mật dùng tam mật (thân mật, khẩu mật, ý mật) gia trì, chuyển Thức thành Trí, gọi là *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này). Đây cũng chỉ là coi "liễu sanh thoát tử từ ngay nơi thân này là thành Phật", chứ chưa phải là thành đức Phật phước huệ viên mãn! Ba tông này đều có thể gộp vào Thiền vì khí phận giống nhau. Do vậy, tu trì Phật pháp trọng yếu chẳng ngoài hai môn Thiền và Tịnh.

Thiền chuyên cậy tự lực, nếu chẳng phải kẻ túc căn chín muồi thì chẳng thể được lợi ích thật sự. Tịnh là kiêm nhờ Phật lực, hễ ai đầy đủ tín, hạnh, nguyện chân thật thì đều có thể đới nghiệp vãng sanh. Sự khó - dễ giữa hai pháp môn này khác nhau một trời, một vực. Vì thế, đầu đời Tống, ngài Vĩnh Minh Diên Thọ thiền sư dùng thân "cổ Phật" thị hiện sanh trong thế gian, triệt ngộ nhất tâm, tu trọn vạn hạnh; mỗi ngày làm một trăm lẻ tám Phật sự, đêm đi qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật. Ngài rất lo cho kẻ học trong đời sau chẳng hiểu rõ tông yếu[249], nên đặc biệt viết một bài kệ Tứ Liệu Giản ngõ hầu [mọi người] biết chỗ tiến theo.

Bài kệ ấy như sau:

Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ,
Do như đới giác hổ,

---

[248] "Thiên chân" có nghĩa là chân lý tự nhiên sẵn có không cần phải tạo tác. Sách Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển 1, giảng: *"Lý không phải tạo tác thì gọi là thiên chân*". Như vậy, "thiên chân Phật" chính là Phật sẵn có trong chân tâm, tức Pháp Thân.

[249] Tông yếu: Điều quan trọng mấu chốt trong giáo pháp của các tông. Sách Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa quyển 1 giảng: *"Tông yếu nghĩa là trọng yếu, tức là nhân quả của chính đức Phật đã hành thì gọi là Tông. Thế nào là Yếu? Vô lượng các điều thiện, hễ nói là Nhân thì đều bao gồm hết. Vô lượng sự chứng đắc, hễ nói là Quả thì đều bao gồm hết. Như giở cái lưới lên, không mắt lưới nào chẳng động. Nắm một góc áo, không sợi vải nào chẳng dính theo, nên gọi là Tông Yếu".*

Hiện thế vi nhân sư,
Lai sanh tác Phật, Tổ.

Vô Thiền, hữu Tịnh Độ,
Vạn tu, vạn nhân khứ,
Nhược đắc kiến Di Đà,
Hà sầu bất khai ngộ?

Hữu Thiền, vô Tịnh Độ,
Thập nhân cửu tha lộ,
Ấm cảnh nhược hiện tiền,
Miết nhĩ tùy tha khứ.

Vô Thiền, vô Tịnh Độ,
Thiết sàng tịnh đồng trụ,
Vạn kiếp dữ thiên sanh,
Một cá nhân y hỗ

(Có Thiền, có Tịnh Độ,
Khác nào hổ thêm sừng,
Hiện tại làm thầy người
Đời sau làm Phật, Tổ.

Không Thiền, có Tịnh Độ,
Vạn tu, vạn cùng sanh,
Nếu được thấy Di Đà,
Lo gì chẳng khai ngộ.

Có Thiền, không Tịnh Độ
Mười người, chín chần chừ
Ấm cảnh nếu hiện tiền
Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, không Tịnh Độ
Giường sắt cùng cột đồng
Muôn kiếp với ngàn đời
Không một ai nương dựa)

Tám mươi chữ này là cương yếu cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là khuôn mẫu huyền diệu để người học [Phật] liễu thoát ngay trong đời này. Người đọc trước hết cần phải hiểu rõ thế nào là Thiền? Thế nào là Tịnh Độ? Thế nào là có Thiền? Thế nào là có Tịnh Độ? Thiền và Tịnh Độ là ước về Lý, ước về Giáo mà nói. *"Có Thiền, có Tịnh Độ"* là ước về căn cơ, ước về tu mà luận. [Luận theo] Lý - Giáo, hai pháp [Thiền và Tịnh] trọn chẳng khác gì nhau. Xét về mặt Cơ - Tu (căn cơ và sự tu hành), hai pháp khác nhau rất xa. Lời tuy tương tự, ý nghĩa thật khác biệt, cần phải rất chú ý thì mới chẳng cô phụ tấm lòng đau đáu của tổ Vĩnh Minh.

Gì là Thiền? Đấy chính là Chân Như Phật tánh chúng ta sẵn có, nhà Thiền thường gọi là *"bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra"*. Tông môn chẳng nói toạc ra để người ta tự tham cứu, tự lãnh ngộ, nên nói như thế. Thật sự, nó chính là tâm thể thuần chân ly niệm linh tri, không Năng, không Sở, vừa Tịch vừa Chiếu[250] vậy *("Ly niệm linh tri" là trọn không có ý niệm suy lường nhưng hiểu rành rẽ tất cả cảnh tượng trước mắt).* Tịnh Độ tức "tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương", chứ chẳng phải chỉ riêng nói đến *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*.

"Có Thiền" tức là dốc sức tham cứu đến cùng cực, niệm vắng lặng, tình[251] mất đi, thấy thấu suốt diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh. *"Có Tịnh Độ"* là chuyện thực sự phát Bồ Đề tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu như tham Thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để đều chẳng được gọi là *"có Thiền"*. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín - nguyện, hoặc có tín - nguyện nhưng chẳng thân thiết đều chẳng được gọi là *"có Tịnh Độ"*. Thậm chí, tuy tu Tịnh Độ nhưng tâm nghĩ đến trần lao[252], hoặc cầu phước báo trời - người, hoặc cầu đời sau xuất

---

[250] Năng: Đối tượng chủ thể, Sở: đối tượng thụ động. Chẳng hạn, chúng ta đọc sách thì nhãn thức và ý thức là Năng, cuốn sách được đọc là Sở. Tịch và Chiếu là hai mặt của chân tâm, chân tâm thường hằng bất biến, không bị ngoại duyên nhiễm ô, không bị mất đi dù chúng sanh luân hồi bao nhiêu kiếp nên gọi là Tịch (vắng lặng). Công dụng chiếu soi (tức nhận hiểu sự vật vạn pháp) của Tâm được gọi là Chiếu.

[251] Theo Duy Thức Học, tác dụng của sáu thức dưới ảnh hưởng của mê hoặc, vô minh thì gọi là Tình, hoặc đôi khi còn gọi là Tình Thức hoặc Tình Tưởng. Chữ Tình này thường được dùng để chỉ mọi ý niệm phân biệt, chấp trước đối với sự nhận thức của sáu căn.

[252] Trần Lao là tên khác của phiền não, do phiền não khiến cho tâm bị nhiễm ô giống bụi bặm nên gọi là Trần. Phiền não khiến cho thân tâm nhọc mệt, không an ổn nên gọi là Lao.

gia làm Tăng, nghe một hiểu cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh đều chẳng được gọi là "người tu Tịnh Độ" vì chẳng chịu theo đúng kinh giáo Tịnh Độ trong Phật pháp. Nếu lầm lạc lấy giáo nghĩa thông thường làm chuẩn [để phê phán, suy luận pháp môn Tịnh Độ] thì trong đời sau, trong cả vạn người, khó có được một, hai kẻ có thể chẳng mê để được liễu thoát. Bị phước báo mê hoặc, từ mê vào mê, thật có lắm kẻ! Nếu thật sự hiểu sâu xa ý nghĩa này thì mới đúng là người tu Tịnh Độ.

Kẻ có mắt không tròng thường tưởng tham thiền là "có Thiền", niệm Phật là "có Tịnh Độ", tự lầm, lầm người, há chẳng phải là tai hại cùng cực hay sao? Ở đây, tôi đã thuyết minh [thế nào là] có hay không có Thiền, Tịnh; nay sẽ lại đem lời kệ, dựa theo từng đoạn để phân tích [thì quý vị] mới biết tám mươi chữ này khác nào trời tạo đất dựng, không một chữ nào chẳng xác đáng, không một chữ nào có thể thay đổi được!

Bài kệ thứ nhất nói: *"Có Thiền, có Tịnh Độ, khác nào hổ thêm sừng, hiện tại làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ"*, nghĩa là: Người đã triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, biết trọn vẹn các pháp môn Quyền - Thật của Như Lai, nhưng trong các pháp, lại chỉ chọn lấy một pháp "tín nguyện niệm Phật" để làm đường lối chung cho chánh hạnh tự lợi, lợi tha.

Phần nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh trong Quán kinh [có câu]: *"Đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa"* chính là nói về hạng người này. *"Khác nào hổ thêm sừng"* là người này song tu Thiền Tịnh, có đại trí huệ, có đại Thiền Định, có đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật, giống như hổ mọc thêm sừng, oai mãnh khôn sánh. Có kẻ nào đến học hỏi sẽ tùy cơ thuyết pháp. Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp độ thì dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ. Nên dùng Chuyên Tu Tịnh Độ để tiếp độ thì dùng Chuyên Tu Tịnh Độ tiếp độ. Bất luận là thượng, trung, hạ căn, không một ai chẳng được lợi lạc. [Người như vậy] há chẳng phải là *"nhân thiên đạo sư"* ư?

Đến lúc mạng chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Thượng Phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn, thấp nhất cũng là chứng bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Cũng có người đốn siêu[253] địa vị, đạt tới Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi; huống hồ là những địa vị sau đó càng

[253] Đốn siêu địa vị: Vượt nhanh qua các địa vị, không cần phải tu chứng từ từ theo từng bậc. Như ngài Quán Thế Âm nghe đức Thế Tịnh Quang Vương Phật nói chú Đại Bi bèn vượt thẳng từ Sơ Địa lên Thập Địa thì gọi là "đốn siêu địa vị".

lên cao càng thù thắng hơn, tính thắng đến địa vị thứ bốn mươi mốt là địa vị Đẳng Giác [thì càng thù thắng đến mực nào] nữa? Vì thế nói: *"Lai sanh tác Phật, Tổ"* (Đời sau làm Phật, Tổ).

Bài kệ thứ hai là: *"Không Thiền, có Tịnh Độ, vạn tu, vạn cùng sanh, nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ".* Do người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng cứ quyết chí cầu sanh Tây Phương. Trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì cảm ứng đạo giao, liền được Phật nhiếp thọ. Kẻ tận lực tu Định - Huệ được vãng sanh đã đành, mà kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung bị sự khổ bức bách, phát tâm hổ thẹn lớn lao, xưng niệm Phật danh hoặc đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi liền mạng chung, cũng đều được hóa thân của Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đấy chẳng phải là *"vạn tu, vạn người sanh"* hay sao?

Tuy kẻ ấy niệm Phật chẳng bao lâu, nhưng do [niệm Phật] cực kỳ mãnh liệt nên đạt hiệu quả lớn lao, chớ nên đem người niệm Phật hờ hững, lững lờ để so sánh nhiều - ít! Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, tuy có nhanh - chậm khác nhau, nhưng đều đã cao dự dòng Thánh, vĩnh viễn chẳng lui sụt. Tùy theo căn tánh sâu hay cạn sẽ hoặc dần dà hoặc nhanh chóng chứng đạt các quả vị. Đã được chứng quả thì chuyện khai ngộ cần gì phải nói tới nữa, bởi thế mới bảo: *"Nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ".*

Bài kệ thứ ba là: *"Có Thiền, không Tịnh Độ, mười người, chín chần chừ. Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó".* Do người ấy tuy triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến, Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, cần phải qua bao duyên rèn luyện khiến cho [phiền não bị] đoạn trừ sạch không còn sót thì mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử[254] . Còn như kẻ chưa đoạn được mảy may nào ta chẳng cần bàn đến. Nếu như đoạn [phiền não] mà vẫn còn sót chút mảy may nào chưa thể đoạn sạch thì sáu nẻo luân hồi vẫn y như cũ, khó bề trốn tránh. Biển sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi, nếu chưa về đến nhà đã liền mạng chung thì trong mười người đại ngộ, tám chín người đã giống như thế. Vì thế, mới nói: *"Thập nhân cửu tha lộ"* (Mười người, chín chần chừ).

---

[254] Phần Đoạn Sanh Tử (còn gọi là Phần Đoạn Tử, hoặc Hữu Vi Sanh Tử) là sanh tử trong tam giới. Gọi là "phần đoạn" (có giai đoạn, có thời gian) vì do quả báo sai khác mà có hình dáng, thọ lượng nhất định. Như vậy "xuất ly phần đoạn sanh tử" có nghĩa là thoát khỏi tam giới.

Chữ *"tha"* (蹉) ở đây nghĩa là *"tha đà"* (蹉 跎), nếu nói thông tục là "chần chừ". *"Ấm cảnh"* là cảnh tượng của thân Trung Ấm, tức là các cảnh tượng do nghiệp lực thiện, ác trong đời này và bao kiếp trước cùng hiện ra khi lâm chung. Khi cảnh này hiện ra, chỉ trong nháy mắt, sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng thể tự làm chủ được mảy may nào, giống như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước. Tâm tình lắm mối, sẽ nghiêng lệch về chỗ nào tâm mình đặt nặng. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công[255]. Đấy vẫn còn là bực thượng[256], nên nói: *"Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó"*.

Chữ Ấm (陰) âm đọc và ý nghĩa giống chữ Ấm (蔭), có nghĩa là "che đậy". Ý nói: Do nghiệp lực này ngăn che nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Chữ Miết (瞥) cùng âm với chữ Phiết (撇), nghĩa là "chớp mắt". Có kẻ cho rằng chữ Tha (蹉) nghĩa là lầm lạc, "Ấm" là cảnh Ngũ Ấm Ma thì đều là vì chưa hiểu ý nghĩa chữ Thiền và chữ Có nên mới hiểu sai lầm như thế. Lẽ đâu bậc đại triệt đại ngộ trong mười vị, hết chín người lầm đường, lạc lối, lầm đi theo cảnh Ngũ Ấm Ma, bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm kẻ bị ma dựa phát cuồng chính là hạng tăng thượng mạn[257] chẳng hiểu giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện đui. Sao chẳng

---

[255] Ngũ Tổ là tên núi, đồng thời là tên chùa. Sư Giới thiền sư, người thời Tống, thuộc tông Vân Môn, nối pháp của ngài Song Tuyền Sư Khoan, trụ trì chùa Ngũ Tổ núi Ngũ Tổ tại Tô Châu, nên thường gọi là Ngũ Tổ Giới, chấn hưng tông phong mạnh mẽ. Theo Tây Quy Trực Chỉ, quyển ba: *"Thiền sư Thanh Thảo Đường khá có giới hạnh, tuổi ngoài chín mươi, thường được nhà họ Tăng cúng dường hậu hĩ, bèn hứa thác sanh vào nhà ấy làm con. Sau họ Tăng sinh được một người con, cho người đến tìm Thảo Đường thì Sư đã tọa hóa"*. Theo pháp sư Viên Anh, Thảo Đường Thanh là người đời Tống, là bậc tông tượng trong nhà Thiền, tuổi già, thấy vị tể tướng đã cáo lão hồi hương hết sức vinh diệu, chợt khởi tâm niệm hâm mộ, bèn thác sanh vào nhà ấy. Về sau, trở thành tể tướng Tăng Lỗ Công. Do một tâm niệm tham luyến mà công hạnh tu Thiền cả đời bị vứt bỏ!

[256] Gọi là bực thượng vì thân sau còn chưa lâm vào hoàn cảnh tệ hại lắm. Trong Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên, có thuật chuyện vị Tăng ở núi Nhạn Đãng thân sau trở thành Tần Cối, một vị Tăng khác trở thành con gái ông Châu Phòng Ngự. Có nhiều trường hợp còn đọa vào ác đạo nữa!

[257] Tăng thượng mạn (Abhimāna): Đối với giáo lý hoặc cảnh giới, địa vị tu hành chưa hề có chứng ngộ mà đã khởi tâm kiêu hãnh, ngạo nghễ. Do coi mình cao hơn người khác nên gọi là "tăng thượng", cũng như do tự đề cao mình quá phận nên gọi là "tăng thượng".

biết tốt - xấu, lại đem gán cho bậc đại triệt, đại ngộ vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện bác rõ.

Bài kệ thứ tư là: *"Không Thiền, không Tịnh Độ, giường sắt cùng cột đồng, muôn kiếp với ngàn đời, không một ai nương dựa"*. Có người bảo "không Thiền, không Tịnh Độ" chính là kẻ vùi đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp. Lầm lẫn lắm thay! Bởi lẽ, pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiền và Tịnh là phù hợp căn cơ nhất. Kẻ đó đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu vãng sanh, cứ hời hợt, hờ hững tu các pháp môn khác thì chẳng thể giữ cho Định, Huệ quân bình, đoạn Hoặc, chứng Chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để đới nghiệp vãng sanh, dùng công đức tu trì cả đời để cảm lấy phước báo trời người trong đời sau. Đời này đã không có chánh trí, đời sau ắt bị phước chuyển, đắm say Ngũ Dục, rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo nghiệp ác sẽ khó tránh khỏi ác báo. Một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải qua kiếp dài lâu, nằm lăn giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả các món ác nghiệp tham thanh sắc, giết sanh mạng v.v… Chư Phật, Bồ Tát tuy rủ lòng từ mẫn, nhưng [do kẻ ấy] bị ác nghiệp chướng ngăn nên cũng chẳng được lợi ích gì.

Thiền sư Triệt Lưu đời Thanh bảo: *"Người tu hành nếu không có chánh tín cầu sanh Tây phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba"*, chính là nói về ý này. Bởi lẽ, đời này tu hành, đời sau hưởng phước; cậy phước làm ác, ắt bị đọa lạc. Vui chỉ tạm hưởng trong đời sau, khổ vĩnh viễn suốt kiếp. Nếu như nghiệp địa ngục đã tiêu, lại chuyển sanh làm quỷ, súc sanh. Muốn lại được thân người, khó nhất trong những điều khó! Bởi thế, đức Thích Ca dùng tay bốc đất, hỏi ngài A Nan rằng: "Đất trên tay ta nhiều hay đất trên đại địa nhiều?" A Nan bạch Phật: "Đất trên đại địa nhiều". Phật dạy: *"Được thân người như đất trên tay; mất thân người như đất trên đại địa"*. Câu *"vạn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa"* vẫn còn là do âm vận bài kệ bó buộc nên chỉ nói thiển cận như vậy đó thôi!

Vĩnh Minh thiền sư sợ người đời chẳng hiểu được nghĩa chân thật của Thiền - Tịnh, [chẳng] quán sát rõ ràng, nên mới viết bài kệ này để giảng rõ. Có thể nói [bài kệ này] là chiếc bè báu để thoát bến mê, là người dẫn đường lìa nẻo hiểm, công lao rất lớn. Bởi lẽ, hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh Độ kiêm nhờ Phật lực. Trong hết thảy pháp môn phải hết sạch Hoặc nghiệp thì mới có thể liễu sanh tử; pháp môn Tịnh Độ đới nghiệp vãng sanh liền dự vào dòng Thánh. Người đời chẳng xem xét, coi Tịnh Độ là thừa thãi, vụn vặt, thật đáng than thở lớn lao!

Hiện tại, người ta hay cho rằng khán thoại đầu là cách tu thích hợp nhất, [cứ cho rằng] hễ lâm chung được chết an lành là liễu thoát. Nào hay lời ấy là lời nói mớ của kẻ chưa mở Chánh Nhãn. Ở đây, tôi dẫn chuyện cũ để làm thí dụ:

Vào khoảng đời Càn Long - Gia Khánh nhà Thanh, có ba vị Thiền tăng cùng tham thiền với nhau. Chết đi, một vị sanh tại Giang Tô, tên là Bành Văn Chương; một vị sanh ở Vân Nam, tên là Hà Quế Thanh; một vị sanh ở Thiểm Tây tên là Trương Phí. Trong ba người, chỉ ông Bành nhớ được chuyện kiếp trước. Sau lên kinh đô thi Hội, gặp hai người kia liền kể chuyện kiếp trước cùng làm Tăng. Hai người kia tuy không nhớ được [việc cũ], nhưng vừa thấy ông Bành đã như [gặp lại] cố nhân, trở thành bạn thân thiết.

Vào Điện Thí (thi Đình), ông Bành đậu Trạng Nguyên, ông Hà đậu Bảng Nhãn, ông Trương trúng Truyền Lô[258]. Họ Bành sau từng làm Chủ Khảo, Học Đài, nhưng khá tham sắc, sau chết tại nhà. Họ Hà giữ chức Chế Đài ở Nam Kinh. Giặc Hồng Dương nổi dậy, Nam Kinh thất thủ, ông bị hoàng thượng bắt tội chết. Ông Trương từng làm thầy dạy hoàng đế Hàm Phong, dân Hồi Hồi[259] muốn làm phản bèn lừa giết phăng ông đi. Ba vị này chẳng thể coi là Tăng nhân bình thường, đáng tiếc là chẳng biết cầu sanh Tây Phương, tuy được đôi chút phước lớn nhưng hai người chẳng được chết yên lành. Rốt cuộc, ông Bành tham đắm nữ sắc, e trong đời sau sẽ chẳng được như đời này!

Lại nữa, tiên sinh Ngô Dẫn Chi ở Tô Châu, đậu Thám Hoa dưới đời Thanh. Học vấn, đạo đức, tướng mạo, đều tốt đẹp cả. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), đi triều bái Phổ Đà, gặp tôi, tự bảo kiếp trước ông ta là

---

[258] Điện Thí là vào cung vua dự thi dưới sự chứng kiến của vua. Theo thể lệ thời Minh – Thanh, thi cử gồm ba giai đoạn: Hương Thí, Hội Thí, và Điện Thí. Do thi trong cung vua (thường là điện Thái Hòa) nên gọi là Điện Thí (hoặc Đình Thí), người Việt thường gọi là thi Đình. Trong khoa thi này, người đậu đầu gọi là Trạng Nguyên, người thứ hai gọi là Bảng Nhãn, người thứ ba là Thám Hoa. Ông Trương không dự vào ba hạng này, chỉ đỗ Tiến Sĩ, được vua cho xướng danh trong sân chầu nên Tổ nói ông đậu Truyền Lô. Truyền Lô gọi đủ là *"kim điện truyền lô"* (xướng danh trong điện vàng), tức là hai ngày sau khi yết bảng ghi danh các sĩ tử thi đậu, các vị tân khoa tiến sĩ sẽ được triệu tập vào điện Thái Hòa, được nội quan xướng danh đến trước mặt vua lạy tạ và được vua ban thưởng ngự tửu, đãi yến.

[259] Hồi tộc là sắc dân thiểu số của Trung Hoa, sống chủ yếu tại các tỉnh Thanh Hải, Cam Túc, Hà Nam, Hà Bắc. Thật ra họ gồm nhiều sắc dân khác biệt có nguồn gốc từ Trung Á, Tây Á, chủ yếu là gốc Ả Rập, di cư đến Trung Hoa. Do họ theo đạo Hồi nên người Hán thường gọi chung họ là Hồi tộc, hoặc Hồi Hồi.

hòa thượng ở Vân Nam. Vì khách đến dâng hương đông đảo, chẳng thể chuyện trò nhiều, cũng chưa hỏi tường tận nguyên do. Năm [Dân Quốc] thứ mười một (1922), tôi qua Dương Châu khắc in sách, đến ở nhà một người đệ tử tại Tô Châu, liền dò hỏi về việc ấy, nghĩ rằng ông ta chưa quên mất túc nhân, khi gặp mặt sẽ hỏi chuyện, nhưng rồi hoàn toàn quên mất. Từ đó, chẳng qua lại với nhau nữa. Đến năm [Dân Quốc] thứ 19 (1930), tôi bế quan tại chùa Báo Quốc. Đến tháng Mười Một, ông ta cùng hai tiên sinh Lý Ấn Tuyền, Lý Hiệp Hòa đến thăm. Tôi hỏi: "Sao ông biết kiếp trước là nhà sư ở Vân Nam?" Ông ta bảo: "Năm hai mươi sáu tuổi, tôi nằm mộng đến một ngôi chùa kia, biết là chùa X… ở huyện Y… thuộc tỉnh Vân Nam. Trông thấy hình dạng điện đường, phòng xá, cây cối đều như thường thấy, cũng thấy mình là Tăng. Tỉnh dậy, nhớ rất rõ, ghi chép lại từng điều. Sau đấy, một người bạn đi làm quan ở Vân Nam *(tiên sinh Trương Trọng Nhân còn biết tên họ người này)*, đem đối chiếu những lời ông ta chép thì không sai lệch mảy may".

Tôi bảo: "Tiên sinh đã tám mươi tuổi, không còn được bao nhiêu ngày nữa, hãy nên khôi phục sự nghiệp hòa thượng kiếp trước, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ công khó tu trì đời trước!" Ông ta đáp: "Niệm Phật có gì là hy hữu, lạ lùng?" Tôi nói: "Niệm Phật tuy chẳng phải là hy hữu, lạ lùng gì, nhưng thế gian chẳng có mấy người niệm. Chuyện chẳng hy hữu, chẳng lạ lùng nhất là chuyện ăn cơm, cả thế giới không một ai là chẳng ăn; đấy là sự chẳng hy hữu, lạ lùng bậc nhất, vì sao ông vẫn cứ phải làm?" Ông ta chẳng đáp được, nhưng vẫn không chịu niệm. Ông ta hỏi hai vị Lý Tiên sinh: "Các vị có niệm không?" Họ đáp: "Niệm chứ!" Ông ta vẫn không nói gì; đến tối ngày Ba Mươi tháng Chạp, lúc sắp thắp đèn, qua đời, vừa tròn tám mươi tuổi. Vị này đời trước tu trì cũng rất khá nên đời này mới cảm được công danh lớn lao, tuổi thọ lâu dài, nhưng đời này chỉ giữ trọn luân thường, chẳng còn tin vào Phật pháp nữa, há chẳng phải là đáng xót xa lắm sao?

Cả bốn vị trên chưa ai chứng đắc, mà dù có sở chứng đi nữa, nếu chưa đoạn hết Phiền Hoặc thì vẫn khó thể lìa khỏi sanh tử được! Thậm chí như thiền sư Viên Trạch đời Đường, biết được chuyện quá khứ, vị lai, nhưng vẫn không thể thoát được, huống hồ là kẻ chỉ được chết an lành lại có thể giải quyết xong chuyện sanh tử sao? Cha ông Lý Nguyên đời Đường, trấn thủ Đông Đô, bị An Lộc Sơn làm phản giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, biến căn nhà mình đang sống ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ở chùa ấy. Mấy năm sau, Lý Nguyên muốn triều

bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định đi theo đường thủy qua ngã Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền [viết thư] dặn dò hậu sự, mỗi mỗi đều rành rẽ, kẹp trong cuốn kinh nhưng chẳng để lộ ra, theo Lý Nguyên ngồi thuyền ra đi.

Thuyền bơi đến miền thượng du Kinh Châu, gần đến Giáp Sơn, vùng đất ấy thế nước chảy xiết, chưa đến tối đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: "Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ gặp người đàn bà này. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào chẳng làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Tới ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp ta".

Nói xong, Viên Trạch tọa thoát (ngồi qua đời). Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đứa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin [sư Viên Trạch] chẳng phải là kẻ tầm thường. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm Rằm tháng Tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chăn trâu, ngồi trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, xướng:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,
Thưởng nguyệt, ngâm phong bất yếu luân.
Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng,
Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.
(Trên đá ba sinh[260], vẫn nguyên hồn
Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn
Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp

[260] Theo sách Quần Ngọc Chú, Tỉnh Lang đến vãn cảnh chùa Nam Huệ Lâm, nằm chơi, chợt ngủ thiếp đi, thấy hồn mình đến Bồng Lai. Nơi đó có một vị Tăng đang tụng kinh, trước mặt có một nén nhang đang cháy. Hỏi đến nguyên do, vị Tăng cho biết cây nhang ấy do một người đàn-việt thắp lên để khấn nguyện, cầu phước, nhang chưa cháy hết mà người thắp nhang đã chuyển kiếp ba lần. Lần thứ nhất làm Đường Huyền Tông, lần thứ hai làm Đường Hiến Tông, lần thứ ba chính là Tỉnh Lang. Do đó, về sau từ ngữ "*tam sinh hương hỏa"* thường dùng để chỉ lời nguyền có hiệu lực đến ba đời.

Thân này tuy khác, tánh thường còn)

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đứa bé lại đọc:

Thân tiền, thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường[261]
Ngô, Việt giang sơn du dĩ biến
Khước hồi yên trạo thượng Cù Đường

(Thân trước, thân sau sự vấn vương
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường
Ngô,Việt giang sơn chơi khắp cả,
Quẩy chèo mây khói, vượt Cù Đường[262])

Rồi ruổi trâu đi mất. Thân phận như thế còn chưa liễu thoát được, huống hồ là những kẻ chỉ mới lãnh hội được câu thoại đầu, được chết an lành mà coi là đã liễu thoát ư? Cậy vào tự lực để thoát sanh tử khó khăn như thế đó; cậy vào Phật lực để thoát sanh tử dễ dàng như thế đó; vậy mà người đời vẫn cứ buông bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, cũng là vì chưa hiểu rõ lẽ mầu nhiệm. Nay dùng hai câu sau đây để nói toạc ra: Chỉ là vì tri kiến sai lầm "muốn tỏ vẻ ta là hạng người bậc thượng, chẳng chịu làm chuyện tầm thường, không hy hữu, lạ lùng" vậy. Xin hết thảy mọi người hãy suy nghĩ chín chắn chuyện đã qua của năm người này rồi tự lợi, lợi tha, sốt sắng tu Tịnh Nghiệp như lo chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì mới khỏi luống uổng đời này và lần gặp gỡ này.

5. Ngày thứ năm: Giải thích sơ lược về giáo nghĩa Lục Tức của tông Thiên Thai, kiêm giảng về ăn chay, phóng sanh

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp lợi căn lẫn độn căn, khế lý, khế cơ, chí viên, chí đốn, đúng là pháp môn lợi lạc chúng sanh duy nhất vô thượng. Nhưng con người hiện tại, có kẻ tự cao, tự đại bảo: "Chúng sanh tức là Phật thì ta chính là Phật, sao lại phải niệm Phật?", kẻ thì lại cho rằng: "Ta đã là phàm phu khổ não, làm sao có thể

---

[261] "Đoạn trường": Ý nói vô cùng đau xót, như đứt từng khúc ruột. Theo điển tích cổ, vua Sở đi săn thấy vượn con bị bắn chết, vượn mẹ trông thấy ôm con kêu khóc rồi chết, mổ bụng ra xem thấy ruột nó đứt thành từng khúc. Do đó cổ văn thường dùng chữ "đoạn trường" để diễn tả nỗi đau xót.

[262] Cù Đường (còn gọi là Quỳ Hiệp, tức khe quỷ) là tên một kẽm núi hiểm trở, quanh co trên sông Dương Tử ở tỉnh Tứ Xuyên. Kẽm núi này dài đến 8 km, từ huyện Phụng Tiết cho đến thành Bạch Đế. Thế nước chảy xiết, rất nguy hiểm khi phải vượt qua.

liễu thoát sanh tử, chỉ cầu kiếp sau chẳng mất thân người mà thôi!" Hai hạng người này đều vì chẳng hiểu rõ nhân quả mà thành ra như thế ấy. Bởi vậy, hôm nay tôi vẫn giảng về nhân quả.

Phải biết *"chúng sanh tức là Phật"* [chỉ cho] cái nhân chân thật là Phật tánh sẵn có đủ. Nếu chẳng tu hạnh Niệm Phật mầu nhiệm, Phật tánh chẳng do đâu hiển hiện được thì làm sao đạt được thật quả "giải thoát sanh tử, thành tựu Phật đạo" đây? Ví như gương báu đóng bụi, quang minh chẳng hiện, chứ thật ra chẳng mất! Nếu chịu ra sức lau chùi, mài giũa thì gương sẽ tự có thể chiếu trời soi đất. Nếu nói: "Ta là phàm phu khổ não, chẳng thể vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật" thì lại chính là lời lẽ của kẻ nghiệp chướng sâu nặng, tự cam chịu đọa lạc. Vả nữa, người đời nay có kẻ đánh cờ, xoa mạt-chược đến nỗi mệt quá rồi chết, chẳng biết là bao nhiêu! Nếu họ có thể vận dụng sự khổ nhọc ấy vào chuyện tu hành niệm Phật thì lo gì chẳng vãng sanh Tây Phương, chứng lên đến Phật quả ư? Bởi lẽ, Phật vốn chỉ là một chúng sanh tu trì, chứng đắc Phật quả mà thôi.

Thiên Thai Trí Giả Đại Sư đời Tùy soạn cuốn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, đã lập ra giáo nghĩa Lục Tức Phật để đối trị căn bệnh lớn "cam chịu đọa lạc" và bệnh "tự tôn, tự đại sai lầm". Lục Tức Phật là: một là Lý Tức Phật, hai là Danh Tự Tức Phật, ba là Quán Hạnh Tức Phật, bốn là Tương Tự Tức Phật, năm là Phần Chứng Tức Phật, sáu là Cứu Cánh Tức Phật. "Lục": Minh thị thứ lớp sâu - cạn, "Tức": Chỉ rõ ngay nơi Thể chính là Phật. Ví như trẻ sơ sanh hình thể chẳng khác gì cha mẹ, nhưng sức lực, khả năng khác biệt rất xa. Bởi thế, chẳng thể bảo đứa bé con ấy chẳng phải là người, nhưng cũng chẳng thể sai nó gánh vác chuyện của người đã trưởng thành được. Nếu biết rõ "tuy sáu mà thường tức" thì sẽ chẳng sanh lui sụt. Nếu hiểu "tuy tức mà thường sáu" sẽ chẳng sanh lòng tăng thượng mạn. Từ đó, nỗ lực tu trì, sẽ từ phàm phu mà viên chứng Phật quả, do Lý Tức Phật mà thành Cứu Cánh Tức Phật vậy.

* **Lý Tức Phật** là hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Tuy trái phản Chánh Giác, xuôi theo trần lao, luân hồi trong Tam Đồ, Lục Đạo, nhưng công đức của Phật Tánh vẫn tự đầy đủ, cho nên gọi là Lý Tức Phật, coi Lý Thể của tâm chính là Phật vậy. Vô Cơ Tử[263] làm bài tụng rằng:

---

[263] Vô Cơ Tử là biệt hiệu của sư Phổ Nhuận, cao tăng tông Thiên Thai, sống vào đời Nam Tống. Ngài họ Quách, pháp tự là Thiên Thụy. Xuất gia năm bảy tuổi với ngài

Động, tịnh lý toàn thị
Hành, tàng sự tận phi,
Minh minh tùy vật khứ,
Yểu yểu bất tri quy.
(Động, tịnh toàn là lý,
Hành, tàng chẳng trúng gì,
Tối tăm theo đuổi vật,
Mờ mịt chẳng biết về)

Do hết thảy chúng sanh chưa nghe Phật pháp, chẳng biết tu trì, nhưng nhất niệm tâm thể vẫn hoàn toàn giống như Phật. Vì thế mới bảo là: *"Động, tịnh toàn là lý"*. Do mê lầm tự tâm, tạo các sự nghiệp nên mới bảo *"Hành, tàng chẳng trúng gì"* (Hành là hoạt động, tàng là ở yên), vì mọi việc làm đều chẳng tương ứng Phật Tánh. Suốt ngày, suốt năm, tối tăm, mờ mịt ruổi theo vật dục (lòng ham muốn vật chất) phiền não, vọng tưởng, từ sống đến chết chẳng hề biết hồi quang phản chiếu (xoay trở lại xét soi cái tâm), nên bảo là: *"Tối tăm theo đuổi vật, mờ mịt chẳng biết về"*.

* **Danh Tự Tức Phật** là hoặc do từ thiện tri thức, hoặc từ kinh điển mà biết rằng tâm vốn sẵn đủ Phật Tánh tịch - chiếu viên dung, bất sanh, bất diệt. Thông suốt hiểu rõ nơi danh tự, biết hết thảy pháp đều là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật. Đó gọi là "nghe danh tự Phật tánh liền hiểu rõ, thấu suốt Phật pháp". Kệ tụng rằng

Phương thính vô sanh khúc,
Thỉ văn bất tử ca,
Kim tri đương thể thị
Phiên hận tự tha đà.
(Vừa nghe khúc vô sanh,
Mới nghe bài bất tử,
Liền biết ngay đương thể,
Tiếc đã trót lần khân)

[Ý nói]: Từ trước đến nay chỉ biết sanh tử luân hồi không lúc nào kết thúc; nay biết Phật Tánh chân thường, bất sanh, bất diệt, đã biết đương thể (ngay nơi bản thể) chính là cái nhân chân chánh để thành Phật liền

---

Từ Hạnh Phưởng, chín tuổi xuống tóc. Năm mười tuổi bắt đầu học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thông Chiếu. Về sau, trụ trì chùa Đại Giác ở Tùng Giang, được vua ban hiệu Phổ Nhuận Đại Sư.

gấp gáp tu trì, còn hận từ trước đến nay mình bỏ uổng quang âm (thời gian) đến nỗi chưa thể thật sự chứng đắc!

* **Quán Hạnh Tức Phật** là nương theo Giáo tu Quán, tức là địa vị Ngoại Phàm[264] Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Ngũ Phẩm là:

a. Tùy Hỷ Phẩm: Nghe pháp Thật Tướng, tin hiểu, tùy hỷ.

b. Độc Tụng Phẩm: Đọc tụng kinh Pháp Hoa và các kinh điển Đại Thừa để hỗ trợ quán hạnh và sự hiểu biết.

c. Giảng Thuyết Phẩm: Tự nói những điều mình tự chứng hiểu (nội giải) để chỉ dạy, dắt dẫn làm lợi cho người khác.

c. Kiêm Hành Lục Độ Phẩm: Kiêm tu Lục Độ để giúp cho quán tâm.

e. Chánh Hành Lục Độ Phẩm: Lấy việc hành Lục Độ làm hạnh chánh yếu, tự mình hành, dạy người khác hành, Lý - Sự đầy đủ. Quán Hạnh càng thêm thù thắng. Kệ tụng rằng:

Niệm niệm chiếu thường lý
Tâm tâm tức huyễn trần
Biến quán chư pháp tánh
Vô giả diệc vô chân.
(Niệm niệm chiếu thường lý,
Tâm tâm bặt huyễn trần
Quán khắp các pháp tánh,
Không giả cũng không chân)

Đã viên ngộ (ngộ trọn vẹn) Phật tánh, nương theo Giáo tu Quán, đối trị phiền não tập khí nên bảo là: *"Niệm niệm chiếu thường lý, tâm tâm bặt huyễn trần".* Hiểu rõ một sắc, một hương không thứ gì chẳng phải là Trung Đạo; hết thảy các pháp không pháp nào chẳng phải là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều sẽ thành Phật, cho nên nói: *"Quán khắp các pháp tánh, không giả cũng không chân".*

---

[264] Ngoại Phàm là địa vị trước khi đạt đến địa vị Kiến Đạo. Ngũ Đình Tâm Trụ, Biệt Tướng Niệm Trụ, Tương Tục Niệm Trụ của Thanh Văn được gọi là Ngoại Phàm. Ngay cả địa vị Phục Nhẫn trong Thập Tín trong Đại Thừa vẫn thuộc Ngoại Phàm. Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 17 giảng: *"Gọi là Ngoại Phàm vì họ còn hướng ngoại cầu lý, chưa dứt tướng để hướng vào trong duyên theo chân tánh. Do chưa đoạn được cái thân phần đoạn trong lục đạo nên gọi là Phàm".* Nói chi tiết hơn, trong Tạng Giáo thì những địa vị thuộc Hiền Vị như Ngũ Đình Tâm v.v… là Ngoại Phàm, trong Thông Giáo thì cho đến Càn Huệ Địa đều là Ngoại Phàm, Biệt Giáo coi từ Sơ Quả cho đến Thập Tín đều là Ngoại Phàm, còn Viên Giáo coi Quán Hạnh Ngũ Phẩm là Ngoại Phàm. Tổ Ấn Quang đã giải thích chữ Nội Phàm theo giáo nghĩa Viên Giáo.

* **Tương Tự Tức Phật** là tương tự giải phát (gần giống như đã giải ngộ, phát khởi), tức là địa vị Nội Phàm thuộc Thập Tín trong Viên Giáo. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc; Bát, Cửu, Thập, Tín đoạn Trần Sa Hoặc. Kệ tụng rằng:

Tứ Trụ tuy tiên thoát,
Lục trần vị tận không
Nhãn trung do hữu ế
Không lý kiến hoa hồng.
(Trước đã thoát Tứ Trụ,
Nhưng sáu trần chửa không,
Mắt vẫn còn màng mộng
Thấy hoa đốm trên không)

Tứ Trụ là:

a. Kiến Nhất Thiết Trụ Địa chính là Kiến Hoặc trong Tam Giới.

b. Dục Ái Trụ Địa chính là Tư Hoặc trong Dục Giới.

c. Sắc Ái Trụ Địa tức là Tư Hoặc trong Sắc Giới.

d. Hữu Ái Trụ Địa tức là Tư Hoặc trong Vô Sắc Giới.

Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc nên bảo là: *"Trước đã thoát Tứ Trụ"*. Nhưng do tập khí sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp chưa hết, nên bảo là: *"Nhưng sáu trần chửa không"*. Ở đây chỉ luận về địa vị Thất Tín, chứ Bát, Cửu, Thập Tín đã phá được Trần Sa Hoặc nên tập khí đã hoàn toàn rỗng không. Tập khí là những dư âm của các Chánh Hoặc (các phiền não chánh yếu). Giống như cái mâm đựng thịt dù đã rửa sạch, vẫn còn có mùi hôi; bình đựng rượu tuy đã súc kỹ vẫn còn có mùi rượu. *"Mắt vẫn còn màng mộng, thấy hoa đốm trên không"* là: Vì chưa phá Vô Minh nên chưa thể thấy được bản thể của Chân Không Pháp Giới.

*** Phần Chứng Tức Phật** là ở [giai đoạn] Thập Tín hậu tâm[265], phá một phần Vô Minh, chứng một phần Tam Đức, liền bước vào Sơ Trụ, chứng Pháp Thân, là Pháp Thân Đại Sĩ. Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, tổng cộng là bốn mươi mốt địa vị, mỗi địa vị đều phá được một phần vô minh, chứng một phần Tam Đức, nên gọi là Phần Chứng Tức Phật. Do vô minh chia làm bốn mươi hai phẩm, Sơ Trụ phá một phần, cho đến Thập Trụ phá được mười phần. Trải qua [các địa vị] Thập Hạnh, Thập Hồi

[265] Đã viên mãn mười Tín tâm thì gọi là Thập Tín hậu tâm, tức là đã chuẩn bị tiến vào địa vị Sơ Trụ.

Hướng, Thập Địa cho đến Đẳng Giác [lần lượt] phá được bốn mươi mốt phần. Bậc Sơ Trụ có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, lại còn tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Thần thông đạo lực của bậc này chẳng thể nghĩ bàn, huống hồ là càng lên mỗi địa vị trên càng thù thắng hơn nữa, nhất là địa vị thứ bốn mươi mốt là Đẳng Giác Bồ Tát ư? Kệ tụng rằng:

Hoát nhĩ tâm khai ngộ
Trạm nhiên nhất thiết thông
Cùng nguyên do vị tận
Thường kiến nguyệt mông lung.
(Đột nhiên tâm khai ngộ,
Lặng trong hết thảy thông,
Vẫn chưa thông tận gốc
Trăng thường thấy mông lung)

"Đột nhiên tâm khai ngộ, lặng trong hết thảy thông" là nói về cảnh tượng phá được vô minh đôi phần, chứng ngộ đôi phần. *"Vẫn chưa thông tận gốc, trăng thường thấy mông lung"* ý nói còn có mây vô minh [che lấp] nên chưa thể thấy thấu tột ánh sáng của vần trăng thiên chân trong tự tánh.

* **Cứu Cánh Tức Phật** là từ Đẳng Giác lại phá một phần Vô Minh nên [thấu đạt] tột cùng Chân Tánh, hết sạch Hoặc, phước huệ viên mãn, chứng ngộ triệt để Chân Như Phật Tánh sẵn có ngay trong tâm mình, đạt địa vị Diệu Giác, thành đạo Vô Thượng Bồ Đề. Kệ tụng rằng:

Tùng lai chân thị vọng
Kim nhật vọng giai chân
Đản phục bản thời tánh
Cánh vô nhất pháp tân.
(Từ trước, chân là vọng
Hôm nay, vọng đều chân,
Chỉ khôi phục bản tánh
Có pháp nào mới đâu?)

"Từ trước chân là vọng" là trước khi ngộ thì cũng chỉ từ "Ngũ Uẩn đều là không" này mà lầm sanh chấp trước [khiến cho] Sắc Pháp, Tâm Pháp nương theo nhau thành lập, khổ ách theo đó sanh ra. Sau khi đã ngộ rồi, tuy vẫn chỉ là Ngũ Uẩn này, nhưng toàn thể đều là một Chân Như, trọn chẳng có tướng Sắc, Tâm, Ngũ Uẩn để được. Vì thế, bảo là: *"Từ trước chân là vọng. Hôm nay, vọng đều chân"*. Nhưng cái Chân

được chứng ấy nào phải là điều gì mới đạt được, chẳng qua là phục hồi lại Chân Như Phật Tánh sẵn có đó thôi, vì thế bảo: *"Chỉ khôi phục bản tánh, có pháp nào mới đâu?"*

Lại nữa, chúng sanh còn mê thì thấy Phật, Bồ Tát và hết thảy chúng sanh đều là chúng sanh, cho nên hủy báng Phật pháp, sát hại chúng sanh, chẳng biết là tội lỗi; trái lại còn coi đó là vui. Đức Phật đã triệt ngộ cái tâm "tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt", thấy hết thảy chúng sanh hoàn toàn là Phật. Vì thế đều vì kẻ oán, người thân thuyết pháp khiến cho họ được độ thoát; dẫu là kẻ cực kỳ ác nghịch không tin, tâm [Phật] cũng không hề có một niệm buông bỏ vì Phật thấy thấu suốt kẻ đó chính là một vị Phật chưa thành vậy.

Sáng hôm nay, ông Hoàng Hàm Chi bảo tôi rằng: Pháp Sư Viên Anh nói đạo tràng sắp viên mãn; ngày hoàn mãn sẽ cử hành phóng sanh. Đến ngày Mười Sáu sẽ nói về Tam Quy, Ngũ Giới, xin tôi vì đại chúng giảng đại ý của sự phóng sanh và thọ Tam Quy, Ngũ Giới ngõ hầu mọi người cùng phát tâm lợi người, lợi vật. Bởi thế, chẳng thể không tuyên nói. Pháp hội này nhằm để hộ quốc tức tai. Nếu suy xét đến tận cùng nguyên do phát khởi tai nạn thì phần nhiều là vì sát sanh mà ra. Vì thế, muốn ngưng dứt sát nghiệp, phải bắt đầu từ việc kiêng giết chóc, ăn chay, bảo vệ, tiếc thương sanh mạng loài vật và chuộc mạng loài vật. Mọi người ai nấy phải nên phát tâm bảo vệ, thương tiếc sanh mạng loài vật. *"Muốn biết binh đao trong cõi thế, lò mổ xin nghe tiếng nửa đêm*". Hãy giữ hai câu ấy làm lời răn nhắc, tận lực kiêng dè.

Ý nghĩa của việc phóng sanh là khiến cho mọi người phát tâm bảo vệ mạng sống của chúng sanh. Chính mình phóng sanh, đương nhiên sẽ chẳng sát sanh nữa. Dẫu chính mình chẳng phóng sanh, trông thấy người khác phóng sanh, lẽ nào còn nỡ sát sanh? Nếu ai nấy bảo vệ, thương tiếc sanh mạng, chẳng tàn hại nữa sẽ tiêu được sát kiếp, chuyển được vận nước. Nhưng người đời vẫn có kẻ một mặt bỏ tiền phóng sanh, một mặt vẫn sát sanh, ăn thịt như thường. Như vậy, dù có chút công đức phóng sanh, làm sao địch nổi tội lỗi sát sanh lớn lao!

Hiện thời, hội này dự định trong ngày viên mãn sẽ cử hành phóng sanh, xin các vị phát tâm thí tiền giúp cho, tự lợi, lợi vật, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Còn như [tiền] cúng dường của đệ tử quy y lần này, Ấn Quang quyết định dùng hết vào việc cứu trợ tai nạn, trọn chẳng lấy dùng một đồng nào! Bởi lẽ, tôi là một ông Tăng trơ trọi, đã không có chùa miếu, lại cũng chẳng có đồ đệ, trừ thức ăn, quần áo ra, để dành tiền làm

gì? Mai kia mạng chung, sau khi hỏa thiêu, đem tro rải xuống biển cả, chẳng cần phải tạo tháp và làm bất cứ [hình thức] kỷ niệm nào!

Ngay cả việc quy y đây, tôi vốn chẳng thuận từ đầu, nhưng bởi pháp sư Viên Anh và cư sĩ Khuất Văn Lục thiết tha khuyên bảo, viện lẽ những người phát tâm cầu pháp ân cần, vì thỏa mãn ý nguyện của họ, vì tình chẳng thể khước từ, nên đành chấp thuận. Tôi vốn xem nhẹ tiền bạc, chẳng giống những người khác, mỗi tên đệ tử phải xuất tiền "hương kính"[266] bao nhiêu đó mới chấp thuận cho quy y. Tôi thì không tiền cũng quy y được, chỉ cần người ấy có tâm thành kính tu trì mà thôi. Bởi lẽ, chẳng thể coi chuyện quy y như chuyện mua bán, cần phải ra giá bao nhiêu đó mới mua được hàng hóa đáng giá chừng đó! Có như vậy thì mới là tín đồ chân thật quy y Phật pháp, mới có thể đạt đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

6. Ngày thứ sáu: Dùng Chân Đế và Tục Đế để phá trừ kiến chấp và trần thuật những chuyện linh cảm gần đây

Người đời chấp Không, chấp Có, lầm lạc sanh khởi những kiến giải của chính mình nên mê muội chẳng giác ngộ. Đức Thế Tôn lập ra giáo pháp [là vì] muốn cho chúng sanh phá trừ hai kiến chấp ấy, đặc biệt bày ra một pháp môn Niệm Phật, mong chúng sanh từ Có đạt đến Không, dẫu đắc Không nhưng chẳng bỏ Có thì hai pháp Có - Không sẽ hỗ trợ nhau, được lợi ích rất lớn. Huống hồ là cậy vào nguyện lực của Phật Di Đà. Vì thế, lực dụng của pháp môn Niệm Phật vượt trỗi hết thảy pháp môn [khác], làm chỗ quy túc cho hết thảy các pháp môn.

Trong đời có một hạng người tri kiến hèn kém, dạy họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương bèn nói: "Chúng tôi là hạng nghiệp lực phàm phu, làm sao dám mong mỏi vãng sanh Tây Phương? Chỉ cầu chẳng mất thân người là đủ lắm rồi". Thứ tri kiến này là do chẳng biết tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của chư Phật giống hệt, chẳng hai. Nhưng chư Phật tu đức đến cùng cực, tánh đức hiển hiện trọn vẹn, còn chúng sanh dẫu đủ tánh đức, trọn không tu đức, dẫu có tu tập nhưng lắm kẻ vì tu hành trái nghịch với tánh, nên đâm ra càng thêm mê muội, trái nghịch.

Lại có một hạng người tri kiến cuồng vọng. Dạy họ niệm Phật, liền bảo: "Ta đã là Phật, cần gì phải niệm Phật? Các ngươi chẳng biết tự mình chính là Phật thì thường niệm Phật cũng không sao! Ta đã tự biết

[266] Hương kính: Tiền cúng dường khi cầu quy y thọ giới. Gọi là "hương kính" với ngụ ý cúng cho vị thầy chút tiền để thầy có tiền mua nhang đèn cúng Phật.

là Phật, cần gì phải trên đầu lại chồng thêm một cái đầu!" Thứ tri kiến này là do chỉ biết đến vị Phật thuộc về Phật Tánh sẵn có ngay trong tâm, chưa biết đến vị Phật đã đoạn sạch Phiền Hoặc, viên mãn phước huệ. Hạng người này nếu đã biết Tánh - Tu, Lý - Sự đều chẳng thể thiên chấp, cực lực tu tịnh hạnh thì sẽ vượt xa hạng người nẩy sanh tri kiến hèn kém. Nếu chẳng vậy, sẽ tự lầm, lầm người, vĩnh viễn đọa trong địa ngục A Tỳ, trọn không có kỳ ra. Vì thế, đối với những hiểu biết lầm lạc chấp Không, chấp Có, kiến giải hèn kém và kiến giải lầm lạc cuồng vọng này, chỉ có riêng pháp Niệm Phật là dễ đối trị nhất. *"Tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*, nếu chẳng làm Phật thì chẳng phải là Phật được. Hai câu kinh văn này chính là Vô Thượng Diệu Pháp để phá trừ hai thứ kiến chấp hèn kém và cuồng vọng.

Bàn chặt chẽ về ý nghĩa lớn lao trong Phật pháp thì chẳng ngoài Chân Đế và Tục Đế. Chân Đế một pháp chẳng lập, là thực thể được thấy biết bởi Thánh Trí. Tục Đế phô bày trọn vẹn vạn hạnh, chính là hành tướng được tu trong pháp môn *(chữ Tục ở đây nghĩa là tạo dựng, kiến lập, chứ đừng hiểu là thế tục, thô tục).* Người học Phật phải viên dung Chân - Tục, một mực cùng hành. Bởi lẽ, vì một pháp chẳng lập thì mới có thể tu đạo phô bày trọn vẹn vạn hạnh. Vạn hạnh được phô bày trọn vẹn thì mới hiển hiện được bản thể một pháp chẳng lập.

Nay để dễ hiểu, tôi nêu riêng một thí dụ. Bản thể của Chân Như Pháp Tánh ví như tấm gương quý báu tròn lớn, rỗng rỗng rang rang, trọn không có một vật, thế mà người Hồ đến thì bóng người Hồ hiện, người Hán đến ắt bóng người Hán hiện. Hồ, Hán cùng đến một lúc thì cùng lúc hiện bóng. Ngay đang trong lúc rỗng rang, trống lỗng, trọn không có một vật, chẳng trở ngại gì chuyện người Hồ đến, bóng người Hồ hiện; kẻ Hán đến, bóng kẻ Hán hiện. Ngay đang lúc người Hồ đến hiện bóng người Hồ, người Hán đến soi bóng người Hán, gương vẫn rỗng rang, trống lỗng, trọn không có một vật nào!

Thiền Tông đặt nặng Chân Đế, tức là ngay chỗ "vạn hạnh phô bày trọn vẹn" chỉ ra "một pháp chẳng lập". Tịnh tông phần nhiều chú trọng Tục Đế, tức là ngay nơi "một pháp chẳng lập", chỉ ra chuyện "vạn hạnh phô bày trọn vẹn". Bậc trí hiểu rõ Lý sẽ tự chẳng thiên chấp. Nếu không, thà chấp Có còn hơn là chấp Không! Vì nếu chấp Có dẫu chưa ngộ trọn vẹn Phật tánh vẫn còn có công tu trì; chứ chấp Không sẽ bác không nhân quả, thành ra kiến chấp Đoạn Diệt, phá hoại, rối loạn Phật pháp, khiến chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, họa ấy rất lớn, chẳng thể tuyên nói được!

Chúng ta niệm Phật trước hết phải từ Có Niệm mà khởi. Niệm đến lúc niệm lặng, tình mất, ắt không những đã không có Ta là người niệm mà cũng không có đức Phật được ta niệm, nhưng từng câu, từng chữ vẫn rành rẽ, phân minh, chẳng lầm, chẳng loạn, tức là như thường nói: *"Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"* vậy. *"Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"* nghĩa là ngay trong lúc đang niệm Phật, trọn chẳng có tình niệm khởi tâm niệm Phật. Tuy không có tình niệm khởi tâm niệm Phật nhưng lại niệm rành rẽ, phân minh, liên tục. Nhưng công phu này chẳng phải là điều hạng sơ tâm có thể đạt được ngay! Nếu chưa đạt đến công phu "vô niệm mà niệm" mà không chú trọng "có niệm" thì khác nào phá nhà để tìm lấy chỗ trống không! Cái Không ấy quyết chẳng phải là chỗ để an thân lập mạng được!

Các bậc cổ Thiền đức, có nhiều vị lễ bái, trì tụng chẳng tiếc thân mạng như cứu đầu cháy. Vì thế, thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ngày làm một trăm lẻ tám Phật sự, đêm qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật; huống hồ là học nhân đời sau chẳng trọng Sự Tu (tu hành về mặt Sự) mà hòng thành tựu đạo nghiệp ư? Do đại ngộ lý thể "một pháp chẳng lập", tận lực tu hành công phu "vạn pháp viên tu" nơi mặt Sự thì mới là Trung Đạo Không Hữu viên dung!

Kẻ [chấp vào] Không Giải Thoát cho rằng chẳng tu một pháp nào hết mới là "[một pháp] chẳng lập" được chư Phật gọi là "kẻ đáng thương xót". Liên Trì Đại Sư dạy: *"Chấp sự mà niệm, giữ được liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được dự vào phẩm vị [vãng sanh]. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó thể tránh được cái họa rớt vào Không. Bởi lẽ, Sự có công năng kềm cặp Lý, Lý chẳng thể tồn tại độc lập"*, lý do là như vậy đó. Chúng ta học Phật phải do từ ngay nơi Sự để thành Lý, do chính ngay nơi Lý để thành Sự. Lý - Sự viên dung, Có - Không chẳng hai thì mới có thể trọn thành tam-muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự nói 'ta chính là Phật', chấp Lý phế Sự, sai lầm rất nặng! Hãy nên tận lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ Sự hiển Lý, dẫu hiển Lý vẫn chú trọng nơi Sự thì mới được lợi ích thật sự. Ngay như hàng Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm mong viên mãn Phật Quả. Nay là phàm phu nhưng chẳng biết tự lượng, coi niệm Phật là Tiểu Thừa chẳng đáng để tu trì, tương lai quyết định vào địa ngục A Tỳ vậy!

Hơn nữa, người niệm Phật ai nấy phải tận hết bổn phận của chính mình, chẳng trái nghịch luân lý thế gian, như thường nói là *"giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ngăn cấm điều tà, giữ lòng thành, đừng*

làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Nếu bất hiếu với cha mẹ, chẳng dạy dỗ con cái thì là tội nhân trong Phật pháp. [Người] như vậy mà muốn được Phật cảm ứng gia bị, trọn chẳng có lẽ ấy! Vì thế, người học Phật phải là cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, tự lập mình, lại chu toàn cho người, tự lợi, lợi tha. Ai nấy tận hết bổn phận của chính mình, dùng chính thân mình đốc suất người khác, rộng tu Lục Độ, vạn hạnh, để làm gương mẫu cho mọi người.

Phải biết rằng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ cũng thuộc vào Lục Độ vạn hạnh. Trong cõi đời, kẻ chẳng tin Phật giống như người đeo cặp kính màu xem xét vạn vật, [thấy là] xanh hoặc đỏ là do kính [khác màu] mà ra, chẳng thấy được màu sắc thật sự của sự vật. Vì thế, sách Đại Học có thuyết *"cách vật trí tri"*, thật là có lý vậy! Người học Phật chúng ta chớ có lầm chấp vào kiến giải của chính mình. Nếu lầm chấp vào kiến giải của chính mình, ngồi đáy giếng nhìn trời, một khi Diêm La đòi mạng mới hay trước đây mình đã sai lầm, có hối cũng muộn rồi!

Đời này bạc ác, xã hội rối loạn, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra. Muốn tính chuyện cứu vãn, ai nấy phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, hiếu dưỡng cha mẹ, thương yêu trẻ nhỏ, yêu người như yêu chính mình, hoàn toàn vì lẽ công, chẳng tư lợi, thì mới có thể [cứu vãn được]! Do nhân tâm hòa bình, thế giới tự yên, quốc nạn tự dứt. Hiện tại, mối họa hoạn lớn nhất là con người ôm lòng riêng tư. Lòng riêng tư đến cùng cực [sẽ chỉ còn biết đến mình], con ruột có thể giết cha mẹ. Người đời thường hâm mộ cảnh thịnh trị rạng ngời, rực rỡ, thiên hạ thái bình thời Đường - Ngu[267], cứ than thở thói đời hiện tại suy đồi, lòng người hiểm ác, nhưng xét đến cùng cực tại sao thành ra như vậy thì thật sự chẳng ngoài [hai chữ] Công và Tư mà thôi! Công đến cùng cực ắt thế giới đại đồng, tư đến cùng cực thì con giết cha mẹ. Nếu mọi người phá được kiến chấp tư hữu, chẳng tàn hại lẫn nhau thì sẽ lại được thấy cảnh đời Đường Ngu Tam Đại[268] trong ngày nay chẳng khó khăn gì!

Xưa kia, tại Phổ Đà có một vị lão Tăng đi đường, chân chợt đụng phải cái ghế, liền đạp đổ cái ghế, lại còn giộng liên tiếp mấy đạp nữa. Thứ tri kiến như vậy đều là do mặc tình ngã mạn, tuyệt chẳng phản tỉnh

---

[267] Đường - Ngu là thời Nghiêu - Thuấn. Vua Nghiêu họ là Y (hay Y Kỳ), tên là Phóng Huân, thuộc thị tộc Đào Đường Thị, sử thường gọi tắt Đường Nghiêu. Vua Thuấn họ Ngu, tên Trọng Hoa, thuộc thị tộc Ngu Thị, sử gọi là Ngu Thuấn. Đây là thời thạnh trị Tam Hoàng Ngũ Đế theo truyền thuyết Trung Hoa.

[268] Tam Đại là ba đời vua thánh theo truyền thuyết Trung Hoa: vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Đại Vũ.

mà ra! Thứ tri kiến ấy bộc phát lừng lẫy ắt sẽ dẫn đến chuyện giết cha giết mẹ mà vẫn không hổ thẹn; trái lại, còn coi đó là công lao! Hiện tại cơ duyên giết hại càng mạnh mẽ, dụng cụ giết người càng thêm khéo léo, tinh vi, đại kiếp ngay trước mặt, ai có thể thoát khỏi được? Chỉ mong đại chúng dốc hết lòng thành niệm Phật, xót xa cầu Phật lực gia bị.

Khi chiến cuộc xảy ra ở đất Hỗ (Thượng Hải), những nhà cửa ở vùng Áp Bắc phần nhiều cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y với tôi là ông Hạ Hinh Bồi chưa bị mắc họa. Ấy là vì trong lúc chiến sự dữ dội, cả nhà ông ta cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, cả nhà bọn họ mới được Thập Cửu Lộ Quân[269] cứu ra; đến lúc đình chiến trở về nhà, mọi vật trong nhà chẳng mất thứ gì. Nếu Bồ Tát chẳng gia hộ, che chở thì làm sao mà được như vậy? Đó là do ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật rất chí thành. Do vậy biết: Quán Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, chắc chắn được cứu vớt, che chở.

Nếu nói: "Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dồn dập, Quán Âm Bồ Tát chỉ có một mình làm sao có thể cùng lúc đến cứu vớt, che chở từng người được? Dù có cứu giúp, che chở, cũng mệt nhọc khôn xiết!" Nào biết trọn chẳng phải Quán Âm Bồ Tát đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tâm chúng sanh cứu giúp đó thôi! Quán Âm vốn vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm [của chính mình], cho nên có thể *'nên dùng thân nào để cứu độ thì sẽ hiện ngay thân đó để thuyết pháp'*. Như vầng trăng vằng vặc trên không, tất cả mọi chỗ có nước đều hiện bóng trăng, nước trong ngàn dòng sông có ngàn vầng trăng in bóng trên sông. Trăng ấy là một hay là nhiều? Chẳng thể nói là một, vì trăng hiện bóng trong muôn dòng nước; chẳng thể nói là nhiều vì vầng trăng trên hư không luôn chỉ là một. Chư Phật, Bồ Tát cứu độ hữu tình cũng giống như thế. Chẳng được cảm ứng là do chúng sanh còn chưa dốc lòng

---

[269] Thập Cửu Lộ Quân là một cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, tương đương với cấp quân đoàn. Tiền thân mang tên Việt Quân Đệ Nhất Sư (sư đoàn thứ nhất của tỉnh Quảng Đông), năm 1926 đổi tên là Quốc Dân Cách Mạng Quân Đệ Tứ Quân (quân đoàn thứ tư của quân đội cách mạng Trung Hoa Dân Quốc). Khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc tiến hành Bắc Phạt (dẹp tan các tướng lãnh quân phiệt xưng hùng ở miền Bắc Trung Hoa), Đệ Tứ Quân lập rất nhiều chiến tích. Năm 1930, do quân số ngày càng lớn mạnh, nhất là sư đoàn thứ mười một của Đệ Tứ Quân đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đánh thắng được Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn nên đã được đổi tên thành Thập Cửu Lộ Quân, do đích thân Tưởng Giới Thạch chỉ huy.

thành, chứ chẳng phải Bồ Tát không cứu giúp, che chở! Như một cái ao nước dơ bẩn, muốn trăng hiện bóng trong ấy há có được chăng? Hiểu rõ lẽ này rồi, đại chúng chúng ta niệm Phật há còn ai chẳng chánh tâm, thành ý, chân thành, khẩn thiết hay sao? Tôi không tin !

Một đệ tử ở huyện Văn Hỷ, tỉnh Sơn Tây là ông Diệp Tư Sơ, cưỡi lừa đi trong vùng núi thẳm, một bên núi cao chót vót, một bên là khe sâu thăm thẳm. Tuyết đóng thành băng, con lừa trượt chân, liền rơi xuống khe. Ngang vách núi có một cái cây to, khéo sao rớt đúng ngay trên cây ấy, không hề hấn gì. Nếu không, sẽ bị tan thân, nát xương. Cây ấy do đâu mà có? Ấy là do Quán Âm Bồ Tát thị hiện vậy!

Lại nữa, năm Dân Quốc mười bảy (1928), ông Thái Nhân Sơ người huyện Ninh Ba mở cửa hàng Ngũ Kim Pha Lê ở Thượng Hải. [Ông ta là] người cực thuần hậu, chơi thân với ông Nhiếp Vân Đài. Vân Đài dạy ông Thái thường niệm Quán Âm, cốt ý để phòng ngừa bị bắt cóc, tống tiền. Nhân Sơ tin theo. Ngày nọ, sắp ra về, xe của chính ông đậu ngoài cửa, bọn cướp cầm súng đuổi tài xế đi, rồi bọn cướp ngồi trên đó. Ông Nhân Sơ vừa bước ra liền leo lên xe, xe liền chạy đi, mới biết gặp cướp, liền thầm niệm Quán Âm, mong cho xe chết máy hòng thoát nạn. Quả thật, xe bị nổ bánh, xe chạy khật khừ, nhưng vẫn cứ chạy tiếp. Bình xăng bị nổ vỡ khiến xe bắt lửa, bọn cướp xuống xe, cáu kỉnh hướng về phía ông Thái nã liền ba phát súng, nhưng ông Thái ba lần chạy né được, liền ngồi xe kéo trở về. Tháng Sáu năm đó, ông và vợ cùng đến Phổ Đà quy y.

Lại nữa, ông Trương Thiếu Liêm, giám đốc của một hãng ngoại quốc nọ, trọn chẳng tin Phật. Một ngày kia, ngồi xe hơi lái đến chỗ thanh vắng, hai tên cướp cầm súng đuổi người tài xế đi. Ông Trương nói: "Các ông lên xe ngồi, sai hắn lái đến chỗ nào là được rồi!" Hai tên cướp cầm súng chĩa về phía ông Trương. Ông Trương thầm niệm Quán Âm, xe lái đến chỗ náo nhiệt, chợt có hai người đánh lộn, tuần bộ (cảnh sát) thổi còi, hai tên cướp trèo xuống xe, lủi mất. Đấy là vì [ông Trương] niệm Quán Âm nên hai tên cướp mới lầm tưởng là tuần bộ đến bắt chúng. Cậu ông ta là Châu Vị Thạch đã quy y từ trước, một hôm thỉnh tôi đến nhà cụ. Thiếu Liêm cũng đến quy y.

Lại nữa, con ông Lý Cận Đan ở Trấn Hải làm nhân viên buôn bán cho một hãng ngoại quốc, bị bịnh thổ huyết đã hai năm. Có lúc thổ huyết thình lình, dẫu là lúc không thổ huyết thì trong đàm cũng thường lẫn máu. Một ngày, anh ta bị bọn cướp bắt. Cận Đan sợ hãi vô cùng, cả nhà niệm Quán Âm cầu cứu. Lại thỉnh chư Tăng chùa Pháp Tạng trợ niệm.

Sau đấy, bọn cướp đòi tiền chuộc năm mươi vạn đồng! Nhà họ Lý chỉ có năm vạn. Tên đầu sỏ bọn cướp bảo không đủ năm mươi vạn là không xong; nhưng mỗi khi hắn đề cập đến năm mươi vạn, đầu liền bị nhức buốt, sau đành phải chấp thuận năm vạn tiền chuộc. Từ khi con ông Cận Đan được bọn cướp thả về, chẳng những không bị thổ huyết, mà ngay cả khạc đàm cũng chẳng thấy lẫn máu nữa! Bệnh dây dưa suốt hai năm do bị cướp bắt, bệnh được khỏi hẳn. Những sự tích cảm ứng vừa thuật trên đây, [quý vị] hãy nên tin tưởng sâu xa.

Hiện tại, người học Phật khá nhiều, nhưng người hiểu biết Phật pháp sâu xa quá ít, trái lại, con người phần nhiều tin vào những lời lẽ của ngoại đạo. Miền Giang - Triết thường đồn rằng: "Người niệm Phật chẳng được vào huyết phòng (phòng đàn bà sanh nở) vì một khi bị mùi máu tanh hôi của bà đẻ suông nhằm, bao nhiêu công đức niệm Phật từ trước tiêu mất hết". Vì thế, [ai nấy] coi là chỗ phải tránh né, dù là con gái, con dâu của chính mình [sanh nở] đều chẳng dám đến gần. Có kẻ còn né sẵn qua nơi khác từ trước; hơn cả tháng mới dám trở về nhà. Tập tục này phổ biến rất rộng cũng đáng lạ thay! Chẳng biết đó chính là tà thuyết của ngoại đạo làm lầm lạc, điên đảo lòng người, há nên tin bậy?

Năm Dân Quốc thứ mười hai (1923), con dâu thứ của ông Viên Hải Quán, tuổi đã hơn năm mươi, có chút học vấn, có hai trai, hai gái. [Lúc] con dâu trưởng của bà ta sắp sanh, một vị cư sĩ bảo: "Con dâu sắp sanh, trong vòng một tháng, không được thờ Phật trong nhà, cũng chẳng được niệm Phật". Bà ta nghe xong, hồ nghi, vừa may tôi đến đất Hỗ, bèn hỏi ý việc ấy. Tôi nói: "Kẻ mù quáng đặt lời đồn thổi! Về bảo con dâu bà thường niệm Quán Âm, lúc sanh nở cần niệm ra tiếng. Bà và những người săn sóc sản phụ ai nấy đều nên niệm lớn tiếng thì chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó và không có những chuyện đau đớn, băng huyết v.v… Mà sau khi đẻ xong cũng chẳng bị các điều nguy hiểm". Bà ta nghe nói, rất mừng.

Qua mấy ngày sau, cháu bé sanh ra, thân rất to, người Hồ Nam sanh con nhất định cân [coi nặng bao nhiêu], đứa bé nặng đến chín cân rưỡi, lại là con so, mà [người mẹ] trọn chẳng đau đớn gì. Vậy mới biết sức đại từ, đại bi của Quán Âm Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Bình thường niệm Phật, niệm Bồ Tát, phàm lúc sắp ngủ, lúc rửa chân, tắm gội đều nên niệm thầm. Chỉ có lúc sanh nở chẳng được niệm thầm vì lúc đang sanh phải dùng sức, niệm thầm ắt sẽ bị tức khí thành bệnh. Phải rất chú ý điểm này! Phải biết: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, Pháp lực chẳng thể

nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn, chỉ do con người có lòng kiền thành hay không mà thôi!

Vị cao tăng đời Minh là ngài Thọ Xương Huệ Kinh thiền sư lúc sắp được sanh ra khá khó khăn. Ông nội ngài đứng ngoài phòng sanh, vì con cháu niệm kinh Kim Cang để cầu được dễ sanh. Cụ vừa mới mở miệng niệm xong hai chữ Kim Cang, [cháu] liền được sanh. Ông nội bèn đặt tên cho cháu là Huệ Kinh. Lớn lên, quy y và xuất gia đều chẳng lấy tên nào khác. Ngài là vị cao tăng lỗi lạc thời Vạn Lịch (Minh Thần Tông 1573-1620). Do đấy, gẫm xem thì biết là Phật pháp có ích cho cõi đời cũng lớn lắm! Niệm Quán Âm Bồ Tát vào lúc sanh sản có lợi ích như thế đó, há nên bị tà thuyết mê hoặc mà chẳng tín phụng Ngài ư?

Người đời ăn thịt đã thành thói quen. Hãy nên biết bất cứ loại thịt nào đi nữa đều có chất độc, vì lúc [con vật] bị giết, hận tâm, oán khí ngùn ngụt. [Người ăn vào] tuy chẳng đến nỗi mất mạng ngay lập tức, nhưng tích tập lâu ngày sẽ trở thành ghẻ chốc, tật bệnh. Những phụ nữ trẻ tuổi nếu vừa nổi nóng xong liền cho con bú sữa mẹ, đứa bé có thể bị chết; là vì sự nóng giận khiến cho sữa bị trở thành chất độc. Sự nóng giận của con người vào lúc chưa phải bị đau khổ trí mạng còn độc đến thế, huống là cái đau mất mạng của những loài lợn, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v… há có thể nào thịt chúng nó chẳng độc ư? Hơn mười năm về trước, tôi thấy một cuốn sách nói: *"Một phụ nữ Âu Tây tánh tình nóng nảy quá mức, [ngày nọ] vừa nổi nóng xong, cho con bú, đứa bé chết ngay, chẳng biết vì nguyên do gì. Về sau lại sanh đứa khác, lại nhân lúc nóng giận xong cho con bú, [đứa bé] chết tươi; bèn đem sữa đi xét nghiệm thì thấy có chất độc, mới biết cả hai đứa con đều chết vì bú sữa độc".*

Gần đây, có một bà cụ đến quy y, tôi bảo cụ ăn chay vì thịt có chất độc và kể chuyện người phụ nữ Âu Tây do nóng giận mà sữa hóa thành chất độc làm chết hai đứa con để làm chứng. Bà cụ ấy bảo bà ta cũng có hai đứa con cũng bị chết giống như vậy, vì ông chồng cụ tánh khí ngang ngược, man rợ, cứ hễ trái ý liền đánh vợ nhừ tử. Con thơ trông thấy khóc òa lên, liền cho con bú. [Đứa bé] chết liền! Lúc ấy, cụ chẳng biết là chết vì sữa đã trở thành chất độc. Con dâu cụ cũng vì cho con bú mà chết mất một đứa. Đủ thấy con nít trong đời bị trúng sữa độc chết chẳng biết là bao nhiêu. Từ người phụ nữ Tây Phương phát giác trước tiên cho đến cụ bà này [xác nhận], mới thấy thật minh bạch. Vì thế, phụ nữ cho con bú sữa mẹ chớ nên nổi nóng. Nếu như đang giận dữ quá mức thì hôm ấy đừng có cho con bú, cần phải đợi đến hôm sau, tâm trạng lắng dịu, lúc hết còn giận hờn thì mới [cho con bú] không ngại gì. Nếu ngay hôm đó

cho con bú rất có thể làm chết con. Nếu không chết ngay, rất có thể là chết dần dần.

Do vậy, biết rằng: Trâu, dê v.v… lúc bị giết tuy chẳng nói được, nhưng chất độc do lòng oán hận kết lại trong thịt nơi thân chúng cũng chẳng ít ỏi gì! Kẻ biết tự thương mình cố nhiên phải nên kiêng [ăn thịt] vĩnh viễn để tránh khỏi các thứ tai họa trong đời này, đời sau! Chuyện này rất ít người biết; vì thế, phải nêu rõ ra, mong sao mọi người lưu ý. Lấy đó làm chứng, cần biết rằng: Khi người ta nóng giận, chẳng những sữa có chất độc mà nước mắt, nước miếng cũng đều có chất độc. Nếu những thứ này rơi rớt vào mắt, vào thân trẻ nhỏ cũng gây hại chẳng cạn. Có một vị bác sĩ đến quy y, tôi hỏi ông ta: "Trong sách thuốc có nói đến điều này hay không?" Ông ta đáp: "Không biết!"

Trong thế gian chuyện vượt ngoài tình lý khá nhiều, chẳng thể vì chúng không hợp khoa học mà coi thường được! Chẳng hạn như cách trị bệnh sốt rét thì dùng một tấm giấy trắng rộng hai tấc, viết ô mai *(hai trái),* hồng táo *(hai trái),* hồ đậu *(tùy theo bệnh nhân bao nhiêu tuổi, viết bấy nhiêu hạt. Như mười tuổi, viết mười hạt. Hai mươi tuổi viết hai mươi hạt)* xếp lại. Trước lúc cơn bệnh phát ra khoảng một tiếng đồng hồ, quấn trên bắp tay, nam bên trái nữ bên phải, thì bệnh sẽ chẳng phát nữa. Trăm lần áp dụng, trăm lần hiệu nghiệm. Dù bệnh đã hai ba năm chẳng lành, cũng chữa lành được. Chẳng phải bùa, chẳng phải chú, chẳng phải thuốc mà trị lành được bệnh ngặt, há có thể vận dụng lý thông thường để giải thích hay chăng?

Sự thể trong thế gian đều khó thể nghĩ bàn cả! Như mắt thấy, tai nghe là chuyện cực bình thường, ai ai cũng biết cả, nhưng nếu hỏi vì sao mắt thấy được, vì sao tai nghe được thì những người biết rất ít! Trong Phật pháp cũng có những sự chẳng thể nghĩ bàn nhưng lại nghĩ bàn được, có những sự có thể nghĩ bàn nhưng lại chẳng thể nghĩ bàn được. Thần diệu nhưng minh bạch, tồn tại ngay trong con người, há nên dùng lẽ thường tình để suy lường ư!

7. Ngày thứ bảy: Giảng về tội đại vọng ngữ và những sự như đại hiếu trong nhà Phật, trí tri cách vật, thật thà niệm Phật v.v…

Ngày hôm nay, pháp hội viên mãn. Thời hạn bảy ngày chớp mắt đã qua. Thế nhưng, pháp hội tuy viên mãn, chuyện hộ quốc tức tai nên thực hiện cho đến khi chấm dứt báo thân này. Trừ phi ai nấy ăn chay, niệm Phật, vãng sanh Tây Phương, chẳng thể nói là đã viên mãn rốt ráo được.

Người học Phật hiện tại có lắm kẻ tự bảo ta đã khai ngộ, ta là Bồ Tát, ta đã đắc thần thông đến nỗi gây lầm lạc cho nhiều người. Một mai Diêm lão réo mạng, lúc mạng sắp chấm dứt, khi ấy cầu sống chẳng được, đau khổ mà chết, chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ. Chớ nên nhiễm đắm thói ác của những kẻ ham cao, chuộng xa, dối mình, lừa người ấy; nếu có thì phải sửa ngay. Nếu không có thì càng thêm cố gắng. Hãy kiêng dè, hãy đề phòng!

Giết, trộm, dâm… cố nhiên là tội nặng, nhưng con người biết những hành vi ấy chẳng tốt, không đến nỗi ai nấy đều bắt chước theo, nên tội ấy vẫn còn nhẹ. Nếu chẳng tự lượng, phạm tội đại vọng ngữ, chưa đắc đã bảo đắc, chưa chứng đã nói chứng để dẫn dắt những hạng vô tri, ai nấy đều bắt chước theo, hoại loạn Phật pháp, làm chúng sanh bị nghi ngờ, lầm lạc, tội ấy nặng không thể hình dung được!

Người tu hành cần phải giấu tài, ẩn đức, phơi bày tội lỗi. Nếu chuộng phô trương tiếng tăm, oai thế rỗng tuếch, bày trò giả dối, dù có tu hành cũng bị cái tâm dối trá rỗng tuếch ấy làm hư mất hết! Vì thế, Phật đặc biệt coi tội vọng ngữ là giới căn bản của các giới để ngăn ngừa tâm hư ngụy, ngõ hầu [người tu học đạo Phật] sẽ chân tu, thực chứng. Người tu hành chẳng được hướng về hết thảy mọi người khoe khoang công phu của chính mình. Nếu như vì chính mình chẳng thể hiểu thật rành rẽ, muốn cầu thiện tri thức khai thị, ấn chứng, thì cứ theo đúng sự thực mà trình bày trực tiếp, chớ nên kiêu căng nói quá lên, cũng chớ nên tự khiêm nói giảm đi, cứ dựa theo bổn phận của chính mình mà nói thì mới là đệ tử Phật thật sự, mới có thể mỗi ngày một thấy được lợi ích nhiều hơn.

Lục Tổ đại sư nói:

Phật pháp tại thế gian,
Bất ly thế gian giác,
Ly thế mịch Bồ Đề,
Kháp như cầu thố giác
(Phật pháp tại thế gian,
Chẳng rời thế gian giác
Lìa đời tìm Bồ Đề
Khác nào tìm sừng thỏ).

Vì vậy, biết rằng: Hết thảy mỗi sự mỗi vật trong thế gian đều là Phật pháp. Chúng ta khởi tâm động niệm đều phải rành rẽ, minh bạch, chẳng được để vọng niệm làm mê. Ngay cả những kẻ cực ác, bại hoại nhất trong thế gian cũng như những đứa trẻ non nớt nếu có ai nói đến những

điều bất thiện thì giận, nghe điều lành thì vui. Sự giận dữ đối với điều bất thiện, vui vẻ đối với điều thiện há chẳng phải là Chân Tâm Bản Giác phát hiện ư? Điều đáng tiếc là chẳng biết tự quay lại để mở rộng [cái tâm giận điều ác, vui điều lành] ra, vẫn cứ suốt ngày làm chuyện chẳng lành, đến nỗi trở thành ham danh, ghét thật, lọt vào hạng tiểu nhân. Giả sử họ có thể tự phản tỉnh: "Ta đã vui với điều thiện thì hãy nên tận lực làm việc lành, tận lực ngăn ngừa điều ác thì gần là mong thành hiền, thành thánh; xa là liễu sanh thoát tử, thành giác đạo của Phật".

Điều quan trọng là tự giác. Hễ giác thì chẳng chịu thuận theo mê tình, cuối cùng đạt đến chỗ giác vĩnh viễn chẳng mê. Nếu chẳng tự giác sẽ hằng ngày muốn người khác khen ngợi ta là lành, nhưng hằng ngày tận lực làm các điều ác, chẳng đáng buồn lắm ư? [Sự kiện] con người ai cũng có ý niệm thích được người khác khen ta là lành đủ chứng tỏ chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng hành vi thuận theo tánh hay trái nghịch tánh thì: Một là do mình tự cố gắng hay tự buông lung, hai là do thiện hay ác tri thức chỉ bày, dẫn dụ. Đời nay, tai nạn phát sanh dồn dập, quá nửa là do con người phần nhiều chẳng chuộng thực tế, ham chuộng mong mỏi hư danh, ham danh ghét thật, trái nghịch bản tâm của chính mình mà nên nỗi! Nếu có thể hồi quang phản chiếu, tỏ rõ Phật tánh vốn sẵn có, chẳng lừa mình, dối người, biết lễ nghĩa, biết liêm sỉ thì cái căn bản đã lập, chẳng còn làm chuyện nghịch lý loạn đức, ắt tai hoạn sẽ tự dứt vậy!

Người học Phật quan trọng nhất là ai nấy phải trọn hết bổn phận. Tròn bổn phận thì sẽ có liêm, có sỉ. [Những hạnh] như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính đều nên nỗ lực thực hành. Sách Đại Học có câu: *"Đại học chi đạo, tại minh Minh Đức"* (Đạo đại học cốt ở chỗ làm sáng tỏ cái đức sáng). Chữ "minh" thứ nhất là tu đức "khắc kỷ[270], xét soi, phản tỉnh". Hai chữ "Minh Đức" tiếp đó chỉ tánh đức sẵn có trong tự tâm. Muốn làm sáng tỏ Minh Đức sẵn có trong bản tâm, không tu trì từ việc khắc kỷ, xét soi, phản tỉnh thì không xong! Tiến lên nữa, mới có thể nói: *"Tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện"*. Chữ *"thân dân"* ở đây hàm ý ai nấy tận hết bổn phận. *"Chỉ ư chí thiện"* nghĩa là khởi tâm, làm chuyện gì, tự hành, dạy người, đều thuận theo lẽ trời, tình người, là Trung Đạo chẳng lệch, chẳng cong quẹo. Được như vậy thì làm thánh làm hiền là điều có thể đạt được!

---

[270] Khắc kỷ: Nghiêm khắc với bản thân, không cho phép bản thân mình dễ dãi với bất cứ tập quán ươn hèn, sai trái nào.

Vả nữa, Phật pháp nhằm dạy người đối trị phiền não, tập khí, nên có Tam Học Giới - Định - Huệ làm căn bản. Bởi lẽ, Giới ràng buộc cái thân thì chẳng dám làm điều trái đức nghịch lý, chẳng dám thốt lời vô ích có hại. Do Giới sanh Định nên những tạp niệm vọng loạn rối bời trong tâm sẽ dần tiêu, những hành vi hồ đồ sẽ tự ngưng. Do Định phát Huệ nên Chánh Trí mở mang, phát khởi, Phiền Hoặc tiêu diệt, thực hiện các thiện pháp thế gian hay xuất thế gian không pháp nào là chẳng phù hợp với Trung Đạo vậy! Ba thứ Giới - Định - Huệ đều là Tu Đức, đều là tâm thể do đích thân Chánh Trí thấy được! Đấy chính là Minh Đức. Sách Trung Dung gọi Minh Đức này là Thành. Thành chỉ cho "thuần chân chẳng vọng". Minh Đức tức là "ly niệm linh tri". Thành và Minh Đức đều thuộc về Tánh Đức. Do có Tu Đức "tu trì khắc kỷ, phản tỉnh, xét soi" thì Tánh Đức mới hiển lộ. Bởi thế, cần chú trọng vào chữ "minh" thứ nhất thì Minh Đức mới có thể thấy thấu suốt, vĩnh viễn tỏa sáng!

Phật pháp và thế gian pháp vốn chẳng phải là hai thứ! Nếu có kẻ cho rằng nhà Phật *"từ thân cát ái"* (từ biệt cha mẹ, cắt đứt tình yêu thương) là bất hiếu thì đó là cái nhìn hạn cuộc trong đời này, là cái nhìn nông cạn chẳng biết tới quá khứ, vị lai. Chữ Hiếu đối với cha mẹ trong nhà Phật thông cả ba đời. Vì thế kinh Phạm Võng dạy*: "Nếu là Phật tử thì do Từ tâm sẽ hành nghiệp phóng sanh, coi hết thảy đàn ông là cha ta, coi hết thảy đàn bà là mẹ ta. Ta trong đời đời, không lúc nào không do họ sanh ra. Bởi vậy, chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ ta. Giết họ để ăn tức là giết cha mẹ ta!"* Đối với hết thảy chúng sanh, Phật đều nghĩ thương xót độ thoát, ấy là Hiếu chẳng phải là vừa rộng lại vừa xa ư?

Vả nữa, lòng Hiếu thế gian: Cha mẹ còn sống thì hầu hạ, phụng dưỡng, cha mẹ đã khuất thì chỉ tới ngày [cha mẹ] mất mới làm cỗ cúng bái để trọn hết dạ làm con. Nếu như cha mẹ tội lớn, đọa trong dị loại, nào ai có thể biết trong đám sinh vật bị giết hại để ăn ấy, chắc chắn không có ai từng là cha mẹ ta ư? Không thông hiểu lý ba đời vô tận, cậy vào sự hiếu nhỏ nhoi mấy mươi năm để trách người, sự thấy biết ấy nhỏ nhoi, nông cạn, đáng thương xót thay! Vì thế, Phật dạy người ta kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, lòng từ bi cứu giúp cũng lớn lao thay!

Hoặc lại có kẻ bảo: "Loài lợn, dê, cá, tôm… vốn do trời sanh để nuôi dưỡng con người, ăn chúng nào có mắc tội gì?" Đây là do chưa trải qua cảnh đó nên mới nói bừa như thế. Nếu đích thân trải qua cảnh ấy thì mong được cứu còn không xuể, nào có dịp biện bác. Sách Khuyến Giới Loại Biên có chép: Ông họ Triệu nọ làm huyện lệnh huyện Bồ Thành,

tỉnh Phước Kiến, ăn chay trường thờ Phật. Vợ ông hoàn toàn không có lòng tin. Ngày hôm trước bữa sinh nhật, bà ta mua khá nhiều sanh vật tính giết đãi khách. Họ Triệu bảo: "Bà muốn chúc thọ mà lại làm cho chúng nó bị chết, nên chăng?" Vợ bảo: "Ông nói toàn lời vô ích! Nếu theo như Phật pháp, nam nữ chẳng được ngủ chung, chẳng giết sanh mạng, thì hóa ra mấy chục năm sau, tràn ngập thế gian toàn là súc sanh!" Ông Triệu cũng không có cách gì khuyên giải được.

Đến đêm, người vợ mơ thấy đi vào nhà bếp, thấy giết lợn mà chính mình bị biến thành lợn, bị giết chết rồi vẫn còn biết đau. Lúc bị cạo lông, phanh bụng, móc ruột, cắt phổi, đau khổ không thể chịu được nổi! Sau đấy, giết đến gà, vịt v.v… đều thấy chính mình là những con vật bị giết. Đau quá sức, tỉnh cả ngủ, tim run, thịt giựt. Từ đấy phát tâm thả hết những loài vật mình đã mua, ăn chay trường.

Người này đời trước có căn lành lớn nên mới cảm được Phật từ gia bị, khiến cho bà ta đích thân chịu khổ để dứt ác nghiệp. Chứ nếu không sẽ đời đời, kiếp kiếp nộp thân cho người ta ăn [để đền nợ sát sanh]! Những kẻ giết sanh vật ăn thịt trong cõi đời nếu có thể nghĩ tưởng đặt chính mình vào trong hoàn cảnh [của loài vật] thì khó gì mà chẳng quay đầu ngay khi ấy.

Lại có một hạng người nói: "Ta ăn thịt trâu, dê, gà, vịt… là vì muốn độ thoát chúng nó!" Chẳng những Hiển Giáo không có thuyết này, ngay trong Mật Giáo cũng không có. Nếu quả thật có thần thông như ngài Tế Điên thì còn được. Chứ nếu không, đó chỉ là tà thuyết khiến người lầm lạc, tự chuốc lấy tội. Hạng hết sức vô liêm sỉ mới dám nói như thế! Người học Phật phải hiểu rõ ràng khả năng của mình, chớ nên xằng bậy tự khoe khoang lớn lối, mong mỏi vậy thay!

Thời Lương, tại núi Thanh Thành ở đất Thục (Tứ Xuyên), có vị Tăng tên là Đạo Hương có đại thần lực, nhưng giấu kín chẳng tiết lộ. Núi ấy có lệ hằng năm mở hội, lúc đó mọi người ăn uống no say, giết hại sanh vật vô số. Ngài Đạo Hương khuyên can nhiều lần, họ chẳng nghe. Năm ấy, Ngài đào một cái hố to ở ngoài sơn môn, bảo mọi người: "Các ông đã ăn no, xin chia cho tôi một bát canh, có được không?" Mọi người ưng thuận. Khi đó, ngài Đạo Hương cũng ăn uống thật no say, nhờ người dìu đến trước hố ọe hết ra. Những con vật ngài đã ăn vào: Con nào bay được thì bay lên, con nào chạy thì chạy đi, tôm, cá, thủy tộc ói ra ngập cả hố. Mọi người kinh sợ, kính phục, liền vĩnh viễn kiêng sát sanh. Về sau, ngài Đạo Hương nghe lời Chí Công liền hóa (tịch diệt) *(Có người đất Thục yết kiến ngài Chí Công ở kinh đô. Chí Công hỏi: "Người xứ nào?" Đáp: "Tứ*

Xuyên". Chí Công bảo: "Hương ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?" Đáp: "Rất rẻ"[271]*. Chí Công bảo: "Đã bị người ta coi thường sao chẳng ra đi?" Người đó trở về núi Thanh Thành, thuật cho Đạo Hương nghe lời ngài Chí Công. Ngài Đạo Hương nghe lời ấy xong liền hóa).*

Cần biết rằng: Những người an phận giữ mình trong cõi đời, một khi hiển thị thần thông xong liền thị hiện tịch diệt lìa đời để khỏi bị tăng thêm phiền não. Nếu không, phải như ngài Tế Điên làm ra vẻ si cuồng, không ra trò gì để người ta nửa tin nửa ngờ, không thể đoan chắc thì mới được!

Người học Phật cần phải chăm chú bỏ cái thấy ta - người, cần phải tự lập, lập người, tự lợi, lợi người. Có vậy mới có thể nói là "nhập đạo". Tức là như sách Đại Học chép: *"Cổ chi dục minh Minh Đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm. Dục chánh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật"* (Người xưa muốn làm sáng tỏ Minh Đức trong thiên hạ thì trước hết phải giữ yên đất nước. Muốn giữ yên đất nước thì trước hết phải giữ yên gia đình. Muốn giữ yên gia đình thì trước hết phải sửa đổi thân mình. Muốn sửa đổi thân mình thì trước hết cái tâm phải ngay thẳng. Muốn cái tâm ta ngay thẳng thì trước hết phải giữ cho cái ý chân thành. Muốn cho cái ý chân thành thì trước hết phải đạt đến chỗ hiểu biết. Đạt đến chỗ hiểu biết nằm ở chỗ trừ khử vật dục).

Chữ *"vật"* được nói ở đây chỉ lòng tư dục chẳng phù hợp với thiên lý và tình người. Hễ đã có tư dục ắt tri kiến sẽ lệch lạc, tà vạy, chẳng còn ngay thẳng nữa. Chẳng hạn như kẻ đã yêu vợ, thương con thì dù vợ con có hư đốn, kẻ đó cũng chẳng thấy là hư hỏng. Do tư dục yêu thương mê mệt ngăn lấp lương tri sẵn có, nên trở thành sự thấy biết xấu ác, lệch lạc, tà vạy, bất chánh. Nếu có thể trừ khử sạch tâm niệm yêu thương mù quáng thì những chuyện vợ con đúng hay sai sẽ thấy rõ ngay lập tức.

Vì vậy, biết rằng: Phải thống thiết giảng [rõ ràng khái niệm] *"cách vật"* (trừ khử vật dục), chớ có hiểu lầm *"cách vật"* nghĩa là thông suốt cùng tột lý của mọi sự vật trong thiên hạ. Trừ khử món đồ tư dục trong tự tâm mới chính là căn bản của việc "làm sáng tỏ Minh Đức". Thông đạt tận cùng lý tánh của sự vật trong cõi đời chỉ là chuyện cành nhánh

---

[271] Nguyên văn: *"Tứ Xuyên hương quý tiện?"* Câu này có thể hiểu hai nghĩa: "Ngài Đạo Hương ở Tứ Xuyên được quý trọng hay bị coi thường?" Nghĩa thứ hai là "nhang ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?" Người nghe hiểu theo nghĩa thứ hai nên nói "rất rẻ".

nhất trong các chuyện cành nhánh. Lấy chuyện cành nhánh phụ thuộc nhất làm gốc thì thiên hạ ắt phải loạn lạc hết thuốc chữa được! Phật pháp trừ khử tham - sân - si chính là *"cách vật"*. Tu Giới - Định - Huệ chính là *"trí tri"*. Món vật Tham - Sân - Si chất chứa trong tâm thì cũng như đeo cặp kính màu để nhìn mọi vật sẽ chẳng thể thấy được màu thật của chúng. Họa hại của vật [dục] chẳng đáng sợ sao?

Người niệm Phật cũng đừng ỷ mình thông minh, trí huệ, mà cần phải vứt bỏ [những điều ấy] ra tận ngoài biển Đông. Nếu không, e rằng sẽ bị chúng gây lầm lạc, tự chuốc buồn khổ. Bởi lẽ, do thấy biết nhiều nhưng không chuyên nhất, đâm ra chẳng bằng hạng ngu phu, ngu phụ niệm Phật, chánh tâm, thành ý được hưởng ích lợi rất nhiều. Vì thế, một pháp Niệm Phật tốt nhất là phải học theo ngu phu, ngu phụ, [lấy việc] thật thà tu trì làm chánh yếu. Tục ngữ có câu: *"Thông minh phản bị thông minh ngộ"* (Thông minh đâm ra lại bị lầm lạc vì thông minh), chẳng đáng sợ sao?

Như bà vợ của ông Trịnh Bá Thuần, một đệ tử quy y của tôi ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam, ăn chay trường niệm Phật nhiều năm. Người con trưởng tên Huệ Hồng đã chết vào năm trước. Bà mẹ do thương con quá nên uống thuốc độc, trọn không có tướng trạng khổ sở, ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời. Hơn nữa, chết rồi sắc mặt sáng nhuận, kinh động cả một phương. Ông Bá Thuần là bậc lão nho đề xướng [niệm Phật], người tin theo rất ít, nhưng do cái chết của vợ con ông, mười người đã hết tám, chín người tin theo. Phàm ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời, dẫu không bịnh mà thác cũng đã khó có; huống chi uống thuốc độc chết mà còn hiện được tướng đó, nếu chẳng phải là đã đắc Tam Muội nên chất độc chẳng thể làm hại được thì làm sao hiện được tướng như vậy?

Ông Dương Kiệt[272] đời Tống, tự là Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, tham học với thiền sư Thiên Y [Nghĩa] Hoài, đại ngộ. Sau do cư tang mẹ, đọc

---

[272] Dương Kiệt là người huyện Vô Vi (tỉnh An Huy), nên lấy hiệu Vô Vi Tử, có tài văn chương lỗi lạc, đỗ đạt ngay trong tuổi thiếu niên. Thích học Thiền, đã tham học khắp các vị tôn túc đương thời. Khi yết kiến Thiên Y Nghĩa Hoài, Sư đã đem những câu chuyển ngữ của Bàng cư sĩ ra gạn hỏi. Một hôm đến núi Thái, thấy mặt trời to như cái mâm đang mọc bèn đại ngộ. Trình kiến giải lên Nghĩa Hoài được hứa khả. Sau ông lại gặp ngài Phù Dung Đạo Giai thưa hỏi lẽ Thiền. Dưới đời Tống Thần Tông, ông xin cáo quan về làng phụng dưỡng mẹ, ẩn cư đọc hết Đại Tạng Kinh, bèn liễu giải, quy tâm Tịnh Độ. Từ đấy chuyên tu Tịnh nghiệp, từng vẽ một bức tượng Di Đà cao đến một trượng sáu để lễ bái, quán tưởng. Lâm chung cảm Phật đến rước,

Đại Tạng, hiểu sâu xa sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ nên tận lực tự hành, dạy người hành. Lâm chung nói kệ rằng:

Sanh diệc vô khả luyến
Tử diệc vô khả xả,
Thái hư không trung chi hồ giả dã,
Tương thác tựu thác: Tây Phương Cực Lạc.
(Sanh thì cũng chẳng tiếc gì,
Chết rồi cũng chẳng bỏ đi đâu nào,
Hư không hư huyễn sá chi,
Đem lầm đáp lẫn để về Tây Phương)

Ông Dương Kiệt sau khi đại ngộ, quy tâm Tịnh Độ, cực lực đề xướng; đến lúc lâm chung nói: Trong chân tánh thì sanh tử như hoa đốm trong hư không, nhưng do chưa chứng được chân tánh thì chẳng thể không chú trọng cầu vãng sanh Tây Phương. *"Đem lầm đáp lẫn"* nghĩa là nếu đã triệt chứng chân tánh thì chẳng cần phải cầu sanh Tây Phương nữa vì cầu được vãng sanh vẫn còn là lầm lạc! Chưa chứng ngộ chân tánh thì phải nên cầu vãng sanh Tây Phương, cho nên mới nói: *"Đem lầm đáp lẫn để về Tây Phương".* Trong tác phẩm Vãng Sanh Tập, cuối truyện ông Dương Kiệt, Liên Trì Đại Sư đã viết bài tán như sau: *"Tôi mong những kẻ thông minh tài trí trong thiên hạ đều có thể thành tựu loại lầm lạc này. Đấy có thể bảo là thực sự đại thông minh mà chẳng bị thông minh làm lầm lạc vậy".*

Như ông Tô Đông Pha đời Tống, tuy là hậu thân của thiền sư Ngũ Tổ Giới, luôn mang một bức tranh A Di Đà Phật theo bên mình, bảo: "Đây là công cứ Tây Phương của cả đời ta". Nhưng đến lúc lâm chung, trưởng lão Duy Lâm ở Kính Sơn khuyên nhủ đừng quên Tây Phương, Đông Pha nói: "Dù Tây Phương chẳng phải là không có, nhưng chẳng thể dốc sức vào đấy được!" Môn nhân là Tiền Thế Hùng thưa: "Đấy chính là chỗ tiên sinh thường hành trì, hãy nên dốc sức". Đông Pha đáp: "Hễ dốc sức vào thì là sai rồi!" Nói xong liền mất. Đấy chính là bằng chứng hùng hồn của chuyện tự lầm lạc bởi thông minh vậy. Mong quý vị ai nấy đều chú ý.

Pháp môn Tịnh Độ khế lý, khế cơ, dùng sức ít mà thành công dễ dàng, như đã căng buồm thuận gió lại còn thuận nước vì nhờ vào Phật lực. Các tông khác dùng sức nhiều mà thành công khó khăn giống như con kiến bò lên núi cao vì hoàn toàn cậy vào tự lực. Đẳng Giác Bồ Tát

---

ngồi ngay ngắn, an nhiên qua đời. Ông trước tác các bộ Thích Thị Biệt Tập, Phụ Đạo Tập v.v…

muốn cầu viên mãn Phật Quả còn phải cầu vãng sanh Tây Phương, huống hồ là bọn phàm phu chúng ta nghiệp căn sâu nặng, sao chẳng dốc sức vào pháp này? Đấy là bỏ dễ cầu khó, lầm lạc cùng cực thay!

Hơn nữa, hiện thời những dụng cụ giết người trong cõi đời mỗi ngày mỗi mới mẻ, mỗi tháng mỗi khác biệt, nào là phi cơ, đại bác, hơi độc, tia sáng chết chóc v.v… Núi, sông chẳng thể ngăn trở nổi, vật cứng không chống ngăn được, cái thân máu thịt của chúng ta làm sao đương cự được nổi? Mạng người như giọt sương buổi sớm, vô thường một khi xảy đến, muôn sự đều thôi. Bởi thế, muốn cầu lìa khổ được vui thì phải nên kịp thời nỗ lực niệm Phật, cầu Phật gia bị lâm chung vãng sanh. Một phen đạt lên cõi kia, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, hoa nở thấy Phật, chứng được Vô Sanh, mới chẳng cô phụ chuyện được nghe pháp này mà tin nhận vậy. Kính mong đại chúng tinh tấn hành trì, đấy là điều tôi rất mong mỏi.

8. Ngày thứ tám: Pháp hội đã viên mãn, giảng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện và các nghĩa lý trọng yếu dành cho người niệm Phật

Hôm nay là ngày quý vị quy y. Quý vị đã quy y thì nên hiểu rõ đạo lý quy y, nay tôi trình bày cùng quý vị. Vì sao quý vị quy y? Tôi nghĩ nói chung là chẳng ngoài việc muốn cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử mà thôi! Như thế nào mới đạt được những mục tiêu này? Tức là phải quy y Tam Bảo, nghĩa là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Có quy y Tam Bảo, tu trì chân thật thì mới được liễu thoát sanh tử, vãng sanh Tây Phương. Vả nữa, Tam Bảo vừa nói đó có hai loại là Tự Tánh [Tam Bảo] và Trụ Trì [Tam Bảo].

Tự Tánh Tam Bảo:

* Phật nghĩa là Giác Ngộ. Tự Tánh Phật chính là Chân Như Phật Tánh ly niệm linh tri sẵn có trong tự tâm.

* Pháp nghĩa là quỹ phạm (khuôn phép). Tự Tánh Pháp chính là khuôn mẫu đạo đức, nhân nghĩa cao quý sẵn có trong tâm.

* Tăng nghĩa là Thanh Tịnh. Tự Tánh Tăng chính là tịnh hạnh thanh tịnh vô nhiễm sẵn có trong tâm.

Trụ Trì Tam Bảo:

* Lúc đức Phật Thích Ca còn tại thế thì Ngài là Phật Bảo. Sau khi Phật diệt độ, tất cả các tượng Phật bằng vàng, bằng đất, gỗ chạm, tranh vẽ đều là Phật Bảo.

* Các pháp ly dục thanh tịnh Phật đã giảng, và các kinh điển sách vàng, trục đỏ đều là Pháp Bảo.

* Người xuất gia áo thâm, tu các hạnh thanh tịnh đều là Tăng Bảo.

Quy (歸) là quay về, đổ vào, như nước đổ vào biển, như dân hướng về vua. Y (依) là nương gởi, như con nương vào mẹ, như vượt [sông, biển] nương nhờ thuyền. Con người giữa biển cả sanh tử nếu chẳng quay về nương nhờ Tự Tánh Tam Bảo và Trụ Trì Tam Bảo thì không cách gì thoát ra được! Nếu chịu phát tâm chí thành quy y Tam Bảo, tu hành đúng như pháp thì liền ra khỏi biển khổ sanh tử, liễu sanh thoát tử. Như người lỡ chân rớt xuống biển cả, sóng dữ bủa cuồn cuộn, lo bị ngập mất đầu. Giữa lúc ngàn cân treo sợi tóc, sanh tử tồn vong ấy, chợt có con thuyền đi đến, liền đuổi theo, trèo lên. Đấy là nghĩa "quay về, gieo vào" vậy.

Do biết Tự Tánh Tam Bảo, từ đấy khắc kỷ, phản tỉnh, xem xét, kiêng dè, gắng sức, lại cầu nơi Trụ Trì Tam Bảo và mười phương tam thế hết thảy Tam Bảo thì tiêu trừ được ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thành tựu đạo nghiệp ngay trong đời này, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử, luân hồi. Giống như được cứu, leo lên thuyền, ngồi yên đến bờ. Hung hiểm lúc ấy đã qua, hiện tại mừng được sống sót. Bởi đó được vô hạn lợi ích. Đấy chính là ý nghĩa "nương, gởi" vậy. Việc đời rối ren, phiền não đau khổ, sống trong biển cả sanh tử này, hãy nên lấy Tam Bảo làm thuyền. Chúng sanh được quy y, đẩy chèo, giương buồm, chẳng lười nhác, chẳng lui sụt, tự lên được bờ kia!

* Đã quy y Phật hãy nên thờ Phật làm thầy; bắt đầu từ nay cho đến hết đời, dốc lòng chân thành lễ kính, chẳng chịu lười nhác dẫu chỉ trong một hơi thở. Lại chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần.

* Đã quy y Pháp, nên lấy Pháp làm thầy, từ nay cho đến hết đời, chẳng quy y kinh điển ngoại đạo nữa.

* Đã quy y Tăng nên lấy Tăng làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, chẳng còn quy y đồ chúng ngoại đạo nữa.

Nếu đã quy y Tam Bảo mà còn tin tưởng ngoại đạo, tôn thờ tà ma, quỷ thần thì tuy hằng ngày niệm Phật, tu trì, cũng khó lòng được lợi ích chân thật, vì tà - chánh chẳng phân, chắc chắn chẳng có hy vọng liễu thoát sanh tử. Ai nấy nên nghiêm chỉnh vâng giữ như thế *(giảng xong hai chữ Quy Y).*

Đã giảng về ý nghĩa Tam Quy rồi, lại nói đến ý nghĩa Ngũ Giới. Ngũ Giới vừa được nói đó, chính là: Một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng uống rượu.

* Chẳng sát sanh là vì ta cùng loài vật đều ham sống, sợ chết giống hệt như nhau. Ta đã ham sống, há loài vật muốn chết? Nói, nghĩ đến điều đó, nỡ lòng nào giết hại? Bởi lẽ, hết thảy chúng sanh vốn cùng ngang hàng, luân hồi trong lục đạo, tùy theo nghiệp thiện - ác mà hình thể biến đổi, thăng, giáng, siêu thoát, chìm đắm, trọn chẳng lúc nào hết. Ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha, mẹ, lần lượt làm con cái. Suy nghĩ như vậy, há còn dám sát sanh?

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, quả thực chẳng hai, chẳng khác với tam thế chư Phật. Trong đời vị lai, đều có thể thành Phật, chỉ vì sức ác nghiệp đời trước ngăn lấp khiến cho Phật Tánh mầu nhiệm sáng suốt chẳng thể hiển hiện được, chìm đắm trong dị loại. [Chúng ta] phải nên dùng lòng thương xót, lòng từ bi để cứu vớt, nỡ nào cắt xẻ thân thể chúng để no bụng ta?

Đời này, bọn ta đã được làm người chính là do thiện quả đời trước, phải nên giữ gìn thiện quả này khiến cho nó được tỏa rạng rộng lớn, duy trì vĩnh cửu, hãy nên kiêng giết chóc sanh mạng! Nếu như rộng tạo sát nghiệp ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, xoay vần giết hại nhau, đây chìm, kia nổi, chẳng có lúc hết. Muốn cầu sanh Tây Phương để tránh khỏi nỗi khổ luân hồi, sao còn dám tạo sát nghiệp ư? Vì thế, điều đầu tiên cần chú trọng là kiêng giết.

* Chẳng trộm cắp là khi có được vật gì phải xét xem nó có hợp đạo nghĩa hay không[273], nếu chẳng cho thì chẳng lấy. Việc này những ai biết chút liêm sỉ sẽ đều có thể chẳng phạm, nhưng con người chẳng phải là hiền thánh, ai có thể chưa hề phạm? Bởi lẽ, nếu tư dục dấy lên sẽ dễ bị vật chất lung lạc. Nếu đối với mối lợi lớn ở ngay trước mắt mà có thể né tránh giống như gấp gáp tránh rắn, rết, hoặc [né tránh] kẻ chạy cuồng đi vội thì [người như vậy] chẳng luôn luôn gặp gỡ được!

Nói "trộm cắp" đó chẳng phải chỉ có nghĩa là trộm cắp tài vật của người khác, mà là ngay trong lúc khởi tâm, làm việc có khi giống như trộm cắp thì cũng gọi là trộm cắp vậy. Chẳng hạn, lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu đoạt vật, ganh tỵ sự phú quý của người khác, mong người ta nghèo hèn đi v.v… đều là trộm cắp cả!

---

[273] Nguyên văn là *"kiến đắc tư nghĩa"*. Chúng tôi dịch theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải. Khổng Tử còn nói thêm: "*Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo"* (quân tử [tuy] chuộng của cải, nhưng lấy [của cải phải] đúng với đạo nghĩa).

Lại như làm lành phô trương để cầu danh. Nếu gặp các việc lành, tâm chẳng tích cực, công chuyện phần nhiều làm quấy quá. Chẳng hạn như lập trường nghĩa học[274] nhưng chẳng chọn thầy nghiêm khắc khiến cho con em người khác bị lầm lạc; thí thuốc men chẳng phân biệt thật - giả, khiến tánh mạng người khác bị hại. Phàm thấy nạn gấp, dụ dự chẳng cứu cho nhanh, lần chần, dùng dằng đến nỗi lỡ việc. Chỉ luôn lằng nhằng, thiếu trách nhiệm, chẳng quan tâm đến lợi - hại của người khác. Những điều giống như thế đều gọi là trộm cắp! Lòng mang cái tâm trộm cắp, làm chuyện trộm cắp thì xã hội sẽ vì đó mà rối beng, thiên hạ cũng chẳng thái bình. Vì vậy, cần phải chú trọng kiêng dè trộm cắp.

* Chẳng tà dâm: Âm - dương thu hút nhau, muôn vật nhờ đó mà sanh. Nam nữ lập gia đình là giềng mối lớn lao của con người. Sanh con đẻ cái, nuôi dạy nên người, trên liên quan đến phong hóa, dưới liên quan đến tiếp nối dòng dõi; cho nên chẳng cấm. Nếu chẳng phải với người vợ hay chồng chánh thức lại chung chạ bừa bãi, đấy là tà dâm. Như vậy là trái nghịch lẽ trời, rối loạn luân thường của con người, sống làm cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa tam đồ ác đạo ngàn vạn ức kiếp chẳng thể thoát khỏi. Nhưng con người do dâm dục sanh ra nên dâm tâm khó chế ngự nhất.

Đức Như Lai dạy người tham dục nặng nề tu Bất Tịnh Quán, quán lâu ngày sẽ thấy sắc đâm chán. Lại nếu có thể tưởng hết thảy nữ nhân mình trông thấy đều là mẹ, con gái, chị, em, sanh tâm hiếu thuận, tâm cung kính thì ác niệm dâm dục không do đâu phát sanh được! Đấy chính là đoạn trừ cội gốc của sanh tử luân hồi, là cơ sở, là bậc thềm để siêu phàm nhập thánh, hãy nên thường kiêng dè.

Còn như vợ chồng ân ái với nhau vốn chẳng bị cấm đoán, nhưng cũng cần phải *"tương kính như tân"* (kính trọng nhau như khách), nhằm tiếp nối dòng dõi để thờ phụng tổ tiên, phải nên giữ chừng mực, chớ nên chỉ tham cầu khoái lạc đến nỗi chôn vùi thân mạng! Tuy là với người phối ngẫu của mình, hễ tham khoái lạc thì cũng là phạm giới! Chẳng qua tội ấy so ra nhẹ hơn [tội tà dâm] thôi! Vì thế, cần phải đặt nặng chuyện giới dâm.

* Chẳng nói dối là lời lẽ phải đáng tin, chẳng dối trá thốt ra. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, lấy có làm không; phàm hết thảy những chuyện tâm - miệng chẳng xứng nhau, muốn lừa dối người thì đều là "nói dối" cả. Lại nếu tự mình chưa đoạn

[274] Trường nghĩa học: Trường miễn phí mở ra để dạy dỗ con cái người nghèo, hoặc côi cút.

Hoặc mà bảo đã đoạn Hoặc, tự mình chưa đắc đạo mà bảo đã đắc đạo thì là đại vọng ngữ. Tội ấy rất nặng vì hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh ngờ vực, lầm lạc, chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ, vĩnh viễn không có ngày ra. Vì thế, cần phải chú trọng giới vọng ngữ.

Bốn điều kể trên gọi là Tánh Giới vì do thể tánh của chúng đáng kiêng giữ. Chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không, hễ phạm phải đều có tội lỗi. Kẻ chưa thọ giới, căn cứ trên sự mà luận tội. Người đã thọ giới, ngoài việc căn cứ trên Sự để luận tội ra, còn kèm thêm tội phạm giới. Vì thế, bốn điều sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đại vọng ngữ này, hết thảy mọi người đều chẳng nên phạm. Hễ phạm đều có tội! Đã thọ giới mà còn phạm sẽ mắc cả hai trọng tội.

* Chẳng uống rượu là vì rượu có thể làm mê loạn lòng người, hư hoại dòng giống trí huệ. Uống vào, rượu làm cho con người điên đảo, hôn mê, cuồng dại, làm càn những chuyện không biết hổ thẹn. Phàm là người tu hành trọn chẳng cho phép uống. Cần biết rằng: Hết thảy vọng niệm, tà hạnh phần nhiều là do uống rượu mà nẩy sanh! Vì thế, cần phải chú trọng thêm chuyện kiêng rượu! Đây là Già Giới (giới ngăn ngừa), chỉ người thọ giới mắc tội phạm giới. Người chưa thọ giới thì uống vào không bị tội! Nhưng không uống thì tốt hơn, bởi nó là căn bản có thể sanh ra các thứ tội lỗi.

Còn về Thập Thiện cũng phải nên tuân thủ. Thập Thiện là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm; đấy là ba nghiệp của thân. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu là bốn nghiệp của miệng. Chẳng keo tham, chẳng nóng giận, chẳng tà kiến là ba nghiệp của ý. Nếu giữ được chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện. Nếu phạm chẳng giữ thì gọi là Thập Ác. Thập Ác chia ra làm thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập Thiện cũng chia thành thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba đường lành: trời, người, A-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định không nghi, không hề sai sót! Mười điều lành này bao gồm hết thảy thiện pháp. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Các vị đã quy y, thọ giới, hãy nên tuân thủ trọn vẹn. Lại còn phải nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ nên coi thường. Nếu chẳng để ý, đến khi lâm chung mới cảm thấy là trọng yếu thì gió nghiệp đã thổi, chẳng thể tự chủ, hối cũng chẳng kịp!

Người học Phật đã hiểu rõ các ý nghĩa Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện rồi thì hãy dốc hết sức giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận,

ngăn lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Điều cần phải chú ý nhất là làm bất cứ việc gì, đều phải dựa vào thiên lý, lương tâm. Như người làm nghề Y mà có lương tâm, cứu người [trong cơn] nguy cấp sẽ tích lũy âm công (âm đức) lớn lao. Kẻ không có lương tâm có thể sẽ làm cho người bệnh nhẹ chuyển thành nặng, thừa nước đục thả câu, táng tận lương tâm, nhất định lãnh ác quả.

Hiếu liêm Tào Cẩm Đào ở Tô Châu đời Thanh giỏi y thuật[275] bất cứ bệnh ngặt nghèo nào, gặp tay ông đều khỏi. Một bữa, lúc ông sắp ra khỏi cửa, chợt có một người đàn bà nghèo quỳ ngoài cửa, khóc lóc xin ông chữa bệnh cho mẹ chồng, than: "Gia cảnh nghèo túng, nghe ngài sẵn lòng từ bi, nhất định sẽ đoái hoài đến trị". Ông Tào liền đến trị. Đến lúc ông ra về, dưới chiếc gối của mẹ chồng người đàn bà nghèo có năm lạng bạc trắng, chẳng biết đi đâu mất, tưởng ông Tào trộm đi, người đàn bà bèn đến nhà hỏi. Ông Tào bèn cứ đúng số đưa cho. Người đàn bà nghèo về đến nhà, [thì ra] mẹ chồng đã lấy bạc ra. Người đàn bà hổ thẹn vô cùng, lại đem bạc đến trả lại, tạ tội, hỏi ông: "Sao ngài lại tự đổ hô mình trộm bạc?" Ông Tào bảo: "Tôi chỉ muốn mẹ chồng bà chóng khỏi bệnh! Nếu tôi chẳng nhận, mẹ chồng bà ắt sẽ thêm lo lắng bệnh nặng hơn, hoặc đến nỗi khó lành bệnh được! Vì thế, chỉ mong mẹ chồng bà lành bệnh, chẳng sợ người ta bảo tôi trộm bạc".

Tấm lòng ông trung hậu, có thể nói là đến cùng cực, không ai hơn được! Bởi thế, ông sanh được ba người con: Con trưởng làm Ngự Y, thọ hơn tám mươi tuổi, nhà giàu to; con thứ làm Hàn Lâm, làm quan đến chức Phiên Đài; con thứ ba cũng làm Hàn Lâm, làu thông kinh sử, chuyên chí trước tác. Cháu chắt đông đảo, nhiều người hiển đạt. Còn những kẻ chỉ mưu kiếm lợi bằng nghề Y, nếu chẳng tan nhà nát cửa, dòng dõi tuyệt diệt thì đã hiếm hoi lại càng hiếm hoi hơn!

Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện, niềm vui có thừa; nhà

---

[275] Nguyên văn: *"tinh ư Kỳ Hoàng"*. Kỳ là Kỳ Bá, Hoàng là Hoàng Đế. Kỳ Bá là một y sư trứ danh theo truyền thuyết, ông rất tinh thông y thuật nên được Hoàng Đế thờ làm thầy. Hoàng Đế chính là một trong ba vị thánh đế vương thời cổ (Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế). Hoàng Đế cũng tinh thông y thuật. Thần Nông được coi là tổ nghề thuốc, còn Kỳ Bá được coi là tổ nghề Y. Tác phẩm căn bản của y học cổ truyền Trung Hoa là bộ Hoàng Đế Nội Kinh ghi chép những đối đáp về y lý giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá. Ngoài ra, theo thư tịch cổ Trung Hoa, những lời dạy khác về y học của họ còn được chép trong những bộ sách nay đã thất truyền như Kỳ Bá Hoàng Đế Án Ma, Kỳ Bá Kinh, Kỳ Bá Cứu Kinh, Kỳ Bá Châm Kinh, Hoàng Đế Kỳ Bá Luận, Kỳ Bá Ngũ Tạng Luận v.v…

tích ác, ương họa có thừa), ý nói: Dư khánh, dư ương báo ứng vào con cháu. Còn bổn khánh, bổn ương vận vào chính thân mình. Dư khánh, dư ương người khác thấy được, còn bổn khánh, bổn ương thì chính mình ngay trong đời này hay trong đời kế tiếp, hoặc đời sau phải hứng chịu, người đời chẳng thể thấy được. Thiên, địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát đều thấy biết từng sự rõ ràng.

Hãy nên biết rằng: Bổn khánh, bổn ương so với dư khánh, dư ương lớn hơn gấp trăm, ngàn, vạn lần. Vì thế, xin người đời hãy nỗ lực tu trì, ngõ hầu được vui mừng, trừ ương họa vậy. Ông Tào cam chịu tiếng "trộm cắp" để cứu tánh mạng người khác, thiện báo ứng vào con cháu. Nếu chính mình có thể thay cho con cháu niệm Phật, cầu Tam Bảo gia bị, dạy con cháu ai nấy cũng ăn chay, niệm Phật thì thiện báo sẽ ở tại Tây Phương!

Các vị đã quy y thì phải nên cung kính thọ Tam Quy để làm cái gốc nhằm bỏ tà theo chánh, giữ Ngũ Giới cẩn thận để làm cái nguồn nhằm đoạn ác, tu thiện. Phụng hành Thập Thiện để làm cái gốc nhằm thanh tịnh ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý. Từ đó, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Tam nghiệp đã tịnh, rồi có thể tuân tu đạo phẩm, liễu sanh thoát tử, được dự vào hội tốt lành nơi Cực Lạc.

Thiện - ác, nhân - quả như bóng theo hình, chẳng hề sai lầm. Thật sự làm như vậy sẽ được lợi ích thật sự. Nếu mua danh chuốc tiếng, thích nói cuồng vọng, lừa mình, dối người, tự bảo đã đắc Phật đạo thì là đại vọng ngữ, ắt sẽ mắc ác báo. Người tu hành tâm địa phải quang minh, ba nghiệp thanh tịnh, công đức vô lượng. Quán kinh dạy: *"Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện nghiệp là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật"*. Buông dao đồ tể xuống, thành Phật ở chính ngay nơi ấy, đã có người làm được như thế. Xin ai nấy hãy gắng lên.

XV. Pháp ngữ khai thị khi từ Thượng Hải về đến Linh Nham[276]

[276] Ở Trung Hoa có hai chùa mang tên Linh Nham, một ở huyện Trường Thanh tỉnh Sơn Đông, còn một là ở tại Ngô Huyện, Tô Châu. Chùa Linh Nham nói ở đây gọi tên đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ Tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tam-muội tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành viện học giới luật của Luật Tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085),

(giảng vào buổi chiều ngày 17 tháng 10 năm Dân Quốc 25 (1936))

Linh Nham chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo "chánh tâm thành ý, siêng năng chăm lo việc nước, yêu dân" của các vị tổ tiên là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung[277], chỉ chuộng dâm lạc, bèn dựng cung Quán Oa[278] nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng lớn lắm! Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư Không[279] Lục Ngoạn xây nhà trên đó, về sau nghe Phật pháp bèn biến nhà thành chùa ; đấy chính là duyên khởi khai sơn đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, do ngài Bảo Chí Công[280] cầu đảo cho Vũ Đế,

---

chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi được trùng tu, vào đời Thanh, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt trùng tu. Kể từ năm 1931 trở đi, dưới ảnh hưởng của tổ Ấn Quang, chùa trở thành đạo tràng Tịnh Độ nổi tiếng nhất Trung Hoa. Năm Dân Quốc 29 (1940), tổ Ấn Quang thị tịch tại chùa này. Hiện chùa còn tháp thờ ngũ sắc xá-lợi của Tổ Ấn Quang và Ấn Công Kỷ Niệm Đường.

[277] Theo sách Hoài Nam Tử, Thái Vương là ông nội của Châu Văn Vương có ba người con: Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch (cha của Châu Văn Vương). Vì muốn nhường ngôi cho Quý Lịch, Thái Bá và Trọng Ung liền giả vờ đi hái thuốc rồi trốn xuống miền Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Nước Ngô bị Câu Tiễn nước Việt thôn tính và diệt vong dưới thời Phù Sai.

[278] Sau khi Câu Tiễn (vua nước Việt) bị Phù Sai đánh bại nhằm trả thù mối nhục giết cha là Hạp Lư, theo mưu kế của Phạm Lãi, Câu Tiễn đã dâng mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai. Phù Sai bèn xây cung Quán Oa cho nàng Tây Thi ở. Cô Tô Đài cũng thuộc quần thể cung điện này. Khi Câu Tiễn phục quốc, đánh bại Phù Sai, diệt nước Ngô, đã cho phóng hỏa đốt trụi cung Quán Oa. Chùa Linh Nham được xây ngay trên nền cũ cung Quán Oa.

[279] Tư Không là một chức quan được lập ra từ thời Tây Châu, là một trong ngũ quan (Tư Mã, Tư Khấu, Tư Sĩ, Tư Đồ). Chức quan này chuyên trông nom về việc thủy lợi, xây dựng. Từ sau thời Hán trở đi, chức quan này không còn tồn tại và được thay thế bằng danh từ Công bộ thượng thư. Lục Ngoạn (278-342), tự là Sĩ Dao, người Ngô Huyện (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô), tên thụy là Khang, được phong tới tước Hưng Bình Bá, chức Thị Trung Tư Không. Thích văn chương, nổi tiếng với tài thư pháp. Nét bút của ông được ca ngợi là mạnh mẽ, cứng cỏi, phóng khoáng, nhưng có phong thái tiêu dao thoát tục, bay bướm nhưng mực thước, không phóng túng, ngông cuồng.

[280] Ngài Bảo Chí (418-514), thường được xưng là Bảo Công, hoặc Chí Công Hòa Thượng, nên thường được gọi là Bảo Chí Công, người xứ Kim Thành (nay là Nam Trịnh tỉnh Thiểm Tây). Có thuyết nói Ngài là người huyện Cú Dung tỉnh Giang Tô, xuất gia từ nhỏ. Sư theo học với ngài Đạo Lâm Tăng Kiệm tu tập Thiền Định. Trong

chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bồ Tát[281] nhiều lượt hiện thân tượng vẽ, hiển thị đạo nhiệm mầu, dẫn dắt những kẻ tục còn đang mê.

Đến đời Đường, em trai tể tướng Lục Tượng Tiên *(người Tô Châu),* mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị Tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, [em trai tể tướng Lục Tượng Tiên] lập tức khỏi hẳn bệnh. Đem mọi vật đáp tạ Sư đều không nhận, nói: "Tôi tên là Trí Tích. Sau này ông trở về Tô Châu, hãy nên đến núi Linh Nham gặp tôi". Về sau, người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính là vị Tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế, đặc biệt dựng điện Trí Tích, chùa lại được hưng khởi. Từ đời Tấn đến đời Đường, [danh tánh] tất cả các vị Trụ Trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm những ai là trụ trì của núi này đều là bậc đại lão lỗi lạc trong Tông môn; đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu xứ Giang Tô. Do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại được hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam đều nghỉ lại tại hành cung[282] trên núi.

---

niên hiệu Thái Thủy (466-471), Sư thường lang thang khắp nơi, không ở chỗ nào nhất định, thường đọc thơ, phảng phất giống sấm ký, người ta thường kéo nhau đến hỏi chuyện tương lai. Tề Vũ Đế bèn tống giam Sư trong ngục, nhưng người ta vẫn thấy Sư lang thang ngoài chợ, nhìn vào ngục thì vẫn thấy Sư nằm khểnh trong đó. Vua chịu thua, đón Sư vào ở trong vườn Thượng Uyển để ngăn Sư đi khắp nơi. Tuy các nội thị canh gác Sư nghiêm mật, dân chúng vẫn thấy Sư la cà các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v… Đến khi Lương Vũ Đế lên ngôi, bèn bãi bỏ lệnh cấm, học đạo với Sư, hết sức kính phục Ngài. Khi Sư mất, vua phong tặng thụy hiệu Quảng Tế đại sư, rồi các đời lần lượt phong tặng Diệu Giác đại sư, Đạo Lâm Chân Giác Bồ Tát, Từ Ứng Huệ Cảm đại sư, Phổ Tế Thánh Sư Bồ Tát. Phật môn Trung Hoa thường coi Ngài là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.

[281] Trí Tích Bồ Tát nói ở đây là một vị cao tăng Ấn Độ. Theo Linh Nham Ký Lược, Sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa vào cuối đời Tấn, trùng hưng chùa Linh Nham tại Tô Châu, rất nổi tiếng về tài đức. Theo truyền thuyết có một bà lão nghèo không có gì cúng dường, đem một miếng sơn (nhựa của cây sơn) dâng cho Sư, Sư vẫn vui vẻ nhận lấy, nhờ đó bà được khai ngộ. Do vậy, sau này mỗi năm vào ngày sinh nhật Sư, chùa vẫn cử hành lễ kỷ niệm, gọi là Giác Tất Hội. Cũng theo truyện ký của chùa, đại sư nhiều lần thị hiện hóa độ Tăng - Tục rất đông.

[282] Hành cung: Cung điện dành cho vua ở tại các địa phương.

Trong cơn loạn Hồng Dương[283], chùa bị đốt cháy gần như hết sạch. Về sau, đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp[284], nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân đi chơi núi, gặp gỡ, bèn kiểm sổ bộ, đòi lại hơn sáu trăm mẫu ruộng đất cho chùa, dựng mười mấy gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), Trụ Trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y [ca-sa] mà đánh đập người khác quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả như ông ta tận lực vâng giữ Thanh Quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng Tịnh Nghiệp duy nhất trong cả nước được! Họa - phước dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi!

Bắt nguồn từ việc vị thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán cậy nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh Độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926), pháp sư Giới Trần[285] đến đây, bèn giao cho Ngài làm Trụ Trì. Tăng chúng thường trụ lấy hai mươi người làm hạn, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ [chi tiêu] không

---

[283] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc. Do lãnh tụ của Thái Bình Thiên Quốc là Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh lãnh đạo nên Sử thường gọi là loạn Hồng Dương. Hồng Tú Toàn tự xưng là em trai của Jesus, dấy loạn, chủ trương biến Trung Hoa thành một nước Thiên Chúa theo kiểu riêng của hắn, cấm ngặt tam giáo, cấm thờ phụng tổ tiên v.v… hạ lệnh đốt phá đình chùa, miếu mạo rất dữ dội.

[284] Chùa bị quân Thái Bình Thiên Quốc đốt sạch, chỉ còn sót lại một cái tháp đá nên sư Niệm Thành phải ở tạm trong đó.

[285] Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm mười chín tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu Thiền. Sau Sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, Sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp Ban Châu Niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), Sư đến Hàng Châu, mở trường Hoa Nghiêm Đại Học. Về sau, Sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu Tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v… lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm Trụ Trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v…

đủ thì ngài Chân Đạt bèn bù cho. Chẳng quyên mộ, chẳng làm pháp hội, chẳng truyền pháp, chẳng thâu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tạc[286], chuyên nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi tiến hành Phật thất thông thường[287]. Trụ Trì bất luận thuộc tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Tào Động, hay Lâm Tế đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa[288], chỉ cần là người giới hạnh tinh ròng, [giữ giới] nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh Độ là được. Nếu những mặt khác đều khá nhưng chẳng chuyên chú Tịnh Độ thì quyết chẳng được mời [làm Trụ Trì].

Từ đấy trở đi, người đến ở ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ. Trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng Niệm Phật Đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng Hai năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây; tháng Tư liền bế quan, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả, bất tài, chỉ muốn chết già trong nơi bế quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang mỗi ngày giảng khai thị một lần trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai, chỉ rõ lý "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo", đề xướng pháp "tín nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này" để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mồng Sáu tháng này ra khỏi chỗ bế quan đến đất Hỗ (Thượng Hải), nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày Mười Lăm viên mãn, ngày Mười Sáu vì họ nói Tam Quy - Ngũ Giới.

Sáng nay, từ đất Hỗ trở về đây, nhưng các vị như cư sĩ Quý Thánh Nhất v.v… ở thành Tô Châu đã đến trước rồi. Lên núi, trông thấy điện

---

[286] Tức là không làm các pháp sự cầu an, cầu siêu, giải hạn, đảo bệnh, cầu phước, cúng sao, chúc thọ v.v… như các đạo tràng khác.

[287] Tức Phổ Thông Phật Thất: Mỗi ngày niệm Phật sáu thời. Gọi là Phổ Thông Phật Thất để phân biệt với Tinh Tấn Phật Thất (niệm Phật suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ).

[288] Nguyên văn *"chỉ luận thứ số, bất luận đại số"*: Quan tâm đến thứ tự (tức tuổi tác, mức độ tu chứng, trì giới), chứ không quan tâm đến thế hệ truyền thừa. Tức là Tăng chúng trong chùa được xếp bậc theo người tu hành lâu năm, giới hạnh tinh nghiêm, chứ không vì người ấy thuộc thế hệ trước hay sau mà coi trọng. Trong các đạo tràng khác, thứ tự truyền thừa rất được coi trọng. Chẳng hạn, một vị Tăng có thể mới xuất gia chưa lâu nhưng vì là đệ tử của một vị ngang vai với thầy của vị Trụ trì hay người thuộc thế hệ cao hơn, nên được coi là sư thúc, sư bá, thái sư thúc. Các vị Tăng khác dù cao tuổi hơn, giới lạp cao hơn nhưng thuộc vai vế thấp hơn, vẫn phải lễ kính vị Tăng trẻ tuổi này.

vũ nguy nga, Tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Nhân đó, được Giám Viện là đại sư Diệu Chân mời vào trong pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu[289] Tịnh Độ. Nếu chỉ nói pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người tới đều chẳng biết duyên do, rất có thể sẽ coi đạo tràng này giống hệt như các đạo tràng khác! Đối với người thông suốt rộng lớn thì không có gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang, lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm sen cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy, trước hết phải thuật bày duyên khởi vậy *(đoạn này người ghi chép không sao lục lại, do chính lão nhân chép thêm vào, cho nên toàn viết bằng thể văn Văn Ngôn).*

Pháp môn Tịnh Độ chúng ta đang tu trì đây là pháp thù thắng, trỗi vượt nhất, mọi người chớ nên xem thường. Vì sao vậy? Vì các pháp môn do đức Phật đã nói không gì chẳng phải là xét theo căn cơ để nói, giống như dựa trên chứng bệnh mà cho thuốc vậy. Nếu như căn cơ của chính mình chẳng tương ứng với pháp môn ấy mà cứ tu tập thì rất khó được lợi ích. Hết thảy pháp môn đều cậy vào Tự Lực để tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, ắt phải đoạn sạch Hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu như phiền não còn sót mảy may nào chưa đoạn sạch thì vẫn chẳng thể tránh khỏi sanh tử, huống chi là kẻ hoàn toàn chưa đoạn ư? Điều này cần phải dùng sức của chính mình thực hiện triệt để thì mới được.

Chỉ có một pháp Niệm Phật là do đức Như Lai ứng theo mọi căn cơ mà nói, cũng là do đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật thành tựu. Bất luận thượng trung hạ căn đều có thể tu học. Dẫu phàm phu hoàn toàn chưa đoạn được mảy may phiền não Hoặc nghiệp nào đi nữa, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha rồi thực hành niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cũng có thể được Phật tiếp dẫn, đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền có thể liễu thoát sanh tử; vì thế, nói [pháp môn này] là thù thắng nhất!

Khi đức Phật còn tại thế, mười người tu hành có đến chín người có thể thành đạo, vì con người lúc đó thiên tánh thuần hậu, căn cơ rất lanh lẹ, bén nhạy. Về sau này, chúng sanh nghiệp chướng ngày càng tăng thêm, căn cơ cũng dần dần hèn kém hẳn đi; nếu muốn giống như trước thì không thể được! Nhưng vào thời Tấn, thời Đường, vẫn có những người có thể cậy vào tự lực để liễu thoát sanh tử, nhưng đã ngày càng

[289] Pháp yếu: Những chỗ quan trọng, cốt lõi của một pháp môn.

giảm ít, càng về sau càng ít. Cho đến hiện tại, đã không còn có người giống như vậy nữa! Xét theo đó, sẽ hiểu cậy vào sức của chính mình để đoạn phiền não hòng liễu sanh tử là một chuyện rất khó. Lúc này, nếu vẫn chẳng biết tự lượng sức, muốn ăn nói lớn lối, coi nhẹ pháp môn Niệm Phật hoành siêu này, đi tu các pháp môn khác thì e rằng muốn liễu sanh tử còn khó hơn lên trời!

Tôi hoàn toàn chẳng nói các pháp môn khác không hay, nhưng thật ra là do các pháp môn có pháp khế lý nhưng không khế cơ, có pháp khế cơ nhưng không khế lý. Chỉ có pháp môn Niệm Phật này thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn, độn căn, lý lẫn cơ đều phù hợp chẳng thể nghĩ bàn! Nhất là trong đời Mạt Pháp này, nó lại càng thích hợp với căn tánh chúng sanh. Do vậy, kinh Đại Tập dạy: *"Đời Mạt Pháp, ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp Niệm Phật là được thoát khỏi sanh tử".*

Vì sao niệm Phật cầu sanh Tây Phương lại gọi là pháp môn Hoành Siêu? Cổ nhân có lấy một thí dụ để giải thích, tức là đem bọn phàm phu đầy đủ Hoặc nghiệp chúng ta ví với một con sâu sống trong lóng thấp nhất của một cây tre, cây tre ấy ví cho tam giới. Con sâu ấy muốn thoát ra chỉ có hai cách: Một là Thụ Xuất (thoát ra theo chiều dọc), hai là Hoành Siêu (vượt ra theo chiều ngang). Thụ Xuất chính là từ thấp lên cao, lần lượt đục thủng từng lóng một, đến khi đục thủng được lóng cao nhất thì mới thoát ra được. Đây là ví cho việc tu hành các pháp môn khác, chắc chắn phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não thì mới thoát khỏi tam giới. Kiến Hoặc gồm tám mươi tám Sử[290], Tư Hoặc gồm tám mươi mốt phẩm, phẩm lượng nhiều như vậy ví như số lóng của một cây tre. Con sâu ấy đục hướng lên trên để thoát ra thì gọi là Thụ Xuất. Chẳng hạn như bậc thánh nhân Sơ Quả đoạn Kiến Hoặc, phải trải qua bảy lần sanh lên cõi trời, bảy lần sanh trong cõi người, tu tập trong thời gian kiếp số lâu dài mới có thể chứng được quả A La Hán, liễu sanh tử. Nhị Quả cũng phải một lần sanh lên trời, một lần trở xuống cõi người mới có thể

---

[290] Sử: Tên gọi khác của phiền não, gọi đầy đủ là Chánh Sử. Do phiền não sai khiến chúng ta luân hồi trong sanh tử nên phiền não được gọi là Sử (sai khiến). Chúng còn được gọi bằng một danh từ khác là Tùy Miên. Sử nói chung gồm mười thứ, chia làm hai nhóm lớn:

1) Nhóm thứ nhất gồm Thân Kiến, Biên Chấp Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến. Do tánh chất của chúng khá mạnh mẽ, ảnh hưởng rất lớn đến sự chấp trước, vọng tưởng nên gọi là Ngũ Lợi Sử (năm Sử nhạy bén).

2) Nhóm thứ hai gồm tham, sân, si, mạn, nghi. Xét về tánh chất, những thứ này có tác dụng yếu hơn nên gọi là Ngũ Độn Sử (năm Sử chậm lụt).

chứng được Tứ Quả. Tam Quả tuy đã đoạn sạch Tư Hoặc thuộc Dục Giới, nhưng vẫn phải ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên[291], tu tập dần dần theo thứ tự, mới có thể đoạn sạch Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Đây là thoát khỏi tam giới tính theo bậc Vô Học thánh nhân[292]. Nếu như là bậc Tam Quả độn căn, phải sanh lên Tứ Không Thiên, từ Không Vô Biên Xứ Thiên cho đến Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, mới chứng được Tứ Quả. Cách Thụ Xuất gian nan lâu lắc như vậy đấy!

Còn Hoành Siêu là như con sâu ấy chẳng hướng lên trên đục thủng từng lóng từng lóng một mà chỉ cắn thủng một lỗ bên hông [lóng tre] liền thoát ra được. Cách này so với Thụ Xuất bớt được nhiều công sức lắm. Người niệm Phật cũng giống như thế, tuy chưa đoạn trừ Kiến Tư phiền não, chỉ cần có thể đầy đủ ba món tư lương Tịnh Độ là Tín - Nguyện - Hạnh, lâm chung liền có thể cảm động A Di Đà Phật đến tiếp dẫn người ấy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến được cõi nước thanh tịnh đó rồi, Kiến Tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn. Vì sao vậy? Do Tịnh Độ cảnh thù thắng, duyên mạnh mẽ, không có những cảnh duyên khiến cho con người nẩy sanh phiền não! Vì vậy liền đạt được ba thứ Bất Thoái Chuyển, thẳng mãi đến khi phá Trần Sa Vô Minh, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, có gì thẳng chóng, giản dị được bằng! Vì thế, cổ nhân nói: *"Học đạo nơi các môn khác giống như con kiến bò lên núi cao.*

---

[291] Ngũ Bất Hoàn Thiên, còn gọi là Tịnh Cư Thiên (Śuddhāvāsa), Ngũ Tịnh Cư Xứ, Ngũ Na Hàm Thiên, là nơi bậc thánh nhân Tam Quả Thanh Văn sống, bao gồm các cõi trời:

1. Vô Phiền Thiên (Avrha): Cõi trời này không còn khổ vui, không còn hết thảy phiền não xen tạp.
2. Vô Nhiệt Thiên (Atapa): Không còn hết thảy nhiệt não.
3. Thiện Kiến Thiên (Sudrśa): Do Định Huệ thấy mười phương đều trong lặng, không còn đắm trước vào trần cảnh.
4. Thiện Hiện Thiên (Sudarśana): Sự thấy biết rõ ràng tinh diệu hiện tiền, thấy hết thảy sắc tướng là không, chẳng bị chướng ngại.
5. Sắc Cứu Cánh Thiên (Akanistha): Lìa bỏ hết thảy các sắc cực kỳ nhỏ nhiệm, là chỗ thù thắng nhất trong Sắc Giới.

Tuy cùng sống trong các tầng trời này, nhưng chư Thiên chẳng thấy được các vị thánh nhân. Do các vị thánh nhân sống trong cõi này không còn đọa xuống nhân gian nữa nên gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên.

[292] Vô Học (Aśaiksa). Bậc thánh nhân tuy đã hiểu rõ chân lý Phật giáo nhưng chưa đoạn được mê hoặc, còn phải học hỏi thì gọi là Hữu Học. Bậc Vô Học thánh nhân đã thấu hiểu Phật pháp đến chỗ cùng cực, không còn mê hoặc để đoạn nữa, không cần phải học cách đoạn trừ mê hoặc, nên gọi là Vô Học. Như vậy, Vô Học thánh nhân là danh xưng khác của A La Hán.

Niệm Phật vãng sanh giống như buồm căng gió lại được thuận nước”. Nay tôi lấy một chuyện để chứng minh đạo lý “Thụ Xuất gian nan”, mọi người hãy lắng lòng nghe lấy!

Trong niên hiệu Đại Lịch (766-779) đời Đường Đại Tông, có một ẩn sĩ tên là Lý Nguyên, biến nhà thành chùa Huệ Lâm, thỉnh thiền sư Viên Trạch làm Trụ Trì. Về sau, Lý Nguyên muốn đi Tứ Xuyên triều bái núi Nga My; do vậy, bèn ước hẹn Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn theo đường Trường An đi qua Tà Cốc, đi theo đường bộ; Lý Nguyên muốn từ Kinh Châu vào Giáp Sơn, đi theo đường thủy. Hai người ý kiến bất đồng đều là vì có nguyên do. Lý Nguyên không biết chuyện của Viên Trạch, nhưng Viên Trạch hiểu rõ tâm của Lý Nguyên: Sợ đến Trường An rất có thể bị người ta ngờ vực ông ta muốn làm quan, nên Sư đi theo đường Kinh Châu.

Một ngày nọ thuyền bơi đến vùng Nam Phố, do nước sông chảy xiết nguy hiểm, trời chưa tối đã cắm thuyền. Lúc ấy, có một người đàn bà mặc áo chẽn bằng gấm, đội vò đi lấy nước. Viên Trạch vừa trông thấy bà ta, liền gục đầu, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi han: “Từ Kinh Châu đến đây, phụ nữ giống như thế này chẳng biết là bao nhiêu, vì sao thầy lại nẩy sanh bi cảm như thế?” Viên Trạch nói: “Ta chẳng muốn đi theo đường này tới đây chính là vì sợ gặp phải bà này. Do bà ta mang thai đã ba năm vẫn chưa sanh nở vì đợi ta đến đầu thai. Nay đã thấy rồi, không còn cách nào để trốn tránh được nữa. Xin ông ở lại mấy ngày, giúp cho tôi mau sanh và chôn tôi trong hang núi. Ba ngày sau xin đến gặp tôi. Trước mặt ông, tôi sẽ cười một tiếng để làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm Trung Thu, đến ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp tôi”.

Nói xong bèn thay áo, tắm gội, ngồi qua đời. Lý Nguyên có hối hận cũng không kịp, chỉ đành mai táng Viên Trạch. Ba ngày sau, đến nhà nọ để xem, quả nhiên, người đàn bà sanh được một đứa con trai. Nhân đó, đem chuyện ấy kể cặn kẽ với người ta, xin gặp mặt đứa bé, quả nhiên nó cười một tiếng làm tin. Do vậy, Lý Nguyên không còn muốn đến Tứ Xuyên nữa, quay về Lạc Kinh (Lạc Dương), về tới chùa Huệ Lâm, mới biết trước lúc Viên Trạch lên đường đã dặn dò hậu sự cặn kẽ; vì thế, càng thêm biết Ngài chẳng phải là người tầm thường!

Mười hai năm sau, Lý Nguyên theo đúng ước hẹn đến Hàng Châu, tới đêm Rằm Trung Thu, đợi ở ngoài chùa Thiên Trúc. Quả nhiên, ánh trăng vừa rọi, chợt nghe bên bờ giếng Cát Hồng có đứa bé chăn trâu cỡi trâu, ca lên:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,

Thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu luân,
Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng,
Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.
(Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn
Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn
Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp
Thân này tuy khác, tánh thường còn).

Lý Nguyên liền biết nó chính là thân đời sau của Viên Trạch, liền bước đến thăm hỏi: "Ngài Viên Trạch mạnh giỏi hay chăng?" Đứa bé chăn trâu đáp: "Ông Lý quả thật là người đáng tin tưởng!" Nói chuyện sơ sài mấy câu xong, lại xướng rằng:

Thân tiền thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường.
Ngô Việt giang sơn du dĩ biến,
Khước hồi yên trạo, thượng Cù Đường.
(Thân trước, thân sau sự vấn vương
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường
Ngô,Việt giang sơn chơi khắp cả,
Gác chèo mây khói, vượt Cù Đường)

Rồi cưỡi trâu đi mất. Như vậy, thấy được rằng: Viên Trạch có bản lãnh biết chuyện quá khứ, vị lai và "ngồi mất, đứng thác", nhưng vẫn chưa thể liễu thoát sanh tử, trốn tránh bào thai; huống gì bọn phàm phu đầy dẫy triền phược chúng ta, một chút bản lãnh cũng không có ư? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương mà muốn liễu sanh tử thì có nằm mộng cũng mộng chẳng được!

Có kẻ nói: "Đạo lý minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật trong Thiền Tông chẳng phải là rất hay ư?" Trọn chẳng biết "kiến tánh thành Phật" chính là thấy được vị Phật thiên chân trong Tự Tánh thì gọi là "thành Phật", hoàn toàn chẳng phải là trở thành vị Phật rốt ráo viên mãn phước huệ! Vì sao vậy? Là vì người trong Tông Môn (Thiền Tông) khi công phu đạt đến mức khai ngộ liền biết chân tánh của chính mình lẫn người khác vốn giống hệt như Phật, vì thế gọi là "kiến tánh thành Phật". Nhưng những phiền não thô - tế[293] của người ấy còn chưa đoạn mảy may

[293] Thô tế: Những phiền não dễ thấy dễ nhận biết như nóng giận, tham lam thì gọi là Thô, còn những phiền não khó nhận biết thì gọi là Tế.

nào, bất quá, có thể thường tự giác chiếu[294], chế ngự phiền não, xử sự gần giống với bậc thánh nhân.

Nếu đánh mất công phu giác chiếu, không chế ngự được phiền não, bèn tạo nghiệp so với người khác lại càng dữ dội hơn, vì trong phiền não của kẻ ấy có chen lẫn sức mạnh khai ngộ, biến thành cuồng huệ. Bởi đó, năng lực tạo nghiệp cũng mạnh mẽ dị thường! Như vậy thì không những chẳng có hy vọng thành Phật, mà còn phải đọa lạc trong ba đường ác. Vì thế, người đã khai ngộ càng phải ra sức tấn tu, luôn luôn giác chiếu. Đến khi đoạn sạch Kiến Tư phiền não mới là lúc liễu sanh thoát tử, hoàn toàn chẳng phải là hễ ngộ liền liễu! Giống như thiền sư Ngũ Tổ Giới và Thảo Đường Thanh thuở trước, do ngộ rồi nhưng chưa chứng, vẫn không tránh khỏi nỗi khổ luân hồi. Vết xe đổ rành rành, chẳng thể không biết! Nếu nói là "thật sự thành Phật" thì lại càng sai rất xa!

Làm sao mới trở thành đức Phật rốt ráo phước huệ viên mãn? Nói theo tông Thiên Thai, một vị Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Viên Giáo đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc, khi tu đến địa vị Thập Tín mới phá hết Trần Sa. Lại phải tu lần lượt Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi mốt địa vị, mỗi [địa vị] phá một phẩm vô minh bèn tiến lên một địa vị [cao hơn], được một phần Tam Đức bí tạng. Theo thứ tự như thế, đến địa vị cuối cùng là Đẳng Giác mới đoạn sạch bốn mươi mốt phẩm vô minh, lại đoạn một phẩm vô minh, tiến lên một địa vị nữa, mới có thể thành tựu quả Phật rốt ráo phước huệ viên mãn. Như vậy, quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Mọi người hiểu được đạo lý này thì mới chẳng hiểu lầm!

Lại có người nói: "Tự Tánh của mỗi người chúng ta vốn là chẳng nhiễm mảy trần, thanh tịnh trong lặng, đấy chính là Tịnh Độ. Tự Tánh vốn chẳng sanh, chẳng diệt, xưa nay thường hằng, chẳng dời, chẳng biến, chính là Vô Lượng Thọ. Tự Tánh vốn sẵn đủ đại trí huệ quang minh, chiếu trời, soi đất, chính là Vô Lượng Quang. Nếu như lìa khỏi Tự Tánh sẵn có ấy, muốn có riêng một cõi Tịnh Độ để sanh, [có một vị] Phật Di Đà để thấy, đấy chính là trên đầu chồng thêm một cái đầu nữa, không có lẽ nào!" Nếu tưởng như thế chính là đạo lý Thiền Tịnh Song Tu thì cũng là lầm lẫn rồi! Nếu nói như vậy thì hoàn toàn là thiên về Thiền Tông, hoàn toàn chẳng thích hợp cho Tịnh Tông.

Vì sao biết được [như vậy]? Là vì Thiền Tông chẳng dạy người ta sanh lòng tin phát nguyện, cũng chẳng dạy người ta niệm Phật, chỉ dạy

---

[294] Giác chiếu: Quán sát cái tâm, khi vọng niệm khởi lên liền nhận biết ngay và tìm cách chế ngự, khuất phục nó.

người ta tham cứu thoại đầu[295] nhằm cầu minh tâm kiến tánh. Đấy chính là nói: *"Lìa ngoài tự tánh chẳng có Tịnh Độ để có thể sanh, [chẳng có] Di Đà để thấy!"* Nói tuy không sai, nhưng rốt cuộc vẫn thiên về kiến giải thuộc lý tánh, chẳng thể dung thông với sự tướng mà cũng cách biệt với sự lý vô ngại của Tịnh tông, nên nói "không phải là Thiền Tịnh Song Tu!" Người tu Tịnh Độ chuyên lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, mọi người phải hiểu rõ ràng!

Lại có thuyết *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này) của Mật Tông. Nếu mới nghe qua, chuyện như thế khiến con người rúng động; nhưng trên mặt sự thật, trọn chẳng thể nhanh chóng, thuận tiện như vậy. Ý nghĩa của "tức thân thành Phật" là nói công phu của Mật Tông khi tu đến thành công thì có thể thành đạo ngay trong thân này; nhưng sự thành đạo như vậy chẳng qua là liễu sanh tử mà thôi! Miễn cưỡng nói là "thành Phật" thì còn có thể miễn cưỡng chấp nhận được! Nếu coi là thật sự thành được vị Phật đoạn rốt ráo Ngũ Trụ[296], vĩnh viễn hết hai loại chết (phần đoạn và biến dị sanh tử) thì lầm lạc quá đỗi!

---

[295] Thoại đầu là một câu nói do các thiền sư dạy thiền sinh tham cứu hòng ngộ được chân tâm. Chẳng hạn như câu thoại đầu *"thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?"*

[296] Ngũ Trụ: Còn gọi là Ngũ Trụ Địa Hoặc, tức Kiến Hoặc, Tư Hoặc, Vô Minh Phiền Hoặc gộp thành một trụ, bốn trụ kia là Dục Ái Trụ Địa, Sắc Ái Trụ Địa, Hữu Ái Trụ Địa, Vô Minh Trụ Địa. Do hết thảy phiền não đều nương vào năm thứ này nên chúng được gọi là Trụ (nương ở, nắm giữ). Do chúng phát sanh ra các phiền não nên gọi là Trụ Địa. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 5, giảng:

1. Kiến Nhất Thiết Xứ Trụ Địa: Chính là Kiến Hoặc gồm Thân Kiến v.v… trong tam giới.
2. Dục Ái Trụ Địa: Gồm phiền não trong Dục Giới, ngoại trừ vô minh và Kiến Hoặc, chấp vào Ngũ Dục bên ngoài (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp).
3. Sắc Ái Trụ Địa: Phiền não trong Sắc Giới, không tính Kiến Hoặc, Vô Minh, không chấp vào Ngũ Dục bên ngoài, nhưng chấp vào sắc thân.
4. Hữu Ái Trụ Địa: Phiền não trong Vô Sắc Giới, không bao gồm Kiến, Vô Minh, đã bỏ lìa chấp trước tham Sắc, nhưng vẫn còn yêu mến cái thân của chính mình.
5. Vô Minh Trụ Địa: Tức hết thảy vô minh trong tam giới. Vô minh là cái tâm si ám, là cội gốc của hết thảy phiền não.

Duy Thức Tông chủ trương bốn món Trụ đầu là chủng tử của Phiền Não Chướng, món cuối là chủng tử của Sở Tri Chướng. Tông Thiên Thai gọi món đầu tiên là Kiến Hoặc, ba món giữa là Tư Hoặc, món cuối là Vô Minh Hoặc. Họ gọi chung Kiến Tư Hoặc là Giới Nội Hoặc (phiền hoặc trong tam giới), còn Vô Minh Hoặc là Giới Ngoại Hoặc.

Ví như một đứa bé con, cạo trọc đầu đi, ai nấy đều gọi nó là Hòa Thượng[297]; hay là vị tỳ-kheo đã thọ Tam Đàn Đại Giới[298] cũng được gọi là Hòa Thượng; hay là vị Phương Trượng đứng đầu chốn tùng lâm[299] cũng gọi là Hòa Thượng. [Những loại] Hòa Thượng như trên, miễn cưỡng gọi thì cũng được. Nếu coi [những người ấy] thật sự là Hòa Thượng thì cũng không đúng. Nói đúng sự thực thì phải [là người] có đạo đức, học vấn, có sức làm cho người khác sanh trưởng Pháp Thân huệ mạng thì mới đúng là Hòa Thượng danh phù hợp với sự thực.

Phải biết thế giới này của chúng ta, trong Phật pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ có một mình đức Thích Ca Mâu Ni Phật là thành Phật ngay trong thân này. Lại phải đến khi đức Di Lặc Phật hạ sanh thì mới có thể tính là có một vị Phật nữa thành Phật ngay trong thân này.

---

[297] Hòa thượng (Upâdhyâya): còn được phiên âm là Hòa Xà, Hòa Xã, Cốt Xã, Ô Xã, dịch nghĩa là Thân Giáo Sư, Lực Sanh, Cận Tụng, Y Học, Đại Chúng Sư. Những từ ngữ này đều hàm nghĩa là vị thầy dạy thân thiết, có công năng tăng trưởng huệ mạng Pháp Thân cho đồ đệ, là bậc đức cao giới hạnh tinh nghiêm đáng làm bậc thầy gương mẫu cho mọi người.

Theo Tứ Phần Luật, Hòa Thượng phải là một vị tỳ-kheo hội tụ đủ năm đức: 1) Giữ vững tịnh giới 2) Đủ mười tuổi hạ 3) Thông hiểu tạng Luật 4) Thông đạt Thiền tư 5) Có trí huệ sâu xa.

Theo các nhà nghiên cứu, từ ngữ Upâdhyâya bị biến âm sang tiếng Kuche (Cưu Ty, hoặc Quy Tư) là Pwâjjhaw. Từ ngữ này lại bị biến âm lần nữa qua cách đọc của người Khotan (Vu Điền) thành Khosha, rồi lại bị người Hán đọc trại âm một lần nữa thành Hòa Thượng (He Shang). Về sau, chữ Hòa Thượng được dùng như danh xưng tỏ vẻ tôn trọng với Tăng sĩ; nhưng người bình dân Trung Hoa thường gọi những chú tiểu là Tiểu Hòa Thượng.

[298] Tam Đàn Đại Giới: Quy củ truyền thọ giới pháp, chia làm ba giai đoạn: Sơ đàn, Nhị đàn và Tam đàn. Sơ đàn truyền Sa Di, Sa Di Ni giới, Nhị đàn truyền Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni giới, Tam đàn truyền Bồ Tát giới. Khi Sơ Đàn và Nhị Đàn đã xong, Phật tử tại gia mới được dự Tam Đàn cùng với chúng xuất gia thọ Bồ Tát Giới. Truyền Tam Đàn Đại Giới phải hội đủ Tam Sư (Đắc Giới Hòa Thượng, Yết Ma A Xà Lê, Giáo Thọ) và bảy vị tôn chứng A Xà Lê đóng vai trò chứng minh. Thông thường đàn truyền giới được cử hành trong ba ngày liên tiếp

[299] Phương Trượng là cái thất vuông vức mỗi bề vừa đúng một trượng, là chỗ ở của vị trụ trì trong Thiền Tông, nên vị Trụ Trì thường được gọi là Phương Trượng, U Trượng, Chánh Đường, hay Đường Đầu. Chữ "tùng lâm" chỉ chùa miếu nơi Tăng chúng tụ tập cùng ở, thường dùng để chỉ chùa Thiền Tông. Thoạt đầu, tại Ấn Độ, trong những khu rừng cây thanh tịnh ở ngoài thành thị thường lập tinh xá cho Tăng chúng ở; danh từ Tùng Lâm (rừng rậm) phát xuất từ đó. Sách Đại Trí Độ Luận lại giảng là vì Tăng chúng tụ tập như rừng nên gọi là Tùng Lâm. Về sau, chữ "tùng lâm" dùng để gọi chung các chùa miếu lớn, còn tùng lâm của Thiền Tông thường gọi là Thiền Lâm.

Trong khoảng thời gian sau khi đức Thích Ca diệt độ và ngài Di Lặc chưa giáng sanh, muốn tìm lấy một người thành Phật ngay trong thân này thì bất luận ra sao cũng không thể có được! Dẫu chính Phật Thích Ca ứng hiện trong thế gian lần nữa, cũng không thị hiện đạo lý "thành Phật ngay trong thân" này!

Vào đời nhà Thanh trước kia, trong khoảng từ niên hiệu Khang Hy đến niên hiệu Càn Long, Phật Sống[300] Tây Tạng đến khi lâm chung biết chết rồi sẽ phải đi đầu thai trong nhà nào, dặn lũ đệ tử đến lúc ấy đi rước ông ta. Khi đẻ ra, cũng nói được ông ta là Phật Sống ở chỗ nào đó. Tuy có bản lãnh như vậy, cũng vẫn chưa phải là thành Phật ngay trong thân này! Vì sao biết được? Vì nếu quả thật là thành Phật ngay trong thân này, tự nhiên sẽ giống như Phật Thích Ca, nói được các thứ phương ngôn (ngôn ngữ riêng của từng địa phương), dùng một tiếng thuyết pháp cũng có thể khiến cho hết thảy chúng sanh đều hiểu được. Cớ sao Phật Sống Tây Tạng, [đối với] ngôn ngữ Trung Quốc lại không biết? Một chuyện nhỏ như vậy đủ để chứng minh ông ta không phải là thành Phật ngay trong một đời.

Huống chi sau này Phật Sống khi chết đi chẳng để lại lời gì? Lúc sống cũng chẳng có biểu hiện gì, đều là do người khác xếp đặt, bốc thăm để quyết định[301], vậy thì chẳng cần phải nói gì nữa!

---

[300] Phật Sống (Hoạt Phật): Tiếng Tây Tạng là Hpbrulsku, người Mông Cổ gọi là Khutuktu hay Khutukutu (thường phiên âm là Hô Đồ Khắc Đồ, nghĩa là tự tại chuyển sanh). Chữ hpbrulsku (thường được viết theo cách phát âm là Tulku) có nghĩa là hóa thân, chuyển sanh, là một cơ cấu truyền thừa riêng của Phật Giáo Tây tạng, nhằm giữ vững ngôi vị lãnh đạo và thích ứng với tình trạng độc thân của người đứng đầu một dòng tu. Theo đó, một vị lạt-ma cao cấp chết đi, sẽ tái sanh trở lại trong nhân gian hầu tiếp tục tu hành, thống lãnh dòng tu và thực hiện bi nguyện cứu độ chúng sanh. Trước khi chết, người ấy thường để lại di ngôn hay sấm ngữ bí hiểm để các môn đệ đi tìm xem người ấy thác sanh vào chỗ nào, rước về nuôi dạy, đào tạo trở thành người lãnh đạo tông phái. Những vị Tăng chưởng quản một phái tu, một dòng tu, thậm chí một tu viện Tây Tạng thường tự xưng là hóa thân của Phật, Bồ Tát hay Tổ Sư nào đó, chẳng hạn Đại Lai Lạt Ma là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, Ban Thiền Lạt Ma là hóa thân của A Di Đà Phật, trưởng dòng tu Sakyapa là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, Tai Situpa là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát. Có lẽ vì thế người Hoa gọi họ bằng danh xưng Hoạt Phật.

[301] Vào thời vua Càn Long, trong năm 1807, khi các phe phái tranh chấp nhau về chuyện quyết định đứa bé nào mới là hậu thân thật sự của Đại Lai Lạt Ma đời thứ tám, vua Càn Long đã gởi đến Lhasa một chiếc bình vàng, ra lệnh bỏ hai lá thăm ghi tên từng đứa bé vào, rồi bốc thăm quyết định. Khi có những tranh chấp về hậu thân của một vị Tulku, cũng thường có chuyện bốc thăm để quyết định như vậy. Đôi khi

Hơn nữa, công phu tu Mật Tông muốn thành công cũng rất khó khăn. Nếu chuyên cầu mau đạt được thần thông, chẳng khéo dụng tâm, lại còn bị nguy hiểm gặp phải ma sự, vẫn chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng Niệm Phật !

Năm Dân Quốc mười bảy (1928), ở Thượng Hải có một người đệ tử quy y mời tôi đến nhà ông ta dùng cơm chay và nói trong gia đình ông ta có một người thân thích là một nữ cư sĩ học Phật đã nhiều năm, học vấn cũng rất khá, đã hơn năm mươi tuổi, gọi bà ta đến trò chuyện có được hay không? Tôi nói: "Được chớ!" Ông bèn kêu bà ta đến. Đến khi gặp mặt, tôi bảo bà ta: "Tuổi đã cao rồi! Hãy nên mau niệm Phật cầu sanh Tây Phương". Bà ta đáp: "Tôi chẳng cầu sanh Tây Phương, tôi muốn sanh trong thế giới Sa Bà!" Tôi liền trả lời bà ta: "Chí hướng của bà hèn kém quá!" Bà ta lại nói: "Tôi muốn thành Phật ngay nơi thân này". Tôi lại đáp lời bà ta: "Chí hướng của bà cao xa quá! Sao không chịu vãng sanh thế giới thanh tịnh kia, cứ muốn sanh trong thế giới trược ác này? Phải biết rằng: Đạo lý 'thành Phật ngay nơi thân này' là có, thế nhưng hiện thời không có ai được như vậy cả, mà cũng chẳng phải là chuyện bà hay tôi có thể làm được!" Người không thông hiểu đạo lý như vị nữ cư sĩ ấy, hoàn toàn không có chút gì biết tự lượng sức, ăn nói lớn lối, quả thật là tự lầm, lầm người vậy!

Lại có hai người cầu sanh trong thế giới Hoa Tạng. Có một ngày, người kia mắc bệnh, người này bèn đến thăm. Sau đấy, do thấy người kia bệnh tình không xong, liền gấp rút bảo người kia niệm *"Nam Mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Hoa Tạng Hải Hội Phật Bồ Tát"*, mọi người cũng ở bên cạnh trợ niệm cho ông ta. Sau một khắc bèn hỏi ông ta có thấy cảnh giới gì hay không? Ông ta đáp: "Không có!" Hỏi như vậy hai ba lần đều nói "không có!" Đến lần cuối cùng, ông ta bèn nói: "Mẹ đã đến rồi!"

Ôi chao! Có hỏi ông ta như vậy mới biết bọn họ [tu] như thế không thể nào chắc ăn được! Là vì trong tâm bọn họ, do niệm Phật hiệu như thế và mong mỏi như thế, lẽ ra phải trông thấy thế giới Hoa Tạng mới đúng,

---

không giải quyết được mâu thuẫn, mỗi phe sẽ công nhận riêng một vị Hoạt Phật chuyển thế. Như gần đây, sau khi Đại Bảo Pháp Vương (Gyalwa Karmapa) đời thứ 16 là Rangjung Rigpe Dorje chết đi, các tín đồ tranh chấp, không phe nào nhường phe nào, cuối cùng có hai Đại Bảo Pháp Vương đời thứ 17 được công nhận là Ogyen Trinley Dorje (của phe lạt-ma Taisitu) và Trinley Thaye Dorje (của phe lạt-ma Sharmapa).

sao lại đâm ra thấy cảnh giới thọ Ấm trong thai mẹ? Từ đấy về sau, ông ta mới quay đầu tu pháp môn Tịnh Độ.

Quý vị phải hiểu rằng: Phải là bậc Pháp Thân Đại Sĩ phá được mấy phần vô minh thì mới có thể thấy được thế giới Hoa Tạng, sanh [về đó] được! Ngoài ra, [dẫu là] bậc Bồ Tát đoạn sạch Trần Sa Hoặc cũng chưa có phần, huống hồ phàm phu đầy dẫy triền phược ư? Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã chứng Đẳng Giác mà Phổ Hiền Bồ Tát vẫn dạy Ngài và Hoa Tạng hải chúng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng Cực Lạc để mong viên mãn Phật Quả. Đủ biết pháp môn Tịnh Độ không căn cơ nào chẳng gồm thâu. Vì thế, tôi thường nói: *"Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp môn Niệm Phật thì trên là không thể do đâu viên thành Phật đạo được; mười phương chư Phật bỏ pháp môn Niệm Phật thì dưới là không do đâu độ khắp quần manh",* chính là vì duyên cớ này đấy! Ví như người trong thiên hạ, ai nấy đều phải ăn cơm thì ai nấy cũng đều phải niệm Phật.

Kính khuyên các vị, chớ nên không tự lượng sức, vọng tưởng làm hạng phi thường. Nói chung là phải chất phác niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng cô phụ đức Như Lai đã nói pháp môn tổng trì *"trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thỉ thành chung"* này và chẳng đến nỗi uổng phí nhân duyên thù thắng mười phương tụ hội tại đạo tràng Linh Nham thanh tịnh này. Mong mọi người hãy trân trọng!

XVI. Đức Dục Khải Mông[302]

1. Hiếu thảo với cha mẹ

Thân thể, tóc, da, nhận từ cha mẹ. Cha mẹ và ta, thật là một thể. Ta thương thân ta, hãy hiếu cha mẹ, chẳng nhục thân ta, mới là làm cho cha mẹ vinh hiển.

2. Hòa thuận, yêu thương anh em

Anh em, chị em, chân tay, cốt nhục, liên quan mật thiết, sướng - khổ cùng nhau, anh thương, em kính, hòa thuận, vui vẻ, nâng đỡ, thương yêu, gia đình có phước!

---

[302] Những giáo huấn khơi gợi về mặt đức dục (dạy dỗ, vun bồi đạo đức) cho trẻ nhỏ.

3. Kính thầy

Thầy nghiêm, đạo trọng, nêu gương luân thường, đạo đức, học vấn, ắt phải noi theo, lấy đó làm gương. Thầy nuôi dạy ta, vỡ lòng cho ta, dạy ta mẫu mực, chẳng kính trọng thầy, làm sao được ích?

4. Chọn bạn

Gần son thì đỏ, gần mực ắt đen. Chơi với bạn bè, có kẻ tổn hại, có kẻ tạo ích. Ích thì thân cận, tổn thì lánh xa. Khuyên lành, răn lỗi, toàn nhờ vào đấy!

5. Áo vải

Áo cốt che thân, và để chống lạnh. Mặc áo vải thô, tiếc phước, dưỡng khiêm. Đừng ham lượt là, gấm thêu, hoa mỹ. Phước thọ hao tổn, tự rẫy, tự ruồng.

6. Ăn chay

Ăn chay hợp dinh dưỡng. Ăn thịt hại sinh vật. Tâm hận lúc bị giết, khiến thịt độc chẳng vừa. Hãy đừng tham ăn thịt, hễ ăn phải trả đền, cho tới lúc phải trả, thật đáng thương xót sao!

7. Tiếc chữ

Chữ là quý báu nhất, vàng, ngọc vẫn thua xa. Người do chữ trí sáng; nếu không, sẽ ngu si. Nếu cõi đời không chữ, chẳng việc nào thành được, con người và cầm thú, chỉ khác nhau cái tên!

8. Tiếc ngũ cốc

Ngũ cốc nơi ruộng rẫy, dùng để nuôi nhân dân. Biết quý tiếc ngũ cốc, đấy chính là thiện tâm. Người tu thiện thì còn, kẻ chẳng lành ắt mất. Tiếc ngũ cốc được phước, phung phí gặp tai ương.

9. Tiếc thời gian

Bảy mươi xưa nay hiếm, khảy ngón tay liền qua. Hễ qua chẳng còn nữa, nào dám biếng nhác sao? Nỗ lực chăm học tập, lập đức lẫn lập nghiệp, tự lợi và lợi tha, nêu gương mẫu cho đời.

10. Trượng nghĩa (coi trọng điều nghĩa)

Trong nhất cử, nhất động, chỉ chú trọng điều nghĩa, hễ điều nghĩa tồn tại, không gì chẳng lợi ích. Tiểu nhân thấy điều lợi, liền quên bẵng nghĩa ngay. Tuy được lợi nhỏ nhặt, rốt cuộc chịu thiệt thòi!

11. Thanh liêm

Phước trạch trong đời người, do đời trước tu tập. Vật phi nghĩa vẫn lấy, là ăn nuốt món độc. Trong sạch chẳng ô nhiễm, liêm khiết chẳng tham lam, sẽ được đời sùng kính, vinh hiển không chi hơn!

12. Biết thẹn

Một chữ hổ thẹn, lợi lạc vô cùng, hễ có lòng thẹn, gần gũi thánh nhân. Còn nếu không có, khác gì loài thú! Giữ lòng hổ thẹn, không gì mà chẳng, tạm chế ngự được. Đức Phật giáo huấn, trang nghiêm đệ nhất.

13. Tận trung

Một mực giữ chân thành, chẳng hề dối trá, thờ cha mẹ, tiếp vật, trọn chẳng sanh hai lòng. Chỉ mong trọn bổn phận, chẳng bận tâm người khác, có biết tới hay không. Con người được như thế, gương mẫu của thế gian.

14. Thủ tín (giữ chữ tín)

Người biết giữ chữ tín, chẳng nói năng bừa bãi, nói được liền làm được, chẳng khoe khoang, phô trương. Con người thiếu chữ tín, chuyện gì cũng giả tạo, bị người khác chán bỏ, chẳng bằng trâu, ngựa đâu!

15. Nhân từ

Nhân ái từ bi, mối thiện của tâm. Tâm càng chân thật, phước trạch càng sâu. Nếu thiếu tâm ấy, tàn nhẫn, hà khắc. Dẫu có túc phước, khi hao tổn sạch, sẽ bị nguy hiểm.

16. Không sát sanh

Phàm là động vật đều có tri giác, tham sống, sợ chết, chỉ tiếc mạng sống. Nếu đùa bỡn giết và giết để ăn, đời này, đời sau, quyết định báo đền.

17. Không trộm cắp

Phàm vật có chủ, chớ nên lấy trộm. Ăn cắp món nhỏ, chôn vùi phẩm đức, ăn cắp món lớn, sẽ mắc họa to. Trộm vật của người, phước mình hao tổn, mình, muốn được tiện nghi, đâm ra lỗ lớn!

18. Không tà dâm

Dâm dục có hại, tổn thân, vùi chí. Dẫu là chồng vợ, cũng nên tiết chế. Nếu cứ tà dâm, rất không hợp lẽ. Từ xưa đến nay, bậc có chí hướng, không một ai phạm!

19. Không nói dối

Lời nói tỏ hạnh, thuật bày bổn tâm. Tâm đã không thật, hạnh sao chánh được? Mong lũ trẻ ngươi, đừng nên nói dối. Miệng đúng, tâm sai, trọn chẳng ra gì!

20. Không hút thuốc

Thuốc nào cũng đừng hút, bởi trái phép vệ sinh. Miệng thường có mùi hôi, xông sực phiền trời người. Nha phiến, thuốc lá thơm, chất độc mạnh mẽ nhất. Tốn tiền mua lấy hại, kẻ si thật đáng thương!

21. Không uống rượu

Rượu là thuốc gây cuồng, uống vào ắt loạn tánh, say sưa trái lẽ thường, vượt lễ lẫn phạm phận, tốt nhất đừng nên uống, để khỏi uống quá đà! Người thông minh trí huệ, thường giữ thân trong sạch.

22. Không cờ bạc

Cờ bạc lẫn cờ tướng. Hèn chí, mất thời gian. Nếu chuyên tâm vào đó, vứt bỏ chuyện chánh đáng. Đem quang âm hữu hạn, phí vào trò trẻ con. Tan nhà hao tài sản, tội chẳng có lúc ngơi!

23. Đừng xa xỉ

Xa xỉ khoe giàu có, mua họa, chuốc nghèo hèn. Quân tử chẳng nhìn tới, đạo tặc đến cướp giựt. Mặc áo vải, cơm rau, là cung cách thánh hiền. Đời này lẫn đời sau, ai nấy đều noi gương.

24. Đừng ngạo mạn

Kẻ ngạo mạn khinh người, thực sự phô khuyết điểm, người sáng suốt biết rõ, học vấn lẫn hàm dưỡng của kẻ đó ít ỏi. Dẫu đã là thánh nhân, vẫn chẳng hề khinh người. Thường luôn tâm niệm rằng: “Trọn chẳng có thánh - phàm”.

25. Đừng ghen ghét

Người có tài đức, ta nên khen ngợi. Người ấy ắt sẽ cống hiến xã hội. Nếu sanh ghen ghét, chê là ngu si, nghiệp báo đoạt mất huệ căn đời trước.

26. Đừng thiên kiến

Người mang trí nhỏ, chưa nghe đại đạo, thường chấp ý mình là hay tuyệt nhất. Đáy giếng nhìn trời, sở kiến bé tí. Nếu lên núi cao, sẽ hiểu rõ ràng cái thấy trước kia.

27. Đừng nóng giận

Có kẻ phú quý lòng dạ hẹp hòi, thường do trái ý, phẫn nộ đùng đùng. Nóng giận vô ích, phiền não ta người, rộng lượng, khoan dung, của báu vô giá.

28. Hỏi han đừng thẹn

Hỏi được những điều vốn không thể hỏi, hỏi nhiều về điều mình vốn kém thiếu, mong người chiều mình, phải nhún mình trước. Nếu là vô tri, càng nên hỏi người, học rộng, hỏi kỹ, bản lãnh chân thật.

XVII. Những lời Bạt của bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên

1. Lời bạt thứ nhất

Hai bộ Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên của Ấn Quang đại sư trước sau được ấn hành không dưới một trăm mười vạn bộ, lưu truyền khắp trong ngoài nước. Năm Dân Quốc 29 (1940), sau khi Ấn công sanh Tây, chư sơn tôn túc, các vị tri thức trong nước lũ lượt sao lại những bài viết, thư từ của đại sư chưa được đưa vào hai bộ Chánh Biên và Tục Biên gởi cho Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Cửu Kỷ Niệm Hội thuộc Hoằng Hóa Xã ở Thượng Hải. Sau đấy, cư sĩ La Hồng Đào phát tâm biên tập bộ Ấn Quang Đại Sư Ngoại Tập, từng bốn lần đăng thông cáo tỏ ý trưng cầu di trước[303] của đại sư trên Hoằng Hóa Nguyệt San.

Sau bảy năm sưu tập, cuối cùng trong năm 1950, đúng mười năm sau ngày Ấn Công sanh Tây, tức ngày mồng Bốn tháng Mười Một Âm lịch, kết tập thành sách. Thỉnh pháp sư Huệ Dung sao chép lại bằng kiểu chữ Khải và được hòa thượng Diệu Chân, lão pháp sư Đức Sâm và cư sĩ Đậu Tồn Ngã xét duyệt, giảo chánh, đối chiếu. Vào mùa Xuân năm 1958, sắp xếp thành bộ sách gồm mười sáu quyển, cộng thêm một quyển ghi mục lục nữa thành mười bảy quyển. Do nhân duyên chẳng đủ, không thể ấn hành được, bèn đem bản thảo này giao cho chùa Linh Nham ở Tô Châu, do hòa thượng Diệu Chân bảo tồn, trân trọng cất giữ tại lầu tàng kinh.

Trải mười năm tai kiếp dồn dập, Linh Nham Sơn Tự liên tiếp bị phá hoại. Nguyên Đán năm 1980, Linh Nham được phục hồi, Minh Học phát hiện được bản thảo này trong rương đựng bộ Long Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh được khắc vào đời Thanh) trong lầu tàng kinh, hoàn chỉnh không bị hư hao gì. Sau cơn tai kiếp, bộ sách may mắn vẫn còn, càng

[303] Những trước tác của người đã khuất.

thêm trân quý, sanh lòng hoan hỷ lớn lao, cảm kích sâu xa Ấn Công trong cõi Thường Tịch Quang đã phóng từ quang gia bị nên mới được như vậy.

Tháng Chạp năm 1984, Minh Học đến chùa Quảng Hóa ở huyện Bồ Điền, tỉnh Phước Kiến, yết kiến lão pháp sư Viên Chuyết, bàn bạc chuyện này, tính ấn hành lưu thông, liền được cụ Viên từ bi tán đồng. Trong năm 1989, cụ Viên dẫn pháp sư Trì Đức đến Linh Nham Sơn Tự, đem nguyên bản về chùa Quảng Hóa, bắt tay ấn loát và do chính cụ Viên cùng mấy vị cư sĩ nhiệt tâm phụ trách giảo chánh, đối chiếu. Nhằm viên mãn túc nguyện, ban ân huệ tốt lành cho tứ chúng, trong dịp kỷ niệm tròn năm mươi năm Ấn Quang đại sư sanh Tây, Linh Nham Sơn Tự đã từng tái bản bộ Tăng Quảng, Tục Biên Văn Sao, nay lại ấn hành bộ sách này. Thời tiết, nhân duyên thật là hy hữu, khôn ngăn tán thán, hoan hỷ, kính cẩn ghi lại.

Linh Nham Sơn Tự Minh Học kính cẩn viết *(ngày mồng Một tháng Mười năm 1990)*

2. Lời bạt thứ hai

Đại sư Ấn Quang chùa Linh Nham là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong pháp môn đương thời, tận lực đề xướng Tịnh Độ, khuông phò chánh pháp, công lao thật vĩ đại. Bộ Chánh Biên và Tục Biên do đại sư biên soạn đã được sớm lưu hành rộng rãi khắp trong ngoài nước. Cư sĩ Lý Viên Tịnh biên tập cuốn [Ấn Quang Pháp Sư] Gia Ngôn Lục, cư sĩ Lý Tịnh Thông lại biên tập cuốn [Ấn Quang Đại Sư Văn Sao] Tinh Hoa Lục, cũng đều được lưu truyền thật rộng. Tứ chúng mấy người góp sức vào một bộ sách, trước sau phát hành không ngờ tới một trăm mười vạn bộ, cổ kim hiếm khi thấy sách nào được lưu truyền bền bỉ, phổ biến tới mức ấy!

Sau khi đại sư viên tịch, cư sĩ La Hồng Đào lại sưu tập rộng rãi di cảo, biên tập thành bộ sách Văn Sao Đệ Tam Biên. Sách chưa được lưu hành trong cõi đời thì ông La cũng quy Tây, nguyên cảo được cất giữ hai ba chục năm, trải qua nhiều cảnh tang thương, rốt cuộc vẫn tồn tại nguyên vẹn. Nay Linh Nham và Quảng Hóa cùng tính ấn hành, đại sư giã biệt cõi đời đã năm chục năm, bộ sách này được ấn hành, đủ chứng tỏ ân trạch của đại sư để lại đã thấm sâu vào lòng người, dẫu lâu ngày chẳng bị mất đi, cũng như cho thấy Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn.

Trong những bài được thâu thập trong bộ sách này, phần thư từ chiếm nhiều nhất. Lúc Sư trụ thế, xa - gần hỏi pháp dằng dai chẳng ngớt.

Sau khi Một Lá Thư Trả Lời Khắp được phân phát, người thưa hỏi vẫn nhiều, đại sư từ bi hễ hỏi ắt đáp, lại còn suy xét cặn kẽ. Dẫu tuổi đã chiều tà, chẳng cẩu thả một nét bút nào, tinh lực tràn trề, khác xa phường tầm thường; trước sau đẹp đẽ thật đáng sánh tầy công hạnh "mỗi ngày làm một trăm lẻ tám việc lành" của tổ Vĩnh Minh Diên Thọ. Đây đều là bản lãnh của bậc đại nhân tiên sinh, chứ phàm phu chẳng thể suy lường hòng thấu hiểu đôi chút nào được!

Than ôi! Đại sư đã khuất bóng rồi! Không còn hỏi han được nữa! Nay có được nhân duyên đọc tụng thù thắng, may mắn được biết tới tác phẩm khó nghe, khó gặp, càng thêm trân trọng, tiếc nuối, chỉ một mực chân thành, chuyên dốc, đổ hết sức thực hành thì mới chẳng phụ tấm lòng đau đáu của bậc triết nhân kỳ lão đáng trọng và thật sự thọ dụng được. Ngoài những lời hoan hỷ khen ngợi, kính cẩn viết đôi lời thừa thãi để ghi thêm vào sau sách.

Đầu mùa Hạ năm Canh Ngọ (1990), đệ tử Cống Nam Dương Trí Kiên đảnh lễ kính cẩn ghi lời bạt tại Phước Châu Xã Đoàn.

3. Lời bạt thứ ba

Phàm đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, há phải chuyện nói dễ dàng ư? Hạng Xiển Đề[304] không có lòng tin cố nhiên chẳng cần phải bàn tới, nhưng ngay cả kẻ quy y Phật giáo, học Phật mấy chục năm, vẫn thường chưa vào được cửa! Cửa còn chưa vào được, há mong chi đoạn Hoặc, chứng Chân, liễu sanh thoát tử ư? Do lẽ này, người học Phật thì đông, nhưng kẻ thành tựu ít lắm! Năm mươi mấy năm trước đây, tôi đã được đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, thoạt đầu chưa biết chỗ mầu nhiệm, sau này đọc đi đọc lại, mới tạm thấy được sơ sài cửa nẻo. Nay đã nhằm lúc nắng nhạt ngọn dâu, kỳ hạn chết sắp tới, đọc lại di biên, hoảng nhiên đại ngộ, biết sâu xa phàm phu đời Mạt thật sự muốn đoạn Hoặc,

[304] Nhất Xiển Đề (Icchantika), còn phiên âm là Nhất Điên Ca, Nhất Xiển Đề Kha, Xiển Đề v.v… dịch nghĩa là Đoạn Thiện Căn, Tín Bất Cụ Túc (tin tưởng không đầy đủ), Cực Dục (ham muốn cùng cực), Đại Tham, Vô Chủng Tánh (không có chủng tánh), Thiêu Chủng (hạt giống bị cháy). Những cách dịch này đều nhằm diễn tả ý kẻ đoạn sạch hết thảy thiện căn, không có cách nào thành Phật được. Nhập Lăng Già Kinh lại chia thành hai loại Xiển Đề:

1. Đoạn Thiện Xiển Đề: Tức hạng người vốn hoàn toàn không có nhân giải thoát.
2. Đại Bi Xiển Đề: Còn gọi là Bồ Tát Xiển Đề, tức hạng Bồ Tát do bi nguyện cứu độ chúng sanh nên thị hiện những nghịch hạnh để dạy chúng sanh kinh sợ ác quả, hồi tâm tu tập.

chứng Chân, liễu sanh thoát tử, nếu chẳng noi theo di giáo của Ấn Công há có được chăng? Cửa ngõ để học Phật là ở đây vậy! Xin được trình bày đại lược.

Một là lúc mới nhập đạo, lúc vừa mới cất bước [tiến lên đường tu tập], ắt phải noi theo di giáo của Ấn công: Hãy dốc sức nơi công phu *"khắc kỷ, phục lễ, nhàn tà, tồn thành".* "Khắc" là chiến thắng. "Kỷ" chính là tư dục. Cảnh lục trần, sự vui ngũ dục là những thứ tâm phàm phu thường luôn ưa thích, ý luôn hâm mộ. Thô là thanh sắc, vật chất, lợi lộc; Tế là học vấn, tri kiến cho đến tiến - thoái, chê bai - khen ngợi, thịnh - suy, được - mất, sống - chết, họa - phước. Phàm những gì đủ để đánh động cái tâm của ta đều là tư dục, ắt phải chiến thắng chúng, chẳng để cho mảy may nào còn tù đọng trong ngực. Sau đấy, tâm địa rỗng rang, sáng sủa, trong vắt như lưu ly, thoát lìa, thong dong tự tại, không bị chướng ngại. Ắt phải đạt đến mức độ ấy thì học Phật mới có chỗ hữu dụng để tiến tu được. "Phục" là trở lại, "lễ" chính là lý. Chiến thắng được lòng ham muốn của chính mình (tư dục) thì mới trở về với lý Chân Như được! Hết thảy phàm phu bị lòng ham muốn của chính mình che lấp, trái nghịch lý Chân Như đã lâu! Ngày nay phát tâm học Phật, cố nhiên nên bắt đầu từ đây! "Nhàn" là ngăn ngừa, ngưng dứt. "Tà" là những suy nghĩ trái lẽ. Phàm tiếng dâm, sắc đẹp, tâm chí phóng đãng, suy tưởng ngông cuồng, tính tình hung dữ, trái với lý, nghịch với lẽ chân, văn từ bông lơn, phù phiếm, phí uổng thời gian, những lời lẽ cong vạy, dị đoan, trái kinh, khinh thánh, những loại như thế đều gọi là "phi lý", hãy nên ngăn dứt, chớ để cho chúng lọt vào tâm ta. Đấy chính là ý "ngừa sai, dứt ác" vậy! "Tồn" là giữ cho chẳng mất. "Thành" là tâm chân thành, tức là như Khởi Tín Luận đã nói: *"Tâm ngay thẳng chánh niệm Chân Như"*. Đấy chính là cái gốc của hai hạnh tự lợi và lợi tha vậy!

Những kẻ tự xưng là tri thức trong cõi đời gần đây thường thích dồn sức nghiên cứu danh tướng, đuổi theo Không và Có, la cà khắp Tam Tạng, đề cao hay chỉ trích năm tông, nhưng chẳng biết *"khắc kỷ, phục lễ, nhàn tà, tồn thành"* là chuyện gì! Do vậy, tâm và miệng mâu thuẫn, trong - ngoài chẳng phù hợp, thật là nhàn rỗi làm chuyện chẳng lành, không gì chẳng dính dấp, thân còn sống trên cõi đời mà tâm đã mất trước rồi! Đến khi lâm chung xả báo, kinh hoảng, cuống cuồng, chẳng biết xoay sở lẽ nào, ngược ngạo đổ thừa tu hành vô ích, Phật pháp chẳng linh! Há chẳng sai lầm lắm ư?

Điều thứ hai, ắt phải noi theo di giáo của Ấn Công: *"Tin tưởng sâu xa sự tướng nhân quả, cảm ứng chẳng dối".* Phàm toàn thể Sự chính là

Lý, toàn thể Lý trở thành Sự. Toàn thể Sự là Lý, vì thế, nhân quả cảm ứng nơi mặt Sự hoàn toàn là lý Chân Như Thật Tướng. Toàn thể Lý thành Sự; vì thế, lý Chân Như Thật Tướng hoàn toàn trở thành sự cảm ứng nhân quả. Hơn nữa, Sự có công năng kềm cặp Lý, nhưng Lý không có khả năng tồn tại một mình được. Chấp Sự mê Lý vẫn chẳng phí uổng lợi ích vãng sanh, chứ chấp Lý phế Sự, ắt sẽ mắc họa đọa vào trống rỗng, mất mát. Do vậy, người học Phật đối với sự tướng cảm ứng nhân quả phải dốc lòng tin tưởng không nghi.

Phàm những gì ta làm nơi ba nghiệp thân - miệng - ý đều là nhân; những gì ta hứng chịu, tức y báo và chánh báo, đều là quả. Nhân và quả như hình ảnh hiện trong gương, như bóng theo hình. Không có quả nào chẳng có nhân, không nhân nào chẳng kết quả. Hơn nữa, những gì ta làm đều là Cảm, chư Phật, Bồ Tát cho đến trời đất, quỷ thần, hiện thân lập bày phương cách giáo hóa, phước thiện, họa dâm đều là Ứng. Cảm giống như nam châm hút sắt, Ứng như dùi gõ vào mặt trống. Hễ có Cảm ắt có Ứng, Ứng ắt phải do Cảm [mà có]. Họa - phước không có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy. Thăng hay trầm khác đường, đều do nghiệp tạo. Bởi vậy, bậc thánh hiền thời cổ không vị nào chẳng dè dặt kinh sợ nơi khởi tâm động niệm, gắng sức phản tỉnh nơi xử sự, tiếp vật, dẫu lênh đênh khốn khổ, nào dám lười nhác, bỏ mặc?

Ấn Công đại sư thường dạy người khác đọc các sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng Nghĩa là có thâm ý tột bậc! Tiếc thay những người học Phật hiện thời phần nhiều chẳng biết đến nghĩa này, trọn chẳng quan tâm vâng giữ, thậm chí có kẻ cuồng nhiệt đề xướng vô thần, nói xằng Chân Không, bài bác là không có nhân quả, hoàn toàn phế trừ hành trì! [Đề xướng xằng bậy]: "Ăn thịt, sát sanh, chẳng gây trở ngại trên đường Bồ Đề. Nhà thổ, quán rượu đều là chỗ tịch diệt!" Nghe lời bọn họ nói cao tuốt chín tầng trời, xét đến hành vi của bọn chúng thấp tuột dưới chín tầng đất! Kẻ học Phật có lòng chánh tín chớ nên bị mê hoặc bởi những loại tà thuyết ấy!

Điều thứ ba, ắt phải noi theo di giáo của Ấn Công: *"Ưa tịnh, chán uế, trì danh hiệu Phật, cậy vào Tha Phật*[305] *lực, cầu sanh Tây Phương".* Hết thảy chúng sanh vốn sẵn có tánh Chân Như, đấy là Chánh Nhân. Gặp chư Phật, Bồ Tát, thiện tri thức v.v… lấy đó làm duyên. Nhân duyên đầy đủ sẽ chán nỗi khổ sanh tử, vui vẻ cầu Niết Bàn, phát tâm tu hành, ắt trước hết phải có tâm ưa - chán thì mới vào cửa Phật được. Nếu

[305] Tha Phật tức là A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói như vậy để phân biệt với Tự Tánh Di Đà.

không có cái tâm này sẽ là Nhất Xiển Đề, sẽ đọa Miệt Lệ Xa[306], chẳng nói Phật pháp với kẻ ấy được! Đã sẵn lòng ưa - chán thì sẽ biết được cửa để vào đạo.

Trở về cái gốc ban đầu thì không hai, nhưng phương tiện có nhiều cửa. Phàm phu nhập đạo, Tông - Thuyết[307] khác đường, nhưng Long Thọ Bồ Tát phán định giáo pháp do đức Phật đã dạy trong cả một đời Ngài gồm có hai loại: Một là Nan Hành Đạo, hai là Dị Hành đạo.

Nói Nan Hành Đạo nghĩa là trong đời Ngũ Trược, lúc không có Phật, cầu chứng đắc địa vị A Tỳ Bạt Trí (Bất Thoái Chuyển) khó khăn. Ví như đi theo đường bộ, lội bộ khổ sở, nên gọi là Nan Hành Đạo. Nói Dị Hành Đạo là do nhân duyên tin Phật, nguyện sanh Tịnh Độ, khởi tâm lập đức, tu các hạnh nghiệp, do Phật nguyện lực liền được vãng sanh. Do Phật lực nâng đỡ, giữ gìn, nên liền vào ngay Chánh Định Tụ của Đại Thừa. Chánh Định Tụ chính là địa vị A Tỳ Bạt Trí Bất Thoái. Ví như theo đường thủy, ngồi thuyền bèn thong dong, nên gọi là Dị Hành Đạo.

Nan Hành Đạo là cậy vào tự lực, còn Dị Hành Đạo là cậy vào Tha Lực. Sao gọi là Tự Lực? Ví như có người sợ hãi sanh tử, phát tâm xuất gia, tu Định, phát sanh thần thông, dạo chơi Tứ Thiên Hạ[308], đấy gọi là Tự Lực. Chuyện này chẳng phải là chuyện nói dễ dàng được! Nếu nương vào Tự Lực thì bọn phàm phu kém hèn như chúng ta vạn kiếp ngàn đời chẳng mong chi thoát khổ được! Tha Lực là gì? Như có kẻ yếu ớt, dùng chính sức mình để trèo lên lưng lừa còn không xong, nhưng nếu theo Luân Vương liền được bay lên không, dạo khắp Tứ Thiên Hạ. Việc ấy do oai lực của Luân Vương nên gọi là Tha Lực. Do vậy biết lũ phàm phu chúng ta muốn thoát vòng khổ, chỉ có cách trông cậy vào sức của đấng Di Đà pháp vương, khởi tâm lập hạnh, cầu sanh Tịnh Độ. Khi lâm chung,

---

[306] Miệt Lệ Xa (Mleccha), còn phiên âm là Di Ly Xa, Mật Lệ Xa, Tất Lật Tha, có nghĩa là nơi biên địa, hẻo lánh thiếu hẳn tri thức, ty tiện.

[307] Tông Thuyết là hai khái niệm được phân biệt trong Thiền Tông dựa theo kinh Nhập Lăng Già. Tông là tông chỉ sâu xa trong đạo, tức là lý thể, cương yếu của đạo, chỉ có thể tự ngộ nhập, thấu hiểu, còn Thuyết là khả năng diễn giảng, giáo hóa đại chúng. Hiểu theo nghĩa rộng, Tông là tự giác, Thuyết là giác tha (giác ngộ người khác).

[308] Tứ Thiên Hạ chính là toàn thể bốn đại châu (Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu), tức toàn thể cõi nhân gian. Do tầng trời thứ nhất ngay trên nhân gian là tầng trời của Tứ Thiên Vương (Đông phương Trì Quốc thiên vương, Nam phương Tăng Trưởng thiên vương, Tây phương Quảng Mục thiên vương, Bắc phương Đa Văn thiên vương) nên cõi nhân gian được gọi là Tứ Thiên Hạ.

liền thấy Di Đà Như Lai cầm đài quang minh đến tiếp đón, liền được vãng sanh, lên cao chín phẩm, giã biệt mãi mãi trăm nỗi lo toan, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn. Sau đấy, nương theo đại nguyện luân, hành Phổ Hiền hạnh, hiện thân trong các cõi nước nhiều như số vi trần, lợi ích khắp mọi chúng sanh.

Trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm có bài kệ như sau: *"Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh, ngã thời ư thắng liên hoa sanh. Thân đổ Như Lai Vô Lượng Quang, hiện tiền thọ ngã Bồ Đề ký. Mông bỉ Như Lai thọ ký dĩ, hóa thân vô số bách câu-chi, trí lực quảng đại biến thập phương, phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới"* (Mọi pháp hội của đức Phật ấy đều thanh tịnh, con liền sanh trong hoa sen đẹp nhất. Đích thân thấy được đức Như Lai Vô Lượng Quang, Phật liền thọ ký con sẽ chứng Bồ Đề. Được đức Như Lai thọ ký xong, con liền hóa vô số trăm câu-chi[309] thân, do trí lực rộng lớn nên hiện thân khắp mười phương để lợi ích rộng khắp hết thảy chúng sanh giới). Đấy đều là nương vào từ lực của Tha Phật mà được như vậy.

Hơn nữa, hạnh Tịnh Độ lấy Niệm Phật làm chánh. Pháp môn Niệm Phật cũng lại có nhiều đường, chỉ có một pháp Trì Danh thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít lại được hiệu quả nhanh chóng, là pháp tu thích nghi nhất cho hành nhân trong đời Mạt. Từ hòa thượng Thiện Đạo soạn Quán Kinh Sớ đặc biệt coi trọng Trì Danh cho đến Ấn Công đại sư, các vị Tổ của Tịnh Tông không vị nào chẳng đều như vậy. Đại sư Liên Trì khi lâm chung dạy người khác thật thà niệm Phật, đừng giở trò quái lạ. Nói *"thật thà niệm Phật"* tức là *"thật thà trì danh"*. Như kinh Tiểu Bổn (kinh A Di Đà) đã dạy từ một ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn chính là nói về trì danh vậy. Dẫu có tán tâm vẫn được lìa khổ, huống hồ những ai đã đắc Sự Nhất Tâm hay Lý Nhất Tâm ư?

Do vậy biết rằng: Nhằm đời Mạt Pháp, người thật sự muốn đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử ắt phải tu pháp môn Tịnh Độ Trì Danh Niệm Phật thì mới được. Chẳng đọa lưới tà, chẳng vướng bẫy ma, chẳng bị dị thuyết mê hoặc, chẳng mê mờ nơi ngõ rẽ, noi theo đường của đại vương để vào được cửa ngôi nhà tráng lệ. Những người học đời sau hãy biết chú trọng vào đây! Lại còn có người đối với pháp môn thù

---

[309] Câu-chi (Koti) còn phiên âm là Câu Trí, Câu Lê, dịch nghĩa là Ức. Từ xưa đến nay có hai cách giải thích chữ Câu-chi:

1. Theo Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 5, thì Câu-chi là một ngàn vạn.
2. Theo ngài Viên Trắc trong Giải Thâm Mật Kinh Sớ, quyển sáu: *"Câu-chi có ba cách giải thích, một là mười vạn, hai là trăm vạn, ba là một ngàn vạn"*.

thắng này chẳng muốn tu học, cứ muốn ở mãi trong Sa Bà, oan uổng bị đau đớn, thiêu đốt đến vạn kiếp ngàn đời, không có nơi nương tựa! Dẫu là kẻ cực ngu muội cũng chớ nên chẳng biết đúng - sai đến mức quá quắt như thế!

Hai bộ Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên của pháp sư Ấn Quang được xuất bản, lưu truyền đã lâu, truyền bá rộng rãi khắp xa - gần. Bốn mươi mấy năm trước, cư sĩ La Hồng Đào ở Thượng Hải lại sao lục rộng rãi mấy trăm bài di văn chưa được đưa vào Chánh Biên và Tục Biên, [soạn thành một bộ sách] đặt tựa đề là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên. Bản chép tay ấy được cất giữ tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu. Do nhân duyên chưa đủ, chẳng thể xuất bản được.

Tháng Chạp năm 1984, hòa thượng Minh Học đến chùa Quảng Hóa ở huyện Bồ Điền tỉnh Phước Kiến yết kiến lão pháp sư Viên Chuyết bàn về chuyện này, tính cho ấn hành lưu thông. Viên Công khi xưa đã từng trụ tại Niệm Phật Đường chùa Linh Nham, từng đích thân nghe Ấn Công khai thị, đối với di giáo của Ấn Công sùng kính tột bậc, một mực thọ trì phụng hành và đem những di giáo ấy dạy người, ứng khắp quần cơ. Nghe biết chuyện này, hoan hỷ tán đồng, liền xin giao di cảo cho chùa Quảng Hóa giảo chánh, đối chiếu, sắp chữ, ấn hành.

Nay Tam Biên sắp được xuất bản, sai tôi soạn lời tựa. Tôi là kẻ hèn kém phàm ngu, nào dám dùng văn chương thô lậu để đặt trước giáo pháp của Tổ Sư; nhưng cũng chẳng dám trái nghịch mạng lệnh của Viên Công nên soạn bài văn này, nêu đại lược những điều mình thấy được, ghép vào cuối sách. Vẫn mong được [bậc thức giả] sửa cho đúng những điều lầm lạc, chỉnh những điều không hợp lẽ, khôn ngăn cảm kích, cầu khẩn đến tột bậc vậy!

Tháng Mười Hai năm 1989 Tây Lịch, tư thục đệ tử[310] Vương Vĩnh Nguyên đảnh lễ kính cẩn viết lời bạt

XVII. Phụ Lục

1. Trung Hưng Tịnh Tông Ấn Quang Đại Sư Hạnh Nghiệp ký

Sư húy Thánh Lượng, tự là Ấn Quang[311], biệt hiệu là Thường Tàm Quý Tăng (vị tăng thường hổ thẹn), con nhà họ Triệu huyện Cáp Dương,

[310] Tư thục đệ tử: Học theo và tuân hành di giáo của một vị thầy, nhưng chưa từng có dịp gặp gỡ, thọ giáo khi vị ấy còn sống thì gọi là *"tư thục đệ tử"*.

[311] Tổ Ấn Quang có pháp danh là Thánh Lượng, pháp tự là Ấn Quang (pháp tự là tên được đặt khi thọ giới Sa Di). Khi thọ giới Cụ Túc lại được đặt tên nữa là pháp hiệu.

tỉnh Thiểm Tây. Thuở nhỏ theo học sách Nho với anh ruột, coi việc bảo vệ cái học của đạo Thánh (Nho giáo) là trách nhiệm của chính mình, phụ họa những lời bàn luận báng Phật của lũ Hàn - Âu. Về sau, bị bệnh mấy năm, mới tỉnh ngộ trước kia sai trái, mau chóng sửa đổi tâm trước. Duyên xuất thế chín muồi, năm hai mươi mốt tuổi liền xuống tóc với hòa thượng Đạo Thuần ở Liên Hoa Động Tự tại Nam Ngũ Đài thuộc Chung Nam Sơn. Khi ấy nhằm năm Tân Tỵ, tức năm Quang Tự thứ bảy (1881) nhà Thanh. Năm sau, thọ Cụ Túc dưới tòa của Ấn Hải Định luật sư chùa Song Khê, huyện Hưng An, tỉnh Thiểm Tây.

Sư vừa ra đời được sáu tháng liền bị bệnh mắt, gần như mù; về sau tuy lành nhưng mục lực đã bị tổn thương, hễ mắt hơi bị đỏ liền chẳng nhìn được vật gì nữa! Khi thọ Cụ Túc, do thấy Sư viết chữ đẹp, phàm tất cả những giấy tờ thuộc về pháp sự cần phải viết trong thời gian thọ giới, [ban chức sự giới đàn] đều giao cho Sư viết thay. Viết chữ quá nhiều, mắt liền đỏ ngầu như ứa máu. May mắn là trước đấy, khi Sư được giao

---

Tuy thế, có những sơn môn, khi giới tử thọ Cụ Túc Giới, vị bổn sư (hay Đàn Đầu Hòa Thượng) không đặt pháp hiệu. Có những vị suốt đời chỉ dùng pháp danh, không dùng tới pháp tự hay pháp hiệu.

Lâm Tế Tông ở Trung Hoa chia ra rất nhiều chi phái nhỏ (đều có chung danh xưng là Lâm Tế Chánh Tông). Sau thời ngài Vạn Phong Thời Ủy và Đạo Mân, chư thiền sư tiếp tục lập ra những dòng kệ truyền thừa khác nhau. Chẳng hạn, ngài Ngọc Lâm Thông Tú (quốc sư dưới đời vua Thuận Trị - Khang Hy) cũng lập ra một bài kệ riêng để truyền thừa như sau: *"Pháp hoằng tế tổ, chân tông thiệu tục, vĩnh truyền anh tuấn, tịnh minh phạm hạnh, nham trì tuyên cổ, gia mô đại căn"* (法宏濟祖,真宗紹續,永傳英俊,淨明梵行, 巖持宣古,嘉謨大根). Điểm qua những bài pháp phái kệ của tông Lâm Tế Trung Hoa hiện thời, căn cứ trên pháp danh Thánh Lượng của tổ Ấn Quang, chúng tôi mạo muội đoán rằng vị thầy truyền giới cho tổ Ấn Quang thuộc chi phái Long Trì của tông Lâm Tế (trong Văn Sao Tục Biên, Tổ chỉ cho biết vị thầy truyền giới của mình thuộc Lâm Tế Chánh Tông, không nói rõ pháp hiệu, pháp tự của Bổn Sư). Bài kệ truyền pháp phái của Lâm Tế Chánh Tông, hệ phái Long Trì (龍池) như sau: *"Giác tánh bổn thường tịch, tâm duy pháp giới đồng, như duyên hoằng* ***thánh*** *giáo, chánh pháp vĩnh xương long"* (覺性本常寂,心惟法界同,如緣宏聖教,正法永昌隆). Cũng xin nói thêm, trong những bài tiểu sử của tổ Ấn Quang đăng trên Internet, chúng tôi thấy biệt hiệu Thường Tàm Quý (常慚愧: thường hổ thẹn) hoặc gọn hơn là Thường Tàm (常慚) của Tổ Ấn Quang không hiểu do vô tình hay cố ý thường bị sửa thành Thường Tâm. Sửa như vậy đã vô tình đánh mất ý khiêm tốn lớn lao của Tổ khi chọn biệt hiệu ấy.

nhiệm vụ tiếp khách ở chùa Liên Hoa tỉnh Hồ Bắc, trong một lần phơi kinh đã đọc được một cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn rách nát nên biết tới pháp môn Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ chính là đạo trọng yếu để liễu sanh thoát tử. Do bệnh mắt ấy mà ngộ được "thân ta là gốc khổ" nên trong những lúc rảnh rỗi đều chuyên niệm Phật hiệu. Đêm xuống, sau khi mọi người đã ngủ, Sư liền ngồi dậy niệm Phật. Ngay cả khi viết chữ, tâm cũng chẳng rời Phật. Vì thế, tuy ráng gượng bệnh viết chữ, Sư vẫn có thể miễn cưỡng chống chọi được. Đến khi viết xong thì mắt cũng lành hẳn. Do vậy, Sư hiểu sâu xa công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn nên tự hành, dạy người, một mực lấy Tịnh Độ làm chỗ quy hướng; đầu mối là do đây!

Sư tu Tịnh Độ càng lâu càng chuyên dốc, nghe nói chùa Tư Phước núi Hồng Loa chính là đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ, năm hai mươi sáu tuổi *(tức năm Bính Tuất, nhằm năm Quang Tự 12 - 1886)* liền từ giã thầy qua đó. Tháng Mười năm ấy, Sư vào Niệm Phật Đường [của chùa Tư Phước], được thấm nhuần ân trạch của tổ Triệt Ngộ để lại, Tịnh nghiệp tăng tiến lớn lao. Tháng Giêng năm sau xin tạm nghỉ phép để triều bái Ngũ Đài. Triều bái xong, vẫn trở về Tư Phước. Sư từng đảm nhiệm các chức vụ Thượng Khách Đường, Hương Đăng, Liêu Nguyên[312] v.v… Trong ba năm, ngoài Chánh Hạnh Niệm Phật ra, Sư nghiên cứu, xem đọc các kinh điển Đại Thừa. Do vậy, thâm nhập Kinh Tạng, thầm khế hợp mầu nhiệm

---

[312] Đây là các chức vụ thường thấy trong những ngôi tùng lâm lớn:

1. Thượng Khách Đường: Những vị Tăng đảm nhiệm tiếp đón khách (Tri Khách) đến vãng cảnh chùa, trình báo Phương Trượng khi có khách muốn gặp gỡ, trình báo với vị Liêu Nguyên để sắp xếp nơi ăn chốn ở cho khách thập phương hay khách Tăng muốn ở lại chùa đều thuộc Khách Đường. Ở đây, Sư đảm nhiệm trông coi việc tiếp đón, sắp xếp chỗ ăn ở cho những vị khách quan trọng.

2. Hương Đăng: Vị Sư trông coi nhang đèn trong Phật điện, hướng dẫn, giải thích nếu khách thập phương có thắc mắc, thỉnh chuông khi khách vãn cảnh chùa lên lễ Phật, bày biện, tiếp nhận lễ vật của khách dâng cúng lên bàn thờ, đồng thời giữ cho bàn Phật luôn được sạch sẽ tinh khiết.

3. Liêu Nguyên: Chức vụ có trách nhiệm quản thủ các liêu xá trong một ngôi tùng lâm, còn được gọi bằng các danh xưng Tọa Nguyên, Tòa Nguyên, Liêu Thủ Tòa, hay Đệ Nhất Tọa. Chức vụ này có trách nhiệm coi sóc những phẩm vật trong Tăng phòng như kinh sách, trà nước, củi than, cung cấp các thứ cần dùng cho tăng chúng, chỉ huy những người dưới quyền quét tước, dọn dẹp cho liêu phòng sạch sẽ. Vị này còn có trách nhiệm phân xử, dàn xếp nếu có tranh chấp xảy ra giữa các liêu phòng, nhắc nhở những quy ước trong tùng lâm hay răn đe những kẻ vi phạm quy ước cộng trụ trong tùng lâm. Hiện thời, Liêu Nguyên còn phải kiêm thêm trách nhiệm quản thủ Vân Thủy Đường (tăng phòng dành cho những vị thượng khách).

tâm Phật, đường tắt tu hành lý sự vô ngại. Năm ba mươi tuổi *(tức năm Canh Dần, nhằm năm Quang Tự 16 - 1890),* Sư tới chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh giữ chức Hành Đường. Năm ba mươi mốt tuổi *(tức năm Tân Mão, nhằm năm Quang Tự 17 - 1891)*, Sư trụ tại chùa Viên Quảng.

Hai năm sau *(tức năm Quý Ty, nhằm năm Quang Tự 19 - 1893),* hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà lên kinh đô thỉnh Đại Tạng, thiếu người giúp sức kiểm duyệt, lo liệu. Mọi người do thấy Sư làm việc tinh tế, cẩn thận, bèn tiến cử. Cụ Hóa Văn thấy Sư đạo hạnh siêu trỗi, đến khi trở về phương Nam liền thỉnh Sư cùng theo làm bạn, cho ở nơi lầu Tàng Kinh của chùa. Đại chúng trong chùa thấy Sư dốc chí tinh tu đều khâm phục sâu xa, nhưng Sư vẫn bình dị, chẳng hề tự mãn.

Mùa Hạ năm Đinh Dậu, tức năm Quang Tự 23 (1897), đại chúng trong chùa kiên trì thỉnh Sư giảng kinh một phen. Từ tạ không được, Sư bèn giảng bộ Di Đà Tiện Mông Sao một lượt. Giảng xong, Sư liền bế quan bên cạnh điện Châu Bảo hai lượt, tổng cộng sáu năm[313], học lẫn hạnh càng tăng tấn gấp bội. Sau khi xuất quan, do các hòa thượng Liễu Dư, Chân Đạt v.v… đặc biệt lập một liên bồng (thảo am để niệm Phật) cúng dường nên trước sau Sư đã cùng với pháp sư Đế Nhàn ở đó. Không lâu sau, đại chúng lại đón Sư về Pháp Vũ.

Năm Sư bốn mươi bốn tuổi *(tức năm Giáp Thìn, nhằm năm Quang Tự 30 - 1904),* do thỉnh Đại Tạng Kinh cho chùa Đầu Đà ở Ôn Châu, cụ Đế Nhàn lại thỉnh Sư lên kinh đô giúp trông coi mọi việc. Xong việc, Sư trở về Nam, bèn trụ tại lầu kinh chùa Pháp Vũ. Sư xuất gia ba mươi mấy năm, sống đời thanh bạch, từ đầu đến cuối ẩn giấu tài năng, chẳng thích qua

---

[313] Nguyên văn *"tức ư Châu Bảo điện trắc bế quan, lưỡng kỳ lục tải"* (liền bế quan cạnh điện Châu Bảo, hai kỳ sáu năm). Do câu văn ở đây dễ gây hiểu lầm Sư bế quan hai kỳ, mỗi kỳ sáu năm, nên chúng tôi xin mạn phép nói thêm: Trong đoạn văn phía trước, các tác giả cho biết năm Quang Tự 17 (1891), Sư được ba mươi mốt tuổi và còn trụ tại chùa Viên Quảng ở Bắc Kinh. Hai năm sau (1893, tức năm Quang Tự 19), Sư ba mươi ba tuổi, giúp hòa thượng Hóa Văn kiểm giáo Đại Tạng Kinh rồi theo về Phổ Đà trong năm ấy. Bốn năm sau, tức năm Quang Tự 23 (1897), đại chúng thỉnh Sư giảng kinh. Sư giảng xong liền bế quan. Tiếp đó, bài văn trên đây cho biết Sư xuất quan, qua ở Liên Bồng một thời gian, rồi mới trở về Pháp Vũ để theo pháp sư Đế Nhàn lên Bắc Kinh thỉnh Đại Tạng năm Sư bốn mươi bốn tuổi (năm Quang Tự 30, tức năm 1904). Từ năm 1897 đến năm 1904 là 7 năm, như vậy, tổng cộng thời gian đại sư bế quan sau khi giảng kinh chỉ có thể là sáu năm. Nói cách khác, câu *"lưỡng kỳ lục tải"* chỉ có nghĩa Sư bế quan tại Phổ Đà hai lần và thời gian tổng cộng là sáu năm.

lại với người khác, cũng chẳng muốn ai biết đến danh tự của mình để mong ngày đêm Di Đà, sớm chứng Niệm Phật tam-muội.

Nhưng chuông trống trong cung, tiếng vẳng ra ngoài, đức dầy ắt tỏa sáng, trọn chẳng thể giữ kín được mãi! Kỷ nguyên Dân Quốc, Sư năm mươi hai tuổi, cư sĩ Cao Hạc Niên bèn đem mấy bài văn của Sư đăng trên tờ Phật Học Tùng Báo ở Thượng Hải, ghi tên là Thường Tàm. Người ta tuy chẳng biết là ai, nhưng văn tự Bát Nhã đã đủ để dẫn dắt, phát khởi thiện căn cho độc giả. Đến năm Dân Quốc thứ sáu *(1917, Sư năm mươi bảy tuổi),* cư sĩ Từ Úy Như nhận được ba lá thư của Sư gởi cho bạn bèn ấn hành, đề tựa là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo. Năm Dân Quốc thứ bảy *(1918, Sư năm mươi tám tuổi),* ông ta lại sưu tập được hai mươi mấy bài văn của Sư, đem in ở Bắc Kinh, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Năm Dân Quốc thứ tám *(1919, Sư năm mươi chín tuổi),* ông ta sưu tập được thêm văn chương của Sư, bèn in thêm cuốn Tục Biên; tiếp đó gộp Sơ Biên lẫn Tục Biên thành một cuốn. Trong hai năm Dân Quốc thứ chín và thứ mười, bộ sách ấy lại được tăng thêm một số bài nữa. Trước sau đều được đúc bản kẽm tại Thương Vụ Ấn Thư Quán, khắc bản gỗ tại Dương Châu Tàng Kinh Viện. Trong khoảng từ năm Dân Quốc 11 (1922) cho đến năm Dân Quốc 15 (1926), mấy lần tăng thêm bài viết, lại nhờ Trung Hoa Thư Cục ấn hành, đề tựa là Tăng Quảng Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao.

Ôi! Văn để chở đạo, bộ Văn Sao của Sư được lưu thông, đạo của Sư giáo hóa bèn thấm đẫm khắp cả nước, như Tịnh Độ Quyết Nghi Luận, Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận và những bức thư như *"Thư gởi cho hòa thượng Thể An chùa Đại Hưng Thiện"* v.v… đều là "từng lời thấy được lẽ chân, từng chữ đều quy tông" vậy. Trên hợp với ý chỉ của đức Phật, dưới ngầm hợp tâm chúng sanh, tỏa rạng ý chỉ mầu nhiệm sâu thẳm của Thiền lẫn Tịnh, quyết trạch sự khó - dễ, quả thật đã vạch trần được những chỗ tiền nhân chưa nêu rõ.

Trong lời Bạt của ông Từ có câu: *"Đại pháp suy vi tới nay đã tột cùng, nào ngờ trong đời này vẫn còn có bậc đầy đủ chánh tri chánh kiến như Sư vậy, do đó vẫn còn có bậc tiếp nối huệ mạng của Phật".* Ông ta còn viết: *"Văn của Sư không một chữ nào chẳng có lai lịch, thâm nhập, hiển xuất, khế hợp khéo léo thời lẫn cơ, quả thật là món thuốc tốt lành chữa bệnh đúng lúc trong thời Mạt Pháp".* Thật có thể nói là khéo hiểu pháp yếu, dốc cạn tấm lòng kính ngưỡng.

Do đó, thoạt đầu Từ cư sĩ đích thân cầm sách, đưa mẹ tới Phổ Đà, dốc cạn lòng Thành lễ bái thân cận, khẩn cầu Sư tiếp nhận rộng dung

cho quy y dưới tòa, Sư vẫn kiên trì không chấp thuận, dạy mẹ con ông Từ hãy sang quy y với pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông ở Ninh Ba. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), anh em ông Châu Mạnh Do đưa bà nội kế lên núi, lại bốn lượt khẩn cầu Sư chấp nhận cho họ làm đệ tử. Sư xét thời cơ, về mặt lý khó thể từ khước được nữa, bèn đặt pháp danh cho mỗi người. Từ đấy, Sư mới bắt đầu chấp nhận cho người khác quy y mà đấy cũng thật sự là duyên khởi của bộ Văn Sao vậy.

Văn chương của Sư không những tinh xác, sâu xa nơi Phật lý mà ngay cả đạo xử thế "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu tề trị bình, ngũ luân, bát đức" v.v… của nhà Nho nếu chẳng trái với ba phước của Tịnh nghiệp thì Sư ắt đều nêu tỏ đến tột cùng. Văn lẫn nghĩa đều tao nhã, mực thước, do vậy Lạc Dương giấy đắt đỏ[314], người ta tranh nhau thỉnh đọc. Vì thế, những thiện nam tín nữ hâm mộ đạo đức của Sư, khát vọng được làm đồ đệ ngày càng đông đảo. Hoặc là vượt biển trèo non để thỉnh cầu Sư rộng lòng tiếp độ, hoặc thư qua tin lại, cầu xin ban pháp danh. Hơn hai mươi mấy năm qua, người quy y dưới tòa của Sư quả thật chẳng thể tính đếm được! Ngay cả những người vâng theo lời dạy tu hành, ăn chay niệm Phật, tinh tu Tịnh nghiệp được toại ý sanh Tây cũng khó thể nêu trọn. Văn tự của Sư nhiếp hóa chúng sanh, lợi ích thế gian chẳng thể nghĩ bàn!

Những lời Sư chỉ dạy người học đi thẳng vào tai, chỉ bày tận mặt, vốn phát xuất từ kinh luận, lưu lộ từ tim gan, chẳng lìa nhân quả, chẳng dính dấp thói văn chương sáo rỗng. Những kẻ đáng được chiết phục dẫu là bậc tôn túc trong nhà Thiền hay kẻ đứng đầu giới Nho sĩ, hễ gặp mặt liền bị Sư quở trách; [còn kẻ không có cơ duyên chiết phục được], dẫu là những vị quan chức hiển đạt, Sư vẫn trọn chẳng nhờ cậy đến. Kẻ đáng nhiếp thọ, dẫu hàng hậu sinh mạt học, Sư cũng chưa từng cự tuyệt, khước từ. Dẫu là nông phu, nữ tỳ, Sư cũng ưu ái đáp lời [thỉnh hỏi]. Một niềm hoài bão "lợi khắp ba căn" bình đẳng; không mang ý niệm thân - sơ, chỉ dựa theo lý. Nhưng Sư nghĩ: Thời cuộc đang buổi cuối mùa, nếu không đề xướng nhân quả báo ứng sẽ chẳng thể vãn hồi thói tệ suy đồi nhằm uốn nắn lòng người; căn cơ con người kém hèn nếu không có thật hạnh tín nguyện niệm Phật, quyết chẳng thể liễu sanh tử, thoát luân hồi.

---

[314] Nguyên văn *'chỉ quý Lạc Dương'* (giấy đắt đỏ tại Lạc Dương); đây vốn là một thành ngữ chỉ văn chương hay đẹp được mọi người đua nhau sưu tập, sao chép, săn đón. Nguyên ủy của thành ngữ này là do trong đời Tấn, Tả Tư viết bài Tam Đô Phú rất hay, những nhà giàu có tại kinh đô Lạc Dương đua nhau cho người sao chép đến nỗi giá giấy ở Lạc Dương đắt vọt hẳn lên.

Vì thế, chẳng nề sang - hèn, hiền - ngu, trai - gái, già - trẻ, hễ có ai thưa hỏi, Sư đều dùng thật sự, thật lý "không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi" để ra rả nhắc nhở, khơi gợi, khiến cho ai nấy sanh lòng cảnh tỉnh, thấu hiểu sâu xa, lập được căn cơ làm người, sống trong cõi đời. Tiến hơn nữa là dùng con đường trọng yếu, bằng phẳng "thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để dạy người ta thiết thực phụng hành hòng làm đường tắt nhằm siêu phàm nhập thánh. Tuy thấu hiểu Tông - Giáo sâu xa, Sư trọn chẳng bàn huyền nói diệu, [chỉ nói những lời lẽ cụ thể, thông tục] khiến cho ai nấy đều hiểu biết và hành được. Kẻ nghe dạy không ai chẳng được hưởng lợi ích. Đấy chính là như Liên Trì đại sư đã bàn định về Biện Dung lão nhân[315] như sau: *"Đấy chính là chỗ đáng kính của ông cụ ấy!"*

Do Sư bình thường, thiết thực, không có gì kỳ lạ, ngôn - hạnh hợp nhất, cho nên những kẻ chân tu thật sự thực hành đều thích thân cận đến nỗi những kẻ gõ cửa quan phòng để hỏi đạo cũng nhiều chẳng thể đếm xuể! Hơn nữa, Sư coi trọng pháp, tôn kính đạo, danh văn lợi dưỡng đều chẳng bận lòng. Năm Dân Quốc 11 *(1922, Sư sáu mươi hai tuổi),* Tri Sự huyện Định Hải là Đào Tại Đông, Đạo Doãn đạo Cối Kê là Hoàng Hàm Chi ghi chép tổng hợp về đạo hạnh của Sư trình thỉnh Đại Tổng Thống Từ [Thế Xương] ban tặng một tấm biển ngạch "Ngộ Triệt Viên Minh" gởi tới Phổ Đà, hương hoa cúng dường, cực thịnh một thời, Tăng - tục ngưỡng mộ, vui thích. Sư dường như chẳng hay biết, có người hỏi đến, Sư đáp bằng những lời lẽ như: "Đã dựng lầu gác trong hư không, chẳng có thật đức, hổ thẹn khôn cùng, có gì vinh dự đâu?" Nay đang gặp lúc cõi đời bước vào vận Mạt, con người ganh đua sùng chuộng khoe khoang rỗng tuếch, tư cách điềm đạm, thanh bạch như Sư thật đáng đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn đang ụp xuống, làm cột chống giữa dòng [nước chảy xiết], dù đạo hay tục đều được hưởng rất nhiều điều tốt đẹp.

---

[315] Biện Dung hòa thượng là vị đại lão trong Tông môn thời đại sư Liên Trì mới học đạo. Nghe danh, ngài Liên Trì liền lặn lội tới xin tham yết. Khi tới chân núi, Sư đi bằng đầu gối, lết tới trước tòa của ngài Biện Dung, tỏ ý cung kính tột bậc. Ngài Biện Dung dạy: *"Ông hãy nên giữ bổn phận, đừng tham danh cầu lợi, đừng vin nắm, chỉ cần nhân quả phân minh, nhất tâm niệm Phật".* Người đứng xung quanh phì cười, cho là ngài Liên Trì đã tốn công cung kính vô ích ; nhưng ngài Liên Trì trân trọng cảm tạ sâu đậm, thường nói được ngài Biện Dung ban lời khai thị ấy, Sư dùng cả đời vẫn không hết.

Sư tiết kiệm đối với chính mình, nhưng đối xử nồng hậu với người. Hễ được thiện tín nam nữ cúng dường tiền hương kính đều đem gieo phước điền thay cho người ta, dùng tiền ấy để lưu thông kinh sách và cứu tế kẻ đói nghèo, chỉ cân nhắc nặng - nhẹ để xem chỗ nào cần cứu gấp trước rồi thực hiện! Như trong năm Dân Quốc 15 *(1926, Sư sáu mươi sáu tuổi)*, Trường An bị vây hãm. Sau khi Trường An được giải vây, Sư liền vội gom món tiền ba ngàn đồng vốn định dùng in Văn Sao để cậy người mau đem gởi đi cứu tế.

Hễ nghe cấp báo chỗ nào bị tai nạn, Sư liền tận lực đề xướng quyên trợ để mong cứu giúp. Năm Dân Quốc 24 *(1935, Sư đã bảy mươi lăm tuổi),* Thiểm Tây bị hạn hán dữ dội, nhận được thư thông báo của cư sĩ Vương Ấu Nông, Sư liền lấy sổ ngân hàng, sai người chuyển gấp một ngàn đồng sang đó để cứu trợ nhanh chóng. Chuyển xong, lại bảo thầy Đức Sâm duyệt sổ sách, thấy trong trương mục chỉ còn hơn một trăm đồng! Hết thảy những khoản tiền cần dùng trong chùa Báo Quốc đều nhờ vào đấy để duy trì, Sư cũng không bận tâm tới.

Năm Dân Quốc 25 *(1936, Sư bảy mươi sáu tuổi),* nhận lời thuyết pháp trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai ở Thượng Hải, nghe tình hình Tuy Viễn gặp tai nạn nghiêm trọng, Sư liền nói rõ với đại chúng, đem món tiền hương kính của hơn một ngàn người quy y cầu giới lúc ấy tổng cộng là hai ngàn chín trăm mấy mươi đồng đều quyên tặng hết, rồi lại tự đề xướng bằng cách bỏ ra khoản tiền một ngàn đồng vốn dùng để in sách. Khi trở về Tô Châu, mọi người ra trạm xe đón tiếp Sư, thỉnh Sư ghé Linh Nham để xem cảnh tượng trong gần một năm qua; Sư đang gấp rút trở về Báo Quốc để lấy sổ ngân hàng rút tiền đem gởi đi cứu trợ, nhưng rồi cũng theo mọi người lên núi, Sư liền chỉ dạy đại chúng hãy cứu giúp tai nạn. Tấm lòng Sư [cứu trợ tai ương] sâu đậm giống như chính mình đang bị đói, bị chết đuối đều luôn giống như vậy.

Các cư sĩ Ngụy Mai Tôn, Vương Ấu Nông v.v… phát khởi thành lập chùa Pháp Vân làm đạo tràng phóng sanh niệm Phật ở sông Tam Xoa, Nam Kinh, thỉnh Sư tham gia và ước định quy củ nhà chùa. Tiếp đó, do cư sĩ Nhậm Tâm Bạch thương lượng, thỉnh các vị đại cư sĩ ở Thượng Hải như Phùng Mộng Hoa, Vương Nhất Đình, Diêu Văn Phu, Quan Quýnh Chi, Hoàng Hàm Chi v.v… sáng lập viện Mồ Côi Phật Giáo tại đấy, mỗi mỗi đều nhờ cậy vào oai đức, danh vọng của đại sư để khơi gợi lòng tin tưởng của người khác hòng được thành tựu.

Hơn nữa, đối với chuyện nuôi dạy con em nghèo hèn trong viện Mồ Côi, Sư càng cực lực giúp cho thành tựu. Khoản kinh phí cho viện Mồ

Côi do Sư khuyên người khác giúp đỡ và do chính Sư quyên tặng đều là những con số khá lớn. Ngay như viện Mồ Côi do hội Phật giáo thành phố Thượng Hải đảm nhiệm, cũng được Sư cực lực giúp đỡ.

Đối với chuyện pháp thí thì kể từ khi ấn tống An Sĩ Toàn Thư và sáng lập Hoằng Hóa Xã trở đi, trong hai mươi mấy năm ấn hành các loại kinh sách không dưới bốn năm trăm vạn bộ, hình Phật cũng hơn trăm vạn bức. Hoằng dương pháp hóa cũng thấm đẫm rộng khắp trong ngoài nước. Nhìn chung, mỗi một lời nói, mỗi một hạnh của Sư không gì chẳng nhằm thay Phật tuyên nói, giáo hóa để mong cứu vãn thế đạo, nhân tâm, khiến cho hiền tài được nẩy sanh nhằm tạo phước cho nước, làm lợi cho dân.

Đối với bản thân, Sư chỉ ăn cho khỏi đói, chẳng cầu ngon miệng, áo chỉ đỡ lạnh, chán bỏ những thứ đẹp đẽ, rực rỡ. Có ai cúng dường những quần áo, thức ăn quý đẹp, Sư không từ khước nhưng cũng chẳng dùng, đem tặng ngay cho người khác. Nếu là những phẩm vật thông thường, Sư liền bảo giao cho nhà kho để đại chúng cùng hưởng, quyết chẳng tự dùng. Đấy tuy là hạnh nhỏ, nhưng cũng đáng để Phật tử trong đời Mạt tôn kính noi theo.

Sư duy trì bảo vệ pháp môn, công khó nghĩ bàn! Trọng yếu nhất là như trước khi xảy ra cuộc chiến với Âu Châu, chánh phủ có quyết nghị về chuyện dời kiều dân Đức Quốc đến ở tại Phổ Đà. Sư sợ gây trở ngại cho sự thanh tu của đại chúng liền đặc biệt gởi thư cho cư sĩ Trần Tích Châu cậy ông này trình bày cặn kẽ với những nhân vật quan trọng. Việc ấy liền bị bãi bỏ.

Năm Dân Quốc 11 *(1922, Sư sáu mươi hai tuổi)*, các vị như hội trưởng Hội Ước Vọng Thực Hiện Thành Tựu Nghĩa Vụ Giáo Dục tỉnh Giang Tô đệ trình lên tỉnh trưởng kế hoạch mượn chùa miếu để làm trường học xin chuẩn y, Tri Sự Định Hải là Đào Tại Đông gởi thư cho Sư cậy cứu vãn. Sư lập tức viết xin hai vị Vương Ấu Nông, Ngụy Mai Tôn tìm cách lo liệu và nhờ hòa thượng Diệu Liên bôn ba, liền được chánh quyền đương thời ban hành sắc lệnh bảo vệ rõ ràng.

Năm Dân Quốc 16 *(1927, Sư sáu mươi bảy tuổi)*, tình thế chánh trị bắt đầu thay đổi, tài sản nhà chùa trọn không có gì bảo vệ, mấy lần sắp bị họa diệt giáo, nhưng Phổ Đà đứng mũi chịu sào, do Sư xả mạng tận lực đấu lý mới kéo dài được hơi tàn. Tới khi ông X… khi nắm quyền Nội Chánh[316], mấy lượt đề nghị tịch thâu tài sản nhà chùa để khuếch trương

[316] Trước đấy, đại tổng thống Phùng Ngọc Tường của chánh quyền Bắc Dương đã mượn cớ đả đảo mê tín để chiếm đoạt tài sản các chùa Bạch Mã, Thiếu Lâm, Tướng

giáo dục, rốt cuộc tăng - tục cả nước đều kinh hoảng bó tay. May mắn là Sư và cụ Đế Nhàn ở Thượng Hải đã tập hợp các vị cư sĩ nhiệt tâm hộ pháp cùng thương nghị, trước hết trình bày cặn kẽ với ông X… tiếp đó phái đại biểu đi thỉnh nguyện. Bàn bạc rồi chưa kịp thực hiện, gặp lúc ông X… sắp về nghỉ, lại ban hành điều lệ đuổi Tăng đoạt tài sản nhằm chiếm đoạt theo thứ tự hòng đạt mục đích diệt tôn giáo. May mắn là khi điều lệ vừa được công bố, ông X… liền phải chuyển giao quyền lực, Bộ Trưởng Triệu Thứ Lũng tiếp nhận chức vụ ấy. Sư đặc biệt gởi thư trình bày biện pháp, quyết định ấy liền bị thủ tiêu không còn dấu vết. Tiếp đấy, Sư nhờ các vị cư sĩ như Tiêu Dịch Đường v.v... dốc sức chạy vạy, điều lệ ấy mới được tu chỉnh, tăng lữ được bình an.

Năm Dân Quốc 22-23 *(1933-1934, Sư 73, 74 tuổi)*, ngôi chùa cổ Tư Phước ở huyện Phụ Dương, tỉnh An Huy là nơi vẫn còn ba bức tượng Phật do Uất Trì Kính Đức[317] đã tạo trong thời Đường, cả chùa bị chiếm làm trường học. Bích Sơn Tự và thảo am Quảng Tế ở núi Ngũ Đài tỉnh Sơn Tây gặp phải ách vận ngang trái, hai nơi đều phải ra kiện tụng nơi cửa công. Chánh quyền địa phương nghe lời trình bày của một bên, hai chùa sắp phải phế diệt; mỗi nơi đều được Sư gởi một bức thư, đột nhiên xoay chuyển được sự nhận thức của chính quyền. Nhờ đấy, chùa Quảng Tế được lập vững vàng thành một đạo tràng thập phương chân chánh, thành một cơ sở để vĩnh viễn yên tâm tu đạo. Chùa Tư Phước cũng nhờ đấy mà được bảo toàn, dần dần được trung hưng.

Quốc tại Hà Nam, đồng thời trục xuất tăng ni, bắt họ hoàn tục. Bộ trưởng Nội Chánh Bộ (tức bộ trưởng bộ Nội Vụ) thời ấy chính là Tiết Đốc Bật, là người đã ban hành sắc lệnh Quản Lý Chùa Miếu gồm 21 điều, dung dưỡng cho các quan chức địa phương và bọn tay chân thừa cơ mượn danh biến chùa miếu thành trường học để cướp đoạt chùa miếu ở rất nhiều nơi, nhất là vùng Giang Tô.

Tiết Đốc Bật (1889-9173), người huyện Giải, tỉnh Sơn Tây, từng là đảng viên cốt cán của Quốc Dân Đảng, thoạt đầu làm Thứ Trưởng Bộ Tư Pháp của chánh quyền Bắc Dương, rồi tỉnh trưởng tỉnh Cam Túc, bộ trưởng Dân Chánh, rồi làm bộ trưởng Nội Chánh. Do vụ chiếm đoạt tài sản chùa miếu gây nên công phẫn lớn lao trong giới Tăng tục, chánh phủ Bắc Dương của Phùng Ngọc Tường phải điều ông ta sang làm bộ trưởng bộ Thủy Lợi. Năm 1948, ông từ bỏ chức vụ đi làm luật sư tại Thượng Hải. Không rõ bằng cách nào, vào năm 1955, ông ta lại tái xuất hiện làm Phó Chánh Ủy thành phố Thượng Hải dưới thời Mao Trạch Đông, rồi leo dần lên tới chức vụ ủy viên Bộ Chánh Trị của đảng Cộng Sản Trung Quốc cho đến khi mất.

[317] Uất Trì Cung (585-658), tự là Kính Đức, người xứ Thiện Dương, Sóc Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), danh tướng khai quốc đời Đường, cùng với Tần Quỳnh được coi là hai vị Môn Thần (thường được người Hoa vẽ hai bên cửa vào dịp Tết, hoặc họa hình trên cổng các miếu thờ thần để xua đuổi, trấn áp ma quỷ).

Năm Dân Quốc 24 *(1935, Sư bảy mươi lăm tuổi)*, trong hội nghị giáo dục toàn quốc, trưởng ty giáo dục X… đề nghị sung công tài sản nhà chùa trong cả nước làm tài sản cho cơ quan giáo dục[318], biến chùa miếu trong toàn quốc thành trường học, lập nghị quyết, nộp lên bộ Nội Chánh, viện Đại Học để xin xét duyệt, đăng tải trên báo chí. Mọi người chấn động, kinh sợ. Khi ấy, Lý Sự Trưởng hội Phật Giáo là pháp sư Viên Anh và các Sư giữ chức Ủy Viên Xử Lý Thường Vụ như Đại Bi, Minh Đạo, các vị cư sĩ như Quan [Quýnh Chi], Hoàng [Hàm Chi], Khuất [Văn Lục] v.v… cùng đến gõ cửa quan phòng của Sư tại Báo Quốc xin ý kiến. Sư khuyên họ nên gắng sức bảo vệ đạo và chỉ bày biện pháp. Họ trở về Thượng Hải nhóm họp, công khai đề cử đại biểu lên bộ thỉnh nguyện. Nhờ Sư sáng suốt hướng dẫn, giáo nạn giải trừ.

Tài sản nhà chùa ở Giang Tây từ năm Dân Quốc 22 (1933) đến năm Dân Quốc 25 *(1936, Sư bảy mươi sáu tuổi)*, trong vòng bốn năm, ba lần bão táp dấy động lớn lao, gần như lâm vào tình thế bị diệt sạch không còn gì! Tuy do Đức Sâm nhiều năm kiệt lực kêu gào, hội Phật giáo Trung Quốc cũng nhiều lần lập cách giải trừ, rốt cuộc được từ quang của Sư gia bị, cảm động các vị đại hộ pháp cùng đứng lên lo toan, cứu vãn khiến cho mỗi mỗi đều đạt đến kết quả mỹ mãn, giữ gìn an toàn. Đấy là những chuyện lớn lao dễ thấy, chứ còn những chuyện vặt vãnh khác thì qua một lá thư, hoặc mấy lời [nhắn nhủ], liền tiêu trừ được kiếp nạn, cởi gỡ mầm họa thì lúc nào, nơi đâu cũng thường có, không thể kể hết được! Nếu không phải là đạo đức của Sư đủ để trên cảm được trời rồng, dưới động được lòng người, há được như thế hay sao?

Lòng vô duyên từ bi của Sư thấm đến nhà tù và các dị loại. Năm Dân Quốc 11-12 (1922-1923), nhận lời thỉnh của Tri Sự huyện Đông Hải là Đào Tại Đông chọn lựa giảng sư đến nhà giam tuyên giảng, Sư bèn sai pháp sư Trí Đức tiếp nhận lời thỉnh. Sư dạy hãy tuyên giảng An Sĩ Toàn Thư v.v… nói đến các ý chỉ trọng yếu như nhân quả báo ứng, pháp môn

[318] Nhân vật X nói ở đây là Thai Sảng Thu (1897-1976), vốn là người huyện Thai, tỉnh Giang Tô. Ông ta tốt nghiệp với học vị thạc sĩ giáo dục tại đại học Chicago, rồi tiến sĩ giáo dục tại đại học Columbia, Hoa Kỳ. Kể từ năm 1931, ông ta đã nhiều lần đề nghị kế hoạch cướp đoạt chùa miếu để biến thành trường học. Trong năm 1935, trong hội nghị giáo dục ông ta đã công khai kiến nghị và thuyết phục giáo chức tiến hành. Họ Thai từng đảm nhiệm giáo sư đại học, hiệu trưởng, viện trưởng các trường đại học tại Hoa Nam, từng làm Ủy Viên của Giáo Dục Ủy Viên Hội dưới thời Dân Quốc. Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, ông ta lại chạy vạy để được phân công về dạy tại đại học Phụ Nhân rồi dạy tại đại học Bắc Kinh cho đến khi về hưu.

Tịnh Độ, nhiều tù nhân cũng được cảm hóa. Đến khi các vị cư sĩ Vương Nhất Đình, Trầm Tinh Thúc v.v… ở Thượng Hải đề xướng thành lập Giang Tô Giám Ngục Cảm Hóa Hội (hội cảm hóa tù nhân Giang Tô) thỉnh Sư làm hội trưởng danh dự, giảng sư Đặng Phác Quân, Thích Tắc Châu *(đây là tên ngoài đời của thầy Minh Đạo)*, Kiều Tuân Như v.v… đều là đệ tử quy y của Sư. Do được Sư dạy, họ đều lấy *"tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt"* và chú trọng nhân quả, đề xướng Tịnh Độ làm những hạng mục chủ yếu để giảng diễn. Cai tù, phạm nhân nhờ đó sửa lỗi hướng thiện, những kẻ hướng lòng về đại pháp, ăn chay niệm Phật cũng rất đông.

Đối với dị loại thì trong tháng Hai năm Dân Quốc 19 *(1930, Sư bảy mươi tuổi)*, từ chùa Thái Bình ở Thượng Hải dọn đến Báo Quốc tại Tô Châu, rệp bám theo chăn màn, rương đựng quần áo, cực nhiều. Chúng sanh trưởng đông đúc đến nỗi từ quan phòng, phòng khách, cho đến cửa sổ và ghế ở bên ngoài từ Hạ đến Thu đâu đâu cũng thường thấy rệp bò qua, bò lại. Có đệ tử nghĩ Sư tuổi già chẳng kham bị chúng quấy nhiễu, từng nhiều lượt xin vào quan phòng thay Sư bắt cho hết, Sư đều cứng cỏi cự tuyệt không chấp thuận, lại nói: *"Chuyện này chỉ trách chính mình thiếu đạo đức. Bậc cao tăng thời cổ chẳng chịu đựng được rận rệp quấy nhiễu, bèn nói: 'Súc sanh! Bọn ngươi đến quấy rối quá, hãy dọn đi nơi khác', rận rệp liền kéo nhau bỏ đi. Ta nay tu trì không ra gì, chẳng có cảm ứng ấy, còn nói chi nữa?*" Rồi cứ điềm nhiên ở, trọn chẳng để ý tới.

Đến năm Dân Quốc 22 *(1933, Sư bảy mươi ba tuổi)*, rệp tự nhiên tuyệt tích, Sư cũng chẳng bảo với ai. Đến tiết Đoan Ngọ gần đây, Đức Sâm chợt nhớ tới, hỏi Sư, Sư đáp: "Không còn nữa!" Sâm cho rằng Sư tuổi già mắt hoa, vì thế nằng nặc xin vào trong phòng kiểm tra. Quả thật đã hết sạch, trọn chẳng còn tung tích gì nữa! Đấy cũng là chúng vì Sư mà dọn nhà đi rồi!

Trong khi bế quan, ngoài công khóa Tịnh nghiệp ra, Sư thường trì chú Đại Bi gia trì vào nước hay gạo, đem ban cho những người bệnh nguy ngập thầy thuốc đã bó tay liền thấy hiệu nghiệm lạ lùng. Một ngày nọ, tại lầu Tàng Kinh chùa Báo Quốc phát hiện có vô số mối, Sư ở trong núi nghe tiếng, ban nước Đại Bi bảo đem rưới lên. Từ đấy, mối cũng tuyệt tích. Đấy chính là chuyện trong mùa Hạ năm Dân Quốc 27 (1938), pháp lực thần ứng của Sư rất nhiều chuyện giống như thế.

Sư vốn chẳng thích quyến thuộc, vì thế không có đệ tử xuất gia thế độ. Nhưng khát ngưỡng, thân cận, nhiều phen được vâng nhận giáo huấn, thấm gội pháp ích sâu đậm thì hai chúng tại gia chẳng thể kể xiết, tăng lữ

xuất gia trừ lão pháp sư Đế Nhàn là liên hữu thân thiết nhất ra, những kẻ được Sư nhiếp thọ đã lâu, nuôi nấng bằng pháp nhũ, nhưng vẫn được Sư đối đãi như liên hữu thì có hòa thượng Liễu Dư đã mất, hiện thời còn hai vị hòa thượng Liễu Thanh và Chân Đạt. Đích thực được xếp vào hàng học trò, đã qua đời là các thầy Viên Quang, Khang Trạch, Huệ Cận, Minh Đạo, hiện tại vẫn còn thì có hai vị hòa thượng Diệu Liên, Tâm Tịnh và hai thầy Liên Nhân, Minh Tây, Diệu Chân, Liễu Nhiên, Đức Sâm v.v… cùng các sư hiện thời sống tại hai chùa Linh Nham và Báo Quốc. Đấy chỉ là nói về những kẻ thường thân cận Sư đã lâu, chứ những người được Sư chỉ dạy, nâng đỡ nhiều lượt, gội ân, đội đức còn hơn ân sư thế độ, hoặc tùy duyên thưa hỏi, gởi thư hỏi đạo và gội ân trạch do đọc Văn Sao của Sư và các sách do Sư lưu thông thì cũng chẳng thể nào kể xiết!

Sư tuy không thâu nhận đồ đệ, nhưng đa số những Phật tử chân chánh trong ngoài nước quả thật đều tôn Sư làm thầy. Sư lại từng thề chẳng làm Trụ Trì chùa miếu, tự làm khách sống tại Pháp Vũ, hai mươi mấy năm, giấu kín tung tích, tu tập chuyên ròng, rất ít qua lại với người khác. Từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918), in An Sĩ Toàn Thư trở đi, nhiều lượt do có việc phải đến đất Hỗ, khổ nỗi thiếu chỗ yên cư. Năm Dân Quốc 11 (1922), khi Chân Đạt tu bổ chùa Thái Bình đã lập riêng một gian tịnh thất cho Sư. Từ đấy mỗi khi đến đất Hỗ, Sư luôn cắm tích trượng tại Thái Bình. Các vị quân tử tận lực bảo vệ pháp môn như Ngụy Mai Tôn ở Nam Kinh, Vương Ấu Nông ở Tây An, Vương Huệ Thường ở Duy Dương, Hứa Chỉ Tịnh ở Giang Tây, Phạm Cổ Nông ở Gia Hưng, các vị cư sĩ Phùng Mộng Hoa, Thí Tỉnh Chi, Vương Nhất Đình, Văn Lan Đình, Châu Tử Kiều, Khuất Văn Lục, Hoàng Hàm Chi, Quan Quýnh Chi v.v… tại Thượng Hải hoặc do chuyện riêng mà hỏi đạo, hoặc vì làm chuyện từ thiện trong xã hội mà phải thưa hỏi cũng có lúc đến Thái Bình, xin Sư chỉ dạy. Còn như các nơi gởi thư càng khó thể kể xiết. Danh tiếng của Thái Bình Lan Nhã được lan truyền khắp xa gần, cũng do Sư mà được rạng rỡ.

Đến năm Dân Quốc 17 *(1928, Sư sáu mươi tám tuổi),* nhân chán ngán giao thông quá thuận tiện, thư từ quá nhiều, công chuyện quá bận bịu, Sư gấp muốn tìm chỗ quy ẩn. Chân Đạt bèn cùng với các vị đại cư sĩ Quan Quýnh Chi, Trầm Tinh Thúc, Triệu Vân Thiều bàn bạc. Ba vị cư sĩ liền dâng chùa Báo Quốc ở Tô Châu để cúng dường, liền sai hai vị Hoằng Tán và Minh Đạo sang đấy tiếp nhận trước. Chân Đạt dùng mấy ngàn đồng trùng tu.

Vì thế, năm Dân Quốc 18 (1929), Sư rời núi [Phổ Đà] qua Thượng Hải, giảo duyệt ấn hành các sách, gấp mong kết thúc để quy ẩn. Khi ấy, có mấy vị cư sĩ đệ tử ở Quảng Đông như Hoàng Tiểu Vỹ v.v… tạo dựng tinh xá, quyết muốn đón Sư sang Hương Cảng, Sư đã nhận lời qua đấy. Chân Đạt do thấy miền Giang - Chiết là vùng đất Phật tín chúng rất đông, một mực kiên quyết giữ lại. Rốt cuộc do có pháp duyên, tháng Hai năm Dân Quốc 19 *(1930, Sư bảy mươi tuổi),* Sư sang Tô Châu, liền bế quan ngay tại Báo Quốc. Trước đấy tại Linh Nham ở Mộc Độc, Chân Đạt đã thỉnh ý Sư, lập ra đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh nghiệp, hết thảy quy ước, chương trình đều vâng theo chí hướng của Sư để định. Ba bốn năm qua, do nhà cũ chật hẹp, chẳng đủ chỗ chứa đại chúng, đúng là phải tìm cách sửa chữa xây dựng viện, phòng, lo liệu tu bổ. Gặp đúng dịp Sư đến đất Tô, rất gần Linh Nham, xếp đặt trong ngoài, có nhiều duyên gặp gỡ Sư để xin ý kiến, vâng theo lời chỉ dạy. Ngày càng chấn hưng, Linh Nham cho đến nay được tôn là đạo tràng thứ hai của Tịnh tông nước ta há có phải là ngẫu nhiên ư?

Trong khi bế quan, vào những khi rảnh rỗi ngoài lúc tụng niệm công khóa ra, Sư tu chỉnh hoàn bị các bộ Sơn Chí của Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa v.v… và trả lời thư từ của đệ tử, học nhân vấn pháp. Nay bốn bộ Sơn Chí đã sớm được xuất bản, lưu thông, các thư từ phúc đáp cũng đã có Văn Sao Tục Biên ấn hành, đa phần đều là những lá thư sau khi Sư đã đến Tô Châu ban ra. Có thể nói là hằng thuận chúng sanh chẳng hề nhọc mệt vậy!

Đến mùa Đông năm Dân Quốc 26 *(1937, Sư bảy mươi bảy tuổi),* do thời cuộc bức bách, do tình thế chẳng thể sống tại nội thành Tô Châu được nữa, bất đắc dĩ, thuận theo lời thỉnh của bọn Diệu Chân v.v… Sư dời tích trượng sang Linh Nham, an cư mới được trọn ba năm, nào ngờ ngôi chùa nơi Trí Tích Bồ Tát hiển thánh lại trở thành chỗ thầy bọn ta thị tịch quy chân?

Sư thị tịch biết trước lúc mất. Mùa Xuân năm Dân Quốc 29 (1940), trong thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh có viết: *"Nay đã tám mươi, sáng chẳng đảm bảo được tối"*. Lại nói: *"Quang là kẻ sắp chết, đâu có thể lưu lại quy củ ấy?"* Đến mùa Đông, nhằm ngày Hai Mươi Bảy tháng Mười, Sư thị hiện bệnh nhẹ, đến Một giờ chiều ngày Hai Mươi Tám, liền triệu tập toàn thể các chức sự trong núi và các cư sĩ đến quan phòng hội đàm, bảo đại chúng rằng: *"Chức vụ Trụ Trì Linh Nham không thể bỏ trống lâu hơn nữa, liền sai Diệu Chân đảm nhiệm"*. Đại chúng tán đồng, bèn định lấy ngày mồng Chín tháng Mười Một là kỳ hạn nhậm chức, Sư

bảo "trễ quá!" liền đổi thành ngày mồng Bốn, vẫn nói "Trễ rồi!" Sau đấy chọn ngày mồng Một, Sư gật đầu nói: "Được đấy!", liền khai thị cho đại chúng về đường lối của bổn tự hơn hai tiếng đồng hồ. Về sau, tuy tinh thần đã suy dần, vẫn an nhiên cùng với các vị như Chân Đạt v.v… bàn bạc mọi chuyện điềm nhiên, thư thái như thường, chẳng có dáng vẻ bệnh tật gì.

Tối ngày mồng Ba, Sư dùng được một chén cháo loãng. Ăn xong, Sư bảo bọn Chân Đạt: *"Pháp môn Tịnh Độ trọn chẳng có gì lạ lùng, đặc biệt chi khác, chỉ cốt sao khẩn thiết chí thành không ai chẳng được Phật tiếp dẫn, đới nghiệp vãng sanh".* Sau đấy, Sư tỏ vẻ mệt nhọc, nhiệt độ thân thể giảm xuống. Một giờ rưỡi sáng ngày mồng Bốn, Sư từ giường ngồi dậy nói: *"Niệm Phật thấy Phật, quyết định sanh Tây".* Nói xong liền lớn tiếng niệm Phật. Hai giờ mười lăm phút, bảo đem nước rửa tay xong, đứng dậy nói: *"Được A Di Đà Phật tiếp dẫn, ta phải đi rồi. Mọi người phải niệm Phật, phải phát nguyện, phải sanh Tây Phương".* Nói xong, liền chuyển sang ngồi trên ghế, mặt hướng về Tây, thân ngồi ngay ngắn. Hơn ba giờ, thầy Diệu Chân đến, được Sư dặn dò: *"Ngươi phải duy trì đạo tràng, hoằng dương Tịnh Độ, đừng học thói kẻ cả"*, rồi sau đó không nói gì nữa, môi chỉ mấp máy niệm Phật, đến gần năm giờ, trong tiếng niệm Phật của đại chúng, Sư an tường về Tây.

Dựa theo sự việc trong mấy ngày ấy, hết thảy sự xếp đặt như gấp rút cử Diệu Chân thật sự giữ chức Trụ Trì v.v… tuy chẳng nói rõ nguyên do, nhưng đích thực là bản lãnh đã biết trước lúc mất. Thân không có hết thảy bệnh khổ, ách nạn, tâm không có hết thảy tham luyến, mê hoặc, các căn vui vẻ, thư thái, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiền Định. Xét ra, Sư suốt đời tự hành, dạy người và tướng lành lúc lâm chung, phẩm sen vãng sanh quyết chẳng thể là Trung, Hạ được!

Sư sanh vào giờ Thìn ngày Mười Hai tháng Chạp năm Hàm Phong 11 (1861), tức năm Tân Dậu, tịch vào giờ Mão ngày mồng Bốn tháng Mười Một năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 (1940), thọ tám mươi tuổi, Tăng lạp sáu mươi năm. Linh Nham nhờ Sư mà được trung hưng, lại được Sư thị hiện khuôn mẫu sanh Tây, thời tiết nhân duyên, có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn được! Do vậy, cung kính chọn trong năm sau, tức năm Tân Tỵ, nhằm ngày Rằm tháng Hai, đúng ngày Phật nhập Niết Bàn, đúng dịp Sư về Tây được một trăm ngày, liền nổi lửa trà-tỳ[319], kính

[319] Trà-tỳ (Jhāpeti), còn phiên âm là Xà Tỳ, Xà Tỵ, Da Duy, có nghĩa là hỏa thiêu.

đưa linh cốt về lập tháp thờ tại vách Đông Nam của rặng Thạch Cổ trong núi này.

Sư lá rụng về cội, ngộ chứng như thế nào, bọn phàm phu sát đất chúng ta đều chẳng có Tha Tâm Đạo Nhãn không dám bình luận xằng bậy! Chỉ đọc bộ Văn Sao của Sư mấy lượt được ấn hành và bộ Tục Biên mới được in trong năm nay và các sách do Sư đích thân lưu thông cũng như hạnh chân thật "đề xướng niệm Phật, phát huy những chỗ nhiệm mầu trong lẽ đạo, tự hành, dạy người, chuyên dốc thiết tha tu trì" đủ chứng tỏ Sư là bậc thừa nguyện tái lai không còn ngờ chi nữa. Phàm ai tín nguyện niệm Phật, thấu hiểu tông chỉ đích xác của Tịnh tông, sẽ chẳng đến nỗi còn có những bàn bạc, nghi ngờ chi cả! Bọn Chân Đạt được theo hầu Sư lâu nhất, biết khá cặn kẽ, nay lược thuật đại khái hạnh nghiệp của Sư, ghi thành bài ký.

Mồng Tám tháng Chạp năm Canh Thìn, Trung Hoa Dân Quốc năm 29 (1940), Chân Đạt, Diệu Chân, Liễu Nhiên, Đức Sâm v.v… đảnh lễ kính thuật.

2. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Trạm của pháp sư Hoằng Nhất

(tháng Hai năm 1923 tại Ôn Châu)

Đạo tịch, sổ vàng quyên mộ của cư sĩ Tâm Trạm mỗi mỗi đều nhận được đầy đủ. Khắc vội chiếc ấn nhỏ, gởi qua bưu điện để cư sĩ rộng lòng xem tới. Những dụng cụ để khắc đã vứt sạch đi từ lâu, phải dùng dùi sắt để khắc. Chất đá mềm giòn, nếu đeo ấn thì hãy nên dùng vải bọc quanh. Nếu không, chẳng lâu sau, nét khắc trên mặt ấn sẽ bị mòn mất.

Trong các bậc thiện tri thức đương đại, hủ nhân[320] kính phục nhất chỉ có Ấn Quang pháp sư. Năm trước, tôi từng gởi thư trần tình, nguyện ghé dự vào hàng đệ tử. Pháp sư không chấp thuận. Năm ngoái nhằm ngày khánh đản A Di Đà Phật, đối trước Phật đốt hương trên cánh tay, xin nhờ từ lực của Tam Bảo gia bị, lại dâng thư trình bày, thỉnh cầu. Sư vẫn thoái thác. Đến lúc tuổi già lại dốc cạn lòng Thành xót xa khẩn cầu, Sư mới từ bi nhiếp thọ, hoan hỷ mừng rỡ đạt được điều chưa từng có. Bổn địa của pháp sư, chúng ta làm sao suy lường được?

Nếu tự ước theo Tích để luận thì như ông Châu Mạnh Do ở Vĩnh Gia thường nói: *"Pháp Vũ lão nhân vâng giữ yếu chỉ chuyên tu của ngài Thiện Đạo, xiển dương những chỗ tinh vi trong bài Tứ Liệu Giản của*

[320] Hủ nhân: Tiếng tự xưng khiêm tốn của pháp sư Hoằng Nhất. Hủ có nghĩa là mục nát, vô dụng.

ngài Vĩnh Minh, trung chánh giống như Liên Trì, thiện xảo như Vân Cốc, mực thước như ngài Linh Phong (tức đại sư Ngẫu Ích đời Minh), cẩn trọng giống như ngài Tư Phước (tức thiền sư Triệt Ngộ đời Thanh), hoằng dương Tịnh Độ, ngầm bảo vệ các tông, đề xướng rõ ràng Phật pháp, ngấm ngầm cứu vãn phong tục cõi đời, chiết phục hay nhiếp thọ đều trọn từ bi, nói năng hay im lặng không gì chẳng phải là giáo hóa, suốt ba trăm năm qua, chỉ có một mình Sư mà thôi!" Quả là lời nghị luận quyết định chẳng thể sửa đổi được! Mạnh Do lại dặn dò hủ nhân thăm dò những sự tích trong đời lão nhân để soạn thuật truyện văn nhằm chỉ bày cho hậu thế, tôi cũng vâng lời. Mai sau khi tham lễ Phổ Đà, ắt mong được thành tựu nguyện này. Vội vàng trả lời thư, chưa thể nói trọn hết được!

Ngày Bốn tháng Hai, phúc đáp sơ lược vào lúc tảng sáng.

Sao lục từ chỗ Hoằng Nhất pháp sư.

3. Pháp ngữ biệt lục

Nếu nói đến pháp môn Niệm Phật thì chỉ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông yếu. Ba pháp đầy đủ chắc chắn vãng sanh. Nếu không có lòng Tin chân thật, Nguyện thiết tha, dẫu có Hạnh chân thật cũng chẳng thể vãng sanh, huống hồ kẻ hờ hững, hời hợt ư? Ngẫu Ích đại sư dạy: *"Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn"*. Đấy chính là lời bàn luận thường hằng ba đời không thay đổi. Hãy nên nương tựa toàn thân vào đấy ngõ hầu đích thân chứng được lợi ích thật sự.

4. Bổ sung: Những bức thư tổ Ấn Quang trả lời cư sĩ Đức Minh Lý Bỉnh Nam

4.1. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ nhất)

Thưa ông Đức Minh! Thư của ông và bốn mươi đồng tôi đều nhận được. Lòng Thành vì mẹ của ông có thể nói là chí thành không chi hơn được. Nhưng phải dùng lòng chí thành ấy khuyên mẹ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì mới là lòng hiếu hữu ích rốt ráo. Những kẻ mưu tính tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ theo thói tục của thế gian đều là chú trọng bề ngoài, còn tăng thêm tội cho cha mẹ *(như coi dùng món ăn có thịt để phụng dưỡng cha mẹ là hiếu thảo)*, ngược ngạo khiến cho cha mẹ bị đọa lạc *(như lúc lâm chung, tắm rửa, thay quần áo sẵn, chuyện gẫu, an ủi, và khóc lóc cũng như dùng rượu thịt để cúng tế, đãi khách v.v...)* Thứ sự - lý ấy là do tục

nhân chẳng biết, nên cố nhiên chẳng đáng trách, nhưng nếu là đệ tử Phật mà vẫn khăng khăng noi theo tập tục ấy tức là muốn mượn những chuyện đó để chuốc lấy cái tiếng hiếu thảo với cha mẹ, chứ thật ra đã phá hoại nẻo thoát khổ của cha mẹ, thành tựu phương hướng đọa lạc cho cha mẹ. Lòng hiếu ấy khác gì tình yêu của La Sát nữ! *(La Sát nữ bắt lấy người, sắp ăn thịt bèn nói: "Ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi". Những đứa con hiếu của thế gian theo kiểu đó, trong một vạn kẻ có đến hơn chín ngàn chín trăm kẻ, chắc có một hai kẻ chẳng giống như vậy cũng chưa biết chừng).*

Nay gởi cho ông Sức Chung Tân Lương và Tang Tế Tu Tri, lại gởi ba gói sách khác để đáp tạ năm đồng hương kính của ông. Đọc rồi sẽ chẳng tự đến nỗi vì lòng hiếu thảo mà gây lụy cho cha mẹ bị đọa lạc! Sau khi thư ông được gởi tới, có người đến Linh Nham giao ba mươi đồng và thư của ông. Tôi đã bảo thầy Đương Gia đối trước đại chúng đọc lá thư ấy và giải thích, bảo họ sắp đặt cỗ chay hiến cúng nhằm cúng Phật và Tăng và phân phát tiền cúng dường. Lại tụng kinh niệm Phật một buổi, đấy chính là vì lòng Thành của ông, chứ không phải đã thành lệ.

Tại Báo Quốc, trưa hôm Mười Bảy cúng mì, Tăng chỉ có năm vị, có hai vị ra ngoài chưa về, nhằm đúng lúc có bốn vị khách Tăng bèn biếu tặng mỗi vị hai cắc, bảy vị tại gia làm công quả trong chùa cũng được biếu tặng như thế để họ sanh lòng hoan hỷ. Lúc sắp ăn xong, có bốn vị đệ tử từ Thượng Hải tới, khá là hữu duyên. Gần đây, công việc bận bịu quá mức nên phúc đáp chậm trễ. Mong ông hãy sáng suốt soi xét!

Ấn Quang viết trong ngày Mười Chín tháng Tám.

4.2. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ hai)

Thưa ông Đức Minh! Lòng người vốn lành, bị tập khí xoay chuyển, hễ gặp phải kẻ không có lòng tin sẽ thành hủy báng Phật pháp, còn gặp kẻ có lòng chánh tín sẽ liền tu trì Tịnh nghiệp. Xã hội nước nhà hưng vong hay suy bại thì nhìn vào tư cách của vị thủ lãnh như thế nào sẽ biết! Hiện thời đã loạn đến cùng cực, hãy nên dùng sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi để cứu vãn. Đối với những kẻ chịu nghe theo, sẽ lại vì họ nói pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu họ cùng niệm Phật hiệu, cùng sanh về Tây Phương. Đấy là điều trọng yếu nhất.

Ông Lưu viết thư giùm mọi người, họ đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho mỗi người, viết riêng trong một tờ giấy khác. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị cặn kẽ, nay dùng sáu mươi lăm đồng hương nghi (tức tiền hương kính) của bọn họ để gởi

bốn mươi tám gói sách, mỗi thứ đều chia cho tám người ấy mỗi người một bộ. Hễ còn dư thì tặng cho kẻ có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Sau này hễ đọc kỹ các thứ sách ấy thì không mối nghi nào chẳng cởi gỡ, cũng chẳng cần phải gởi thư hỏi han. Hãy nên bảo bọn họ giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, ngõ hầu chẳng phụ chí hướng trong sạch xin cầu quy y trong ngày hôm nay. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây chẳng viết cặn kẽ, xin hãy sáng suốt suy xét để nói với bọn họ.

Ấn Quang kính cẩn phúc đáp vào ngày mồng Một tháng Mười Một.

Gần đây nghe nói có một toa thuốc cai thuốc phiện rất hay: Dùng một tấm vải Tây đỏ vuông một thước, cắt thành hai mươi bốn miếng. Mỗi lần trước khi hút, trước hết lấy que tiêm thuốc găm vào đầu một miếng vải, để một cái chén ở phía dưới. Đốt miếng vải ấy cho tro rớt vào chén, dùng nước sôi hòa tro để uống rồi mới hút. Chẳng đợi đến uống hết những miếng vải ấy thì bệnh ghiền đã hết *(xin hãy thử xem).* Nếu linh nghiệm thì hãy nên truyền bá rộng rãi để cứu cái họa nghiện ngập thuốc phiện.

Chứng đại ma phong (bệnh cùi) là bệnh xưa nay trong ngoài nước không thể chữa lành, nay đã có phương pháp trị lành, cuối cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo có in kèm, xin hãy đọc kỹ. Sau toa cai thuốc phiện lại có toa trị bệnh sốt rét, linh nghiệm cùng cực, không ai chẳng được trị lành. Có người bệnh đã một, hai, ba năm cũng trị một lần là lành. Cũng mong ông hãy nói với khắp hết thảy mọi người. Từ nay bất luận là ai, đừng nên gởi thư tới nữa. Nếu thỉnh kinh sách, hãy nên tiếp xúc thẳng với Hoằng Hóa Xã, chẳng cần phải bảo Quang chuyển. Tái bút.

4.3. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ ba)

Thưa cư sĩ Đức Minh! Lý Viên Tịnh giảo chánh cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy lần đầu, phàm những chữ viết theo lối Tục Thể đều nêu ra đại lược để sửa chữa; cũng có đôi ba chỗ cần phải sửa chữa đôi chút, nay đem gởi đến xin hãy điều chỉnh. Quang lại đọc kỹ một lần nữa, hễ có chỗ nào ngữ ý chưa được trọn vẹn liền bổ túc. Thầy Đức Sâm lại đọc một lần nữa, đổi sang dùng ký hiệu O [trước những câu hỏi đáp] nhằm giản lược lời văn, cũng có chỗ thì thêm vào. Phàm những chữ khó nhận dạng trong tiếng

địa phương, Quang đều đổi thành những chữ dễ đọc. Phần chương trình cũng đổi thành thực hành để mong đỡ tốn giấy. Phàm trước những câu hỏi đều thêm một chấm tròn đen, còn trước câu đáp thì thêm một chấm tròn trắng, sắp chữ từng hàng sít sao. Mở đầu câu hỏi, câu đáp đều tách thành từng dòng riêng.

Trước lời dẫn nhập, Quang và thầy Đức Sâm mỗi người đều viết một lời tựa, cuối sách đính kèm lời một vị lão nho ở Tần An tỉnh Cam Túc, [vị ấy] thoạt đầu báng Phật mắc quả báo, về sau học Phật liền soạn văn sám hối. Bài văn ấy được in kèm [vào sách này]. Ông ta xin Quang viết lời Bạt, tôi cũng cho đăng kèm lời Bạt ấy vào sau bài văn đó để làm chỗ chỉ quy cho người đọc sách. Đã giao qua Sở Huấn Luyện Nghề Nghiệp Cho Dân Lang Thang sắp chữ. Sắp chữ xong xuôi sẽ cho làm ba bốn bức Chỉ Bản, tính giao cho Đạo Đức Thư Cục một bức Chỉ Bản, thâu hồi bản lần trước về đốt đi. Xin hãy nói với Thư Cục điều này, ngõ hầu họ chẳng đến nỗi không bằng lòng.

Sách này lần đầu in trước hai vạn cuốn, sau đấy in tiếp, chắc sẽ đến mấy chục vạn cũng không chừng. Đợi in ra xong sẽ gởi cho ông mấy gói, đọc rồi sẽ biết dụng ý. Phàm in sách gì Quang đều chẳng dám sử dụng giấy phung phí. Hễ một bộ sách bớt được một trang thì mười vạn bộ sẽ bớt được mười vạn trang, giảm được chi phí khá nhiều. Hiện thời nhân dân khốn khổ, chúng ta tuy muốn lợi người cũng chẳng nên chỉ mong sao cho dễ coi, chẳng tính đến vật lực khó khăn vậy! Xin hãy sáng suốt suy xét.

Ấn Quang kính trình, viết một nửa vào ban ngày hôm Hai Mươi Mốt tháng Giêng, đến đêm viết tiếp.

4.4. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ tư)

Thưa ông Đức Minh! Mười mấy hôm trước, Tôn Hạc Niên đến đây, cầm theo các món thức ăn, tôi đều cho đại chúng cùng hưởng, còn hoa Sâm thì cho thầy Đức Sâm, bởi Quang một mực chẳng thích đa sự, món ấy dù cất hoặc dùng đều rất lôi thôi. Con người Hạc Niên khá thành thật, hiện đã cho ở tại Báo Quốc, đợi có vị thầy nào thích hợp, sẽ cho anh ta quy y thế độ. Chuyện này không thể gấp được! Quang cả đời thề chẳng thâu nhận đồ đệ, cần phải đợi có vị nào [thích hợp cho anh ta] bái sư thì mới cho anh ta xin thế độ với vị ấy. Thư này vốn phải nên trả lời ngay, nhưng do công việc dồn dập, mà mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ nên

chậm trễ đến nay. Hiện thời sắp in cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy, in xong sẽ dùng hết hai trăm bốn mươi đồng làm tiền gởi sách. Xin hãy sáng suốt suy xét.

Ấn Quang kính cẩn phúc đáp vào ngày Hai Mươi Tám tháng Hai.

4.5. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ năm)

Thưa ông Đức Minh! Lệnh từ tuổi già hãy nên nói với quyến thuộc về lợi ích trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do lau chùi thân thể, thay áo, khóc lóc trước khi cụ mất, khiến cho bọn họ luyện tập nhuần nhuyễn, hiểu rõ lợi - hại. Nếu đến khi lâm chung, chắc chắn cụ sẽ vãng sanh Tây Phương. Nếu chẳng luyện tập và chẳng nói lợi - hại thì mười người hết chín kẻ bị quyến thuộc vì lòng hiếu mà phá hoại [chánh niệm] khiến cho người ấy vẫn phải bị sanh tử trong lục đạo luân hồi. Hãy đọc kỹ Sức Chung Tân Lương sẽ tự biết.

Pháp danh của bảy người đều đã ghi ra, gởi cho mỗi người ba gói sách như Ngũ Kinh, Thập Yếu v.v…để giúp tu trì. Đứa hậu sinh lần trước đã tới đây thì trong tuần đầu của tháng nhuận đã có vị tăng từ chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai đến đem nó đi rồi. Nó sẽ được vị Trụ Trì thâu làm đệ tử hoặc do người khác thâu nhận đều được. Do Trụ Trì chùa Quốc Thanh cũng là Trụ Trì chùa Linh Nham ở Tô Châu, tôi biết rõ là người như thế nào nên bảo dẫn đi. Xin đừng lo!

Không lâu nữa sẽ gởi sách Kỹ Lộ Chỉ Quy đến, lại còn có Tịnh Độ Ngũ Kinh không lâu nữa cũng sẽ gởi tới. Ước chừng tháng Sáu, tháng Bảy sẽ có thể gởi sách Vật Do Như Thử tới. Còn sách của huyện Cử bèn giao về cho họ, xin hãy sáng suốt soi xét.

Ấn Quang kính cẩn trả lời vào ngày mồng Ba tháng Tư.

Đã cho làm năm bức Chỉ Bản của sách Kỹ Lộ Chỉ Quy, một bản gởi cho Đạo Đức Thư Cục ở Thượng Hải, một bản giao sang Bắc Bình Khắc Kinh Viện. Sách Vật Do Như Thử cũng làm như thế. Hiện thời đã cho sắp chữ, đổi thành cỡ chữ Tam Hiệu Tự để người già dễ đọc, cũng tính in ba vạn bản.

4.6. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ sáu)

Thưa ông Đức Minh! Chuyện thế gian muốn làm cho không phạm lỗi thì đều phải tận hết một phen tâm lực, nếu chẳng chú tâm thì công ít, lỗi nhiều. Vào mùa Thu năm ngoái, Quang mới biết nỗi thảm của sữa độc giết chết trẻ con, vì thế đã nói tới trong dịp khai thị cho pháp hội

Tức Tai. Như sau khi người mẹ nổi nóng đùng đùng, phải sau một ngày, đợi cho tới khi độc tánh của sữa đã hết mới cho con bú được. Mùa Xuân năm nay nghe nói người chết lẫn người bệnh nhiều lắm, do vậy soạn một tờ thông báo rộng rãi về chuyện sữa độc giết trẻ, khuyên ba ngày sau khi nóng giận mới cho bú.

Thư ấy được in ra gởi cho một đệ tử ở Nam Kinh, ông ta đem thư ấy kể với vợ. Vợ ông ta vốn là người Tây Dương, bảo: "Đấy gọi là Sữa Bị Nung Nóng Vì Lửa Giận. Hễ nóng giận, phải đợi tâm bình khí hòa. Nếu không, lòng ôm mối hận, sữa khó thể chuyển thành tốt được! Nửa ngày sau khi đã bình tâm rồi mới có thể cho bú. Lúc cho bú, trước hết phải nặn sữa ra độ nửa chén trà đổ đi, rồi mới cho trẻ bú thì sẽ không bị họa hoạn gì. Nếu để sau ba ngày, vú sẽ bị căng nhức, đâm ra chẳng tốt đẹp gì!" Vì thế, cho thay đổi Chỉ Bản để in lần thứ hai ba vạn cuốn [Ấn Quang Văn Sao Tục Biên] sẽ không bị sai.

Lại nói: *"Khi có kinh nguyệt cũng chớ nên nóng giận; hễ nóng giận sẽ bặt kinh"*. Vì thế, phụ nữ chưa lấy chồng cũng có người bị kinh nguyệt không điều hòa, trộm cho rằng là vì chuyện này! Đối với giáo dục trong gia đình và nước nhà nhân dân [chuyện này] đều có quan hệ, bởi lẽ phụ nữ từ nhỏ phải nên tập thành tánh nhu hòa thì sẽ không bị họa hoạn "kinh nguyệt chẳng điều hòa và nóng giận đùng đùng đến nỗi con bị chết, nóng giận nho nhỏ khiến con bệnh tật". Tánh đã nhu hòa thì sẽ không khẩu thiệt, thị phi, gia đình êm ấm, hòa thuận. Xin hãy đem ý này nói với hết thảy mọi người. Tất cả khai thị trong pháp hội Tức Tai và tờ thông cáo rộng khắp về chuyện sữa độc giết chết trẻ thơ đều phê rõ cao lên một dòng, phía dưới thì bôi bỏ chữ "sau ba ngày" để tránh hậu hoạn.

Thư ông và ba mươi ba đồng đều nhận được. Pháp danh của mười bảy người [xin quy y] được viết trong một tờ giấy khác. Kể từ khi nhà Nho đả phá, bài xích nhân quả, những kẻ cuồng ngu trong cõi đời đều được dịp phô phang lớn lao chí họ. Những kẻ mù quáng bịa đặt đồn thổi, lập ra một giáo môn dẫn dụ kẻ vô tri theo tà đảng của bọn chúng, lại còn giữ bí mật chẳng tiết lộ chút nào! Do vậy đến nỗi người trong cả nước quá nửa theo vào đường tà. Những kẻ phạm đại vọng ngữ chưa đắc nói đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, không kiêng sợ, đều do Tống Nho đả phá nhân quả luân hồi khiến cho bọn chúng càng to gan gây nghiệp!

Nay gởi cho ông hai mươi bộ Văn Sao, tức mười gói, ba gói Gia Ngôn Lục, hai gói Liễu Phàm Tứ Huấn, những kẻ quy y ai đọc được thì tặng, chẳng xem được thì không cần phải tặng, hãy tặng cho người có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Xin hãy sáng suốt suy xét.

Ấn Quang kính cẩn trả lời vào ngày Hai Mươi Bảy tháng Năm.

4.7. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ bảy)

"Thanh Văn bị hôn ám khi cách ấm, Bồ Tát mê khi ra khỏi thai". Đấy là nói về những vị thuộc Sơ, Nhị, Tam Quả chưa đoạn sạch Tư Hoặc. A La Hán đã đoạn sạch Tư Hoặc sẽ không có chuyện này. Chữ Bồ Tát [trong câu trên đây] cũng chỉ cho những vị Bồ Tát chưa đoạn sạch Tư Hoặc, chứ hễ hết sạch Tư Hoặc sẽ không bị mê.

Vãng sanh Tây Phương Tư Hoặc đã đoạn, nương theo nguyện tái lai, hoặc hóa hiện, hoặc nhập thai, đều tùy cơ thị hiện. Khi nhập thai, thị hiện giống như người thường, trước hết cũng cần phải hiện tướng mê, chứ thật sự chẳng có mê tình. Giống như diễn tuồng, khổ - sướng, buồn - vui, cố nhiên phải diễn cho thật giống; nhưng trong tâm hoàn toàn không có những tình niệm thật sự. Do ông không biết địa vị của Thanh Văn, Bồ Tát nên mới coi họ giống như kẻ đoạn Hoặc thì lầm to quá rồi! Bồ Tát có nhiều loại; nói chung lấy kẻ chưa đoạn sạch Tư Hoặc làm chuẩn, chớ nên lẫn lộn mà bảo "tất cả đều là hôn mê". Xin hãy đọc những thư đã gởi tới trước đây.

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên hết
(Trọn Bộ)

(Dịch xong cảo bản ngày 28 tháng 12 năm 2008, giảo chánh lần thứ nhất ngày 03 tháng 02 năm 2009)

Thay Lời Kết & Hồi Hướng

Khi liều lĩnh khởi dịch bộ Ấn Quang Tăng Quảng Văn Sao vào giữa năm 2005 cho đến khi hoàn tất cảo bản cho bộ Văn Sao Tam Biên này vào cuối năm 2008, chúng con không hề có hy vọng sẽ chuyển ngữ trọn vẹn ba bộ Tăng Quảng, Tục Biên, và Tam Biên, chỉ tâm niệm cố gắng hết sức mình, làm đến đâu hay đến đó. Chúng con xin đối trước các liên hữu sám hối vì đã chẳng tự lượng chính mình căn tánh kém hèn, kiến thức rỗng tuếch, ngoại điển lẫn nội điển đều hiểu lơ mơ, hời hợt, thiếu hẳn sự tu trì chân thật, nghiêm túc, cung kính, làm sao lãnh hội được những điều vi diệu, sâu xa trong lời dạy của bậc Đại Sĩ thừa nguyện tái lai? Chỉ vì ý niệm tham pháp, nhất là với tham vọng được chia sẻ với các liên hữu bộ sách quý Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, chúng con đã nuốt mật gấu làm chuyện quá sức này, trong lòng chúng con luôn áy náy, lo sợ rằng: Do chính mình tâm thức tối tăm, vô giới, vô hạnh, nghiệp chướng nặng nề, thay vì chuyển đạt phần nào những lời dạy quý báu của Ấn Quang đại sư đến với các hành nhân, chúng con lại vô tình xuyên tạc pháp báu, biến thuốc A Già Đà thành độc dược.

Chúng con muôn vàn cảm kích vì trong suốt quá trình chuyển ngữ, Thượng Tọa bổn sư Thích Giải Thắng (trụ trì chùa Bửu Quang, quận 7, Sài Gòn), đại đức Minh Tuệ (chùa Tịnh Luật, TX), ni sư Đàm Nhật và ni chúng chùa Đức Viên (California), vợ chồng đạo hữu Diệu Âm (Cao Trần, Tịnh Tông Học Hội Dallas, TX), vợ chồng đạo huynh Đức Phong (Tịnh Tông Học Hội Los Angeles, CA), cô Phan Thị Hồng Hoa (Tịnh Tông Học Hội Houston, TX), cô Giác Đạo (Quyên Nguyễn, Tịnh Tông Học Hội Houston), đạo hữu Tâm Minh (chùa Đức Viên), ban ấn tống, giảo duyệt kinh sách chùa Đức Viên, chùa Hoằng Pháp… đã chẳng vì chúng con hèn tệ mà chê bỏ, luôn từ ái hoan hỷ ban bố những lời sách tấn, khích lệ, tán trợ khiến cho chúng con có đủ nghị lực đi tới đích.

Chúng con càng không biết dùng những lời lẽ nào để cảm tạ ba vị đạo hữu Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ đã tự nguyện luôn sát cánh kiên nhẫn, miệt mài sửa chữa, giảo chánh bản dịch, đóng góp những ý kiến quý báu. Tuy đã tận hết sức cố gắng, nhưng do nghiệp sâu, trí cạn, bản dịch này không thể nào tránh khỏi những sai lầm ấu trĩ khó thể tha thứ, chỉ mong sau này sẽ có những vị thiện tri thức rủ lòng từ bi sửa sai, hoặc dịch lại một bản hoàn toàn mới để tất cả những hành nhân Tịnh nghiệp đều được lợi lạc rộng khắp bởi pháp nhũ của tổ Ấn Quang.

Nếu việc làm liều lĩnh này có chút phước báo, công đức nào, đều xin hồi hướng cho song thân, lịch đại phụ mẫu, tổ tiên, thân quyến, bổn sư Thích Giải Thắng, các vị sư trưởng, chư vị pháp sư, các liên hữu Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ, Đức Phong, cũng như các vị liên hữu thuộc Linh Nham Sơn Tự, Quảng Hóa Tự, Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội, Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường, Tịnh Tông Học Hội Dallas, Tịnh Tông Học Hội Los Angeles, Tịnh Tông Houston, Tịnh Tông Úc Châu, Hoằng Pháp Tự, Đức Viên Tự, Bửu Quang Tự, các vị thiện tri thức, các vị đạo hữu xa gần, tứ chúng đồng tu Tịnh nghiệp, cừu gia oán đối, hết thảy chúng sanh đều cùng được hội ngộ nơi thế giới thanh lương của đức Di Đà từ phụ.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu sám hối, kính cẩn giãi bày vào ngày 29 tháng 12 năm 2008